SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH AN GIANG
VIỆN NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG KHOA HỌC TÂM LÝ GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC

HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

"Đổi mới công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2026–2030 đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực tỉnh An Giang"



ĐẶC KHU PHÚ QUỐC, THÁNG 11 NĂM 2026

THÔNG TIN HỘI THẢO

Tên hội thảo:	Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"
Chủ đề:	Đổi mới công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2026–2030 đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực tỉnh An Giang
Đơn vị chủ trì:	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang đồng chủ trì với Viện Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Tâm lý Giáo dục Phương Nam
Đơn vị đầu mối:	Phòng Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo
Thời gian:	08 giờ 00, ngày 13 tháng 11 năm 2026
Địa điểm:	Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang
Hình thức:	Trực tiếp kết hợp trực tuyến khi cần thiết
Căn cứ tổ chức:	Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang; Thông báo số 8240/TB-BTC ngày 29/10/2026 của Ban Tổ chức Hội thảo; Quyết định số 2908/QĐ-SGDĐT ngày 09/11/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập Hội thảo

Kỷ yếu tập hợp 69 bài báo cáo, tham luận gửi đến Ban Tổ chức Hội thảo, đã được biên tập về hình thức trình bày, chính tả, cấu trúc và chuẩn hóa trích dẫn, tài liệu tham khảo. Quan điểm, số liệu và nội dung khoa học của từng bài thuộc trách nhiệm của tác giả, không nhất thiết phản ánh quan điểm của Ban Tổ chức.

Hướng dẫn sử dụng bản điện tử: bấm vào tên bài trong Mục lục hoặc trong trang mở đầu mỗi Phần để chuyển nhanh đến bài viết; bấm "▲ Mục lục" ở chân trang để quay lại Mục lục; dùng thanh dấu trang (bookmarks) của trình đọc PDF để duyệt theo Phần và theo bài; địa chỉ email và đường dẫn trong bài đều bấm được.

BAN CHỈ ĐẠO VÀ BAN BIÊN TẬP

(Theo Quyết định số 2908/QĐ-SGDĐT ngày 09/11/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang)

BAN CHỈ ĐẠO

Ông Trần Quang Bảo	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang
Ông Nguyễn Minh Đăng Khôi	Viện trưởng Viện Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Tâm lý Giáo dục Phương Nam

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban	**TS. Nguyễn Việt Hùng**	Viện Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Tâm lý Giáo dục Phương Nam
Phó Trưởng ban	**TS. Giáp Bình Nga**	Viện Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Tâm lý Giáo dục Phương Nam
Thành viên	**Ông Trần Văn Len**	Trưởng phòng Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo
	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Phó Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo
	Bà Đinh Thị Hồng Nhung	Viện Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Tâm lý Giáo dục Phương Nam

Nhiệm vụ. *Ban Chỉ đạo* chỉ đạo, định hướng nội dung và chất lượng các bài tham luận; cho ý kiến về việc lựa chọn các bài tham luận có giá trị thực tiễn để biên tập, phát hành kỷ yếu điện tử. *Ban Biên tập* tham mưu Ban Chỉ đạo tổ chức tiếp nhận, đánh giá, tuyển chọn và biên tập các bài tham luận; hoàn thiện nội dung kỷ yếu điện tử bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, phù hợp với mục tiêu Hội thảo.

LỜI GIỚI THIỆU

Hướng nghiệp và phân luồng học sinh là khâu then chốt nối giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động, góp phần trực tiếp vào việc phát triển nguồn nhân lực của địa phương. Sau giai đoạn thực hiện Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025" theo Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, và trước yêu cầu mới của Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục, việc nhìn lại thực trạng, chia sẻ cách làm hiệu quả và đề xuất giải pháp cho giai đoạn tiếp theo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Thực hiện Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang phối hợp với Viện Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Tâm lý Giáo dục Phương Nam tổ chức Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang" với chủ đề "Đổi mới công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2026–2030 đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực tỉnh An Giang". Hội thảo nhằm đánh giá thực trạng, làm rõ kết quả, hạn chế và nguyên nhân; trao đổi mô hình, cách làm hiệu quả; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; từ đó đề xuất mục tiêu, giải pháp cho giai đoạn 2026–2030.

Ban Tổ chức đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của các cơ sở giáo dục phổ thông, các trường cao đẳng, trung cấp, Trường Đại học An Giang, Ủy ban nhân dân và Phòng Văn hóa – Xã hội các xã, cùng các nhà nghiên cứu. Kỷ yếu này tập hợp 69 bài báo cáo, tham luận, được sắp xếp thành sáu phần: phần đầu gồm các báo cáo được trình bày trực tiếp tại Hội thảo; năm phần tiếp theo tương ứng với các nội dung trọng tâm của Kế hoạch Hội thảo:

- **Phần I** – Các báo cáo trình bày tại Hội thảo;
- **Phần II** – Đánh giá thực trạng công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh;
- **Phần III** – Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục hướng nghiệp;
- **Phần IV** – Gắn hướng nghiệp, phân luồng với nhu cầu nhân lực của tỉnh;
- **Phần V** – Tăng cường liên kết nhà trường – gia đình – cơ sở giáo dục nghề nghiệp – doanh nghiệp;
- **Phần VI** – Đề xuất mục tiêu và giải pháp giai đoạn 2026–2030.

Các bài viết phản ánh sinh động thực tiễn của từng địa phương, từng nhà trường: từ số liệu khảo sát quy mô lớn, kinh nghiệm tổ chức hoạt động trải nghiệm, tích hợp hướng nghiệp trong môn học, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong tư vấn, đến các mô hình liên kết với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và vai trò của cha mẹ học sinh, chính quyền cơ sở. Trong quá trình biên tập, Ban Biên tập đã thống nhất hình thức trình bày, chuẩn hóa thuật ngữ, cách trích dẫn và bổ sung nguồn tài liệu tham khảo cho các văn bản, công trình được nhắc tới, đồng thời tôn trọng tối đa nội dung và văn phong của tác giả.

Ban Tổ chức trân trọng cảm ơn các tác giả, các cơ quan, đơn vị đã tham gia viết bài, và mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc để công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trên địa bàn tỉnh An Giang ngày càng đạt hiệu quả thực chất.

MỤC LỤC

Phát biểu khai mạc Hội thảo -- Giám đốc Sở GDĐT Trần Quang Bảo 1

Phần I. CÁC BÁO CÁO TRÌNH BÀY TẠI HỘI THẢO 4

1. **VAI TRÒ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**
   Cao Quốc Điện 5
2. **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THẠNH ĐÔNG, TỈNH AN GIANG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030**
   Dương Quang Đáng 13
3. **GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**
   Nguyễn Minh Quân 22
4. **NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**
   Lê Trung Tín 29
5. **CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**
   Lưu Hoàng Hiếu 34
6. **CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA DOANH NGHIỆP VỚI NGÀNH GIÁO DỤC TRONG TIẾP NHẬN HỌC SINH, SINH VIÊN ĐẾN THỰC HÀNH, THỰC TẬP TẠI DOANH NGHIỆP**
   Học viện Du lịch Mặt Trời (Sun Tourism Academy – STA) 41
7. **PHỐI HỢP GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NGÀNH GIÁO DỤC TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, HỌC TẬP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO HỌC SINH, SINH VIÊN SAU KHI RA TRƯỜNG**
   Nguyễn Ngọc Được 47
8. **THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG VÀ TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP**
   Nguyễn Minh Đăng Khôi, Giáp Bình Nga 53

Phần II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH 63

9. **GÓC NHÌN CỦA GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ HƯỚNG NGHIỆP PHÂN LUỒNG TẠI TỈNH AN GIANG**
   Đinh Thị Hồng Nhung 65

10. **GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG TỈNH AN GIANG: GÓC NHÌN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ**
Nguyễn Minh Đăng Khôi 74

11. **GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG: GÓC NHÌN CỦA GIÁO VIÊN**
Giáp Bình Nga 83

12. **NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2026–2027 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ÓC EO**
Ủy ban nhân dân xã Óc Eo 92

13. **CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026–2030**
Nguyễn Trung Nhân 98

14. **HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG VÀ THỰC TIỄN TẠI XÃ BÌNH SƠN**
Phạm Quang Hợp 103

15. **NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG CHO HỌC SINH LỚP 9 TẠI ĐẶC KHU PHÚ QUỐC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC GIAI ĐOẠN 2026–2030**
Phan Thị Quỳnh Như, Hoàng Thị Cảnh, Lê Thị Hải Yến 111

16. **THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI XÃ BÌNH HÒA, TỈNH AN GIANG**
Trần Phước Thạnh 119

Phần III. ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP 127

17. **TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CÔNG NGHỆ SỐ TRONG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP: TỪ THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG, RỦI RO PHÁP LÝ ĐẾN ĐẠO ĐỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
Trịnh Ngọc Giang 131

18. **PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MÔN TIN HỌC TRONG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TIN HỌC**
Dương Thị Xuân 146

19. **CHUYỂN HÓA HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THÀNH MÔI TRƯỜNG TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 1**
Thái Hoàng Tân, Trần Văn Kỹ 153

20. **TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**
Trần Thị Lệ 159

21. **GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA CÁC MÔN HỌC**
Nguyễn Văn Hiệp 164

22. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TƯ VẤN, HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH THPT Ở VÙNG NÔNG THÔN, VÙNG KHÓ KHĂN
Đàm Thanh Lạc **169**

23. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT GÒ QUAO
Quách Quốc Cần **178**

24. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH THPT – TỪ THỰC TIỄN ĐẾN GIẢI PHÁP TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM, TỈNH AN GIANG
Huỳnh Vinh Huy **186**

25. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP GẮN VỚI CÁ NHÂN HÓA LỘ TRÌNH HỌC TẬP – KINH NGHIỆM TỔ CHỨC SONG SONG LỚP HỌC TRUYỀN THỐNG VÀ LỚP HỌC THEO MÔN TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN HÙNG SƠN
Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn **194**

26. ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030: TỪ KHÔNG GIAN LỚP HỌC ĐẾN TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ
Trường THPT Nguyễn Thần Hiến **203**

27. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 2 GIAI ĐOẠN 2026–2030
Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 . . . . . **206**

28. NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TỪ THỰC TIỄN GIẢNG DẠY TẠI TRƯỜNG THPT THOẠI NGỌC HẦU, TỈNH AN GIANG
Nguyễn Thị Cẩm Tiên **212**

29. ỨNG DỤNG NỀN TẢNG SỐ VÀ TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ TRONG ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN THÀNH GIAI ĐOẠN 2026–2030
Võ Thị Ngọc Tuyền **220**

30. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
Nguyễn Thị Hồng Lệ **230**

31. PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG GIÁO DỤC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT CHÂU VĂN LIÊM
Trần Võ Trinh **239**

32. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU
Nguyễn Thanh Dung **246**

33. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HƯỚNG NGHIỆP QUA MÔN TIN HỌC TẠI TRƯỜNG THCS&THPT PHAN THỊ RÀNG
Tạ Thu Năm **252**

34. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH TRONG HỖ TRỢ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG: TIỀM NĂNG, GIỚI HẠN VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG
Lâm Trần Sơn Ngọc Thiên Chương, Trương Hoàng Hân **260**

35. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP
Đặng Quang Sáng **269**

36. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG THÔNG QUA MÔ HÌNH "HÀNH TRÌNH NGHỀ NGHIỆP CÁ NHÂN"
Trần Thị Thanh Liên **274**

37. TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN PHÂN LUỒNG TRONG NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG GIAI ĐOẠN 2026–2030
Nguyễn Thị Trúc Ly **279**

38. TỔ CHỨC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG THÔNG QUA MÔ HÌNH "KHÔNG GIAN HƯỚNG NGHIỆP SỐ"
Trần Thị Thu **284**

39. XÂY DỰNG MÔ HÌNH HƯỚNG NGHIỆP TOÀN DIỆN VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH HIỆU QUẢ THÔNG QUA HỆ SINH THÁI CÔNG NGHỆ SỐ KẾT HỢP TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG THCS&THPT BA HÒN GIAI ĐOẠN 2026–2030
Huỳnh Thanh Hoàng **291**

40. HỖ TRỢ HỌC SINH YẾU THẾ LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG TẠI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP
Nguyễn Ngọc Thắm **296**

41. NÂNG CAO HIỆU QUẢ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH THUẬN THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ GẮN KẾT NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH – XÃ HỘI
Thái Trường Giang **304**

42. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA CÁC MÔN HỌC
Nguyễn Vũ Minh **310**

43. XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI HƯỚNG NGHIỆP SỐ GẮN KẾT NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ DOANH NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC
Nguyễn Huỳnh Kim Thoa **316**

44. TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ: ĐỀ XUẤT TỪ THỰC TIỄN TRƯỜNG THCS AN HÒA, XÃ BÌNH HÒA, TỈNH AN GIANG
Nguyễn Thanh Phong **321**

45. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP NỀN TẢNG CHO HỌC SINH
Võ Phương Nga, Lại Thái Mạnh **331**

46. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO HƯỚNG CÁ NHÂN HÓA
Trần Phước Thạnh 338

47. NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG THCS VĨNH AN, TỈNH AN GIANG – ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030
Nguyễn Thị Anh Đào 347

48. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ
Nguyễn Thị Ngọc Điệp 355

49. ĐỔI MỚI TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH LỚP 8, LỚP 9 NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ
Đỗ Quốc Tuấn 361

50. "CÂY NGHỀ NGHIỆP THÔNG MINH" – ỨNG DỤNG STEM VÀ AI TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH LỚP 9 QUA MÔN CÔNG NGHỆ
Lê Trần Diễm Phương 368

51. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TẠI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030
Nguyễn Văn Hiệp 376

Phần IV. GẮN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG VỚI NHU CẦU NHÂN LỰC CỦA TỈNH 384

52. NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP "NÔNG NGHIỆP XANH" THÔNG QUA DẠY HỌC TÍCH HỢP CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT NGUYỄN HÙNG SƠN, TỈNH AN GIANG
Phan Thị Quỳnh Như, Nguyễn Gia Đẳng, Huỳnh Ngọc Phương Thảo 385

53. ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP GẮN VỚI ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030
Hồ Thuỷ Triều 398

54. MÔN CÔNG NGHỆ – "CỬA VÀO" KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT CHO HỌC SINH VÙNG NÔNG THÔN: KINH NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP QUA DẠY HỌC STEM, KHỞI NGHIỆP VÀ PHƯƠNG PHÁP "TỪ KHÓA TRỌNG TÂM" TẠI TRƯỜNG THPT BÌNH MỸ
Võ Thanh Hoà 405

55. CHÚ TRỌNG PHÁT TRIỂN TRUNG HỌC NGHỀ Ở AN GIANG – GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ, GẮN ĐÀO TẠO VỚI NHU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG
Lê Tấn Thời 414

Phần V. TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH – CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP – DOANH NGHIỆP 422

56. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ GẮN VỚI NHU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026–2030
Lâm Thu Quỳnh 424

57. VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GẮN VỚI XU HƯỚNG TRUNG HỌC NGHỀ GIAI ĐOẠN 2026–2030
Diệp Quốc Phục 432

58. VAI TRÒ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH THPT TẠI TỈNH AN GIANG
Nguyễn Thị Nhã Phương, Nguyễn Chí Thức, Đỗ Vương Quốc 440

59. PHÁT HUY HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP GẮN VỚI CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀ QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ AN GIANG
Nguyễn Ngọc Thiều 447

60. PHÁT HUY NGUỒN LỰC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI TỈNH AN GIANG
Quách Thị Hải Yến 454

61. VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG HƯỚNG NGHIỆP: GIẢI PHÁP PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH TRONG PHÂN LUỒNG, ĐỒNG HÀNH CÙNG HỌC SINH TRONG LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 1
Nguyễn Thanh Tùng, Trần Thị Kim Phụng 460

62. GIẢI PHÁP PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH TRONG PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT PHÚ QUỐC GIAI ĐOẠN 2026–2030
Nguyễn Ngọc Toàn 470

63. VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN "ĐỒNG HÀNH CÙNG HỌC SINH TRONG LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP" TẠI TRƯỜNG THCS&THPT HÒA HƯNG
Cao Hoàng Em 477

64. VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG CÔNG TÁC TƯ VẤN, HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Trần Thị Xuân Thùy 485

65. PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH, CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ DOANH NGHIỆP TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU THCS TẠI AN GIANG
Nguyễn Thị Yến 490

66. TỪ THẤU HIỂU ĐẾN ĐỒNG HÀNH: VAI TRÒ CỦA CHA MẸ TRONG HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ
Vũ Thị Thanh Nhàn 497

Phần VI. ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030 504

67. TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT VỌNG THÊ GẮN VỚI ĐIỀU KIỆN XÃ ÓC EO GIAI ĐOẠN 2026–2030
Võ Văn Rõ 505

68. ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC THEO NGUYÊN TẮC HỆ SINH THÁI VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
Trịnh Mộng Thu 512

69. GIẢI PHÁP HỌC THẬT, THI THẬT THÚC ĐẨY XÃ HỘI TỰ VẬN ĐỘNG PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC BỀN VỮNG
Nguyễn Văn Ký 518

Danh mục tác giả 524

BÀI PHÁT BIỂU KHAI MẠC HỘI THẢO

Về công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang

Trần Quang Bảo – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

Kính thưa quý vị đại biểu, quý vị khách quý!

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, các chuyên gia, nhà khoa học, đại diện các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp cùng toàn thể quý thầy giáo, cô giáo!

Hôm nay, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh An Giang tổ chức Hội thảo về công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh. Đây là dịp quan trọng để đánh giá thực trạng, nhận diện những khó khăn, hạn chế và điểm nghẽn; từ đó đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh, góp phần phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

Thay mặt lãnh đạo ngành GDĐT tỉnh An Giang, tôi nhiệt liệt chào mừng và trân trọng cảm ơn quý vị đại biểu đã tham dự Hội thảo. Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc Hội thảo đạt được nhiều kết quả thiết thực.

Trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh đổi mới giáo dục, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh có vai trò hết sức quan trọng. Đây không chỉ là nhiệm vụ của ngành GDĐT mà còn là trách nhiệm phối hợp của gia đình, nhà trường, xã hội, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các cấp, các ngành.

Trước khi có Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục, công tác này trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định như: phân luồng học sinh THCS vào lớp 10 đạt tỉ lệ 70% theo kế hoạch đề ra; công tác hướng nghiệp được các nhà trường quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, cơ bản đạt 87,6% so với yêu cầu; tỉ lệ học sinh THCS được phân luồng học GDNN&GDTX đạt gần 82% của tỉ lệ phân luồng. Song song với kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau: công tác hướng nghiệp tại một số cơ sở giáo dục còn nặng về cung cấp thông tin, chưa gắn chặt với trải nghiệm thực tế; nhận thức của một bộ phận cha mẹ học sinh và học sinh về giáo dục nghề nghiệp chưa đầy đủ; công tác liên kết giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp còn rời rạc, chỉ đạt 38,6%; công tác bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên dạy giáo dục nghề nghiệp cho học sinh chưa sát và chưa gắn kết với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp và xã hội, mới đạt 64,8%; công tác phân luồng học sinh THCS và THPT còn nặng về tỉ lệ theo kế hoạch, chưa theo nhu cầu của người học (91,4% học sinh lớp 9 muốn vào THPT, 8,6% chọn GDTX kết hợp học nghề, trung cấp nghề; 80,4% học sinh lớp 12 muốn học đại học, 7,3% chọn cao đẳng, 13,3% chọn trung cấp); học sinh chưa tham gia hoạt động hướng nghiệp chiếm tới 62,5%; kinh phí thực hiện cho hoạt động hướng nghiệp – phân luồng chưa bảo đảm, chỉ đạt 66,8%.

Từ khi có Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT, chúng ta cần quán triệt đầy đủ tinh thần Thông tư và cần nhận thức đầy đủ rằng hướng nghiệp, phân luồng không phải là hạn chế cơ hội học tập của học sinh, mà là tạo điều kiện để các em tự lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng, điều kiện gia đình và nhu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu không chỉ là đạt tỉ lệ phân luồng theo kế hoạch, mà quan trọng hơn là giúp học sinh hiểu mình, hiểu nghề, trải nghiệm nghề để lựa chọn đúng hướng đi, có cơ hội phát triển năng lực, tiếp tục học tập suốt đời và có việc làm bền vững. Vì vậy, hướng nghiệp cần được triển khai thường xuyên, có hệ thống, gắn với hoạt động giáo dục trong nhà trường, trải nghiệm thực tế và nhu cầu nhân lực của địa phương.

Có thể nói, thời gian qua, công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, tồn tại, hạn chế cũng còn khá nhiều. Những vấn đề trên cần được Hội thảo phân tích trên cơ sở số liệu thực tế, làm rõ nguyên nhân, từ đó xác định đúng điểm nghẽn và đề xuất giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

Để Hội thảo đạt hiệu quả thiết thực, tôi đề nghị các đại biểu tham luận tập trung làm rõ một số việc cốt lõi sau:

- Tổ chức hướng nghiệp thế nào để học sinh có thể tự đưa ra quyết định đúng và có căn cứ.
- Tổ chức hướng nghiệp cần cải cách như thế nào để học sinh thấy được, hình dung được nghề mình sẽ chọn sau này.
- Công tác bồi dưỡng và hỗ trợ đội ngũ dạy hướng nghiệp ra sao?
- Cần phối hợp thế nào giữa trường trung học, cơ sở GDNN, GDTX và doanh nghiệp để đạt hiệu quả cao nhất.
- Cơ quan quản lý nhà nước về GDĐT cần chỉ đạo gì để có đủ cơ sở học tập cho các em lựa chọn theo năng lực học tập của mình, điều kiện của gia đình và nhu cầu của thị trường lao động.
- Hỗ trợ thế nào để học sinh có thể theo học đến khi hoàn thành chương trình học.
- Phối hợp như thế nào giữa nguồn kinh phí của đơn vị và nguồn kinh phí xã hội hóa để đạt mục tiêu cho công tác này.
- Công tác phối hợp giữa Sở GDĐT với UBND cấp xã trong chỉ đạo công tác hướng nghiệp và phân luồng như thế nào để đạt kết quả và hiệu quả cao nhất.

Tôi mong muốn tại Hội thảo hôm nay, các đơn vị lựa chọn một vấn đề trọng tâm, nêu bằng chứng, đề xuất cách làm và chỉ rõ đơn vị có thể chủ trì, nguồn lực cần thiết, thời gian thực hiện cùng kết quả dự kiến. Những cách làm đã triển khai thành công cần chia sẻ cả điều kiện thuận lợi và khó khăn để các trường khác có thể vận dụng.

Sau Hội thảo, đề nghị Ban Tổ chức tổng hợp thành các đề xuất phục vụ xây dựng kế hoạch giai đoạn 2026–2030, trong đó ưu tiên chuẩn hóa dữ liệu và củng cố đội ngũ ở giai đoạn khởi đầu; lựa chọn mô hình để thí điểm, đánh giá trước khi mở rộng. Chúng ta cần thống nhất được những việc có thể làm ngay, những nội dung cần phối hợp và những kiến nghị phải báo cáo cấp có thẩm quyền, kèm trách nhiệm và thời hạn cụ thể.

Với tinh thần trao đổi thẳng thắn và tôn trọng thực tiễn, tôi tin tưởng Hội thảo sẽ giúp chúng ta lựa chọn được các giải pháp khả thi, tạo thêm cơ hội học tập và nghề nghiệp phù hợp cho học sinh An Giang.

Với tinh thần trên, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội thảo về hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 tỉnh An Giang. Kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

TRẦN QUANG BẢO

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

PHẦN I
CÁC BÁO CÁO TRÌNH BÀY TẠI HỘI THẢO

Các báo cáo của lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, chính quyền cơ sở, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường phổ thông, doanh nghiệp và đơn vị nghiên cứu được trình bày trực tiếp tại Hội thảo ngày 13/11/2026.

CÁC BÀI THAM LUẬN TRONG PHẦN NÀY

1. VAI TRÒ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG — 5
Cao Quốc Điện

2. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THẠNH ĐÔNG, TỈNH AN GIANG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030 — 13
Dương Quang Đáng

3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP — 22
Nguyễn Minh Quân

4. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG — 29
Lê Trung Tín

5. CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ — 34
Lưu Hoàng Hiếu

6. CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA DOANH NGHIỆP VỚI NGÀNH GIÁO DỤC TRONG TIẾP NHẬN HỌC SINH, SINH VIÊN ĐẾN THỰC HÀNH, THỰC TẬP TẠI DOANH NGHIỆP — 41
Học viện Du lịch Mặt Trời (Sun Tourism Academy – STA)

7. PHỐI HỢP GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NGÀNH GIÁO DỤC TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, HỌC TẬP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO HỌC SINH, SINH VIÊN SAU KHI RA TRƯỜNG — 47
Nguyễn Ngọc Được

8. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG VÀ TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP — 53
Nguyễn Minh Đăng Khôi, Giáp Bình Nga

VAI TRÒ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Cao Quốc Điện

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

Tóm tắt: *Báo cáo trình bày vai trò của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang trong giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh và phát triển giáo dục nghề nghiệp: tham mưu cơ chế, chính sách; chỉ đạo đổi mới hướng nghiệp trong trường trung học; chỉ đạo phân luồng gắn với liên thông; nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với thị trường lao động. Năm học 2026–2027, trong 47.558 học sinh sau THCS có 76,69% vào THPT và 16,45% học trung cấp kết hợp chương trình GDTX cấp THPT. Báo cáo chỉ ra các hạn chế về nhận thức, sự phối hợp giữa nhà trường – cơ sở đào tạo – doanh nghiệp, điều kiện đào tạo và sắp xếp mạng lưới; từ đó đề xuất chín nhóm giải pháp giai đoạn 2026–2030, như chuyển các Trung tâm GDNN-GDTX thành trường trung học nghề, tuyển sinh khoảng 40.000 người/năm, nâng tỷ lệ người học có việc làm sau đào tạo lên 85% năm 2030.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; giáo dục nghề nghiệp; quản lý nhà nước về giáo dục; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [1], phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược. Giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh và giáo dục nghề nghiệp (GDNN) không chỉ là những nhiệm vụ riêng lẻ của ngành Giáo dục mà còn có mối quan hệ chặt chẽ, tạo thành một quá trình liên thông từ giáo dục phổ thông, GDNN đến thị trường lao động.

Đối với tỉnh An Giang, yêu cầu này càng có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh tỉnh đang triển khai các định hướng phát triển mới sau sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; đồng thời khai thác tiềm năng, lợi thế về kinh tế biển, nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, logistics và du lịch, dịch vụ. Đặc biệt, việc chuẩn bị các điều kiện phục vụ Hội nghị cấp cao APEC năm 2027 tại Phú Quốc đặt ra yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực, nhất là lao động có kỹ năng nghề, tác phong công nghiệp, khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại.

Hiện nay, toàn tỉnh có 103 trường gồm trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học cơ sở (THCS) – trung học phổ thông (THPT), trường THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở GDĐT); 120 trường gồm trường tiểu học – THCS và trường THCS trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) xã, phường, đặc khu. Giai đoạn năm 2026–2030, số lượng học sinh học THCS là 232.109 và học THPT là 104.278.

Toàn tỉnh có 05 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, 02 trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) và 12 trường cao đẳng,

trung cấp tư thục, dân lập ngoài tỉnh tham gia liên kết đào tạo các ngành/nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và thường xuyên, hằng năm tuyển sinh trên 10.000 học sinh. Tính đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh tuyển sinh được 40.027 người (trong đó: cao đẳng là 3.758 sinh viên, trung cấp là 7.448 học sinh, sơ cấp và thường xuyên dưới 03 tháng là 28.821 học viên).

Từ thực tiễn đó, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang xác định giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh và phát triển GDNN là nhiệm vụ trọng tâm, có tính liên kết xuyên suốt; trong đó, vai trò chỉ đạo, điều phối và tổ chức thực hiện của ngành Giáo dục và Đào tạo có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả của toàn bộ quá trình. Báo cáo này trình bày vai trò của ngành Giáo dục và Đào tạo trong công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển GDNN trên địa bàn tỉnh An Giang, kết quả triển khai, những vấn đề đặt ra và các định hướng, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới.

2. VAI TRÒ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

2.1. Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách và định hướng phát triển thống nhất

Sở GDĐT chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 191/KH-UBND cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển GDNN; xây dựng chương trình, kế hoạch, xác định mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo gắn với nhu cầu nhân lực và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Đồng thời, Sở chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cơ chế phối hợp, phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm [2], Nghị định số 308/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp [3]. Trong đó, Sở Nội vụ phối hợp về thông tin, dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động; các sở, ngành quản lý lĩnh vực kinh tế phối hợp xác định nhu cầu lao động theo ngành, lĩnh vực; UBND cấp xã rà soát nhu cầu học nghề, tuyên truyền, vận động người dân tham gia học nghề; các cơ sở giáo dục tổ chức hướng nghiệp, tuyển sinh, đào tạo; doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo thực hành và tuyển dụng lao động. Qua đó, bảo đảm sự liên kết đồng bộ giữa hướng nghiệp, phân luồng, đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

2.2. Chỉ đạo đổi mới công tác giáo dục hướng nghiệp trong các cơ sở giáo dục trung học

Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện giáo dục hướng nghiệp thường xuyên, phù hợp với từng cấp học [4], [5]; giúp học sinh nhận biết năng lực, sở trường, nguyện vọng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương.

Đổi mới hình thức hướng nghiệp thông qua tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp, tham quan doanh nghiệp, cơ sở GDNN; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cơ sở GDNN và doanh nghiệp trong tư vấn tuyển sinh, cung cấp thông tin ngành nghề và cơ hội việc làm. Đồng thời, nâng cao nhận thức của phụ huynh, học sinh về giá trị của học nghề và các lộ trình học tập sau THCS.

Kết quả thực hiện được đánh giá thông qua các chỉ tiêu: tỷ lệ trường phổ thông tổ chức giáo dục hướng nghiệp; tỷ lệ học sinh được tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp; tỷ lệ học sinh sau THCS được tư vấn phân luồng và lựa chọn học GDNN; kết quả tuyển sinh GDNN so với kế hoạch.

2.3. Chỉ đạo thực hiện phân luồng học sinh gắn với liên thông giữa các trình độ đào tạo

Sở GDĐT chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch phân luồng phù hợp với từng địa bàn, bảo đảm dựa trên năng lực, nguyện vọng, điều kiện của người học và nhu cầu nhân lực của xã hội; không áp đặt hoặc chạy theo chỉ tiêu giảm tỷ lệ học sinh vào THPT.

Tăng cường phối hợp giữa trường THCS, THPT, cơ sở GDTX, cơ sở GDNN và doanh nghiệp trong tư vấn, tuyển sinh, định hướng lộ trình học tập; tạo điều kiện để học sinh sau THCS lựa chọn học THPT, học trung cấp kết hợp học văn hóa hoặc các chương trình phù hợp, đồng thời bảo đảm cơ hội học liên thông lên trình độ cao hơn theo quy định.

Kết quả thực hiện được đánh giá thông qua các chỉ tiêu: tỷ lệ học sinh sau THCS được phân luồng; tỷ lệ học sinh lựa chọn học GDNN; tỷ lệ tuyển sinh vào trung cấp kết hợp học Chương trình GDTX cấp THPT; tỷ lệ người học tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau tốt nghiệp.

2.4. Chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động

Sở GDĐT thực hiện vai trò quản lý nhà nước, hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, bảo đảm chất lượng và liên kết đào tạo trong GDNN theo thẩm quyền.

Sở chỉ đạo các cơ sở GDNN đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo theo hướng tăng cường thực hành, phát triển kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, ngoại ngữ và tác phong công nghiệp; đẩy mạnh phối hợp với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức thực tập và tuyển dụng. Ưu tiên đào tạo các ngành, nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh như kinh tế biển, thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, cơ khí, điện – điện tử, logistics, du lịch và dịch vụ.

Phấn đấu tuyển sinh, đào tạo khoảng 40.000 người/năm; từng bước chuyển dịch cơ cấu đào tạo theo hướng tăng quy mô, tỷ trọng người học trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề và sơ cấp, giảm dần tỷ trọng đào tạo dưới 03 tháng; chú trọng nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2026 đạt 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 20,77% và 35% năm 2030; tỷ lệ người học có việc làm sau đào tạo đạt 80% năm 2026 và 85% năm 2030. Đồng thời, tăng cường theo dõi tỷ lệ tốt nghiệp, việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo và mức độ hài lòng của doanh nghiệp.

3. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Kết quả bước đầu về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng

Thời gian qua, công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trên địa bàn tỉnh được quan tâm triển khai thông qua việc lồng ghép nội dung hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông; tổ chức tư vấn tuyển sinh, giới thiệu ngành, nghề đào tạo; đồng thời tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục phổ thông với cơ sở GDNN và GDTX nhằm cung cấp thông tin, định hướng lựa chọn lộ trình học tập phù hợp với năng lực, nguyện vọng của học sinh và nhu cầu nhân lực của địa phương.

Theo số liệu năm học 2026–2027, toàn tỉnh có 47.558 học sinh sau THCS; trong đó, 36.473 học sinh vào học THPT, chiếm 76,69%; 7.823 học sinh học trung cấp kết hợp chương trình GDTX cấp THPT, chiếm 16,45%. Số học sinh còn lại là 3.262 em, chiếm 6,86%, thuộc các hướng học

tập khác.

Năm 2026, trong lĩnh vực GDNN, công tác tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tiếp tục được duy trì, với tổng số 11.581 người, trong đó có 3.758 người trình độ cao đẳng và 7.823 người trình độ trung cấp. Kết quả này góp phần mở rộng cơ hội học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đồng thời bổ sung nguồn nhân lực có trình độ cho thị trường lao động của tỉnh.

Nhìn chung, học sinh sau THCS ngày càng có thêm lựa chọn về lộ trình học tập, trong đó xu hướng học trung cấp kết hợp chương trình GDTX cấp THPT góp phần thực hiện mục tiêu phân luồng. Tuy nhiên, công tác hướng nghiệp, phân luồng vẫn còn một số hạn chế; việc tư vấn ở một số địa phương, cơ sở giáo dục chưa thực sự sâu sát, chưa gắn kết chặt chẽ với năng lực, nguyện vọng của học sinh, nhu cầu nhân lực và cơ hội việc làm sau đào tạo. Đây là những vấn đề cần tiếp tục quan tâm khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng trong thời gian tới.

3.2. Công tác giáo dục nghề nghiệp và phối hợp cung ứng nguồn lao động

Thời gian qua, cơ cấu các ngành nghề đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang đã có sự chuyển dịch tích cực nhằm gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu của thị trường lao động, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển kinh tế – xã hội địa phương. Nhóm ngành phi nông nghiệp (chiếm tỷ trọng chủ đạo và có xu hướng tăng) chiếm khoảng **70%** trong định hướng và cơ cấu đào tạo giai đoạn mới (theo Kế hoạch số 191/KH-UBND của UBND tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030), tập trung vào các lĩnh vực: kỹ thuật, công nghiệp (may công nghiệp, giày da, cơ khí, xây dựng dân dụng), thương mại – dịch vụ, du lịch, logistics và công nghệ thông tin. Nhóm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn chiếm khoảng 30% cơ cấu đào tạo, chuyển dần từ phương thức canh tác truyền thống sang đào tạo kỹ thuật công nghệ cao, ứng dụng cơ giới hóa, nuôi trồng thủy sản bền vững (như mô hình nuôi lươn không bùn, chăn nuôi an toàn sinh học) và hình thành lực lượng "nông dân số".

Về công tác phối hợp cung ứng nguồn lao động: ngành thường xuyên phối hợp với Sở Nội vụ, các xã, phường, đặc khu nghiên cứu dự báo thị trường lao động, nhu cầu nguồn nhân lực. Đây là nhiệm vụ đóng vai trò then chốt trong việc gắn kết giữa đào tạo với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động và các doanh nghiệp. Các trường cao đẳng, trung cấp từng bước đào tạo theo nhu cầu thực tế, chuyển dịch sang đào tạo theo đơn đặt hàng, theo chuẩn đầu ra và nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp; học sinh, sinh viên có cơ hội tiếp cận công nghệ mới, thực hành trực tiếp tại doanh nghiệp, từ đó rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn sản xuất; các cơ sở GDNN đưa học sinh, sinh viên thực tập tại doanh nghiệp, từ đó tăng tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp thông qua các hợp đồng cam kết tuyển dụng giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

3.3. Kết quả phát triển mạng lưới và quy mô giáo dục nghề nghiệp

Hiện nay, mạng lưới cơ sở GDNN công lập trên địa bàn tỉnh có 19 cơ sở, gồm 05 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp và 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX). Việc sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN nhằm tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng hợp lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và cơ sở vật chất, tạo điều kiện tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng đào tạo. Nhìn chung, quy mô đào tạo nghề từng bước được duy trì và mở

rộng; tuy nhiên, trong giai đoạn tới, cần chuyển trọng tâm từ tăng số lượng tuyển sinh sang nâng cao chất lượng đào tạo, tỷ lệ hoàn thành khóa học, khả năng có việc làm sau tốt nghiệp và mức độ đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, qua đó góp phần phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

3.4. Những khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và GDNN trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

Thứ nhất, nhận thức của một bộ phận phụ huynh và học sinh về GDNN chưa đầy đủ; tâm lý coi trọng con đường học THPT, đại học vẫn còn phổ biến [6]. Hoạt động hướng nghiệp tại một số cơ sở giáo dục chưa phong phú, thiếu các hoạt động trải nghiệm thực tế và chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường lao động.

Thứ hai, sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDNN và doanh nghiệp chưa thường xuyên, đồng bộ. Thông tin về nhu cầu tuyển dụng, ngành nghề có triển vọng, xu hướng việc làm và kết quả việc làm sau đào tạo chưa được cập nhật, chia sẻ đầy đủ, ảnh hưởng đến chất lượng tư vấn hướng nghiệp và định hướng tuyển sinh.

Thứ ba, một số cơ sở GDNN còn khó khăn về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành; năng lực đào tạo ở một số ngành, nghề chưa đáp ứng kịp yêu cầu đổi mới công nghệ và chuyển đổi số. Chương trình, phương pháp đào tạo ở một số lĩnh vực còn chậm đổi mới, chưa theo sát yêu cầu về kỹ năng nghề của doanh nghiệp.

Thứ tư, việc sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở GDNN, GDTX trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp và phân định trách nhiệm quản lý giữa các cơ quan, đơn vị. Quá trình chuyển đổi cần được triển khai đồng bộ, bảo đảm hoạt động tuyển sinh, đào tạo và phục vụ người học liên tục, không bị gián đoạn.

4. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Tăng cường vai trò chỉ đạo thống nhất của ngành Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển GDNN giai đoạn 2026–2030; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDNN và GDTX xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ, gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của người đứng đầu.

4.2. Đổi mới thực chất công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông tăng cường hoạt động trải nghiệm, tư vấn nghề nghiệp, kết nối với cơ sở GDNN và doanh nghiệp; phấn đấu 100% trường phổ thông tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp, tư vấn lựa chọn lộ trình học tập phù hợp cho học sinh. Từng bước nâng cao tỷ lệ học sinh sau THCS lựa chọn học GDNN, chú trọng học sinh khu vực nông thôn, vùng biên giới và địa bàn khó khăn; bảo đảm phân luồng dựa trên năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh và nhu cầu nhân lực của địa phương.

4.3. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh lựa chọn Trường Cao đẳng Nghề An Giang để xây dựng thành trường cao đẳng trọng điểm thực hiện chức năng Trung tâm vùng; đồng thời xác định ưu tiên phát triển nhà trường thành cơ sở đào tạo các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của vùng và địa phương, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN; chuyển đổi 09 Trung tâm GDNN-GDTX thành trường trung học nghề năm 2027; hỗ trợ, khuyến khích mở, thành lập các trường trung học nghề ngoài công lập. Định hướng phát triển ngành nghề phù hợp lợi thế từng khu vực, tạo điều kiện cho học sinh sau THCS vừa học văn hóa, vừa học nghề, mở rộng cơ hội học tập và việc làm.

4.4. Đẩy mạnh đào tạo gắn với doanh nghiệp và nhu cầu sử dụng lao động

Chỉ đạo các cơ sở GDNN khảo sát nhu cầu nhân lực, đổi mới chương trình, tăng thời lượng thực hành và tổ chức đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Phấn đấu tuyển sinh, đào tạo khoảng 40.000 người mỗi năm trong giai đoạn 2026–2030; từng bước nâng tỷ trọng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề và sơ cấp, giảm dần tỷ trọng đào tạo dưới 03 tháng. Phấn đấu tỷ lệ người học có việc làm sau đào tạo đạt 80% năm 2026 và 85% năm 2030. Ưu tiên các ngành kinh tế biển, thủy sản, logistics, chế biến, du lịch, dịch vụ và các nghề phục vụ APEC 2027 tại Phú Quốc. Đồng thời, hướng nghiệp cho học sinh khối THPT lựa chọn các ngành đại học công nghệ, kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh.

4.5. Nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các nhóm đối tượng chính sách

Tổ chức đào tạo theo nhu cầu thực tế, gắn với điều kiện sản xuất, khả năng tạo việc làm và chuyển đổi sinh kế; phấn đấu năm 2026 đào tạo nghề cho khoảng 21.000 lao động nông thôn, đồng thời tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo trong giai đoạn 2026–2030 theo kế hoạch được phê duyệt. Ưu tiên người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và người lao động thuộc diện chính sách theo quy định; quan tâm tư vấn việc làm, kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã và hỗ trợ người lao động tự tạo việc làm sau đào tạo.

4.6. Phát triển đội ngũ, cơ sở vật chất và đẩy mạnh chuyển đổi số

Rà soát, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng nghề, năng lực sư phạm và ứng dụng công nghệ mới. Ưu tiên đầu tư trang thiết bị thực hành cho ngành nghề trọng điểm, có nhu cầu tuyển dụng cao; đẩy mạnh số hóa công tác quản lý tuyển sinh, đào tạo, văn bằng, chứng chỉ và theo dõi việc làm sau đào tạo. Phấn đấu từng bước hình thành cơ sở dữ liệu quản lý thống nhất, phục vụ theo dõi quy mô, chất lượng đào tạo và dự báo nhu cầu nhân lực toàn tỉnh.

4.7. Xác định rõ trách nhiệm trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Sở GDĐT chủ trì tham mưu UBND tỉnh, hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện công tác hướng nghiệp, phân luồng và GDNN theo thẩm quyền. UBND cấp xã phối hợp rà soát nhu cầu học nghề, tuyên truyền, vận động người dân và kết nối các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp tại địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Các cơ sở giáo dục tổ chức hướng nghiệp, tư vấn phân luồng; cơ sở GDNN nâng cao chất lượng đào tạo; doanh nghiệp tham gia xác

định nhu cầu, thực hành, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng người học. Phấn đấu bảo đảm 100% địa phương cấp xã có sự phối hợp với cơ sở đào tạo trong rà soát nhu cầu và tuyên truyền tuyển sinh nghề phù hợp với điều kiện thực tế.

4.8. Tăng cường kiểm tra, đánh giá bằng kết quả thực chất

Tập trung kiểm tra công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo, điều kiện bảo đảm chất lượng và việc cấp văn bằng, chứng chỉ. Phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 75% năm 2026 lên 79% năm 2030; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ từ 20,77% năm 2026 lên 35% năm 2030; tỷ lệ người học có việc làm sau đào tạo từ 80% năm 2026 lên 85% năm 2030. Việc đánh giá cần gắn với tỷ lệ hoàn thành khóa học, mức độ phù hợp giữa việc làm với ngành nghề được đào tạo và sự hài lòng của doanh nghiệp, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực.

4.9. Phối hợp với Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Nội vụ tạo sàn giao dịch việc làm trực tiếp và trực tuyến để kịp thời cung ứng lao động cho doanh nghiệp, đồng thời kịp thời cung cấp nhu cầu lao động của doanh nghiệp đến các cơ sở GDNN. Qua đó, Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở GDNN phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm, các công ty giới thiệu việc làm ngoài tỉnh cung cấp danh sách, số điện thoại của học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp và khai thác nhu cầu thị trường lao động.

5. KẾT LUẬN

Giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và GDNN có mối quan hệ chặt chẽ, tạo thành chuỗi liên kết xuyên suốt từ định hướng nghề nghiệp, lựa chọn lộ trình học tập, đào tạo kỹ năng đến tham gia thị trường lao động. Để chuỗi liên kết này vận hành hiệu quả, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của ngành Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phát huy trách nhiệm phối hợp của chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục, cơ sở GDNN, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Trong thời gian tới, Sở GDĐT tỉnh An Giang sẽ tiếp tục đổi mới công tác tham mưu, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh phù hợp với năng lực, nguyện vọng của người học và nhu cầu nhân lực của địa phương; tăng cường liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Với quyết tâm đổi mới, sự chỉ đạo thống nhất của ngành Giáo dục và Đào tạo cùng sự phối hợp đồng bộ, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ sở giáo dục và cộng đồng doanh nghiệp, công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và GDNN trên địa bàn tỉnh An Giang sẽ ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả; góp phần phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, nâng cao chất lượng lao động, tạo việc làm bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
2. Chính phủ (2025). *Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về*

chính sách hỗ trợ tạo việc làm.
3. Chính phủ (2026). *Nghị định số 308/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp*.
4. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
6. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THẠNH ĐÔNG, TỈNH AN GIANG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030

Dương Quang Đáng

Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang

Email: dqdang.thanhdong@angiang.gov.vn

Tóm tắt: *Phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) là nhiệm vụ quan trọng trong định hướng nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả giáo dục tại địa phương, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa chính quyền, nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp. Bài tham luận phân tích vai trò của chính quyền cấp xã, thực trạng, thuận lợi và khó khăn trong công tác phân luồng tại xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang (năm 2026, có 444/503 học sinh tốt nghiệp THCS, chiếm 88,27%, được ghi nhận tiếp tục học THPT, GDTX hoặc học nghề); đồng thời đề xuất các giải pháp về nâng cao nhận thức, tăng cường quản lý, đổi mới hướng nghiệp, kết nối đào tạo nghề với việc làm, xây dựng cơ sở dữ liệu và cơ chế phối hợp giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *phân luồng học sinh; hướng nghiệp; trung học cơ sở; giáo dục nghề nghiệp; chính quyền cấp xã*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục và đào tạo giữ vai trò nền tảng trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Trong đó, giáo dục trung học cơ sở (THCS) không chỉ trang bị kiến thức, phẩm chất, năng lực cần thiết mà còn là giai đoạn quan trọng để định hướng học tập và nghề nghiệp cho học sinh sau khi hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc.

Sau khi tốt nghiệp THCS, học sinh có thể lựa chọn tiếp tục học trung học phổ thông (THPT), học chương trình giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp THPT, tham gia giáo dục nghề nghiệp hoặc các lộ trình học tập kết hợp phù hợp quy định. Vì vậy, phân luồng không đơn thuần là định hướng học sinh vào một cấp học hay cơ sở đào tạo mà là quá trình tư vấn, cung cấp thông tin và tạo điều kiện để mỗi em lựa chọn con đường phát triển phù hợp với năng lực, sở trường, hoàn cảnh gia đình và nhu cầu xã hội. Công tác phân luồng có ý nghĩa quan trọng trong việc đa dạng hóa cơ hội học tập, hạn chế tình trạng học sinh thiếu định hướng sau tốt nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đối với địa bàn nông thôn, đây còn là giải pháp tạo cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp, nâng cao kỹ năng lao động và đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Đối với xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang, nhiệm vụ này đòi hỏi phải phát huy vai trò chỉ đạo, điều phối của chính quyền địa phương; nâng cao trách nhiệm của cơ quan tham mưu quản lý giáo dục; đổi mới hoạt động tư vấn hướng nghiệp tại các trường học và tăng cường kết nối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp.

Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, công tác phân luồng cần

được xác định là nhiệm vụ phối hợp giữa nhiều lực lượng, có kế hoạch, lộ trình và trách nhiệm cụ thể, không chỉ là nhiệm vụ riêng của nhà trường.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, tham luận tập trung phân tích vai trò chỉ đạo, thực trạng và những vấn đề đặt ra, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau THCS trên địa bàn xã Thạnh Đông giai đoạn 2026–2030.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU THCS

2.1. Quan điểm và mục tiêu phân luồng học sinh

Phân luồng học sinh là quá trình định hướng các cơ hội học tập, đào tạo sau mỗi giai đoạn giáo dục, bảo đảm phù hợp với năng lực, nguyện vọng, điều kiện cá nhân và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của xã hội.

Đối với học sinh sau THCS, công tác phân luồng cần bảo đảm các quan điểm sau:

- **Thứ nhất, bảo đảm quyền học tập và quyền lựa chọn:** Tôn trọng năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; không áp đặt, không phân biệt giữa học tiếp văn hóa và học nghề.
- **Thứ hai, kết hợp giáo dục toàn diện với hướng nghiệp:** Trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng tự nhận thức, tìm hiểu nghề nghiệp và khả năng ra quyết định.
- **Thứ ba, gắn giáo dục với nhu cầu xã hội:** Cung cấp thông tin về ngành nghề, điều kiện tuyển sinh, chương trình đào tạo, chi phí và cơ hội việc làm.
- **Thứ tư, bảo đảm công bằng và phù hợp từng đối tượng:** Quan tâm học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, học sinh dân tộc thiểu số và các nhóm cần hỗ trợ.
- **Thứ năm, gắn phân luồng với chất lượng đào tạo:** Đánh giá không chỉ qua số lượng học sinh đăng ký mà còn qua khả năng theo học, hoàn thành chương trình và tham gia thị trường lao động.

Mục tiêu là hình thành cơ chế phối hợp thống nhất, giúp học sinh và phụ huynh có đầy đủ thông tin lựa chọn; tạo điều kiện tiếp cận các chương trình đào tạo phù hợp, góp phần phát triển nguồn nhân lực địa phương.

2.2. Vai trò của chính quyền cấp xã trong công tác phân luồng

Chính quyền cấp xã có vai trò tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao. Vai trò này thể hiện trên các phương diện:

Một là, cụ thể hóa chủ trương, kế hoạch của cấp có thẩm quyền thành nhiệm vụ phù hợp với tình hình địa phương, xác định mục tiêu và trách nhiệm phối hợp.

Hai là, chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các trường rà soát học sinh cuối cấp, nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng và khó khăn trong lựa chọn hướng đi sau THCS.

Ba là, kết nối nhà trường với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể để mở rộng hoạt động tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp và cung cấp thông tin nhân lực.

Bốn là, huy động nguồn lực hợp pháp, lồng ghép chính sách hỗ trợ học sinh, nhất là các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

Năm là, theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả; kịp thời nhận diện khó khăn và đề xuất cơ quan

có thẩm quyền hỗ trợ.

Như vậy, chính quyền cấp xã không thay thế chức năng chuyên môn của ngành giáo dục và cơ sở đào tạo mà giữ vai trò tổ chức, điều phối, kết nối, hỗ trợ và giám sát theo thẩm quyền.

2.3. Cơ sở pháp lý và định hướng triển khai

Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS được thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và các chương trình, kế hoạch liên quan.

Trong đó, Luật Giáo dục năm 2019 quy định các nguyên tắc về hệ thống giáo dục quốc dân, hướng nghiệp, phân luồng và quyền học tập của người học [1]; Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 là cơ sở pháp lý về tổ chức đào tạo nghề, phát triển kỹ năng nghề [2]. Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025" là căn cứ định hướng chính sách trong lĩnh vực này [3].

Giai đoạn 2026–2030 cần tiếp tục bám sát quy định pháp luật hiện hành, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo [4], [5], Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền.

Đặc biệt, Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 [6] là cơ sở trực tiếp để trao đổi kinh nghiệm, đánh giá thực tiễn và đề xuất giải pháp.

3. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU THCS

3.1. Bối cảnh thực hiện tại xã Thạnh Đông

Xã Thạnh Đông được hình thành trên cơ sở sắp xếp các đơn vị hành chính trước đây gồm Thạnh Đông A, Tân Hiệp A và Thạnh Trị. Địa bàn có diện tích tự nhiên khoảng 159,69 km², dân số khoảng 43.752 người, gồm 21 ấp. Với đặc điểm địa bàn rộng, dân cư phân bố tại nhiều khu vực, công tác hướng nghiệp, phân luồng cần có phương thức tổ chức phù hợp, bảo đảm học sinh đều có cơ hội tiếp cận thông tin và dịch vụ giáo dục.

Sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, công tác quản lý giáo dục tiếp tục được kiện toàn theo chức năng, nhiệm vụ mới. Mạng lưới trường học được tổ chức lại theo hướng tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực, đồng thời đặt ra yêu cầu bảo đảm thông tin thông suốt, duy trì chất lượng hướng nghiệp và quản lý học sinh trong giai đoạn chuyển tiếp.

Theo số liệu thống kê kết quả huy động phổ cập giáo dục trung học của xã năm 2026 (tính đến ngày 20/10/2026) [7], toàn xã có 3.378 đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 21; trong đó, số đối tượng từ 15 đến 18 tuổi phải phổ cập là 1.972 người, có 1.866 người đã tốt nghiệp THCS, đạt tỷ lệ 94,62%. Riêng năm học vừa qua, toàn xã có 506 học sinh lớp 9, trong đó 503 em tốt nghiệp THCS, đạt tỷ lệ 99,41%.

Thực tế tuyển sinh cho thấy, hằng năm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tuyển vào các trường THPT công lập chiếm khoảng 70%. Như vậy, còn một bộ phận học sinh cần được định hướng vào các con đường học tập khác phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế. Qua thống kê

năm 2026, trong tổng số 503 học sinh tốt nghiệp THCS, có 410 em được ghi nhận vào học THPT, 26 em vào học GDTX cấp THPT và 08 em vào học tại các cơ sở dạy nghề; tổng cộng 444 em, chiếm 88,27%. Còn 59 em chưa được ghi nhận trong các loại hình học tập nêu trên, cần tiếp tục rà soát để xác định tình trạng học tập, học nghề hoặc tham gia lao động.

Việc lựa chọn hướng đi sau THCS chịu tác động của nhiều yếu tố như kết quả học tập, năng lực, sở trường, điều kiện kinh tế gia đình, khoảng cách đến cơ sở đào tạo, nhận thức của phụ huynh và triển vọng việc làm. Do đó, phân luồng không chỉ là vận động học sinh tiếp tục đến trường mà còn phải giúp các em nhận thức đúng về các lựa chọn sau THCS, trong đó GDTX, giáo dục nghề nghiệp và học nghề là những hướng đi thiết thực. Điều này đòi hỏi hoạt động hướng nghiệp phải được triển khai sớm, liên tục, có sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, chính quyền và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3.2. Những thuận lợi trong triển khai công tác phân luồng

Trước hết, công tác hướng nghiệp và phân luồng ngày càng nhận được sự quan tâm của các cấp quản lý giáo dục và chính quyền địa phương, tạo điều kiện đưa hoạt động này vào kế hoạch giáo dục hằng năm.

Thứ hai, hệ thống trường học từ mầm non đến THCS tạo điều kiện theo dõi quá trình học tập, phát triển của học sinh và chuẩn bị cho giai đoạn chuyển tiếp sau THCS.

Thứ ba, công nghệ thông tin và các nền tảng số giúp mở rộng nguồn thông tin về nghề nghiệp, chương trình đào tạo, tuyển sinh và cơ hội việc làm.

Thứ tư, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh tạo cơ hội phối hợp tư vấn, tham quan và trải nghiệm nghề nghiệp.

Thứ năm, gia đình, đoàn thể và cộng đồng dân cư là nguồn lực quan trọng trong tuyên truyền, vận động, hỗ trợ học sinh và nâng cao nhận thức về giá trị của giáo dục nghề nghiệp.

3.3. Những khó khăn, hạn chế cần quan tâm

Bên cạnh thuận lợi, công tác hướng nghiệp và phân luồng sau THCS vẫn còn một số vấn đề cần quan tâm:

Một là, nhận thức về giáo dục nghề nghiệp chưa đồng đều. Một bộ phận phụ huynh vẫn ưu tiên con đường học THPT, đại học, chưa có đầy đủ thông tin về đào tạo nghề, cơ hội học tập nâng cao và triển vọng việc làm. Tâm lý coi trọng bằng cấp có thể ảnh hưởng đến lựa chọn của học sinh [8].

Hai là, hoạt động hướng nghiệp chưa gắn chặt với đặc điểm từng học sinh. Nếu tư vấn chỉ dừng ở giới thiệu chung hoặc tổ chức theo từng đợt, học sinh khó nhận diện đầy đủ năng lực, sở thích và điều kiện của bản thân.

Ba là, thông tin thị trường lao động chưa được kết nối thường xuyên với nhà trường. Học sinh và phụ huynh cần được cung cấp thông tin về nội dung công việc, yêu cầu kỹ năng, chi phí đào tạo và triển vọng nghề nghiệp để có lựa chọn phù hợp.

Bốn là, điều kiện kinh tế và khoảng cách địa lý ảnh hưởng đến cơ hội học nghề. Chi phí đi lại, ăn ở, học tập có thể trở thành trở ngại đối với các gia đình khó khăn, trong khi thông tin về chính sách hỗ trợ chưa được tiếp cận đầy đủ.

Năm là, cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp cần củng cố. Nếu phối hợp chỉ mang tính sự kiện, thiếu kế hoạch dài hạn và đầu mối liên hệ, hiệu quả hướng nghiệp sẽ chưa bền vững.

Sáu là, công tác thống kê và đánh giá kết quả cần chuẩn hóa. Địa phương cần nắm chính xác số học sinh tiếp tục học THPT, GDTX, học nghề hoặc lựa chọn hướng đi khác; đồng thời phân biệt nguyện vọng ban đầu với kết quả nhập học thực tế.

Những vấn đề trên cần được tiếp tục rà soát bằng số liệu chính thức và trao đổi với nhà trường, phụ huynh, học sinh, cơ sở giáo dục nghề nghiệp để xác định đúng nguyên nhân và giải pháp.

3.4. Nguyên nhân của những khó khăn

Về khách quan, nhu cầu nhân lực và cơ cấu ngành nghề thay đổi nhanh; học sinh THCS còn hạn chế về trải nghiệm thực tế, trong khi điều kiện kinh tế, địa lý và khả năng tiếp cận cơ sở đào tạo giữa các gia đình khác nhau.

Về chủ quan, hoạt động tư vấn hướng nghiệp có nơi chưa được đầu tư tương xứng; thông tin nghề nghiệp chưa được cập nhật, hệ thống hóa; sự phối hợp giữa các lực lượng chưa thường xuyên. Việc theo dõi học sinh sau tốt nghiệp và đánh giá mức độ phù hợp của lựa chọn chưa được quan tâm đúng mức.

Đối với cấp xã, yêu cầu đặt ra là chuyển từ tuyên truyền đơn lẻ sang quản lý theo kế hoạch; từ phối hợp theo thời điểm sang phối hợp thường xuyên; từ thống kê số lượng sang phân tích kết quả và nhu cầu hỗ trợ cụ thể.

4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU THCS GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều phối của chính quyền địa phương

UBND xã cần quan tâm chỉ đạo công tác hướng nghiệp, phân luồng theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; lồng ghép nội dung này vào kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và nguồn nhân lực của địa phương.

Phòng Văn hóa – Xã hội chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch phối hợp hằng năm, xác định mục tiêu, đối tượng, nội dung, thời gian, đơn vị chủ trì và phối hợp; bảo đảm phù hợp với số lượng học sinh cuối cấp và khả năng tiếp cận cơ sở đào tạo.

Việc phân công trách nhiệm cần bảo đảm nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ kết quả. Trong đó, cơ quan chuyên môn tham mưu, hướng dẫn và tổng hợp; các trường tổ chức hướng nghiệp, tư vấn; cơ sở giáo dục nghề nghiệp cung cấp thông tin đào tạo; đoàn thể phối hợp tuyên truyền, vận động; gia đình đồng hành cùng học sinh.

Định kỳ sơ kết, đánh giá, tháo gỡ khó khăn và đề xuất cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

4.2. Đổi mới hoạt động hướng nghiệp trong các trường THCS

Hướng nghiệp cần được tổ chức liên tục, phù hợp từng độ tuổi. Học sinh lớp 6, lớp 7 được hướng dẫn khám phá bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp; học sinh lớp 8, lớp 9 được tăng cường tìm hiểu ngành nghề, yêu cầu kỹ năng và các lộ trình học tập sau THCS.

Các trường cần đa dạng hình thức như sinh hoạt chuyên đề, tư vấn nhóm, trao đổi với phụ huynh, tham quan cơ sở đào tạo, trải nghiệm nghề nghiệp và giao lưu với người lao động.

Nội dung hướng nghiệp phải khách quan, không thiên lệch về một con đường học tập; cung cấp đầy đủ thông tin về THPT, GDTX, giáo dục nghề nghiệp và các lộ trình kết hợp học văn hóa với học nghề theo quy định.

Phát huy vai trò giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và tư vấn học đường trong việc giúp học sinh nhận diện điểm mạnh, sở thích, hạn chế và điều kiện cá nhân.

Mỗi trường cần xây dựng kế hoạch hướng nghiệp theo năm học, phân công người phụ trách, lưu trữ minh chứng và đánh giá kết quả, chú trọng sự tiến bộ trong nhận thức và khả năng lựa chọn của học sinh.

4.3. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cha mẹ học sinh

Gia đình có ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định học tập và nghề nghiệp của học sinh. Vì vậy, nhà trường cần tổ chức trao đổi với phụ huynh lớp 8, lớp 9 về các lựa chọn sau THCS, điều kiện tuyển sinh, thời gian, chi phí đào tạo, chính sách hỗ trợ và triển vọng việc làm.

Thông tin cung cấp phải rõ ràng, dễ hiểu, có nguồn kiểm chứng, tránh tạo định kiến hoặc chỉ nhấn mạnh lợi ích, khó khăn của một hướng lựa chọn.

Khuyến khích cha mẹ lắng nghe nguyện vọng của con, trao đổi trên cơ sở năng lực và điều kiện thực tế, không áp đặt hoặc so sánh. Đối với gia đình khó khăn, nhà trường và chính quyền địa phương cần hướng dẫn tiếp cận chính sách hỗ trợ, phối hợp với đoàn thể giúp đỡ học sinh có nguy cơ bỏ học.

4.4. Tăng cường kết nối giữa nhà trường với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp

Đây là giải pháp quan trọng nhằm gắn hoạt động hướng nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và nhu cầu lao động. UBND xã giao cơ quan chuyên môn phối hợp với các trường THCS liên hệ các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và cơ sở đào tạo phù hợp trên địa bàn tỉnh để tổ chức tư vấn định kỳ.

Nội dung phối hợp tập trung giới thiệu ngành nghề, điều kiện tuyển sinh, chương trình, thời gian, chi phí đào tạo, chính sách hỗ trợ, cơ hội thực hành và triển vọng việc làm. Thông tin phải khách quan, minh bạch, tránh cam kết vượt quá khả năng thực tế.

Khuyến khích doanh nghiệp tham gia giao lưu nghề nghiệp, giới thiệu môi trường làm việc, yêu cầu kỹ năng, kỷ luật và an toàn lao động; tổ chức tham quan, trải nghiệm phù hợp lứa tuổi, bảo đảm an toàn.

Hoạt động phối hợp cần hướng đến hiệu quả lâu dài, không chỉ dừng ở tuyển sinh; trong đó chính quyền làm đầu mối kết nối, nhà trường tư vấn, cơ sở đào tạo cung cấp thông tin và doanh nghiệp phản ánh nhu cầu nhân lực.

4.5. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và theo dõi kết quả phân luồng

Các trường THCS cần hằng năm rà soát học sinh lớp 9, nắm bắt nguyện vọng, nhu cầu tư vấn và những trường hợp cần hỗ trợ. Phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu UBND xã tổng hợp dữ liệu phục

vụ quản lý theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Thông tin theo dõi gồm số học sinh hoàn thành THCS; số đăng ký và thực tế nhập học tại các cơ sở giáo dục; số tham gia giáo dục nghề nghiệp hoặc lộ trình khác; tình hình tiếp tục học tập và những trường hợp cần hỗ trợ.

Cần phân biệt rõ nguyện vọng, hồ sơ đăng ký, kết quả trúng tuyển và tình trạng nhập học thực tế. Việc thu thập, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, chỉ phục vụ mục đích quản lý.

Trên cơ sở dữ liệu được xác minh, địa phương xác định nhóm học sinh cần tư vấn bổ sung, đánh giá hiệu quả hoạt động hướng nghiệp và đề xuất giải pháp cho năm học tiếp theo.

4.6. Quan tâm đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn và nhóm cần hỗ trợ

Cần đặc biệt quan tâm học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và những trường hợp có nguy cơ không tiếp tục học tập sau THCS.

Các trường chủ động rà soát, trao đổi với gia đình để tìm hiểu nguyên nhân, tư vấn lộ trình phù hợp. Đối với học sinh có nhu cầu học nghề, cần cung cấp thông tin về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng và các chính sách khác nếu thuộc đối tượng thụ hưởng.

Chính quyền địa phương phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan hướng dẫn thủ tục, kết nối nguồn lực hỗ trợ hợp pháp và tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận giáo dục.

Đồng thời, duy trì liên hệ giữa nhà trường và gia đình đối với học sinh chưa xác định được hướng đi sau tốt nghiệp; tư vấn sớm cho các trường hợp có nguy cơ bỏ học để các em lựa chọn lộ trình khả thi.

4.7. Nâng cao năng lực đội ngũ thực hiện công tác hướng nghiệp

Cần tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tư vấn nghề nghiệp, tìm hiểu thị trường lao động, thông tin tuyển sinh và hỗ trợ học sinh ra quyết định cho đội ngũ quản lý, giáo viên và người trực tiếp tư vấn.

Phòng Văn hóa – Xã hội phối hợp với các trường và cơ quan chuyên môn có thẩm quyền đề xuất tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu mô hình hay và hướng dẫn xây dựng kế hoạch hướng nghiệp phù hợp.

Đội ngũ thực hiện cần có khả năng phân tích nhu cầu học sinh, tổ chức trải nghiệm, trao đổi với phụ huynh và khai thác nguồn thông tin đáng tin cậy; đồng thời bảo đảm thái độ tôn trọng, không định kiến đối với học sinh lựa chọn giáo dục nghề nghiệp.

Việc bồi dưỡng cần gắn với nhu cầu thực tế, tăng cường chia sẻ kinh nghiệm giữa các trường và phối hợp với chuyên gia, cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng tư vấn.

4.8. Tổ chức kiểm tra, đánh giá và xây dựng lộ trình thực hiện giai đoạn 2026–2030

Công tác phân luồng cần có lộ trình phù hợp với điều kiện địa phương và định hướng của tỉnh:

- **Giai đoạn năm 2026–2027:** Rà soát thực trạng, hoàn thiện cơ chế phối hợp, chuẩn hóa dữ liệu học sinh cuối cấp; tổ chức tư vấn cho học sinh, phụ huynh và kết nối cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- **Giai đoạn năm 2028–2029:** Đổi mới nội dung, hình thức hướng nghiệp; mở rộng trải nghiệm

nghề nghiệp, kết nối doanh nghiệp, nâng cao chất lượng thông tin nhu cầu nhân lực và điều chỉnh giải pháp theo thực tế.

- **Năm 2030:** Đánh giá tổng thể kết quả giai đoạn 2026–2030, phân tích mức độ đạt các chỉ tiêu được giao, xác định mô hình hiệu quả, hạn chế và đề xuất định hướng tiếp theo.

Các chỉ tiêu định lượng phải căn cứ kế hoạch của cấp có thẩm quyền, số liệu học sinh và điều kiện tiếp nhận của cơ sở đào tạo; không áp đặt tỷ lệ khi chưa đánh giá chất lượng, tính phù hợp của lựa chọn và khả năng tiếp tục học tập.

Việc kiểm tra, đánh giá cần kết hợp số liệu thống kê với phản hồi của học sinh, phụ huynh, nhà trường và cơ sở đào tạo; tập trung vào mức độ tiếp cận thông tin, chất lượng tư vấn, kết quả lựa chọn, khả năng duy trì học tập và hiệu quả phối hợp.

5. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS đạt hiệu quả trong giai đoạn 2026–2030, địa phương đề xuất:

Thứ nhất, đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang: Tiếp tục hướng dẫn địa phương xây dựng kế hoạch phù hợp; cung cấp bộ tiêu chí đánh giá, biểu mẫu thống kê thống nhất và thông tin về tuyển sinh, cơ sở đào tạo, ngành nghề, kết quả phân luồng. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu mô hình hiệu quả và bồi dưỡng đội ngũ thực hiện.

Thứ hai, đối với UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn có liên quan: Quan tâm chỉ đạo kết nối giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu nhân lực; cung cấp thông tin thị trường lao động, chính sách hỗ trợ người học; tạo điều kiện để học sinh nông thôn, học sinh khó khăn tiếp cận các chương trình đào tạo phù hợp.

Thứ ba, đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Chủ động phối hợp với trường THCS tổ chức tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp và cung cấp thông tin tuyển sinh chính xác, minh bạch về chương trình đào tạo, chi phí, cơ hội thực hành, việc làm và lộ trình học tập nâng cao.

Thứ tư, đối với doanh nghiệp: Tăng cường phối hợp giới thiệu nghề nghiệp, chia sẻ thông tin về nhu cầu lao động, yêu cầu kỹ năng và môi trường làm việc; tham gia các chương trình trải nghiệm phù hợp với học sinh.

Thứ năm, đối với các trường THCS: Xây dựng kế hoạch hướng nghiệp thường xuyên; tăng cường tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm, phối hợp với phụ huynh và theo dõi kết quả sau tốt nghiệp; bảo đảm tư vấn khách quan, tôn trọng nguyện vọng học sinh.

Thứ sáu, đối với các tổ chức đoàn thể và gia đình: Phát huy vai trò tuyên truyền, đồng hành và hỗ trợ học sinh tìm hiểu nghề nghiệp. Gia đình cần chủ động tìm hiểu thông tin, tôn trọng năng lực, nguyện vọng của con và phối hợp với nhà trường trong quá trình lựa chọn.

6. KẾT LUẬN

Công tác chỉ đạo phân luồng học sinh sau THCS có ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực và cơ hội lập thân, lập nghiệp của thế hệ trẻ. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, cần xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ, tổ chức thực hiện có kế hoạch, bảo đảm thông tin chính xác và theo dõi kết quả bằng các tiêu chí

phù hợp.

Đối với xã Thạnh Đông, việc nâng cao hiệu quả phân luồng cần phát huy vai trò chỉ đạo, điều phối của UBND xã; chức năng tham mưu của Phòng Văn hóa – Xã hội; trách nhiệm của các trường THCS; sự đồng hành của gia đình và sự tham gia của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội.

Giai đoạn 2026–2030, địa phương cần tập trung đổi mới tư vấn hướng nghiệp, tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp, chuẩn hóa dữ liệu học sinh, quan tâm nhóm có hoàn cảnh khó khăn và nâng cao hiệu quả phối hợp. Đặc biệt, cần xác định phân luồng là quá trình định hướng, hỗ trợ học sinh lựa chọn con đường phát triển phù hợp, không phải hoạt động áp đặt hay chỉ nhằm đạt một tỷ lệ nhất định.

Với sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, sự phối hợp trách nhiệm của các ngành, cơ sở giáo dục, gia đình và doanh nghiệp, công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS sẽ từng bước đi vào chiều sâu, góp phần mở rộng cơ hội học tập, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của xã Thạnh Đông và tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
2. Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
6. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
7. Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông (2026). *Các báo cáo, kế hoạch và số liệu thống kê về tình hình giáo dục, học sinh cuối cấp THCS và công tác hướng nghiệp, phân luồng trên địa bàn xã* (tài liệu nội bộ).
8. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TS. Nguyễn Minh Quân

Trường Cao đẳng Kiên Giang, tỉnh An Giang

Email: nmquan@kgc.edu.vn

Tóm tắt: *Hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ người học lựa chọn lộ trình học tập phù hợp và phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn hạn chế về nhận thức xã hội, chất lượng tư vấn, cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp, sự phối hợp giữa các bên và thông tin thị trường lao động. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT tạo cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác này. Bài viết phân tích thực tiễn, khó khăn và đề xuất bảy nhóm giải pháp cùng các kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2026–2030, trong đó có các vấn đề đặt ra khi triển khai chương trình trung học nghề.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; giáo dục nghề nghiệp; trung học nghề; thị trường lao động*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tác động ngày càng rõ nét của chuyển đổi số, hướng nghiệp và phân luồng học sinh không chỉ là hoạt động cung cấp thông tin tuyển sinh mà còn là quá trình hỗ trợ người học nhận diện năng lực, sở thích, điều kiện cá nhân và lựa chọn lộ trình học tập, nghề nghiệp phù hợp. Phân luồng hiệu quả góp phần hạn chế tình trạng lựa chọn ngành học theo tâm lý đám đông, giảm nguy cơ học không phù hợp, đồng thời tạo nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Đối với tỉnh An Giang, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động và khai thác tiềm năng của từng địa bàn đặt ra nhu cầu tăng cường kết nối giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, gia đình và doanh nghiệp. Công tác hướng nghiệp cần được tổ chức liên tục, có định hướng và có đánh giá; phân luồng cần dựa trên sự lựa chọn có thông tin của học sinh, không nên được hiểu đơn thuần là vận động học sinh đi theo một hướng học tập nhất định.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung khái quát thực tiễn công tác tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh; phân tích những hạn chế, khó khăn và đề xuất các giải pháp, kiến nghị có tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng công tác này trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030, góp phần tạo điều kiện để học sinh tiếp cận đa dạng lộ trình học tập, phát triển nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu xã hội.

2. THỰC TIỄN CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH

2.1. Những chuyển biến tích cực

Thời gian qua, công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng sau trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) ngày càng nhận được sự quan tâm của cơ quan quản lý giáo dục, trường phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Nội dung hướng nghiệp từng bước được lồng ghép vào hoạt động giáo dục, sinh hoạt chuyên đề, hoạt động trải nghiệm và tư vấn lựa chọn môn học, ngành học. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động phối hợp với trường phổ thông tổ chức tư vấn tại trường, ngày hội hướng nghiệp, tham quan xưởng thực hành, giới thiệu chương trình đào tạo và trao đổi về cơ hội việc làm.

Hình thức truyền thông ngày càng đa dạng nhờ website, mạng xã hội, video, tư vấn trực tuyến và các nền tảng số. Học sinh, phụ huynh có thêm kênh tìm hiểu về ngành nghề, thời gian đào tạo, điều kiện tuyển sinh, chính sách hỗ trợ, cơ hội việc làm và lộ trình học tập tiếp theo. Một số hoạt động có sự tham gia của doanh nghiệp, cựu người học và người lao động giúp thông tin hướng nghiệp gần với thực tế nghề nghiệp hơn.

Nhận thức về giáo dục nghề nghiệp từng bước được mở rộng theo hướng coi trọng kỹ năng nghề, năng lực thực hành và cơ hội học tập suốt đời. Các lộ trình học tập sau THCS và THPT được trao đổi đa dạng hơn, qua đó góp phần giúp người học hiểu rằng lựa chọn nghề nghiệp không chỉ có một con đường duy nhất và có thể tiếp tục học tập, nâng cao trình độ trong quá trình làm việc.

Xét về quy mô giáo dục, theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh [1], năm học 2025–2026, toàn tỉnh có 1.322 đơn vị trường học, với 755.782 trẻ em, học sinh và học viên; trong đó có 234.807 học sinh THCS và 102.003 học sinh THPT. Mạng lưới giáo dục của tỉnh gồm 242 trường THCS, 66 trường THPT và 11 trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên. Quy mô này cho thấy nhu cầu hướng nghiệp, cung cấp thông tin về các lộ trình học tập và hỗ trợ học sinh lựa chọn hướng đi phù hợp sau mỗi cấp học là rất lớn. Đây cũng là cơ sở đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng tư vấn hướng nghiệp, tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục và đa dạng hóa hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, giúp học sinh có thêm thông tin và cơ sở để đưa ra lựa chọn phù hợp với năng lực, sở thích và nhu cầu của thị trường lao động.

2.2. Những hạn chế và vấn đề đặt ra

Thứ nhất, định kiến xã hội về giáo dục nghề nghiệp vẫn là rào cản đáng kể. Một bộ phận học sinh và phụ huynh còn xem học đại học hoặc tiếp tục học THPT là lựa chọn ưu tiên, trong khi chưa đánh giá đầy đủ sự phù hợp giữa năng lực, điều kiện học tập, sở thích cá nhân và yêu cầu của nghề nghiệp. Việc lựa chọn đôi khi chịu ảnh hưởng bởi kỳ vọng gia đình hoặc quan niệm về bằng cấp hơn là hiểu biết thực tế về công việc [2].

Thứ hai, chất lượng tư vấn chưa đồng đều giữa các cơ sở giáo dục và giữa các nhóm học sinh. Một số hoạt động còn thiên về giới thiệu ngành nghề và điều kiện tuyển sinh mà chưa có đủ công cụ hỗ trợ học sinh tự đánh giá năng lực, sở thích, phẩm chất và điều kiện cá nhân [3]. Học sinh có nhu cầu đặc thù, học sinh ở địa bàn khó tiếp cận thông tin hoặc gia đình có điều kiện kinh tế hạn chế có thể chưa nhận được sự hỗ trợ chuyên sâu, kịp thời.

Thứ ba, cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp thực tế chưa được tổ chức thường xuyên, liên tục và có chiều sâu ở mọi nơi. Hoạt động tham quan, trải nghiệm có thể tập trung vào một số thời điểm nhất định, chưa tạo thành quá trình khám phá nghề nghiệp theo từng lớp, từng giai đoạn. Nếu chỉ quan sát hoặc nghe giới thiệu mà thiếu hoạt động thực hành phù hợp, học sinh khó hình dung đầy đủ đặc điểm công việc và yêu cầu kỹ năng.

Thứ tư, sự phối hợp giữa trường phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và gia đình chưa được chặt chẽ, thường xuyên. Kế hoạch phối hợp có thể phụ thuộc vào lịch học, nguồn lực, điều kiện tổ chức và đầu mối liên hệ của từng đơn vị. Thông tin về nhu cầu nhân lực, vị trí việc làm và yêu cầu kỹ năng cũng chưa được cập nhật, chia sẻ theo cơ chế thống nhất.

Thứ năm, thông tin hướng nghiệp và dữ liệu đánh giá kết quả phân luồng chưa được khai thác đầy đủ. Việc đánh giá hiệu quả đôi khi còn tập trung vào số buổi tư vấn, số lượt học sinh tham gia hoặc số hồ sơ đăng ký, trong khi chưa theo dõi đầy đủ mức độ phù hợp của lựa chọn học tập, khả năng duy trì và hoàn thành chương trình, cũng như kết quả việc làm sau tốt nghiệp. Theo thông tin được công bố tại tham luận "Thực trạng hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học tại tỉnh An Giang" của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang tại Hội thảo khoa học quốc gia "Hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông: Thực trạng và giải pháp" ngày 19/9/2026, tỷ lệ học sinh được tiếp cận thông tin và tư vấn hướng nghiệp đạt trên 80% [4]. Đây là tín hiệu tích cực về mức độ tiếp cận, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục đánh giá sâu hơn chất lượng tư vấn, mức độ phù hợp của lựa chọn nghề nghiệp và kết quả thực tế của học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT. Qua đó, công tác hướng nghiệp và phân luồng cần chuyển dần từ việc chú trọng số lượng hoạt động sang theo dõi, đánh giá chất lượng và hiệu quả đầu ra.

Bên cạnh những khó khăn chung, việc triển khai chương trình trung học nghề còn đặt ra yêu cầu về xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức giảng dạy phù hợp. Cần làm rõ cấu trúc chương trình, sự kết hợp giữa kiến thức văn hóa và kỹ năng nghề, thời lượng học tập, nội dung thực hành và phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Đồng thời, cần có hướng dẫn thống nhất về phân công trách nhiệm giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ quan quản lý trong tổ chức dạy học, quản lý người học, công nhận kết quả học tập và định hướng học tiếp sau khi hoàn thành chương trình. Việc cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng về mục tiêu đào tạo, văn bằng và lộ trình học tập tiếp theo cũng có ý nghĩa quan trọng, giúp học sinh và phụ huynh hiểu đúng về chương trình, từ đó cân nhắc lựa chọn phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp.

Những vấn đề trên cho thấy hướng nghiệp và phân luồng cần được tiếp cận như một hệ thống hỗ trợ người học đưa ra quyết định học tập, nghề nghiệp lâu dài. Hiệu quả không chỉ được đo bằng số lượng học sinh lựa chọn giáo dục nghề nghiệp, mà còn thể hiện ở mức độ phù hợp của lựa chọn, khả năng duy trì học tập, hoàn thành chương trình và phát triển nghề nghiệp của người học.

3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH

3.1. Đổi mới nội dung tư vấn theo từng nhóm đối tượng

Hướng nghiệp cần giúp học sinh nhận diện năng lực, sở thích và điều kiện học tập để lựa chọn hướng đi phù hợp, không chỉ dừng ở việc giới thiệu ngành nghề và thông báo tuyển sinh. Đối với học sinh THCS, cần tập trung giúp các em khám phá thế giới nghề nghiệp, hiểu các lộ trình học

tập sau tốt nghiệp và có thông tin rõ ràng về chương trình đào tạo. Đối với học sinh THPT, cần chú trọng tư vấn lựa chọn ngành nghề theo năng lực, sở thích, điều kiện cá nhân và nhu cầu nhân lực.

Nội dung tư vấn cần cụ thể, dễ hiểu, giúp học sinh và phụ huynh nắm được đặc điểm nghề, kỹ năng được đào tạo, vị trí việc làm, chi phí học tập, chính sách hỗ trợ và cơ hội phát triển sau tốt nghiệp. Đối với học sinh còn phân vân hoặc có hoàn cảnh đặc thù, cần có hình thức tư vấn chuyên sâu, tôn trọng quyền lựa chọn và tránh áp đặt.

3.2. Tăng cường phối hợp giữa trường phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Công tác phối hợp cần được triển khai theo kế hoạch xuyên suốt năm học, phù hợp với từng khối lớp, thay vì tập trung chủ yếu vào mùa tuyển sinh. Các đơn vị cần xác định rõ nội dung, thời gian, đối tượng và trách nhiệm phối hợp; thường xuyên trao đổi để nắm bắt nhu cầu hướng nghiệp và những vấn đề học sinh, phụ huynh quan tâm. Việc triển khai cần bám sát Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục [5]. Thông tư nhấn mạnh việc cung cấp thông tin nghề nghiệp, hỗ trợ học sinh tự nhận thức, phát triển kỹ năng lựa chọn nghề, trải nghiệm nghề nghiệp và ứng dụng công nghệ số; đồng thời yêu cầu cơ sở giáo dục phổ thông phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan trong tư vấn, trải nghiệm và hỗ trợ lộ trình học tập sau tốt nghiệp.

3.3. Đẩy mạnh hoạt động tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp

Cần phát huy các chương trình tham quan, trải nghiệm tại cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Học sinh nên được tìm hiểu khoa chuyên môn, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, thiết bị, sản phẩm thực hành và trao đổi với giảng viên, người học, người lao động về ngành nghề, môi trường học tập. Nội dung trải nghiệm cần phù hợp từng cấp học, có mục tiêu cụ thể và giúp học sinh liên hệ trải nghiệm với sở thích, năng lực của bản thân.

3.4. Đổi mới truyền thông hướng nghiệp, cung cấp thông tin dễ tiếp cận

Cần kết hợp tư vấn trực tiếp với truyền thông trên các nền tảng số để học sinh, phụ huynh tiếp cận thông tin thường xuyên và thuận tiện. Nội dung nên tập trung vào ngành nghề đào tạo, điều kiện tuyển sinh, thời gian học, học phí, chính sách hỗ trợ, môi trường học tập, cơ hội việc làm và lộ trình học tiếp. Thông tin cần được cập nhật kịp thời, thống nhất, có đầu mối tư vấn rõ ràng; các nội dung về văn bằng, liên thông và việc làm phải chính xác, không tạo cam kết vượt quá thực tế.

3.5. Tăng cường kết nối doanh nghiệp, gắn hướng nghiệp với nhu cầu nhân lực

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần phối hợp với doanh nghiệp để cập nhật nhu cầu tuyển dụng, vị trí việc làm, yêu cầu kỹ năng và những lĩnh vực có nhu cầu nhân lực tại địa phương, khu vực. Những thông tin này cần được đưa vào nội dung tư vấn cụ thể, giúp học sinh và phụ huynh hiểu rõ công việc có thể đảm nhận sau tốt nghiệp và triển vọng phát triển nghề nghiệp.

Doanh nghiệp cần được khuyến khích tham gia các hoạt động tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp và chia sẻ về môi trường làm việc thực tế [6]. Đồng thời, cần cung cấp rõ thông tin về trình độ đào tạo, thời gian học và lộ trình học tiếp theo theo quy định, giúp học sinh cân nhắc lựa chọn phù hợp với năng lực, điều kiện cá nhân và định hướng tương lai.

3.6. Bảo đảm điều kiện triển khai chương trình trung học nghề

Cần có hướng dẫn thống nhất về cấu trúc chương trình, thời lượng học văn hóa và thực hành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp đánh giá, công nhận kết quả và trách nhiệm phối hợp giữa các đơn vị. Đồng thời, cần làm rõ mục tiêu, đối tượng, điều kiện tuyển sinh, giá trị văn bằng và cơ hội học tập tiếp theo để học sinh, phụ huynh có đầy đủ thông tin khi lựa chọn.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần chủ động chuẩn bị đội ngũ, rà soát điều kiện đào tạo và xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học, quản lý, hỗ trợ người học phù hợp. Cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần phối hợp trong tuyển sinh, giảng dạy, đánh giá kết quả và kịp thời tháo gỡ khó khăn phát sinh.

Công tác truyền thông cần bảo đảm thông tin chính xác, thống nhất về chương trình và lộ trình học tập, giúp học sinh nhận diện sự phù hợp với năng lực, sở thích và nguyện vọng; đồng thời tôn trọng sự đa dạng của các lựa chọn giáo dục, không tạo tâm lý phân biệt giữa các con đường học tập.

3.7. Theo dõi, đánh giá hiệu quả tư vấn và kết quả phân luồng

Việc đánh giá cần chuyển từ chủ yếu thống kê số buổi tư vấn, số trường và số học sinh tham gia sang xem xét hiệu quả thực tế. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần phối hợp với trường phổ thông theo dõi nhu cầu tư vấn, ngành nghề được quan tâm, số học sinh đăng ký xét tuyển, nhập học và những nguyên nhân khiến học sinh chưa lựa chọn học nghề hoặc thay đổi nguyện vọng.

Trên cơ sở đó, nhà trường phân tích kết quả theo ngành nghề, địa bàn và nhóm đối tượng để điều chỉnh nội dung, hình thức tư vấn. Cơ quan quản lý giáo dục có thể nghiên cứu tiêu chí đánh giá hiệu quả phối hợp giữa trường phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, hướng đến mục tiêu giúp học sinh lựa chọn hướng học tập phù hợp và nâng cao hiệu quả phân luồng.

4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

4.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hướng dẫn thống nhất việc tổ chức thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng trong các cơ sở giáo dục; xây dựng kế hoạch phối hợp hằng năm giữa các trường phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp thiết thực, hiệu quả. Đồng thời, nghiên cứu cơ chế chia sẻ, cập nhật thông tin về nhu cầu nhân lực, ngành nghề đào tạo và kết quả phân luồng học sinh, làm cơ sở để các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động hướng nghiệp phù hợp với thực tiễn.

Đối với chương trình trung học nghề, đề nghị tổng hợp những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn triển khai tại các cơ sở giáo dục, tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh xem xét các giải pháp hỗ trợ phù hợp; đồng thời, kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thống nhất những nội dung còn vướng mắc về tổ chức thực hiện, cơ chế phối hợp và bảo đảm chất lượng đào tạo. Qua đó, tạo cơ sở để các cơ sở giáo dục chủ động chuẩn bị điều kiện triển khai chương trình phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương.

4.2. Đối với các trường THCS, THPT

Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp phù hợp với từng cấp học, chú trọng giúp học sinh nhận diện năng lực, sở thích, tìm hiểu ngành nghề và trải nghiệm thực tế. Đồng thời, phát huy vai trò phối hợp giữa nhà trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cha mẹ học sinh trong tư vấn, định hướng lựa chọn lộ trình học tập; bảo đảm thông tin khách quan, đa chiều, tôn trọng nguyện vọng và không áp đặt lựa chọn. Đối với học sinh quan tâm đến chương trình trung học nghề, cần cung cấp thông tin rõ ràng về mục tiêu, nội dung chương trình, điều kiện học tập và cơ hội học tiếp theo quy định hiện hành.

4.3. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần chủ động cập nhật thông tin nhu cầu nhân lực, nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh và tổ chức các hoạt động tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp phù hợp. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các trường phổ thông trong công tác hướng nghiệp, tư vấn lựa chọn lộ trình học tập; công khai thông tin về ngành nghề đào tạo, điều kiện học tập và cơ hội học tiếp, tiếp nhận phản hồi để nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với chương trình trung học nghề, cần kết hợp phù hợp giữa đào tạo kiến thức văn hóa và kỹ năng nghề, tăng cường thực hành, đánh giá kết quả học tập và định hướng học tiếp cho người học theo quy định.

4.4. Đối với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội

Đề nghị doanh nghiệp tăng cường tham gia hoạt động hướng nghiệp, cung cấp thông tin thực tế về nghề nghiệp, yêu cầu kỹ năng và xu hướng tuyển dụng; phối hợp tổ chức tham quan, trải nghiệm và hỗ trợ phát triển kỹ năng phù hợp. Các tổ chức xã hội, đoàn thể và cơ quan truyền thông cần góp phần lan tỏa nhận thức tích cực, thực chất về giáo dục nghề nghiệp, tôn trọng sự đa dạng của các lộ trình học tập và lựa chọn nghề nghiệp.

5. KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh là nhiệm vụ lâu dài, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan quản lý, trường phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và gia đình. Để tạo chuyển biến bền vững, cần khắc phục định kiến xã hội, nâng cao năng lực tư vấn, mở rộng cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp và tăng cường theo dõi, đánh giá kết quả phân luồng trên cơ sở thực tiễn triển khai.

Trong quá trình đó, cần quan tâm triển khai các lộ trình học tập đa dạng, trong đó có chương trình trung học nghề, trên cơ sở bảo đảm thông tin đầy đủ, hướng dẫn thực hiện thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tế. Mọi hoạt động hướng nghiệp, phân luồng cần lấy người học làm trung tâm, tôn trọng năng lực, sở thích, nguyện vọng và điều kiện cá nhân của học sinh.

Giai đoạn 2026–2030, công tác hướng nghiệp và phân luồng cần hướng đến mục tiêu giúp mỗi học sinh có đủ thông tin, cơ hội trải nghiệm và sự hỗ trợ cần thiết để lựa chọn lộ trình học tập, nghề nghiệp phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng, thúc đẩy học tập suốt đời và đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cổng Thông tin điện tử tỉnh An Giang (2026). *Sở Giáo dục và Đào tạo tổng kết nhiệm vụ năm học 2025–2026 và triển khai nhiệm vụ năm học 2026–2027*. https://angiang.gov.vn/vi/so-giao-duc-va-dao-tao-tong-ket-nhiem-vu-nam-hoc-2025-2026-va-trien-khai-nhiem-vu-nam-hoc-2026-2027
2. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
3. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
4. Báo Giáo dục Việt Nam (2026). *Chuyên gia nêu thực trạng và giải pháp hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục phổ thông*. https://giaoduc.net.vn/chuyen-gia-neu-thuc-trang-va-giai-phap-huong-nghiep-phan-luong-trong-giao-duc-pho-thong-post262843.gd
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
6. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

TS. Lê Trung Tín

Trường Trung cấp Thương mại và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Email: tinthktcn@gmail.com

Tóm tắt: *Báo cáo phân tích công tác tuyển sinh và liên kết đào tạo trình độ trung cấp tại tỉnh An Giang trong bối cảnh nhu cầu nhân lực kỹ thuật tăng cao, nhất là phục vụ APEC 2027 tại Phú Quốc. Bên cạnh thuận lợi như mục tiêu tối thiểu 40% học sinh tốt nghiệp THCS vào giáo dục nghề nghiệp, mô hình học song song văn hóa – nghề (9+) và sự hỗ trợ của chính quyền cơ sở, báo cáo chỉ ra các rào cản: tâm lý chuộng bằng cấp, hướng nghiệp hình thức, doanh nghiệp e ngại nhận học sinh chưa đủ 18 tuổi, cơ sở vật chất lạc hậu. Báo cáo đề xuất bốn nhóm giải pháp về truyền thông hướng nghiệp, mô hình liên kết đào tạo, đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, dịch vụ hỗ trợ người học cùng kiến nghị chính sách.*

Từ khóa: *trung cấp; tuyển sinh; liên kết đào tạo; mô hình 9+; nhà trường – doanh nghiệp*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tỉnh An Giang đang có những bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ. Nhu cầu về nguồn nhân lực có tay nghề, kỹ thuật cao phục vụ cho các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nuôi trồng thủy, hải sản và nông nghiệp công nghệ cao ngày càng trở nên cấp thiết. Điều này gắn liền với mục tiêu đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch (đặc biệt là chuẩn bị cho Hội nghị cấp cao APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc) [1].

Giáo dục nghề nghiệp (GDNN), đặc biệt là trình độ trung cấp, đóng vai trò cốt lõi trong việc cung ứng lực lượng lao động thực hành trực tiếp cho thị trường. Sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp chiếm tỷ lệ lớn nhất trong đội ngũ công nhân kỹ thuật tại các khu công nghiệp (KCN) như KCN Bình Hòa, KCN Xuân Tô, KCN Thạnh Lộc. Họ là những người trực tiếp đứng máy, bảo trì thiết bị và quản lý các công đoạn kỹ thuật nhỏ. Vì vậy, việc đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, chất lượng cao không chỉ là nhiệm vụ sống còn của các cơ sở GDNN mà còn là đòn bẩy thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh nhà.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TẠI AN GIANG

2.1. Những thuận lợi

- **Sự quan tâm của lãnh đạo:** Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, chính sách hỗ trợ kịp thời cho phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) vào hệ trung cấp. Tỉnh đặt mục tiêu cụ thể, phấn đấu tối thiểu **40% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục theo học tại các cơ sở GDNN** hệ sơ cấp và trung cấp (Kế hoạch số 826/KH-UBND ngày 25/12/2018 về "Giáo dục hướng nghiệp và định

hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025" [2], triển khai Đề án ban hành theo Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [3]).

- **Đa dạng hóa mô hình:** Các cơ sở GDNN đã chủ động phối hợp với các trường THCS, trung học phổ thông (THPT), Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) để triển khai mô hình học song song (vừa học văn hóa THPT, vừa học nghề), giúp rút ngắn thời gian và tiết kiệm chi phí cho người học [4]. Các trường tư thục như Trường Trung cấp Thương mại và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, Trường Trung cấp Nguyễn Tất Thành ký kết trực tiếp với Trung tâm GDTX tỉnh An Giang hoặc các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện. Học sinh tốt nghiệp THCS sẽ học song song: buổi sáng học văn hóa THPT theo chương trình GDTX, buổi chiều học mô-đun nghề. Sau 3 năm, các em nhận song song bằng tốt nghiệp THPT và bằng trung cấp nghề.
- **Sự hỗ trợ của địa phương:** Trong chuỗi liên kết đào tạo nghề nghiệp tại tỉnh An Giang, chính quyền cấp phường, xã đóng vai trò là "cánh tay nối dài" vô cùng quan trọng. Sự hỗ trợ của chính quyền cơ sở được thể hiện rõ nét qua hai công tác trọng tâm: phối hợp tuyển sinh, phân luồng học sinh tại địa phương và xác nhận hồ sơ để thực hiện chính sách cấp bù học phí.
- **Mở rộng liên kết:** Bước đầu hình thành các chuỗi liên kết giữa nhà trường – doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, tạo điều kiện cho học sinh thực tập sản xuất và giải quyết việc làm sau tốt nghiệp. Thay vì chỉ gửi học sinh đến thực tập đơn thuần, các trường nghề tại địa phương đã chuyển dịch sang mô hình "đồng hành song phương": doanh nghiệp trực tiếp tham gia xây dựng giáo trình, đứng lớp giảng dạy và bao tiêu đầu ra việc làm [5].

2.2. Những khó khăn, tồn tại

- **Tâm lý xã hội:** Tâm lý "chuộng bằng cấp", coi trọng bằng đại học hơn bằng nghề là một trong những rào cản lớn nhất ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tuyển sinh và phân luồng học sinh vào hệ trung cấp tại An Giang [4], [6]. Khảo sát thực tế cho thấy tâm lý này tạo ra những hệ lụy sâu sắc đến cả người học, gia đình và bài toán cung – cầu nhân lực của địa phương.
- **Công tác hướng nghiệp:** Tình trạng hoạt động hướng nghiệp còn mang tính hình thức, chưa sâu sát tại các trường phổ thông (THCS, THPT) trên địa bàn tỉnh An Giang hiện là "nút thắt" lớn nhất khiến công tác phân luồng học sinh vào hệ trung cấp gặp nhiều khó khăn. Thực trạng này thể hiện qua các khía cạnh:
  - Thời lượng ít và nội dung nghèo nàn;
  - Thiếu đội ngũ chuyên trách [7];
  - Chỉ tập trung vào "bề nổi" cuối cấp;
  - Chưa có sự trải nghiệm thực tế.
- **Doanh nghiệp còn ngại hỗ trợ đào tạo nghề:** Khi học sinh hệ 9+ bước vào giai đoạn thực tập tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình trung cấp (thường ở độ tuổi 16–17), các em **chưa đủ 18 tuổi (chưa đủ tuổi lao động thành niên)**. Điều này khiến các doanh nghiệp tại An Giang cực kỳ e ngại do vướng bận các quy định pháp lý nghiêm ngặt của Bộ luật Lao động, dẫn đến mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp bị bỏ ngỏ, thường thể hiện qua các mặt sau:
  - E ngại rủi ro pháp lý;

  - Chi phí quản lý cao;
  - Tâm lý xem học sinh là "trẻ con".

- **Cơ sở vật chất:** Sự lạc hậu về trang thiết bị thực hành tại các cơ sở đào tạo nghề so với tốc độ đổi mới công nghệ của doanh nghiệp là một "vùng xám" lớn trong công tác GDNN tại An Giang. Khi doanh nghiệp đã chuyển mình sang công nghệ tự động hóa, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI), thì nhiều phòng thực hành tại trường nghề vẫn dừng lại ở các thế hệ máy móc cũ.

3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để công tác tuyển sinh và liên kết đào tạo trình độ trung cấp đạt hiệu quả đột phá, chúng tôi xin đề xuất một số nhóm giải pháp đồng bộ sau.

3.1. Đổi mới và đẩy mạnh công tác truyền thông, hướng nghiệp

- **Đa dạng hóa hình thức tư vấn:** Công tác tư vấn cần được chuyển dịch mạnh mẽ từ phương thức **"quảng cáo một chiều"** sang **"tương tác đa điểm và cá nhân hóa trải nghiệm"**. Không chỉ phát tờ rơi truyền thống, cần đẩy mạnh ứng dụng mạng xã hội (Facebook, TikTok, Zalo), xây dựng các video ngắn về "người thật, việc thật" – những cựu học sinh trung cấp thành đạt; cụ thể hóa bằng các hoạt động như:
  - Xây dựng chiến dịch video ngắn (TikTok, Facebook Reels, YouTube Shorts);
  - Lồng ghép vào cuộc họp phụ huynh cuối cấp;
  - Cộng tác viên là giáo viên chủ nhiệm THCS.
- **Mô hình "Tư vấn trải nghiệm thực tế":** Tổ chức định kỳ các tour tham quan trải nghiệm nghề nghiệp (Open Day) cho học sinh lớp 9 và lớp 12 trực tiếp tại các trường trung cấp, cao đẳng với các chương trình:
  - Một ngày làm học sinh trung cấp;
  - Tour tham quan ba bên (Trường – Học sinh – Doanh nghiệp).

3.2. Hoàn thiện và linh hoạt các mô hình liên kết đào tạo

- **Đẩy mạnh mô hình 9+:** Tiếp tục tối ưu hóa chương trình học song song văn hóa và học nghề cho đối tượng tốt nghiệp THCS, bảo đảm học sinh tốt nghiệp có cả bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) và bằng trung cấp nghề. Tuy nhiên, các em vừa học văn hóa vừa học nghề nên rất dễ quá tải, buộc chúng ta có những điều chỉnh linh động trong đào tạo:
  - Thiết kế thời khóa biểu linh hoạt, khoa học (đào tạo cuốn chiếu);
  - Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá.
- **Liên kết vùng:** Chủ động liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, khu công nghiệp lớn tại các tỉnh lân cận (như Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh) để bao tiêu đầu ra, cam kết 100% học sinh có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, tạo động lực tăng trưởng kinh tế – xã hội, phát huy thế mạnh của từng địa phương và hình thành không gian phát triển đồng bộ.

3.3. Chặt chẽ hóa mối quan hệ song phương "Nhà trường – Doanh nghiệp"

- **Doanh nghiệp cùng tham gia đào tạo:** Bản chất là chuyển dịch từ "đào tạo lại" sang "đào tạo cùng". Theo cách truyền thống trước đây, nhà trường đào tạo xong mới giao học sinh cho doanh nghiệp, dẫn đến việc doanh nghiệp phải tốn từ 3–6 tháng để đào tạo lại từ đầu. Để bỏ qua quá trình đó, doanh nghiệp tham gia vào quy trình đào tạo ngay từ ngày đầu tiên học sinh nhập học thông qua 3 trụ cột cốt lõi [5]:
  - Tham gia biên soạn giáo trình và chuẩn đầu ra;
  - Doanh nghiệp cử chuyên gia làm "giảng viên thỉnh giảng";
  - Doanh nghiệp tham gia hội đồng chấm thi và đánh giá tốt nghiệp.
- **Ký kết cung ứng nhân lực:** Chuyển từ hình thức "đào tạo cái nhà trường có" sang "đào tạo cái doanh nghiệp cần" thông qua các đơn đặt hàng nhân lực cụ thể từ phía doanh nghiệp. Các mô hình "đơn đặt hàng" khả thi tại An Giang:
  - Đơn đặt hàng của tập đoàn/doanh nghiệp lớn dịch chuyển nhân lực: liên kết với các tập đoàn kinh tế lớn tại địa phương (như Tập đoàn Lộc Trời đối với khối ngành Cơ khí nông nghiệp, Công nghệ chế biến) hoặc các chuỗi nhà hàng, khách sạn lớn tại Châu Đốc, Phú Quốc;
  - Đơn đặt hàng thu hút từ các khu công nghiệp vùng lân cận;
  - Đơn đặt hàng xuất khẩu lao động.

3.4. Nâng cao chất lượng đào tạo và dịch vụ hỗ trợ học sinh

- **Hiện đại hóa chương trình:** Thường xuyên cập nhật mô-đun môn học, tăng thời lượng thực hành lên 70%, giảm lý thuyết xuống 30%.
- **Quản lý nội trú và chăm sóc người học:** Hoàn thiện dịch vụ ký túc xá an toàn, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thể thao, văn nghệ. Đặc biệt, có các chính sách học bổng, kết nối nhà hảo tâm đỡ đầu cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), vùng sâu, vùng xa và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.
- **Tư vấn tâm lý và kỹ năng mềm:** Tăng cường vai trò của Phòng Công tác Học sinh – Sinh viên trong việc tham vấn tâm lý lứa tuổi, giáo dục kỹ năng giao tiếp, tác phong công nghiệp và phòng chống tệ nạn xã hội.
- **Dịch vụ giới thiệu việc làm chủ động:** Thiết lập kênh "lần vết người học sau tốt nghiệp" để hỗ trợ giới thiệu việc làm liên tục cho đến khi học sinh ổn định thu nhập (tỷ lệ học sinh có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 80%).

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh và liên kết đào tạo trình độ trung cấp không phải là nhiệm vụ riêng của bất kỳ trường học nào, mà cần sự vào cuộc đồng bộ của toàn xã hội, các cơ quan ban ngành và cộng đồng doanh nghiệp.

Chúng tôi kiến nghị UBND tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục có những cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nói chung, trung cấp nghề nói riêng với những giải pháp cụ thể sau:

- **Đẩy mạnh truyền thông hướng nghiệp sớm:** Thực hiện hướng nghiệp cho các em học sinh

từ khi các em mới vào trường THCS. Tổ chức các ngày hội "Trải nghiệm nghề nghiệp" thực tế cho học sinh lớp 9 thay vì chỉ tư vấn lý thuyết.

- **Mở rộng đối tượng hỗ trợ chi phí sinh hoạt:** Bên cạnh chính sách miễn 100% học phí hệ trung cấp cho học sinh tốt nghiệp THCS, hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại hoặc ký túc xá cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo và đặc biệt là con em đồng bào DTTS (Khmer, Chăm) tại các huyện miền núi như Tri Tôn, Tịnh Biên.
- **Cơ chế thu hút chuyên gia doanh nghiệp làm giảng viên thỉnh giảng.**
- **Chính sách ưu đãi thuế cho doanh nghiệp hợp tác đào tạo:** Xây dựng cơ chế khuyến khích, giảm thuế hoặc ưu tiên tiếp cận quỹ đất/dự án đối với các doanh nghiệp tiếp nhận học sinh trung cấp đến thực tập và cam kết tuyển dụng sau tốt nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Tuổi Trẻ (30/9/2026). An Giang chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ APEC 2027 ở Phú Quốc thế nào? *Báo Tuổi Trẻ*.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2018). *Kế hoạch số 826/KH-UBND ngày 25/12/2018 về Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
4. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
5. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
6. Báo Tuổi Trẻ (26/7/2026). Học đại học cho mình hay cho sĩ diện của cha mẹ? *Báo Tuổi Trẻ*.
7. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005

CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Lưu Hoàng Hiếu

Trường THCS Ngô Quyền, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Email: hoanghieupgd@gmail.com

Tóm tắt: *Từ thực tiễn Trường THCS Ngô Quyền (năm học 2025–2026: 100% học sinh lớp 9 được tư vấn và trải nghiệm nghề nghiệp; 62,08% vào THPT, 34,06% chọn học nghề/GDTX), báo cáo phân tích công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh THCS. Các hạn chế chính gồm nhận thức chưa đồng đều, hoạt động thiếu chiều sâu, đội ngũ tư vấn hạn chế, liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp chưa bền vững, tư vấn chưa dựa trên dữ liệu. Báo cáo đề xuất bảy nhóm giải pháp: đổi mới quản lý theo lộ trình lớp 6–9; trải nghiệm và cá thể hóa; phối hợp bốn bên; bồi dưỡng đội ngũ; chuyển đổi số và AI; phân luồng công bằng, tôn trọng lựa chọn của học sinh; đánh giá và nhân rộng mô hình.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng sau THCS; trải nghiệm nghề nghiệp; tư vấn cá thể hóa; chuyển đổi số*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chiến lược phát triển đất nước, giáo dục và đào tạo luôn được xác định là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò quyết định trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài [1]. Trong đó, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh là một bộ phận quan trọng của giáo dục phổ thông, có ý nghĩa thiết thực đối với việc chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới [2].

Đối với cấp trung học cơ sở (THCS), hướng nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi đây là giai đoạn học sinh bắt đầu hình thành nhận thức về bản thân, khám phá sở thích, năng lực và những định hướng ban đầu về nghề nghiệp tương lai [3]. Việc định hướng đúng ở giai đoạn này sẽ giúp học sinh có sự chuẩn bị chủ động trong lựa chọn con đường học tập sau khi hoàn thành chương trình THCS, hạn chế tình trạng lựa chọn theo cảm tính, chạy theo tâm lý số đông hoặc chịu sự áp đặt từ gia đình.

Đặc biệt, trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, cơ cấu ngành nghề và nhu cầu thị trường lao động liên tục thay đổi, yêu cầu đặt ra đối với công tác hướng nghiệp không chỉ là giúp học sinh chọn một nghề mà quan trọng hơn là hình thành năng lực tự nhận thức, năng lực lựa chọn, khả năng thích ứng và tinh thần học tập suốt đời.

Đối với tỉnh nhà, việc nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS còn gắn liền với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương, đáp ứng nhu cầu nhân lực trong các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và các ngành nghề đặc thù của từng khu vực.

Vì vậy, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THCS không chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành Giáo dục mà cần được xác định là nhiệm vụ có tính chiến lược, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành, các cơ sở giáo dục, gia đình, doanh

nghiệp và toàn xã hội.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÂN LUỒNG HỌC SINH THCS

2.1. Những kết quả đạt được

Trong thời gian qua, công tác giáo dục hướng nghiệp tại nhà trường THCS đã từng bước được quan tâm và triển khai thông qua Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [4], đặc biệt là Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [5].

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp, lồng ghép nội dung tìm hiểu nghề nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục; phối hợp các trường cao đẳng và trung cấp nghề tổ chức tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh, tư vấn phân luồng cho học sinh lớp 9 và cha mẹ học sinh.

Nhà trường phối hợp với các trường cao đẳng và trung cấp nghề tổ chức ngày hội tư vấn hướng nghiệp, giao lưu với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tham quan cơ sở sản xuất, tìm hiểu nghề truyền thống, tổ chức hoạt động STEM gắn với thực tiễn địa phương.

Nhận thức của một bộ phận cha mẹ học sinh về sự đa dạng của các con đường học tập sau THCS đã có chuyển biến tích cực. Học sinh từng bước được tiếp cận với thông tin về nghề nghiệp, cơ hội đào tạo và nhu cầu nhân lực của xã hội.

Năm học 2025–2026, nhà trường đã thực hiện khá tốt công tác hướng nghiệp cho học sinh, cụ thể như Bảng 1.

Bảng 1

Kết quả khảo sát công tác giáo dục hướng nghiệp năm học 2025–2026

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tổng số học sinh toàn trường	819	—
2	Tổng số lớp 9	4 lớp	—
3	Tổng số học sinh lớp 9	182	100%
4	Học sinh được tư vấn hướng nghiệp	182	100%
5	Học sinh tham gia trải nghiệm nghề nghiệp	182	100%
6	Học sinh tiếp tục học THPT	113	62,08%
7	Học sinh lựa chọn học nghề/GDTX	62	34,06%
8	Học sinh nghỉ học	7	3,85%

Nguồn: Báo cáo của Trường THCS Ngô Quyền [6].

Những kết quả trên đã góp phần tạo chuyển biến trong nhận thức, giúp học sinh có thêm cơ sở để lựa chọn hướng học tập phù hợp với năng lực, sở trường và điều kiện của bản thân.

2.2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giáo dục hướng nghiệp của nhà trường vẫn còn một số hạn chế cần quan tâm khắc phục:

Thứ nhất, nhận thức về hướng nghiệp và phân luồng chưa thật sự đồng đều. Một bộ

phận cha mẹ học sinh vẫn còn quan niệm học lên trung học phổ thông (THPT) là con đường ưu tiên duy nhất; chưa đánh giá đúng giá trị của giáo dục nghề nghiệp và cơ hội phát triển nghề nghiệp từ các lộ trình đào tạo khác.

Thứ hai, hoạt động hướng nghiệp ở một số trường còn thiếu chiều sâu. Việc tổ chức đôi khi còn nặng về tuyên truyền, giới thiệu thông tin, chưa chú trọng khảo sát năng lực, sở thích, nguyện vọng và tư vấn cá thể hóa cho từng học sinh.

Thứ ba, đội ngũ thực hiện công tác hướng nghiệp còn hạn chế về chuyên môn. Giáo viên kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, chưa được bồi dưỡng thường xuyên về kỹ năng tư vấn nghề nghiệp, khai thác thông tin thị trường lao động và sử dụng các công cụ hỗ trợ định hướng nghề nghiệp [7].

Thứ tư, mối liên kết giữa nhà trường với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp chưa thật sự bền vững. Hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan môi trường lao động, tìm hiểu ngành nghề chưa được tổ chức thường xuyên và có hệ thống.

Thứ năm, công tác tư vấn phân luồng chưa thực sự dựa trên dữ liệu. Việc nắm bắt năng lực, sở thích, hoàn cảnh và nguyện vọng của học sinh chưa được chuẩn hóa; thông tin về xu hướng nghề nghiệp và nhu cầu nhân lực tại địa phương chưa được cập nhật thường xuyên.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan, điều kiện kinh tế – xã hội, cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động giữa các địa bàn còn khác nhau; hệ thống thông tin nghề nghiệp chưa thực sự gần gũi với học sinh và cha mẹ học sinh.

Về chủ quan, một số cơ sở giáo dục chưa dành sự quan tâm đúng mức cho công tác hướng nghiệp; việc xây dựng kế hoạch và kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động chưa có tiêu chí cụ thể. Năng lực tư vấn của đội ngũ chưa đồng đều; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp chưa trở thành cơ chế thường xuyên.

Một vấn đề cần nhìn nhận thẳng thắn là chúng ta vẫn chú trọng kết quả tuyển sinh đầu cấp và tỷ lệ học sinh tiếp tục học THPT hơn là chất lượng của quá trình định hướng nghề nghiệp. Trong khi đó, mục tiêu cốt lõi của hướng nghiệp phải là giúp mỗi học sinh tìm được lộ trình học tập phù hợp, có cơ hội phát triển lâu dài và đóng góp tích cực cho xã hội.

3. CÁC GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CẤP THCS

Để khắc phục những hạn chế và nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, tôi xin đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm sau.

3.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và đổi mới công tác quản lý giáo dục hướng nghiệp

Trước hết, cần xác định giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS là nhiệm vụ thường xuyên, có tính chiến lược trong kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương và từng cơ sở giáo dục. Trên cơ sở đó, các trường THCS xây dựng kế hoạch hướng nghiệp theo từng năm học, từng khối lớp; xác định rõ mục tiêu, nội dung, người phụ trách, nguồn lực, thời gian thực hiện và tiêu chí đánh giá.

Cần chuyển từ cách tổ chức hoạt động mang tính thời điểm, tập trung vào học sinh lớp 9 sang mô hình giáo dục hướng nghiệp liên tục từ lớp 6 đến lớp 9. Trong đó, lớp 6 và lớp 7 chú trọng khám phá bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp; lớp 8 tăng cường trải nghiệm, tìm hiểu yêu cầu nghề nghiệp; lớp 9 tập trung tư vấn, xây dựng kế hoạch học tập và lựa chọn lộ trình sau THCS.

3.2. Đổi mới nội dung và phương thức giáo dục hướng nghiệp theo hướng trải nghiệm, thực tiễn và cá thể hóa

Đây là giải pháp có ý nghĩa trực tiếp quyết định chất lượng hướng nghiệp.

Nhà trường cần chuyển mạnh từ phương thức cung cấp thông tin một chiều sang tổ chức các hoạt động trải nghiệm để học sinh được quan sát, tìm hiểu, thực hành và khám phá năng lực bản thân.

Tăng cường tích hợp nội dung hướng nghiệp trong các môn học như Công nghệ, Tin học, Khoa học tự nhiên, Toán học, Giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, trải nghiệm sáng tạo và các dự án học tập gắn với nghề nghiệp thực tế.

Đặc biệt, cần quan tâm xây dựng bản đồ nghề nghiệp địa phương, giới thiệu những ngành nghề có tiềm năng phát triển, những nghề truyền thống và những lĩnh vực đang có nhu cầu lao động. Qua đó, giúp học sinh hiểu được mối liên hệ giữa kiến thức được học ở trường với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Mỗi học sinh cần được hỗ trợ xây dựng hồ sơ định hướng nghề nghiệp cá nhân, trong đó có các thông tin cơ bản về năng lực học tập, sở thích, điểm mạnh, nguyện vọng và kế hoạch học tập. Việc tư vấn phải tôn trọng sự khác biệt, không áp đặt, không phân biệt giữa học sinh có học lực khác nhau.

3.3. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp

Cần xác định nhà trường giữ vai trò chủ trì, gia đình là lực lượng đồng hành, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp là đối tác cung cấp thông tin, môi trường trải nghiệm và cơ hội tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp [8].

Đề nghị ngành Giáo dục tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX), trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội để tổ chức ngày hội hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh, tham quan thực tế và giao lưu với người lao động, nghệ nhân, chuyên gia.

Mỗi địa bàn cần từng bước xây dựng mạng lưới đối tác hướng nghiệp, lựa chọn những đơn vị có điều kiện phù hợp để tổ chức hoạt động trải nghiệm định kỳ cho học sinh. Đối với cha mẹ học sinh, cần đổi mới cách thức tuyên truyền theo hướng đối thoại, chia sẻ và cung cấp thông tin thực chất; giúp phụ huynh hiểu rằng thành công của con em không chỉ được đo bằng việc vào trường THPT mà còn ở khả năng phát triển năng lực, có nghề nghiệp phù hợp, có việc làm ổn định và có cơ hội học tập suốt đời.

3.4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và lực lượng tham gia tư vấn hướng nghiệp

Cần tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp về kiến thức thị trường lao động, kỹ năng tư vấn, kỹ năng nhận diện năng lực và sở thích học sinh, phương pháp tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp.

Đề nghị ngành Giáo dục xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt về giáo dục hướng nghiệp ở cấp tỉnh và cấp cơ sở; tổ chức các hội thảo chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn liên trường, chia sẻ mô hình hay và kinh nghiệm thực tiễn.

Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của chuyên gia, doanh nhân, cựu học sinh, nghệ nhân và người lao động có kinh nghiệm trong việc tham gia các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp tại trường học.

3.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục hướng nghiệp

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ cần được xem là một giải pháp quan trọng nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận thông tin nghề nghiệp cho học sinh, nhất là học sinh ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và địa bàn còn khó khăn.

Cần từng bước xây dựng kho dữ liệu hướng nghiệp dùng chung, cung cấp thông tin về ngành nghề, yêu cầu năng lực, cơ sở đào tạo, thời gian và chi phí đào tạo, cơ hội việc làm cũng như xu hướng phát triển nghề nghiệp.

Khuyến khích các trường sử dụng nền tảng số để khảo sát sở thích, tổ chức tư vấn trực tuyến, giới thiệu ngành nghề và lưu trữ hồ sơ định hướng nghề nghiệp của học sinh. Có thể khai thác trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ tìm kiếm, phân tích và trình bày thông tin nghề nghiệp; tuy nhiên, kết quả do công cụ số cung cấp chỉ mang tính tham khảo, cần có sự kiểm chứng và tư vấn của giáo viên, chuyên gia.

Đồng thời, phải chú trọng bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin và quyền riêng tư của học sinh.

3.6. Đổi mới công tác phân luồng theo hướng công bằng, linh hoạt, tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh

Cần thay đổi nhận thức về phân luồng: phân luồng không phải là sự phân chia học sinh theo học lực hay áp đặt một con đường học tập nhất định, mà là quá trình tư vấn, hỗ trợ để mỗi học sinh lựa chọn lộ trình phù hợp với năng lực, sở thích, nguyện vọng, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội.

Nhà trường cần cung cấp thông tin khách quan, đầy đủ về các lựa chọn sau khi hoàn thành chương trình THCS, bao gồm tiếp tục học THPT, học chương trình giáo dục thường xuyên, học trung học nghề hoặc các lộ trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp theo quy định hiện hành [9].

Đặc biệt, cần giúp học sinh và cha mẹ học sinh hiểu rõ cơ hội học tập liên thông, nâng cao trình độ, chuyển đổi lộ trình và học tập suốt đời; không tạo tâm lý mặc cảm đối với học sinh lựa chọn giáo dục nghề nghiệp.

Công tác phân luồng phải bảo đảm tính tự nguyện, phù hợp và công bằng, không chạy theo chỉ tiêu cơ học, không sử dụng kết quả phân luồng để gây áp lực hoặc tạo sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục.

3.7. Tăng cường kiểm tra, đánh giá và nhân rộng các mô hình hướng nghiệp hiệu quả

Cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục hướng nghiệp cấp THCS theo hướng đánh giá thực chất, không chỉ căn cứ vào số lượng buổi tuyên truyền hay tỷ lệ học sinh lựa chọn từng loại hình trường học.

Các tiêu chí cần chú trọng gồm: mức độ nhận thức nghề nghiệp của học sinh; tỷ lệ học sinh được tham gia trải nghiệm thực tế; mức độ tham gia của cha mẹ học sinh; chất lượng tư vấn cá nhân; hiệu quả phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; mức độ phù hợp giữa lựa chọn sau THCS với nguyện vọng, năng lực của học sinh.

Đồng thời, cần thực hiện khảo sát học sinh sau tốt nghiệp THCS để nắm bắt tình hình tiếp tục học tập, đào tạo nghề và khả năng duy trì lộ trình đã lựa chọn. Trên cơ sở đó, đánh giá chất lượng tư vấn và điều chỉnh hoạt động hướng nghiệp ở các năm học tiếp theo. Khuyến khích xây dựng mô hình điểm tại một số trường có điều kiện thuận lợi, sau đó tổng kết, đánh giá, hoàn thiện và nhân rộng phù hợp với từng khu vực, từng nhóm đối tượng học sinh.

4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỚI CẤP TỈNH

Để các giải pháp trên được triển khai đồng bộ và có hiệu quả, tôi xin đề xuất một số kiến nghị:

Đối với Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh: Quan tâm chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương phối hợp thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; gắn nhiệm vụ này với quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Quan tâm bố trí nguồn lực để các trường có điều kiện tổ chức hoạt động trải nghiệm, tư vấn và hướng nghiệp.

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu ban hành kế hoạch hoặc chương trình hành động về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh THCS trong toàn tỉnh; xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp; tổ chức tập huấn chuyên môn, xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt và hệ thống thông tin nghề nghiệp dùng chung.

Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp: Tăng cường phối hợp với trường THCS trong cung cấp thông tin tuyển sinh, tổ chức tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp; công khai thông tin về ngành nghề đào tạo, điều kiện học tập, chi phí, cơ hội việc làm và khả năng phát triển của người học.

Đối với trường THCS: Chủ động đổi mới công tác quản lý, xây dựng kế hoạch hướng nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế; phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên; tăng cường tư vấn cá nhân và phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong quá trình định hướng nghề nghiệp cho các em.

5. KẾT LUẬN

Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THCS là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập của tỉnh nhà.

Muốn công tác hướng nghiệp đạt hiệu quả thực chất, chúng ta cần chuyển từ tư duy làm hướng nghiệp theo phong trào sang hướng nghiệp có kế hoạch, có dữ liệu, có trải nghiệm và có đánh giá kết quả; chuyển từ cách định hướng chung cho số đông sang tư vấn phù hợp với từng học

sinh; chuyển từ sự phối hợp mang tính thời điểm sang cơ chế liên kết thường xuyên, trách nhiệm và bền vững giữa nhà trường, gia đình, xã hội và doanh nghiệp.

Tôi tin tưởng rằng, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp của các sở, ban, ngành, sự chủ động của ngành Giáo dục và tinh thần trách nhiệm của mỗi cơ sở giáo dục, công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh THCS sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ, thực chất và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Mục tiêu cuối cùng của giáo dục hướng nghiệp không phải là định hướng tất cả học sinh đi theo một con đường giống nhau, mà là giúp mỗi học sinh tìm được con đường phù hợp nhất với năng lực, sở trường, nguyện vọng của mình; để các em có cơ hội phát triển, lập thân, lập nghiệp và đóng góp cho quê hương, đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
2. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
3. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
6. Trường THCS Ngô Quyền (2026). *Báo cáo tổng kết năm học, báo cáo công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh* (Tài liệu nội bộ).
7. Nguyen, H. L., Dam, A. T. V., & Ha, L. T. K. (2024). Evaluation of the organization and effectiveness of career counseling for Vietnamese high school students. *Humanities and Social Sciences Letters, 12*(2), 383–393. https://doi.org/10.18488/73.v12i2.3755
8. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.

CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA DOANH NGHIỆP VỚI NGÀNH GIÁO DỤC TRONG TIẾP NHẬN HỌC SINH, SINH VIÊN ĐẾN THỰC HÀNH, THỰC TẬP TẠI DOANH NGHIỆP

Học viện Du lịch Mặt Trời (Sun Tourism Academy – STA)

Tập đoàn Sun Group; Bãi Vòng – Hàm Ninh, Phú Quốc, tỉnh An Giang

Tóm tắt: *Báo cáo trình bày góc nhìn của Học viện Du lịch Mặt Trời (STA), đơn vị thuộc Tập đoàn Sun Group, về phối hợp giữa doanh nghiệp và ngành Giáo dục trong tiếp nhận học sinh, sinh viên thực hành, thực tập. Trong bối cảnh nhu cầu nhân lực du lịch tại Phú Quốc tăng nhanh, báo cáo chỉ ra các điểm nghẽn: nhà trường và doanh nghiệp thiếu gắn kết trong xây dựng chương trình, thực tập dồn vào cuối khóa, người học thiếu kỹ năng mềm và tiếng Anh chuyên ngành, chính sách hỗ trợ thực tập chưa toàn diện. Báo cáo giới thiệu mô hình đào tạo kép gắn với khách sạn đang vận hành, đề xuất năm trụ cột phối hợp (đồng bộ chương trình, thực hành tại doanh nghiệp 70–80% thời lượng, hỗ trợ tài chính, chuẩn hóa người hướng dẫn, kết nối việc làm) và kiến nghị với Sở Giáo dục và Đào tạo.*

Từ khóa: *phối hợp nhà trường – doanh nghiệp; thực hành, thực tập; đào tạo kép; nhân lực du lịch; Phú Quốc*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Bối cảnh phát triển du lịch và nhu cầu nhân lực giai đoạn 2026–2030

Giai đoạn 2026–2030 đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của ngành Du lịch – Dịch vụ tại tỉnh An Giang và toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Sự hình thành của các trục hành lang kinh tế – du lịch liên vùng, sự phát triển bứt phá của điểm đến quốc tế Phú Quốc liền kề với các trung tâm du lịch văn hóa, tâm linh tại An Giang đã mở ra không gian tăng trưởng rất lớn. Riêng tại Phú Quốc, theo dự báo năm 2027, lượng khách bay đến sẽ đạt mức 5,91 triệu lượt, trong đó bao gồm 3,17 triệu lượt khách nội địa và 2,74 triệu lượt khách quốc tế. Đồng thời, tổng lượt cất hạ cánh tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc dự kiến năm 2027 đạt 13,5 triệu lượt [1].

Tuy nhiên, thách thức lớn nhất hiện nay kìm hãm đà bứt phá này chính là chất lượng và số lượng nguồn nhân lực. Theo thống kê sơ bộ của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (báo cáo năm 2024), toàn ngành có khoảng 2,5 triệu lao động, trong đó khoảng 800.000 lao động trực tiếp; chỉ khoảng 45% được đào tạo chuyên ngành, 35% chuyển từ ngành khác và 20% chưa qua đào tạo. Nhu cầu bổ sung ước tính 40.000–60.000 lao động mỗi năm, trong khi hệ thống đào tạo cung ứng khoảng 20.000 người (theo VietnamPlus, 2026). Những con số này minh chứng cho sự "lệch pha" lớn giữa kỹ năng của sinh viên mới ra trường và yêu cầu vận hành thực tế trong ngành du lịch.

1.2. Vai trò của doanh nghiệp

Để từng bước giải quyết bài toán nêu trên, trong bức tranh thị trường việc làm và nâng chuẩn nghề nghiệp không thể không kể đến vai trò quan trọng của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp là đơn vị thụ hưởng của hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đồng thời cũng là nhân tố tích cực, tiên quyết trong việc xác định các yêu cầu đầu vào cho mỗi vị trí công việc. Ngoài ra, bộ máy nhân sự giàu kinh

nghiệm từ các doanh nghiệp cũng chính là các chuyên gia, những người hướng đạo, những người thầy thực tế nhất đối với học sinh, sinh viên (HSSV) [2]. Không chỉ có thế, việc tiếp xúc và làm quen với môi trường công việc từ sớm giúp HSSV nhận diện được những kỹ năng cá nhân cần trau dồi ngay trong giai đoạn học tập [3].

Nhìn từ khía cạnh giáo dục nghề nghiệp, sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình thiết kế bài giảng, đánh giá tay nghề và trực tiếp hướng dẫn trong công việc là yếu tố then chốt giúp nhà trường có chương trình giảng dạy tiến bộ, cập nhật; giúp HSSV định hình năng lực cần có ngay từ những học kỳ đầu tiên [4].

Đối với lĩnh vực du lịch, nghỉ dưỡng, giai đoạn thực hành, học tập tại doanh nghiệp không thể chỉ coi là một bước phụ trợ mang tính thủ tục. Về bản chất, đây là môi trường làm việc thực tiễn giúp HSSV rèn giũa kỹ năng nghề, định hình tác phong dịch vụ chuyên nghiệp, phát triển tư duy hiếu khách và nâng cao khả năng hội nhập quốc tế. Do đó, việc thiết lập một cơ chế hợp tác giữa ngành Giáo dục, các đơn vị đào tạo và cộng đồng doanh nghiệp là yêu cầu cấp thiết.

1.3. Học viện Du lịch Mặt Trời (STA) và sứ mệnh kết nối

Nhận diện được vai trò và tính chất trọng yếu của mối quan hệ doanh nghiệp và nhà trường, thấu hiểu những trăn trở của doanh nghiệp khi tiếp nhận lao động học nghề, đồng cảm với băn khoăn của các gia đình và HSSV, Học viện Du lịch Mặt Trời (Sun Tourism Academy – STA) ra đời với phương châm kết nối, từng bước khẳng định vị trí của giáo dục nghề nghiệp trong sự phát triển không chỉ của địa phương mà còn là một lựa chọn đáng cân nhắc cho thế hệ trẻ.

Tọa lạc tại Bãi Vòng – Hàm Ninh (Phú Quốc), STA là thành viên của Tập đoàn Sun Group, trước mắt hướng đến giải quyết nhu cầu nhân lực chất lượng cao của ngành, đặc biệt tại Phú Quốc, vốn luôn thiếu nhân lực có tay nghề ở rất nhiều lĩnh vực. Với sứ mệnh nâng cao chất lượng đội ngũ lao động du lịch trong nước, STA định vị mình là cầu nối trực tiếp giữa ngành Giáo dục, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (gồm các trường phổ thông, trung cấp, cao đẳng) và hệ sinh thái dịch vụ 5–6 sao chuẩn quốc tế đang vận hành, từ đó mở ra một hướng đi mới cho công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh.

Mô hình đào tạo của STA được xây dựng trên ba trụ cột: chương trình đào tạo nghề chuẩn Thụy Sĩ VET by EHL; hệ đào tạo cao đẳng du lịch theo chuẩn nghề nghiệp Việt Nam; và Trung tâm Đào tạo Tiếng Anh Quốc tế hợp tác cùng Oxford English Academy (OEA). Sự kết hợp này tạo ra lộ trình phát triển toàn diện về chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng thực hành và năng lực ngoại ngữ cho người học.

Đội ngũ giảng viên chuyên ngành tại STA được đào tạo và chuẩn hóa phương pháp giảng dạy thông qua chương trình Train the Trainer của VET by EHL. Đồng thời, học viện quy tụ các chuyên gia và nhà quản lý giàu kinh nghiệm đến từ các thương hiệu khách sạn quốc tế, bảo đảm người học được tiếp cận kiến thức thực tiễn, cập nhật xu hướng ngành và các tiêu chuẩn dịch vụ toàn cầu ngay trong quá trình đào tạo.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHỐI HỢP NGÀNH GIÁO DỤC – DOANH NGHIỆP

2.1. Những kết quả đạt được trong hợp tác đào tạo – thực tập thời gian qua

Thời gian qua, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang đã có nhiều nỗ lực đáng ghi nhận trong việc tìm kiếm doanh nghiệp liên kết, nâng cao tỷ lệ thực hành trong khung chương trình. Các trường đại học, cao đẳng tại An Giang đã thiết lập hợp tác với các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực du lịch như Saigontourist, Vietravel, Vinpearl… để đưa HSSV đến trải nghiệm và thực tập tại các địa điểm như Cần Thơ, Phú Quốc.

2.2. Các điểm nghẽn và hạn chế

Bên cạnh những tiến bộ nêu trên, công tác phối hợp giữa ngành Giáo dục và doanh nghiệp trong tiếp nhận HSSV thực tập vẫn còn một số điểm nghẽn cần được nhìn nhận thẳng thắn:

- **Sự thiếu gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong quá trình đào tạo:** Nhà trường và doanh nghiệp chưa thực sự "gặp nhau" ở khâu chuẩn hóa khung chương trình đào tạo. Tại nhiều cơ sở giáo dục, việc xây dựng chương trình, thiết kế chuẩn đầu ra và tổ chức giảng dạy vẫn chủ yếu do nhà trường đảm nhiệm, trong khi doanh nghiệp chỉ tham gia ở giai đoạn tiếp nhận thực tập cuối khóa. Trên thực tế, trải nghiệm thực tập của phần lớn HSSV hiện nay chỉ gói gọn trong 2–3 tháng cuối khóa. Đối với các cơ sở đào tạo du lịch trên địa bàn An Giang, chưa có thông tin hoặc cam kết cụ thể cho thấy HSSV khi tham gia thực tập sẽ được doanh nghiệp tổ chức đào tạo bài bản, được kèm cặp bởi đội ngũ chuyên gia hoặc tham gia vào lộ trình phát triển nghề nghiệp có cấu trúc. Do vậy, chưa có minh chứng cho thấy giá trị thực tiễn mà người học nhận được từ kỳ thực tập được bảo đảm một cách đầy đủ.
- **HSSV thiếu hụt kỹ năng mềm và tiếng Anh chuyên ngành:** Khi bước chân vào môi trường dịch vụ 4–5 sao, nhiều HSSV không chỉ bỡ ngỡ, thiếu tự tin trong giao tiếp, xử lý tình huống và làm việc trong môi trường đa văn hóa, mà còn lúng túng khi chưa sử dụng thuần thục tiếng Anh. Mặc dù một số cơ sở đào tạo du lịch trên địa bàn An Giang quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc B1, nhưng năng lực sử dụng ngoại ngữ trong môi trường nghề nghiệp thực tế vẫn là một thách thức đối với nhiều sinh viên. Khoảng cách giữa năng lực ngoại ngữ học thuật và khả năng ứng dụng trong môi trường dịch vụ thực tế khiến HSSV gặp khó khăn trong trao đổi thông tin, giao tiếp công việc trong chính lĩnh vực chuyên môn của mình. Điều này khiến doanh nghiệp mất thêm thời gian cho mỗi nội dung chuyên môn cần chuyển tải, hướng dẫn, rèn luyện cho các em.
- **Chính sách hỗ trợ sinh viên chưa toàn diện:** Với tính chất công việc của ngành dịch vụ, nhân sự cần được tạo điều kiện sinh hoạt, lưu trú gần hoặc ngay tại nơi làm việc. Hiện tại, các doanh nghiệp và cơ sở lưu trú vừa và nhỏ tại địa phương hạn chế về quy mô và nguồn lực, dẫn đến hạn chế về các chế độ hỗ trợ đối với HSSV trong quá trình thực tập. Đối với các khách sạn, khu nghỉ dưỡng lớn, mặc dù chính sách cho cán bộ, nhân viên khá tốt, phạm vi chính sách chưa thể đáp ứng cho sinh viên thực tập, hoặc mới đáp ứng được số lượng khiêm tốn. Như vậy, bài toán đặt ra là cần các chính sách đồng bộ về phụ cấp, chỗ ở, bảo hiểm và lộ trình nghề nghiệp rõ ràng cho sinh viên thực tập, đặc biệt các em đến từ các địa bàn xa.

3. MÔ HÌNH ĐÀO TẠO KÉP CỦA STA VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHỐI HỢP

3.1. Mô hình đào tạo kép (Dual System) tại STA Phú Quốc

Nhằm từng bước khắc phục các hạn chế trên, STA giới thiệu tại Hội thảo mô hình giải pháp mang tên "Đào tạo song hành trong môi trường vận hành thực tiễn". Đây là mô hình có tiềm năng mang lại thành công ở các khía cạnh nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kết nối việc làm và chuyển đổi tư duy nghề nghiệp.

- **Triết lý đào tạo kép:** Chương trình được cấu trúc để tổ chức linh hoạt đào tạo tại nhà trường và trực tiếp tại hệ thống khách sạn, resort quốc tế của Sun Group.
- **Chuẩn mực quốc tế EHL (Thụy Sĩ):** STA liên kết đào tạo cấp chứng chỉ nghề quốc tế với EHL (École Hôtelière de Lausanne). EHL giữ vị trí số 1 thế giới trong 8 năm liên tiếp (2019–2026) tại bảng xếp hạng QS World University Rankings ở lĩnh vực Quản trị Khách sạn và Giải trí [5]. Chứng chỉ EHL được công nhận bởi nhiều tập đoàn quản lý khách sạn như Marriott, IHG, Hilton, Accor.
- **Hệ sinh thái thực hành:** Học viên của STA được học tập và làm việc trực tiếp trong môi trường chuyên nghiệp, do các tập đoàn vận hành quốc tế như JW Marriott, InterContinental, Accor, St. Regis… quản lý, thuộc hệ sinh thái Sun Group.
- **Đào tạo tiếng Anh theo vị trí việc làm:** STA thành lập Trung tâm Đào tạo Tiếng Anh chuyên biệt theo từng vị trí việc làm, ứng dụng phương pháp học kết hợp (Blended Learning: giảng viên kết hợp AI và tự học), với chuẩn đầu ra tham chiếu Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ (CEFR). Phối hợp cùng đối tác Oxford English Academy (OEA) – BrainClick Vietnam, chương trình đào tạo tiếng Anh của STA được xây dựng bám sát CEFR theo chuẩn của OEA Oxford, giúp học viên vượt qua rào cản ngôn ngữ để tự tin làm việc trong môi trường toàn cầu.

3.2. Đề xuất kế hoạch và giải pháp đồng bộ

STA đề xuất giải pháp phối hợp toàn diện qua 5 trụ cột:

- *Đồng bộ hóa chương trình đào tạo:* Ngành Giáo dục tỉnh, gồm Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở GD&ĐT), các trường trung cấp, cao đẳng, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX), phối hợp chặt chẽ với đội ngũ chuyên gia của STA thiết kế chương trình theo đặt hàng của doanh nghiệp. Về phân vai: các cơ quan quản lý nhà nước (Sở GD&ĐT, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) định hướng chỉ tiêu và khung năng lực; phía STA cung cấp dự báo định lượng nhu cầu nhân lực theo từng vị trí việc làm, cử đội ngũ chuyên gia vận hành cùng tham gia thẩm định giáo trình, trực tiếp xây dựng chuẩn kỹ năng thực hành nghề theo chuẩn quốc tế VET by EHL và Bộ Tiêu chuẩn Kỹ năng nghề Du lịch Việt Nam.
- *Tiếp nhận học tập tại doanh nghiệp linh hoạt:* Thay vì dồn thực tập vào cuối khóa với tính chất thụ động, chương trình phân bổ thời lượng thực hành thực chiến chiếm 70–80% tổng thời lượng đào tạo (ví dụ: hệ VET by EHL dành tới 80% tại doanh nghiệp với 675 giờ học việc thực tế). Các đợt thực hành được tổ chức luân phiên ngay từ năm thứ nhất, phân bổ giữa khách sạn thực hành trong khuôn viên STA (quy mô 49 phòng tiêu chuẩn, 2 phòng Suite, 4 phòng

thực hành chuyên biệt Bếp, Pha chế, Lễ tân, Buồng phòng) và hệ thống resort 5–6 sao tại Phú Quốc.

- *Hỗ trợ tài chính và bảo đảm an sinh:* STA cam kết hỗ trợ hệ thống ký túc xá (KTX) tại Phú Quốc, gói hỗ trợ tài chính cho các hạng mục học phí, chi phí sinh hoạt và đi lại, giúp các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại An Giang yên tâm học nghề. Trên cơ sở đó, học viên cam kết hoàn thành toàn bộ khóa học, đạt chuẩn đầu ra và làm việc tại các khách sạn thuộc hệ sinh thái Sun Group từ 3–5 năm sau tốt nghiệp. Trường hợp tự ý bỏ học, vi phạm cam kết hoặc vi phạm kỷ luật, người học (và người bảo trợ) có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ chi phí đào tạo, sinh hoạt phí đã được doanh nghiệp tài trợ theo thỏa thuận đào tạo.
- *Chuẩn hóa đội ngũ chuyên gia hướng dẫn:* Học viên được đào tạo trực tiếp tại hệ thống khách sạn, khu nghỉ dưỡng của Sun Group tại Phú Quốc như JW Marriott Phu Quoc Emerald Bay, Premier Residences, Premier Village, New World Phu Quoc Resort, La Festa Phu Quoc – Curio Collection by Hilton…, đồng thời được hướng dẫn, kèm cặp và đánh giá bởi đội ngũ chuyên gia đạt chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (Train-the-Trainers).
- *Kết nối cơ hội việc làm:* Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo kép tại STA được ưu tiên xem xét tuyển dụng làm việc tại các khách sạn thuộc hệ sinh thái Sun Group. Nhu cầu tuyển dụng của hệ sinh thái du lịch tại Phú Quốc là rất lớn khi quỹ phòng lưu trú của Sun Group (SHE) dự kiến được bổ sung 18 khách sạn với 12.626 phòng trong năm 2027. Các khách sạn của Sun Group dự kiến đón khoảng 400.000 lượt khách trong năm này. Nền tảng vận hành đó mở ra lộ trình nghề nghiệp cho học sinh tỉnh An Giang sau khi tốt nghiệp, từ nhân viên chính thức, chuyên viên đến các cấp độ giám sát dịch vụ.

4. ĐÓNG GÓP CỦA STA CHO CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Phối hợp cùng Sở GD&ĐT An Giang trong phân luồng học sinh THCS, THPT

STA cam kết đồng hành trong việc mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp du lịch chất lượng cao cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn tỉnh An Giang [6]. Thay vì xem học nghề là lựa chọn thứ cấp, STA sẽ phối hợp với các bên để định hình tư duy nghề nghiệp tiến bộ cho các em. Để hiện thực hóa định hướng này, STA dự kiến tổ chức định kỳ các chương trình "Open Day / Tour Trải nghiệm nghề 5 sao", đưa học sinh, phụ huynh An Giang trực tiếp tham quan hệ thống giảng đường và trải nghiệm môi trường làm việc thực tế tại các khách sạn ở Phú Quốc.

4.2. Nhu cầu tuyển sinh 2026–2027

Trong giai đoạn khởi đầu này, STA công bố cơ chế, hình thức hỗ trợ tài chính phát triển nguồn nhân lực dành riêng cho HSSV tỉnh An Giang đăng ký nhập học Khóa I (thời gian triển khai từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2026) với **chỉ tiêu từ 600 đến 1.000 sinh viên**. Đây là cơ hội để thế hệ trẻ An Giang tiếp cận một lộ trình nghề nghiệp rõ ràng.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa doanh nghiệp và ngành Giáo dục không chỉ là giải pháp mang tính tình thế, mà là điều kiện then chốt để giải quyết bài toán phân luồng, hướng nghiệp và việc làm bền vững. Mô hình đào tạo kép cùng các chính sách an sinh của STA thể hiện cam kết đồng hành và trách nhiệm đầu tư dài hạn của Tập đoàn Sun Group đối với sự nghiệp phát triển giáo dục nghề nghiệp của tỉnh An Giang nói riêng và vùng ĐBSCL nói chung.

5.2. Kiến nghị với Sở GD&ĐT tỉnh An Giang

Để mô hình hợp tác sớm đi vào thực tiễn, Học viện STA trân trọng đề xuất Ban lãnh đạo Sở GD&ĐT xem xét các khuyến nghị sau:

- *Một là*, Sở GD&ĐT An Giang làm đầu mối chính thức, thành lập Tổ công tác liên kết giữa STA với Ban Giám hiệu các trường THPT, các trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn toàn tỉnh nhằm thông suốt kênh thông tin về phân luồng.
- *Hai là*, cho phép STA được đồng hành và tham gia sâu hơn vào các chương trình tư vấn hướng nghiệp trực tiếp, ngày hội việc làm, các diễn đàn giáo dục của tỉnh trong giai đoạn 2026–2030.
- *Ba là*, hai bên phối hợp tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh chuyên sâu và chính thức tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhập học của học sinh An Giang từ ngày **16/11/2026**.

Học viện Du lịch Mặt Trời tin tưởng rằng, với sự đồng thuận và hỗ trợ từ ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, các bên sẽ cùng nhau kiến tạo nên một thế hệ lao động trong ngành du lịch có bản lĩnh, có tri thức và đóng góp xứng đáng vào sự thịnh vượng của quê hương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sun Group (2026). *Đường cất hạ cánh số 2 Phú Quốc đi vào khai thác: tốc độ kỷ lục, chuẩn mực quốc tế*. https://sungroup.com.vn/tin-tuc/duong-cat-ha-canh-so-2-phu-quoc-di-vao-khai-thac-toc-do-ky-luc-chuan-muc-quoc-te-14739
2. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
3. Covacevich, C., Mann, A., Besa, F., Diaz, J., & Santos, C. (2021). *Thinking about the future: Career readiness insights from national longitudinal surveys and from practice* (OECD Education Working Papers No. 248). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/02a419de-en
4. Quốc hội (2025). *Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10/12/2025*.
5. QS Quacquarelli Symonds (2026). *QS World University Rankings by Subject: Hospitality and Leisure Management*. https://www.topuniversities.com/university-subject-rankings/hospitality-leisure-management
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.

PHỐI HỢP GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NGÀNH GIÁO DỤC TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, HỌC TẬP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO HỌC SINH, SINH VIÊN SAU KHI RA TRƯỜNG

Nguyễn Ngọc Được

Công ty Cổ phần Đào tạo & Cung ứng Nhân lực 2WIN

Email: Wingroup.ngocduoc@gmail.com

Tóm tắt: *Từ góc độ nhà tuyển dụng, báo cáo phân tích nghịch lý thị trường lao động: doanh nghiệp khó tuyển người đáp ứng yêu cầu trong khi tỷ lệ thất nghiệp thanh niên 15–24 tuổi quý III/2026 là 9,07%, khoảng 1,6 triệu thanh niên không việc làm, không học tập, không đào tạo. Điểm nghẽn nằm ở ba điểm nối: trước khi học (hướng nghiệp chưa gắn trải nghiệm), trong khi học (thực tập chưa sát vị trí việc làm) và sau khi học (kết nối tuyển dụng, theo dõi đầu ra phân tán); nguyên nhân cốt lõi là thiếu cơ chế phối hợp, đầu mối và bộ chỉ số chung. Báo cáo đề xuất sáu nhóm giải pháp, phân công vai trò các chủ thể, cam kết của doanh nghiệp, kiến nghị với Sở Giáo dục và Đào tạo và lộ trình ba bước giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *phối hợp doanh nghiệp – nhà trường; hướng nghiệp; thực tập ba bên; việc làm sau tốt nghiệp; bộ chỉ số theo dõi*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hướng nghiệp, phân luồng không chỉ là nhiệm vụ của nhà trường mà cần sự tham gia thực chất của doanh nghiệp và địa phương. Mục tiêu cuối cùng không dừng ở việc học sinh chọn được ngành học, mà phải giúp các em lựa chọn đúng nghề, được đào tạo phù hợp và có khả năng tìm được việc làm ổn định sau tốt nghiệp.

Thị trường lao động đang tồn tại nghịch lý: doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhưng vẫn khó tìm người đáp ứng yêu cầu; trong khi một bộ phận thanh niên chưa có việc làm, chưa tham gia học tập hoặc đào tạo. Theo số liệu quý III/2026 của Cục Thống kê, tỷ lệ thất nghiệp chung trong độ tuổi lao động là 2,22%, nhưng tỷ lệ thất nghiệp thanh niên 15–24 tuổi là 9,07%; khoảng 1,6 triệu thanh niên thuộc nhóm không việc làm, không học tập, không đào tạo [1].

Từ góc độ nhà tuyển dụng, Công ty Cổ phần Đào tạo & Cung ứng Nhân lực 2WIN (sau đây gọi là 2WIN) cho rằng khoảng cách giữa đào tạo và việc làm cần được giải quyết bằng sự phối hợp liên tục giữa nhà trường – doanh nghiệp – người học, thay vì chỉ kết nối ở khâu thực tập hoặc giới thiệu việc làm.

2. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

2.1. Hành lang chính sách đã mở rộng vai trò doanh nghiệp

Các chính sách giáo dục và giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2025–2026 đã tạo cơ sở để doanh nghiệp tham gia hướng nghiệp, tư vấn, đào tạo, thực hành và tuyển dụng. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT

quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục [2]; Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 [3] và các quy định liên quan mở rộng vai trò của doanh nghiệp trong đào tạo nghề. Vấn đề trọng tâm hiện nay là tổ chức thực hiện có đầu mối, có kế hoạch và có kết quả đo lường.

2.2. Phân luồng và liên kết đào tạo chưa đạt kỳ vọng

Kết quả phân luồng sau trung học cơ sở (THCS) còn thấp so với mục tiêu của Đề án ban hành theo Quyết định số 522/QĐ-TTg [4]; học sinh vẫn có xu hướng tập trung vào con đường học trung học phổ thông (THPT) [5]. Hoạt động phối hợp với doanh nghiệp ở nhiều nơi còn theo từng sự kiện, chưa thường xuyên tham gia từ khâu định hướng nghề và xây dựng nội dung đào tạo.

2.3. Khoảng cách giữa người học và yêu cầu tuyển dụng

Doanh nghiệp không chỉ cần bằng cấp mà đặc biệt quan tâm thái độ, tính kỷ luật, sự bền bỉ, khả năng phối hợp, quản lý thời gian và giải quyết vấn đề. Một số người học chưa hình dung đúng công việc thực tế; thực tập thiếu nhiệm vụ cụ thể, người hướng dẫn và tiêu chí đánh giá nên chưa hình thành được năng lực làm việc.

Kết luận thực trạng: điểm nghẽn không nằm ở một khâu riêng lẻ mà nằm ở ba điểm nối: trước khi học (chọn nghề), trong khi học (năng lực thực hành) và sau khi học (kết nối việc làm, theo dõi đầu ra).

3. BA ĐIỂM NỐI CẦN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

Điểm nối 1 – Trước khi học: Hướng nghiệp chưa gắn với trải nghiệm và nhu cầu nhân lực

- Học sinh và phụ huynh còn thiếu thông tin thực tế về công việc, kỹ năng cần có, lộ trình học và cơ hội phát triển của từng nghề.
- Hoạt động hướng nghiệp có nơi còn thiên về giới thiệu tuyển sinh, chưa tạo điều kiện để học sinh trực tiếp quan sát, trải nghiệm môi trường nghề nghiệp.
- Thông tin nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp chưa được chia sẻ thường xuyên, có hệ thống đến nhà trường và người học.

Điểm nối 2 – Trong khi học: Đào tạo và thực tập chưa đủ sát vị trí việc làm

- Một số chương trình đào tạo cập nhật chưa kịp yêu cầu thực tế của doanh nghiệp.
- Thực hành, thực tập có nơi còn hình thức; thiếu người kèm cặp, nhiệm vụ rõ ràng và tiêu chí đánh giá năng lực.
- Các kỹ năng nền tảng như tác phong, kỷ luật, làm việc nhóm và xử lý tình huống chưa được rèn luyện đầy đủ trong môi trường làm việc thật.

Điểm nối 3 – Sau khi học: Kết nối tuyển dụng và theo dõi đầu ra còn phân tán

- Người học thiếu kênh tiếp cận thông tin việc làm phù hợp; doanh nghiệp tuyển dụng theo cách riêng lẻ.
- Kết quả thực tập chưa được khai thác thành nguồn tuyển dụng ưu tiên.
- Nhà trường chưa theo dõi thường xuyên tình trạng việc làm sau tốt nghiệp, mức độ phù hợp ngành nghề và nguyên nhân người lao động nghỉ việc.

Nguyên nhân cốt lõi

Thiếu cơ chế phối hợp thường xuyên, đầu mối điều phối và bộ chỉ số đánh giá chung. Nhà trường cần nâng cao chất lượng đầu ra; doanh nghiệp cần nhân lực đáp ứng công việc; người học cần việc làm ổn định. Tuy nhiên, ba bên chưa được kết nối bằng một quy trình thống nhất.

4. QUAN ĐIỂM ĐỀ XUẤT

Cần chuyển từ phối hợp theo sự vụ sang đồng hành theo chuỗi; từ hướng nghiệp mang tính thông tin sang hướng nghiệp có trải nghiệm; từ thực tập để đủ điều kiện tốt nghiệp sang thực tập tạo năng lực; từ giới thiệu việc làm đơn lẻ sang kết nối và theo dõi việc làm sau tốt nghiệp.

Nguyên tắc triển khai: rõ trách nhiệm từng bên, có kế hoạch hằng năm, có người phụ trách, có tiêu chí đánh giá và lấy kết quả việc làm của người học làm thước đo quan trọng.

5. SÁU NHÓM GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

5.1. Đưa doanh nghiệp vào hoạt động hướng nghiệp từ bậc THCS

Doanh nghiệp phối hợp với trường tổ chức trải nghiệm nghề cho học sinh lớp 8, lớp 9: tham quan nơi làm việc, gặp gỡ người đang làm nghề, hoạt động "một ngày làm nghề" [6], [7]. Mỗi nghề cần có hồ sơ ngắn gọn về công việc, kỹ năng, lộ trình học, thu nhập tham khảo và cơ hội phát triển.

Kiến nghị ngành Giáo dục đưa hoạt động trải nghiệm doanh nghiệp vào kế hoạch hướng nghiệp hằng năm, tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động bố trí nhân sự và địa điểm.

5.2. Chia sẻ dữ liệu và dự báo nhu cầu nhân lực địa phương

Doanh nghiệp cung cấp định kỳ thông tin tuyển dụng theo ngành nghề, trình độ, kỹ năng và vị trí việc làm; tần suất đề xuất mỗi năm một lần hoặc theo quý khi có điều kiện. Ngành Giáo dục phối hợp xây dựng "bản đồ nghề nghiệp" dùng chung để hỗ trợ tư vấn, định hướng và xác định chỉ tiêu đào tạo.

5.3. Cùng thiết kế chương trình và đào tạo gắn thực hành

Doanh nghiệp cử chuyên gia, kỹ sư, người lao động lành nghề tham gia góp ý chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo và hướng dẫn mô-đun thực hành. Với ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng lớn, có thể triển khai đào tạo theo đơn đặt hàng: doanh nghiệp xác định yêu cầu năng lực, nhà trường tổ chức đào tạo, người học có lộ trình rõ ràng đến vị trí việc làm.

Ngoài kiến thức chuyên môn, chương trình cần chú trọng tác phong, kỷ luật, làm việc nhóm, quản lý thời gian và xử lý tình huống.

5.4. Chuẩn hóa thực hành, thực tập bằng thỏa thuận ba bên

Mỗi đợt thực tập cần có thỏa thuận giữa nhà trường – doanh nghiệp – người học, xác định rõ mục tiêu năng lực, thời gian, vị trí, người hướng dẫn, tiêu chí đánh giá, an toàn và quyền lợi. Lộ trình gồm ba bước: tham quan, làm quen; thực hành theo mô-đun có kèm cặp; thực tập với nhiệm vụ cụ thể.

Doanh nghiệp bố trí người hướng dẫn, giao việc có ý nghĩa và đánh giá kết quả bằng phiếu nhận xét năng lực để nhà trường tiếp tục điều chỉnh đào tạo.

5.5. Gắn thực tập với tuyển dụng và theo dõi sau tốt nghiệp

Kết quả thực tập tốt cần trở thành một căn cứ để doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng. Nhà trường và doanh nghiệp phối hợp tổ chức ngày hội việc làm theo mùa tốt nghiệp; doanh nghiệp xem xét dành vị trí tuyển dụng cho người học đạt yêu cầu.

Đề xuất theo dõi tình hình việc làm trong 6–12 tháng sau tốt nghiệp, tập trung vào các nội dung: có việc làm hay không, có đúng ngành được đào tạo không, mức độ phù hợp và lý do nghỉ việc. Dữ liệu này là căn cứ để hỗ trợ người học và điều chỉnh chương trình đào tạo.

5.6. Thiết lập cơ chế điều phối và đo lường ở cấp địa phương

Đề nghị hình thành nhóm điều phối hướng nghiệp – việc làm cấp tỉnh với sự tham gia của Sở Giáo dục và Đào tạo, chính quyền xã/phường, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, Đoàn Thanh niên và đại diện cha mẹ học sinh. Nhóm cần có đầu mối thường trực, kế hoạch hằng năm và chế độ báo cáo.

Bộ chỉ số theo dõi đề xuất:

- Tỷ lệ học sinh lớp 9 tham gia ít nhất một hoạt động trải nghiệm nghề.
- Số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động hướng nghiệp.
- Tỷ lệ người học thực tập được doanh nghiệp đánh giá đạt yêu cầu.
- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành sau 6 tháng tốt nghiệp.

Song song đó, cần truyền thông thường xuyên đến phụ huynh và xã hội để nhìn nhận học nghề là một con đường nghề nghiệp chính đáng, phù hợp năng lực và nhu cầu của người học.

6. PHÂN CÔNG VAI TRÒ VÀ CÁCH THỨC PHỐI HỢP

Bảng 1

Phân công vai trò và sản phẩm/kết quả của các chủ thể

Chủ thể	Vai trò trọng tâm	Sản phẩm/kết quả
Ngành Giáo dục, nhà trường	Lập kế hoạch hướng nghiệp; kết nối doanh nghiệp; cập nhật đào tạo; theo dõi người học.	Kế hoạch năm; hoạt động trải nghiệm; chương trình sát thực tế; dữ liệu đầu ra.
Doanh nghiệp	Cung cấp thông tin nhân lực; tham gia hướng nghiệp; góp ý đào tạo; hướng dẫn thực tập; tuyển dụng.	Hồ sơ nghề; thông tin tuyển dụng; vị trí thực tập; đánh giá và cơ hội việc làm.
Người học, phụ huynh	Chủ động tìm hiểu nghề; lựa chọn phù hợp năng lực; tham gia học và thực hành nghiêm túc.	Lựa chọn có thông tin; năng lực nghề; định hướng việc làm rõ ràng.
Chính quyền, tổ chức địa phương	Hỗ trợ điều phối, truyền thông và kết nối nguồn lực tại địa bàn.	Đầu mối phối hợp; kế hoạch liên ngành; hỗ trợ triển khai.

7. CAM KẾT ĐỒNG HÀNH CỦA CÔNG TY 2WIN

Với vai trò là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo và cung ứng nhân lực, 2WIN xác định trách nhiệm đồng hành cùng ngành Giáo dục không chỉ ở khâu tuyển dụng, mà xuyên suốt từ định hướng nghề nghiệp đến đào tạo, thực hành và việc làm. 2WIN sẵn sàng phối hợp thực hiện bốn

nội dung:

- Chia sẻ thông tin nhu cầu tuyển dụng, tiêu chuẩn vị trí và kỹ năng mà doanh nghiệp đang cần.
- Tham gia các buổi tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp, giao lưu và định hướng cho học sinh.
- Cử nhân sự có kinh nghiệm tham gia góp ý nội dung thực hành, hỗ trợ hướng dẫn và đánh giá người học trong quá trình thực tập.
- Ưu tiên xem xét hồ sơ của người học đã thực tập và được doanh nghiệp đánh giá đạt yêu cầu.

2WIN đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ định đầu mối tiếp nhận và điều phối để các nội dung phối hợp được triển khai thường xuyên, có kế hoạch và có kết quả cụ thể.

8. KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Chỉ định đầu mối phụ trách kết nối doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn.
- Đưa hoạt động trải nghiệm nghề tại doanh nghiệp vào kế hoạch hướng nghiệp hằng năm, ưu tiên học sinh lớp 8 và lớp 9.
- Tổ chức cơ chế chia sẻ thông tin nhu cầu nhân lực, tuyển dụng và kỹ năng nghề giữa doanh nghiệp – nhà trường – địa phương.
- Khuyến khích mô hình phối hợp đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, thực tập có thỏa thuận ba bên và đánh giá năng lực thực tế.
- Từng bước xây dựng bộ chỉ số theo dõi kết quả phân luồng, thực tập và việc làm sau tốt nghiệp.

9. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2026–2030

Đề xuất triển khai theo hướng làm chắc từng bước, lựa chọn cơ sở giáo dục và doanh nghiệp có điều kiện để thí điểm, đánh giá rồi nhân rộng:

- Bước 1 – Kết nối: thống nhất đầu mối, xác định nhóm ngành nghề và nhu cầu nhân lực; lựa chọn trường, doanh nghiệp tham gia.
- Bước 2 – Thí điểm: tổ chức trải nghiệm nghề, chia sẻ thông tin tuyển dụng, thực tập theo thỏa thuận ba bên và kết nối tuyển dụng.
- Bước 3 – Đánh giá, nhân rộng: tổng hợp chỉ số, lấy phản hồi của người học và doanh nghiệp; điều chỉnh mô hình và mở rộng phù hợp.

Các bước trên là định hướng tổ chức thực hiện được rút ra từ sáu nhóm giải pháp đã nêu; thời gian và quy mô cụ thể cần được các bên thống nhất khi xây dựng kế hoạch.

10. KẾT LUẬN – THÔNG ĐIỆP TRỌNG TÂM

Hướng nghiệp, đào tạo và việc làm là ba mắt xích của cùng một hành trình lập thân, lập nghiệp. Nếu thiếu sự kết nối ở bất kỳ mắt xích nào, người học sẽ là đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp; đồng thời doanh nghiệp và địa phương cũng gặp khó khăn trong phát triển nguồn nhân lực.

Khung chính sách đã tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào hoạt động hướng nghiệp và giáo dục nghề nghiệp. Việc cần làm trong giai đoạn 2026–2030 là chuyển các chủ trương thành hoạt động cụ thể, có đầu mối, có kế hoạch, có trách nhiệm và có chỉ số đánh giá.

Ba việc cần làm xuyên suốt:

- Trước khi học: giúp học sinh hiểu nghề, trải nghiệm nghề và lựa chọn dựa trên năng lực, sở thích cùng nhu cầu nhân lực.
- Trong khi học: đào tạo gắn với thực hành; doanh nghiệp tham gia góp ý, hướng dẫn và đánh giá năng lực thực tế.
- Sau khi học: kết nối thực tập với tuyển dụng; theo dõi việc làm để cải thiện chất lượng đào tạo.

Thông điệp: "Doanh nghiệp không chỉ đợi nhà trường đào tạo xong để tuyển dụng, mà cần đồng hành ngay từ khi học sinh lựa chọn nghề."

2WIN mong muốn cùng Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục và chính quyền địa phương xây dựng những mô hình phối hợp thiết thực, giúp người học chọn đúng nghề, có năng lực làm việc và có cơ hội việc làm bền vững tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê (2026). *Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý III và 9 tháng năm 2026* (ngày 03/10/2026). https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/10/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2026/
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
3. Quốc hội (2025). *Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10/12/2025*.
4. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
5. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
6. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
7. Covacevich, C., Mann, A., Besa, F., Diaz, J., & Santos, C. (2021). *Thinking about the future: Career readiness insights from national longitudinal surveys and from practice* (OECD Education Working Papers No. 248). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/02a419de-en

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG VÀ TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP

Nguyễn Minh Đăng Khôi[1], TS. Giáp Bình Nga[2]

[1]*Viện Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Tâm lý Giáo dục Phương Nam*

[2]*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

Email: ngagb@hnue.edu.vn

Tóm tắt: *Bài viết đánh giá thực trạng hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học tỉnh An Giang qua khảo sát năm 2026 với 551 cán bộ quản lý, 7.256 giáo viên và 109.994 học sinh. Cán bộ quản lý đánh giá ở mức khá thường xuyên (3,73/5), cao hơn giáo viên (3,03) và học sinh (3,12) khoảng 0,6–1,0 điểm. Trải nghiệm nghề nghiệp và phối hợp với doanh nghiệp là khâu yếu nhất ở cả ba nhóm. Có 65,5% giáo viên chưa được tập huấn; giáo viên đã tập huấn thực hiện thường xuyên hơn ở mọi nội dung. Kỹ năng định hướng nghề nghiệp và hiểu bản thân liên hệ chặt nhất với kết quả định hướng của học sinh. Nguyện vọng học nghề thấp (8,6% học sinh lớp 9, 19,6% học sinh lớp 12). Bài viết đề xuất ưu tiên bồi dưỡng giáo viên, trải nghiệm nghề gắn với doanh nghiệp và tăng cường hướng nghiệp từ cấp THCS.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; trải nghiệm nghề nghiệp; giáo viên; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hướng nghiệp và phân luồng học sinh là khâu kết nối giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động. Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025" đặt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) và 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) [1]. Kết thúc giai đoạn của Đề án, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về nội dung, hình thức, biện pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện hướng nghiệp và phân luồng trong các cơ sở giáo dục phổ thông [2].

Trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Giáo dục và Đào tạo xác định nhiệm vụ đánh giá thực trạng hướng nghiệp, phân luồng làm cơ sở xây dựng giải pháp giai đoạn 2026–2030, gắn với nhu cầu nhân lực của địa phương [3]. Các nghiên cứu trong nước về chủ đề này thường dựa trên số liệu tuyển sinh hoặc phân tích chính sách [4], [5]. Trong phạm vi tra cứu của tác giả, còn ít nghiên cứu cấp tỉnh nào khảo sát đồng thời cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và học sinh (HS) trên một mẫu lớn để đối chiếu đánh giá của ba nhóm.

Bài viết trả lời ba câu hỏi: (1) Mức độ thực hiện và hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng theo đánh giá của CBQL, GV và HS ra sao, và đánh giá của ba nhóm khác nhau thế nào? (2) Nguyện vọng phân luồng của HS lớp 9 và lớp 12 như thế nào, có liên hệ với giới tính và trải nghiệm nghề nghiệp không? (3) Những yếu tố nào liên quan đến mức độ thực hiện của GV và kết quả định hướng nghề nghiệp của HS?

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Hướng nghiệp và phân luồng

Hướng nghiệp là hệ thống hoạt động giúp học sinh hiểu bản thân, hiểu thế giới nghề nghiệp và lựa chọn hướng học tập, nghề nghiệp phù hợp; phân luồng là việc tổ chức để học sinh sau THCS, THPT đi theo các hướng học tiếp THPT, giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, đại học hoặc tham gia lao động trên cơ sở kết quả hướng nghiệp [1], [2]. Như vậy, kết quả phân luồng phụ thuộc vào chất lượng của quá trình hướng nghiệp ở các lớp 6 đến 12 trước đó, chứ không chỉ phụ thuộc vào khâu tư vấn tuyển sinh cuối cấp.

2.2. Khung lý thuyết

Bài viết sử dụng lý thuyết nghề nghiệp nhận thức xã hội (Social Cognitive Career Theory – SCCT) làm khung diễn giải. Theo SCCT, hứng thú, mục tiêu và lựa chọn nghề nghiệp hình thành qua niềm tin vào năng lực bản thân, kỳ vọng về kết quả và mục tiêu cá nhân, mà các yếu tố này lại được nuôi dưỡng bởi kinh nghiệm học tập [6]. Các nguồn hỗ trợ và rào cản từ môi trường như gia đình, nhà trường, điều kiện kinh tế – xã hội tác động đến việc chuyển hứng thú thành lựa chọn [7]. Khung này gợi ý rằng hoạt động trải nghiệm, tư vấn và sự hỗ trợ của thầy cô, gia đình là "đầu vào" cần được đánh giá bên cạnh kết quả định hướng của học sinh.

2.3. Bằng chứng quốc tế và trong nước

Tổng quan của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cho thấy giáo dục hướng nghiệp trong và ngoài nhà trường có ảnh hưởng hình thành đến cách người trẻ hiểu bản thân và thế giới việc làm; giới tính và hoàn cảnh kinh tế – xã hội tác động mạnh đến lựa chọn; hướng nghiệp hiệu quả cần bắt đầu sớm và cho học sinh tiếp xúc thực tế với thế giới việc làm [8]. Phân tích dữ liệu theo dõi dọc ở Úc, Đan Mạch và Thụy Sĩ cho thấy sự chắc chắn, sự tương thích giữa dự định học tập và nghề nghiệp, cùng động lực học tập vì mục tiêu lâu dài ở tuổi thiếu niên có liên hệ với kết quả việc làm tốt hơn khi trưởng thành; nhà trường có thể bồi dưỡng các yếu tố này qua tư vấn nghề, công cụ khảo sát hứng thú, hoạt động với doanh nghiệp và mô phỏng tuyển dụng [9].

Ở Việt Nam, nghiên cứu tại Bình Dương cho thấy khoảng 70% học sinh sau THCS vẫn vào THPT dù kế hoạch phân luồng đặt chỉ tiêu thấp hơn; nguyên nhân gồm học sinh còn hạn chế trong tự nhận thức năng lực, thiếu thông tin thị trường lao động và nhận thức xã hội chưa đúng về phân luồng [4]. Phân tích gần đây chỉ ra tâm lý chuộng bằng cấp và áp lực học song song văn hóa – nghề là các trở ngại chính [5]. Mai Xuân Tấn và cộng sự [10] đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh THCS gồm ba thành phần: hiểu bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp, ra quyết định và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp. Các thành phần này tương ứng với một số thang đo trong phiếu học sinh của nghiên cứu này.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mẫu và thu thập dữ liệu

Khảo sát được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang tổ chức trực tuyến năm 2026 tại các trường THCS, THPT trên địa bàn; người trả lời tham gia tự nguyện. Mẫu là mẫu thuận tiện, không ngẫu nhiên. Dữ liệu được làm sạch bằng cách loại các phiếu trùng lặp hoàn toàn: 94 phiếu GV và 1.772

phiếu HS; giá trị không hợp lệ được coi là thiếu. Bảng 1 mô tả mẫu.

Bảng 1

Đặc điểm mẫu khảo sát

Nhóm	Số phiếu hợp lệ	Đặc điểm chính
Cán bộ quản lý	551	37,9% hiệu trưởng, 62,1% phó hiệu trưởng; 56,3% THCS; 58,6% quản lý trên 10 năm
Giáo viên	7.256	55,8% THCS; 57,2% nữ; 85,9% thâm niên trên 10 năm; 34,5% đã được tập huấn về hướng nghiệp
Học sinh	109.994	Lớp 6–12, trong đó lớp 9: 25.686, lớp 12: 23.996; 53,9% nữ

3.2. Công cụ khảo sát

Ba phiếu hỏi gồm: câu hỏi Có/Không về điều kiện triển khai; thang Likert 5 mức về mức độ thực hiện (1 – chưa thực hiện đến 5 – thực hiện thường xuyên) và mức độ hiệu quả; câu hỏi nhiều lựa chọn về khó khăn, thuận lợi. Phiếu CBQL có 27 biến thuộc 6 nhóm nội dung, phiếu GV có 28 biến thuộc 8 nhóm. Phiếu HS có 25 biến thuộc 7 nhóm (thang 1 – chưa có đến 5 – có rất nhiều), kèm câu hỏi về mức độ tham gia hoạt động hướng nghiệp và nguyện vọng sau tốt nghiệp. Điểm trung bình (ĐTB) được quy đổi theo khoảng 0,8: 1,00–1,80; 1,81–2,60; 2,61–3,40; 3,41–4,20; 4,21–5,00, tương ứng các mức từ "chưa thực hiện/chưa có" đến "thường xuyên/có rất nhiều". Hệ số Cronbach's Alpha của 21 nhóm nội dung nằm trong khoảng 0,776–0,970, đều đạt ngưỡng 0,70 được chấp nhận [11].

3.3. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu được phân tích bằng SPSS: thống kê mô tả; kiểm định t hai mẫu độc lập (dùng kiểm định Levene để chọn giả định phương sai); ANOVA một yếu tố; Chi-square kèm hệ số Cramér's V; hồi quy tuyến tính bội với biến chuẩn hóa. Vì cỡ mẫu rất lớn, hầu hết khác biệt đều có ý nghĩa thống kê, nên bài viết diễn giải chủ yếu theo độ lớn hiệu ứng: Cohen's d với các mốc 0,2; 0,5; 0,8 [12] và η^2. Câu hỏi nguyện vọng phân luồng chỉ phân tích trên HS lớp 9 (sau THCS) và lớp 12 (sau THPT).

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Đánh giá của cán bộ quản lý

Về điều kiện triển khai, 87,6% CBQL cho biết nhà trường đã lồng ghép kế hoạch hướng nghiệp – phân luồng vào kế hoạch giáo dục, 89,0% đã bố trí đội ngũ thực hiện và 82,3% đã triển khai tư vấn phân luồng trực tiếp và trực tuyến; chỉ 61,5% bảo đảm được kinh phí. ĐTB chung là 3,73 (độ lệch chuẩn – ĐLC = 0,79), mức "khá thường xuyên" (Bảng 2). Nhóm yếu nhất là công tác phối hợp (3,35), trong đó phối hợp với doanh nghiệp đạt thấp nhất trong 27 biến (2,95) và huy động nguồn lực xã hội đạt 3,17. Các mục tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp thực tế (3,53) và tự kiểm tra, đánh giá hiệu quả (3,60) cũng thấp hơn mặt bằng chung. Khó khăn được CBQL chọn nhiều nhất là

thiếu giáo viên chuyên trách (78,5%), thiếu kinh phí (66,8%) và thiếu thông tin thị trường lao động (54,1%). CBQL có trên 10 năm quản lý đánh giá cao hơn nhóm dưới 5 năm (3,81 so với 3,55; F = 4,76; p = 0,009; η^2 = 0,018).

Bảng 2

Điểm trung bình các nhóm nội dung theo ba nhóm khảo sát

Nhóm nội dung	ĐTB	ĐLC	α
Cán bộ quản lý (n = 513–547)			
Chỉ đạo, quản lý hoạt động hướng nghiệp	3,83	0,86	0,926
Tổ chức thực hiện nội dung hướng nghiệp	3,82	0,85	0,906
Công tác phối hợp	3,35	0,90	0,863
Công tác phân luồng học sinh	3,85	0,87	0,940
Điều kiện bảo đảm	3,78	0,85	0,948
Đánh giá hiệu quả	3,68	0,85	0,962
Giáo viên (n = 7.082–7.176)			
Cung cấp thông tin nghề nghiệp	3,15	0,90	0,945
Hỗ trợ học sinh hiểu bản thân	3,06	0,91	0,934
Phát triển kỹ năng lựa chọn nghề	3,17	0,89	0,942
Tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp	2,49	1,05	0,944
Tích hợp hướng nghiệp trong môn học	3,25	0,87	0,923
Tổ chức hoạt động hướng nghiệp	2,95	0,95	0,896
Thực hiện phân luồng học sinh	3,14	0,94	0,958
Mức độ hiệu quả	3,15	0,86	0,970
Học sinh (n = 108.062–108.290)			
Hiểu biết về nghề nghiệp	3,01	0,93	0,864
Hiểu bản thân	3,26	0,87	0,805
Kỹ năng định hướng nghề nghiệp	3,26	0,92	0,895
Trải nghiệm hướng nghiệp	2,64	1,01	0,876
Hướng nghiệp trong môn học	3,50	0,87	0,776
Sự hỗ trợ (thầy cô, gia đình, nhà trường)	3,05	0,96	0,809
Kết quả đạt được	3,27	0,99	0,878

Ghi chú: thang 1–5; ĐLC: độ lệch chuẩn; α: Cronbach's Alpha. Thang đo của ba phiếu không giống nhau về nội dung câu hỏi.

4.2. Đánh giá của giáo viên

ĐTB chung của GV là 3,03 (ĐLC = 0,80), mức "thỉnh thoảng". Nội dung được thực hiện nhiều nhất là tích hợp hướng nghiệp trong môn học (3,25). **Tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp đạt thấp nhất (2,49, mức "hiếm khi")**, cả ba biến tham quan thực tế (2,50), giao lưu với người làm nghề (2,43) và dự án trải nghiệm (2,52) đều dưới 2,60. Ngày hội hướng nghiệp (2,64), tư vấn trực tiếp/trực tuyến (2,84) và sử dụng công cụ đánh giá năng lực, sở thích (2,97) cũng ít được thực hiện. Chỉ 32,2% GV cho biết có tổ chức cho HS làm quen với quy trình sản xuất, kinh doanh qua trải nghiệm hoặc kết nối doanh nghiệp. Khó khăn được nêu nhiều nhất là chưa được tập huấn đầy đủ (69,6%), khó tổ chức trải nghiệm thực tế (64,8%), thiếu tài liệu (60,7%) và thiếu thời gian (56,3%);

chỉ 17,2% GV xem liên kết với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo là thuận lợi.

4.3. Đánh giá của học sinh

Về mức độ tham gia, 16,7% HS chưa bao giờ và 27,9% ít khi tham gia hoạt động hướng nghiệp; 17,5% tham gia thường xuyên. Có 78,3% HS cho biết được cung cấp thông tin về lộ trình học tập và 76,0% được tư vấn đánh giá năng lực, sở thích, nhưng chỉ 57,5% được tạo điều kiện trải nghiệm tại doanh nghiệp hoặc cơ sở đào tạo nghề. Trải nghiệm hướng nghiệp là nhóm thấp nhất (2,64): mục được tham quan nghề nghiệp đạt 2,35 và tham gia trải nghiệm nghề đạt 2,39 (mức "có ít"). Mục "em được thầy/cô tư vấn về nghề" đạt 2,96, thấp hơn "gia đình trao đổi với em về nghề nghiệp" (3,24). Mục cao nhất là "em thấy việc học có ích cho tương lai" (3,97). HS THCS đánh giá thấp hơn HS THPT ở mọi nhóm, rõ nhất ở sự hỗ trợ (2,83 so với 3,20; d = −0,40) và trải nghiệm hướng nghiệp (2,41 so với 2,79; d = −0,39).

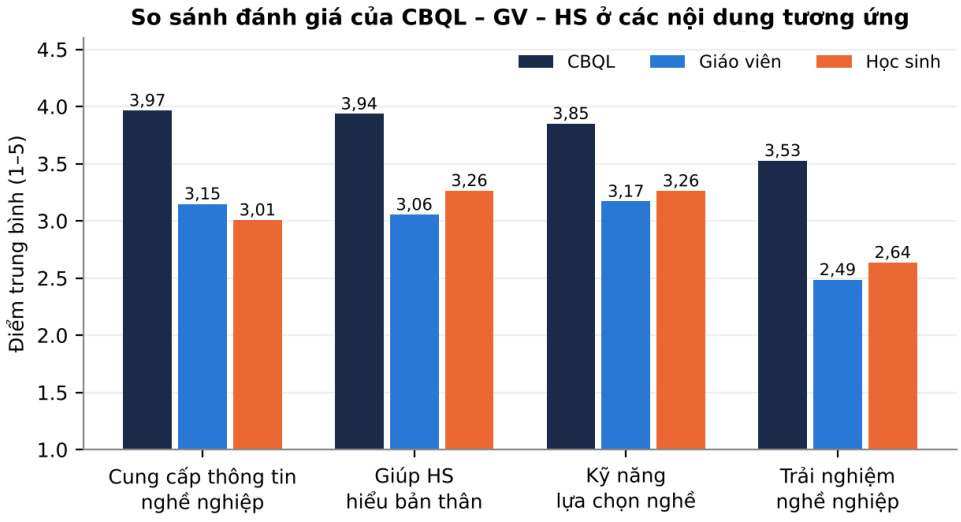
4.4. Đối chiếu đánh giá của ba nhóm

Bảng 3 và Hình 1 so sánh bốn nội dung có trong cả ba phiếu. Ở cả bốn nội dung, ĐTB của CBQL cao hơn GV và HS từ 0,6 đến 1,0 điểm. Khoảng cách lớn nhất ở tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp: CBQL đánh giá ở mức "khá thường xuyên" (3,53), GV và HS ở mức "hiếm khi/có ít" (2,49 và 2,64). Do câu hỏi ở mỗi phiếu không hoàn toàn giống nhau, so sánh này mang tính đối chiếu mô tả, không phải kiểm định trên cùng một thang đo.

Bảng 3

Điểm trung bình ở các nội dung tương ứng giữa ba nhóm

Nội dung	CBQL	GV	HS	CBQL – GV
Cung cấp thông tin nghề nghiệp	3,97	3,15	3,01	0,82
Giúp học sinh hiểu bản thân	3,94	3,06	3,26	0,88
Kỹ năng lựa chọn nghề	3,85	3,17	3,26	0,68
Trải nghiệm nghề nghiệp	3,53	2,49	2,64	1,04



Hình 1. Điểm trung bình của CBQL, GV và HS ở các nội dung tương ứng

4.5. Nguyện vọng phân luồng của học sinh

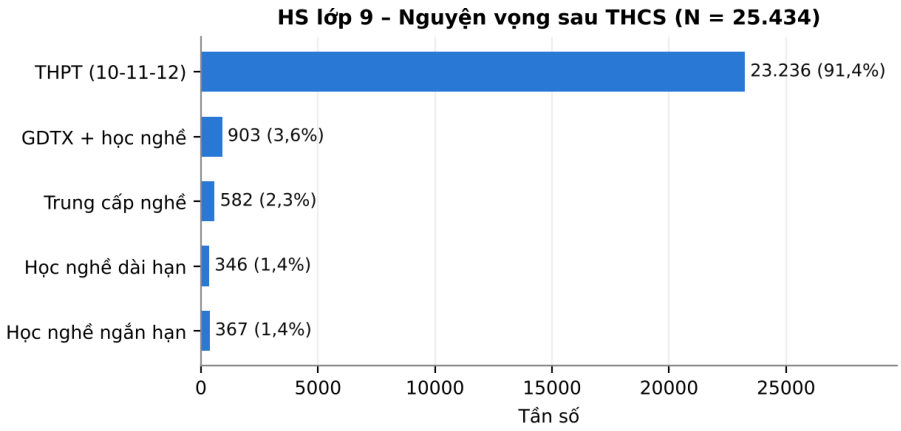
Trong 25.434 HS lớp 9 trả lời, 91,4% muốn vào THPT; chỉ **8,6%** chọn giáo dục thường xuyên (GDTX) kết hợp học nghề, trung cấp nghề hoặc học nghề (Bảng 4, Hình 2). Trong 23.633 HS lớp 12, 80,4% muốn học đại học, 7,3% chọn cao đẳng; các hướng trung cấp và học nghề cộng lại chiếm 12,3% (Bảng 4). Nam sinh chọn hướng nghề nhiều gần gấp đôi nữ sinh (lớp 9: 11,8% so với 5,9%, $\chi^2 = 275,4$, Cramér's V = 0,105; lớp 12: 24,9% so với 15,1% chọn cao đẳng, trung cấp hoặc học nghề, $\chi^2 = 355,0$, V = 0,123). Ở lớp 9, HS đã được trải nghiệm tại doanh nghiệp hoặc cơ sở đào tạo nghề chọn hướng nghề nhiều hơn (10,0% so với 7,6%; V = 0,043), nhưng mức liên hệ rất yếu. HS lớp 9 trả lời "không được cung cấp đầy đủ thông tin về lộ trình học tập" lại chọn hướng nghề nhiều hơn (12,9% so với 7,7%; V = 0,071).

Bảng 4

Nguyện vọng sau tốt nghiệp của học sinh lớp 9 và lớp 12

Học sinh lớp 9 (n = 25.434)	%	Học sinh lớp 12 (n = 23.633)	%
THPT	91,4	Đại học	80,4
GDTX kết hợp học nghề	3,6	Cao đẳng	7,3
Trung cấp nghề	2,3	Trung cấp nghề	3,0
Học nghề dài hạn	1,4	Học nghề dài hạn	4,6
Học nghề ngắn hạn	1,4	Học nghề ngắn hạn	4,8

Ghi chú: tỉ lệ tính trên số HS đúng khối lớp có trả lời câu hỏi.



Hình 2. Nguyện vọng sau THCS của học sinh lớp 9 (tần số và tỉ lệ %)

4.6. Các yếu tố liên quan

Tập huấn giáo viên. GV đã được tập huấn về hướng nghiệp (n ≈ 2.450) có ĐTB cao hơn GV chưa được tập huấn (n ≈ 4.650) ở cả tám nhóm nội dung, chênh lệch 0,45–0,60 điểm, độ lớn hiệu ứng ở mức trung bình (Bảng 5). Trong khi đó, khác biệt theo cấp học của GV rất nhỏ ($|d| \leq 0,10$) và khác biệt theo thâm niên không có ý nghĩa thống kê ($F = 2,80$; $p = 0,061$).

Bảng 5

So sánh mức độ thực hiện giữa giáo viên đã và chưa được tập huấn

Nhóm nội dung	Đã tập huấn	Chưa tập huấn	t	Cohen's d
Cung cấp thông tin nghề nghiệp	3,50	2,96	25,71	0,63
Hỗ trợ học sinh hiểu bản thân	3,41	2,87	24,89	0,62
Phát triển kỹ năng lựa chọn nghề	3,50	2,99	24,64	0,60
Tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp	2,88	2,28	23,40	0,59
Tích hợp hướng nghiệp trong môn học	3,55	3,10	21,79	0,53
Tổ chức hoạt động hướng nghiệp	3,34	2,74	26,74	0,66
Thực hiện phân luồng học sinh	3,49	2,94	24,44	0,61
Mức độ hiệu quả	3,47	2,98	24,44	0,60

Ghi chú: mọi khác biệt có $p < 0,001$.

Các yếu tố liên quan đến kết quả định hướng của học sinh. Hồi quy tuyến tính bội với biến phụ thuộc là "Kết quả đạt được" (đã nghĩ đến nghề tương lai, có định hướng học tập rõ hơn, tự tin hơn khi chọn nghề) và sáu biến độc lập giải thích được 68,2% biến thiên (R^2 hiệu chỉnh = 0,682; N = 103.089; $p < 0,001$). Kỹ năng định hướng nghề nghiệp ($\beta = 0,433$) và hiểu bản thân ($\beta = 0,259$) có hệ số lớn nhất, tiếp đến là sự hỗ trợ ($\beta = 0,150$) và hướng nghiệp trong môn học ($\beta = 0,073$); hiểu biết về nghề nghiệp ($\beta = 0,032$) và trải nghiệm hướng nghiệp ($\beta = -0,030$) có hệ số rất nhỏ khi đã kiểm soát các biến khác (Bảng 6). Khi xét riêng, mức độ tham gia hoạt động hướng nghiệp có quan hệ đồng biến với kết quả: ĐTB tăng từ 2,89 (chưa bao giờ tham gia) lên 3,95 (rất thường xuyên) ($F = 1962,7$; $p < 0,001$; $\eta^2 = 0,068$).

Bảng 6

Hồi quy các yếu tố liên quan đến kết quả định hướng nghề nghiệp của học sinh

Biến độc lập	β chuẩn hóa	t	p
Kỹ năng định hướng nghề nghiệp	0,433	134,67	< 0,001
Hiểu bản thân	0,259	86,70	< 0,001
Sự hỗ trợ	0,150	48,48	< 0,001
Hướng nghiệp trong môn học	0,073	26,58	< 0,001
Hiểu biết về nghề nghiệp	0,032	10,64	< 0,001
Trải nghiệm hướng nghiệp	−0,030	−11,33	< 0,001

Ghi chú: $R^2 = 0,682$; R^2 hiệu chỉnh = 0,682; $F(6; 103.082) = 36.793,7$; $p < 0,001$. Dữ liệu cắt ngang, hệ số thể hiện mức liên hệ, không phải quan hệ nhân quả.

5. THẢO LUẬN

Khoảng cách giữa kế hoạch và hoạt động đến học sinh. Phần lớn nhà trường đã có kế hoạch, đội ngũ và chỉ đạo, nhưng GV và HS cho thấy hoạt động thực tế chỉ ở mức thỉnh thoảng. Khoảng cách 0,6–1,0 điểm giữa CBQL với GV, HS có thể phản ánh việc chỉ đạo chưa chuyển hết thành hoạt động trên lớp, nhưng cũng có thể một phần do thiên lệch tự đánh giá của CBQL và do thang đo khác nhau giữa các phiếu. Dù vậy, ba nhóm đều cho thấy cùng một khâu yếu: trải nghiệm nghề

nghiệp và liên kết với doanh nghiệp. Đây là khâu mà tổng quan của OECD coi là cốt lõi của hướng nghiệp hiệu quả [8]. Khó khăn về giáo viên chuyên trách, kinh phí và thông tin thị trường lao động mà CBQL nêu ra phù hợp với nhận định ở Bình Dương trước đây [4], cho thấy các rào cản này còn kéo dài.

Vai trò của giáo viên. Tập huấn là biến có khác biệt rõ nhất trong phiếu GV ($d \approx 0{,}6$), trong khi cấp học và thâm niên gần như không tạo khác biệt. Do nghiên cứu cắt ngang, chưa thể khẳng định tập huấn là nguyên nhân: GV tích cực hơn có thể cũng là người được cử đi tập huấn. Tuy nhiên, với 65,5% GV chưa được tập huấn và 69,6% GV coi đây là khó khăn, bồi dưỡng đội ngũ là giải pháp có cơ sở và khả thi trong ngắn hạn.

Đọc kết quả theo SCCT. Kỹ năng định hướng nghề nghiệp và hiểu bản thân, gần với niềm tin vào năng lực và mục tiêu trong SCCT [6], có liên hệ mạnh nhất với kết quả định hướng của HS. Sự hỗ trợ của thầy cô, gia đình đứng thứ ba, phù hợp với vai trò của các yếu tố hỗ trợ từ môi trường [7]. Hệ số âm, rất nhỏ của trải nghiệm hướng nghiệp không nên hiểu là trải nghiệm không có tác dụng. Khi xét riêng, mức độ tham gia hoạt động gắn với kết quả cao hơn; hệ số âm có thể do trải nghiệm chồng lấn với các biến kỹ năng và hỗ trợ trong mô hình. Cách diễn giải phù hợp hơn là trải nghiệm phát huy tác dụng khi giúp HS hình thành kỹ năng và hiểu bản thân, tương tự gợi ý của Covacevich và cộng sự [9] về việc kết hợp hoạt động với doanh nghiệp, tư vấn và công cụ khảo sát hứng thú.

Phân luồng. Tỉ lệ HS lớp 9 có nguyện vọng học nghề (8,6%) thấp xa so với mục tiêu 40% của Đề án 522 [1]. Cần lưu ý đây là nguyện vọng tự báo cáo, chưa phải số liệu tuyển sinh thực tế. Xu hướng này nhất quán với tâm lý chuộng bằng cấp được ghi nhận ở phạm vi cả nước [5]. Chênh lệch theo giới tính phù hợp với nhận định giới tính tác động mạnh đến lựa chọn nghề nghiệp [8], gợi ý cần tư vấn để nữ sinh tiếp cận các ngành nghề kỹ thuật. Việc HS lớp 9 không được cung cấp đủ thông tin lại chọn hướng nghề nhiều hơn có thể phản ánh đặc điểm học lực hoặc hoàn cảnh của nhóm này; dữ liệu hiện có chưa cho phép kiểm chứng.

5.1. Kiến nghị

Từ kết quả trên, nghiên cứu đề xuất năm hướng ưu tiên:

1. Tổ chức tập huấn hướng nghiệp cho GV chưa được tập huấn (tập huấn lại những GV đã tập huấn trước đó nếu cần); nội dung chú trọng tư vấn cá nhân và sử dụng công cụ đánh giá năng lực, sở thích.
2. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, cơ sở GDNN và doanh nghiệp theo cụm trường, bảo đảm mỗi HS đều được tham gia hoạt động trải nghiệm thực tế ít nhất một lần mỗi năm, ưu tiên các ngành tỉnh An Giang có nhu cầu nhân lực.
3. Tăng cường hướng nghiệp ở cấp THCS, nơi mức hỗ trợ và trải nghiệm của HS thấp nhất.
4. Coi cha mẹ HS là đối tượng tư vấn song song, chú ý định kiến giới trong chọn nghề.
5. Bố trí kinh phí riêng cho hoạt động hướng nghiệp và đánh giá công tác này dựa trên ý kiến HS, không chỉ dựa trên báo cáo tự đánh giá của nhà trường, phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [2].

5.2. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu có một số hạn chế. Mẫu là mẫu thuận tiện thu thập trực tuyến nên chưa đại diện chặt chẽ cho toàn tỉnh. Dữ liệu tự báo cáo, cắt ngang nên chỉ cho phép kết luận về mức liên hệ. Thang đo của ba nhóm khác nhau nên phép đối chiếu giữa nhóm mang tính mô tả. HS và GV lồng trong trường nhưng phân tích chưa tính đến cấu trúc nhiều cấp, nên sai số chuẩn có thể bị ước lượng thấp. Nguyện vọng phân luồng chưa được đối chiếu với số liệu tuyển sinh thực tế. Các câu hỏi mở chưa được phân tích trong bài viết này. Nghiên cứu tiếp theo nên dùng mẫu chọn theo cụm, mô hình đa cấp và theo dõi HS sau tốt nghiệp.

6. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy công tác hướng nghiệp, phân luồng trên địa bàn tỉnh An Giang đã có nền tảng về kế hoạch và chỉ đạo, nhưng hoạt động đến với HS còn ở mức thỉnh thoảng. Trải nghiệm nghề nghiệp và liên kết với doanh nghiệp là khâu yếu nhất ở cả ba nhóm. Tập huấn GV gắn với mức độ thực hiện cao hơn rõ rệt; kỹ năng định hướng nghề nghiệp, hiểu bản thân là các yếu tố liên hệ chặt nhất với kết quả định hướng của HS. Nguyện vọng học nghề của HS trong mẫu còn thấp so với mục tiêu phân luồng. Các kết quả này là căn cứ để tỉnh xác định ưu tiên giai đoạn 2026–2030: bồi dưỡng GV, mở rộng trải nghiệm nghề gắn với doanh nghiệp và tăng cường hướng nghiệp từ cấp THCS. Cần lưu ý, tăng cường nguyện vọng học nghề của HS là một nhiệm vụ quan trọng để đáp ứng nguồn nhân lực cho sự phát triển của tỉnh An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
3. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
4. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
5. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341), kỳ 1 tháng 11. https://vjol.info.vn/tctbgd/vi/article/view/126707
6. Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance. *Journal of Vocational Behavior, 45*(1), 79–122.
7. Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (2000). Contextual supports and barriers to career choice: A social cognitive analysis. *Journal of Counseling Psychology, 47*(1), 36–49.
8. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
9. Covacevich, C., Mann, A., Besa, F., Diaz, J., & Santos, C. (2021). *Thinking about the future: Career readiness insights from national longitudinal surveys and from practice* (OECD Education Working Papers No. 248). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/02a419de-en
10. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.10.3767(2023)

11. Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric theory* (3rd ed.). McGraw-Hill.
12. Cohen, J. (1988). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Lawrence Erlbaum Associates.

PHẦN II
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH

Kết quả thực hiện công tác hướng nghiệp, phân luồng trên địa bàn tỉnh; thực trạng lựa chọn ngành nghề, trình độ đào tạo của học sinh sau THCS, THPT; số liệu phân luồng; khó khăn trong tư vấn hướng nghiệp; nhận thức của học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội về giáo dục nghề nghiệp; các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp.

CÁC BÀI THAM LUẬN TRONG PHẦN NÀY

9. GÓC NHÌN CỦA GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ HƯỚNG NGHIỆP PHÂN LUỒNG TẠI TỈNH AN GIANG — 65
Đinh Thị Hồng Nhung

10. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG TỈNH AN GIANG: GÓC NHÌN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ — 74
Nguyễn Minh Đăng Khôi

11. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG: GÓC NHÌN CỦA GIÁO VIÊN — 83
Giáp Bình Nga

12. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2026–2027 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ÓC EO — 92
Ủy ban nhân dân xã Óc Eo

13. CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026–2030 — 98
Nguyễn Trung Nhân

14. HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG VÀ THỰC TIỄN TẠI XÃ BÌNH SƠN — 103
Phạm Quang Hợp

15. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG CHO HỌC SINH LỚP 9 TẠI ĐẶC KHU PHÚ QUỐC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC GIAI ĐOẠN 2026–2030 — 111
Phan Thị Quỳnh Như, Hoàng Thị Cảnh, Lê Thị Hải Yến

16. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI XÃ BÌNH HÒA, TỈNH AN GIANG 119
Trần Phước Thạnh

GÓC NHÌN CỦA GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ HƯỚNG NGHIỆP PHÂN LUỒNG TẠI TỈNH AN GIANG

Đinh Thị Hồng Nhung

Viện Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Tâm lý Giáo dục Phương Nam

Email: dinhthihongnhung134@gmail.com

Tóm tắt: *Bài báo phân tích thực trạng giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học tại tỉnh An Giang dựa trên khảo sát trực tuyến năm 2026 với 551 cán bộ quản lý, 7.256 giáo viên và 109.994 học sinh lớp 6–12, có đối chiếu với kết quả khảo sát 34.000 giáo viên trên phạm vi cả nước. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả, Cronbach's Alpha, kiểm định t, ANOVA, Chi-square và hồi quy tuyến tính bội. Kết quả cho thấy cán bộ quản lý đánh giá công tác hướng nghiệp ở mức khá (3,73/5), cao hơn giáo viên và học sinh từ 0,68 đến 1,04 điểm ở các nội dung tương ứng. Tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp là khâu yếu nhất (giáo viên: 2,49/5; học sinh: 2,64/5); 67,8% giáo viên chưa tổ chức cho học sinh tiếp cận quy trình sản xuất, kinh doanh. 65,5% giáo viên chưa được tập huấn về hướng nghiệp; giáo viên đã được tập huấn có mức độ thực hiện cao hơn ở cả tám nội dung (Cohen's d = 0,53–0,66). Nguyện vọng học nghề còn thấp xa mục tiêu Đề án 522: 8,6% học sinh lớp 9 và 19,6% học sinh lớp 12. Kỹ năng định hướng nghề nghiệp và hiểu bản thân là hai yếu tố có liên hệ chặt nhất với kết quả hướng nghiệp của học sinh. Từ đó, bài viết đề xuất bốn nhóm giải pháp: ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ cá nhân hóa tư vấn, thể chế hóa liên kết nhà trường – cơ sở giáo dục nghề nghiệp – doanh nghiệp, bồi dưỡng giáo viên và bảo đảm kinh phí gắn với đánh giá dựa trên minh chứng.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; trải nghiệm nghề nghiệp; giáo viên; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số và biến động của thị trường lao động, giáo dục hướng nghiệp (GDHN) giữ vai trò then chốt trong phát triển nguồn nhân lực. Quyết định số 522/QĐ-TTg đặt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) và 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) [1]. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT tiếp tục tạo hành lang pháp lý để hướng nghiệp được thực hiện có hệ thống, liên tục, gắn với trải nghiệm thực tiễn và ứng dụng công nghệ số [2].

Tuy nhiên, giữa chính sách và thực thi vẫn còn khoảng cách. Khảo sát 34.000 giáo viên trên cả nước cho thấy giáo viên có nhận thức tốt nhưng hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp còn yếu và liên kết doanh nghiệp còn hạn chế [3]. Câu hỏi đặt ra là thực trạng này biểu hiện như thế nào ở một địa phương cụ thể, và đánh giá của các chủ thể khác nhau có thống nhất hay không.

Bài viết sử dụng dữ liệu khảo sát đồng thời ba nhóm chủ thể tại tỉnh An Giang (cán bộ quản lý – CBQL, giáo viên – GV và học sinh – HS) để: (1) mô tả mức độ thực hiện GDHN theo đánh giá của từng nhóm và khoảng cách giữa các nhóm; (2) đối chiếu nguyện vọng phân luồng của HS với mục tiêu của Đề án 522; (3) xác định các yếu tố có liên hệ với hiệu quả GDHN; từ đó đề xuất giải pháp phù hợp với điều kiện địa phương.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LÝ

2.1. Giáo dục hướng nghiệp là một tiến trình phát triển liên tục

Theo lý thuyết phát triển nghề nghiệp của Super, lựa chọn nghề là một quá trình phát triển kéo dài qua nhiều giai đoạn, gắn với sự hình thành khái niệm bản thân, chứ không phải một quyết định nhất thời [4]. Lý thuyết tương hợp của Holland cho rằng sự hài lòng và thành công nghề nghiệp phụ thuộc vào mức độ phù hợp giữa kiểu nhân cách (mã RIASEC: Realistic, Investigative, Artistic, Social, Enterprising, Conventional) và môi trường nghề nghiệp [5]. Từ hai lý thuyết này, GDHN trong nhà trường không chỉ là đợt tư vấn cuối cấp, mà cần giúp HS tự đánh giá, khám phá bản thân và từng bước làm chủ lộ trình nghề nghiệp từ các lớp dưới. Khung năng lực định hướng nghề nghiệp của HS THCS được đề xuất tại Việt Nam cũng gồm ba thành phần tương ứng: hiểu bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp, ra quyết định và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp [6].

2.2. Định hướng của Thông tư 16/2026/TT-BGDĐT

Thông tư 16/2026/TT-BGDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục, với ba định hướng chính [2], [3]: (1) hướng nghiệp mang tính hệ thống, được tổ chức trong và ngoài nhà trường nhằm giúp HS hiểu nghề và tự lựa chọn nghề phù hợp; (2) hướng nghiệp được thực hiện liên tục, gắn với thực tiễn, trong đó trải nghiệm nghề nghiệp là yêu cầu quan trọng; (3) chuyển đổi số và AI là công cụ hỗ trợ HS khai thác dữ liệu nghề nghiệp và xu hướng thị trường lao động.

2.3. Năng lực hướng nghiệp của giáo viên và vai trò của doanh nghiệp

Để thực hiện các yêu cầu trên, GV cần ba nhóm năng lực: sử dụng công cụ đánh giá sở thích, năng lực một cách khoa học (như trắc nghiệm RIASEC); phân tích thông tin thị trường lao động; và kết nối với doanh nghiệp, cơ sở GDNN, gia đình HS [3]. Các nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy HS có nhiều khó khăn trong định hướng nghề và mong muốn được tư vấn, nhưng nhà trường còn thiếu đội ngũ tư vấn chuyên trách cả về số lượng và chất lượng [7]; thiếu kinh phí, thời gian và cơ hội bồi dưỡng là rào cản chính của tư vấn hướng nghiệp ở trường THPT [8]. Ở phạm vi quốc tế, OECD nhấn mạnh hướng nghiệp hiệu quả cần bắt đầu sớm và cho HS tiếp xúc thực tế với thế giới việc làm thông qua doanh nghiệp [9]; các hoạt động như tư vấn nghề, khảo sát hứng thú và giao lưu với người sử dụng lao động có liên hệ với kết quả việc làm tốt hơn khi trưởng thành [10].

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Thiết kế và mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế khảo sát cắt ngang, phương pháp định lượng. Khảo sát do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang tổ chức trực tuyến năm 2026 tại các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh; người tham gia trả lời tự nguyện, không ghi danh [11]. Sau khi loại các phiếu trùng lặp, mẫu gồm 551 CBQL (37,9% hiệu trưởng; 56,3% công tác ở cấp THCS), 7.256 GV (55,8% THCS; 85,9% thâm niên trên 10 năm) và 109.994 HS lớp 6–12 (trong đó 25.686 HS lớp 9 và 23.996 HS lớp 12).

3.2. Công cụ nghiên cứu

Ba phiếu hỏi dành cho CBQL, GV và HS gồm câu hỏi Có/Không về điều kiện triển khai, câu hỏi nhiều lựa chọn về khó khăn, thuận lợi và thang Likert 5 mức (1 = Chưa thực hiện/Chưa có; 5 = Thực hiện thường xuyên/Có rất nhiều). Phiếu CBQL có 6 nhóm nội dung, phiếu GV có 8 nhóm, phiếu HS có 7 nhóm. Hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm nội dung dao động từ 0,776 đến 0,970, đều đạt yêu cầu ($\alpha > 0,7$).

3.3. Xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu được phân tích theo các thủ tục tương đương SPSS: thống kê mô tả; kiểm định t độc lập; ANOVA một yếu tố; Chi-square; hồi quy tuyến tính bội (phương pháp Enter). Do cỡ mẫu rất lớn, kết quả được diễn giải chủ yếu theo độ lớn hiệu ứng (Cohen's d với các ngưỡng 0,2; 0,5; 0,8) [12]. Điểm trung bình (ĐTB) được quy đổi theo năm mức với khoảng cách 0,8 điểm. Một số chỉ số được đối chiếu với kết quả khảo sát 34.000 GV trên toàn quốc [3].

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Nhận thức và chỉ đạo tốt nhưng trải nghiệm thực tế còn yếu

CBQL đánh giá công tác GDHN ở mức khá (ĐTB = 3,73/5,0); 87,6% CBQL cho biết nhà trường đã lồng ghép kế hoạch hướng nghiệp vào kế hoạch giáo dục và 89,0% đã phân công đội ngũ phụ trách. Ở phía GV, 81,6% thường xuyên cập nhật thông tin nghề nghiệp và 81,7% tổ chức hoạt động giúp HS hiểu bản thân. Tuy nhiên, ở khâu trải nghiệm thực tế – yêu cầu trọng tâm của Thông tư 16 – mức độ thực hiện rất thấp: GV đánh giá ĐTB 2,49/5,0 (mức "hiếm khi"), HS đánh giá 2,64/5,0 (mức "có ít"). 67,8% GV An Giang chưa tổ chức cho HS làm quen với quy trình sản xuất, kinh doanh hay kết nối doanh nghiệp, cao hơn mức 50,6% của mẫu GV toàn quốc [3]. Ở phía HS, 44,6% chưa bao giờ hoặc ít khi tham gia hoạt động hướng nghiệp.

Bảng 1

Một số chỉ số về giáo viên tại An Giang so với mẫu giáo viên toàn quốc

Chỉ số	An Giang (N = 7.256)	Toàn quốc (N = 34.000)*
Thường xuyên cập nhật thông tin nghề nghiệp	81,6%	91,0%
Tổ chức hoạt động giúp HS hiểu bản thân	81,7%	91,3%
Chưa tổ chức cho HS tiếp cận sản xuất, kinh doanh	67,8%	50,6%
Chưa được tập huấn về hướng nghiệp	65,5%	44,9%
ĐTB tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp (thang 5)	2,49	2,96
Khó khăn: khó tổ chức trải nghiệm thực tế	64,8%	64,6%
Khó khăn: thiếu thời gian	56,3%	60,1%
Khó khăn: thiếu tài liệu hướng nghiệp	60,7%	54,5%
Thuận lợi: có liên kết với doanh nghiệp	17,2%	27,4%

*Ghi chú: * Số liệu toàn quốc theo Đinh Thị Hồng Nhung [3]. Hai cuộc khảo sát sử dụng mẫu và phiếu hỏi không hoàn toàn giống nhau; số liệu dùng để tham khảo, không phải kiểm định*

thống kê.

So với mặt bằng chung cả nước, GV An Giang có tỉ lệ chưa được tập huấn và chưa kết nối doanh nghiệp cao hơn rõ rệt, trong khi các khó khăn chủ yếu tương đồng. Điều này cho thấy điểm nghẽn của An Giang nằm nhiều hơn ở năng lực đội ngũ và mạng lưới doanh nghiệp, chứ không chỉ ở điều kiện thời gian.

4.2. Khoảng cách đánh giá giữa cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh

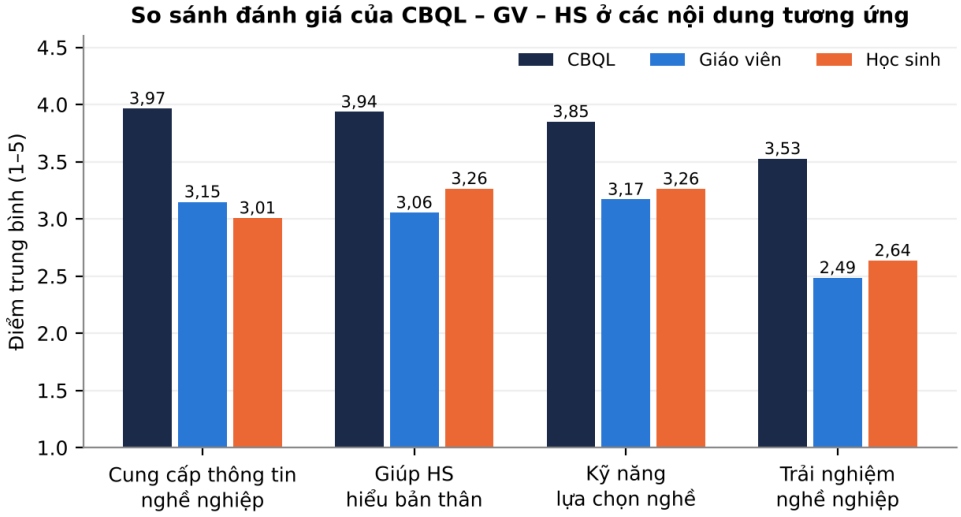
Đối chiếu bốn nội dung có trong cả ba phiếu cho thấy CBQL luôn đánh giá cao hơn GV và HS, chênh lệch từ 0,68 đến 1,04 điểm (Bảng 2). Khoảng cách lớn nhất ở tổ chức trải nghiệm thực tế: CBQL đánh giá ở mức "khá thường xuyên", trong khi GV và HS chỉ ở mức "hiếm khi/có ít". Khoảng cách này có thể phản ánh việc chỉ đạo chưa chuyển hóa đầy đủ thành hoạt động đến với HS, nhưng cũng có thể một phần do xu hướng tự đánh giá cao của CBQL; vì vậy cần bổ sung kênh đánh giá dựa trên phản hồi của HS.

Bảng 2

Điểm trung bình đánh giá của ba nhóm khách thể ở các nội dung tương ứng

Nội dung đối chiếu	CBQL	Giáo viên	Học sinh	Chênh lệch CBQL – GV
Cung cấp thông tin nghề nghiệp	3,97 (Khá TX)	3,15 (Thỉnh thoảng)	3,01 (Bình thường)	0,82
Giúp học sinh hiểu bản thân	3,94 (Khá TX)	3,06 (Thỉnh thoảng)	3,26 (Bình thường)	0,88
Phát triển kỹ năng lựa chọn nghề	3,85 (Khá TX)	3,17 (Thỉnh thoảng)	3,26 (Bình thường)	0,68
Tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp	3,53 (Khá TX)	2,49 (Hiếm khi)	2,64 (Có ít)	1,04

Ghi chú: Khá TX: khá thường xuyên. Câu hỏi ở ba phiếu không hoàn toàn giống nhau nên phép so sánh mang tính đối chiếu mô tả.



Hình 1. Điểm trung bình của CBQL, GV và HS ở các nội dung tương ứng

4.3. Điều kiện bảo đảm: kinh phí và nhân lực

Khảo sát điều kiện bảo đảm cho thấy những rào cản mang tính hệ thống:

- Kinh phí: 38,5% CBQL cho biết nhà trường chưa bảo đảm kinh phí cho hoạt động hướng nghiệp (61,5% đã bảo đảm); thiếu kinh phí là khó khăn được 66,8% CBQL lựa chọn.

- Nhân lực: 78,5% CBQL phản ánh thiếu GV chuyên trách hướng nghiệp – khó khăn được chọn nhiều nhất; 54,1% CBQL thiếu thông tin về thị trường lao động.

- Phối hợp: phối hợp với doanh nghiệp là nội dung có ĐTB thấp nhất trong phiếu CBQL (2,95/5,0); huy động nguồn lực xã hội đạt 3,17/5,0.

- Tập huấn: 65,5% GV chưa từng được tập huấn về hướng nghiệp; 69,6% GV coi đây là khó khăn.

Các rào cản này phù hợp với nhận định của các nghiên cứu trong nước về tình trạng thiếu đội ngũ tư vấn chuyên trách và thiếu kinh phí trong nhà trường phổ thông [8], [7].

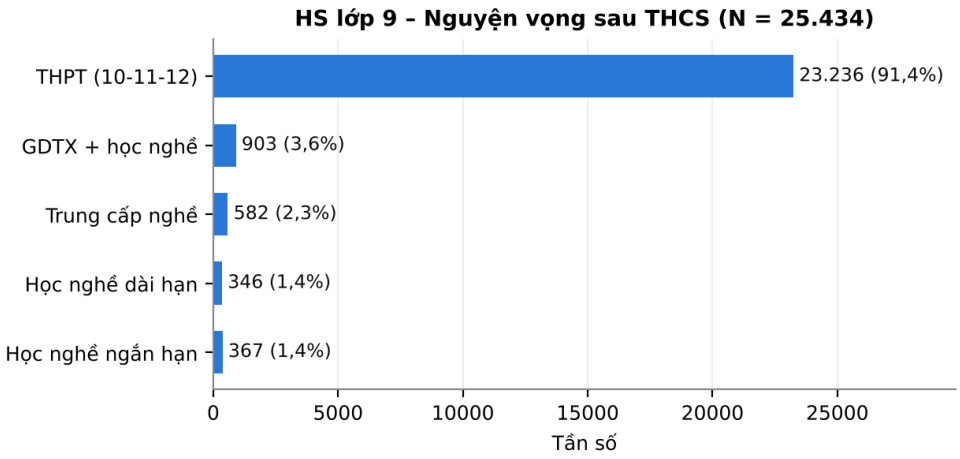
4.4. Nguyện vọng phân luồng so với mục tiêu Đề án 522

Nguyện vọng của 49.067 HS cuối cấp cho thấy khoảng cách lớn so với mục tiêu của Đề án 522 [1]:

- Sau THCS (lớp 9, N = 25.434): 91,4% muốn học tiếp THPT; chỉ 8,6% chọn GDTX kết hợp học nghề, trung cấp hoặc học nghề, thấp hơn mục tiêu 40% khoảng 31,4 điểm phần trăm.

- Sau THPT (lớp 12, N = 23.633): 80,4% muốn học đại học; 19,6% chọn GDNN (cao đẳng 7,3%; trung cấp và học nghề 12,3%), thấp hơn mục tiêu 45% khoảng 25,4 điểm phần trăm.

Nam sinh chọn hướng nghề nhiều gần gấp đôi nữ sinh (lớp 9: 11,8% so với 5,9%; lớp 12: 24,9% so với 15,1%; $p < 0,001$), cho thấy yếu tố giới vẫn chi phối lựa chọn nghề như nhận định của OECD [9]. Kết quả này phù hợp với tâm lý chuộng bằng cấp đã được ghi nhận ở nhiều địa phương [13], [14]. Cần lưu ý đây là nguyện vọng tự báo cáo, chưa phải số liệu tuyển sinh thực tế.



Hình 2. Nguyện vọng sau THCS của học sinh lớp 9

4.5. Các yếu tố liên hệ với kết quả hướng nghiệp của học sinh

Phân tích hồi quy bội (phương pháp Enter) với biến phụ thuộc là kết quả hướng nghiệp của HS cho thấy mô hình giải thích được 68,2% biến thiên ($R^2 = 0,682$; $F = 36.793,7$; $p < 0,001$; $N = 103.089$)

(Bảng 3).

Bảng 3

Kết quả hồi quy bội các yếu tố liên hệ với kết quả hướng nghiệp của học sinh

Biến độc lập	Hệ số β chuẩn hóa	Giá trị t	Mức ý nghĩa (p)	Thứ tự
Kỹ năng định hướng nghề nghiệp	0,433	134,67	< 0,001	1
Hiểu bản thân	0,259	86,70	< 0,001	2
Sự hỗ trợ của thầy cô, gia đình, nhà trường	0,150	48,48	< 0,001	3
Hướng nghiệp trong môn học	0,073	26,58	< 0,001	4
Hiểu biết về nghề nghiệp	0,032	10,64	< 0,001	5
Trải nghiệm hướng nghiệp	−0,030	−11,33	< 0,001	6

Ghi chú: $R^2 = 0,682$; R^2 hiệu chỉnh = 0,682; $F(6; 103.082) = 36.793,7$; $p < 0,001$. Dữ liệu cắt ngang nên hệ số thể hiện mức độ liên hệ, không phải quan hệ nhân quả.

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp (β = 0,433) và hiểu bản thân (β = 0,259) có liên hệ mạnh nhất với kết quả hướng nghiệp, phù hợp với quan điểm của Super về vai trò của khái niệm bản thân [4] và của Holland về sự tương hợp giữa cá nhân và nghề [5]. Hệ số của trải nghiệm hướng nghiệp âm và rất nhỏ (β = −0,030) khi đã kiểm soát các biến khác, nhưng không có nghĩa trải nghiệm không có tác dụng: khi xét riêng, HS tham gia hoạt động hướng nghiệp càng thường xuyên thì kết quả càng cao (ĐTB tăng từ 2,89 ở nhóm chưa bao giờ tham gia lên 3,95 ở nhóm rất thường xuyên; F = 1.962,7; p < 0,001). Cách hiểu phù hợp hơn là trải nghiệm phát huy hiệu quả khi đi kèm hoạt động giúp HS tự đánh giá và hình thành kỹ năng lựa chọn nghề.

4.6. Vai trò của tập huấn chuyên môn đối với giáo viên

Kiểm định t độc lập cho thấy GV đã được tập huấn có ĐTB cao hơn GV chưa được tập huấn ở cả tám nhóm nội dung, chênh lệch từ 0,45 đến 0,60 điểm (Cohen's d = 0,53–0,66; p < 0,001), là mức hiệu ứng trung bình. Chênh lệch lớn nhất ở tổ chức các hoạt động hướng nghiệp như ngày hội, tư vấn (3,34 so với 2,74; d = 0,66) và cung cấp thông tin nghề nghiệp (3,50 so với 2,96; d = 0,63); ở tổ chức trải nghiệm là 2,88 so với 2,28 (d = 0,59). Ngược lại, thâm niên công tác không tạo khác biệt có ý nghĩa (ANOVA: F = 2,80; p = 0,061), và khác biệt theo cấp học rất nhỏ (|d| ≤ 0,10). Như vậy, bồi dưỡng chuyên môn – chứ không phải kinh nghiệm giảng dạy – là yếu tố gắn với mức độ thực hiện GDHN của GV.

5. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Từ các điểm nghẽn đã được nhận diện, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp cho tỉnh An Giang.

5.1. Ứng dụng trợ lý AI làm tầng hỗ trợ cá nhân hóa ban đầu

Nhằm giảm áp lực cho GV (56,3% thiếu thời gian, 60,7% thiếu tài liệu), Sở Giáo dục và Đào tạo có thể xây dựng cổng thông tin hướng nghiệp tích hợp trợ lý AI, trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp theo mô hình RIASEC và cơ sở dữ liệu ngành nghề, thị trường lao động của địa phương. Trợ lý AI hỗ trợ HS tự khám phá bản thân và tạo báo cáo gợi ý ban đầu; GV dựa vào đó để tư vấn chuyên

sâu. AI không thay thế GV mà giúp giảm tải và cá nhân hóa tư vấn trên quy mô lớn [3], [8].

5.2. Thể chế hóa liên kết nhà trường – cơ sở GDNN – doanh nghiệp

Phối hợp với doanh nghiệp là khâu yếu nhất (2,95/5,0 theo CBQL; chỉ 17,2% GV có liên kết doanh nghiệp). UBND tỉnh cần ban hành quy chế phối hợp liên ngành giữa ngành Giáo dục, ngành Lao động và hiệp hội doanh nghiệp; nhân rộng mô hình mỗi trường cao đẳng, trung cấp "đỡ đầu" một cụm trường THCS, THPT; mở rộng các chương trình "một ngày làm người lao động" tại khu công nghiệp, doanh nghiệp du lịch, nông nghiệp của tỉnh, phù hợp với khuyến nghị của OECD về gắn kết người sử dụng lao động trong hướng nghiệp [9].

5.3. Bồi dưỡng chuẩn hóa cho giáo viên chưa được tập huấn

Ưu tiên bồi dưỡng cho 65,5% GV chưa được tập huấn, trước hết là GV chủ nhiệm và GV dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp các lớp 8, 9, 12. Nội dung chuyển trọng tâm sang thực hành: (1) đọc và phân tích thông tin thị trường lao động của tỉnh; (2) sử dụng và giải thích kết quả trắc nghiệm RIASEC; (3) kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cá nhân; (4) thiết kế hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp gắn với môn học.

5.4. Bảo đảm kinh phí và đổi mới đánh giá dựa trên minh chứng

Bố trí dòng kinh phí riêng cho GDHN trong dự toán hằng năm của nhà trường. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá: kết hợp báo cáo của nhà trường với khảo sát phản hồi của HS để thu hẹp khoảng cách đánh giá giữa các nhóm; xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi HS sau phân luồng (tỉ lệ theo học, việc làm, mức độ hài lòng). Có thể tham khảo các thang đo mức sẵn sàng nghề nghiệp đã được chuẩn hóa cho HS Việt Nam [15] để đánh giá hiệu quả một cách khách quan.

5.5. Kiến nghị

Đối với UBND tỉnh An Giang: ban hành quy chế liên kết ba bên cấp tỉnh; bố trí kinh phí cho hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp của HS.

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: xây dựng cổng dữ liệu và trợ lý AI hướng nghiệp; tổ chức bồi dưỡng GV theo lộ trình; tăng cường hướng nghiệp ở cấp THCS, nơi HS đánh giá mức hỗ trợ và trải nghiệm thấp nhất.

Đối với các trường trung học: đưa nội dung kết nối cơ sở GDNN, doanh nghiệp vào kế hoạch năm học; phối hợp với cha mẹ HS để hạn chế định kiến giới và tâm lý chuộng bằng cấp trong chọn nghề.

5.6. Hạn chế của nghiên cứu

Mẫu khảo sát trực tuyến, chọn thuận tiện; dữ liệu tự báo cáo và cắt ngang nên chỉ cho phép kết luận về mức độ liên hệ; phiếu hỏi của ba nhóm không hoàn toàn giống nhau; nguyện vọng phân luồng chưa được đối chiếu với số liệu tuyển sinh thực tế. Nghiên cứu tiếp theo nên dùng mẫu chọn theo cụm và theo dõi HS sau tốt nghiệp.

6. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát 117.801 CBQL, GV và HS cho thấy GDHN tại An Giang đã có nền tảng về kế hoạch và chỉ đạo, nhưng hoạt động đến với HS còn ở mức thỉnh thoảng; tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp và liên kết doanh nghiệp là khâu yếu nhất ở cả ba nhóm. CBQL đánh giá cao hơn GV và HS từ 0,68 đến 1,04 điểm. Tập huấn chuyên môn gắn với mức độ thực hiện cao hơn rõ rệt của GV, còn kỹ năng định hướng nghề nghiệp và hiểu bản thân là các yếu tố liên hệ chặt nhất với kết quả hướng nghiệp của HS. Nguyện vọng học nghề của HS còn thấp xa mục tiêu phân luồng. Việc kết hợp công cụ AI, đội ngũ GV được bồi dưỡng và cơ chế liên kết doanh nghiệp thực chất là hướng đi cần thiết để hiện thực hóa yêu cầu của Thông tư 16/2026/TT-BGDĐT tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
3. Đinh Thị Hồng Nhung (2026). Thực trạng và giải pháp đột phá trong hoạt động hướng nghiệp của giáo viên nhằm thúc đẩy phân luồng trong giáo dục. *Tạp chí Tâm lý – Giáo dục, 32*(09, kì 1), 184–189.
4. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development: Applying contemporary theories to practice* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
5. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
6. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
7. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
8. Nguyen, H. L., Dam, A. T. V., & Ha, L. T. K. (2024). Evaluation of the organization and effectiveness of career counseling for Vietnamese high school students. *Humanities and Social Sciences Letters, 12*(2), 383–393. https://doi.org/10.18488/73.v12i2.3755
9. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
10. Covacevich, C., Mann, A., Besa, F., Diaz, J., & Santos, C. (2021). *Thinking about the future: Career readiness insights from national longitudinal surveys and from practice* (OECD Education Working Papers No. 248). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/02a419de-en
11. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học tỉnh An Giang năm 2026* [Tài liệu nội bộ].
12. Cohen, J. (1988). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Lawrence Erlbaum Associates.
13. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
14. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341). https://vjol.info.vn/tctbgd/vi/article/view/126707
15. McCowan, C., McIlveen, P., McLennan, B., Ho, P., Lê, Đ. A. K., & Tran, N. D. (2024). Career education and development scale for secondary and tertiary students in Vietnam. *The Career Development*

Quarterly, 72(2), 158–171. https://doi.org/10.1002/cdq.12347

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG TỈNH AN GIANG: GÓC NHÌN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ

Nguyễn Minh Đăng Khôi

Viện Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Tâm lý Giáo dục Phương Nam

Tóm tắt: *Bài báo phân tích thực trạng giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học tại tỉnh An Giang từ góc nhìn của cán bộ quản lý – chủ thể trực tiếp lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và đánh giá hoạt động này trong nhà trường. Khảo sát trực tuyến năm 2026 thu được 551 phiếu của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả, Cronbach's Alpha, kiểm định t, ANOVA, Chi-square và hồi quy tuyến tính bội. Kết quả cho thấy phần lớn nhà trường đã có kế hoạch (87,6%) và bố trí đội ngũ (89,0%), song chỉ 61,5% bảo đảm được kinh phí. Mức độ thực hiện chung đạt mức khá (3,73/5); công tác phối hợp là khâu yếu nhất (3,35/5), đặc biệt là phối hợp với doanh nghiệp (2,95/5). Thiếu giáo viên chuyên trách (78,5%), thiếu kinh phí (66,8%) và thiếu thông tin thị trường lao động (54,1%) là các khó khăn chính. Các trường đã có kế hoạch, tư vấn phân luồng, đội ngũ và kinh phí được đánh giá hiệu quả cao hơn; điều kiện bảo đảm là yếu tố có liên hệ mạnh nhất với hiệu quả ($\beta = 0,377$). Bài viết đề xuất kiện toàn đội ngũ, bảo đảm kinh phí, thể chế hóa liên kết với doanh nghiệp và đổi mới tự đánh giá dựa trên minh chứng.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; cán bộ quản lý; quản lý nhà trường; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hướng nghiệp (GDHN) và phân luồng học sinh (HS) là giải pháp quan trọng để phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Đề án ban hành kèm Quyết định số 522/QĐ-TTg đặt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 40% HS tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) và 45% HS tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) [1]. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT tiếp tục quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục, yêu cầu hoạt động này được tổ chức có hệ thống, liên tục và gắn với thực tiễn [2].

Trong nhà trường, cán bộ quản lý (CBQL) – hiệu trưởng và phó hiệu trưởng – là người chuyển hóa chính sách thành kế hoạch và hoạt động cụ thể: xây dựng kế hoạch, phân công đội ngũ, bố trí kinh phí, phối hợp với gia đình, doanh nghiệp và kiểm tra, đánh giá. Các nghiên cứu về hướng nghiệp tại Việt Nam chủ yếu tiếp cận từ phía giáo viên (GV) hoặc HS [3], [4]; góc nhìn quản lý ở cấp tỉnh còn ít được khảo sát trên mẫu lớn.

Bài viết sử dụng dữ liệu khảo sát 551 CBQL tại tỉnh An Giang năm 2026 nhằm: (1) mô tả điều kiện triển khai và mức độ thực hiện công tác GDHN, phân luồng; (2) nhận diện khó khăn, thuận lợi; (3) xác định các yếu tố quản lý có liên hệ với hiệu quả; từ đó đề xuất giải pháp quản lý phù hợp với địa phương.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh

Theo Super, phát triển nghề nghiệp là một quá trình liên tục qua nhiều giai đoạn, gắn với sự hình thành khái niệm bản thân [5]; theo Holland, hiệu quả chọn nghề phụ thuộc vào mức độ tương hợp giữa kiểu nhân cách và môi trường nghề nghiệp [6]. Vì vậy, GDHN trong nhà trường cần được tổ chức xuyên suốt các cấp học, giúp HS hiểu bản thân, hiểu thế giới nghề nghiệp và lựa chọn hướng học tập phù hợp; phân luồng là kết quả của quá trình hướng nghiệp đó, không chỉ là hoạt động tư vấn tuyển sinh cuối cấp.

2.2. Vai trò quản lý của cán bộ quản lý nhà trường

Tiếp cận theo các chức năng quản lý, công tác GDHN, phân luồng của CBQL gồm: (1) lập kế hoạch và lồng ghép vào kế hoạch giáo dục nhà trường; (2) tổ chức thực hiện các nội dung hướng nghiệp theo quy định; (3) chỉ đạo, phân công đội ngũ và phối hợp với cha mẹ HS, cơ sở GDNN, doanh nghiệp; (4) bảo đảm điều kiện về nhân lực, học liệu, cơ sở vật chất, kinh phí, công nghệ; (5) kiểm tra, đánh giá hiệu quả. Các nghiên cứu trong nước cho thấy nhà trường phổ thông còn thiếu đội ngũ tư vấn chuyên trách cả về số lượng và chất lượng [7]; thiếu kinh phí, thời gian và cơ hội bồi dưỡng là những rào cản chính đối với tư vấn hướng nghiệp [4]; tâm lý chuộng bằng cấp và thiếu thông tin thị trường lao động làm hạn chế kết quả phân luồng [8], [9].

2.3. Phối hợp với doanh nghiệp trong hướng nghiệp

Tổng quan của OECD nhấn mạnh hướng nghiệp hiệu quả cần cho HS tiếp xúc thực tế với thế giới việc làm, và sự tham gia của người sử dụng lao động là thành tố cốt lõi [10]. Dữ liệu theo dõi dọc ở nhiều quốc gia cho thấy các hoạt động như tư vấn nghề, khảo sát hứng thú, giao lưu với doanh nghiệp ở tuổi thiếu niên có liên hệ với kết quả việc làm tốt hơn khi trưởng thành [11]. Do đó, năng lực phối hợp với doanh nghiệp và cơ sở GDNN là một chỉ báo quan trọng của công tác quản lý hướng nghiệp.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mẫu nghiên cứu

Khảo sát do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang tổ chức trực tuyến năm 2026; CBQL các trường THCS, THPT tham gia tự nguyện [12]. Mẫu gồm 551 CBQL, không có phiếu trùng lặp (Bảng 1).

Bảng 1

Đặc điểm mẫu khảo sát cán bộ quản lý (N = 551)

Đặc điểm	Nhóm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Chức vụ	Hiệu trưởng	209	37,9
	Phó hiệu trưởng	342	62,1
Giới tính	Nam	378	68,9
	Nữ	171	31,1
Cấp học	THCS	310	56,3
	THPT	241	43,7
Số năm quản lý	Dưới 5 năm	98	17,8

Bảng 1 (tiếp theo)

Đặc điểm	Nhóm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
	Từ 5–10 năm	130	23,6
	Trên 10 năm	323	58,6

Ghi chú: 2 phiếu không trả lời câu hỏi giới tính; tỉ lệ tính trên số phiếu hợp lệ.

3.2. Công cụ nghiên cứu

Phiếu hỏi gồm bốn phần: (1) 4 câu hỏi Có/Không về điều kiện triển khai (kế hoạch, tư vấn phân luồng, đội ngũ, kinh phí); (2) 27 biến thang Likert 5 mức thuộc 6 nhóm nội dung: chỉ đạo, quản lý (5 biến); tổ chức thực hiện nội dung hướng nghiệp theo Thông tư 16 (4 biến); công tác phối hợp (4 biến); công tác phân luồng (5 biến); điều kiện bảo đảm (5 biến); đánh giá hiệu quả (4 biến). Thang mức độ thực hiện từ 1 = Chưa thực hiện đến 5 = Thường xuyên; thang hiệu quả từ 1 = Chưa hiệu quả đến 5 = Hiệu quả; (3) câu hỏi nhiều lựa chọn về khó khăn, thuận lợi; (4) bốn câu hỏi mở về khó khăn lớn nhất, cách triển khai phân luồng, giải pháp và đề xuất với cấp trên. Hệ số Cronbach's Alpha của 6 nhóm nội dung từ 0,863 đến 0,962, đạt độ tin cậy tốt.

3.3. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu định lượng được phân tích theo các thủ tục tương đương SPSS: thống kê mô tả; kiểm định t độc lập (kiểm định Levene để chọn giả định phương sai); ANOVA một yếu tố; Chi-square; hồi quy tuyến tính bội (phương pháp Enter, biến chuẩn hóa, kiểm tra đa cộng tuyến bằng VIF). Độ lớn hiệu ứng được báo cáo bằng Cohen's d với các ngưỡng 0,2; 0,5; 0,8 [13] và η^2. Điểm trung bình (ĐTB) được quy đổi theo năm mức với khoảng cách 0,8: 1,00–1,80; 1,81–2,60; 2,61–3,40; 3,41–4,20; 4,21–5,00. Câu trả lời mở được mã hóa theo chủ đề; một ý kiến có thể thuộc nhiều chủ đề.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Điều kiện triển khai công tác hướng nghiệp, phân luồng

Phần lớn CBQL cho biết nhà trường đã bố trí đội ngũ thực hiện đúng phân công (89,0%), đã xây dựng kế hoạch hướng nghiệp, phân luồng lồng ghép trong kế hoạch giáo dục (87,6%) và đã triển khai tư vấn phân luồng trực tiếp, trực tuyến cho HS và cha mẹ HS (82,3%). Kinh phí là điều kiện yếu nhất: chỉ 61,5% bảo đảm được nguồn kinh phí từ ngân sách, nguồn thu hợp pháp hoặc tài trợ. Tỉ lệ này ở các trường THCS (56,0%) thấp hơn có ý nghĩa so với THPT (68,5%) ($\chi^2 = 8,27$; $p = 0,004$). Như vậy, các điều kiện mang tính hành chính (kế hoạch, phân công) đã cơ bản được đáp ứng, trong khi điều kiện về nguồn lực tài chính còn thiếu, nhất là ở cấp THCS – nơi diễn ra phân luồng lần thứ nhất.

4.2. Mức độ thực hiện các nội dung

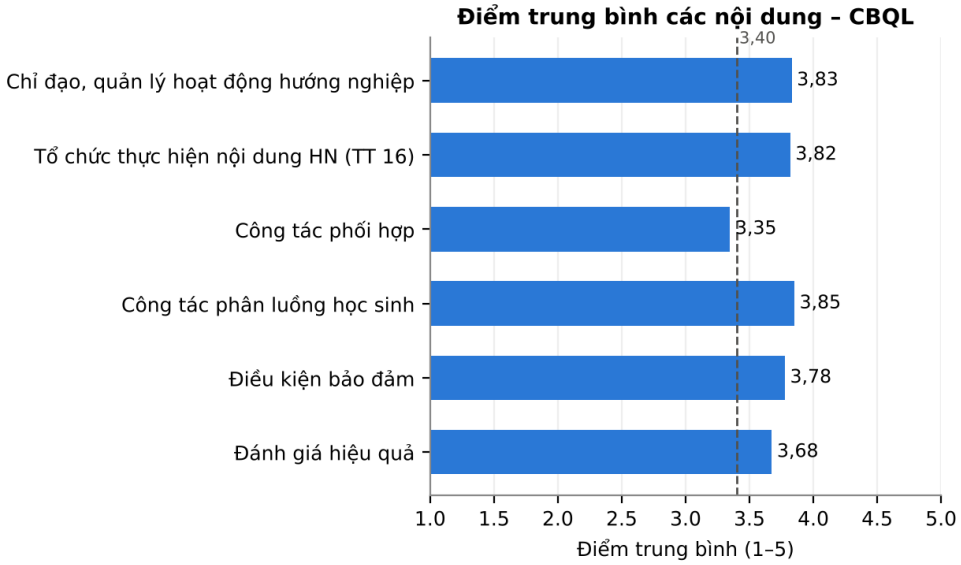
ĐTB chung của 27 biến đạt 3,73 (ĐLC = 0,79; N = 513), mức "khá thường xuyên". Năm trong sáu nhóm nội dung đạt mức khá; riêng công tác phối hợp ở mức "thỉnh thoảng" (Bảng 2, Hình 1).

Bảng 2

Mức độ thực hiện các nhóm nội dung theo đánh giá của cán bộ quản lý

Nhóm nội dung	Số biến	α	ĐTB	ĐLC	Mức đánh giá
Công tác phân luồng học sinh	5	0,940	3,85	0,87	Khá thường xuyên
Chỉ đạo, quản lý hoạt động hướng nghiệp	5	0,926	3,83	0,86	Khá thường xuyên
Tổ chức thực hiện nội dung hướng nghiệp	4	0,906	3,82	0,85	Khá thường xuyên
Điều kiện bảo đảm	5	0,948	3,78	0,85	Khá thường xuyên
Đánh giá hiệu quả	4	0,962	3,68	0,85	Khá hiệu quả
Công tác phối hợp	4	0,863	3,35	0,90	Thỉnh thoảng
Chung (27 biến)	27	–	3,73	0,79	Khá thường xuyên

Ghi chú: Số phiếu hợp lệ của từng nhóm từ 537 đến 547.



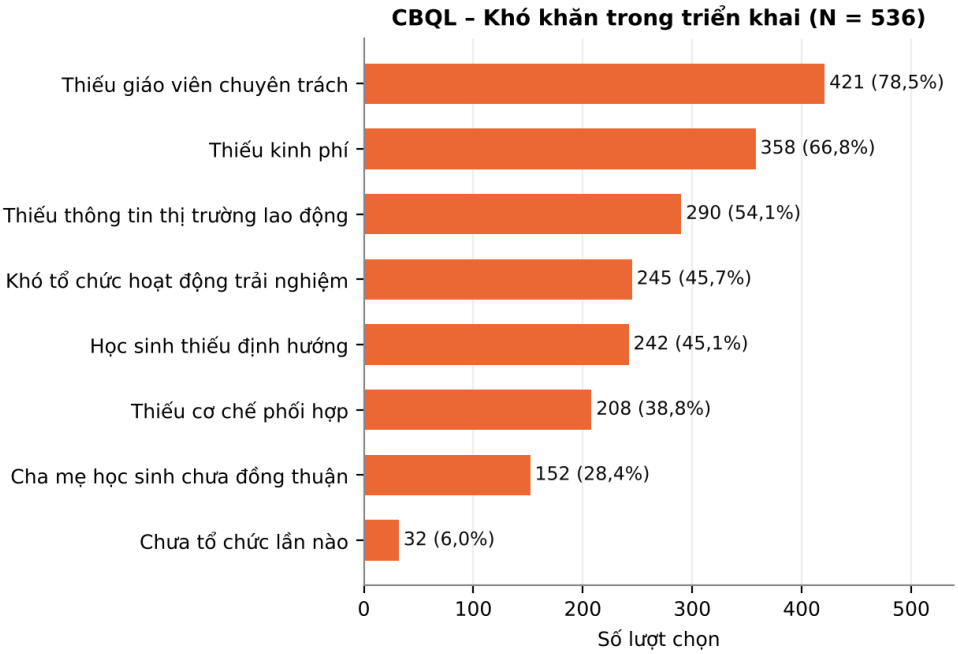
Hình 1. Điểm trung bình các nhóm nội dung theo đánh giá của cán bộ quản lý

Xét theo từng biến, các nội dung mang tính chỉ đạo và cung cấp thông tin được thực hiện thường xuyên nhất: chỉ đạo tích hợp hướng nghiệp trong các môn học (4,03), cung cấp thông tin nghề nghiệp cho HS (3,97), cung cấp thông tin các hướng học tập sau tốt nghiệp (3,97). Ngược lại, các nội dung cần nguồn lực và sự tham gia của bên ngoài nhà trường có điểm thấp nhất: phối hợp với doanh nghiệp (2,95 – thấp nhất trong 27 biến), huy động nguồn lực xã hội (3,17), phối hợp với cơ sở GDNN, đại học (3,52), tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp thực tế (3,53) và tự kiểm tra, đánh giá hiệu quả (3,60).

Kết quả này cho thấy công tác hướng nghiệp trong các trường hiện mạnh ở khâu "trong nhà trường" (kế hoạch, tích hợp, thông tin) nhưng yếu ở khâu "mở ra bên ngoài" (doanh nghiệp, cơ sở GDNN, nguồn lực xã hội). Trong khi đó, tiếp xúc thực tế với thế giới việc làm lại là thành tố được coi là cốt lõi của hướng nghiệp hiệu quả [10]. Kết quả cũng tương đồng với khảo sát GV trên phạm vi cả nước, trong đó tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp là nội dung có điểm thấp nhất [3].

4.3. Khó khăn và thuận lợi

Khó khăn được CBQL lựa chọn nhiều nhất là thiếu GV chuyên trách (78,5%), thiếu kinh phí (66,8%) và thiếu thông tin thị trường lao động (54,1%) (Hình 2). Đáng chú ý, 89,0% CBQL cho biết đã bố trí đội ngũ thực hiện, nhưng 78,5% vẫn phản ánh thiếu GV chuyên trách; điều này gợi ý đội ngũ hiện nay chủ yếu làm kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu, phù hợp với nhận định của Tran et al. [7].



Hình 2. Khó khăn trong triển khai theo đánh giá của cán bộ quản lý (N = 536)

Khó khăn có khác biệt theo cấp học ở hai nội dung. CBQL THPT chọn thiếu kinh phí nhiều hơn THCS (75,1% so với 60,4%; $\chi^2 = 12{,}20$; $p < 0{,}001$), dù tỉ lệ trường THPT đã bảo đảm kinh phí cao hơn; điều này có thể do hoạt động hướng nghiệp ở THPT (tư vấn tuyển sinh, tham quan cơ sở đào tạo) đòi hỏi chi phí lớn hơn. Ngược lại, CBQL THCS chọn cha mẹ HS chưa đồng thuận nhiều gần gấp đôi THPT (35,6% so với 18,9%; $\chi^2 = 17{,}39$; $p < 0{,}001$), phản ánh tâm lý muốn con vào THPT công lập ở thời điểm phân luồng sau THCS [8], [9].

Về thuận lợi, CBQL đánh giá cao sự chỉ đạo của cấp trên (84,2%) và tính tích cực của đội ngũ GV (82,2%); HS quan tâm (64,7%) và cha mẹ HS phối hợp (50,7%) ở mức trung bình. Chỉ 27,5% CBQL xem tài liệu hướng dẫn rõ ràng là thuận lợi và 17,5% có nguồn lực xã hội hỗ trợ. Như vậy, động lực hiện nay chủ yếu đến từ chỉ đạo hành chính, chưa có sự hỗ trợ đủ mạnh từ học liệu và xã hội.

4.4. Khác biệt theo đặc điểm cán bộ quản lý

Theo số năm quản lý. ĐTB chung tăng theo thâm niên quản lý: dưới 5 năm 3,55; từ 5–10 năm 3,65; trên 10 năm 3,81 ($F = 4{,}76$; $p = 0{,}009$; $\eta^2 = 0{,}018$). Mức khác biệt nhỏ, nhưng cho thấy CBQL mới cần được hỗ trợ thêm về nghiệp vụ quản lý hướng nghiệp.

Theo chức vụ. Hiệu trưởng đánh giá thấp hơn phó hiệu trưởng ở hầu hết các nhóm (ĐTB

chung 3,60 so với 3,81; t = −2,81; p = 0,005; d = −0,27), rõ nhất ở công tác phân luồng (3,69 so với 3,95; d = −0,30). Có thể hiệu trưởng – người chịu trách nhiệm chung về nguồn lực và kết quả – có cái nhìn thận trọng hơn so với phó hiệu trưởng trực tiếp phụ trách hoạt động.

Theo cấp học. CBQL THPT đánh giá cao hơn THCS ở tổ chức thực hiện nội dung hướng nghiệp (3,93 so với 3,73; d = 0,24; p = 0,007), điều kiện bảo đảm (3,88 so với 3,70; d = 0,22; p = 0,013) và phối hợp (3,44 so với 3,28; d = 0,17; p = 0,045); khác biệt ở ĐTB chung chưa có ý nghĩa thống kê (p = 0,055). Các khác biệt đều ở mức nhỏ.

4.5. Điều kiện triển khai và hiệu quả hướng nghiệp

So sánh các trường đã và chưa đáp ứng từng điều kiện cho thấy chênh lệch rõ rệt về hiệu quả hướng nghiệp theo đánh giá của CBQL (Bảng 3).

Bảng 3

Hiệu quả hướng nghiệp theo các điều kiện triển khai

Điều kiện triển khai	Có: n (ĐTB)	Chưa/Không: n (ĐTB)	t	p	Cohen's d
Đã xây dựng kế hoạch lồng ghép	472 (3,74)	64 (3,25)	3,70	< 0,001	0,58
Đã triển khai tư vấn phân luồng	443 (3,79)	94 (3,17)	6,01	< 0,001	0,76
Đã bố trí đội ngũ thực hiện	482 (3,76)	59 (3,05)	6,34	< 0,001	0,87
Bảo đảm kinh phí	330 (3,80)	210 (3,49)	4,28	< 0,001	0,38

Ghi chú: Biến phụ thuộc là nhóm "Đánh giá hiệu quả" (4 biến, thang 1–5). Kiểm định t độc lập.

Trường đã bố trí đội ngũ (d = 0,87) và đã triển khai tư vấn phân luồng (d = 0,76) có hiệu quả cao hơn với mức hiệu ứng lớn; trường có kế hoạch lồng ghép (d = 0,58) và có kinh phí (d = 0,38) cũng có hiệu quả cao hơn. Ở công tác phối hợp, trường có kinh phí đạt 3,51 so với 3,11 ở trường không có kinh phí (d = 0,46), cho thấy kinh phí là điều kiện để nhà trường mở rộng hợp tác với bên ngoài.

Hồi quy bội với biến phụ thuộc là đánh giá hiệu quả và năm nhóm nội dung còn lại là biến độc lập cho thấy mô hình giải thích được 74,4% biến thiên (R^2 hiệu chỉnh = 0,741; F(5; 506) = 294,0; p < 0,001; N = 512; VIF từ 2,77 đến 5,45) (Bảng 4).

Bảng 4

Kết quả hồi quy bội các yếu tố liên hệ với hiệu quả hướng nghiệp

Biến độc lập	β chuẩn hóa	t	p	VIF
Điều kiện bảo đảm	0,377	7,92	< 0,001	4,47
Tổ chức thực hiện nội dung hướng nghiệp	0,202	4,19	< 0,001	4,58
Công tác phân luồng học sinh	0,197	3,74	< 0,001	5,45
Công tác phối hợp	0,108	2,88	0,004	2,77
Chỉ đạo, quản lý hoạt động hướng nghiệp	0,048	0,98	0,328	4,73

Ghi chú: $R^2 = 0,744$; R^2 hiệu chỉnh = 0,741. Các biến cùng do CBQL tự đánh giá và dữ liệu cắt ngang, nên hệ số phản ánh mức độ liên hệ, không phải quan hệ nhân quả.

Điều kiện bảo đảm (nhân lực, học liệu, cơ sở vật chất, công nghệ) có liên hệ mạnh nhất với hiệu quả (β = 0,377), tiếp đến là tổ chức thực hiện nội dung hướng nghiệp (β = 0,202) và công tác phân luồng (β = 0,197). Chỉ đạo, quản lý không còn ý nghĩa khi đã kiểm soát các yếu tố khác (β = 0,048; p = 0,328), dù tương quan riêng với hiệu quả vẫn cao (r = 0,77). Điều này gợi ý rằng chỉ đạo chỉ phát huy tác dụng khi được chuyển thành điều kiện và hoạt động cụ thể; tăng cường văn bản chỉ đạo mà thiếu nguồn lực khó cải thiện hiệu quả.

4.6. Ý kiến đề xuất của cán bộ quản lý

Trong các câu trả lời mở về khó khăn lớn nhất (323 ý kiến được mã hóa), kinh phí được nhắc nhiều nhất (32,2%), tiếp đến là phối hợp với cha mẹ HS (17,0%), thiếu GV chuyên trách, chuyên gia (14,2%) và thiếu thông tin ngành nghề, thị trường lao động (14,2%). Về giải pháp nâng cao hiệu quả (310 ý kiến), CBQL đề xuất tăng cường tư vấn cá nhân, khám phá năng lực (21,0%), cung cấp thông tin ngành nghề (21,0%), liên kết doanh nghiệp, cơ sở đào tạo (20,0%) và tham quan, trải nghiệm thực tế (19,7%). Đề xuất với cấp trên (150 ý kiến) tập trung vào kinh phí (31,3%), tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ (28,7%) và tài liệu, học liệu hướng nghiệp (20,7%).

5. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kiện toàn đội ngũ thực hiện hướng nghiệp

Mỗi trường cần có ít nhất một GV hoặc viên chức phụ trách hướng nghiệp được bồi dưỡng chuyên sâu, làm đầu mối tư vấn và điều phối; các GV chủ nhiệm, GV dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tập huấn về tư vấn cá nhân và sử dụng công cụ đánh giá sở thích, năng lực. Sở Giáo dục và Đào tạo có thể xây dựng đội ngũ báo cáo viên cấp tỉnh và tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

5.2. Bảo đảm kinh phí, ưu tiên cấp THCS

Bố trí dòng kinh phí riêng cho hướng nghiệp, phân luồng trong dự toán hằng năm; ưu tiên các trường THCS (44,0% chưa bảo đảm kinh phí); khuyến khích huy động tài trợ từ doanh nghiệp và cơ sở GDNN theo cơ chế minh bạch.

5.3. Thể chế hóa liên kết nhà trường – cơ sở GDNN – doanh nghiệp

Phối hợp với doanh nghiệp là khâu yếu nhất (2,95/5). Cần ban hành quy chế phối hợp liên ngành cấp tỉnh; tổ chức mạng lưới doanh nghiệp, cơ sở GDNN "đỡ đầu" theo cụm trường; đưa hoạt động tham quan, trải nghiệm nghề vào kế hoạch năm học với chỉ tiêu cụ thể cho HS cuối cấp, phù hợp với khuyến nghị của OECD [10].

5.4. Cung cấp thông tin thị trường lao động và phối hợp với cha mẹ học sinh

Xây dựng cơ sở dữ liệu số về nhu cầu nhân lực, ngành nghề và cơ sở đào tạo của tỉnh để nhà trường sử dụng chung. Ở cấp THCS, tổ chức tư vấn dành riêng cho cha mẹ HS về các con đường học tập sau THCS, giảm tâm lý chuộng bằng cấp và định kiến về học nghề.

5.5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá dựa trên minh chứng

Tự kiểm tra, đánh giá hiệu quả là nội dung còn thấp trong nhóm chỉ đạo (3,60/5). Cần bổ sung các chỉ số đầu ra như tỉ lệ HS được trải nghiệm nghề, tỉ lệ HS theo học GDNN, phản hồi của HS và cha mẹ HS; có thể sử dụng các thang đo mức sẵn sàng nghề nghiệp đã được chuẩn hóa cho HS Việt Nam [14] để đánh giá khách quan hơn.

5.6. Hạn chế của nghiên cứu

Dữ liệu do CBQL tự đánh giá nên có thể cao hơn thực tế; khảo sát GV và HS trong cùng đợt cho thấy mức độ thực hiện theo đánh giá của hai nhóm này thấp hơn [12]. Mẫu chọn thuận tiện, thiết kế cắt ngang và các biến cùng nguồn trả lời nên kết quả hồi quy chỉ phản ánh mức độ liên hệ. Một số trường có thể có nhiều CBQL tham gia. Nghiên cứu tiếp theo nên kết hợp dữ liệu khách quan (kết quả phân luồng thực tế) và phân tích theo cấp trường.

6. KẾT LUẬN

Từ góc nhìn của 551 CBQL, công tác GDHN và phân luồng tại An Giang đã có nền tảng về kế hoạch, phân công và chỉ đạo, với mức độ thực hiện chung đạt mức khá. Tuy nhiên, các khâu đòi hỏi nguồn lực và sự tham gia từ bên ngoài – phối hợp với doanh nghiệp, huy động nguồn lực xã hội, trải nghiệm nghề nghiệp thực tế – còn yếu. Thiếu GV chuyên trách, thiếu kinh phí và thiếu thông tin thị trường lao động là các rào cản chính. Các trường đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ, tư vấn, kế hoạch và kinh phí được đánh giá hiệu quả cao hơn rõ rệt; điều kiện bảo đảm là yếu tố liên hệ mạnh nhất với hiệu quả. Vì vậy, trọng tâm quản lý giai đoạn tới cần chuyển từ chỉ đạo bằng văn bản sang bảo đảm nguồn lực, kiện toàn đội ngũ và xây dựng cơ chế liên kết thực chất với doanh nghiệp, cơ sở GDNN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
3. Đinh Thị Hồng Nhung (2026). Thực trạng và giải pháp đột phá trong hoạt động hướng nghiệp của giáo viên nhằm thúc đẩy phân luồng trong giáo dục. *Tạp chí Tâm lý – Giáo dục, 32*(09, kì 1), 184–189.
4. Nguyen, H. L., Dam, A. T. V., & Ha, L. T. K. (2024). Evaluation of the organization and effectiveness of career counseling for Vietnamese high school students. *Humanities and Social Sciences Letters, 12*(2), 383–393. https://doi.org/10.18488/73.v12i2.3755
5. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development: Applying contemporary theories to practice* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
6. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
7. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
8. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
9. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải

pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341). https://vjol.info.vn/tctbgd/vi/article/view/126707
10. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
11. Covacevich, C., Mann, A., Besa, F., Diaz, J., & Santos, C. (2021). *Thinking about the future: Career readiness insights from national longitudinal surveys and from practice* (OECD Education Working Papers No. 248). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/02a419de-en
12. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học tỉnh An Giang năm 2026* [Tài liệu nội bộ].
13. Cohen, J. (1988). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Lawrence Erlbaum Associates.
14. McCowan, C., McIlveen, P., McLennan, B., Ho, P., Lê, Đ. A. K., & Tran, N. D. (2024). Career education and development scale for secondary and tertiary students in Vietnam. *The Career Development Quarterly, 72*(2), 158–171. https://doi.org/10.1002/cdq.12347

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG: GÓC NHÌN CỦA GIÁO VIÊN

Giáp Bình Nga

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: ngagb@hnue.edu.vn

Tóm tắt: *Bài báo phân tích thực trạng giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trên địa bàn tỉnh An Giang từ góc nhìn của giáo viên – lực lượng trực tiếp tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho học sinh. Khảo sát trực tuyến năm 2026 thu được 7.256 phiếu hợp lệ của giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả, Cronbach's Alpha, kiểm định t, ANOVA, Chi-square và hồi quy tuyến tính bội. Kết quả cho thấy mức độ thực hiện chung ở mức "thỉnh thoảng" (3,03/5). Giáo viên thực hiện nhiều nhất việc tích hợp hướng nghiệp trong môn học (3,25/5) và ít nhất việc tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp (2,49/5); 67,8% giáo viên chưa tổ chức cho học sinh làm quen với quy trình sản xuất, kinh doanh. 65,5% giáo viên chưa được tập huấn về hướng nghiệp; giáo viên đã được tập huấn có mức độ thực hiện cao hơn ở cả tám nội dung (Cohen's d = 0,53–0,66), trong khi thâm niên và cấp học hầu như không tạo khác biệt. Thực hiện phân luồng, tích hợp trong môn học và phát triển kỹ năng lựa chọn nghề có liên hệ mạnh nhất với hiệu quả hướng nghiệp. Bài viết đề xuất ưu tiên bồi dưỡng giáo viên, phát triển học liệu, mở rộng trải nghiệm nghề gắn với doanh nghiệp và bố trí thời gian hợp lý cho hoạt động hướng nghiệp.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; giáo viên; tập huấn; trải nghiệm nghề nghiệp; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hướng nghiệp (GDHN) và phân luồng học sinh (HS) là nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục phổ thông nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Đề án ban hành kèm Quyết định số 522/QĐ-TTg đặt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 40% HS tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) và 45% HS tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) [1]. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT tiếp tục quy định về hướng nghiệp và phân luồng, nhấn mạnh tính hệ thống, liên tục và gắn với trải nghiệm thực tiễn [2].

Giáo viên (GV) là lực lượng trực tiếp chuyển hóa các yêu cầu này thành hoạt động trên lớp và ngoài giờ học. Khảo sát 34.000 GV trên cả nước cho thấy GV có nhận thức tốt nhưng tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp còn yếu, 44,9% chưa được tập huấn và liên kết doanh nghiệp còn hạn chế [3]. Tuy nhiên, thực trạng ở từng địa phương có thể khác nhau tùy điều kiện kinh tế – xã hội và mạng lưới cơ sở đào tạo.

Bài viết sử dụng dữ liệu khảo sát 7.256 GV tại tỉnh An Giang năm 2026 nhằm: (1) mô tả mức độ thực hiện và hiệu quả các nội dung hướng nghiệp, phân luồng của GV; (2) nhận diện khó khăn, thuận lợi; (3) phân tích vai trò của tập huấn và các yếu tố liên hệ với hiệu quả; từ đó đề xuất giải pháp nâng cao năng lực hướng nghiệp cho đội ngũ GV.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Hướng nghiệp là quá trình phát triển và tương hợp

Theo Super, phát triển nghề nghiệp là quá trình liên tục qua nhiều giai đoạn, trong đó tuổi học sinh trung học thuộc giai đoạn khám phá – thời điểm hình thành khái niệm bản thân gắn với nghề nghiệp [4]. Theo Holland, lựa chọn nghề hiệu quả khi có sự tương hợp giữa kiểu nhân cách (RIASEC) và môi trường nghề nghiệp [5]. Hai lý thuyết này đặt ra yêu cầu GV không chỉ cung cấp thông tin nghề mà phải giúp HS hiểu bản thân, rèn luyện kỹ năng ra quyết định và trải nghiệm thực tế để đối chiếu bản thân với nghề.

2.2. Các nội dung hướng nghiệp của giáo viên

Căn cứ Thông tư 16/2026/TT-BGDĐT và khung năng lực định hướng nghề nghiệp của HS gồm ba thành phần – hiểu bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp, ra quyết định và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp [6] – nghiên cứu xác định tám nhóm nội dung hướng nghiệp của GV: (1) cung cấp thông tin nghề nghiệp; (2) hỗ trợ HS hiểu bản thân; (3) phát triển kỹ năng lựa chọn nghề; (4) tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp; (5) tích hợp hướng nghiệp trong môn học; (6) tổ chức các hoạt động hướng nghiệp; (7) thực hiện phân luồng HS; (8) hiệu quả hướng nghiệp.

2.3. Năng lực và điều kiện của giáo viên

Các nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy HS có nhiều vướng mắc trong định hướng nghề nhưng nhà trường thiếu đội ngũ tư vấn được đào tạo chuyên sâu [7]; thiếu kinh phí, thời gian và cơ hội bồi dưỡng là rào cản chính đối với tư vấn hướng nghiệp [8]. Ở phạm vi quốc tế, OECD nhấn mạnh hướng nghiệp cần bắt đầu sớm và cho HS tiếp xúc thực tế với thế giới việc làm [9]; các hoạt động như tư vấn nghề, khảo sát hứng thú, giao lưu với người sử dụng lao động ở tuổi thiếu niên có liên hệ với kết quả việc làm tốt hơn khi trưởng thành [10].

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mẫu nghiên cứu

Khảo sát do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang tổ chức trực tuyến năm 2026; GV các trường THCS, THPT tham gia tự nguyện [11]. Từ 7.350 phiếu thu về, sau khi loại 94 phiếu trùng lặp hoàn toàn, mẫu còn 7.256 GV (Bảng 1).

Bảng 1

Đặc điểm mẫu khảo sát giáo viên (N = 7.256)

Đặc điểm	Nhóm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Cấp học	THCS	4.037	55,8
	THPT	3.192	44,2
Giới tính	Nữ	4.132	57,2
	Nam	3.074	42,6
	Khác	15	0,2
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	586	8,2
	Từ 5–10 năm	425	5,9
	Trên 10 năm	6.142	85,9

Bảng 1 (tiếp theo)

Đặc điểm	Nhóm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Đã được tập huấn về hướng nghiệp	Có	2.485	34,5
	Chưa	4.708	65,5

Ghi chú: Tỉ lệ tính trên số phiếu trả lời từng câu hỏi.

3.2. Công cụ nghiên cứu

Phiếu hỏi gồm: (1) 3 câu hỏi Có/Không về các hoạt động hướng nghiệp chủ yếu; (2) 28 biến thang Likert 5 mức thuộc 8 nhóm nội dung nêu ở mục 2.2 (1 = Chưa thực hiện; 5 = Thực hiện thường xuyên; riêng nhóm hiệu quả từ 1 = Chưa hiệu quả đến 5 = Hiệu quả); (3) câu hỏi nhiều lựa chọn về khó khăn, thuận lợi; (4) bốn câu hỏi mở. Hệ số Cronbach's Alpha của 8 nhóm từ 0,896 đến 0,970, đạt độ tin cậy rất tốt.

3.3. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu được phân tích theo các thủ tục tương đương SPSS: thống kê mô tả; kiểm định t độc lập (kiểm định Levene để chọn giả định phương sai); ANOVA một yếu tố; Chi-square; hồi quy tuyến tính bội (phương pháp Enter, biến chuẩn hóa, kiểm tra VIF). Do cỡ mẫu lớn, kết quả được diễn giải chủ yếu theo độ lớn hiệu ứng: Cohen's d với các ngưỡng 0,2; 0,5; 0,8 [12] và η^2. ĐTB được quy đổi theo năm mức với khoảng cách 0,8: 1,00–1,80 (chưa thực hiện); 1,81–2,60 (hiếm khi); 2,61–3,40 (thỉnh thoảng); 3,41–4,20 (khá thường xuyên); 4,21–5,00 (thường xuyên). Câu trả lời mở được mã hóa theo chủ đề.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Mức độ thực hiện các nội dung hướng nghiệp

ĐTB chung của 28 biến đạt 3,03 (ĐLC = 0,80; N = 6.706), mức "thỉnh thoảng". Bảy nhóm nội dung ở mức thỉnh thoảng hoặc tương đối hiệu quả; riêng tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp ở mức "hiếm khi" (Bảng 2, Hình 1).

Bảng 2

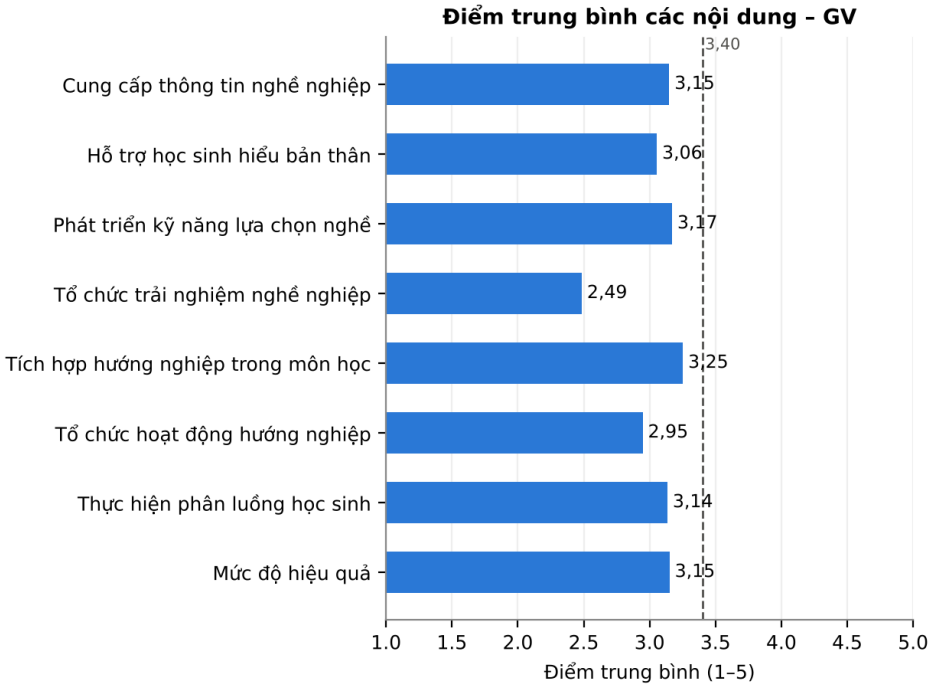
Mức độ thực hiện các nhóm nội dung hướng nghiệp theo đánh giá của giáo viên

Nhóm nội dung	Số biến	α	ĐTB	ĐLC	Mức đánh giá
Tích hợp hướng nghiệp trong môn học	3	0,923	3,25	0,87	Thỉnh thoảng
Phát triển kỹ năng lựa chọn nghề	3	0,942	3,17	0,89	Thỉnh thoảng
Cung cấp thông tin nghề nghiệp	3	0,945	3,15	0,90	Thỉnh thoảng
Mức độ hiệu quả	4	0,970	3,15	0,86	Tương đối hiệu quả
Thực hiện phân luồng học sinh	5	0,958	3,14	0,94	Thỉnh thoảng
Hỗ trợ học sinh hiểu bản thân	3	0,934	3,06	0,91	Thỉnh thoảng
Tổ chức hoạt động hướng nghiệp	4	0,896	2,95	0,95	Thỉnh thoảng
Tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp	3	0,944	2,49	1,05	Hiếm khi
Chung (28 biến)	28	–	3,03	0,80	Thỉnh thoảng

Bảng 2 (tiếp theo)

Nhóm nội dung	Số biến	α	ĐTB	ĐLC	Mức đánh giá

Ghi chú: Số phiếu hợp lệ của từng nhóm từ 7.082 đến 7.176.



Hình 1. Điểm trung bình các nhóm nội dung theo đánh giá của giáo viên

Các nội dung gắn với giờ dạy trên lớp được thực hiện nhiều nhất: hướng dẫn HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn (3,36), liên hệ nội dung bài học với nghề nghiệp (3,32), hướng nghiệp trong giờ hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (3,28) và hướng dẫn HS lựa chọn phù hợp năng lực (3,26). Ngược lại, các nội dung đòi hỏi tổ chức ngoài lớp học và kết nối bên ngoài có điểm thấp nhất: giao lưu với người làm nghề (2,43), tham quan, thực tế (2,50), dự án trải nghiệm (2,52), ngày hội hướng nghiệp (2,64), tư vấn trực tiếp/trực tuyến (2,84) và sử dụng công cụ đánh giá năng lực, sở thích (2,97).

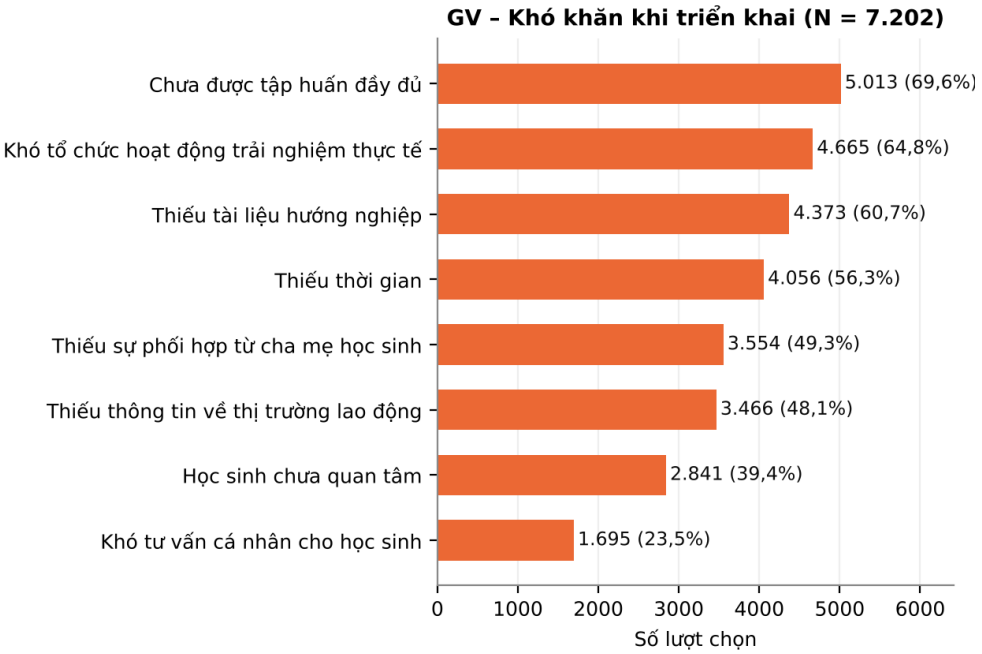
Kết quả các câu hỏi Có/Không cho thấy cùng xu hướng: 81,6% GV thường xuyên cập nhật thông tin ngành nghề và 81,7% thực hiện hoạt động giúp HS tự nhận thức, nhưng chỉ 32,2% tổ chức cho HS làm quen với quy trình sản xuất, kinh doanh qua trải nghiệm hoặc kết nối doanh nghiệp. So với mẫu GV toàn quốc, tỉ lệ này ở An Giang thấp hơn (67,8% chưa thực hiện so với 50,6%), ĐTB trải nghiệm cũng thấp hơn (2,49 so với 2,96) [3]. Như vậy, hướng nghiệp của GV hiện nghiêng về cung cấp thông tin và lồng ghép trong bài học, trong khi trải nghiệm thực tế – yếu tố được OECD xem là cốt lõi [9] – còn rất hạn chế.

GV đã tổ chức cho HS tiếp cận sản xuất, kinh doanh có ĐTB cao hơn rõ rệt ở tất cả các nội dung, kể cả những nội dung không trực tiếp liên quan đến trải nghiệm như hỗ trợ HS hiểu bản thân (3,53 so với 2,83; d = 0,82) và ĐTB chung (3,53 so với 2,83; d = 0,96). Điều này gợi ý những GV kết nối được với doanh nghiệp cũng là những GV tích cực hơn trong toàn bộ hoạt động hướng

nghiệp.

4.2. Khó khăn và thuận lợi

Khó khăn được GV lựa chọn nhiều nhất là chưa được tập huấn đầy đủ (69,6%), khó tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế (64,8%), thiếu tài liệu hướng nghiệp (60,7%) và thiếu thời gian (56,3%); tiếp đến là thiếu sự phối hợp của cha mẹ HS (49,3%) và thiếu thông tin thị trường lao động (48,1%) (Hình 2).



Hình 2. Khó khăn khi triển khai hướng nghiệp theo đánh giá của giáo viên (N = 7.202)

Về thuận lợi, GV ghi nhận sự chỉ đạo của nhà trường (68,4%) và ứng dụng công nghệ (61,0%); HS hứng thú chỉ được 47,5% GV lựa chọn. Các nguồn hỗ trợ từ bên ngoài được chọn ít nhất: có tài liệu, học liệu hỗ trợ (29,5%), có sự phối hợp của cha mẹ HS (25,5%) và có liên kết với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo (17,2%).

Câu trả lời mở về khó khăn lớn nhất (4.018 ý kiến được mã hóa) nhấn mạnh thời gian, chương trình, kế hoạch (18,8%), tổ chức tham quan, trải nghiệm (14,9%) và thông tin ngành nghề, thị trường lao động (14,7%). Kết quả phù hợp với nhận định của các nghiên cứu trong nước về tình trạng thiếu thời gian, học liệu và cơ hội bồi dưỡng của đội ngũ làm công tác hướng nghiệp [8], [7].

4.3. Vai trò của tập huấn chuyên môn

Chỉ 34,5% GV đã được tập huấn về hướng nghiệp. Tỉ lệ này ở THCS (33,2%) thấp hơn THPT (36,1%) ($\chi^2 = 6{,}77$; $p = 0{,}009$), ở nhóm thâm niên dưới 5 năm (33,4%) và trên 10 năm (34,0%) thấp hơn nhóm 5–10 năm (40,1%) ($\chi^2 = 6{,}68$; $p = 0{,}036$). GV đã được tập huấn có ĐTB cao hơn GV chưa được tập huấn ở cả tám nhóm nội dung, chênh lệch 0,45–0,60 điểm với mức hiệu ứng trung bình (Bảng 3).

Bảng 3

So sánh mức độ thực hiện giữa giáo viên đã và chưa được tập huấn

Nhóm nội dung	Đã tập huấn	Chưa tập huấn	t	Cohen's d
Cung cấp thông tin nghề nghiệp	3,50	2,96	25,71	0,63
Hỗ trợ học sinh hiểu bản thân	3,41	2,87	24,89	0,62
Phát triển kỹ năng lựa chọn nghề	3,50	2,99	24,64	0,60
Tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp	2,88	2,28	23,40	0,59
Tích hợp hướng nghiệp trong môn học	3,55	3,10	21,79	0,53
Tổ chức hoạt động hướng nghiệp	3,34	2,74	26,74	0,66
Thực hiện phân luồng học sinh	3,49	2,94	24,44	0,61
Mức độ hiệu quả	3,47	2,98	24,44	0,60

Ghi chú: n đã tập huấn ≈ 2.420–2.460; n chưa tập huấn ≈ 4.600–4.660; mọi khác biệt có p < 0,001.

Chênh lệch lớn nhất ở tổ chức các hoạt động hướng nghiệp như ngày hội, tư vấn (d = 0,66) và cung cấp thông tin nghề nghiệp (d = 0,63). Đáng chú ý, ngay cả ở nhóm đã được tập huấn, ĐTB trải nghiệm nghề nghiệp vẫn chỉ đạt 2,88 – mức thỉnh thoảng; điều này cho thấy tập huấn cần đi kèm điều kiện tổ chức (thời gian, kinh phí, mạng lưới doanh nghiệp) mới cải thiện được khâu trải nghiệm. Tỉ lệ GV đã tổ chức cho HS tiếp cận sản xuất, kinh doanh ở nhóm đã tập huấn (48,9%) cao gấp đôi nhóm chưa tập huấn (23,2%) ($\chi^2 = 494,0$; $p < 0,001$).

Về khó khăn, 81,7% GV chưa được tập huấn chọn "chưa được tập huấn đầy đủ"; nhưng ngay cả GV đã được tập huấn, 46,6% vẫn chọn khó khăn này, gợi ý nội dung tập huấn hiện chưa đáp ứng đủ nhu cầu. GV chưa được tập huấn cũng thiếu tài liệu nhiều hơn (64,5% so với 53,6%; $\chi^2 = 78,8$; $p < 0,001$).

Trong khi đó, thâm niên công tác không tạo khác biệt có ý nghĩa về ĐTB chung (dưới 5 năm: 3,07; 5–10 năm: 3,10; trên 10 năm: 3,02; $F = 2,80$; $p = 0,061$; $\eta^2 < 0,001$), và khác biệt theo cấp học rất nhỏ ($|d| \leq 0,10$ ở mọi nhóm nội dung). Như vậy, kinh nghiệm giảng dạy không tự động chuyển thành năng lực hướng nghiệp; bồi dưỡng chuyên môn mới là yếu tố gắn với mức độ thực hiện. Kết quả tương đồng với khảo sát GV toàn quốc [3].

4.4. Các yếu tố liên hệ với hiệu quả hướng nghiệp

Hồi quy bội với biến phụ thuộc là mức độ hiệu quả và bảy nhóm nội dung thực hiện là biến độc lập cho thấy mô hình giải thích được 73,0% biến thiên (R^2 hiệu chỉnh = 0,730; $F(7; 6.638) = 2.561,4$; $p < 0,001$; N = 6.646; VIF từ 1,90 đến 4,38) (Bảng 4).

Bảng 4

Kết quả hồi quy bội các yếu tố liên hệ với hiệu quả hướng nghiệp

Biến độc lập	β chuẩn hóa	t	p	VIF
Thực hiện phân luồng học sinh	0,421	34,39	< 0,001	3,68
Tích hợp hướng nghiệp trong môn học	0,156	13,74	< 0,001	3,18
Phát triển kỹ năng lựa chọn nghề	0,150	11,26	< 0,001	4,38
Cung cấp thông tin nghề nghiệp	0,072	6,09	< 0,001	3,44
Tổ chức hoạt động hướng nghiệp	0,066	5,56	< 0,001	3,45
Tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp	0,059	6,76	< 0,001	1,90
Hỗ trợ học sinh hiểu bản thân	0,031	2,47	0,014	3,93

Ghi chú: $R^2 = 0,730$; R^2 hiệu chỉnh = 0,730. Các biến cùng do GV tự đánh giá và dữ liệu cắt ngang, nên hệ số phản ánh mức độ liên hệ, không phải quan hệ nhân quả.

Thực hiện phân luồng HS – gồm hướng dẫn HS lựa chọn phù hợp năng lực, tư vấn cá nhân, phối hợp với cha mẹ HS và giới thiệu cơ sở đào tạo – có liên hệ mạnh nhất với hiệu quả (β = 0,421), tiếp đến là tích hợp trong môn học (β = 0,156) và phát triển kỹ năng lựa chọn nghề (β = 0,150). Tổ chức trải nghiệm có hệ số dương nhưng nhỏ (β = 0,059) và tương quan riêng với hiệu quả thấp nhất (r = 0,58), có thể do hoạt động này còn ít được thực hiện nên chưa thể hiện hết vai trò. Kết quả gợi ý GV nhìn nhận hiệu quả hướng nghiệp chủ yếu qua các hoạt động tư vấn, định hướng trực tiếp cho HS, phù hợp với quan điểm của Super về vai trò của việc hình thành năng lực ra quyết định nghề nghiệp [4].

4.5. Ý kiến đề xuất của giáo viên

Về giải pháp nâng cao hiệu quả (4.069 ý kiến được mã hóa), GV đề xuất nhiều nhất cung cấp thông tin ngành nghề, thị trường lao động (21,4%), tăng cường tham quan, trải nghiệm thực tế (21,2%), tư vấn cá nhân, khám phá năng lực (14,1%) và tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ (13,9%). Đề xuất hỗ trợ từ nhà trường, Sở, Bộ (2.263 ý kiến) tập trung vào tập huấn, bồi dưỡng (25,8%), tổ chức tham quan, trải nghiệm (22,1%), tài liệu, học liệu (14,3%) và kinh phí (13,5%).

5. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Bồi dưỡng năng lực hướng nghiệp cho giáo viên

Ưu tiên tập huấn cho 65,5% GV chưa được bồi dưỡng, trước hết là GV chủ nhiệm và GV dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp các lớp 8, 9, 12; ưu tiên cấp THCS, nơi tỉ lệ được tập huấn thấp hơn. Nội dung tập huấn chuyển từ lý thuyết sang thực hành: sử dụng và giải thích công cụ đánh giá sở thích, năng lực (như trắc nghiệm RIASEC); tư vấn cá nhân; thiết kế hoạt động trải nghiệm và dự án gắn với nghề; khai thác thông tin thị trường lao động của tỉnh. Tổ chức bồi dưỡng theo hình thức kết hợp trực tuyến – trực tiếp và sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường để giảm áp lực thời gian.

5.2. Phát triển học liệu và nguồn thông tin dùng chung

Xây dựng kho học liệu số về hướng nghiệp (bài giảng mẫu, phiếu hoạt động, video nghề, bộ công cụ đánh giá) và cơ sở dữ liệu về ngành nghề, nhu cầu nhân lực, cơ sở đào tạo của tỉnh để GV sử dụng chung, khắc phục tình trạng 60,7% GV thiếu tài liệu và 48,1% thiếu thông tin thị trường lao động.

5.3. Mở rộng trải nghiệm nghề nghiệp gắn với doanh nghiệp

Nhà trường và Sở Giáo dục và Đào tạo cần xây dựng mạng lưới doanh nghiệp, cơ sở GDNN đối tác theo cụm trường; mời người làm nghề tham gia giao lưu, chia sẻ; tổ chức các dự án trải nghiệm ngắn ("một ngày làm người lao động"), mô phỏng nghề ngay tại trường khi điều kiện tham quan hạn chế, phù hợp với khuyến nghị của OECD về gắn kết người sử dụng lao động trong hướng nghiệp [9], [10].

5.4. Bố trí thời gian và tích hợp hướng nghiệp trong môn học

Tích hợp trong môn học là nội dung GV thực hiện tốt nhất và có liên hệ đáng kể với hiệu quả. Cần phát huy thế mạnh này bằng cách xây dựng kế hoạch dạy học có chủ đề nghề nghiệp ở các môn; đồng thời bố trí thời lượng hợp lý cho hoạt động hướng nghiệp trong kế hoạch giáo dục nhà trường và ghi nhận khối lượng công việc tư vấn của GV.

5.5. Kiến nghị

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: xây dựng chương trình bồi dưỡng hướng nghiệp theo lộ trình cho GV; phát triển kho học liệu và cơ sở dữ liệu nghề nghiệp dùng chung; làm đầu mối kết nối doanh nghiệp, cơ sở GDNN với nhà trường.

Đối với nhà trường: phân công GV phụ trách hướng nghiệp được bồi dưỡng chuyên sâu; đưa hoạt động trải nghiệm nghề vào kế hoạch năm học; tăng cường phối hợp với cha mẹ HS.

Đối với giáo viên: chủ động tự bồi dưỡng, ứng dụng công nghệ trong tư vấn; chuyển từ vai trò cung cấp thông tin sang điều phối trải nghiệm và đồng hành với HS trong quá trình lựa chọn nghề.

5.6. Hạn chế của nghiên cứu

Dữ liệu do GV tự báo cáo, mẫu chọn thuận tiện và thiết kế cắt ngang nên kết quả chỉ phản ánh mức độ liên hệ; các biến trong mô hình hồi quy cùng nguồn trả lời nên có thể làm tăng độ lớn của mối liên hệ. GV lồng trong trường nhưng phân tích chưa tính đến cấu trúc nhiều cấp. Nghiên cứu tiếp theo nên đối chiếu với đánh giá của HS và dữ liệu phân luồng thực tế.

6. KẾT LUẬN

Từ góc nhìn của 7.256 GV, công tác GDHN và phân luồng tại An Giang đang ở mức "thỉnh thoảng": GV thực hiện tương đối nhiều việc lồng ghép hướng nghiệp trong môn học và cung cấp thông tin, nhưng tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp, giao lưu với người làm nghề và kết nối doanh nghiệp còn rất hạn chế. Hai phần ba GV chưa được tập huấn về hướng nghiệp; GV đã được tập huấn thực hiện tốt hơn rõ rệt ở mọi nội dung, trong khi thâm niên công tác và cấp học hầu như không tạo khác biệt. Thực hiện phân luồng, tích hợp trong môn học và phát triển kỹ năng lựa chọn nghề có liên hệ

mạnh nhất với hiệu quả. Vì vậy, bồi dưỡng chuyên môn cho GV, kết hợp với học liệu dùng chung, thời gian hợp lý và mạng lưới doanh nghiệp đối tác, là hướng ưu tiên để nâng cao chất lượng hướng nghiệp, phân luồng tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
3. Đinh Thị Hồng Nhung (2026). Thực trạng và giải pháp đột phá trong hoạt động hướng nghiệp của giáo viên nhằm thúc đẩy phân luồng trong giáo dục. *Tạp chí Tâm lý – Giáo dục, 32*(09, kì 1), 184–189.
4. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development: Applying contemporary theories to practice* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
5. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
6. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
7. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
8. Nguyen, H. L., Dam, A. T. V., & Ha, L. T. K. (2024). Evaluation of the organization and effectiveness of career counseling for Vietnamese high school students. *Humanities and Social Sciences Letters, 12*(2), 383–393. https://doi.org/10.18488/73.v12i2.3755
9. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
10. Covacevich, C., Mann, A., Besa, F., Diaz, J., & Santos, C. (2021). *Thinking about the future: Career readiness insights from national longitudinal surveys and from practice* (OECD Education Working Papers No. 248). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/02a419de-en
11. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học tỉnh An Giang năm 2026* [Tài liệu nội bộ].
12. Cohen, J. (1988). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Lawrence Erlbaum Associates.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2026–2027 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ÓC EO

Ủy ban nhân dân xã Óc Eo

Xã Óc Eo, tỉnh An Giang

Tóm tắt: *Công tác tư vấn hướng nghiệp có vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh trung học cơ sở nhận thức đúng về bản thân, hiểu biết về nghề nghiệp và lựa chọn hướng học tập phù hợp với năng lực, sở trường, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội. Tham luận trình bày kết quả công tác tư vấn hướng nghiệp trên địa bàn xã Óc Eo, trong đó khảo sát năm học 2026–2027 cho thấy 626/640 học sinh lớp 9 có nguyện vọng tiếp tục học tại các trường có cấp trung học phổ thông; đồng thời chỉ ra khó khăn về nhận thức, đội ngũ kiêm nhiệm và sự phối hợp với cơ sở đào tạo, doanh nghiệp. Bài đề xuất bảy nhóm giải pháp và các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.*

Từ khóa: *tư vấn hướng nghiệp; phân luồng học sinh; trung học cơ sở; chính quyền cấp xã; xã Óc Eo*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh thị trường lao động có nhiều thay đổi, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp ngày càng cao, công tác tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường cần được quan tâm thực hiện thường xuyên, thiết thực và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh. Vì vậy, công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở (THCS) có vai trò quan trọng trong việc giúp các em nhận thức đúng về bản thân, hiểu biết về nghề nghiệp, lựa chọn hướng học tập phù hợp với năng lực, sở trường, điều kiện gia đình và nhu cầu của xã hội. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS [1], tạo cơ sở cho các em tiếp tục học tập, rèn luyện và phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh giữ vai trò quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, phát triển phẩm chất, năng lực và định hướng tương lai cho thế hệ trẻ. Đặc biệt, đối với học sinh trung học cơ sở, giai đoạn chuyển tiếp từ bậc học này sang các bậc học và con đường đào tạo tiếp theo có ý nghĩa rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập, rèn luyện và lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai của các em.

Thực tiễn cho thấy, mỗi học sinh đều có năng lực, sở trường, sở thích và điều kiện gia đình khác nhau. Vì vậy, việc tư vấn hướng nghiệp cần được thực hiện sớm, thường xuyên, có định hướng và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi. Thông qua các hoạt động tư vấn, trải nghiệm và tìm hiểu nghề nghiệp, học sinh có cơ hội nhận thức rõ hơn về bản thân, hiểu biết về thế giới nghề nghiệp, từ đó lựa chọn hướng học tập phù hợp với năng lực, nguyện vọng và nhu cầu của xã hội.

Bên cạnh đó, công tác tư vấn hướng nghiệp còn góp phần nâng cao nhận thức của phụ huynh, tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc định hướng học tập, thực

hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong tình hình mới.

Xuất phát từ ý nghĩa và tầm quan trọng đó, Ủy ban nhân dân xã Óc Eo tham luận với chủ đề "Nâng cao hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trong các trường trung học cơ sở năm học 2026–2027 trên địa bàn xã Óc Eo", nhằm trao đổi về thực trạng, những khó khăn, hạn chế và đề xuất một số giải pháp thiết thực để nâng cao chất lượng công tác tư vấn hướng nghiệp.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2026–2027

2.1. Những kết quả đạt được

Trong thời gian qua, công tác hướng nghiệp cho học sinh THCS đã từng bước được quan tâm thông qua việc lồng ghép nội dung hướng nghiệp trong các môn học, hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và các buổi sinh hoạt lớp tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã, theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [2].

Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa – Xã hội nghiên cứu, tham mưu chỉ đạo chú trọng giáo dục học sinh về ý thức học tập, rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống, bước đầu giúp các em nhận biết sở thích, năng lực của bản thân và tìm hiểu một số ngành nghề trong xã hội.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn đã có sự phối hợp trong việc định hướng học tập, tư vấn lựa chọn môn học, tìm hiểu các con đường học tập sau khi tốt nghiệp THCS. Một số hoạt động tuyên truyền, giới thiệu nghề nghiệp và cung cấp thông tin về giáo dục nghề nghiệp đã góp phần nâng cao nhận thức của học sinh và phụ huynh.

Trong năm học 2026–2027, trên địa bàn xã có tổng số 640 học sinh lớp 9. Qua khảo sát phân luồng của địa phương, có 626 học sinh có nguyện vọng tiếp tục học tập tại các trường có cấp trung học phổ thông (THPT) và 14 học sinh chưa xác định, cụ thể như sau:

- Trường THPT Vọng Thê: 511 học sinh;
- Trường THPT Nguyễn Văn Thoại: 105 học sinh;
- Trường THCS&THPT Vĩnh Nhuận: 6 học sinh;
- Trường THPT Lương Văn Cửu: 01 học sinh;
- Trường THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu: 03 học sinh.

2.2. Những khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

Nhận thức của một bộ phận học sinh về nghề nghiệp còn hạn chế; nhiều em chưa xác định được sở thích, năng lực, thế mạnh của bản thân và chưa có mục tiêu học tập rõ ràng.

Một số phụ huynh còn có tâm lý coi trọng con đường học lên THPT, chưa thực sự quan tâm đến các lựa chọn học nghề hoặc các lộ trình học tập khác phù hợp với năng lực của con em mình [3].

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp ở một số cơ sở giáo dục còn mang tính lồng ghép, chưa có nhiều hoạt động trải nghiệm thực tế tại cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đội ngũ thực hiện công tác tư vấn hướng nghiệp chủ yếu là cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm; điều kiện về tài liệu, cơ sở vật chất và nguồn thông tin nghề nghiệp còn hạn chế – tình trạng thiếu đội ngũ tư vấn chuyên trách cũng đã được chỉ ra ở nhiều trường phổ thông Việt Nam [4].

Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin, tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp chưa thật sự thường xuyên.

Những khó khăn trên đặt ra yêu cầu phải đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tư vấn hướng nghiệp, bảo đảm thiết thực, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhà trường.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP TẠI CÁC TRƯỜNG THCS TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

3.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh

Trước hết, các cơ sở giáo dục có cấp học trung học cơ sở cần xác định tư vấn hướng nghiệp là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình giáo dục học sinh, không chỉ thực hiện vào thời điểm cuối cấp mà cần triển khai xuyên suốt các năm học.

Ban Giám hiệu cần đưa nội dung hướng nghiệp vào kế hoạch giáo dục của nhà trường; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và các tổ chức đoàn thể.

Giáo viên cần chủ động lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào bài giảng, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục phù hợp. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền để phụ huynh hiểu rằng mỗi học sinh có năng lực, sở trường và điều kiện phát triển khác nhau; việc lựa chọn hướng đi sau THCS cần dựa trên sự phù hợp, không nên chạy theo tâm lý đám đông hoặc áp đặt mong muốn của người lớn.

3.2. Đổi mới nội dung và hình thức tư vấn hướng nghiệp

Tổ chức hoạt động tư vấn hướng nghiệp theo hướng gần gũi, dễ hiểu, phù hợp với tâm lý học sinh THCS.

Nội dung tư vấn cần tập trung vào các vấn đề chủ yếu: nhận biết sở thích, năng lực và điểm mạnh của bản thân; tìm hiểu đặc điểm, yêu cầu của một số ngành nghề; nhận thức về mối liên hệ giữa học tập, kỹ năng và cơ hội việc làm; tìm hiểu các lộ trình học tập sau khi tốt nghiệp THCS. Cách tiếp cận này phù hợp với khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh THCS gồm hiểu bản thân, khám phá nghề nghiệp và ra quyết định [5].

3.3. Tăng cường tư vấn, định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS

Đây là nội dung cần được quan tâm đặc biệt đối với học sinh lớp 9.

Các cơ sở giáo dục cần cung cấp đầy đủ, khách quan thông tin về các lựa chọn sau tốt nghiệp THCS, bao gồm tiếp tục học THPT, học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tuyển sinh trình độ phù hợp, hoặc các chương trình học tập kết hợp với đào tạo nghề theo quy định.

Trong quá trình tư vấn, cần phân tích rõ ưu điểm, điều kiện tuyển sinh, thời gian học tập, cơ hội tiếp tục học lên, khả năng phát triển nghề nghiệp và yêu cầu đầu vào của từng lựa chọn. Thông tin phải chính xác, cập nhật theo quy định tuyển sinh hiện hành và điều kiện thực tế tại địa phương.

Việc định hướng phân luồng cần căn cứ vào kết quả học tập, năng lực, sở thích, nguyện vọng của học sinh và điều kiện kinh tế gia đình. Tuyệt đối tránh tư vấn theo hướng áp đặt, định kiến hoặc xem học nghề là lựa chọn thấp hơn so với học THPT, bảo đảm nguyên tắc tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh theo Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [6].

Mục tiêu quan trọng nhất là giúp mỗi học sinh lựa chọn được con đường học tập phù hợp, có cơ hội phát triển lâu dài và đóng góp tích cực cho xã hội.

3.4. Phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn

Giáo viên chủ nhiệm là lực lượng gần gũi, thường xuyên nắm bắt tình hình học tập, tâm lý, hoàn cảnh gia đình và nguyện vọng của học sinh. Vì vậy, cần phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc theo dõi, trao đổi, tư vấn và phối hợp với phụ huynh để định hướng học tập, nghề nghiệp cho từng em.

Đối với giáo viên bộ môn, cần gắn kiến thức môn học với thực tiễn nghề nghiệp, giúp học sinh hiểu được vai trò và ứng dụng của các lĩnh vực kiến thức trong đời sống, sản xuất và công việc tương lai.

Đồng thời, nhà trường cần tổ chức bồi dưỡng, cung cấp tài liệu và cập nhật thông tin để đội ngũ giáo viên có thêm kiến thức, kỹ năng tư vấn hướng nghiệp; biết lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt và hỗ trợ học sinh lựa chọn phù hợp.

3.5. Tăng cường phối hợp giữa chính quyền, nhà trường, gia đình và xã hội

Công tác hướng nghiệp sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội.

Các cơ sở giáo dục cần chủ động phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc trao đổi kết quả học tập, năng lực, sở thích, nguyện vọng và định hướng phát triển của các em. Thông qua các cuộc họp phụ huynh, hội thảo chuyên đề hoặc tư vấn cá nhân, giúp phụ huynh có thêm thông tin để đồng hành cùng con trong việc lựa chọn hướng học tập.

Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục cần tăng cường tham mưu các phòng chuyên môn để phối hợp liên hệ với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan để tổ chức hoạt động giao lưu, tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế.

Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức đoàn thể hỗ trợ nhà trường trong công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin về nhu cầu lao động, các ngành nghề có tiềm năng phát triển và điều kiện học tập nghề nghiệp tại địa phương.

Thông qua sự phối hợp này, học sinh sẽ có cái nhìn thực tế hơn về nghề nghiệp, đồng thời phụ huynh có cơ sở để lựa chọn phương án học tập phù hợp cho con em mình.

3.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tư vấn hướng nghiệp

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các cơ sở giáo dục cần khai thác hiệu quả các nguồn thông tin chính thống về nghề nghiệp, tuyển sinh, giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động.

Có thể xây dựng thư mục tài liệu hướng nghiệp điện tử, chia sẻ thông tin tuyển sinh từ các cơ sở đào tạo có thẩm quyền, hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghề nghiệp thông qua các nền tảng trực

tuyến và công cụ khảo sát sở thích phù hợp.

Tuy nhiên, cần hướng dẫn học sinh kỹ năng tìm kiếm, kiểm chứng và chọn lọc thông tin; không sử dụng kết quả trắc nghiệm sở thích như căn cứ duy nhất để quyết định nghề nghiệp. Nhà trường cũng cần chú ý bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm an toàn cho học sinh khi tham gia các hoạt động trực tuyến.

3.7. Tăng cường kiểm tra, đánh giá hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp

Các cơ sở giáo dục cần xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể theo từng năm học, xác định rõ nội dung, thời gian, người phụ trách và kết quả cần đạt.

Việc đánh giá không nên chỉ căn cứ vào số lượng buổi tư vấn hoặc số học sinh tham gia, mà cần quan tâm đến mức độ tiến bộ trong nhận thức của học sinh, khả năng xác định sở thích và năng lực bản thân, mức độ hiểu biết về các lựa chọn học tập cũng như sự chủ động trong xây dựng kế hoạch tương lai.

Sau mỗi hoạt động, cần lấy ý kiến phản hồi của học sinh, giáo viên và phụ huynh để điều chỉnh nội dung, hình thức tổ chức cho phù hợp. Đồng thời, biểu dương những tập thể, cá nhân có cách làm hiệu quả, sáng tạo trong công tác hướng nghiệp.

4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để công tác tư vấn hướng nghiệp trong trường THCS ngày càng đi vào chiều sâu, Ủy ban nhân dân xã Óc Eo xin đề xuất một số nội dung sau:

Thứ nhất, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hướng dẫn chuyên môn, cung cấp tài liệu và tổ chức tập huấn kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên; tăng cường kết nối thông tin tuyển sinh, giáo dục nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS.

Thứ hai, đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp: Tăng cường phối hợp tổ chức tư vấn, giới thiệu ngành nghề, chương trình đào tạo, điều kiện học tập và cơ hội phát triển sau đào tạo; bảo đảm thông tin cung cấp cho học sinh khách quan, chính xác, phù hợp với độ tuổi.

Thứ ba, đối với cha mẹ học sinh: Chủ động phối hợp với nhà trường, quan tâm lắng nghe nguyện vọng của con em, tôn trọng năng lực và sở thích của các em; đồng thời tìm hiểu đầy đủ thông tin để hỗ trợ con lựa chọn hướng học tập phù hợp.

5. KẾT LUẬN

Công tác tư vấn hướng nghiệp trong trường THCS không chỉ giúp học sinh lựa chọn hướng học tập sau khi tốt nghiệp mà còn góp phần hình thành ý thức tự lập, tinh thần trách nhiệm, năng lực thích ứng và khả năng xây dựng kế hoạch cho tương lai.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, mỗi cơ sở giáo dục cần chủ động đổi mới phương pháp giáo dục, nâng cao năng lực tư vấn của đội ngũ giáo viên, tăng cường phối hợp với gia đình và xã hội, đồng thời bảo đảm học sinh được tiếp cận thông tin đầy đủ, khách quan và phù hợp.

Với tinh thần trách nhiệm và sự phối hợp của các cấp, các ngành, nhà trường, gia đình và xã hội, tin tưởng rằng công tác tư vấn hướng nghiệp sẽ ngày càng thiết thực, hiệu quả, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục toàn diện và phân luồng học sinh sau THCS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
3. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
4. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
5. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.

CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026–2030

Nguyễn Trung Nhân

Trường THCS&THPT Bình Sơn, tỉnh An Giang

Email: nhannt.c3bs@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết trình bày thực trạng giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT tại Trường THCS&THPT Bình Sơn, tỉnh An Giang. Số liệu ba năm học 2023–2026 cho thấy số học sinh vào trung cấp nghề và trung cấp chuyên nghiệp còn rất ít (10–16 em/năm), trong khi số vào đại học, cao đẳng tăng nhanh. Nguyên nhân chủ yếu là nhận thức của phụ huynh còn hạn chế, tâm lý lo ngại con xa nhà và hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Tác giả đề xuất năm giải pháp: quy trình hướng nghiệp năm bước lấy học sinh làm trung tâm; phân hóa lộ trình học tập; gắn lựa chọn môn học với định hướng nghề nghiệp; tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong tư vấn một cách an toàn, có kiểm chứng.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; phân luồng học sinh; trung học phổ thông; lựa chọn môn học; trải nghiệm nghề nghiệp*

1. THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU, XU HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp là hoạt động gắn liền với chương trình giáo dục hiện nay mà Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) quy định [1]. Hoạt động này giúp học sinh (HS) am hiểu về ngành nghề, nhu cầu lao động trong tỉnh và trong khu vực hiện nay; giúp HS xác định hướng đi sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và chọn nghề sao cho phù hợp. Song song với việc hướng nghiệp là việc phân luồng HS THPT theo năng lực học tập của từng HS.

Đây là chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước từ những năm qua [2], [3], góp phần không nhỏ trong việc đào tạo nhân lực cho đất nước. Thực hiện chủ trương, chính sách đó, Bộ GDĐT đã chỉ đạo Sở GDĐT định hướng cho các trường phổ thông thực hiện việc giáo dục hướng nghiệp, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh (CMHS), giúp HS xác định đúng hướng đi sau tốt nghiệp THPT sao cho phù hợp với năng lực học tập của bản thân. Mặc dù các trường đã thực hiện nhiều giải pháp nhưng công tác phân luồng vẫn còn gặp nhiều khó khăn và chưa đáp ứng yêu cầu.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH THPT TRONG NHỮNG NĂM QUA

Trường THCS&THPT Bình Sơn thực hiện đúng, đủ chương trình, thời lượng, chủ đề hướng nghiệp cho HS trong năm học. Trong mỗi tiết giáo dục hướng nghiệp có liên hệ thực tế, giáo dục, từng bước hình thành sự nhận thức của các em đối với việc định hướng nghề nghiệp sau này; có phân tích đặc điểm, yêu cầu của một số ngành nghề hiện nay.

Trường thường xuyên tổ chức họp mặt CMHS, thông tin kết quả học tập của HS trong từng

học kỳ để phụ huynh nắm bắt được năng lực học tập của con em mình. Trường cũng thông tin kết quả thi tốt nghiệp THPT và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ) để phụ huynh lượng sức học của con em mà chọn trường sau tốt nghiệp THPT. Đồng thời, trường cũng giới thiệu, tư vấn nghề cho phụ huynh.

Sau khi có kết quả hai mặt giáo dục cuối năm và xét công nhận tốt nghiệp THPT, trường phân luồng HS, tổ chức tuyên truyền, tư vấn bằng những thông tin của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề trong tỉnh. Ngoài ra, nhóm giáo viên (GV) còn phân tích, hướng dẫn, động viên phụ huynh cho con em chọn nghề, tham khảo hồ sơ tuyển sinh của các đơn vị.

3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG HỌC SINH

Trường thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách về phân luồng HS của Sở GDĐT. Kết quả phân luồng HS sau tốt nghiệp THPT ba năm học gần đây được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1

Quy mô phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT

Năm học	Tổng số HS hoàn thành chương trình giáo dục THPT	Số HS vào trung cấp nghề	Số HS vào TCCN	Số HS vào các trường ĐH, CĐ
2023–2024	197	07	09	92
2024–2025	209	05	11	113
2025–2026	223	04	06	201

Nguồn: Số liệu thống kê của Trường THCS&THPT Bình Sơn. TCCN: trung cấp chuyên nghiệp.

4. NHỮNG KHÓ KHĂN KHI THỰC HIỆN, NGUYÊN NHÂN

HS vào các trường trung cấp chuyên nghiệp, trường dạy nghề còn ít, một phần do phụ huynh nhận thức còn hạn chế, chưa đồng thuận với quan điểm, chủ trương của ngành, còn lo sợ con em xa nhà, tiếp cận xã hội quá sớm dễ bị cám dỗ, rơi vào hư hỏng, khó quản lý, đặc biệt là đối với HS nữ.

HS chưa nhận thức đúng về hướng đi trong tương lai, cộng với hoàn cảnh kinh tế gia đình nên phải đi lao động, làm thuê phụ giúp gia đình sau khi tốt nghiệp. Do đó, trường không có điều kiện gặp gỡ để trao đổi, vận động các em.

Do hoàn cảnh kinh tế gia đình của HS hạn hẹp, ngại đóng học phí khi vào học; không đủ tiền cho việc học tập và ăn ở, không biết ra trường có khả năng tìm được việc làm hay không nên quyết định còn chưa đúng.

5. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÂN LUỒNG HỌC SINH GIAI ĐOẠN TỚI

5.1. Xây dựng quy trình hướng nghiệp lấy học sinh làm trung tâm

Nhà trường cần xây dựng quy trình hướng nghiệp theo hướng hỗ trợ HS chủ động khám phá bản thân và lựa chọn lộ trình học tập. Quy trình có thể triển khai qua năm bước cơ bản:

- **Bước 1. Tự nhận thức:** HS tìm hiểu sở thích, điểm mạnh, những lĩnh vực quan tâm, thói quen

học tập, giá trị cá nhân và điều kiện của bản thân. GV, GV chủ nhiệm và người làm công tác tư vấn có thể sử dụng phiếu tự đánh giá, hoạt động trao đổi và quan sát quá trình học tập để hỗ trợ HS.

- **Bước 2. Khám phá nghề nghiệp:** HS tìm hiểu nhóm ngành, nghề nghiệp, môi trường làm việc, yêu cầu năng lực và các lộ trình đào tạo. Thông tin cần được thu thập từ nguồn đáng tin cậy và phù hợp với mục tiêu tìm hiểu.
- **Bước 3. Đối chiếu và lựa chọn:** HS so sánh các phương án trên cơ sở năng lực, sở thích, điều kiện gia đình, yêu cầu tuyển sinh, thời gian đào tạo và cơ hội phát triển. GV hướng dẫn HS cân nhắc nhiều phương án thay vì chỉ tập trung vào một lựa chọn duy nhất.
- **Bước 4. Xây dựng kế hoạch cá nhân:** mỗi HS xác định mục tiêu trước mắt, những kiến thức và kĩ năng cần bổ sung, các nguồn thông tin cần tìm hiểu và thời gian dự kiến thực hiện.
- **Bước 5. Theo dõi và điều chỉnh:** HS định kì xem xét mức độ phù hợp của kế hoạch, cập nhật thông tin và điều chỉnh khi có thay đổi về năng lực, nguyện vọng hoặc điều kiện thực tế.

Quy trình này giúp hướng nghiệp trở thành hoạt động liên tục, gắn với quá trình phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân [4], thay vì chỉ tập trung vào tư vấn tuyển sinh ở cuối cấp.

5.2. Phân hóa lộ trình học tập phù hợp với năng lực và nguyện vọng

Phân hóa lộ trình học tập cần được triển khai trên cơ sở tôn trọng sự đa dạng của người học và bảo đảm các em được tiếp cận thông tin đầy đủ về những lựa chọn phù hợp.

Đối với HS có định hướng học đại học, nhà trường cần hỗ trợ tìm hiểu yêu cầu tuyển sinh, ngành học, chương trình đào tạo, năng lực cần thiết và kế hoạch học tập phù hợp. HS cần hiểu rõ mối quan hệ giữa việc lựa chọn môn học, tổ hợp xét tuyển và yêu cầu của ngành nghề dự kiến.

Đối với HS quan tâm đến giáo dục nghề nghiệp (GDNN), nhà trường cần cung cấp thông tin về ngành đào tạo, điều kiện tuyển sinh, nội dung thực hành, cơ hội tiếp tục học tập và khả năng phát triển nghề nghiệp. Cần tạo điều kiện để HS tìm hiểu thực tế tại các cơ sở đào tạo phù hợp, giúp các em đưa ra lựa chọn trên cơ sở hiểu biết thay vì định kiến.

Đối với HS chưa xác định được định hướng, cần tăng cường hoạt động khám phá bản thân, trải nghiệm nghề nghiệp và tư vấn cá nhân. HS có thể được hướng dẫn tìm hiểu một số nhóm nghề khác nhau trước khi lựa chọn lộ trình phù hợp.

Đối với HS có hoàn cảnh khó khăn hoặc cần hỗ trợ đặc biệt, nhà trường cần phối hợp với gia đình và các lực lượng liên quan để xác định phương án học tập khả thi, cung cấp thông tin về các chính sách hỗ trợ hiện hành và tạo điều kiện để các em phát triển năng lực.

Việc phân hóa cần tránh chia HS thành các nhóm có thứ bậc về giá trị. Mọi lộ trình đều cần được đánh giá trên cơ sở mức độ phù hợp với người học, yêu cầu của nghề nghiệp và khả năng phát triển lâu dài.

5.3. Gắn lựa chọn môn học với định hướng nghề nghiệp

Quá trình tư vấn cần giúp HS trả lời các câu hỏi: Những môn học nào phù hợp với sở thích và năng lực của bản thân? Những ngành nghề dự kiến lựa chọn có yêu cầu kiến thức nền tảng nào? Việc lựa chọn môn học có đáp ứng điều kiện tuyển sinh dự kiến hay không? Nếu định hướng nghề nghiệp thay đổi, HS có thể bổ sung kiến thức và điều chỉnh kế hoạch như thế nào?

GV cần cung cấp thông tin theo quy định hiện hành và khuyến khích HS kiểm tra thông tin tuyển sinh từ các cơ sở đào tạo. Không nên hướng dẫn HS lựa chọn môn học chỉ dựa trên xu hướng nhất thời hoặc những nhận định thiếu căn cứ về cơ hội việc làm.

Đồng thời, cần giúp HS nhận thức rằng kiến thức phổ thông và năng lực nền tảng vẫn có giá trị đối với nhiều lộ trình nghề nghiệp. Việc lựa chọn môn học cần gắn với định hướng hiện tại nhưng vẫn tạo điều kiện để HS tiếp tục học tập và thích ứng khi nhu cầu nghề nghiệp thay đổi.

5.4. Tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp và kết nối với thực tiễn

Hướng nghiệp theo tiếp cận phát triển năng lực cần chuyển từ việc chỉ giới thiệu về nghề sang tạo cơ hội cho HS quan sát, tìm hiểu và trải nghiệm những hoạt động gần với môi trường nghề nghiệp [5].

Nhà trường có thể tổ chức các hình thức như:

- Giao lưu với người lao động, cựu HS và đại diện các cơ sở đào tạo.
- Tham quan cơ sở GDNN, cơ sở sản xuất hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ phù hợp.
- Tổ chức ngày hội hướng nghiệp, triển lãm thông tin ngành nghề và hoạt động giới thiệu lộ trình đào tạo.
- Xây dựng nhiệm vụ trải nghiệm mô phỏng những tình huống nghề nghiệp phù hợp với độ tuổi.
- Tổ chức các dự án tìm hiểu nghề, trong đó HS thu thập thông tin, phỏng vấn, phân tích và trình bày kết quả.

Các hoạt động cần được thiết kế theo mục tiêu rõ ràng, bảo đảm an toàn, phù hợp với điều kiện của nhà trường và không gây áp lực phải lựa chọn nghề nghiệp ngay sau khi trải nghiệm.

Việc tiếp xúc với môi trường thực tế giúp HS hiểu rằng mỗi nghề đều có yêu cầu riêng về kiến thức, kĩ năng, thái độ và trách nhiệm. Qua đó, các em có cơ sở thực tế hơn khi đối chiếu nghề nghiệp với năng lực và sở thích của bản thân.

5.5. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong tư vấn hướng nghiệp

Công nghệ số có thể hỗ trợ nhà trường cập nhật dữ liệu nghề nghiệp, quản lí hồ sơ hướng nghiệp, tổ chức khảo sát nhu cầu và cung cấp thông tin phù hợp với từng nhóm HS. Các nền tảng số có thể được sử dụng để xây dựng hồ sơ học tập, lưu trữ kết quả tự đánh giá, giới thiệu thông tin ngành nghề và theo dõi kế hoạch phát triển cá nhân. Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ gợi ý câu hỏi tự khám phá, đề xuất các nhóm nghề để tìm hiểu hoặc giúp HS so sánh những tiêu chí cơ bản của các lộ trình học tập.

Tuy nhiên, công nghệ không thể thay thế hoàn toàn vai trò tư vấn của GV và người có chuyên môn. Kết quả do hệ thống tự động tạo ra có thể thiếu chính xác, chưa cập nhật hoặc chưa phản ánh đầy đủ hoàn cảnh cá nhân. Vì vậy, mọi thông tin quan trọng cần được kiểm chứng, các quyết định phải do HS cân nhắc trên cơ sở tư vấn phù hợp. Nhà trường cần chú trọng bảo vệ dữ liệu cá nhân, giới hạn quyền truy cập thông tin và hướng dẫn HS sử dụng công nghệ an toàn, có trách nhiệm. Việc ứng dụng công nghệ phải góp phần nâng cao chất lượng tư vấn và khả năng tự định hướng, không tạo ra sự phụ thuộc hoặc thay thế tư duy độc lập của người học.

6. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về giáo dục hướng nghiệp cho đội ngũ GV [6] để công tác hướng nghiệp, phân luồng HS được hiệu quả cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
4. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
5. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
6. Nguyen, H. L., Dam, A. T. V., & Ha, L. T. K. (2024). Evaluation of the organization and effectiveness of career counseling for Vietnamese high school students. *Humanities and Social Sciences Letters, 12*(2), 383–393. https://doi.org/10.18488/73.v12i2.3755

HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG VÀ THỰC TIỄN TẠI XÃ BÌNH SƠN

ThS. Phạm Quang Hợp

Trường THCS và THPT Bình Sơn, xã Bình Sơn, tỉnh An Giang

Email: phamquanghopkiengiang@gmail.com

Tóm tắt: *Từ góc nhìn giáo viên dạy Toán lớp 9 và lớp 10 tại Trường THCS và THPT Bình Sơn, bài tham luận phân tích thực trạng phân luồng của tỉnh An Giang giai đoạn 2021–2025 và nhận diện năm nút thắt tại cơ sở: dạy Toán tách rời ứng dụng nghề nghiệp, phân hóa lộ trình bị đứt gãy giữa lớp 9 và lớp 10, định kiến bằng cấp của cha mẹ, thiếu hỗ trợ học sinh yếu thế và ứng dụng công nghệ số còn chậm. Tác giả đề xuất năm nhóm giải pháp: tích hợp hướng nghiệp qua mô hình hóa toán học gắn với kinh tế địa phương; xây dựng hồ sơ năng lực và lộ trình phân hóa liên thông; đổi mới phối hợp với cha mẹ học sinh; hướng nghiệp hòa nhập cho học sinh yếu thế; ứng dụng AI trong tư vấn nghề nghiệp cá nhân hóa.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; phân luồng học sinh; dạy học môn Toán; phân hóa lộ trình học tập; học sinh yếu thế*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bước vào giai đoạn 2026–2030, công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng [1] và Đề án *"Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"* của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 522/QĐ-TTg) [2] đã bước sang giai đoạn đòi hỏi tính thực chất và chiều sâu. Mục tiêu phân luồng ít nhất 40% học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và 45% học sinh sau trung học phổ thông (THPT) vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng không thể đạt được nếu chỉ áp dụng các mệnh lệnh hành chính hoặc chỉ dừng lại ở các buổi tư vấn tuyển sinh mang tính thời vụ vào cuối năm học.

Tại tỉnh An Giang, việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 [3] trong những năm qua đã đạt được những bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, nhìn nhận từ thực tiễn giảng dạy, điểm nghẽn lớn nhất trong công tác phân luồng hiện nay nằm ở điểm mù chuyển tiếp giữa cấp THCS và cấp THPT. Học sinh lớp 9 đứng trước ngưỡng cửa thi tuyển sinh vào lớp 10 với áp lực nặng nề và sự hoang mang tột độ về nghề nghiệp; đa phần các em chỉ biết học để thi đỗ vào cấp 3 công lập mà không hề có nhận thức về năng lực thực tế của bản thân. Đến khi bước chân vào lớp 10 THPT, các em tiếp tục rơi vào cuộc khủng hoảng chọn tổ hợp môn học (Khoa học tự nhiên hay Khoa học xã hội, Tin học hay Công nghệ) do thiếu định hướng nghề nghiệp từ trước. Không ít học sinh sau một học kỳ lớp 10 đã phải xin đổi tổ hợp, chán nản việc học do không theo kịp môn Toán nâng cao, hoặc thậm chí bỏ học giữa chừng trong sự tiếc nuối và lãng phí thời gian, tiền bạc của gia đình.

Đặc biệt, Trường THCS và THPT Bình Sơn (xã Bình Sơn, tỉnh An Giang) là một ngôi trường

đóng trên địa bàn nông thôn với hệ thống sông ngòi kênh rạch chia cắt, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, phụ huynh chủ yếu làm ruộng, nuôi trồng thủy sản hoặc đi làm ăn xa tại các khu công nghiệp miền Đông Nam Bộ. Đứng ở cương vị là một giáo viên trực tiếp đứng lớp giảng dạy bộ môn Toán ở cả hai khối lớp bản lề: Toán lớp 9 (cuối cấp THCS) và Toán lớp 10 (năm đầu cấp THPT), tôi có cơ hội quý báu được đồng hành xuyên suốt quá trình chuyển giao tâm lý, năng lực và nhận thức nghề nghiệp của học trò từ cấp 2 lên cấp 3. Tôi nhìn thấy rõ những giọt nước mắt thất vọng của các em học sinh lớp 9 trượt lớp 10 vì điểm thi môn Toán yếu, rồi phải đi làm lao động tự do bấp bênh; đồng thời cũng nhìn thấy sự chới với của những học sinh lớp 10 trúng tuyển nhưng năng lực tư duy logic không đủ để theo đuổi các ngành kỹ thuật mà gia đình kỳ vọng.

Hưởng ứng Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT [4] và Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tỉnh An Giang về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học *"Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*, tôi xin trình bày bài tham luận này. Bài viết tập trung đi sâu phân tích 5 nội dung trọng tâm có tính liên kết chặt chẽ: (1) Giáo dục hướng nghiệp qua môn học (trọng tâm là Toán 9 và Toán 10); (2) Tiếp cận phát triển năng lực và phân hóa lộ trình học tập; (3) Vai trò đồng hành của cha mẹ học sinh; (4) Hướng nghiệp cho học sinh có nhu cầu đặc biệt và yếu thế; (5) Đột phá ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong hướng nghiệp cá nhân hóa. Qua đó, bài tham luận đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi, góp phần giải bài toán phân luồng cho tỉnh nhà nói chung và địa bàn Bình Sơn nói riêng.

2. CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ PHÁP LÝ VỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP QUA MÔN TOÁN LIÊN THÔNG LỚP 9 – LỚP 10

Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng trong giai đoạn mới được xây dựng trên hệ thống cơ sở pháp lý và lý luận sư phạm vững chắc:

- Căn cứ pháp lý: Luật Giáo dục năm 2019 khẳng định phân luồng là biện pháp tổ chức giáo dục tạo điều kiện cho người học lựa chọn con đường học tiếp hoặc học nghề phù hợp [5]; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình GDPT 2018 xác định cấp THCS là giai đoạn giáo dục cơ bản (hoàn thành định hướng nghề nghiệp), cấp THPT là giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp thông qua hệ thống môn học lựa chọn [3]; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ miễn 100% học phí cho học sinh tốt nghiệp THCS đi học trung cấp nghề [6]; Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nhân lực có tay nghề cao [7].
- Về mối liên thông môn Toán giữa lớp 9 và lớp 10 trong định hướng nghề nghiệp:
  - Ở lớp 9: Môn Toán hoàn thiện các kiến thức nền tảng về phương trình, hệ phương trình, hàm số bậc nhất – bậc hai, hình học phẳng và thống kê mô tả. Năng lực giải quyết vấn đề toán học ở lớp 9 chính là thước đo chẩn đoán quan trọng nhất để biết học sinh có thiên hướng tư duy kỹ thuật – công nghệ, kinh tế hay phù hợp với các nghề thực hành vận động.
  - Ở lớp 10: Môn Toán bắt đầu phân hóa mạnh mẽ với các kiến thức về hàm số, tam thức bậc hai, vectơ, phương pháp tọa độ trong mặt phẳng, thống kê xác suất nâng cao và hệ thống Chuyên đề học tập tự chọn (chuyên đề ứng dụng toán học trong tài chính, công nghệ, thiết kế bản vẽ). Đây là bước phân hóa trực tiếp dẫn tới lựa chọn ngành nghề đại học hoặc cao

đẳng kỹ thuật.

- Về lý luận phát triển năng lực nghề nghiệp: Tiếp cận theo Thuyết mật mã hướng nghiệp RIASEC của John Holland [8] và Thuyết đa trí thông minh của Howard Gardner [9], người giáo viên dạy Toán không thể đánh đồng mọi học sinh qua một bài kiểm tra đại số khô cứng. Thay vào đó, phải dùng môn Toán để phát hiện và bồi đắp từng loại hình năng lực: năng lực tính toán định lượng (cho nghề tài chính, kế toán), năng lực tư duy không gian (cho kiến trúc, cơ khí, xây dựng, đồ họa), năng lực suy luận tối ưu hóa (cho công nghệ thông tin, logistics nông sản).

3. THỰC TRẠNG PHÂN LUỒNG TẠI TỈNH AN GIANG VÀ TRƯỜNG THCS VÀ THPT BÌNH SƠN (GIAI ĐOẠN 2021–2025)

3.1. Thực trạng phân luồng trên địa bàn tỉnh

Toàn tỉnh An Giang (Kiên Giang cũ) mỗi năm có khoảng 23.000–25.000 học sinh tốt nghiệp THCS. Trong giai đoạn 2021–2025, tỷ lệ vào lớp 10 THPT công lập chiếm khoảng 70–72%; tỷ lệ học sinh theo học tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) chiếm khoảng 16–18%; còn lại khoảng 11–13% không tiếp tục đi học.

Đáng chú ý, kết quả kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT toàn tỉnh những năm qua cho thấy môn Toán luôn là môn thi có sự phân hóa gay gắt nhất và có tỷ lệ điểm dưới trung bình cao nhất (nhiều địa bàn nông thôn lên đến 40–55%). Điều này dẫn đến hai hệ lụy nghiêm trọng:

- Thứ nhất, hàng ngàn học sinh trượt nguyện vọng lớp 10 công lập rơi vào tình trạng khủng hoảng tâm lý. Do từ bậc THCS các em chưa từng được tư vấn lộ trình học nghề thay thế, nên phần lớn các em tự ý bỏ học, gia nhập vào đội ngũ lao động phổ thông giản đơn tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ.
- Thứ hai, trong số những học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT, có một tỷ lệ không nhỏ học sinh đạt điểm Toán ở mức trung bình, yếu (điểm từ 5,0 đến 6,0) nhưng vì kỳ vọng của gia đình vẫn đăng ký vào các lớp tổ hợp Khoa học tự nhiên. Hậu quả là sau một học kỳ lớp 10, các em bị đuối sức nghiêm trọng trước môn Toán, Vật lý, Hóa học mới, dẫn đến tình trạng chán nản, mất phương hướng và phát sinh tâm lý tiêu cực.

3.2. Nhận diện các nút thắt từ 5 nội dung trọng tâm tại cơ sở

Từ thực tế đứng lớp giảng dạy song song Toán lớp 9 và Toán lớp 10, tôi nhận diện 5 nút thắt cốt tử:

1. Dạy học môn Toán còn nặng về kỹ thuật tính toán thuần túy, tách rời ứng dụng nghề nghiệp (Nội dung 1): Các tiết dạy Toán 9 và Toán 10 phần lớn vẫn bị cuốn theo áp lực luyện đề thi tuyển sinh và thi học kỳ. Giáo viên ít có điều kiện đưa học sinh trải nghiệm các bài toán mô hình hóa thực tế gắn với nông nghiệp, thủy sản, xây dựng, trắc địa hay kinh tế số của tỉnh An Giang. Học sinh giải toán một cách thụ động, không thấy được môn Toán liên quan gì đến công việc tương lai ngoài việc để kiếm điểm số.
2. Khâu phân hóa lộ trình học tập bị đứt gãy giữa lớp 9 và lớp 10 (Nội dung 3): Ở cấp THCS, việc tư vấn chọn môn học lớp 10 còn mang tính hình thức; học sinh lớp 9 chọn tổ hợp môn ở

lớp 10 chủ yếu theo cảm tính hoặc theo bạn bè rủ rê. Đến khi vào lớp 10 THPT Bình Sơn, việc xếp lớp theo tổ hợp bộc lộ nhiều bất cập: nhiều em năng lực tư duy toán học hạn chế nhưng lại chọn tổ hợp Vật lý – Hóa học, dẫn đến việc bị đuối sức ngay từ học kỳ 1. Thiếu một cơ chế chuyển đổi mềm dẻo giữa học tiếp THPT và rẽ sang học trung cấp nghề chất lượng cao.

3. Rào cản định kiến và sự thiếu đồng hành của cha mẹ học sinh (Nội dung 7): Tại xã Bình Sơn, tâm lý cố đấm ăn xôi phải cho con có bằng tốt nghiệp THPT, dù con học rất đuối môn Toán, vẫn ăn sâu vào suy nghĩ của nhiều bậc cha mẹ. Ngược lại, đối với những gia đình có cha mẹ đi làm ăn xa tại Bình Dương, Đồng Nai, phụ huynh lại phó mặc việc học của con cho ông bà già yếu; khi con thi trượt lớp 10 là lập tức bắt con nghỉ học đi làm phụ hồ, làm may, cắt đứt hoàn toàn cơ hội học một nghề bài bản.
4. Khoảng trống trong việc chăm lo hướng nghiệp cho học sinh yếu thế (Nội dung 8): Những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (mồ côi, hộ nghèo, học sinh mất căn bản toán từ nhỏ) tại Bình Sơn thường có tâm lý tự ti mặc cảm tột cùng. Các em là đối tượng dễ bị gạt ra khỏi học đường nhất. Nhà trường và địa phương hiện chưa có cơ chế học bổng khuyến nghề hay quỹ bảo trợ chuyên biệt để tiếp sức cho các em theo học các trường cao đẳng, trung cấp nghề.
5. Công tác ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) còn chậm chạp (Nội dung 9): Cơ sở vật chất phòng máy tính của trường nông thôn còn hạn chế; việc tư vấn nghề nghiệp chủ yếu dựa trên kinh nghiệm chủ quan của thầy cô giáo chủ nhiệm. Học sinh chưa được tiếp cận với các công cụ AI phân tích năng lực toán học và xu hướng nghề nghiệp cá nhân hóa, khiến việc chọn nghề vẫn như đi trong sương mù.

4. HỆ THỐNG NĂM NHÓM GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ TẬP TRUNG TỪ GÓC NHÌN GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY TOÁN 9 VÀ TOÁN 10 (GIAI ĐOẠN 2026–2030)

Nhằm giải quyết triệt để 5 nút thắt nêu trên, với tư cách là giáo viên trực tiếp giảng dạy Toán 9 và Toán 10 tại Trường THCS và THPT Bình Sơn, tôi trân trọng đề xuất 5 nhóm giải pháp đột phá, có tính khả thi và liên thông cao.

4.1. Giải pháp 1: Đổi mới dạy học môn Toán 9 và Toán 10 gắn với mô hình hóa thực tế và giáo dục hướng nghiệp sinh kế (Nội dung 1)

Môn Toán cần được định vị lại là môn học công cụ rèn luyện tư duy thực tế và ngôn ngữ nghề nghiệp, chứ không phải là rào cản làm nản lòng học sinh:

- Tích hợp các bài toán mô hình hóa thực tiễn gắn với đặc thù kinh tế tỉnh An Giang:
  - Trong môn Toán 9: Dạy chương Thống kê và Biểu đồ bằng cách cho học sinh khảo sát giá lúa giống, chi phí nuôi cá tra, sản lượng tôm của chính gia đình ở Bình Sơn để hình thành tư duy phân tích dữ liệu thị trường và quản trị kinh tế nông thôn. Dạy chương Hệ thức lượng trong tam giác vuông bằng hoạt động thực hành đo chiều cao đê bao, đo góc dốc mái tôn tránh bão, gắn với các nghề xây dựng dân dụng, trắc địa và cơ khí. Dạy phương trình bậc nhất, bậc hai gắn với bài toán tối ưu hóa chi phí sản xuất vụ mùa và tính toán phân bón hợp lý.
  - Trong môn Toán 10: Tận dụng các Chuyên đề học tập môn Toán (như Chuyên đề Toán tài chính, Chuyên đề Phương pháp tọa độ trong bài toán kỹ thuật) để dạy học sinh cách lập kế

hoạch tài chính cá nhân, tính toán lãi suất trả góp mua máy móc nông nghiệp, mô phỏng quỹ đạo bay của thiết bị bay không người lái (drone) gieo sạ lúa trên đồng ruộng. Qua đó, giúp học sinh nhận diện rõ ứng dụng của toán học trong các ngành công nghệ cao, cơ điện tử và logistics hiện đại.

- Triển khai các dự án học tập STEM định hướng nghề nghiệp: Tổ chức cho học sinh lớp 9 và lớp 10 thực hiện các dự án liên môn *"Toán học và Công nghệ nuôi trồng thông minh"* (chế tạo hệ thống tưới nước hẹn giờ mini, mô hình lọc nước tuần hoàn). Hoạt động này giúp các em chuyển hóa công thức toán học trừu tượng thành sản phẩm hữu hình, đánh thức niềm đam mê với khối ngành kỹ thuật công nghệ.

4.2. Giải pháp 2: Tiếp cận phát triển năng lực và xây dựng lộ trình học tập phân hóa hai chiều lớp 9 – lớp 10 (Nội dung 3)

Cần xây dựng cây cầu phân hóa nhịp nhàng để học sinh không bị hụt hẫng khi chuyển cấp:

- Xây dựng *"Hồ sơ năng lực tư duy toán học và xu hướng nghề nghiệp"* cho học sinh từ lớp 9: Giáo viên dạy Toán 9 chủ động phối hợp với giáo viên chủ nhiệm đánh giá học sinh qua 3 chỉ số: năng lực suy luận trừu tượng; năng lực tính toán thực hành; năng lực không gian hình học.
  - Nhóm có năng lực toán học vượt trội: Tư vấn định hướng thi vào lớp 10 công lập, lựa chọn tổ hợp môn Khoa học tự nhiên để chuẩn bị thi vào các trường đại học kỹ thuật, công nghệ thông tin, y dược.
  - Nhóm có năng lực toán học ở mức trung bình hoặc khéo tay: Tư vấn học sinh chọn tổ hợp Khoa học xã hội ở lớp 10, hoặc rẽ hướng sang học tại các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề (được miễn 100% học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP [6]) với các nghề có việc làm ngay như: vận hành và sửa chữa máy bay nông nghiệp, cơ điện lạnh công nghiệp, quản trị nhà hàng du lịch, chăm sóc y tế cộng đồng.
- Thiết lập cơ chế phân hóa thích ứng và liên thông ngay tại lớp 10 Trường Bình Sơn: Trong học kỳ 1 lớp 10, nhà trường theo dõi sát sao điểm số môn Toán của học sinh các lớp tổ hợp. Nếu học sinh gặp khó khăn nghiêm trọng, tổ Toán chủ động tham mưu Ban Giám hiệu hướng dẫn các em chuyển đổi tổ hợp môn phù hợp, hoặc tư vấn chuyển tiếp sang học hệ vừa học văn hóa vừa học nghề tại Trung tâm GDNN-GDTX, tránh để các em chán nản rồi bỏ học hoàn toàn.

4.3. Giải pháp 3: Phát huy vai trò đồng hành của cha mẹ học sinh và giải tỏa định kiến bằng cấp tại nông thôn (Nội dung 7)

Cha mẹ là người giữ chìa khóa quyết định tương lai của học sinh. Đối với vùng nông thôn Bình Sơn, giáo viên dạy Toán cần tham gia tích cực vào việc làm công tác tư tưởng cho phụ huynh:

- Đổi mới nội dung các kỳ họp cha mẹ học sinh lớp 9 và lớp 10: Dành 45 phút đầu buổi họp để phân tích *"Bài toán kinh tế và tương lai việc làm tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030"*. Giáo viên đưa ra con số minh chứng rõ ràng: chi phí cho một con học đại học 4 năm mất từ 250–350 triệu đồng trong khi rủi ro thất nghiệp hoặc làm trái ngành cao; ngược lại, con đường học trường nghề chất lượng cao được Nhà nước đài thọ 100% học phí, 18 tuổi đã có bằng nghề và bằng tốt nghiệp THPT, có thể đi làm tự nuôi sống bản thân và học liên thông lên cao đẳng, đại học khi có điều kiện.

- Xây dựng kênh liên lạc số *"Đồng hành cùng phụ huynh xa quê"*: Đối với các phụ huynh ở Bình Sơn đi làm công nhân xa quê, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn thành lập nhóm Zalo hướng nghiệp, định kỳ gửi bảng theo dõi tiến bộ môn Toán của con em, các video phỏng vấn cựu học sinh học nghề thành đạt, giúp cha mẹ dù ở xa vẫn nắm bắt được năng lực thực sự của con để đưa ra quyết định đúng đắn, không ép con học những thứ quá sức.
- Mô hình tư vấn cá biệt *"Thầy cô đến với gia đình"*: Đối với những học sinh lớp 9 có nguy cơ thi trượt lớp 10 hoặc học sinh lớp 10 có nguy cơ bỏ học, giáo viên dạy Toán cùng giáo viên chủ nhiệm trực tiếp đến tận nhà gặp gỡ cha mẹ, giải thích cặn kẽ và cùng gia đình vạch ra hướng đi an toàn nhất cho tương lai của con.

4.4. Giải pháp 4: Xây dựng chính sách hướng nghiệp hòa nhập và bảo trợ học sinh yếu thế tại các ấp vùng sâu (Nội dung 8)

Không để một học trò nào bị bỏ lại phía sau là thước đo nhân văn của nhà trường:

- Mở lớp phụ đạo chuyên biệt *"Toán ứng dụng sinh kế"*: Đối với học sinh lớp 9 bị mất căn bản môn Toán hoặc học sinh tiếp thu chậm, tổ chuyên môn tổ chức các buổi học phụ đạo miễn phí, không dạy giải toán hóc búa mà tập trung dạy các kỹ năng tính toán thực tế: đo đạc kích thước, tính tỷ lệ phần trăm, tính diện tích ao vườn, tính khối lượng vật liệu, đọc đồng hồ điện nước, sử dụng máy tính bỏ túi. Khi học sinh không còn sợ môn Toán, các em sẽ tự tin đăng ký học các nghề thực hành cơ bản.
- Đề xuất thành lập *"Quỹ Tiếp bước học nghề Bình Sơn"*: Nhà trường chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân (UBND), Hội Khuyến học xã và kêu gọi các doanh nghiệp, nhà hảo tâm tài trợ học bổng học nghề, tặng xe đạp điện, hỗ trợ chi phí đi lại và tiền ăn ký túc xá cho con em hộ nghèo, học sinh mồ côi khi chuyển sang học tại các trường như Trường Cao đẳng Nghề An Giang…
- Hướng nghiệp hòa nhập cho học sinh có nhu cầu đặc biệt: Đối với những học sinh khuyết tật nhẹ hoặc chậm phát triển nhận thức, nhà trường phối hợp với các cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ tại địa phương (vá lưới, đan lục bình, may gia công, chế biến nông sản sạch) để hướng nghiệp tại chỗ, giúp các em có được công việc phù hợp với sức khỏe, có thu nhập tự lập.

4.5. Giải pháp 5: Đột phá ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa (Nội dung 9)

Chuyển đổi số và AI là chìa khóa vàng giúp xóa nhòa khoảng cách giữa học sinh trường nông thôn Bình Sơn với học sinh thành thị:

- Triển khai Hệ thống đánh giá năng lực nghề nghiệp số hóa (tích hợp RIASEC và MBTI): Tận dụng các nền tảng trực tuyến mở, hướng dẫn 100% học sinh lớp 9 và lớp 10 thực hiện các bài trắc nghiệm tâm lý và sở thích nghề nghiệp được chuẩn hóa bằng tiếng Việt trên điện thoại hoặc phòng máy tính trường.
- Ứng dụng trợ lý ảo AI cá nhân hóa lộ trình: Xây dựng giải pháp ứng dụng công nghệ AI cho phép tích hợp dữ liệu học tập môn Toán (điểm số, tốc độ tư duy, thế mạnh đại số hay hình học) kết hợp với hoàn cảnh gia đình. Trợ lý AI sẽ tự động phân tích và đưa ra 3 kịch bản nghề nghiệp phù hợp nhất cho từng học sinh, kèm theo phân tích chi tiết về nhu cầu tuyển dụng thực tế và

mức lương dự kiến tại tỉnh An Giang.

- Kết nối Cổng dữ liệu nghề nghiệp mở tỉnh An Giang: Đề xuất Sở GD&ĐT tỉnh An Giang phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu số về việc làm. Cổng thông tin này cho phép giáo viên Toán và học sinh tra cứu theo thời gian thực: những ngành nghề nào đang thiếu hụt kỹ sư, thợ kỹ thuật, mức lương ra trường là bao nhiêu, từ đó cung cấp những dẫn chứng xác thực, đập tan mọi định kiến về việc học nghề.

5. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học không thể thực hiện bằng những khẩu hiệu chung chung hay những giải pháp nửa vời. Đứng ở vị trí của người giáo viên dạy Toán cả hai khối lớp chuyển giao lớp 9 và lớp 10 tại Trường THCS và THPT Bình Sơn, tôi thấu hiểu sâu sắc rằng: mỗi công thức toán học nếu được thắp sáng bằng hơi thở cuộc sống sẽ mở ra một chân trời nghề nghiệp; mỗi sự phân hóa kịp thời sẽ cứu vớt tương lai của một học trò; và mỗi ứng dụng công nghệ số, AI sẽ mang lại cơ hội bình đẳng cho học sinh nông thôn. Với 5 nhóm giải pháp đột phá nêu trên, chúng ta hoàn toàn có thể kiến tạo một hệ sinh thái phân luồng liên thông, nhân văn và hiệu quả cho tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.

5.2. Đề xuất kiến nghị

- Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang:
  - Biên soạn khung tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp giáo dục hướng nghiệp trong dạy học môn Toán cấp THCS và THPT theo Chương trình GDPT 2018, gắn với các bài toán sinh kế vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
  - Đầu tư đồng bộ phòng máy tính nối mạng cho các trường vùng nông thôn để đẩy mạnh ứng dụng AI và nền tảng số trong kiểm tra, đánh giá và tư vấn nghề nghiệp;
  - Mở các lớp tập huấn chuyên sâu về *"Kỹ năng tư vấn phân hóa lộ trình học tập lớp 9 lên lớp 10"* cho đội ngũ giáo viên Toán và cán bộ quản lý chuyên môn.
- Đối với các trường cao đẳng, trung cấp nghề trong tỉnh:
  - Chủ động phối hợp cùng các trường có cấp THCS và THPT tổ chức các buổi trải nghiệm kỹ thuật thực tế cho học sinh lớp 9 hay lớp 10, 11 ngay tại trường phổ thông;
  - Xem xét mở các lớp đào tạo nghề vệ tinh ngay tại địa bàn xã Bình Sơn hoặc tổ chức tuyến xe buýt đưa đón học sinh tham gia học nghề, tháo gỡ rào cản đi lại 20–30 km.
- Đối với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể xã:
  - Đưa chỉ tiêu phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào kế hoạch hành động phát triển kinh tế – xã hội hằng năm của xã;
  - Chỉ đạo Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ và Hội Khuyến học địa phương cùng đồng hành với nhà trường, hỗ trợ học bổng học nghề cho con em gia đình khó khăn, xóa bỏ hoàn toàn tình trạng học sinh lớp 9 bỏ học đi làm lao động tự do bấp bênh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* (Chương trình môn Toán; Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp).
4. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
5. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
6. Chính phủ (2021). *Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo*.
7. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2019). *Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2019 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nhân lực có tay nghề cao*.
8. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
9. Gardner, H. (2011). *Frames of mind: The theory of multiple intelligences* (3rd ed.). Basic Books.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG CHO HỌC SINH LỚP 9 TẠI ĐẶC KHU PHÚ QUỐC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC GIAI ĐOẠN 2026–2030

ThS. Phan Thị Quỳnh Như[1], ThS. Hoàng Thị Cảnh[1], Lê Thị Hải Yến[2]

[1]Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, tỉnh An Giang

[2]Trường TH và THCS Nguyễn Văn Cừ, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang

Email: ptqnhu@cdspkg.edu.vn, htcanh@cdspkg.edu.vn, haiyenpq72@gmail.com

Tóm tắt: *Nâng cao hiệu quả hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh lớp 9 tại Đặc khu Phú Quốc là nhiệm vụ cấp thiết khi đặc khu phát triển nhanh về du lịch, dịch vụ nhưng thiếu nhân lực chất lượng cao. Bài viết hệ thống hóa khái niệm theo Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT và khảo sát 989 khách thể (966 học sinh, cha mẹ học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên) tại 9 trường có cấp THCS. Kết quả cho thấy 46,6% học sinh chỉ thỉnh thoảng được tư vấn hướng nghiệp, 56,2% chỉ được giới thiệu nghề qua hình ảnh, video; 51,7% mong muốn được tham quan trường THPT, trường nghề. Từ đó, bài viết đề xuất bốn nhóm giải pháp: tư vấn tâm lí – hướng nghiệp, đổi mới dạy học Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, phối hợp gia đình – nhà trường – xã hội và gắn kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng; học sinh lớp 9; hoạt động trải nghiệm; Đặc khu Phú Quốc*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác hướng nghiệp và phân luồng cho học sinh lớp 9 nói chung và ở Đặc khu Phú Quốc giai đoạn 2026–2030 nói riêng mang tầm chiến lược, đáp ứng chủ trương của Đảng về công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh, thanh thiếu niên nhằm "định hướng các em lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường và nhu cầu của xã hội" [1]. Chính chủ trương này là nền tảng định hướng cho học sinh (HS) nhận diện sớm năng lực bản thân để đi đúng hướng, tức là các em học tiếp lên chương trình cấp trung học phổ thông (THPT) hoặc tham gia học nghề. Bài viết nghiên cứu lí luận và đề xuất các giải pháp thiết thực không chỉ giúp HS có tâm thế tự chủ, định hướng nghề nghiệp đúng đắn, phù hợp với sở thích, ước mơ mà còn giúp người lớn có năng lực thấu cảm, đồng hành cùng các em.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn

2.1.1. Một số khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu

Trong Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [2], các khái niệm "hướng nghiệp trong giáo dục", "phân luồng trong giáo dục" được định nghĩa như sau: "Hướng nghiệp trong giáo dục" được hiểu là "hoạt động giáo dục trong và ngoài cơ sở giáo dục nhằm giúp HS có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, nguyện vọng của cá nhân và nhu cầu lao động của xã hội" [2, tr. 1]; "Phân luồng trong giáo dục" được

hiểu là "biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để HS sau khi hoàn thành chương trình trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học nghề và tương đương tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, sở thích, nguyện vọng, điều kiện cá nhân và nhu cầu của xã hội" [2, tr. 2].

Từ các định nghĩa trên, có thể hiểu công tác hướng nghiệp, phân luồng trong nhà trường đóng vai trò quan trọng, tạo nền tảng giúp người học có sự hiểu biết cơ bản về nghề nghiệp, từ đó tự chủ trong lựa chọn tiếp tục học lên hay học nghề phù hợp với năng lực, sở trường, nhu cầu lao động của xã hội.

2.1.2. Vai trò, ý nghĩa của giáo dục nghề nghiệp, phân luồng học sinh

Giáo dục nghề nghiệp, phân luồng cho HS có vai trò, ý nghĩa quan trọng [3]. Thứ nhất, HS nhận diện đúng bản thân, tự khám phá điểm mạnh, điểm yếu, sở thích cá nhân và năng lực thực tế. Thứ hai, HS định hình lộ trình sớm, đó là cơ sở để các em lựa chọn đúng đắn nguyện vọng thi tuyển vào THPT, Trung tâm Giáo dục thường xuyên hoặc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thứ ba, HS có động lực, hoài bão, ước mơ, từ đó có mục tiêu học tập rõ ràng, đầu tư trọng tâm vào các môn học hoặc khối thi cần thiết. Thứ tư, HS được giảm áp lực và sai lầm, tránh tình trạng chọn sai trường, sai nghề, lãng phí thời gian, tiền bạc, công sức vì thiển cận theo phong trào hoặc do áp lực từ phía gia đình.

2.1.3. Mối quan hệ giữa năng lực, sở thích, điều kiện gia đình trong việc hướng nghiệp, phân luồng

Năng lực, sở thích, điều kiện gia đình trong việc hướng nghiệp, phân luồng có mối quan hệ tương tác chặt chẽ, bổ trợ. Chúng được ví như chân kiềng ổn định, bền vững. Nếu năng lực là nền tảng, sở thích là động lực tinh thần thì điều kiện gia đình là bệ đỡ hoặc là rào cản [4]. Năng lực của HS là cơ sở cho kiến thức, kĩ năng, tạo sự thành công; sở thích tạo ra động lực nội sinh để cá nhân sẵn sàng vượt qua trở ngại, thử thách; còn điều kiện gia đình là điểm tựa hỗ trợ tích cực về tinh thần, tài chính nhưng có thể là rào cản nếu như cha mẹ quá kì vọng nên áp đặt, muốn con thực hiện theo ý muốn chủ quan của mình, gây nên căng thẳng tâm lí cho con trẻ và từ đó có thể chọn sai nghề. Vì thế, mối quan hệ trên cần có sự thống nhất, hài hoà để phát triển tốt nhất trong việc hướng nghiệp và phân luồng cho HS.

2.1.4. Đặc điểm phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ và nhu cầu nhân lực tại Đặc khu Phú Quốc

Như chúng ta đã biết, Đặc khu Phú Quốc đang trên đà phát triển vượt bậc để trở thành trung tâm kinh tế, du lịch và dịch vụ tổng hợp mang tầm quốc gia và quốc tế. Theo báo chí, về đặc điểm phát triển kinh tế, kinh tế đặc khu tăng trưởng bình quân khoảng 19,6%/năm. Đặc biệt, đặc khu được chọn là địa điểm tổ chức Tuần lễ cấp cao APEC 2027, đồng thời đang triển khai các dự án lớn như đảo nhân tạo 4.500 ha tại Bãi Vòng và Nam An Thới [5]. Về du lịch và dịch vụ, đây là ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm tỉ trọng rất lớn, thu hút nhiều nhà đầu tư chiến lược. Lượng khách bứt phá tăng 38,5%, trong đó khách quốc tế đạt 1,9 triệu lượt (tăng 93,6%), đà tăng trưởng tiếp tục mạnh mẽ trong năm 2026 và dự kiến ở các năm sau. Sản phẩm du lịch đa dạng từ du lịch biển đảo, sinh thái, du lịch văn hóa – nông nghiệp (vườn tiêu, nhà thùng nước mắm) đến các tổ hợp vui chơi giải trí và Thị trấn Hoàng Hôn [6]. Về nhu cầu nhân lực, đáng chú ý là lực lượng lao động phục vụ du lịch thiếu hụt trầm trọng nhân lực chất lượng cao, hạn chế về thái độ chuyên nghiệp và khả năng giao tiếp ngoại ngữ [6].

2.2. Thực trạng công tác hướng nghiệp và phân luồng cho học sinh lớp 9 tại Đặc khu Phú Quốc

Các trường có cấp học trung học cơ sở (THCS) thuộc Đặc khu Phú Quốc năm học 2026–2027 gồm 09 trường, 64 lớp 9 với 2.657 HS (Bảng 1).

Bảng 1

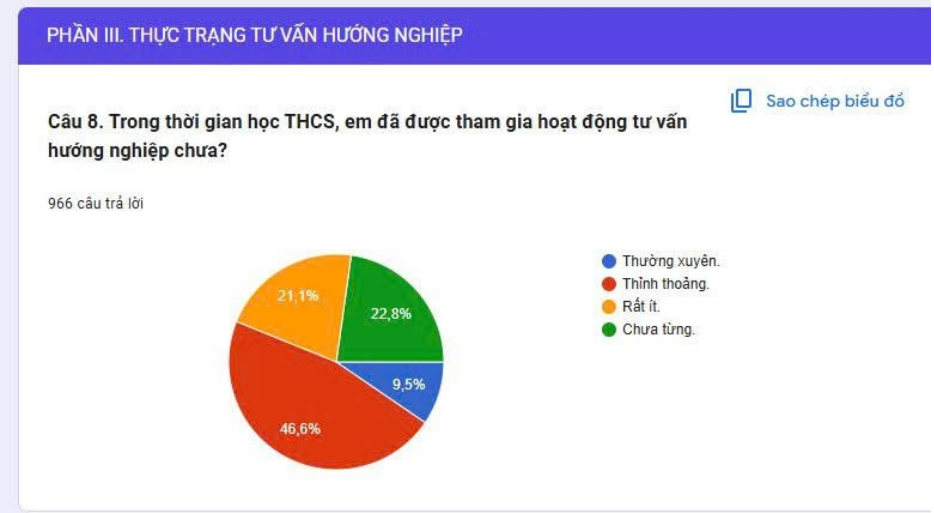
Thống kê tổng số HS lớp 9 tại Đặc khu Phú Quốc năm học 2026–2027

STT	Tên trường	Số lớp 9	Tổng số HS
1	Trường TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	7	319
2	Trường TH và THCS Phan Nhung	3	121
3	Trường TH và THCS Lê Quý Đôn	8	396
4	Trường TH và THCS Nguyễn Văn Nhan	5	180
5	Trường TH và THCS Lâm Kiên Trì	5	196
6	Trường TH và THCS Nguyễn Du	5	144
7	Trường TH và THCS Hùng Vương	18	824
8	Trường TH và THCS Nguyễn Trung Trực	6	247
9	Trường TH và THCS Chu Văn An	7	230
	Tổng số	64	2.657

Để tìm hiểu thực trạng công tác phân luồng và hướng nghiệp cho HS lớp 9 tại Đặc khu Phú Quốc, nhóm tác giả đã khảo sát các khách thể nghiên cứu là HS, cha mẹ HS, Ban giám hiệu, giáo viên (GV) ở các trường có cấp học THCS, tổng cộng 989 người (trong đó: HS: 966; cha mẹ HS: 09; Ban giám hiệu: 05; GV: 09). Để tìm hiểu thực trạng từ HS, chúng tôi đã thiết kế phiếu khảo sát trực tuyến (https://forms.gle/CUXKFz1Yy1cTapcCA) gồm 14 câu hỏi chia thành 4 nhóm: Nhóm Thông tin HS (Câu 1, 2), Nhóm Nhận thức và nguyện vọng hướng nghiệp (Câu 5–7), Nhóm Thực trạng tư vấn hướng nghiệp (Câu 8–11), Nhóm Nhu cầu và đề xuất (Câu 12–14). Đối với cha mẹ HS, Ban giám hiệu, GV, chúng tôi phỏng vấn trực tiếp. Kết quả thu được mang tính định lượng và định tính như sau.

2.2.1. Hoạt động tư vấn hướng nghiệp, phân luồng trong nhà trường

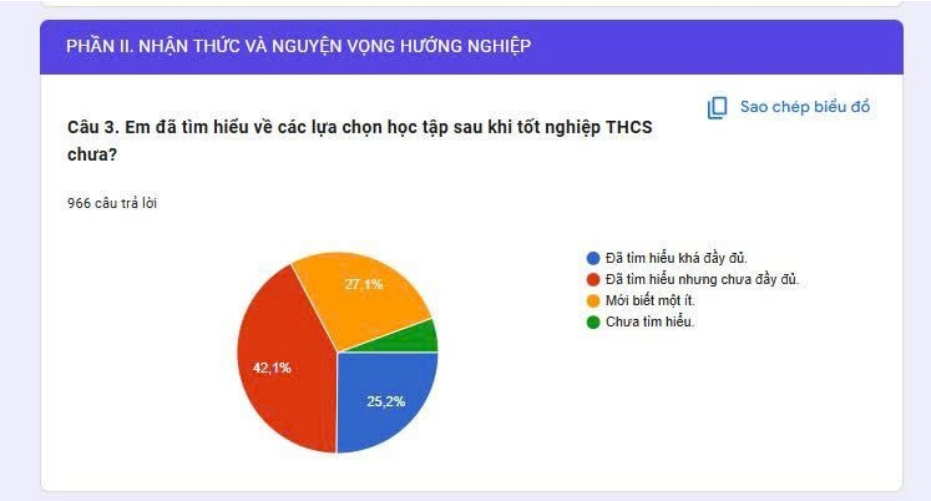
Hoạt động tư vấn hướng nghiệp, phân luồng trong nhà trường tuy đã được chú trọng hơn so với Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2006 nhưng vẫn chưa được như trông đợi. Nguyên nhân khách quan có thể do chương trình môn học còn mới mẻ, GV chưa dành đủ thời gian, kinh nghiệm để tổ chức hoạt động này một cách hiệu quả, sáng tạo cho HS nên kết quả chưa cao. Kết quả khảo sát cho thấy, với câu hỏi "Trong thời gian học THCS, em đã được tham gia hoạt động tư vấn hướng nghiệp chưa?" (Câu 8), đa số các em chọn phương án B "Thỉnh thoảng" với 450/966 em (chiếm tỉ lệ 46,6%) (Hình 1).



Hình 1. Đánh giá hoạt động tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường

2.2.2. Nhận thức của học sinh và cha mẹ

Với câu hỏi "Em đã tìm hiểu về các lựa chọn học tập sau khi tốt nghiệp THCS chưa?" (Câu 3), đa số các em chọn phương án B "Đã tìm hiểu nhưng chưa đầy đủ" với 407/966 em (chiếm tỉ lệ 42,1%) (Hình 2).



Hình 2. Thực trạng học sinh tìm hiểu lựa chọn học tập sau tốt nghiệp THCS

Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu phỏng vấn một số cha mẹ HS lớp 9 ở các trường khảo sát (trung bình mỗi trường 01 người). Nhìn chung, các bậc cha mẹ cũng hiểu chưa rõ việc hướng nghiệp, phân luồng. Họ mong muốn con học xong bậc THCS thì học lên THPT, đa số cũng chưa hiểu rõ con học tốt môn gì, mong ước nghề nghiệp ra sao. Chị NNA (có con đang học lớp 9 Trường TH và THCS Nguyễn Du) chia sẻ: chị không phải dân bản xứ, khó khăn về kinh tế, nghề nghiệp tự do không ổn định lại ở trọ. Khi được hỏi gia đình có muốn cho con phân luồng học trung cấp nghề cho năm học 2027–2028 hay không, chị NNA không biết nên thế nào và nhóm tác giả đã tư vấn thêm để gia đình định hướng đúng cho con học nghề ngay tại Đặc khu Phú Quốc. Một trường hợp khác là chị LTT (có con đang học Trường TH và THCS Nguyễn Văn Cừ). Chị muốn con

theo nghiệp gia đình chế biến nước mắm Phú Quốc; chị LTT mong con mình tiếp tục học chuyên Toán tại Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt, học đại học ngành Kinh tế, sau này tiếp quản nghề truyền thống của gia đình và tiếp tục bảo tồn, đưa văn hoá ẩm thực của địa phương ra các tỉnh thành khác và thế giới.

2.2.3. Sự phối hợp giữa trường THCS, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp

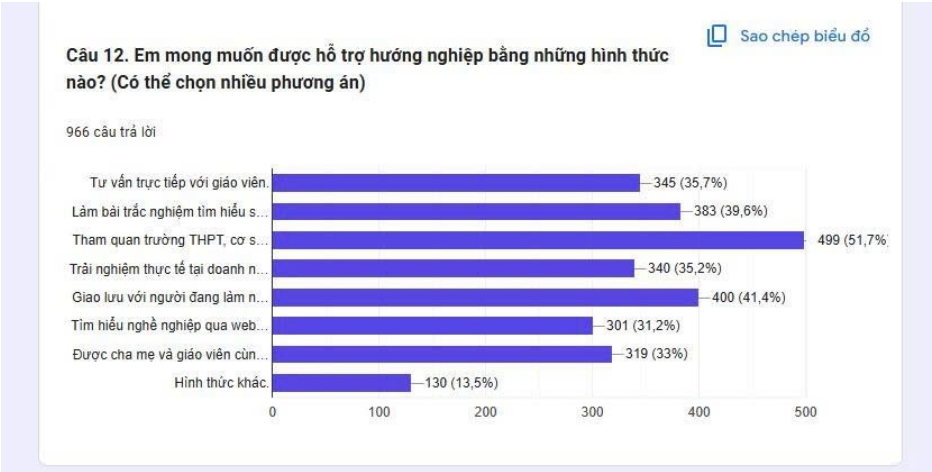
Sự phối hợp giữa trường THCS, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp rất cần thiết, là mắt xích quan trọng trong nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp và phân luồng sau cấp học THCS. Đây cũng là bài toán cần nhưng chưa đủ. Qua khảo sát, HS chưa được trải nghiệm nhiều: khi được hỏi "Em đã từng được trải nghiệm nghề nghiệp thực tế, tham quan cơ sở đào tạo nghề hoặc doanh nghiệp chưa?" (Câu 9), có 543 em (chiếm tỉ lệ 56,2%) chọn phương án C "Chỉ được giới thiệu qua hình ảnh, video hoặc bài học", tức là các nhà trường đã dành thời gian cho HS trải nghiệm nhưng chưa phong phú, đa dạng (Hình 3).



Hình 3. Thực trạng sự phối hợp giáo dục nghề nghiệp giữa nhà trường với doanh nghiệp

2.2.4. Những kết quả, hạn chế, nguyên nhân và vấn đề cần giải quyết

Với kết quả thu được từ Câu 12 trong phiếu khảo sát, có thể đánh giá tổng quan về kết quả, hạn chế, nguyên nhân (Hình 4), từ đó đề xuất những giải pháp cốt lõi.



Hình 4. Đánh giá mong muốn của HS đối với nhà trường trong hướng nghiệp

Từ kết quả trên, thực trạng chung ở các trường THCS trong việc giáo dục hướng nghiệp và phân luồng là tuy có thực hiện nhưng chưa đồng bộ (khảo sát ở Câu 3) giữa các trường, khu vực (phường trung tâm/khu vực khác thuộc Đặc khu Phú Quốc); các trường thực hiện đúng nhưng vẫn chưa phát huy hết thế mạnh tại chỗ của địa phương để cho HS trải nghiệm thực tế một cách bài bản, chủ đích. Điều này thấy rõ qua câu trả lời của HS (Hình 4): 345/966 em (chiếm tỉ lệ 35,7%) mong muốn được "Tư vấn trực tiếp với GV"; 499/966 em (chiếm tỉ lệ 51,7%) mong muốn nhà trường tổ chức cho HS "Tham quan trường THPT, cơ sở các trường nghề"; 340/966 em (chiếm tỉ lệ 35,2%) mong muốn "Trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp"; 319/966 em (chiếm tỉ lệ 33%) mong muốn "Được cha mẹ và GV đồng hành". Chính các câu trả lời của HS cho thấy rất cần sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội cùng đồng hành với các em trong việc định hướng nghề nghiệp và phân luồng.

Song song đó, để tìm hiểu thái độ, ý thức học tập của HS đối với hoạt động dạy học này, nhóm tác giả phỏng vấn 09 GV dạy môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở 09 trường được khảo sát (mỗi trường một GV). Các GV nhận xét có điểm chung là còn khá nhiều HS xem môn học này là môn phụ nên các em chưa chú trọng; kết quả đánh giá học tập là định tính "Đạt" hay "Chưa đạt" và hầu như các em đều "Đạt" 100%, vì thế có thể HS chưa dành thời gian cho môn học, nhất là khi GV cho HS học theo dự án để báo cáo nhóm theo chủ đề. Bên cạnh đó, các chủ đề trong sách giáo khoa giữa các lớp còn có nội dung giống, trùng lặp nên cả GV và HS chưa đủ sự hứng khởi.

Riêng trao đổi với Ban giám hiệu các trường, chẳng hạn khi phỏng vấn thầy Ngô Thanh Bình, Phó Hiệu trưởng Trường TH và THCS Nguyễn Trung Trực, thầy chia sẻ, nhìn nhận: "Nguyên nhân do cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo, còn thiếu kinh phí, một số cha mẹ HS cũng e ngại sợ không an toàn trong khi con họ tham gia trải nghiệm". Các câu trả lời của 04 thầy cô còn lại cũng có sự tương đồng. Đó là thực trạng khó khăn của nhà trường khi còn hạn hẹp về kinh phí và cả về phía gia đình nếu thiếu sự phối hợp.

Từ kết quả thực trạng trên, các trường cần có các giải pháp cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng cho HS lớp 9 tại Đặc khu Phú Quốc hiện nay. Từ thực tiễn này, chúng tôi đề xuất các giải pháp trong mục 2.3.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hướng nghiệp và phân luồng cho học sinh ở Đặc khu Phú Quốc giai đoạn 2026–2030

2.3.1. Công tác hướng nghiệp, phân luồng trong tư vấn tâm lí

Công tác tư vấn tâm lí – hướng nghiệp, phân luồng tại trường là trách nhiệm của cả đội ngũ nhà giáo, từ Ban giám hiệu, Tổng phụ trách Đội, GV dạy môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, GV phụ trách công tác tư vấn học đường [7] cho đến GV bộ môn, GV chủ nhiệm. Đội ngũ này cần được trang bị hiểu biết sâu sắc về hướng nghiệp, phân luồng để tư vấn, tham mưu. Nhà trường cần lồng ghép hoạt động này trong không gian lớp học hay sân trường trong buổi sinh hoạt đầu tuần theo quy mô toàn trường hoặc khối lớp với các chủ đề giáo dục truyền thống, văn hoá, kĩ năng trong hướng nghiệp; hoặc trong phòng tư vấn tâm lí, phòng đa năng, câu lạc bộ hướng nghiệp; hay trong giờ sinh hoạt lớp theo chủ đề tuần để HS khám phá bản thân, xã hội, tự nhiên và hướng nghiệp. Mặt khác, nhà trường cần ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong tìm hiểu

nghề, đánh giá sở thích và cung cấp thông tin tuyển sinh ở các trường nghề cho HS tham khảo.

2.3.2. Công tác hướng nghiệp, phân luồng trong dạy học môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và lồng ghép giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học khác

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc trong Chương trình GDPT 2018 tại cấp THCS, có thời lượng 105 tiết mỗi năm học [8], [9]. Trong chương trình lớp 9, có hai chủ đề liên quan đến việc hướng nghiệp, phân luồng là Chủ đề 8. Khám phá thế giới nghề nghiệp và Chủ đề 9. Hiểu bản thân – Chọn đúng nghề [10, tr. 48–60]. GV cần đổi mới phương pháp dạy học; phương pháp (PP) là chất xúc tác giúp cả GV và HS hứng khởi, khám phá, thể nghiệm, cống hiến, nghiên cứu để trang bị kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp như: PP dạy học theo dự án (Project-based Learning), PP học theo góc, PP giải quyết vấn đề, PP sắm vai (Role-playing), PP làm việc nhóm (Teamwork)…

Gợi ý một số PP như sau. Một là PP dạy học theo dự án: GV cho HS thực hiện một chuỗi hoạt động nghiên cứu, khảo sát hoặc tạo ra sản phẩm, chẳng hạn "Hành trình khám phá bản thân với thế giới nghề nghiệp", "Một ngày trải nghiệm với doanh nghiệp địa phương", "Ngày hội nghề nghiệp"… Hai là PP dạy học theo góc: GV tổ chức cho HS trải nghiệm các góc nghề nghiệp của địa phương, GV đặt tên góc trong không gian đủ lớn, HS thích góc nào tự chọn góc đó để giới thiệu, sắm vai: Góc nghề làm nước mắm truyền thống, Góc nghề dịch vụ khách sạn, Góc nghề chế biến thuỷ hải sản, Góc nghề hướng dẫn viên du lịch… Qua đó, GV giúp HS nhận diện, phát triển năng lực, tìm hiểu thông tin nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế, phát huy tính tự chủ, năng lực hợp tác, vận dụng kiến thức liên môn một cách hiệu quả, sáng tạo.

Lưu ý thêm, GV cần đánh giá đúng thực lực, kết quả của HS; HS nào "Chưa đạt" thì để các em rèn luyện thêm, nâng cao tinh thần hợp tác với GV, với bạn học. GV cần xây dựng cơ chế theo dõi, hỗ trợ HS lựa chọn và duy trì lộ trình học tập phù hợp, năng động. Song song đó, GV bộ môn có trách nhiệm lồng ghép vào việc dạy học, có hiểu biết về thuyết đa trí tuệ để phát hiện, bồi dưỡng HS có năng khiếu nhằm bồi dưỡng HS giỏi, định hướng, gợi ý lồng ghép cho các em nghề nghiệp tương lai và tự chủ trong phân luồng. Dạy học theo hướng tiếp cận giáo dục STEM cũng là một gợi ý phù hợp.

2.3.3. Công tác hướng nghiệp, phân luồng có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình – nhà trường – xã hội

Thực tiễn cho thấy sự phối hợp đồng hành giữa gia đình – nhà trường – xã hội là yếu tố bền vững, hiệu quả trong việc định hướng nghề, phân luồng. Nhà trường có ý nghĩa nâng cao nhận thức, cha mẹ là điểm tựa, xã hội là truyền thông đa phương tiện. Nhà trường là cầu nối phối hợp với cha mẹ HS để họ có đủ kiến thức, sự đồng cảm để đồng hành cùng con trong hướng nghiệp. Tất cả các yếu tố đó mang tính then chốt để HS chủ động, tự tin, hạnh phúc trong lựa chọn nghề, phân luồng của mình.

2.3.4. Công tác hướng nghiệp, phân luồng gắn kết với thực tế giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp

Nhà trường chuyển dần từ việc dạy lí thuyết về nghề sang tổ chức trải nghiệm thực tế giữa HS với doanh nghiệp. Nhà trường có thể mời đại diện trường nghề và doanh nghiệp tham gia các buổi ngoại khóa, ngày hội hướng nghiệp tại trường hoặc cho HS tham quan trải nghiệm thực tế tại trường

nghề trong tỉnh vì "trăm nghe không bằng một thấy", chẳng hạn tổ chức cho HS tham quan, trải nghiệm tại Trường Trung cấp An Giang 1 (trước đây là Trường Trung cấp Việt – Hàn Phú Quốc). Nơi đây có các ngành học phù hợp với nghề nghiệp đặc thù của Đặc khu Phú Quốc như: Hướng dẫn du lịch, Nghiệp vụ lễ tân, Nghiệp vụ nhà hàng, Quản trị khách sạn, Quản trị khu Resort, Kĩ thuật chế biến món ăn… Từ đó, các em được tham vấn để có sự định hướng nghề, phân luồng ngay từ đầu, tránh theo xu hướng số đông hay áp đặt từ phía gia đình. Sự phối hợp giữa trường THCS, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp rất cần thiết, là mắt xích quan trọng trong nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp và phân luồng sau cấp học THCS. Đây cũng là lời giải cho tình trạng "thừa thầy thiếu thợ", đặc biệt là thợ tay nghề cao, nhằm cân bằng giữa đào tạo và cung ứng cho thị trường lao động và xã hội.

3. KẾT LUẬN

Nhìn chung, việc nâng cao hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp và phân luồng cho học sinh lớp 9 tại Đặc khu Phú Quốc giai đoạn 2026–2030 là nhiệm vụ cấp thiết. Từ việc nghiên cứu lí luận và đề xuất các giải pháp giúp HS nhận diện năng lực, sở trường, chúng ta tin tưởng HS sẽ chọn đúng hướng đi phù hợp, hiệu quả. Để HS trở thành những công dân sống có ích, ý nghĩa, năng động, sáng tạo thì mỗi nhà giáo cần làm tốt vai trò của mình như một người bạn cùng đồng hành với HS, từ đó hi vọng tỉnh An Giang nói chung và Đặc khu Phú Quốc nói riêng có nguồn nhân lực tại chỗ chất lượng cao, góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, ấm no, hạnh phúc trong kỉ nguyên mới của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
3. Nguyễn Đình Xuân, & Trần Thị Minh Đức (1996). *Định hướng nghề nghiệp của học sinh và sinh viên các trường ở Hà Nội* (Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, mã số B94.0507).
4. Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance. *Journal of Vocational Behavior, 45*(1), 79–122.
5. Báo Nhân Dân (không ghi năm). *Phát triển đặc khu Phú Quốc thành trung tâm kinh tế, du lịch – dịch vụ tổng hợp tầm quốc gia, quốc tế*. https://nhandan.vn/phat-trien-dac-khu-phu-quoc-thanh-trung-tam-kinh-te-du-lich-dich-vu-tong-hop-tam-quoc-gia-quoc-te-post938321.html (truy cập ngày 23/10/2026).
6. Selavia Phú Quốc (không ghi năm). *Phú Quốc nỗ lực phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao đón APEC 2027*. https://selaviaphuquoc.vn/phu-quoc-no-luc-phat-trien-nguon-nhan-luc-du-lich-chat-luong-cao-don-apec-2027/ (truy cập ngày 25/10/2026).
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 18/2025/TT-BGDĐT ngày 15/9/2025 hướng dẫn công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học*.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
10. Lưu Thu Thuỷ (Tổng Chủ biên) (2026). *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI XÃ BÌNH HÒA, TỈNH AN GIANG

Trần Phước Thạnh

Trường THCS Quản Cơ Thành, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang

Email: phuocthanhdt@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết sử dụng số liệu thống kê của ba trường THCS trên địa bàn xã Bình Hòa, tỉnh An Giang trong ba năm học 2023–2024 đến 2025–2026 để đánh giá thực trạng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Kết quả cho thấy tỷ lệ vào THPT dao động 63,96–84,65%, tỷ lệ vào GDTX, giáo dục nghề nghiệp 6,39–15,63%, đồng thời còn nhiều học sinh chưa được theo dõi lộ trình sau tốt nghiệp. Bài viết phân tích bốn nhóm nguyên nhân (tâm lý học sinh, chính sách, định kiến xã hội, năng lực tổ chức và phối hợp) và đề xuất bốn nhóm giải pháp: tăng cường tuyên truyền; đổi mới cơ chế phối hợp nhà trường – doanh nghiệp – phụ huynh; thực hiện chính sách hỗ trợ người học; đổi mới mô hình hướng nghiệp và nâng cao năng lực đội ngũ.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; giáo dục hướng nghiệp; trung học cơ sở; xã Bình Hòa*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của đất nước. Trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, cơ cấu hợp lý và năng lực thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động trở thành nhiệm vụ quan trọng. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, gắn hoạt động giáo dục với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước [1]; Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết này tại Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 [2].

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục hướng nghiệp (GDHN) và phân luồng học sinh (PLHS), đặc biệt sau trung học cơ sở (THCS), có ý nghĩa quan trọng đối với việc định hướng học tập, lựa chọn nghề nghiệp và chuẩn bị nguồn nhân lực cho xã hội. Hướng nghiệp không chỉ giúp học sinh (HS) nhận thức về thế giới nghề nghiệp mà còn hỗ trợ các em đánh giá năng lực, sở thích, điều kiện cá nhân để đưa ra quyết định phù hợp. Theo Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT, hoạt động hướng nghiệp và phân luồng cần được tổ chức gắn với thông tin nghề nghiệp, trải nghiệm thực tiễn, năng lực của người học và nhu cầu nhân lực của xã hội [3].

Thực tiễn cho thấy, nếu thiếu sự định hướng và tư vấn khoa học, việc lựa chọn nghề nghiệp của HS có thể chịu ảnh hưởng bởi tâm lý đám đông, quan niệm xã hội hoặc mong muốn chủ quan của gia đình, chưa thực sự xuất phát từ năng lực, sở trường và điều kiện của bản thân. Điều này có thể dẫn đến tình trạng lựa chọn ngành học chưa phù hợp, lãng phí thời gian, chi phí đào tạo và chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng lao động. Vì vậy, công tác GDHN và PLHS cần được triển khai thường xuyên, có hệ thống, bảo đảm sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

(GDNN) và doanh nghiệp; đồng thời gắn thông tin nghề nghiệp với nhu cầu nhân lực và xu hướng phát triển kinh tế – xã hội của từng địa phương.

Đối với tỉnh An Giang, sau khi hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang, không gian phát triển kinh tế – xã hội được mở rộng [4], đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Đặc biệt, xã Bình Hòa là địa bàn có những điều kiện phát triển kinh tế đa dạng, với hoạt động sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và công nghiệp. Sự hiện diện của Khu công nghiệp Bình Hòa [5], các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và làng nghề may mặc tạo ra những cơ hội việc làm, đồng thời đặt ra yêu cầu về nguồn lao động có kiến thức, kỹ năng và trình độ nghề nghiệp phù hợp [6]. Bên cạnh đó, định hướng phát triển của địa phương giai đoạn 2025–2030 chú trọng tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển thương mại, dịch vụ, đầu tư hạ tầng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực [7].

Từ thực tiễn trên, công tác GDHN và PLHS sau THCS tại tỉnh An Giang nói chung và xã Bình Hòa nói riêng cần được quan tâm đổi mới theo hướng thiết thực, phù hợp với đặc điểm kinh tế – xã hội, điều kiện gia đình, năng lực, sở thích và nguyện vọng của HS. Đặc biệt, cần tăng cường sự kết nối giữa nhà trường với các cơ sở GDNN, doanh nghiệp và thị trường lao động tại địa phương, giúp HS có đầy đủ thông tin để lựa chọn lộ trình học tập, nghề nghiệp phù hợp. Đây không chỉ là giải pháp nâng cao hiệu quả GDHN và phân luồng mà còn góp phần phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI XÃ BÌNH HÒA, TỈNH AN GIANG

Trong những năm qua, công tác GDHN và PLHS sau THCS ngày càng được quan tâm trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục khẳng định yêu cầu gắn giáo dục với thực tiễn, chú trọng GDHN và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước [1]. Đặc biệt, Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cụ thể nội dung, hình thức và điều kiện thực hiện hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục; trong đó nhấn mạnh việc cung cấp thông tin nghề nghiệp, hỗ trợ HS nhận thức năng lực bản thân, tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong hoạt động tư vấn hướng nghiệp [3].

Đối với tỉnh An Giang, việc triển khai công tác GDHN và PLHS có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh tỉnh được tổ chức lại không gian hành chính và phát triển kinh tế – xã hội sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Riêng tại xã Bình Hòa, theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xã mới được hình thành trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ba xã Bình Hòa, Bình Thạnh và An Hòa [8]. Sự thay đổi về địa giới hành chính đặt ra yêu cầu tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục trên địa bàn, đồng thời cần có cách tiếp cận thống nhất trong quản lý, tổ chức hoạt động hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS sau THCS.

Để đánh giá thực trạng phân luồng HS tại địa bàn xã Bình Hòa, bài viết sử dụng số liệu thống kê của ba trường THCS gồm THCS An Hòa, THCS Quản Cơ Thành và THCS Bình Thạnh trong ba năm học 2023–2024, 2024–2025 và 2025–2026. Kết quả tổng hợp được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1

Kết quả phân luồng học sinh sau THCS tại địa bàn xã Bình Hòa qua ba năm học

Nội dung	2023–2024	2024–2025	2025–2026
Tổng số học sinh	531	404	507
Số học sinh tốt nghiệp THCS	531	391	480
Tiếp tục học THPT	409	331	307
Học GDTX, giáo dục nghề nghiệp	83	25	72
Tỷ lệ vào THPT (%)	77,02	84,65	63,96
Tỷ lệ vào GDTX, giáo dục nghề nghiệp (%)	15,63	6,39	15,00

Nguồn: Tổng hợp từ bảng thống kê phân luồng học sinh của ba trường THCS trên địa bàn xã Bình Hòa, các năm học 2023–2024 đến 2025–2026.

Từ số liệu trên có thể nhận thấy, công tác phân luồng HS sau THCS tại địa bàn xã Bình Hòa có sự biến động tương đối rõ qua các năm học. Cụ thể:

Thứ nhất, luồng HS tiếp tục học trung học phổ thông (THPT) vẫn chiếm tỷ lệ chủ yếu. Năm học 2023–2024, trong tổng số 531 HS tốt nghiệp THCS, có 409 HS tiếp tục học THPT, chiếm 77,02%. Đến năm học 2024–2025, số HS tiếp tục học THPT là 331/391 em, chiếm 84,65%, tăng 7,63 điểm phần trăm so với năm học trước. Tuy nhiên, đến năm học 2025–2026, số lượng HS vào THPT giảm còn 307/480 em, tương ứng 63,96%. Sự thay đổi này cho thấy tỷ lệ HS lựa chọn con đường học tập THPT chưa ổn định giữa các năm, đồng thời đặt ra yêu cầu cần tiếp tục tìm hiểu nguyên nhân từ nguyện vọng học tập, điều kiện gia đình, kết quả học tập và khả năng tiếp cận các cơ hội đào tạo khác nhau của HS.

Thứ hai, luồng HS lựa chọn giáo dục thường xuyên (GDTX) và GDNN còn chiếm tỷ lệ khiêm tốn và có sự biến động. Năm học 2023–2024, có 83 HS lựa chọn hướng đi này, chiếm 15,63% tổng số HS tốt nghiệp THCS. Năm học 2024–2025, con số giảm còn 25 em, tương ứng 6,39%. Đến năm học 2025–2026, số lượng tăng lên 72 em, chiếm 15,00%. Như vậy, mặc dù tỷ lệ HS lựa chọn GDTX và GDNN đã có sự phục hồi trong năm học gần nhất, nhưng vẫn chưa hình thành xu hướng ổn định. Điều này đặt ra yêu cầu phải nâng cao chất lượng tư vấn, cung cấp thông tin về các chương trình đào tạo nghề, điều kiện tuyển sinh, cơ hội việc làm và khả năng học tập liên thông để HS và cha mẹ học sinh (CMHS) có nhận thức đầy đủ hơn về giá trị của các hướng đi sau THCS.

Thứ ba, kết quả phân luồng cho thấy vẫn còn khoảng trống trong việc theo dõi lộ trình học tập của HS sau tốt nghiệp. Đối chiếu số HS tốt nghiệp với số HS tiếp tục học THPT và số HS vào GDTX, GDNN, số liệu còn chênh lệch lần lượt là 39 em năm học 2023–2024, 35 em năm học 2024–2025 và 101 em năm học 2025–2026. Những trường hợp này chưa được phân loại cụ thể trong bảng thống kê. Vì vậy, cần tăng cường công tác theo dõi, cập nhật và quản lý thông tin HS sau tốt nghiệp nhằm xác định rõ các hướng đi tiếp theo, hạn chế tình trạng thiếu thông tin về quá trình học tập, đào tạo hoặc tham gia lao động của HS.

Từ thực trạng trên, có thể nhận thấy công tác GDHN và PLHS tại địa bàn xã Bình Hòa đã có kết quả bước đầu, thể hiện qua việc phần lớn HS tốt nghiệp THCS tiếp tục tham gia các lộ trình học tập sau tốt nghiệp. Tuy nhiên, cơ cấu phân luồng giữa THPT, GDTX và GDNN còn biến động; tỷ lệ HS lựa chọn học nghề chưa ổn định; việc theo dõi đầy đủ lộ trình sau tốt nghiệp cần tiếp tục

được quan tâm. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu đổi mới công tác quản lý hướng nghiệp theo hướng khoa học, có hệ thống và phù hợp với đặc điểm của từng nhóm HS.

3. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI XÃ BÌNH HÒA, TỈNH AN GIANG

Công tác GDHN và PLHS sau THCS tại xã Bình Hòa, tỉnh An Giang chịu sự tác động của nhiều yếu tố, từ đặc điểm tâm lý, nhận thức của HS, điều kiện gia đình đến nhận thức xã hội, chính sách đào tạo và khả năng kết nối giữa cơ sở giáo dục với thị trường lao động. Trên cơ sở đặc điểm địa bàn và kết quả thống kê phân luồng HS của ba trường THCS trong ba năm học 2023–2024 đến 2025–2026, có thể nhận diện một số nhóm nguyên nhân chủ yếu như sau:

Thứ nhất, những hạn chế từ đặc điểm tâm lý, nhận thức và khả năng định hướng nghề nghiệp của HS. HS hoàn thành chương trình THCS thường ở độ tuổi 14–15, đang trong giai đoạn phát triển và hoàn thiện về thể chất, tâm lý, nhận thức cũng như kỹ năng xã hội. Ở lứa tuổi này, một bộ phận HS có thể chưa hình thành rõ ý thức tự giác, tính kỷ luật, khả năng thích ứng với môi trường học tập và rèn luyện nghề nghiệp. Đồng thời, các em còn gặp khó khăn trong việc tự nhận diện sở thích, năng lực, điểm mạnh và những yêu cầu cụ thể của từng ngành nghề. Việc thiếu thông tin cập nhật, dễ tiếp cận về ngành nghề đào tạo, cơ hội việc làm và nhu cầu nhân lực tại địa phương cũng có thể khiến HS lựa chọn hướng đi chủ yếu theo cảm tính hoặc theo định hướng của gia đình, thay vì dựa trên sự phù hợp giữa năng lực cá nhân và yêu cầu nghề nghiệp. Đây là vấn đề cần được quan tâm trong tổ chức hoạt động hướng nghiệp theo định hướng phát triển năng lực và hỗ trợ HS lựa chọn lộ trình học tập phù hợp [3].

Thứ hai, chính sách và sức hấp dẫn của các lựa chọn học tập sau THCS chưa tạo được động lực đồng đều. Việc lựa chọn học tiếp THPT, học GDTX hoặc tham gia GDNN chịu ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế gia đình, khả năng tiếp cận cơ sở đào tạo, chi phí học tập và nhận thức về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Nếu thông tin về chính sách hỗ trợ người học, chương trình đào tạo, điều kiện học tập và triển vọng nghề nghiệp chưa được truyền tải đầy đủ, kịp thời thì HS và phụ huynh khó có cơ sở để cân nhắc các hướng đi khác nhau. Bên cạnh đó, mối liên hệ giữa đào tạo nghề với nhu cầu tuyển dụng thực tế, cơ hội thực hành và khả năng tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp cần tiếp tục được củng cố. Những yếu tố này có thể làm giảm sức hấp dẫn của lựa chọn GDNN trong nhận thức của một bộ phận HS và phụ huynh.

Thứ ba, nhận thức xã hội về GDHN và PLHS còn có những định kiến nhất định. Trong thực tế, việc tiếp tục học THPT đôi khi vẫn được xem là lựa chọn ưu tiên, trong khi học GDTX hoặc GDNN có thể chưa được đánh giá đúng mức về giá trị và cơ hội phát triển. Tâm lý coi trọng bằng cấp, quan niệm học nghề là lựa chọn dành cho HS có học lực hạn chế và sự thiếu hụt thông tin về các con đường phát triển nghề nghiệp có thể ảnh hưởng đến quyết định của HS và gia đình [9]. Đối với địa bàn xã Bình Hòa, việc nâng cao nhận thức của phụ huynh và cộng đồng về tính đa dạng, bình đẳng và tính liên thông của các lộ trình học tập sau THCS có ý nghĩa quan trọng, góp phần bảo đảm HS được lựa chọn hướng đi phù hợp với năng lực, sở trường và điều kiện thực tế.

Thứ tư, năng lực tổ chức hướng nghiệp và sự phối hợp giữa các lực lượng liên quan còn là vấn đề cần tiếp tục quan tâm. Công tác hướng nghiệp không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông

tin tuyển sinh mà cần giúp HS tìm hiểu bản thân, trải nghiệm nghề nghiệp, tiếp cận thông tin thị trường lao động và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp. Tuy nhiên, nếu hoạt động tư vấn tại nhà trường chưa thường xuyên, đội ngũ thực hiện còn hạn chế về thông tin nghề nghiệp [10], hoặc sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở GDNN và đơn vị sử dụng lao động chưa chặt chẽ thì hiệu quả định hướng và phân luồng sẽ bị ảnh hưởng. Đặc biệt, việc theo dõi HS sau tốt nghiệp THCS, cập nhật kết quả lựa chọn lộ trình học tập và hỗ trợ những trường hợp chưa xác định được hướng đi cần được thực hiện có hệ thống hơn. Yêu cầu này phù hợp với định hướng tăng cường kết nối, cung cấp thông tin và tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục hiện nay [3].

4. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI XÃ BÌNH HÒA, TỈNH AN GIANG

Để nâng cao hiệu quả GDHN và PLHS sau THCS tại xã Bình Hòa, tỉnh An Giang, cần triển khai đồng bộ các giải pháp, bảo đảm sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở GDNN, doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất bốn nhóm giải pháp sau:

4.1. Tăng cường hoạt động tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh

Cần đẩy mạnh tuyên truyền trong và ngoài nhà trường nhằm nâng cao nhận thức của HS, CMHS và cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của GDHN và PLHS sau THCS. Nội dung tuyên truyền cần làm rõ rằng tiếp tục học lên THPT là một lựa chọn chính đáng, nhưng không phải là con đường duy nhất để phát triển bản thân và xây dựng tương lai. Việc lựa chọn lộ trình học tập cần căn cứ vào năng lực, sở thích, nguyện vọng, điều kiện kinh tế gia đình và cơ hội phát triển nghề nghiệp của mỗi HS.

Đối với xã Bình Hòa, các trường THCS trên địa bàn cần chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và cơ sở GDNN tổ chức hội thảo hướng nghiệp, ngày hội tư vấn tuyển sinh, tọa đàm nghề nghiệp, tham quan cơ sở đào tạo và giao lưu với người lao động. Các hình thức tuyên truyền trực tiếp cần kết hợp với website, mạng xã hội, video giới thiệu ngành nghề và nền tảng số để HS, phụ huynh dễ dàng tiếp cận thông tin.

Trong quá trình tuyên truyền, cần giúp HS nhận thức đúng về giá trị của lao động và sự cần thiết của mọi ngành nghề đối với xã hội. Người lao động có tay nghề, trách nhiệm và tinh thần cống hiến đều cần được tôn trọng; cần khắc phục tâm lý coi trọng bằng cấp, định kiến đối với học nghề và quan niệm chỉ có học THPT, đại học mới tạo ra cơ hội thành công.

Đặc biệt, thông tin hướng nghiệp cần được cung cấp đầy đủ, kịp thời trước các đợt tuyển sinh. Đối với mỗi ngành, nghề, HS cần được tìm hiểu về đối tượng và mục đích lao động, công cụ, phương tiện lao động, điều kiện làm việc, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, thời gian và chi phí đào tạo, cơ hội việc làm cũng như khả năng phát triển nghề nghiệp. Việc cung cấp thông tin cần gắn với điều kiện kinh tế – xã hội của xã Bình Hòa và tỉnh An Giang, giúp HS có cơ sở lựa chọn hướng đi phù hợp. Nội dung này phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin nghề nghiệp, hỗ trợ HS tự nhận thức và phát triển kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp được quy định tại Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [3].

4.2. Đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý giáo dục hướng nghiệp, gắn hoạt động hướng nghiệp với thực tiễn theo mô hình nhà trường – doanh nghiệp – phụ huynh

Cần đổi mới phương thức tổ chức và quản lý hoạt động GDHN theo hướng tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDNN, gia đình, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan. Nhà trường giữ vai trò chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động hướng nghiệp; cơ sở GDNN cung cấp thông tin về chương trình, ngành nghề đào tạo và điều kiện tuyển sinh; doanh nghiệp tham gia giới thiệu yêu cầu công việc, môi trường lao động và nhu cầu tuyển dụng [11]; phụ huynh phối hợp định hướng, hỗ trợ HS lựa chọn lộ trình phù hợp.

Tại xã Bình Hòa, các trường THCS cần chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp với các cơ sở GDNN, trung tâm GDTX và doanh nghiệp trong, ngoài địa bàn tỉnh An Giang. Hoạt động phối hợp không nên chỉ tập trung vào thời điểm tuyển sinh lớp 9 mà cần được triển khai thường xuyên thông qua tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp, tham quan cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và giao lưu với người lao động có kinh nghiệm. Qua đó, HS có điều kiện tìm hiểu môi trường làm việc, yêu cầu nghề nghiệp và mối liên hệ giữa kiến thức học tập với thực tiễn lao động.

Một nội dung quan trọng là tăng cường kết nối giữa cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động. Các cơ sở GDNN cần phối hợp với doanh nghiệp cập nhật nhu cầu nhân lực, điều chỉnh nội dung đào tạo phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho người học tham quan, thực hành và trải nghiệm môi trường làm việc.

4.3. Xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ người học, tạo điều kiện tiếp cận giáo dục nghề nghiệp và cơ hội việc làm

Cần quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ HS, nhất là HS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và HS có hoàn cảnh khó khăn. Việc lựa chọn hướng học tập sau THCS không chỉ phụ thuộc vào năng lực, sở thích mà còn chịu tác động bởi điều kiện kinh tế gia đình, chi phí học tập, khoảng cách đến cơ sở đào tạo và khả năng tiếp cận thông tin. Do đó, nhà trường cần phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ sở đào tạo cung cấp đầy đủ thông tin về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng và các chế độ hỗ trợ khác theo quy định hiện hành.

Đối với HS có nguyện vọng theo học GDNN, cần tư vấn cụ thể về ngành nghề đào tạo, điều kiện tuyển sinh, thời gian học, chi phí, văn bằng được cấp và cơ hội học tập tiếp theo. HS và phụ huynh cần được cung cấp thông tin rõ ràng về khả năng tiếp tục học tập, nâng cao trình độ và chuyển tiếp giữa các trình độ đào tạo theo quy định. Việc tư vấn phải bảo đảm tính tự nguyện, công bằng, không áp đặt HS vào một hướng đi chỉ vì kết quả học tập hoặc hoàn cảnh kinh tế.

Bên cạnh chính sách hỗ trợ người học, cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, đội ngũ giáo viên và chương trình đào tạo tại các cơ sở GDNN. Chất lượng đào tạo phải gắn với yêu cầu thực tế của thị trường lao động, giúp người học có khả năng tìm kiếm việc làm, thích ứng với môi trường lao động và tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn. Đồng thời, cần khuyến khích doanh nghiệp tham gia hỗ trợ học bổng, tiếp nhận người học thực tập, phối hợp đào tạo và tuyển dụng lao động đáp ứng yêu cầu công việc. Những giải pháp này góp phần giảm rào cản kinh tế, nâng cao sức hấp dẫn của GDNN và tạo niềm tin cho HS, phụ huynh khi lựa chọn hướng đi sau THCS.

4.4. Đổi mới mô hình hoạt động giáo dục hướng nghiệp, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ tư vấn hướng nghiệp

Cần đổi mới hoạt động GDHN theo hướng thường xuyên, thiết thực, lấy HS làm trung tâm và gắn với trải nghiệm thực tế. Hướng nghiệp không nên chỉ được tổ chức dưới hình thức giới thiệu ngành nghề hoặc tư vấn tuyển sinh vào cuối cấp mà cần được tích hợp trong các môn học, hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục địa phương và tư vấn cá nhân. Qua đó, HS từng bước nhận diện sở thích, năng lực, điểm mạnh, hạn chế và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên phụ trách hoạt động hướng nghiệp cần được bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức nghề nghiệp, kỹ năng tư vấn, phương pháp đánh giá sở thích và năng lực HS, kỹ năng khai thác thông tin thị trường lao động. Sở Giáo dục và Đào tạo cần quan tâm chỉ đạo, tổ chức tập huấn, cung cấp tài liệu chuyên môn và hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch GDHN, PLHS phù hợp với đặc điểm HS và điều kiện thực tế của địa phương. Đồng thời, cần tăng cường kết nối với chuyên gia, cơ sở GDNN và doanh nghiệp để hỗ trợ giáo viên cập nhật thông tin nghề nghiệp chính xác, kịp thời.

Đối với các trường THCS trên địa bàn xã Bình Hòa, cần phân công rõ trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên phụ trách hướng nghiệp; xây dựng kế hoạch tư vấn theo từng khối lớp, chú trọng HS lớp 9. Hoạt động tư vấn cần kết hợp giữa tư vấn nhóm và tư vấn cá nhân, căn cứ vào kết quả học tập, sở thích, năng lực, điều kiện gia đình và nguyện vọng của HS, tránh áp đặt hoặc định hướng một chiều.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động hướng nghiệp. Các trường có thể khai thác nền tảng số, cơ sở dữ liệu nghề nghiệp, công cụ tìm hiểu sở thích, hệ thống tư vấn trực tuyến và ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ HS tìm hiểu ngành nghề, so sánh các lộ trình học tập và tiếp cận thông tin tuyển sinh. Việc ứng dụng công nghệ cần có sự hướng dẫn, kiểm tra của giáo viên, bảo đảm thông tin được kiểm chứng, dữ liệu cá nhân được bảo vệ và không sử dụng kết quả tự động để thay thế hoàn toàn vai trò tư vấn của con người. Đây cũng là định hướng được đề cập trong Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hướng nghiệp [3].

Cuối cùng, cần tăng cường theo dõi, cập nhật dữ liệu HS sau khi tốt nghiệp THCS nhằm nắm bắt kết quả lựa chọn lộ trình học tập, kịp thời hỗ trợ những trường hợp chưa xác định được hướng đi phù hợp. Dữ liệu cần được quản lý chính xác, bảo mật và sử dụng phục vụ công tác tư vấn, điều chỉnh kế hoạch hướng nghiệp.

5. KẾT LUẬN

Công tác GDHN và PLHS sau THCS vẫn là vấn đề cần được quan tâm, đòi hỏi sự chỉ đạo đồng bộ từ các cấp quản lý và sự tham gia tích cực của toàn xã hội. Tại xã Bình Hòa, tỉnh An Giang, để nâng cao hiệu quả công tác này, cần triển khai thống nhất các giải pháp từ tuyên truyền nâng cao nhận thức của HS, CMHS đến đổi mới hoạt động tư vấn, tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cơ sở GDNN và doanh nghiệp; đồng thời thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Qua đó, giúp HS nhận diện năng lực, sở thích và điều kiện của bản thân để lựa chọn lộ trình học tập, nghề nghiệp phù hợp.

Sự tham gia của đội ngũ tư vấn hướng nghiệp, các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc gắn hoạt động đào tạo với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, mở rộng cơ hội học tập, thực hành và việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Đây cũng là định hướng phù hợp với yêu cầu đổi mới công tác hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục được xác định tại Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [3]. Khi các giải pháp được triển khai đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ và phù hợp với điều kiện địa phương, công tác GDHN và PLHS sẽ góp phần củng cố niềm tin của phụ huynh, HS đối với các lộ trình học tập khác nhau; đồng thời tạo điều kiện phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của xã Bình Hòa nói riêng và tỉnh An Giang nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
2. Chính phủ (2025). *Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
4. Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang (2026). *Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/02/2026 về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
5. Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh An Giang (2022). *Khu công nghiệp Bình Hòa*. https://trungtampttht.bqlkkt.angiang.gov.vn/news/detail?s=khu-cong-nghiep-binh-hoa
6. Trung Hiếu (2026). Năm 2026, xã Bình Hòa quyết tâm phát triển kinh tế – xã hội hiệu quả và bền vững. *Báo An Giang*. https://baoangiang.com.vn/nam-2026-xa-binh-hoa-quyet-tam-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-hieu-qua-va-ben-vung-a475953.html
7. Trung Hiếu (2025). Bình Hòa tăng tốc. *Báo An Giang*. https://baoangiang.com.vn/binh-hoa-tang-toc-a461344.html
8. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025). *Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025*.
9. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
10. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
11. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

PHẦN III

ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP

Đổi mới hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường; tư vấn nghề nghiệp dựa trên năng lực, sở thích, điều kiện của học sinh và nhu cầu thị trường lao động; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo; tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp; tích hợp hướng nghiệp trong môn học; quan tâm học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

CÁC BÀI THAM LUẬN TRONG PHẦN NÀY

17. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CÔNG NGHỆ SỐ TRONG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP: TỪ THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG, RỦI RO PHÁP LÝ ĐẾN ĐẠO ĐỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 131
Trịnh Ngọc Giang

18. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MÔN TIN HỌC TRONG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TIN HỌC 146
Dương Thị Xuân

19. CHUYỂN HÓA HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THÀNH MÔI TRƯỜNG TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 1 153
Thái Hoàng Tân, Trần Văn Kỹ

20. TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 159
Trần Thị Lệ

21. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA CÁC MÔN HỌC 164
Nguyễn Văn Hiệp

22. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TƯ VẤN, HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH THPT Ở VÙNG NÔNG THÔN, VÙNG KHÓ KHĂN 169
Đàm Thanh Lạc

23. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT GÒ QUAO 178
Quách Quốc Cần

24. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH THPT – TỪ THỰC TIỄN ĐẾN GIẢI PHÁP TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM, TỈNH AN GIANG 186
Huỳnh Vinh Huy

25. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP GẮN VỚI CÁ NHÂN HÓA LỘ TRÌNH HỌC TẬP – KINH NGHIỆM TỔ CHỨC SONG SONG LỚP HỌC TRUYỀN THỐNG VÀ LỚP HỌC THEO MÔN TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN HÙNG SƠN 194
Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn

26. ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030: TỪ KHÔNG GIAN LỚP HỌC ĐẾN TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ 203
Trường THPT Nguyễn Thần Hiến

27. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 2 GIAI ĐOẠN 2026–2030 206
Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2

28. NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TỪ THỰC TIỄN GIẢNG DẠY TẠI TRƯỜNG THPT THOẠI NGỌC HẦU, TỈNH AN GIANG 212
Nguyễn Thị Cẩm Tiên

29. ỨNG DỤNG NỀN TẢNG SỐ VÀ TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ TRONG ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN THÀNH GIAI ĐOẠN 2026–2030 220
Võ Thị Ngọc Tuyền

30. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG 230
Nguyễn Thị Hồng Lệ

31. PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG GIÁO DỤC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT CHÂU VĂN LIÊM 239
Trần Võ Trinh

32. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU 246
Nguyễn Thanh Dung

33. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HƯỚNG NGHIỆP QUA MÔN TIN HỌC TẠI TRƯỜNG THCS&THPT PHAN THỊ RÀNG 252
Tạ Thu Năm

34. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH TRONG HỖ TRỢ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG: TIỀM NĂNG, GIỚI HẠN VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG 260
Lâm Trần Sơn Ngọc Thiên Chương, Trương Hoàng Hân

35. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 269
Đặng Quang Sáng

36. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG THÔNG QUA MÔ HÌNH "HÀNH TRÌNH NGHỀ NGHIỆP CÁ NHÂN" 274
Trần Thị Thanh Liên

37. TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN PHÂN LUỒNG TRONG NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG GIAI ĐOẠN 2026–2030 279
Nguyễn Thị Trúc Ly

38. TỔ CHỨC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG THÔNG QUA MÔ HÌNH "KHÔNG GIAN HƯỚNG NGHIỆP SỐ" 284
Trần Thị Thu

39. XÂY DỰNG MÔ HÌNH HƯỚNG NGHIỆP TOÀN DIỆN VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH HIỆU QUẢ THÔNG QUA HỆ SINH THÁI CÔNG NGHỆ SỐ KẾT HỢP TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG THCS&THPT BA HÒN GIAI ĐOẠN 2026–2030 291
Huỳnh Thanh Hoàng

40. HỖ TRỢ HỌC SINH YẾU THẾ LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG TẠI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP 296
Nguyễn Ngọc Thắm

41. NÂNG CAO HIỆU QUẢ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH THUẬN THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ GẮN KẾT NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH – XÃ HỘI 304
Thái Trường Giang

42. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA CÁC MÔN HỌC 310
Nguyễn Vũ Minh

43. XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI HƯỚNG NGHIỆP SỐ GẮN KẾT NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ DOANH NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC 316
Nguyễn Huỳnh Kim Thoa

44. TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ: ĐỀ XUẤT TỪ THỰC TIỄN TRƯỜNG THCS AN HÒA, XÃ BÌNH HÒA, TỈNH AN GIANG 321
Nguyễn Thanh Phong

45. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP NỀN TẢNG CHO HỌC SINH 331
Võ Phương Nga, Lại Thái Mạnh

46. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO HƯỚNG CÁ NHÂN HÓA 338
Trần Phước Thạnh

47. NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG THCS VĨNH AN, TỈNH AN GIANG – ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030 347
Nguyễn Thị Anh Đào

48. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ 355
Nguyễn Thị Ngọc Điệp

49. ĐỔI MỚI TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH LỚP 8, LỚP 9 NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ 361
Đỗ Quốc Tuấn

50. "CÂY NGHỀ NGHIỆP THÔNG MINH" – ỨNG DỤNG STEM VÀ AI TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH LỚP 9 QUA MÔN CÔNG NGHỆ 368
Lê Trần Diễm Phương

51. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TẠI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030 376
Nguyễn Văn Hiệp

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CÔNG NGHỆ SỐ TRONG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP: TỪ THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG, RỦI RO PHÁP LÝ ĐẾN ĐẠO ĐỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ThS. Trịnh Ngọc Giang

Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Email: tngiang79@gmail.com

Tóm tắt: *Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn và kỹ thuật truy xuất thông tin tăng cường (RAG), đang làm thay đổi phương thức tư vấn hướng nghiệp, đồng thời đặt ra vấn đề về quyền riêng tư, thành kiến thuật toán, trách nhiệm giải trình và quyền tự quyết nghề nghiệp. Bằng phương pháp tổng quan tài liệu kết hợp phân tích chính sách, bài viết đối chiếu kinh nghiệm quốc tế với điều kiện Việt Nam và đi đến ba nhận định: hiệu quả công nghệ không đồng nhất với chất lượng tư vấn; cá nhân hóa thuật toán cần được con người giám sát; bảo vệ dữ liệu phải là điều kiện cấu thành của dịch vụ. Từ đó, bài viết đề xuất mô hình tư vấn kết hợp AI – chuyên gia – người học và khung hướng nghiệp số lấy con người làm trung tâm.*

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo; tư vấn hướng nghiệp; AI tạo sinh; dữ liệu cá nhân; quyền tự quyết nghề nghiệp*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Bối cảnh và vấn đề nghiên cứu

Sự biến đổi của thị trường lao động trong những năm gần đây không chỉ thể hiện ở sự xuất hiện của các ngành nghề mới mà còn ở sự thay đổi cấu trúc kỹ năng bên trong những nghề nghiệp vốn đã tồn tại. Tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) và kinh tế nền tảng đang làm cho ranh giới giữa nhiều lĩnh vực nghề nghiệp trở nên kém ổn định. Người học vì thế cần hình thành năng lực đánh giá bản thân, nhận diện xu hướng nghề nghiệp, điều chỉnh kế hoạch học tập và thích ứng với những thay đổi kéo dài trong suốt cuộc đời lao động.

Báo cáo *The Future of Jobs Report 2025* của Diễn đàn Kinh tế Thế giới cho thấy chuyển đổi công nghệ, biến động kinh tế, thay đổi nhân khẩu học và yêu cầu chuyển đổi xanh đang tác động đồng thời đến cơ cấu việc làm và nhu cầu kỹ năng; báo cáo dự báo sự dịch chuyển đáng kể của việc làm và nhấn mạnh nhu cầu kết hợp giữa năng lực công nghệ với các kỹ năng nhận thức, sáng tạo và thích ứng [1].

Ở Việt Nam, sự khác biệt giữa các địa phương khiến chất lượng định hướng nghề nghiệp không đồng đều. Tại nhiều cơ sở giáo dục, hoạt động hướng nghiệp vẫn chủ yếu được tổ chức thông qua chuyên đề, ngày hội tuyển sinh, tài liệu giới thiệu ngành học và các bài trắc nghiệm sở thích [2]. Những hình thức này khó đáp ứng yêu cầu tư vấn liên tục và cá nhân hóa.

Các nền tảng số cho phép người học đánh giá sở thích, tìm kiếm thông tin ngành nghề và trao đổi với hệ thống tư vấn tự động mà không bị giới hạn bởi thời gian, địa điểm. Tuy nhiên, mở

rộng khả năng tiếp cận không đồng nghĩa với việc nâng cao chất lượng tư vấn. Nếu dữ liệu đầu vào chứa những khuôn mẫu xã hội hoặc thuật toán được thiết kế theo mục tiêu tối ưu hóa tuyển sinh, doanh thu hay khả năng đáp ứng việc làm ngắn hạn, các khuyến nghị có thể vô tình thu hẹp không gian lựa chọn của người học.

Vấn đề cần xem xét do đó không chỉ là AI có thể tư vấn nghề nghiệp đến mức nào, mà còn là AI được phép tham gia vào những khâu nào của quá trình tư vấn, dữ liệu nào được sử dụng, ai chịu trách nhiệm khi khuyến nghị gây ra hệ quả bất lợi và người học có thể phản biện kết quả thuật toán bằng cách nào.

1.2. Sự chuyển dịch từ tư vấn truyền thống sang hệ sinh thái hướng nghiệp số

Trong mô hình truyền thống, quan hệ tư vấn thường được tổ chức thông qua sự tương tác trực tiếp giữa chuyên gia và người học. Mô hình này có ưu thế ở khả năng nhận diện những yếu tố khó lượng hóa, chẳng hạn như kỳ vọng gia đình, xung đột giá trị, sự thiếu tự tin hay những biến động trong tâm lý của người học. Hạn chế của nó nằm ở chi phí, số lượng chuyên gia và khả năng duy trì hỗ trợ lâu dài. Công nghệ số đưa một phần hoạt động thu thập, xử lý và cung cấp thông tin lên môi trường trực tuyến; hồ sơ hướng nghiệp vì vậy trở thành một cấu trúc dữ liệu động.

Tuy nhiên, độ phong phú của dữ liệu không tự động tạo ra sự hiểu biết sâu sắc về con người. Những đặc điểm quan trọng đối với quyết định nghề nghiệp, như ý nghĩa công việc hay trách nhiệm gia đình, không phải lúc nào cũng có thể được biểu diễn đầy đủ bằng các biến số định lượng. Do đó, hướng nghiệp số cần được xem xét như một quá trình xã hội – giáo dục có sự tham gia của công nghệ, thay vì một bài toán thuần túy về phân loại và dự báo.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết về tư vấn và phát triển nghề nghiệp

Nghiên cứu về hướng nghiệp đã chuyển dịch từ việc tìm kiếm sự tương thích giữa cá nhân và nghề nghiệp sang coi phát triển sự nghiệp là quá trình thích ứng liên tục; mỗi cách tiếp cận lý thuyết dẫn đến một cách thiết kế hệ thống tư vấn AI khác nhau. Theo lý thuyết đặc điểm và nhân tố của Holland, lựa chọn nghề nghiệp có liên hệ với mức độ tương thích giữa kiểu nhân cách và môi trường nghề nghiệp. Mô hình RIASEC phân chia sở thích nghề nghiệp thành sáu nhóm: Thực tế (Realistic), Nghiên cứu (Investigative), Nghệ thuật (Artistic), Xã hội (Social), Quản lý (Enterprising) và Nghiệp vụ (Conventional) [3]. Tuy nhiên, khi được chuyển thành công cụ trắc nghiệm trực tuyến, RIASEC có nguy cơ bị giản lược thành một cơ chế gán nhãn cá nhân. Sở thích nghề nghiệp không bất biến mà chịu ảnh hưởng của trải nghiệm học tập, điều kiện gia đình và cơ hội tiếp xúc với nghề nghiệp; vì vậy, thuật toán sử dụng RIASEC nên được xem là công cụ khởi tạo đối thoại tư vấn, không phải cơ chế xác định nghề nghiệp.

Nếu Holland giúp giải thích sự tương thích giữa cá nhân và môi trường nghề nghiệp, lý thuyết phát triển nghề nghiệp của Super mở rộng vấn đề sang chiều thời gian: sự nghiệp gắn với các giai đoạn phát triển và những vai trò khác nhau mà một cá nhân đảm nhiệm trong đời sống [4]. Vì vậy, hồ sơ nghề nghiệp trong hệ thống AI cần có khả năng cập nhật; nếu hệ thống không cho phép sửa đổi dữ liệu và đánh giá lại lựa chọn, công nghệ có thể biến một kết quả khảo sát tạm thời thành một định danh có ảnh hưởng lâu dài.

Lý thuyết kiến tạo nghề nghiệp (Career Construction Theory) của Savickas tiếp tục bổ sung chiều kích chủ quan: cá nhân không chỉ lựa chọn một nghề phù hợp với đặc điểm sẵn có mà còn kiến tạo câu chuyện nghề nghiệp thông qua việc diễn giải kinh nghiệm, xác lập ý nghĩa và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống [5]. Một hệ thống AI chỉ tập trung vào phân loại và ghép nối nghề nghiệp sẽ khó phản ánh chiều kích phát triển và kiến tạo này. Ngược lại, nếu được thiết kế để hỗ trợ người học xem xét trải nghiệm, nhận diện thay đổi và xây dựng những câu chuyện nghề nghiệp có ý nghĩa, AI có thể trở thành công cụ hỗ trợ phát triển thay vì chỉ là công cụ dự báo.

2.2. Sự phát triển của công nghệ trong tư vấn hướng nghiệp

Sự phát triển của công nghệ hướng nghiệp có thể được phân tích qua ba thế hệ hệ thống. Thế hệ thứ nhất dựa trên các quy tắc cố định (rule-based systems): người sử dụng trả lời bộ câu hỏi, hệ thống quy đổi câu trả lời thành điểm số và đối chiếu với những tiêu chí nghề nghiệp được thiết lập trước. Hệ thống dễ kiểm tra, dễ giải thích nhưng khó xử lý những trường hợp đa chiều.

Thế hệ thứ hai sử dụng học máy (machine learning) và các phương pháp phân tích dự báo. Hệ thống có thể học các mối liên hệ từ dữ liệu lịch sử, chẳng hạn giữa kết quả học tập, kỹ năng, đặc điểm cá nhân và khả năng tham gia vào một nhóm nghề [6], [7]. Khả năng xử lý dữ liệu lớn giúp mở rộng phạm vi phân tích, song cũng làm phát sinh vấn đề về chất lượng dữ liệu huấn luyện, tính đại diện và khả năng giải thích kết quả.

Thế hệ thứ ba gắn với AI tạo sinh, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models – LLMs). Nhờ khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên, hoạt động tư vấn có thể chuyển từ tìm kiếm thông tin một chiều sang đối thoại nhiều lượt. Một hướng phát triển đáng chú ý là kỹ thuật truy xuất thông tin tăng cường (Retrieval-Augmented Generation – RAG), tức kết hợp truy xuất thông tin với khả năng tạo sinh của mô hình ngôn ngữ. Tuy nhiên, RAG không loại bỏ hoàn toàn hiện tượng tạo thông tin sai: hệ thống vẫn có thể truy xuất nhầm tài liệu, sử dụng dữ liệu đã lỗi thời hoặc diễn giải sai nội dung được cung cấp. Do đó, chất lượng của chatbot hướng nghiệp cần được đánh giá trên toàn bộ chuỗi xử lý, từ chất lượng dữ liệu đến cơ chế chuyển tiếp cho chuyên gia.

2.3. Các nghiên cứu gần đây về AI trong tư vấn hướng nghiệp

Nghiên cứu của Sarmurzin và cộng sự (2026), thông qua tổng quan hệ thống theo PRISMA 2020, phân tích 43 nghiên cứu về triển khai AI trong tư vấn nghề nghiệp ở bậc đại học. Kết quả chỉ ra rằng chatbot có khả năng mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ, trong khi hệ thống dự báo và khuyến nghị có tiềm năng hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình nghề nghiệp; tuy vậy, những hạn chế về sự thấu cảm, độ tin cậy và nguy cơ người học phụ thuộc vào khuyến nghị thuật toán vẫn là vấn đề đáng quan tâm [8]. Phạm vi nghiên cứu chủ yếu là sinh viên đại học nên chưa đủ để khái quát cho học sinh phổ thông.

Taveira và Silva (2026), trong nghiên cứu tổng quan về ứng dụng AI trong hướng dẫn và tư vấn nghề nghiệp, nhấn mạnh khoảng cách giữa tốc độ phát triển công nghệ với mức độ hoàn thiện của bằng chứng thực nghiệm và nền tảng lý thuyết. Các hệ thống hiện tại thường tiếp cận quyết định nghề nghiệp theo hướng dự báo, phân loại hoặc ghép nối, trong khi các yếu tố liên quan đến bản sắc nghề nghiệp và quá trình kiến tạo ý nghĩa chưa được tích hợp đầy đủ [9].

Ở góc độ thiết kế hệ thống, các nghiên cứu về chatbot RAG cho thấy xu hướng kết hợp mô

hình ngôn ngữ với cơ sở tri thức chuyên ngành; một công trình công bố tại hội nghị ICCIST năm 2025 đã đề xuất chatbot hướng nghiệp sử dụng tìm kiếm ngữ nghĩa, mô hình ngôn ngữ và thành phần dự báo mức lương. Tuy nhiên, kết quả kỹ thuật trong môi trường thử nghiệm không thể mặc nhiên được diễn giải thành hiệu quả tư vấn trong môi trường giáo dục thực tế. Nhìn chung, bằng chứng về tác động dài hạn của AI hướng nghiệp, chẳng hạn đối với khả năng tự ra quyết định hay bất bình đẳng cơ hội, vẫn còn hạn chế.

2.4. Các tiếp cận quốc tế về quản trị AI trong giáo dục

UNESCO nhấn mạnh sự cần thiết của quản trị dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư, đánh giá mức độ phù hợp về độ tuổi và duy trì vai trò giám sát của con người khi triển khai AI tạo sinh trong giáo dục và nghiên cứu; việc sử dụng AI phải được đặt trong mối quan hệ với mục đích giáo dục, năng lực của người học và trách nhiệm của tổ chức triển khai [10]. OECD tiếp cận vấn đề từ góc độ quản trị và bảo đảm tính đáng tin cậy của hệ thống AI, với các nguyên tắc minh bạch, an toàn, trách nhiệm giải trình và tôn trọng quyền con người [11].

Các nguyên tắc này có thể được vận dụng vào hướng nghiệp thông qua yêu cầu công khai mục đích xử lý dữ liệu, thông báo khi người học tương tác với AI, lưu vết những quyết định quan trọng và thiết lập cơ chế chuyển giao cho chuyên gia. Tuy nhiên, việc áp dụng cần được điều chỉnh theo điều kiện pháp lý và tổ chức của Việt Nam.

3. KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

Tổng quan các công trình gần đây cho thấy mức độ kết nối giữa công nghệ, lý thuyết phát triển nghề nghiệp và quản trị dữ liệu vẫn chưa tương xứng với tốc độ triển khai ứng dụng.

Khoảng trống thứ nhất nằm ở cách tiếp cận đối với quyết định nghề nghiệp. Nhiều hệ thống được thiết kế theo logic dự báo và ghép nối, dễ bỏ qua tính biến đổi của bản sắc nghề nghiệp; việc phát triển một khung tích hợp giữa quyền tự quyết, lý thuyết kiến tạo sự nghiệp và cơ chế giám sát thuật toán vẫn cần được nghiên cứu sâu hơn.

Khoảng trống thứ hai liên quan đến quản trị dữ liệu. Việc kết hợp thông tin nhận dạng, kết quả học tập, đặc điểm tâm lý và suy luận thuật toán trong hồ sơ hướng nghiệp làm tăng nguy cơ tái nhận diện cá nhân, suy luận ngoài mục đích ban đầu và sử dụng thông tin cho những mục đích mà người học không thực sự mong muốn.

Khoảng trống thứ ba xuất phát từ sự khác biệt giữa bối cảnh quốc tế và Việt Nam. Những mô hình từ các quốc gia có hệ thống dữ liệu nghề nghiệp hoàn thiện không thể được chuyển giao nguyên trạng; nếu dữ liệu huấn luyện chủ yếu phản ánh nhóm người học ở đô thị hoặc những ngành nghề có mức độ số hóa cao, hệ thống khuyến nghị có thể đánh giá thấp tiềm năng của những cá nhân đến từ khu vực ít được đại diện.

Khoảng trống thứ tư liên quan đến tiêu chí đánh giá tính bền vững. Các chỉ số như số lượng người dùng, mức độ hài lòng hoặc tỷ lệ chấp nhận khuyến nghị là chưa đủ; cần bổ sung các tiêu chí về khả năng tự đánh giá, năng lực phản biện, công bằng tiếp cận và khả năng điều chỉnh quyết định nghề nghiệp.

Từ đó, nghiên cứu lựa chọn hướng tiếp cận liên ngành, hướng tới xây dựng một khung phân tích cho phép đánh giá AI dựa trên giá trị giáo dục và quyền lợi dài hạn của người học.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, theo hướng tổng quan tài liệu có phân tích (critical literature review), kết hợp phân tích nội dung và phân tích chính sách (policy analysis); không thực hiện khảo sát định lượng hoặc phỏng vấn chuyên gia. Nguồn tài liệu được định hướng từ các cơ sở dữ liệu học thuật như Scopus, Web of Science, ERIC và các tạp chí chuyên ngành có phản biện; tài liệu chính sách được khai thác từ UNESCO, OECD, UNICEF, cơ quan nhà nước Việt Nam và các tổ chức có thẩm quyền về dữ liệu lao động. Khoảng thời gian ưu tiên là 2021–2026; những công trình kinh điển về lý thuyết hướng nghiệp được sử dụng bổ trợ.

Quá trình phân tích được tổ chức theo năm chủ đề: kiến trúc công nghệ; chức năng tư vấn; chất lượng và tính đại diện của dữ liệu; rủi ro pháp lý – đạo đức; và điều kiện triển khai bền vững. Rủi ro được phân tích theo vòng đời dữ liệu, từ thu thập, lưu trữ, xử lý, suy luận đến chia sẻ và xóa dữ liệu; các quy định của Việt Nam được đối chiếu với nguyên tắc quốc tế về quyền riêng tư, minh bạch, công bằng và trách nhiệm giải trình. Do đó, những nhận định về thực trạng tại Việt Nam được trình bày ở mức độ phân tích hệ sinh thái và chính sách, không phải kết quả đo lường mức độ phổ biến của từng nền tảng; việc một rủi ro đã được ghi nhận ở thị trường khác không có nghĩa rủi ro đó đã được đo lường ở Việt Nam.

5. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

5.1. Thực trạng ứng dụng nền tảng số trong đánh giá và tư vấn nghề nghiệp

a) Từ cung cấp thông tin đến đánh giá hồ sơ nghề nghiệp

Hệ sinh thái hướng nghiệp số hiện nay bao gồm nhiều loại nền tảng: nhóm cung cấp thông tin về ngành đào tạo, chương trình học và cơ hội tuyển dụng; nhóm hỗ trợ đánh giá sở thích, tính cách hoặc năng lực thông qua bảng hỏi trực tuyến; và nhóm sử dụng thuật toán để ghép nối hồ sơ cá nhân với ngành học, nhóm nghề hoặc vị trí việc làm.

Tại Việt Nam, các cổng tuyển dụng như TopCV, VietnamWorks góp phần mở rộng khả năng tìm hiểu ngành nghề, nhưng cần phân biệt rõ nền tảng cung cấp thông tin tuyển dụng với hệ thống tư vấn hướng nghiệp chuyên nghiệp. Nếu mọi công cụ trực tuyến đều được gọi chung là AI hướng nghiệp, nghiên cứu sẽ phóng đại mức độ ứng dụng công nghệ và làm mờ những khác biệt về chức năng.

Các công cụ trắc nghiệm số nhanh, chuẩn hóa và hữu ích với cơ sở giáo dục đông người học nhưng ít nguồn lực tư vấn. Dẫu vậy, một bài trắc nghiệm cần được xem xét trên cơ sở độ tin cậy, giá trị cấu trúc, tính ổn định và sự phù hợp văn hóa; việc dịch thuật câu hỏi từ một bộ công cụ quốc tế không đủ để bảo đảm giá trị đo lường trong môi trường Việt Nam. Ngoài ra, độ chính xác của phép đo không đồng nghĩa với độ chính xác của khuyến nghị.

b) Sự hình thành hồ sơ hướng nghiệp số

Khi các nền tảng đánh giá, hệ thống tuyển sinh và dữ liệu học tập được kết nối, một hồ sơ hướng nghiệp số có thể hình thành từ nhiều nguồn: thông tin cơ bản, kết quả học tập, sở thích, kỹ năng tự đánh giá, mục tiêu nghề nghiệp, lịch sử sử dụng dịch vụ và các kết quả suy luận từ thuật toán. Việc tích hợp này giúp theo dõi sự phát triển của người học qua nhiều giai đoạn.

Tuy nhiên, hồ sơ hướng nghiệp cũng có thể tạo ra một dạng bất cân xứng thông tin mới. Người sử dụng có thể biết mình đã trả lời câu hỏi nào nhưng không biết hệ thống đã suy luận thêm những đặc điểm gì từ lịch sử tương tác hoặc kết quả học tập. Do vậy, hồ sơ hướng nghiệp số cần được thiết kế theo nguyên tắc có thể cập nhật, có thể giải thích và có thể phản biện; người học phải được phân biệt giữa thông tin do mình cung cấp, thông tin được thu thập từ nguồn khác và nhận định do thuật toán suy luận. Việc sử dụng hồ sơ cho quảng cáo, tuyển sinh hoặc mục đích thương mại cũng cần được tách biệt với hoạt động tư vấn giáo dục.

5.2. AI tạo sinh và khả năng cá nhân hóa hoạt động tư vấn

a) Chatbot hướng nghiệp và mô hình RAG

Trong môi trường giáo dục, chatbot có thể được tích hợp với dữ liệu tuyển sinh, chương trình đào tạo, học phí, điều kiện xét tuyển và thông tin về cơ hội việc làm. Tuy nhiên, hoạt động này chủ yếu thuộc phạm vi hỗ trợ thông tin học vụ và tuyển sinh; không nên mặc nhiên xem đó là tư vấn hướng nghiệp chuyên sâu. Câu hỏi nên chọn ngành nào đòi hỏi xem xét giá trị cá nhân, năng lực, điều kiện gia đình – những yếu tố mà AI chỉ có thể hỗ trợ khám phá, không nên tự kết luận thay người học.

Mô hình RAG có thể cải thiện khả năng cập nhật và kiểm chứng thông tin, nhưng hiệu quả phụ thuộc vào chất lượng quản trị tri thức. Nếu cơ sở dữ liệu chứa thông tin đã hết hiệu lực hoặc thiếu cập nhật, câu trả lời vẫn có thể sai dù hệ thống đã truy xuất được tài liệu. Vì vậy, một chatbot hướng nghiệp có trách nhiệm cần có cơ chế kiểm tra thời hạn tài liệu, ghi nhận nguồn, phân biệt dữ kiện với suy luận và từ chối đưa ra kết luận khi không đủ căn cứ; những câu hỏi có tác động lớn đến tương lai người học cần được chuyển tiếp đến chuyên gia.

b) Phân tích khoảng cách kỹ năng và xây dựng lộ trình nghề nghiệp

Một ứng dụng có triển vọng khác là phân tích khoảng cách kỹ năng (skill gap analysis): hệ thống đối chiếu kỹ năng hiện tại của người học với yêu cầu của một nhóm nghề, xác định những năng lực cần phát triển và đề xuất chương trình học phù hợp. Tuy nhiên, phân tích khoảng cách kỹ năng chỉ có giá trị khi tiêu chuẩn nghề nghiệp được cập nhật và phản ánh sự khác biệt giữa các vị trí công việc, quy mô doanh nghiệp và vùng kinh tế. Ngoài ra, thuật toán thường ưu tiên những kỹ năng có thể đo lường; các năng lực như sáng tạo, trách nhiệm, khả năng hợp tác, đạo đức nghề nghiệp và năng lực giải quyết vấn đề trong điều kiện bất định khó được phản ánh đầy đủ qua dữ liệu tuyển dụng. Do đó, phân tích khoảng cách kỹ năng cần được kết hợp với trao đổi tư vấn, hoạt động trải nghiệm và đánh giá năng lực trong môi trường thực tế; AI có thể chỉ ra những khoảng cách đáng chú ý, nhưng chuyên gia và người học cần cùng xác định khoảng cách nào thực sự cần ưu tiên.

5.3. Cơ sở dữ liệu nghề nghiệp mở và khả năng kết nối thị trường lao động

*a) Kinh nghiệm từ mô hình O*NET*

O*NET là một ví dụ tiêu biểu về hạ tầng dữ liệu nghề nghiệp được chuẩn hóa. Cơ sở dữ liệu do National Center for O*NET Development duy trì cung cấp thông tin về đặc điểm công việc, nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp, kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết; dữ liệu có thể được khai thác dưới nhiều định dạng và thông qua dịch vụ web, tạo điều kiện tích hợp vào những ứng dụng phân tích và tư vấn [12]. Tuy nhiên, O*NET được xây dựng trên cơ sở thị trường lao động Hoa Kỳ. Nếu

sử dụng trực tiếp trong tư vấn tại Việt Nam, hệ thống có thể đưa ra những so sánh thiếu phù hợp về yêu cầu bằng cấp, mức lương, điều kiện hành nghề và cơ hội tuyển dụng. Vấn đề đặt ra không phải là sử dụng hay không sử dụng O*NET, mà là cách nội địa hóa dữ liệu: xây dựng hệ thống ánh xạ giữa mã nghề quốc tế với danh mục nghề nghiệp trong nước, bổ sung thông tin từ doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý lao động, đồng thời cập nhật định kỳ.

b) Hướng phát triển dữ liệu thị trường lao động tại Việt Nam

Tại Việt Nam, Nghị định số 318/2025/NĐ-CP ngày 12/12/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 [13]. Đối với hướng nghiệp, nếu được chuẩn hóa và kết nối hợp lý với dữ liệu giáo dục, hệ thống có thể hỗ trợ cơ sở đào tạo điều chỉnh chương trình, giúp chuyên gia tư vấn cung cấp thông tin có căn cứ hơn và giúp người học nhận diện những lựa chọn nghề nghiệp có triển vọng.

Dẫu vậy, khả năng kết nối dữ liệu không đồng nghĩa với quyền được truy cập và sử dụng dữ liệu cá nhân. Ngoài ra, nhóm lao động phi chính thức và những nghề ít hiện diện trên môi trường số có thể bị phản ánh chưa đầy đủ; vì vậy, dữ liệu nghề nghiệp cần được xây dựng theo hướng đa nguồn, kết hợp thống kê chính thức, thông tin tuyển dụng, khảo sát doanh nghiệp, dữ liệu giáo dục nghề nghiệp và thông tin từ các tổ chức chuyên môn, đi cùng kiểm định tính đại diện, độ mới và khả năng so sánh giữa các địa phương.

5.4. Những rủi ro pháp lý và đạo đức trong ứng dụng AI vào tư vấn hướng nghiệp

a) Quyền riêng tư và nguy cơ khai thác quá mức dữ liệu cá nhân

Hồ sơ hướng nghiệp số không chỉ chứa những thông tin do cá nhân trực tiếp cung cấp mà còn có thể bao gồm các nhận định được hệ thống suy luận từ hành vi và dữ liệu tương tác, như giả định về sở thích, mức độ tự tin, xu hướng lựa chọn hoặc khả năng phù hợp với một nhóm nghề. Ngay cả khi dữ liệu ban đầu không thuộc nhóm dữ liệu nhạy cảm theo cách phân loại pháp luật, việc kết hợp và phân tích dữ liệu vẫn có thể tạo ra rủi ro đáng kể đối với quyền riêng tư.

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, được Quốc hội thông qua ngày 26/6/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, thiết lập khuôn khổ pháp lý quan trọng đối với việc xử lý dữ liệu cá nhân tại Việt Nam, xác lập các quyền cơ bản của chủ thể dữ liệu, trong đó có quyền được biết, quyền đồng ý, quyền truy cập, chỉnh sửa và yêu cầu xóa dữ liệu theo các điều kiện luật định [14]. Trong hướng nghiệp, các quyền này cần được chuyển hóa thành quy trình cụ thể, tách biệt sự đồng ý cho tư vấn với sự đồng ý cho mục đích thương mại và áp dụng nguyên tắc thu thập dữ liệu tối thiểu.

Đối với học sinh chưa thành niên, yêu cầu bảo vệ cần cao hơn; hướng dẫn của UNICEF về AI lấy trẻ em làm trung tâm nhấn mạnh các yêu cầu về quyền riêng tư, không phân biệt đối xử, minh bạch, trách nhiệm giải trình và lợi ích tốt nhất của trẻ em [15].

b) Thành kiến thuật toán và nguy cơ tái tạo bất bình đẳng xã hội

Thuật toán học máy thường được huấn luyện trên dữ liệu lịch sử. Nếu dữ liệu đó phản ánh sự phân biệt về giới tính, điều kiện kinh tế, vùng miền hoặc cơ hội tiếp cận giáo dục, hệ thống có thể học được những mối liên hệ mang tính định kiến và sử dụng chúng trong quá trình khuyến nghị.

Nghiên cứu của Zhang và Kuhn (2024) về kiểm toán thuật toán gợi ý việc làm trên bốn nền

tảng tuyển dụng lớn tại Trung Quốc cung cấp một minh chứng đáng chú ý: với những hồ sơ ứng viên giống nhau nhưng khác giới tính, hồ sơ nữ giới có xu hướng nhận các gợi ý việc làm với mức lương thấp hơn và nội dung mô tả mang tính khuôn mẫu giới nhiều hơn [16]. Đặt vào hoạt động hướng nghiệp, nếu một nữ sinh thường xuyên được gợi ý các ngành nghề chăm sóc hoặc dịch vụ, trong khi nam sinh được giới thiệu nhiều hơn về kỹ thuật và công nghệ, thuật toán có thể góp phần duy trì sự phân tầng nghề nghiệp theo giới tính ngay cả khi không được lập trình với mục đích phân biệt.

Bất bình đẳng còn có thể xuất hiện theo vùng miền và điều kiện kinh tế, biến bất bình đẳng cơ hội trong quá khứ thành giới hạn cho tương lai. Nghiên cứu của Baker và Hawn cũng cho thấy thành kiến thuật toán trong giáo dục có thể xuất hiện ở nhiều giai đoạn của vòng đời hệ thống, từ xác định vấn đề, lựa chọn dữ liệu, xây dựng mô hình đến triển khai và đánh giá [17]. Vì vậy, cần kiểm tra cả cách hình thành dữ liệu, biến đại diện, mục tiêu tối ưu hóa và hệ quả phân phối của các khuyến nghị.

c) Thiên kiến tự động hóa và sự suy giảm quyền tự quyết nghề nghiệp

Thiên kiến tự động hóa (automation bias) là xu hướng con người tin tưởng quá mức vào kết quả do hệ thống tự động đưa ra, đặc biệt khi kết quả được trình bày dưới hình thức có vẻ khách quan. Một khuyến nghị như "ngành nghề A phù hợp 92%" có thể tạo cảm giác chính xác, mặc dù con số này chỉ phản ánh điểm tương đồng giữa hồ sơ trả lời và một nhóm tiêu chí theo mô hình nội bộ, không phải xác suất thành công nghề nghiệp.

Nguy cơ lớn hơn là người học chuyển từ chủ thể khám phá bản thân thành người tiếp nhận khuyến nghị. Theo Career Construction Theory, bản sắc nghề nghiệp được hình thành thông qua quá trình cá nhân diễn giải trải nghiệm và chủ động kiến tạo ý nghĩa [5]; nếu AI cung cấp một kết luận đóng thay vì tạo điều kiện cho quá trình khám phá, hệ thống có thể đi ngược lại mục tiêu giáo dục của hướng nghiệp. Vì vậy, chỉ số thành công của chatbot không nên được đo bằng tỷ lệ người dùng chấp nhận khuyến nghị, mà ở việc giúp người học hiểu vì sao một nghề được gợi ý, những yếu tố nào còn chưa được xem xét và phương án thay thế là gì.

d) Thiếu minh bạch và khoảng trống trách nhiệm giải trình

Khi một hệ thống AI đưa ra khuyến nghị sai, việc xác định trách nhiệm có thể trở nên phức tạp do quá trình xử lý liên quan đến nhiều chủ thể: nhà cung cấp mô hình, đơn vị tích hợp, cơ sở giáo dục, chuyên gia tư vấn và người quản lý dữ liệu. Minh bạch thuật toán không nhất thiết đòi hỏi công khai toàn bộ mã nguồn hoặc bí mật thương mại; điều cần thiết là người học nhận được thông tin đủ để hiểu cơ sở của khuyến nghị và có khả năng yêu cầu xem xét lại. OECD nhấn mạnh các yêu cầu về minh bạch, khả năng giải thích, khả năng phản biện kết quả bất lợi và trách nhiệm giải trình trong suốt vòng đời AI [11]. Đối với dịch vụ hướng nghiệp, thông tin có ý nghĩa là: dữ liệu nào được sử dụng, những yếu tố nào ảnh hưởng đến kết quả, mức độ chắc chắn của khuyến nghị, những giới hạn cần lưu ý và cách yêu cầu con người đánh giá lại.

đ) Rủi ro từ việc phụ thuộc vào nhà cung cấp và hạ tầng công nghệ

Dịch vụ đám mây giảm chi phí ban đầu nhưng nhà trường có thể phụ thuộc vào nhà cung cấp về giá dịch vụ, giới hạn sử dụng, chính sách lưu trữ và điều kiện xử lý dữ liệu. Triển khai mô hình

riêng giúp tăng quyền kiểm soát, nhưng đòi hỏi nhân lực kỹ thuật, hạ tầng tính toán, bảo trì và kinh phí thường xuyên – một rào cản không nhỏ đối với nhiều cơ sở giáo dục công lập. Nếu không có chính sách hỗ trợ hạ tầng và chia sẻ tài nguyên, chuyển đổi số hướng nghiệp có nguy cơ mở rộng chênh lệch chất lượng dịch vụ giữa các trường thay vì thu hẹp khoảng cách tiếp cận.

5.5. Đánh giá tổng hợp về thực trạng ứng dụng AI trong tư vấn hướng nghiệp

Từ các nhóm kết quả trên, có thể phân biệt ba cấp độ trưởng thành của hệ sinh thái hướng nghiệp số (Bảng 1).

Bảng 1

Các cấp độ trưởng thành của hệ sinh thái hướng nghiệp số

Cấp độ	Đặc điểm	Giá trị chính	Giới hạn
Cấp độ 1: Số hóa thông tin	Cổng thông tin, trắc nghiệm trực tuyến, tra cứu nghề nghiệp	Mở rộng tiếp cận	Thiếu cá nhân hóa sâu
Cấp độ 2: Phân tích và khuyến nghị	Học máy, ghép nối kỹ năng, dự báo	Hỗ trợ ra quyết định	Nguy cơ thành kiến, khó giải thích
Cấp độ 3: Tư vấn tương tác	LLM, RAG, tác tử AI kết hợp dữ liệu	Đối thoại và hỗ trợ theo ngữ cảnh	Ảo giác, quyền riêng tư, lệ thuộc công nghệ

Việc phân chia này mang tính phân tích, không phải kết quả đo lường. Sự phát triển từ cấp độ này sang cấp độ khác không tự động làm tăng chất lượng giáo dục: một nền tảng có chatbot hiện đại nhưng sử dụng dữ liệu không đáng tin cậy hoặc thiếu cơ chế bảo vệ người học có thể gây ra rủi ro lớn hơn một hệ thống tra cứu đơn giản, được quản lý tốt. Vì thế, cần chuyển trọng tâm từ câu hỏi "cơ sở giáo dục đang sử dụng công nghệ gì?" sang câu hỏi "công nghệ được sử dụng để hỗ trợ quyết định nào, dựa trên dữ liệu nào và dưới cơ chế trách nhiệm nào?".

6. THẢO LUẬN

6.1. Hiệu quả công nghệ không đồng nhất với chất lượng tư vấn hướng nghiệp

Một hệ thống chỉ có thể cá nhân hóa trong giới hạn của những yếu tố đã được thu thập và mô hình hóa. Hai học sinh có cùng kết quả trắc nghiệm nhưng điều kiện tài chính, gia đình khác nhau có thể nhận cùng một khuyến nghị, dù phương án khả thi với từng em không giống nhau. Điều này cho thấy cá nhân hóa dữ liệu không đồng nghĩa với thấu hiểu cá nhân. Giá trị của công nghệ nằm ở khả năng làm giàu quá trình tư vấn chứ không phải thay thế toàn bộ hoạt động phán đoán chuyên môn.

6.2. Mâu thuẫn giữa tối ưu hóa khuyến nghị và quyền tự quyết nghề nghiệp

Quyết định nghề nghiệp không phải bài toán tối ưu hóa đơn giản chỉ có một phương án tốt nhất. Do đó, hệ thống hướng nghiệp không nên chỉ trả về một nghề nghiệp được xếp hạng cao nhất, mà nên trình bày một tập hợp phương án có căn cứ, giải thích ưu điểm và hạn chế của từng lựa chọn theo các tiêu chí như mức độ phù hợp với sở thích, thời gian đào tạo, chi phí, nhu cầu tuyển dụng và khả năng phát triển lâu dài, đồng thời cho phép người học thay đổi trọng số của những tiêu chí quan trọng đối với mình. Cách thiết kế này chuyển AI từ công cụ đưa ra phán quyết sang công cụ

hỗ trợ suy nghĩ.

6.3. Tư vấn kết hợp là phương án phù hợp hơn thay thế hoàn toàn chuyên gia

Các kết quả tổng quan của Sarmurzin và cộng sự (2026) cho thấy sự cần thiết của mô hình hỗ trợ kết hợp giữa AI và chuyên gia tư vấn [8]. Mô hình kết hợp cần phân định rõ phạm vi trách nhiệm: AI thực hiện sàng lọc thông tin, chuẩn bị hồ sơ ban đầu và gợi ý câu hỏi tự đánh giá; chuyên gia kiểm tra những nhận định quan trọng và hỗ trợ ra quyết định; người học giữ quyền lựa chọn cuối cùng, có quyền từ chối khuyến nghị hoặc yêu cầu đánh giá lại. Đối với những trường hợp có dấu hiệu khó khăn tâm lý, xung đột gia đình nghiêm trọng hoặc lựa chọn có ảnh hưởng lớn đến điều kiện sống, hệ thống cần chuyển tiếp đến con người; cơ chế chuyển tiếp là một thành phần cần thiết của thiết kế có trách nhiệm.

6.4. Quản trị dữ liệu phải được xem là điều kiện cấu thành của dịch vụ

Đối với hướng nghiệp số, dữ liệu cá nhân chính là nguyên liệu của quá trình tư vấn, nên bảo vệ dữ liệu không thể là yêu cầu bổ sung sau khi hệ thống đã hoàn thiện. Tổ chức giáo dục cần xác định rõ mục đích thu thập, loại dữ liệu tối thiểu, thời hạn lưu trữ, quyền truy cập, cơ chế chia sẻ và quy trình xử lý yêu cầu của chủ thể dữ liệu. Việc thuê một dịch vụ AI bên ngoài không làm mất đi nghĩa vụ quản lý dữ liệu của tổ chức sử dụng dịch vụ; hợp đồng cần quy định cụ thể quyền sở hữu và kiểm soát dữ liệu, việc sử dụng dữ liệu để huấn luyện mô hình, trách nhiệm khi xảy ra sự cố và phương án chuyển đổi nhà cung cấp.

6.5. Đặc thù Việt Nam và yêu cầu nội địa hóa hệ sinh thái hướng nghiệp số

Trước hết, hệ thống nghề nghiệp Việt Nam có sự khác biệt đáng kể giữa các vùng kinh tế; một nghề có nhu cầu cao ở đô thị công nghiệp có thể không tạo ra cùng cơ hội việc làm tại khu vực miền núi hoặc nông thôn, vì vậy dữ liệu nghề nghiệp cần phản ánh yếu tố địa lý, cơ cấu kinh tế và điều kiện tiếp cận đào tạo. Thứ hai, hướng nghiệp tại Việt Nam không chỉ liên quan đến lựa chọn ngành học mà còn gắn với sự phân luồng giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học [18]. Một hệ thống khuyến nghị chỉ tập trung vào ngành đại học có thể vô tình tạo ra thiên lệch về giá trị, khiến người học đánh giá thấp những lộ trình đào tạo nghề có triển vọng phù hợp với năng lực và điều kiện của mình. Thứ ba, năng lực số của người học và cán bộ tư vấn không đồng đều, nên cần chú trọng khả năng kiểm chứng nguồn, nhận diện giới hạn thuật toán và đưa ra quyết định độc lập.

7. LÝ LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

7.1. Đề xuất khung hướng nghiệp số lấy con người làm trung tâm

Từ kết quả tổng hợp, nghiên cứu đề xuất khung hướng nghiệp số lấy con người làm trung tâm (Human-Centred Digital Career Guidance Framework). Khung này được xây dựng trên nhận định rằng chất lượng hướng nghiệp số phụ thuộc vào sự tương tác giữa bốn thành tố: cá nhân và bản sắc nghề nghiệp; công nghệ AI; chuyên gia tư vấn; và hệ sinh thái dữ liệu thị trường lao động. Các thành tố không hoạt động độc lập mà tạo thành một hệ thống hỗ trợ ra quyết định, hướng tới ba kết quả: năng lực tự định hướng, quyết định có căn cứ và thích ứng nghề nghiệp bền vững. Khung đặt người học, chứ không phải hồ sơ dữ liệu, ở vị trí trung tâm.

7.2. Mở rộng khái niệm chất lượng hướng nghiệp số

Nghiên cứu đề xuất đánh giá chất lượng hướng nghiệp số trên ba chiều cạnh: (1) hiệu quả giáo dục, thể hiện ở khả năng giúp người học nhận diện sở thích, hiểu yêu cầu nghề nghiệp, xác định khoảng cách kỹ năng và phát triển năng lực thích ứng; (2) công bằng và quyền tự quyết, thể hiện ở khả năng tiếp cận dịch vụ của các nhóm khác nhau, mức độ hạn chế thành kiến và quyền phản biện khuyến nghị thuật toán; (3) trách nhiệm quản trị, thể hiện ở việc tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu, minh bạch quy trình xử lý và duy trì trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ. Ba chiều cạnh này cần được đánh giá đồng thời.

7.3. Tái xác lập vai trò của chuyên gia trong môi trường AI

Sự xuất hiện của AI không làm giảm nhu cầu về chuyên gia tư vấn mà làm thay đổi yêu cầu năng lực nghề nghiệp của họ. Chuyên gia cần hiểu cách hoạt động, khả năng và giới hạn của các công cụ số và mô hình ngôn ngữ, cách diễn giải dữ liệu nghề nghiệp và những rủi ro phát sinh từ thuật toán; đồng thời giúp người học phân biệt giữa thông tin có căn cứ và nội dung do mô hình suy diễn, giữa một kết quả trắc nghiệm và một quyết định nghề nghiệp. Chuyên gia tư vấn chuyển từ vai trò chủ yếu cung cấp thông tin sang vai trò điều phối quá trình khám phá, đánh giá và phản biện.

8. THỰC TIỄN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

8.1. Phát triển mô hình tư vấn hướng nghiệp kết hợp AI – chuyên gia – người học

Mô hình tư vấn kết hợp cần được triển khai theo nguyên tắc phân công chức năng rõ ràng giữa AI, chuyên gia và người học. Quy trình tư vấn kết hợp được đề xuất gồm sáu bước:

1. Tiếp nhận nhu cầu và xác lập mục tiêu: người học cung cấp thông tin cần thiết, xác định vấn đề muốn tìm hiểu và được thông báo về cách thức xử lý dữ liệu.
2. Đánh giá và phân tích sơ bộ bằng AI: hệ thống hỗ trợ khảo sát sở thích, nhận diện kỹ năng, tra cứu thông tin nghề nghiệp và xác định những vấn đề cần trao đổi sâu hơn.
3. Đối thoại với chuyên gia tư vấn: chuyên gia kiểm chứng thông tin, khai thác yếu tố cá nhân, phân tích những mâu thuẫn trong lựa chọn và phản biện kết quả do AI đề xuất.
4. Xây dựng các phương án nghề nghiệp: AI và chuyên gia hỗ trợ so sánh nhiều lựa chọn theo năng lực, sở thích, giá trị cá nhân, điều kiện học tập và triển vọng nghề nghiệp.
5. Người học tự quyết định và xây dựng kế hoạch: lựa chọn phương án phù hợp, xác lập mục tiêu học tập và xác định những kỹ năng cần phát triển.
6. Theo dõi và điều chỉnh: hồ sơ được cập nhật theo nhu cầu, kết quả trải nghiệm và những thay đổi trong mục tiêu nghề nghiệp; người học có quyền kiểm soát dữ liệu theo quy định.

Điều quan trọng là không biến mô hình kết hợp thành một quy trình trong đó AI đưa ra kết quả trước rồi chuyên gia chỉ xác nhận lại. Giám sát con người phải bao gồm quyền yêu cầu hệ thống cung cấp căn cứ, quyền bác bỏ kết quả và khả năng can thiệp khi nhận diện nguy cơ gây bất lợi cho người học. Những hoạt động đánh giá tâm lý, tư vấn lựa chọn có tác động lớn hoặc tình huống nhạy cảm cần có sự tham gia trực tiếp của chuyên gia; không nên để thuật toán tự động loại trừ người học khỏi một lựa chọn.

8.2. Xây dựng hướng dẫn chuyên ngành về xử lý dữ liệu hướng nghiệp

Việc ban hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 tạo cơ sở quan trọng để quản lý hoạt động xử lý dữ liệu trong môi trường giáo dục và tư vấn nghề nghiệp [14]. Tuy nhiên, những đặc thù của hồ sơ hướng nghiệp đòi hỏi hướng dẫn triển khai cụ thể:

- Chính thức hóa khái niệm hồ sơ hướng nghiệp số, gồm cả dữ liệu cá nhân, học tập, sở thích, kỹ năng và các kết quả suy luận.
- Quy định danh mục dữ liệu tối thiểu theo mục đích tư vấn; những dữ liệu có khả năng tiết lộ thông tin nhạy cảm cần được xem xét riêng về căn cứ và điều kiện xử lý.
- Thiết kế cơ chế đồng ý theo từng mục đích, phân tách bằng ngôn ngữ dễ hiểu, tránh đồng ý gộp cho quảng cáo, tiếp thị hoặc chia sẻ hồ sơ với doanh nghiệp.
- Xây dựng cơ chế không theo dõi (Do Not Track) hoặc tương đương, cho phép người học hạn chế việc thu thập lịch sử hành vi không cần thiết và từ chối phân tích phục vụ quảng cáo, thương mại hóa dữ liệu.
- Xác định thời hạn lưu trữ và điều kiện xóa dữ liệu; hồ sơ của học sinh sau khi hoàn thành một giai đoạn học tập không nên mặc nhiên được duy trì vô thời hạn.

8.3. Tăng cường minh bạch thuật toán và kiểm định công bằng

Có thể áp dụng các nguyên tắc của AI có thể giải thích (Explainable AI – XAI) để giải thích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả. Chẳng hạn, khi hệ thống đề xuất nhóm ngành công nghệ thông tin, người học cần biết khuyến nghị đó dựa trên sở thích tự khai báo, kết quả đánh giá kỹ năng, yêu cầu nghề nghiệp hay dữ liệu tuyển dụng; một lời giải thích hữu ích còn cần cho phép người học hiểu kết quả sẽ thay đổi như thế nào khi các giả định hoặc dữ liệu đầu vào thay đổi. Bên cạnh đó, cần kiểm định thuật toán định kỳ – trước khi triển khai, trong quá trình vận hành và khi có thay đổi lớn về dữ liệu hoặc mô hình – với các tiêu chí gồm sự khác biệt trong khuyến nghị giữa các nhóm giới tính, vùng miền và điều kiện kinh tế; mức độ sai lệch của dự báo; khả năng tiếp cận của người khuyết tật; và tỷ lệ khuyến nghị thiếu căn cứ. Không nên sử dụng độ chính xác tổng thể làm chỉ số duy nhất.

8.4. Nâng cao năng lực số và năng lực tư vấn trong môi trường AI

Đối với chuyên gia tư vấn, chương trình bồi dưỡng cần bao gồm kiến thức cơ bản về LLM, RAG, thuật toán khuyến nghị, dữ liệu tâm trắc và bảo vệ dữ liệu cá nhân; chuyên gia cần biết kiểm tra nguồn thông tin, nhận diện nội dung do mô hình suy diễn và xử lý tình huống người học phụ thuộc quá mức vào chatbot. Đối với học sinh và sinh viên, giáo dục năng lực AI cần gắn với quá trình ra quyết định nghề nghiệp: cách đặt câu hỏi, so sánh nhiều nguồn thông tin, phân biệt dự báo với sự thật, nhận diện thiên kiến và bảo vệ thông tin cá nhân. Cán bộ quản lý cần năng lực thẩm định nhà cung cấp, đánh giá rủi ro dữ liệu và xây dựng quy chế sử dụng AI.

8.5. Phát triển hạ tầng dữ liệu nghề nghiệp mở và có khả năng nội địa hóa

Việt Nam cần hướng tới một hệ sinh thái dữ liệu nghề nghiệp có cấu trúc chuẩn hóa, có thể liên thông và được cập nhật định kỳ; kinh nghiệm từ O*NET có thể được tham khảo trong việc mô tả nghề nghiệp theo nhiệm vụ, kỹ năng, kiến thức và điều kiện làm việc [12]. Việc ánh xạ nghề nghiệp cần có sự tham gia của cơ quan quản lý, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục

nghề nghiệp và các tổ chức chuyên môn. Việc chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ nguyên tắc phân quyền: dữ liệu nghề nghiệp tổng hợp và dữ liệu cá nhân cần được quản lý theo những cơ chế khác nhau; không nên vì mục tiêu liên thông mà hình thành một cơ sở dữ liệu tập trung chứa toàn bộ thông tin cá nhân của người học nếu chưa có căn cứ pháp lý và yêu cầu nghiệp vụ thực sự cần thiết.

8.6. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công nghệ hướng nghiệp

Nếu dịch vụ tư vấn số chỉ được triển khai trên nền tảng yêu cầu thiết bị hiện đại, kết nối Internet ổn định và kỹ năng số cao, nhóm người học khó khăn có thể tiếp tục bị bỏ lại phía sau. Các cơ sở giáo dục cần duy trì nhiều kênh tiếp cận, bao gồm tư vấn trực tiếp, nền tảng trực tuyến, tài liệu ngoại tuyến và hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp tại cộng đồng; AI nên bổ sung cho những hình thức này, không trở thành điều kiện bắt buộc để được tiếp cận dịch vụ. Vùng có hạ tầng hạn chế cần ưu tiên giải pháp nhẹ, dùng được trên thiết bị phổ thông.

8.7. Lộ trình triển khai chính sách

Nghiên cứu đề xuất ba giai đoạn triển khai nhằm tránh tình trạng đầu tư công nghệ trước khi hoàn thiện cơ chế quản trị (Bảng 2).

Bảng 2

Lộ trình triển khai chính sách hướng nghiệp số

Giai đoạn	Trọng tâm	Kết quả cần đạt
Ngắn hạn	Ban hành hướng dẫn, kiểm kê dữ liệu, đánh giá rủi ro, thí điểm chatbot thông tin	Quy trình quản trị và bảo vệ dữ liệu cơ bản
Trung hạn	Kết nối dữ liệu nghề nghiệp, đào tạo chuyên gia, kiểm định thuật toán	Mô hình tư vấn kết hợp tại các cơ sở giáo dục
Dài hạn	Phát triển hạ tầng mở, đánh giá tác động dài hạn, hoàn thiện cơ chế giám sát	Hệ sinh thái hướng nghiệp số có khả năng liên thông và phát triển bền vững

Việc triển khai cần gắn với các chỉ số đánh giá cụ thể. Ngoài số lượng người sử dụng và mức độ hài lòng, cần đo lường khả năng tự ra quyết định, mức độ hiểu biết về nghề nghiệp, sự công bằng trong tiếp cận và tỷ lệ sự cố liên quan đến dữ liệu, theo dõi qua thời gian để xác định công nghệ thực sự cải thiện chất lượng hướng nghiệp hay chỉ làm thay đổi phương thức cung cấp dịch vụ.

9. KẾT LUẬN

AI và công nghệ số đang mở ra một phương thức tổ chức mới cho hoạt động tư vấn hướng nghiệp, theo hướng tích hợp dữ liệu, phân tích dự báo và tương tác bằng ngôn ngữ tự nhiên. Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy hiệu quả công nghệ không thể được đồng nhất với chất lượng giáo dục. Hồ sơ hướng nghiệp số làm phát sinh rủi ro về quyền riêng tư, thành kiến thuật toán và trách nhiệm giải trình; những khuyến nghị được trình bày dưới hình thức định lượng và có vẻ khách quan có thể khiến người học lệ thuộc vào kết quả tự động, làm suy giảm khả năng chủ động khám phá và

kiến tạo bản sắc nghề nghiệp.

Đối với Việt Nam, yêu cầu đặt ra không chỉ là mở rộng ứng dụng AI mà còn phải xây dựng năng lực quản trị tương ứng. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 và các quy định về hệ thống thông tin thị trường lao động tạo cơ sở quan trọng để hoàn thiện môi trường pháp lý; cần tiếp tục cụ thể hóa những yêu cầu này thành hướng dẫn chuyên ngành về hồ sơ hướng nghiệp số, cơ chế đồng ý theo mục đích, giới hạn thu thập dữ liệu, kiểm định thuật toán và trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ.

Đóng góp lý luận của nghiên cứu là đề xuất khung hướng nghiệp số lấy con người làm trung tâm, trong đó quyền tự quyết nghề nghiệp được đặt ở vị trí trung tâm của mối quan hệ giữa AI, chuyên gia tư vấn và hệ sinh thái dữ liệu. Đóng góp thực tiễn nằm ở mô hình tư vấn kết hợp và các định hướng quản trị, chính sách.

Quan điểm xuyên suốt của bài viết là công nghệ cần mở rộng chứ không thu hẹp tương lai nghề nghiệp của người học. AI có thể hỗ trợ cá nhân nhìn thấy nhiều phương án hơn, nhưng quyền quyết định lựa chọn con đường nào, theo đuổi giá trị nào và xây dựng cuộc sống nghề nghiệp ra sao vẫn phải thuộc về chính cá nhân. Đây là điều kiện nền tảng để hướng nghiệp số phát triển theo hướng có trách nhiệm, công bằng và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Economic Forum (2025). *The future of jobs report 2025*. https://www.weforum.org/publications/the-future-of-jobs-report-2025/
2. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
3. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
4. Super, D. E. (1980). A life-span, life-space approach to career development. *Journal of Vocational Behavior, 16*(3), 282–298.
5. Savickas, M. L. (2005). The theory and practice of career construction. In S. D. Brown & R. W. Lent (Eds.), *Career development and counseling: Putting theory and research to work* (pp. 42–70). John Wiley & Sons.
6. Lahoud, C., Moussa, S., Obeid, C., El Khoury, H., & Champin, P.-A. (2023). A comparative analysis of different recommender systems for university major and career domain guidance. *Education and Information Technologies, 28*, 8733–8759. https://doi.org/10.1007/s10639-022-11541-3
7. Manganello, F., Rasca, E., Villa, A., Maddalena, A., & Boccuzzi, G. (2025). Machine learning for post-diploma educational and career guidance: A scoping review in AI-driven decision support systems. *Frontiers in Education, 10*, Article 1578979. https://doi.org/10.3389/feduc.2025.1578979
8. Sarmurzin, Y., Azhenov, A., Kudysheva, A., Ualikhanova, B., Saparbekova, I., & Besbayev, A. (2026). Implementation of AI in career counselling for university students: A systematic review. *Frontiers in Education, 11*, Article 1787689. https://doi.org/10.3389/feduc.2026.1787689
9. Taveira, M. do C., & Silva, A. D. (2026). Applications of artificial intelligence in career guidance and counseling: A systematic review. *European Psychologist, 31*(3), 231–240. https://doi.org/10.1027/1016-9040/a000592
10. UNESCO (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. https://doi.org/10.54675/EWZM9535
11. OECD (2024). *Recommendation of the Council on Artificial Intelligence* (OECD/LEGAL/0449). https://legalinstruments.oecd.org/en/instruments/OECD-LEGAL-0449

12. National Center for O*NET Development (2026). *O*NET 31.0 database*. https://www.onetcenter.org/database.html
13. Chính phủ (2025). *Nghị định số 318/2025/NĐ-CP ngày 12/12/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động*. https://chinhphu.vn/?classid=1&docid=216184&pageid=27160&typegroupid=4
14. Quốc hội (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025*. https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=214590&pageid=27160
15. UNICEF (2025). *Guidance on AI and children: Version 3.0*. UNICEF Office of Global Insight and Policy.
16. Zhang, S., & Kuhn, P. J. (2024). *Measuring bias in job recommender systems: Auditing the algorithms* (NBER Working Paper No. 32889). National Bureau of Economic Research. https://doi.org/10.3386/w32889
17. Baker, R. S., & Hawn, A. (2022). Algorithmic bias in education. *International Journal of Artificial Intelligence in Education, 32*, 1052–1092. https://doi.org/10.1007/s40593-021-00285-9
18. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MÔN TIN HỌC TRONG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TIN HỌC

Dương Thị Xuân

Trường THCS&THPT Bình Sơn, tỉnh An Giang

Email: xuanbs1902@gmail.com

Tóm tắt: *Bài tham luận làm rõ vai trò của môn Tin học trong giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh THPT. Thông qua hoạt động dạy học, môn Tin học góp phần hình thành năng lực số, kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và khai thác thông tin nghề nghiệp, giúp học sinh nhận diện sở thích và năng lực cá nhân. Bài viết đề xuất tích hợp nhiệm vụ hướng nghiệp vào môn Tin học, tổ chức dự án khám phá nghề nghiệp và xây dựng lộ trình học tập, hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có kiểm chứng, xây dựng kho dữ liệu nghề nghiệp số và tăng cường phối hợp giữa giáo viên, gia đình, cơ sở đào tạo. Các giải pháp được định hướng triển khai giai đoạn 2026–2030, có khả năng vận dụng tại các trường phổ thông tỉnh An Giang.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; môn Tin học; năng lực số; trí tuệ nhân tạo; lộ trình học tập*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học là nhiệm vụ có ý nghĩa đối với việc giúp người học lựa chọn con đường học tập, đào tạo và phát triển nghề nghiệp phù hợp [1]. Ở cấp trung học phổ thông (THPT), học sinh cần chuẩn bị cho quyết định sau khi tốt nghiệp: tiếp tục học ở cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tham gia các chương trình đào tạo khác hoặc lựa chọn lộ trình phù hợp với điều kiện và nguyện vọng của bản thân. Quyết định này cần được hình thành trên cơ sở thông tin đáng tin cậy, sự tự nhận thức và trao đổi với những người có trách nhiệm tư vấn, không nên chỉ dựa vào xu hướng nhất thời hoặc lời khuyên đơn lẻ.

Sự phát triển của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) mở rộng cách thức học sinh tiếp cận thông tin nghề nghiệp. Học sinh có thể tra cứu chương trình đào tạo, tìm hiểu yêu cầu công việc, so sánh các lựa chọn và tạo sản phẩm số để trình bày kết quả. Tuy nhiên, lượng thông tin lớn cũng đặt ra yêu cầu mới: học sinh phải biết đánh giá nguồn, kiểm tra tính cập nhật, nhận diện nội dung sai lệch và bảo vệ dữ liệu cá nhân. AI có thể tạo câu trả lời nhanh nhưng không bảo đảm mọi thông tin đều chính xác, đầy đủ hoặc phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng học sinh.

Môn Tin học có điều kiện thuận lợi để góp phần hình thành những năng lực này thông qua các hoạt động tìm kiếm, tổ chức, xử lý và trình bày thông tin; giải quyết vấn đề; thiết kế sản phẩm số; và sử dụng công nghệ có trách nhiệm [2]. Nếu được tổ chức có mục tiêu, các hoạt động học tập Tin học có thể gắn với việc khám phá nhiều lĩnh vực nghề nghiệp, chứ không chỉ giới hạn ở nghề công nghệ thông tin.

2. CƠ SỞ VÀ THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ

2.1. Vai trò của môn Tin học trong phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp

Năng lực định hướng nghề nghiệp không hình thành chỉ từ việc biết tên nghề hoặc nghe giới thiệu về một ngành học. Học sinh cần từng bước hiểu bản thân, tìm hiểu đặc điểm nghề, đối chiếu yêu cầu nghề nghiệp với năng lực và điều kiện cá nhân, cân nhắc lộ trình học tập, rồi điều chỉnh lựa chọn khi có thông tin mới [3]. Môn Tin học có thể hỗ trợ quá trình này bằng cách đưa các thao tác số vào nhiệm vụ học tập cụ thể.

Trước hết, học sinh có thể rèn kỹ năng tìm kiếm và đánh giá thông tin thông qua việc xác định câu hỏi, lựa chọn từ khóa, phân biệt nguồn chính thức với nội dung quảng bá hoặc chia sẻ chưa được kiểm chứng, ghi lại nguồn và ngày truy cập. Tiếp theo, học sinh có thể tổ chức dữ liệu về ngành học, cơ sở đào tạo, yêu cầu tuyển sinh, nội dung chương trình và cơ hội học tiếp trong bảng tính hoặc bảng so sánh. Các thao tác này vừa củng cố kỹ năng Tin học, vừa giúp học sinh có căn cứ để xem xét lựa chọn.

Bên cạnh đó, việc tạo infographic, bài trình chiếu, video hoặc hồ sơ nghề nghiệp số giúp học sinh tổng hợp và truyền đạt thông tin một cách có cấu trúc. Quá trình thực hiện sản phẩm tạo cơ hội để các em phân công nhiệm vụ, giải quyết vấn đề, trích dẫn nguồn, tôn trọng bản quyền và phản hồi lẫn nhau. Những biểu hiện đó có thể được dùng làm minh chứng cho quá trình học tập và tìm hiểu nghề, nhưng không nên được xem là bằng chứng duy nhất để kết luận học sinh phù hợp với một nghề cụ thể.

2.2. Khả năng ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Công nghệ số có thể hỗ trợ hoạt động hướng nghiệp theo ba hướng. Thứ nhất, các trang thông tin chính thức của cơ quan quản lý và cơ sở đào tạo cung cấp dữ liệu về chương trình học, điều kiện tuyển sinh và phương thức liên hệ. Thứ hai, các công cụ tạo nội dung số giúp học sinh trình bày kết quả tìm hiểu nghề dưới dạng dễ chia sẻ và cập nhật. Thứ ba, công cụ AI có thể gợi ý câu hỏi khám phá bản thân, đề xuất các khía cạnh cần tìm hiểu của một nghề, hỗ trợ tổ chức thông tin ban đầu hoặc xây dựng danh sách những điều cần xác minh.

Tuy nhiên, cần xác định ranh giới rõ ràng giữa hỗ trợ công nghệ và tư vấn hướng nghiệp. AI không có đủ căn cứ để tự đánh giá toàn diện tính cách, hoàn cảnh gia đình, sức khỏe, điều kiện kinh tế, năng lực thực tế hoặc nguyện vọng lâu dài của học sinh. Câu trả lời của AI có thể thiếu cập nhật, khái quát hóa hoặc đưa ra thông tin không có nguồn. Vì vậy, học sinh phải kiểm tra nội dung quan trọng bằng nguồn chính thức, ghi rõ phần chưa xác minh và trao đổi với giáo viên, cha mẹ hoặc đại diện cơ sở đào tạo khi cần.

Việc sử dụng công cụ số cần đi kèm nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng bản quyền và tuân thủ quy định của nhà trường. Không yêu cầu học sinh nhập thông tin định danh, hồ sơ cá nhân nhạy cảm hoặc dữ liệu của người khác vào công cụ AI khi chưa có căn cứ và biện pháp bảo vệ phù hợp.

3. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ MÔN TIN HỌC TRONG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH

3.1. Tích hợp nhiệm vụ hướng nghiệp vào hoạt động dạy học môn Tin học

Giải pháp thứ nhất là lựa chọn những bài học hoặc chủ đề Tin học có khả năng kết nối tự nhiên với việc tìm hiểu nghề nghiệp, bảo đảm không làm lệch yêu cầu cần đạt của môn học [2]. Giáo viên có thể thiết kế nhiệm vụ yêu cầu học sinh xác định vấn đề cần tìm hiểu, xây dựng bộ câu hỏi, tìm nguồn tin, kiểm chứng dữ liệu, tổ chức thông tin và trình bày kết quả.

Ví dụ, học sinh có thể xây dựng bảng so sánh một số nghề thuộc các lĩnh vực khác nhau. Bảng thông tin có thể gồm mô tả công việc, năng lực cần có, môi trường làm việc, lộ trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh và nguồn tham khảo. Học sinh cần ghi rõ nguồn, ngày truy cập và những nội dung chưa xác minh. Giáo viên đánh giá cả quy trình tìm kiếm, chất lượng thông tin, khả năng sử dụng công cụ và cách giải thích kết quả, không chỉ đánh giá hình thức sản phẩm.

Hoạt động nên được thiết kế linh hoạt theo thời lượng và điều kiện thiết bị. Khi không đủ máy tính cho từng học sinh, có thể tổ chức theo nhóm, phân công vai trò tìm kiếm, kiểm chứng, xử lý dữ liệu và trình bày. Cách làm này giúp tận dụng cơ sở vật chất hiện có và tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng hợp tác.

3.2. Tổ chức dự án học tập "Khám phá nghề nghiệp và xây dựng lộ trình học tập"

Dự án học tập là hình thức phù hợp để kết nối kiến thức Tin học với nhiệm vụ hướng nghiệp có ý nghĩa đối với học sinh. Dự án được đề xuất triển khai theo năm bước.

- Bước 1 – Khám phá bản thân: Học sinh tự phản ánh sở thích, môn học yêu thích, hoạt động đã tham gia, những việc mình làm tốt và kỹ năng muốn cải thiện. Đây là hoạt động tự nhận thức ban đầu, không phải công cụ chẩn đoán tâm lý hoặc kết luận nghề nghiệp.
- Bước 2 – Tìm hiểu nhóm nghề: Cá nhân hoặc nhóm lựa chọn một nghề hay lĩnh vực nghề nghiệp để tìm hiểu. Phạm vi cần mở rộng ngoài công nghệ thông tin, có thể gồm các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, dịch vụ, giáo dục, nông nghiệp, môi trường và các nhóm nghề khác mà học sinh quan tâm. Thông tin về ngành học và tuyển sinh phải được kiểm tra từ nguồn chính thức.
- Bước 3 – Đối chiếu yêu cầu nghề và năng lực cá nhân: Học sinh so sánh yêu cầu của nghề với sở thích, năng lực hiện tại và điều kiện của bản thân; xác định thông tin còn thiếu cần hỏi giáo viên, gia đình hoặc cơ sở đào tạo. Không yêu cầu học sinh đưa ra kết luận tuyệt đối chỉ từ một bảng tự đánh giá.
- Bước 4 – Tạo sản phẩm số: Học sinh thiết kế infographic, bài trình chiếu, video hoặc hồ sơ nghề nghiệp số, thể hiện đặc điểm nghề, năng lực cần có, lộ trình học tập và nguồn tham khảo. Sản phẩm phải có trích dẫn nguồn, tôn trọng bản quyền hình ảnh và nội dung, đồng thời không công khai thông tin cá nhân không cần thiết.
- Bước 5 – Xây dựng kế hoạch tìm hiểu tiếp theo: Học sinh xác định những việc cụ thể cần thực hiện, chẳng hạn tìm hiểu chương trình đào tạo, kiểm tra điều kiện tuyển sinh, tham gia hoạt động trải nghiệm, trao đổi với gia đình hoặc đặt câu hỏi cho cơ sở đào tạo. Kế hoạch cần có mục tiêu và thời điểm dự kiến, nhưng có thể điều chỉnh khi có thông tin mới.

Sản phẩm cuối cùng có thể gồm hồ sơ nghề nghiệp số, bảng so sánh lộ trình học tập và kế

hoạch tìm hiểu tiếp theo. Đây là sản phẩm đề xuất; việc triển khai và hiệu quả tại trường cần được ghi nhận riêng bằng kế hoạch, sản phẩm thực tế và phản hồi phù hợp.

3.3. Hướng dẫn sử dụng AI có kiểm chứng trong tìm hiểu nghề nghiệp

Giáo viên cần hướng dẫn học sinh sử dụng AI như công cụ hỗ trợ đặt câu hỏi và tổ chức thông tin, không phải nguồn xác nhận cuối cùng. Trước hết, học sinh nêu rõ mục đích và câu hỏi cần giải quyết. AI có thể gợi ý các khía cạnh cần tìm hiểu về nghề, các câu hỏi nên đặt ra khi so sánh chương trình đào tạo hoặc danh sách kỹ năng cần tiếp tục nghiên cứu.

Sau khi nhận câu trả lời, học sinh phải đối chiếu những thông tin quan trọng với nguồn chính thức của cơ sở đào tạo hoặc cơ quan có thẩm quyền. Đối với thông tin về học phí, điều kiện tuyển sinh, thời hạn đăng ký, chương trình đào tạo và cơ hội học tiếp, cần kiểm tra tính cập nhật và không dựa duy nhất vào câu trả lời của AI. Học sinh nên phân biệt ba nhóm nội dung: thông tin đã kiểm chứng; nhận định hoặc gợi ý do AI tạo ra; và vấn đề còn cần xác minh.

Một nhiệm vụ minh họa là yêu cầu AI gợi ý bộ câu hỏi để so sánh hai lộ trình sau THPT. Học sinh sau đó tự tìm dữ liệu từ nguồn chính thức, lập bảng đối chiếu và trình bày điểm khác nhau, điều kiện cần cân nhắc và câu hỏi còn bỏ ngỏ. Giáo viên đánh giá khả năng kiểm chứng, lập luận và sử dụng công nghệ có trách nhiệm, thay vì đánh giá cao việc dùng AI nhiều hay ít.

Trong mọi hoạt động, không yêu cầu học sinh nhập dữ liệu định danh hoặc thông tin nhạy cảm vào công cụ AI khi chưa có căn cứ và biện pháp bảo vệ phù hợp. Cần tuân thủ quy định của nhà trường, hướng dẫn học sinh tôn trọng bản quyền và ghi nhận việc sử dụng AI theo yêu cầu của nhiệm vụ.

3.4. Xây dựng kho dữ liệu và học liệu số phục vụ hướng nghiệp

Nhà trường hoặc tổ chuyên môn có thể xây dựng một thư mục học liệu số dùng chung, tập hợp liên kết đến nguồn tuyển sinh và đào tạo chính thức, mẫu phiếu tìm hiểu nghề, bảng so sánh lộ trình, câu hỏi gợi ý và tiêu chí đánh giá sản phẩm. Dữ liệu nên được phân loại theo nhóm nghề, ngành học, cơ sở đào tạo và loại lộ trình sau THPT để học sinh dễ tra cứu.

Mỗi nguồn cần có tên đơn vị cung cấp, liên kết, ngày truy cập và ghi chú về nội dung cần kiểm tra lại. Cần phân công người rà soát định kỳ, cập nhật liên kết và loại bỏ thông tin không còn phù hợp. Kho dữ liệu không nên chứa hồ sơ cá nhân hoặc kết quả tự đánh giá riêng tư của học sinh. Việc xây dựng kho học liệu cần bắt đầu từ quy mô vừa phải, tận dụng nền tảng sẵn có và chỉ mở rộng khi có người phụ trách cập nhật.

3.5. Tăng cường phối hợp giữa giáo viên, gia đình và cơ sở đào tạo

Giáo dục hướng nghiệp không thể chỉ do một giáo viên hoặc một môn học đảm nhiệm. Giáo viên Tin học phụ trách thiết kế nhiệm vụ học tập, hướng dẫn khai thác dữ liệu, sử dụng AI và tạo sản phẩm số. Giáo viên chủ nhiệm theo dõi quá trình tìm hiểu của học sinh, phối hợp trao đổi với gia đình và kết nối với hoạt động tư vấn nghề nghiệp của nhà trường [4]. Giáo viên phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp điều phối để nhiệm vụ trong môn Tin học phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Cha mẹ học sinh cung cấp thông tin về điều kiện gia đình, nguyện vọng và khả năng hỗ trợ, đồng thời trao đổi với con trên tinh thần tôn trọng năng lực và lựa chọn của học sinh. Các cơ sở

giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể cung cấp thông tin chính thức về chương trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh và hoạt động trải nghiệm. Khi có điều kiện, doanh nghiệp hoặc tổ chức nghề nghiệp có thể chia sẻ về môi trường làm việc và yêu cầu thực tế của công việc, bảo đảm nội dung phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Sự phối hợp cần có nhiệm vụ rõ ràng, tránh tổ chức hình thức hoặc trùng lặp. Có thể bắt đầu bằng một hoạt động giới thiệu nguồn thông tin chính thức, buổi trao đổi trực tuyến hoặc trực tiếp với cơ sở đào tạo, hay phiên trình bày sản phẩm nghề nghiệp của học sinh. Mọi hoạt động cần hướng đến việc cung cấp thông tin và tạo cơ hội trải nghiệm, không áp đặt một lựa chọn nghề nghiệp duy nhất.

3.6. Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực định hướng nghề nghiệp

Để theo dõi quá trình học tập, giáo viên có thể sử dụng các tiêu chí: (1) xác định được câu hỏi và nhu cầu tìm hiểu nghề; (2) tìm kiếm, đánh giá và kiểm chứng được nguồn thông tin; (3) sử dụng công nghệ số và AI đúng mục đích, có trách nhiệm; (4) phân tích, so sánh yêu cầu nghề với sở thích, năng lực và điều kiện cá nhân; (5) xây dựng được kế hoạch tìm hiểu hoặc học tập tiếp theo; và (6) trình bày được kết quả cùng căn cứ hỗ trợ nhận định.

Minh chứng đánh giá có thể gồm phiếu tự đánh giá, bảng kiểm nguồn tin, sản phẩm số, hồ sơ quá trình thực hiện và phản hồi của giáo viên. Nên kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và phản hồi đồng đẳng. Kết quả được sử dụng để giúp học sinh nhận ra điểm mạnh, phần còn thiếu và bước tiếp theo cần thực hiện; không dùng một sản phẩm hoặc một lần tự đánh giá để kết luận học sinh phù hợp hay không phù hợp với một nghề.

Nếu nhà trường triển khai thử nghiệm, cần xác định trước mục tiêu, công cụ thu thập dữ liệu và cách bảo vệ thông tin học sinh. Chỉ báo có thể gồm mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng nguồn tin, khả năng giải thích lựa chọn và mức độ hoàn thiện kế hoạch tìm hiểu tiếp theo. Không công bố kết quả hiệu quả khi chưa thu thập và phân tích dữ liệu thực tế.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG

4.1. Lộ trình triển khai giai đoạn 2026–2030

- Giai đoạn 2026–2027: Rà soát hoạt động ứng dụng công nghệ đã có; khảo sát nhu cầu tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh theo cách phù hợp; lựa chọn bài học có khả năng tích hợp; chuẩn bị học liệu, nguồn dữ liệu và tiêu chí đánh giá; tổ chức thử nghiệm ở phạm vi phù hợp với điều kiện nhà trường.
- Giai đoạn 2027–2028: Dựa trên minh chứng thu thập được để điều chỉnh nhiệm vụ, hoàn thiện hướng dẫn sử dụng AI có kiểm chứng, bổ sung nguồn dữ liệu và tăng cường phối hợp giữa giáo viên, gia đình và cơ sở đào tạo. Việc mở rộng chỉ thực hiện khi điều kiện nhân lực, thiết bị và thời lượng cho phép.
- Giai đoạn 2028–2030: Tổng hợp minh chứng, đánh giá tính khả thi, hoàn thiện học liệu và chia sẻ kinh nghiệm với các trường có điều kiện tương đồng. Khả năng nhân rộng cần dựa trên kết quả đánh giá, không mặc nhiên coi mô hình phù hợp như nhau với mọi trường.

4.2. Điều kiện bảo đảm

Giải pháp có thể tận dụng phòng máy tính và kết nối Internet hiện có. Khi thiết bị hoặc tài khoản công cụ số hạn chế, giáo viên tổ chức theo nhóm, phân công nhiệm vụ và chuẩn bị phương án học liệu ngoại tuyến nếu cần. Công cụ lựa chọn phải phù hợp với lứa tuổi, điều kiện sử dụng, quy định của nhà trường và yêu cầu bảo vệ dữ liệu.

Cần phân công rõ người phụ trách nội dung học liệu, thời gian cập nhật nguồn, cách lưu trữ sản phẩm và cách xử lý thông tin cá nhân. Giáo viên cần có thời gian chuẩn bị, trao đổi chuyên môn và thống nhất tiêu chí đánh giá. Các hoạt động phối hợp bên ngoài cần được tổ chức theo kế hoạch, đúng thẩm quyền và bảo đảm an toàn cho học sinh.

4.3. Đánh giá và khả năng nhân rộng

Việc đánh giá nên tập trung vào chất lượng quá trình học tập và mức độ chủ động của học sinh: khả năng tìm nguồn đáng tin cậy, kiểm chứng nội dung, sử dụng AI có trách nhiệm, so sánh các lộ trình và xây dựng kế hoạch tìm hiểu tiếp theo. Đồng thời, cần ghi nhận tính khả thi về thời gian, thiết bị, nhân lực và mức độ tham gia của gia đình, cơ sở đào tạo.

Các chỉ báo này là định hướng đánh giá được đề xuất, chưa phải kết quả đã đạt tại Trường THCS và THPT Bình Sơn. Trước khi nhân rộng, cần có dữ liệu thực tế, phân tích hạn chế và điều chỉnh theo điều kiện từng đơn vị. Những thành phần có thể chia sẻ gồm mẫu nhiệm vụ học tập, phiếu kiểm chứng nguồn tin, rubric đánh giá, danh mục nguồn chính thức và hướng dẫn sử dụng AI an toàn.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Môn Tin học có tiềm năng đóng góp thiết thực cho giáo dục hướng nghiệp ở cấp THPT thông qua các hoạt động tìm kiếm, đánh giá và xử lý thông tin, thiết kế sản phẩm số, giải quyết vấn đề và sử dụng công nghệ có trách nhiệm. Khi được tích hợp có mục tiêu, những hoạt động này có thể giúp học sinh chủ động hơn trong quá trình tìm hiểu nghề nghiệp, nhận diện năng lực cần phát triển và cân nhắc lộ trình học tập sau khi tốt nghiệp.

Công nghệ số và AI chỉ phát huy giá trị khi được đặt trong quy trình có hướng dẫn, kiểm chứng và bảo vệ dữ liệu. AI không thay thế giáo viên, gia đình, chuyên gia tư vấn hoặc cơ sở đào tạo; cũng không thể tự quyết định nghề phù hợp cho học sinh. Lựa chọn lộ trình cần dựa trên nhiều căn cứ, bao gồm nguyện vọng, năng lực, điều kiện cá nhân và thông tin đào tạo được xác minh.

Đối với nhà trường, cần xem xét tích hợp nhiệm vụ hướng nghiệp vào môn Tin học, tạo điều kiện phối hợp liên môn, xây dựng học liệu số và tổ chức đánh giá phù hợp. Đối với cơ quan quản lý giáo dục, cần quan tâm hướng dẫn chuyên môn, chia sẻ nguồn dữ liệu nghề nghiệp đáng tin cậy và tạo điều kiện trao đổi kinh nghiệm giữa các trường. Đối với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, cần tăng cường cung cấp thông tin chính thức và cơ hội trải nghiệm nghề phù hợp. Đối với cha mẹ học sinh, cần đồng hành với con trong quá trình tìm hiểu và cân nhắc lựa chọn.

Các giải pháp trong bài tham luận là định hướng đề xuất trên cơ sở điều kiện ban đầu đã được cung cấp. Việc khẳng định hiệu quả tại Trường THCS và THPT Bình Sơn cần được thực hiện sau khi rà soát minh chứng, triển khai hoạt động và đánh giá dữ liệu thực tế. Đây là cơ sở để hoàn thiện giải pháp theo hướng khả thi, có trách nhiệm và có thể điều chỉnh phù hợp với các trường phổ

thông trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* (trong đó có Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học).
3. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục*.

CHUYỂN HÓA HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THÀNH MÔI TRƯỜNG TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 1

ThS. Thái Hoàng Tân, ThS. Trần Văn Kỹ

Trường THPT Nguyễn Trung Trực 1, tỉnh An Giang

Email: thaihoangtan@gmail.com, tranvankyntt@gmail.com

Tóm tắt: *Trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo dục hướng nghiệp cần chuyển từ truyền đạt thông tin nghề sang tạo cơ hội cho học sinh khám phá năng lực qua trải nghiệm thực tiễn. Bài viết phân tích thực tiễn phối hợp giữa Đoàn trường và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại Trường THPT Nguyễn Trung Trực 1; đề xuất mô hình chuyển hóa các hoạt động phong trào thành nhiệm vụ trải nghiệm có mục tiêu, sản phẩm và định hướng nghề nghiệp. Minh chứng được lựa chọn từ các dự án nghiên cứu khoa học, hoạt động tư vấn tuyển sinh, văn hóa, tình nguyện và hỗ trợ chuyển đổi số của học sinh trong năm học 2025–2026. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất quy trình năm bước, hồ sơ trải nghiệm cá nhân, cơ chế phối hợp các lực lượng giáo dục và công cụ đánh giá để có thể nhân rộng trong giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *hoạt động Đoàn; trải nghiệm nghề nghiệp; giáo dục hướng nghiệp; năng lực định hướng nghề nghiệp; khởi nghiệp*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hướng nghiệp trong trường trung học phổ thông (THPT) không chỉ là cung cấp thông tin tuyển sinh hay giới thiệu ngành nghề. Trước sự thay đổi của thị trường lao động và yêu cầu phát triển năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [1], học sinh cần có cơ hội thực hiện công việc cụ thể, quan sát kết quả, nhận diện điểm mạnh và lựa chọn lộ trình học tập phù hợp. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là một thành tố quan trọng của chương trình giáo dục [2], nhưng chất lượng hướng nghiệp phụ thuộc đáng kể vào khả năng kết nối hoạt động học tập với thực tiễn.

Ở trường THPT, Đoàn Thanh niên có lợi thế về mạng lưới tổ chức, khả năng huy động học sinh và hệ thống hoạt động đa dạng: truyền thông, tổ chức sự kiện, văn hóa – văn nghệ, tình nguyện, nghiên cứu khoa học, sáng tạo và khởi nghiệp. Tuy vậy, nếu chỉ đánh giá bằng số lượng người tham gia hoặc thành tích phong trào, giá trị hướng nghiệp có thể chưa được ghi nhận đầy đủ. Từ thực tiễn Trường THPT Nguyễn Trung Trực 1, nhóm tác giả đề xuất chuyển từ "Đoàn tổ chức – học sinh tham gia" sang "Đoàn tạo môi trường – học sinh lựa chọn – thực hiện nhiệm vụ – tạo sản phẩm – định hướng".

2. THỰC TRẠNG VÀ MINH CHỨNG TỪ TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 1

2.1. Điều kiện thuận lợi

Tại Trường THPT Nguyễn Trung Trực 1, hoạt động Đoàn và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được kết nối với nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn tuyển sinh và các chương trình trải

nghiệm quy mô khối. Tiêu biểu là 05 dự án nghiên cứu thuộc các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo trong y sinh, vật liệu và môi trường, giáo dục tiếng Anh, tâm lý – hướng nghiệp và tư duy phản biện. Bên cạnh đó, nhà trường phối hợp tổ chức tư vấn tuyển sinh, ngày hội hướng nghiệp và nhiều hoạt động thực hành sáng tạo. Những hoạt động này tạo nền tảng thực tiễn để chuyển từ tổ chức phong trào sang trải nghiệm nghề nghiệp có mục tiêu, sản phẩm và phương thức đánh giá cụ thể.

2.2. Hạn chế cần giải quyết

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, cần nhìn nhận rằng hoạt động trải nghiệm có ý nghĩa giáo dục rộng hơn hoạt động hướng nghiệp. Một buổi tuyên truyền, một cuộc thi văn nghệ hay một đợt tình nguyện chỉ thực sự trở thành trải nghiệm hướng nghiệp khi học sinh được giao vai trò cụ thể, nhận phản hồi về năng lực và có cơ hội liên hệ trải nghiệm ấy với một nhóm nghề. Vì vậy, giải pháp đề xuất không phải gắn nhãn nghề nghiệp cho mọi phong trào, mà lựa chọn những hoạt động phù hợp để thiết kế thêm chiều sâu hướng nghiệp.

Một số hoạt động còn được ghi nhận chủ yếu bằng số lượt tham gia và kết quả tập thể; chưa mô tả rõ từng học sinh đã đảm nhận vai trò nào, phát triển năng lực gì và nhận diện nhóm nghề nào. Dữ liệu về sở thích, năng lực và sản phẩm trải nghiệm còn cần được hệ thống hóa để giáo viên chủ nhiệm, giáo viên Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và cán bộ Đoàn có thể phối hợp tư vấn. Đồng thời, cần phân biệt rõ kết quả hoạt động phong trào với kết quả phát triển năng lực hướng nghiệp, tránh suy luận rằng một giải thưởng đồng nghĩa với sự tiến bộ của toàn bộ học sinh.

2.3. Nghiên cứu khoa học, sáng tạo và khởi nghiệp

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, học sinh nhà trường đã triển khai 05 dự án tiêu biểu: (1) "Xây dựng bộ dữ liệu tim mạch và mô hình AI hỗ trợ phát hiện rối loạn nhịp tim từ tín hiệu ECG"; (2) "Tổng hợp vật liệu Ni-pha tạp g-C3N4/Biochar xử lý kháng sinh amoxicillin trong dung dịch nước"; (3) "Thu hẹp khoảng cách – cân bằng cơ hội học tập tiếng Anh cho học sinh tại Trường THPT Nguyễn Trung Trực"; (4) "Khủng hoảng danh tính ở học sinh THPT trong bối cảnh đổi mới giáo dục – định hướng nghề nghiệp: thực trạng và giải pháp"; (5) "Năng lực tư duy phản biện của học sinh THPT dưới tác động của văn hóa truyền thống". Trong đó, dự án (1) đạt giải Nhất cấp tỉnh và giải Nhì cấp quốc gia; dự án (2) đạt giải Nhì cấp tỉnh; dự án (3) và (4) đạt giải Ba cấp tỉnh. Thành tích này phản ánh sự đa dạng của các hướng nghiên cứu và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Quan trọng hơn, quá trình hình thành ý tưởng, triển khai nghiên cứu và bảo vệ sản phẩm đã tạo cơ hội để học sinh tiếp cận các lĩnh vực nghề nghiệp như công nghệ thông tin, y sinh, hóa học, môi trường, giáo dục và khoa học xã hội.

Bên cạnh các đề tài nghiên cứu khoa học, học sinh nhà trường còn tham gia hoạt động xây dựng ý tưởng khởi nghiệp. Dự án "Túi lọc ngâm chân" từng được lựa chọn tham dự Vòng Bán kết Cuộc thi "Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp" lần thứ VIII theo Công văn số 1058/SGDĐT-GDPT ngày 27/02/2026 [3]. Tuy dự án không đạt giải ở cấp toàn quốc, quá trình tham gia vẫn là một cơ hội để học sinh tiếp cận hoạt động sáng tạo và bước đầu tìm hiểu khởi nghiệp.

2.4. Tư vấn tuyển sinh và tiếp cận môi trường đào tạo

Thông tin về trường, ngành học và cơ hội nghề nghiệp chỉ hữu ích khi được đặt trong hoàn cảnh riêng của người học. Sau các buổi tư vấn, học sinh cần được hướng dẫn đối chiếu điều kiện tuyển sinh với năng lực học tập, sở thích, hoàn cảnh gia đình và khả năng theo đuổi chương trình đào tạo. Việc tổ chức hoạt động tiếp nối, chẳng hạn một phiếu so sánh hai ngành quan tâm hoặc một cuộc trao đổi ngắn với giáo viên chủ nhiệm, sẽ giúp chuyển thông tin tiếp nhận thành quyết định có cân nhắc.

Trong công tác tư vấn tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp, nhà trường đã phối hợp tổ chức cho gần 100 học sinh lớp 12 tham gia các hoạt động tư vấn tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh – Phân hiệu Vĩnh Long, Đại học Nam Cần Thơ, Đại học FPT và các đơn vị liên quan. Đồng thời, 15 cuộc tư vấn, định hướng nghề nghiệp được triển khai thông qua sinh hoạt dưới cờ và bản tin Đoàn trường, thu hút hơn 7.000 lượt học sinh tham gia. Ngày hội hướng nghiệp tổ chức tại trường có sự tham gia của hơn 10 đơn vị. Các hoạt động đã mở rộng cơ hội tiếp cận thông tin ngành nghề, cơ sở đào tạo và lộ trình học tập sau THPT; mức độ tác động đến năng lực lựa chọn nghề nghiệp cần được tiếp tục đánh giá bằng khảo sát học sinh.

Đặc biệt, chương trình tư vấn hướng nghiệp – tuyển sinh đã thực hiện tại trường cho thấy nội dung tư vấn không chỉ hướng tới đại học mà còn đề cập lộ trình đào tạo từ trung cấp đến đại học, liên thông, xu hướng nghề nghiệp và nhu cầu nhân lực trong kỷ nguyên số. Đây là cơ sở thực tiễn phù hợp với yêu cầu phân luồng [4]: học sinh cần được tiếp cận nhiều lộ trình sau THPT, cân nhắc năng lực, sở thích, điều kiện gia đình và triển vọng nghề nghiệp thay vì mặc định một con đường duy nhất.

2.5. Hoạt động trải nghiệm quy mô khối và thực hành kỹ năng

Các hoạt động tiêu biểu gồm cuộc thi tìm kiếm tài năng Nguyễn Trung Trực 1, tổ chức múa bài truyền thống nhà trường, nhảy dân vũ, hội chợ gian hàng ẩm thực và đồ dùng handmade. Ở hội chợ, học sinh có thể trải nghiệm lập kế hoạch sản phẩm, phân công nhân sự, tính toán chi phí, thiết kế gian hàng, giới thiệu sản phẩm và giao tiếp với khách hàng; qua đó liên hệ với các lĩnh vực kinh doanh, marketing, thiết kế, dịch vụ và quản trị sự kiện. Với hoạt động biểu diễn, các nhiệm vụ dẫn chương trình, dàn dựng, truyền thông, âm thanh và điều phối tạo cơ hội tìm hiểu các lĩnh vực nghệ thuật và truyền thông. Khi đưa vào hồ sơ hướng nghiệp, cần lưu lại vai trò, sản phẩm của từng nhóm học sinh.

Đáng chú ý, hai chi đoàn 10A2 và 10A7 đã chuẩn bị 50 phần quà trị giá 3.000.000 đồng trong hoạt động an sinh xã hội; chi đoàn 11A3 tự chuẩn bị bánh mì, nước uống trao cho người khó khăn. Các hoạt động ấy giúp giáo dục lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm và khả năng tổ chức công việc. Nếu bổ sung bước ghi nhận vai trò cá nhân, học sinh có thể nhận ra mình phù hợp với công việc đòi hỏi sự kiên nhẫn, giao tiếp, tổ chức hay hỗ trợ con người. Cách nhìn này giữ nguyên giá trị nhân văn của tình nguyện, đồng thời mở thêm chiều sâu giáo dục hướng nghiệp.

Ở lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, tiết mục "Hỏa hồng Nhật Tảo" và giải Nhất Liên hoan sân khấu thanh niên năm 2026 phản ánh một quá trình tập luyện, phối hợp và sáng tạo tập thể. Các nhiệm vụ biểu diễn, xây dựng nội dung, điều phối và truyền thông có thể được liên hệ với lĩnh vực

nghệ thuật, giáo dục, tổ chức sự kiện. Hoạt động trưng bày tranh cổ động về biên giới, biển đảo và cuộc thi vẽ tranh phòng, chống tác hại thuốc lá với 35 tập thể lớp, 35 tác phẩm cũng tạo chất liệu để học sinh tìm hiểu truyền thông thị giác, thiết kế và truyền thông xã hội. Đây là những liên hệ hướng nghiệp có thể khai thác, không phải kết quả đánh giá năng lực nghề nghiệp đã được đo lường.

Học sinh còn tham gia hỗ trợ người dân sử dụng VNeID và dịch vụ công trực tuyến; trực Đền tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ và Người có công, hỗ trợ quét mã QR tra cứu thông tin liệt sĩ; tham gia vệ sinh Đình Nguyễn Trung Trực. Đây là những nhiệm vụ thực tế có thể giúp học sinh thử sức với giao tiếp, hướng dẫn công nghệ, phối hợp nhóm, phục vụ cộng đồng và xử lý tình huống. Tuy nhiên, các hoạt động trước hết mang mục tiêu giáo dục công dân và tình nguyện; mối liên hệ với nghề nghiệp cần được giáo viên hướng dẫn khai thác sau hoạt động, không mặc nhiên coi mọi người tham gia đều đã có định hướng nghề rõ ràng.

3. GIẢI PHÁP CHUYỂN HÓA HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THÀNH MÔI TRƯỜNG TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP

3.1. Thiết kế ngân hàng hoạt động gắn với nhóm nghề

Đoàn trường phối hợp với giáo viên Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp rà soát hoạt động thường niên, xác định trước mục tiêu trải nghiệm, nhiệm vụ, năng lực, sản phẩm và nhóm nghề liên quan. Có thể phân thành các nhóm: truyền thông – sáng tạo nội dung; tổ chức sự kiện; hoạt động cộng đồng; STEM – nghiên cứu khoa học; khởi nghiệp; khám phá nghề nghiệp. Chẳng hạn, hoạt động truyền thông học đường gắn với viết tin, thiết kế, biên tập video; hoạt động sự kiện gắn với điều phối, hậu cần và kỹ thuật; hoạt động khởi nghiệp gắn với nghiên cứu sản phẩm, quản trị dự án và thuyết trình.

3.2. Phát huy vai trò chủ thể của học sinh

Đặc biệt, việc phân công không nên chỉ tập trung vào những học sinh vốn có khả năng dẫn chương trình, tổ chức hoặc nghiên cứu nổi trội. Những em còn rụt rè có thể bắt đầu bằng nhiệm vụ hậu cần, ghi chép, khảo sát, thiết kế hoặc tổng hợp dữ liệu, rồi từng bước thử sức ở vai trò mới. Cách tiếp cận này giúp bảo đảm cơ hội khám phá nghề nghiệp không bị giới hạn trong nhóm cán bộ Đoàn hoặc học sinh đạt giải.

Học sinh được khảo sát sở thích và đăng ký nhóm trải nghiệm phù hợp; cán bộ Đoàn và giáo viên hướng dẫn giao nhiệm vụ theo khả năng, tạo điều kiện để học sinh tự lập kế hoạch, phối hợp, giải quyết vấn đề và trình bày sản phẩm. Sự tham gia cần dựa trên tính tự nguyện, bình đẳng về cơ hội và phù hợp điều kiện học tập. Mỗi học sinh có thể thử nhiều vai trò khác nhau, không bị gắn nhãn nghề nghiệp chỉ qua một trải nghiệm.

3.3. Quy trình tổ chức trải nghiệm gắn với định hướng nghề nghiệp

- Bước 1: Khảo sát sở thích, thế mạnh, kỹ năng cần cải thiện và nhóm nghề quan tâm.
- Bước 2: Lựa chọn hoạt động và thực hiện nhiệm vụ có yêu cầu rõ ràng.
- Bước 3: Tạo sản phẩm có thể quan sát, lưu trữ hoặc trình bày.
- Bước 4: Hoàn thành phiếu phản tư: đã làm gì, dùng năng lực nào, gặp khó khăn gì, học được

điều gì.

- Bước 5: Giáo viên hỗ trợ học sinh liên hệ trải nghiệm với lĩnh vực nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch phát triển tiếp theo.

Quy trình này được lặp lại qua các học kỳ để theo dõi tiến bộ, thay vì đánh giá theo một sự kiện đơn lẻ.

3.4. Hồ sơ trải nghiệm cá nhân và ứng dụng công nghệ số

Để cụ thể hóa sự phối hợp, có thể lựa chọn một hoạt động thực tế mỗi tháng làm "ca trải nghiệm": nhóm hỗ trợ chuyển đổi số ghi lại tình huống hướng dẫn người dân; nhóm sân khấu ghi nhận phân công và sản phẩm sáng tạo; nhóm truyền thông phân tích thông điệp, đối tượng tiếp nhận; nhóm thiện nguyện phản tư về giao tiếp và trách nhiệm. Giáo viên cùng học sinh đối chiếu các nhiệm vụ ấy với nhóm nghề liên quan, sau đó gợi ý một bước tìm hiểu tiếp theo. Đây là quy trình đề xuất cho giai đoạn 2026–2030, không phải mô hình đã được đánh giá hiệu quả bằng thực nghiệm.

Hồ sơ có thể gồm năm thành phần ngắn gọn: tên hoạt động và thời gian; nhiệm vụ thực hiện; sản phẩm hoặc minh chứng; tự đánh giá năng lực; bước tìm hiểu nghề tiếp theo. Trên cơ sở dữ liệu được phép sử dụng, công cụ số hỗ trợ sắp xếp, tìm kiếm và tổng hợp; trí tuệ nhân tạo (AI) chỉ nên đóng vai trò gợi mở câu hỏi tự đánh giá, không thay thế giáo viên tư vấn và không tự động kết luận nghề phù hợp cho học sinh. Cần có sự đồng ý phù hợp khi sử dụng hình ảnh và dữ liệu cá nhân.

Sau hoạt động, học sinh ghi nhận nhiệm vụ, sản phẩm, năng lực đã vận dụng, điều cần cải thiện và nhóm nghề quan tâm trong hồ sơ trải nghiệm cá nhân. Giáo viên sử dụng hồ sơ như tư liệu hỗ trợ tư vấn, không dùng để áp đặt lựa chọn nghề nghiệp. Công cụ số có thể hỗ trợ tổng hợp dữ liệu, với yêu cầu bảo vệ thông tin cá nhân của học sinh.

3.5. Phối hợp các lực lượng giáo dục

Đoàn trường chịu trách nhiệm điều phối hoạt động và kết nối các nhóm học sinh; giáo viên Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp xác định mục tiêu và tiêu chí đánh giá; giáo viên chủ nhiệm theo dõi tiến trình cá nhân; tổ chuyên môn hỗ trợ nội dung học thuật; cha mẹ học sinh, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp cung cấp thông tin, chuyên gia và cơ hội tham quan trải nghiệm phù hợp [5]. Việc phối hợp phải rõ người phụ trách, thời gian, sản phẩm và phương thức phản hồi.

4. KẾT LUẬN

Chuyển hóa hoạt động Đoàn thành môi trường trải nghiệm nghề nghiệp là hướng tiếp cận tận dụng nguồn lực giáo dục sẵn có, tạo cơ hội để học sinh trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, tạo sản phẩm, suy ngẫm và từng bước hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp. Thực tiễn tại Trường THPT Nguyễn Trung Trực 1, cùng những thành tích nghiên cứu khoa học và hoạt động trải nghiệm đa dạng, cho thấy tiềm năng kết nối hoạt động phong trào với học tập, sáng tạo và khởi nghiệp. Để khẳng định hiệu quả và nhân rộng trong giai đoạn 2026–2030 [6], cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp, hồ sơ trải nghiệm và hệ thống dữ liệu đánh giá khách quan. Mỗi hoạt động có mục tiêu, mỗi nhiệm vụ có sản phẩm và mỗi trải nghiệm có phản tư đều có thể góp phần giúp học sinh hiểu mình, hiểu nghề và chủ động lựa chọn tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018*.
3. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Công văn số 1058/SGDĐT-GDPT ngày 27/02/2026 về việc chọn dự án tham dự Vòng Bán kết Cuộc thi "Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp" lần thứ VIII*.
4. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
5. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
6. Ban Tổ chức Hội thảo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.

TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Trần Thị Lệ

Trường THCS&THPT Bình Sơn, tỉnh An Giang

Email: duyle13141@gmail.com

Tóm tắt: *Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh là nội dung quan trọng của đổi mới giáo dục phổ thông. Bài viết chỉ ra thực trạng: tỷ lệ học nghề sau trung học cơ sở còn thấp, tâm lý chuộng bằng cấp còn phổ biến, hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường mang tính thời điểm, đội ngũ làm công tác hướng nghiệp chủ yếu kiêm nhiệm, việc chọn môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở lớp 10 ít xuất phát từ định hướng nghề nghiệp. Trên cơ sở phân tích nguyên nhân, tác giả đề xuất tích hợp hướng nghiệp vào dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật qua ba hướng: xây dựng kế hoạch tích hợp theo mạch nội dung (thị trường lao động, tín dụng – thuế, khởi nghiệp, pháp luật lao động); kết nối nhà trường với thực tiễn đào tạo; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng trải nghiệm.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; phân luồng học sinh; Giáo dục kinh tế và pháp luật; dạy học tích hợp; trung học phổ thông*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc chủ động lựa chọn nghề nghiệp vừa phù hợp với sở thích, năng lực bản thân vừa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động là vấn đề cần thiết đối với mỗi cá nhân. Để có được sự lựa chọn đúng đắn đó thì việc giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh là một nội dung quan trọng của đổi mới giáo dục phổ thông. Mục tiêu là giúp học sinh hiểu bản thân, hiểu thị trường lao động, từ đó chọn con đường học tập và nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, hoàn cảnh gia đình và nhu cầu xã hội. Chủ trương này được thể hiện trong Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang về việc "Tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang" [1]; Quyết định số 2778/QĐ-SGDĐT ngày 21/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Ban Tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo đó, trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [2], môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKT&PL) có nhiều lợi thế để tích hợp nội dung này. Môn học cung cấp kiến thức về thị trường, lao động, việc làm, thu nhập, tín dụng, thuế, khởi nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người lao động. Đây cũng là những kiến thức mà học sinh cần khi chọn nghề. Vì vậy, GDKT&PL có thể là một kênh hướng nghiệp tự nhiên và hiệu quả, bên cạnh môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH HIỆN NAY

Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh là một trong những nội dung được Đảng và Nhà nước quan tâm từ lâu trong tiến trình đổi mới giáo dục [3], [4], nhưng kết quả thực tế vẫn chưa

tương xứng với kỳ vọng.

Qua khảo sát cho thấy các trường trung cấp chuyên nghiệp luôn trong tình trạng thiếu học sinh dù cách thức xét tuyển rất dễ dàng, còn số học sinh vào giáo dục thường xuyên hằng năm chưa đủ chỉ tiêu phân luồng. Tỷ lệ học sinh lựa chọn học nghề sau trung học cơ sở (THCS) vì vậy còn rất thấp. Nói cách khác, phân luồng trên văn bản chủ yếu vẫn là những chỉ tiêu, còn trong nhận thức và lựa chọn của người dân thì hầu như chưa thay đổi.

Tư tưởng chuộng bằng cấp, coi học nghề là con đường "thứ hai" dành cho học sinh học yếu vẫn khá phổ biến [5]. Nhiều gia đình đặt kỳ vọng con vào đại học, nên việc không đỗ lớp 10 công lập dễ bị xem là thất bại, thay vì một lựa chọn hợp lý.

Bên cạnh đó, chất lượng hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường còn nhiều hạn chế. Ở nhiều trường, người làm công tác hướng nghiệp là giáo viên bộ môn hoặc cán bộ đoàn đội kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản về tư vấn nghề nghiệp và tâm lý học sinh [6]. Nội dung hoạt động thường thiên về cung cấp thông tin tuyển sinh, tổ chức vài buổi ngày hội hay tọa đàm mang tính thời điểm, ít chú trọng giúp học sinh tự đánh giá năng lực, sở thích và giá trị nghề nghiệp của bản thân. Các hoạt động trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp hay cơ sở đào tạo nghề còn hạn chế, trong khi công cụ trắc nghiệm, cơ sở dữ liệu về nghề nghiệp và thị trường lao động chưa được chuẩn hóa, mỗi nơi thực hiện một cách.

Ngoài ra, việc phân luồng sau trung học phổ thông (THPT) cũng chưa rõ nét, khi phần lớn học sinh vẫn dồn vào con đường đại học, dẫn đến tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ", nhiều sinh viên tốt nghiệp làm trái ngành hoặc khó tìm việc, trong khi doanh nghiệp thiếu lao động kỹ thuật có tay nghề.

Môn GDKT&PL là môn lựa chọn, việc học sinh đăng ký môn này có thực sự xuất phát từ định hướng nghề nghiệp hay không là một câu hỏi lớn. Trên thực tế, nhiều học sinh chọn môn theo khối thi đại học, theo năng lực học tập, theo tổ hợp mà trường mở, hoặc theo lời khuyên của phụ huynh, chứ ít khi dựa trên sự hiểu biết về bản thân và về nghề nghiệp tương lai. Vì vậy, giáo dục hướng nghiệp ở cấp THCS, vốn đang yếu, không giúp được nhiều cho việc chọn môn ở lớp 10, khiến vai trò "định hướng nghề nghiệp" của môn học khó phát huy trọn vẹn. Dạy học môn GDKT&PL hiện nay vừa có thuận lợi từ nội dung gần gũi, thiết thực và định hướng đổi mới rõ ràng, vừa đối mặt với những khó khăn về năng lực chuyên môn kinh tế của giáo viên, sự chuyển đổi phương pháp chưa đồng đều, việc tích hợp hướng nghiệp còn thiếu hệ thống, cùng áp lực thi cử và hạn chế về điều kiện dạy học.

Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh hiện nay đã có nền tảng chính sách tương đối hoàn chỉnh và đang được điều chỉnh theo hướng tích cực, nhưng hiệu quả thực tế còn thấp do sự đan xen của nhiều yếu tố như nhận thức xã hội chưa thay đổi, hoạt động hướng nghiệp trong trường còn hình thức, hệ thống đào tạo nghề thiếu sức hấp dẫn và thiếu liên thông, cùng với sự thiếu gắn kết với nhu cầu thực của thị trường lao động.

3. NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

3.1. Nguyên nhân

Trước hết, quan niệm xã hội về việc "học để làm quan, làm thầy, phải có bằng đại học" vẫn còn ăn sâu trong tâm thức của nhiều gia đình. Tư tưởng này khiến con đường học nghề bị xem là lựa chọn thứ yếu, dành cho những em học lực chưa tốt. Trong khi đó, phụ huynh lại có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định của học sinh, nên nhiều em phải theo nguyện vọng của cha mẹ thay vì dựa trên năng lực, sở thích và điều kiện thực tế của bản thân.

Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục nghề nghiệp ở một số địa phương còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất, chất lượng đào tạo và mức độ gắn kết với doanh nghiệp. Những hạn chế này làm giảm sức hấp dẫn của việc học nghề, khiến cả học sinh lẫn phụ huynh thiếu niềm tin vào cơ hội việc làm và triển vọng phát triển sau khi tốt nghiệp.

Một nguyên nhân khác là thông tin về thị trường lao động, nhu cầu nhân lực của địa phương và xu hướng nghề nghiệp chưa đầy đủ, chưa được cập nhật kịp thời và chưa dễ tiếp cận đối với học sinh [7]. Thiếu nguồn thông tin đáng tin cậy, các em khó có cơ sở để cân nhắc và lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp.

Ngoài ra, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ, thiếu một cơ chế ổn định và lâu dài. Các bên thường hoạt động riêng lẻ, chưa tạo thành mạng lưới liên kết thống nhất để cùng đồng hành với học sinh trong quá trình hướng nghiệp.

Đối với giáo viên GDKT&PL, phần lớn được đào tạo chủ yếu về chuyên môn, ít được bồi dưỡng về kỹ năng tư vấn hướng nghiệp, thiết kế bài học tích hợp hay sử dụng các công cụ trắc nghiệm nghề nghiệp. Vì vậy, dù có thiện chí, giáo viên vẫn gặp nhiều lúng túng khi đưa nội dung hướng nghiệp vào bài giảng một cách bài bản và hiệu quả.

Về phía học sinh, nhiều em chưa chủ động tìm hiểu bản thân và các ngành nghề, một phần vì ít được tạo cơ hội trải nghiệm thực tế. Khi thiếu những hoạt động tiếp xúc trực tiếp với nghề nghiệp và môi trường lao động, các em khó hình thành nhận thức rõ ràng về năng lực, sở thích cũng như định hướng tương lai của chính mình.

3.2. Giải pháp

Hiện nay, hướng nghiệp thường được thực hiện qua các buổi hoạt động ngoại khóa hoặc tư vấn tuyển sinh vào thời điểm cuối cấp, trong khi các môn học chính khóa gần như đứng ngoài tiến trình này. Trong khi đó, GDKT&PL lại là môn học có nhiều nội dung gắn trực tiếp với thế giới nghề nghiệp, thị trường lao động và đời sống kinh tế – pháp lý của người lao động. Vì vậy, giải pháp căn bản là tích hợp có hệ thống nội dung, phương pháp và đánh giá định hướng nghề nghiệp vào chính quá trình dạy học bộ môn, thay vì coi hướng nghiệp là một nhiệm vụ riêng biệt.

a) Xây dựng kế hoạch tích hợp

Thứ nhất, cần xây dựng kế hoạch tích hợp, xác định tích hợp cái gì, ở đâu; thể hiện rõ bài học nào, mạch nội dung nào có thể khai thác, khai thác ở mức độ nào và bằng hoạt động gì. Có thể thấy các nội dung có thể lồng ghép như: thị trường lao động và việc làm giúp học sinh nhận thức quan hệ cung – cầu nhân lực, hiểu vì sao có ngành thiếu người, ngành dư thừa, từ đó nhìn nhận xu hướng

nghề một cách có căn cứ thay vì chạy theo phong trào hay áp lực xã hội. Các nội dung về tín dụng, thuế, quản lý thu chi cá nhân có thể gắn với chi phí học tập, học bổng, vay vốn học tập và kế hoạch tài chính của gia đình, giúp học sinh thấy rằng lựa chọn con đường học tập cũng là một quyết định kinh tế cần được cân nhắc. Các nội dung về khởi nghiệp và kinh doanh khơi dậy tinh thần chủ động lập nghiệp, đồng thời giới thiệu một con đường đi làm sớm, tự tạo việc làm mà học sinh ít được nghe đến. Các nội dung về pháp luật lao động, hợp đồng lao động và bảo hiểm trang bị cho học sinh hiểu biết cần thiết để bước vào thị trường lao động một cách an toàn.

b) Kết nối nhà trường với thực tiễn đào tạo

Thứ hai là kết nối nhà trường với thực tiễn đào tạo. Một trong những nghịch lý của thị trường lao động Việt Nam hiện nay là tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ" và sự lệch pha giữa cơ cấu đào tạo với nhu cầu tuyển dụng. Nhiều học sinh chọn ngành theo cảm tính, theo phong trào hoặc theo kỳ vọng của gia đình, trong khi các ngành thực sự có nhu cầu nhân lực lớn lại thiếu người theo học. Nguyên nhân chính là học sinh ít có cơ hội tiếp cận thông tin chính xác, cập nhật về thị trường lao động và về thực tế đào tạo ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Việc kết nối nhà trường với thực tiễn đào tạo không nên dừng ở những hoạt động mang tính hình thức như một buổi tham quan hay một buổi nói chuyện cuối cấp. Mục tiêu mà chúng ta cần hướng tới là giúp học sinh có được một "bức tranh" tương đối đầy đủ: ngành nghề nào đang và sẽ cần nhiều nhân lực; các ngành nghề đó đòi hỏi phẩm chất, năng lực gì; học ở đâu, học bao lâu, chi phí ra sao; cơ hội việc làm, thu nhập, thăng tiến như thế nào. Từ đó, học sinh có căn cứ để đối chiếu với năng lực, sở thích của bản thân và đưa ra lựa chọn có trách nhiệm.

c) Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng trải nghiệm và gắn với thực tiễn

Thứ ba là đổi mới phương pháp dạy học theo hướng trải nghiệm và gắn với thực tiễn. Hướng nghiệp, phân luồng học sinh cần được thực hiện bằng phương pháp phù hợp, bởi hướng nghiệp không thể hình thành chỉ bằng thuyết giảng. Học sinh chỉ thực sự hiểu nghề, hiểu mình khi được tham gia, thử sức và suy ngẫm. Vì vậy, cần ưu tiên các phương pháp dạy học tích cực, trong đó người học là chủ thể của hoạt động.

4. KẾT LUẬN

Hướng nghiệp và phân luồng học sinh thông qua dạy học môn GDKT&PL chỉ thực sự đạt hiệu quả khi được thực hiện đồng bộ, có hệ thống và gắn chặt với thực tiễn. Việc xác định rõ nội dung, vị trí và mức độ tích hợp, việc mở rộng kết nối nhà trường với thị trường lao động và cơ sở đào tạo, cùng với việc đổi mới phương pháp theo hướng trải nghiệm đã tạo thành một chỉnh thể thống nhất, giúp hướng nghiệp chuyển từ thuyết giảng, rời rạc sang hình thành năng lực lựa chọn nghề nghiệp có căn cứ ở học sinh. Nhờ đó, các em hiểu mình, hiểu nghề và nhận thức đúng nhu cầu nhân lực của xã hội, góp phần khắc phục tình trạng lệch pha giữa đào tạo và sử dụng lao động, đồng thời thực hiện hiệu quả mục tiêu phân luồng sau THCS và định hướng nghề nghiệp sau THPT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
4. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
5. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
6. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
7. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA CÁC MÔN HỌC

ThS. Nguyễn Văn Hiệp

Trường THPT Chu Văn An, tỉnh An Giang

Email: hiepthptcva@gmail.com

Tóm tắt: *Giáo dục hướng nghiệp đóng vai trò quan trọng giúp học sinh nhận thức bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp và lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp. Việc này không chỉ diễn ra qua các hoạt động trải nghiệm hay tư vấn chuyên đề mà cần được triển khai thường xuyên, có hệ thống ngay trong quá trình dạy học các môn học. Bài tham luận phân tích thực trạng tích hợp giáo dục hướng nghiệp trong dạy học ở trường trung học phổ thông, khả năng hướng nghiệp của từng môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, và đề xuất chín nhóm giải pháp: nâng cao nhận thức toàn trường, xây dựng nội dung tích hợp, đổi mới phương pháp gắn với thực tiễn nghề nghiệp, tổ chức chuyên đề liên môn, gắn hướng nghiệp với lựa chọn môn học, bồi dưỡng giáo viên, phối hợp đa phương, ứng dụng công nghệ số và đổi mới đánh giá, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; tích hợp môn học; dạy học gắn thực tiễn; trung học phổ thông; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, thị trường lao động đòi hỏi người lao động năng động, thích ứng cao. Đối với học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT), việc chọn nghề ảnh hưởng trực tiếp đến tương lai, song nhiều em vẫn chọn theo phong trào hoặc chưa hiểu rõ năng lực bản thân.

Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 [1], [2] đòi hỏi phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp, xem đây là trách nhiệm chung của nhà trường. Mỗi môn học đều có tiềm năng gắn kết kiến thức với thực tiễn lao động: Toán phát triển tư duy logic; các môn Khoa học tự nhiên (Vật lí, Hóa học, Sinh học) tạo nền tảng kỹ thuật, y dược, nông nghiệp; các môn Khoa học xã hội và nhân văn (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật) phát triển tư duy xã hội, kinh tế, văn hóa; Tin học và Ngoại ngữ mở ra cơ hội hội nhập và công nghệ số. Khai thác tốt các môn học sẽ biến mỗi giờ học thành một cơ hội hướng nghiệp thiết thực.

2. THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN

2.1. Những kết quả đạt được

Nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên (GV) về vai trò của giáo dục hướng nghiệp (GDHN) ngày càng được nâng lên. Nhiều GV đã chủ động đưa tình huống thực tiễn, ví dụ nghề nghiệp và vấn đề đời sống vào bài giảng, giúp HS hiểu ý nghĩa và khả năng ứng dụng của kiến thức.

Nội dung các môn học trong Chương trình GDPT 2018 có nhiều cơ hội tích hợp GDHN. Hoạt động thực hành, dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật và giải quyết vấn đề thực tiễn góp phần giúp HS phát hiện năng lực, sở trường và hứng thú của bản thân.

Hoạt động STEM, nghiên cứu khoa học kỹ thuật và các cuộc thi học thuật tạo môi trường để HS tiếp cận một số lĩnh vực nghề nghiệp. Việc lựa chọn môn học ở cấp THPT cũng tạo cơ hội để HS bước đầu xác định định hướng học tập gắn với dự định nghề nghiệp.

2.2. Hạn chế, khó khăn

Một bộ phận GV vẫn nặng về truyền đạt kiến thức để thi cử; việc tích hợp hướng nghiệp còn mang tính minh họa, chưa hệ thống; thiếu sự gắn kết chặt chẽ với năng lực cá nhân HS; điều kiện trải nghiệm thực tế còn hạn chế.

2.3. Nguyên nhân

GDHN chưa được đưa vào tiêu chí thường xuyên trong kế hoạch chuyên môn; áp lực thời lượng chương trình lớn; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và doanh nghiệp chưa đồng bộ.

3. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA CÁC MÔN HỌC – NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM

3.1. Quan điểm: Mỗi môn học đều có thể trở thành một kênh giáo dục hướng nghiệp

GDHN không có nghĩa là biến mỗi giờ học thành một buổi giới thiệu nghề nghiệp. Bản chất của hoạt động này là giúp HS trả lời: Môn học giúp phát triển năng lực gì? Ngành nghề nào liên quan? Bản thân có phù hợp không? Cần chuẩn bị gì để theo đuổi nghề nghiệp đã lựa chọn?

Khi HS nhận thức được ý nghĩa thực tiễn của kiến thức, các em sẽ có thêm động lực học tập, chủ động tìm hiểu và có ý thức lựa chọn lộ trình học tập phù hợp.

3.2. Khả năng giáo dục hướng nghiệp thông qua một số môn học cụ thể

- Toán học: Phát triển tư duy logic, tư duy trừu tượng, phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề. Có thể liên hệ tài chính, ngân hàng, kế toán, thống kê, công nghệ thông tin, kỹ thuật, xây dựng, kiến trúc và phân tích dữ liệu.
- Vật lí: Gắn với cơ khí, điện – điện tử, tự động hóa, năng lượng, viễn thông, xây dựng và công nghệ.
- Hóa học: Liên hệ y dược, công nghệ thực phẩm, hóa mỹ phẩm, môi trường, vật liệu, nông nghiệp và công nghiệp hóa chất.
- Sinh học: Định hướng các lĩnh vực y học, dược học, công nghệ sinh học, thú y, chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản và bảo vệ môi trường.
- Ngữ văn: Phát triển giao tiếp, diễn đạt, thuyết phục, sáng tạo và thấu hiểu con người; liên hệ giáo dục, báo chí, biên tập, luật, truyền thông, quan hệ công chúng, nghiên cứu văn hóa.
- Ngoại ngữ: Là công cụ tiếp cận tri thức, công nghệ và thị trường việc làm quốc tế.
- Lịch sử: Góp phần hình thành tư duy lịch sử, hiểu biết văn hóa và xã hội; liên hệ giáo dục, nghiên cứu, bảo tàng, du lịch, văn hóa và truyền thông.
- Địa lí: Giúp HS hiểu phân bố dân cư, tài nguyên, hoạt động kinh tế và vùng lãnh thổ; liên hệ quy hoạch, logistics, du lịch, môi trường, quản lý tài nguyên và phát triển vùng.
- Giáo dục kinh tế và pháp luật: Gắn với kinh tế, thị trường lao động, kinh doanh, pháp luật và trách nhiệm công dân.
- Tin học và Công nghệ: Kết nối với lập trình, thiết kế phần mềm, quản trị mạng, an toàn thông

tin, trí tuệ nhân tạo, thiết kế kỹ thuật và tự động hóa. HS có thể thiết kế sản phẩm số, xử lý dữ liệu, lập trình ứng dụng hoặc giải quyết vấn đề kỹ thuật.

- Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh: Gắn với thể thao, lực lượng vũ trang, các nghề phục vụ cộng đồng.

Như vậy, không có môn học nào đứng ngoài nhiệm vụ GDHN. Vấn đề quan trọng là GV lựa chọn nội dung phù hợp, bảo đảm tính tự nhiên, thiết thực và không làm quá tải chương trình.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA CÁC MÔN HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Nâng cao nhận thức toàn trường

Xác định GDHN là trách nhiệm chung [3], không phải nhiệm vụ riêng của GV Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, GV chủ nhiệm hay bộ phận tư vấn học đường, mà cần đưa vào kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn và kế hoạch giáo dục của GV; triển khai thống nhất nhưng linh hoạt theo đặc thù từng môn học.

4.2. Xây dựng nội dung tích hợp khoa học

Không nhất thiết bài học nào cũng tích hợp; việc lựa chọn phải khoa học, vừa sức, không gượng ép và không ảnh hưởng mục tiêu môn học.

4.3. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng gắn kiến thức với thực tiễn nghề nghiệp

Tăng cường dạy học dự án, giải quyết vấn đề thực tiễn, gắn kiến thức bài học với đời sống sản xuất địa phương. Chẳng hạn, HS dùng Toán để khảo sát và phân tích nhu cầu tiêu dùng; dùng Hóa học tìm hiểu chất lượng nước hoặc bảo quản thực phẩm; dùng Sinh học nghiên cứu nông nghiệp sạch; dùng Địa lí tìm hiểu tiềm năng du lịch địa phương; dùng Tiếng Anh thực hành phỏng vấn; dùng Tin học thiết kế sản phẩm số.

4.4. Tổ chức các chuyên đề liên môn gắn với định hướng nghề nghiệp

Xây dựng chuyên đề liên môn nhằm khai thác sự kết nối giữa các lĩnh vực kiến thức. Có thể lựa chọn chủ đề nông nghiệp thông minh; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; chuyển đổi số trong đời sống; khởi nghiệp từ sản phẩm địa phương. Đối với An Giang, nên khai thác các vấn đề về sản xuất lúa gạo, chế biến thủy sản, kinh tế biên giới, thương mại, du lịch và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Qua đó, HS hiểu rằng một sản phẩm hay hoạt động kinh tế thường đòi hỏi sự kết hợp của nhiều lĩnh vực kiến thức và kỹ năng.

4.5. Gắn giáo dục hướng nghiệp với việc lựa chọn môn học và xây dựng lộ trình học tập

Việc lựa chọn môn học cần xem xét đồng thời năng lực, sở thích, kết quả học tập, điều kiện gia đình và khả năng phát triển lâu dài, không chỉ dựa vào dự định xét tuyển trước mắt. Lớp 10 tập trung khám phá năng lực và sở thích; lớp 11 tăng cường tìm hiểu ngành đào tạo và yêu cầu nghề nghiệp; lớp 12 hỗ trợ xây dựng kế hoạch học tập và lộ trình sau tốt nghiệp. Cần khẳng định đại học không phải con đường duy nhất; giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, trung cấp, học nghề và tham gia thị trường lao động cũng là những lựa chọn đáng trân trọng khi phù hợp [4].

4.6. Bồi dưỡng năng lực cho giáo viên

GV cần được bồi dưỡng về nhận diện nội dung môn học có thể tích hợp hướng nghiệp; tìm hiểu thông tin ngành nghề, yêu cầu năng lực và xu hướng thị trường lao động; thiết kế hoạt động học tập gắn với thực tiễn; sử dụng công cụ số và hỗ trợ HS nhận diện năng lực, sở thích. Các tổ chuyên môn cần đưa nội dung này vào sinh hoạt chuyên môn, trao đổi bài học hay, mô hình hiệu quả và kinh nghiệm thực tiễn.

Cập nhật thông tin thị trường lao động và kỹ năng thiết kế hoạt động tích hợp qua các buổi sinh hoạt chuyên môn.

4.7. Tăng cường phối hợp đa phương

Nhà trường cần chủ động kết nối với trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp [5]. Có thể mời chuyên gia, kỹ sư, bác sĩ, giáo viên, doanh nhân và người lao động đến chia sẻ; tổ chức tham quan cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo; tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp; cung cấp thông tin về yêu cầu tuyển dụng, môi trường làm việc và cơ hội phát triển. Với phụ huynh, cần tuyên truyền để cha mẹ đồng hành, định hướng và hỗ trợ thay vì áp đặt nguyện vọng cá nhân lên HS.

4.8. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Sử dụng các nền tảng số hỗ trợ tra cứu thông tin ngành nghề, kết hợp kiểm chứng và tư vấn thực tế từ GV.

4.9. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả giáo dục hướng nghiệp

Cần chuyển từ đánh giá chủ yếu dựa trên số lượng hoạt động sang đánh giá mức độ chuyển biến trong nhận thức và năng lực định hướng nghề nghiệp của HS. Nhà trường có thể quan tâm việc HS hiểu mối liên hệ giữa môn học và nghề nghiệp; nhận diện năng lực, sở thích; biết tìm kiếm, phân tích thông tin ngành nghề; giải thích lý do lựa chọn môn học; xây dựng kế hoạch học tập phù hợp. Việc đánh giá được thực hiện qua sản phẩm học tập, dự án, bài thuyết trình, phiếu tự đánh giá và tư vấn cá nhân, không biến hướng nghiệp thành nội dung kiểm tra, chấm điểm nặng nề.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

GDHN thông qua các môn học là hướng đi chiến lược, bền vững trong Chương trình GDPT 2018. Thay vì xem hướng nghiệp là hoạt động rời rạc, cần biến nó thành quá trình tích hợp hằng ngày. Đối với An Giang, công tác này cần gắn liền với đặc thù kinh tế tỉnh (nông nghiệp công nghệ cao, thủy sản, thương mại, du lịch, logistics) [6].

Với thông điệp: "Mỗi môn học không chỉ trang bị cho học sinh một lĩnh vực tri thức mà còn mở ra một cánh cửa nghề nghiệp; mỗi giờ học không chỉ giúp học sinh hiểu thêm về thế giới mà còn giúp các em hiểu hơn về chính mình và con đường tương lai", nhà trường kỳ vọng giúp mỗi HS tìm được con đường lập thân, lập nghiệp phù hợp nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT).
3. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
4. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
5. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
6. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TƯ VẤN, HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH THPT Ở VÙNG NÔNG THÔN, VÙNG KHÓ KHĂN

ThS. Đàm Thanh Lạc

Trường THPT Giồng Riềng, tỉnh An Giang

Email: damthanhlac@gmail.com

Tóm tắt: *Công tác tư vấn hướng nghiệp có vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh trung học phổ thông lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở thích, hoàn cảnh gia đình và nhu cầu xã hội. Đối với học sinh vùng nông thôn, vùng khó khăn, công tác này còn gặp nhiều hạn chế về điều kiện kinh tế, thông tin nghề nghiệp, đội ngũ tư vấn và cơ hội trải nghiệm thực tế. Từ thực tiễn Trường THPT Giồng Riềng, bài viết phân tích năm thuận lợi, bảy hạn chế và đề xuất tám nhóm giải pháp đồng bộ: nâng cao nhận thức; xây dựng kế hoạch hướng nghiệp xuyên suốt ba năm học; đẩy mạnh tư vấn cá nhân hóa; tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp; ứng dụng công nghệ số; bồi dưỡng đội ngũ giáo viên; phối hợp nhà trường, gia đình, chính quyền, doanh nghiệp và quan tâm hỗ trợ học sinh khó khăn, gắn với cơ hội lập nghiệp tại quê hương. Đồng thời, cần tăng cường sự chỉ đạo, đầu tư và hỗ trợ của các cấp lãnh đạo.*

Từ khóa: *tư vấn hướng nghiệp; học sinh THPT; vùng nông thôn; vùng khó khăn; cá nhân hóa tư vấn*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giáo dục toàn diện, góp phần giúp học sinh nhận thức đúng đắn về bản thân, hiểu biết về thế giới nghề nghiệp, xác định được năng lực, sở trường, hứng thú và điều kiện của mình để lựa chọn ngành nghề, con đường học tập phù hợp trong tương lai. Đặc biệt, đối với học sinh trung học phổ thông (THPT), đây là giai đoạn có ý nghĩa quyết định trong việc định hình những lựa chọn quan trọng liên quan đến học tập, nghề nghiệp và cuộc sống sau khi tốt nghiệp.

Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, cơ cấu ngành nghề, nhu cầu sử dụng lao động và phương thức tuyển dụng trên thị trường lao động có nhiều thay đổi. Nhiều ngành nghề mới xuất hiện, một số nghề truyền thống được chuyển đổi phương thức sản xuất, kinh doanh; yêu cầu về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực thích ứng và học tập suốt đời ngày càng cao. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với công tác hướng nghiệp trong nhà trường không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin tuyển sinh, giới thiệu các trường đại học, cao đẳng hay tư vấn lựa chọn tổ hợp môn thi, mà phải giúp học sinh hình thành năng lực lựa chọn nghề nghiệp, biết đánh giá bản thân, tìm hiểu thị trường lao động và xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài.

Đối với học sinh ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và những địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội còn khó khăn, công tác tư vấn hướng nghiệp càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ, các em thường có ít cơ hội tiếp cận với thông tin nghề nghiệp, thiếu điều kiện tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế, chưa có nhiều cơ hội giao lưu với những người đang làm việc trong các

ngành nghề khác nhau. Một bộ phận học sinh còn chịu ảnh hưởng bởi hoàn cảnh kinh tế gia đình, tâm lý lựa chọn nghề theo số đông, theo mong muốn của cha mẹ hoặc theo quan niệm truyền thống; thậm chí có em phải sớm tham gia lao động để phụ giúp gia đình nên chưa có điều kiện cân nhắc đầy đủ về con đường học tập và nghề nghiệp của bản thân.

Thực tiễn cho thấy, nếu được tư vấn hướng nghiệp đúng đắn, học sinh nông thôn có thể phát huy tốt những lợi thế của mình, lựa chọn được ngành nghề phù hợp với năng lực, điều kiện gia đình và nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Ngược lại, nếu thiếu định hướng hoặc lựa chọn nghề nghiệp không phù hợp, các em có thể gặp khó khăn trong quá trình học tập, dễ bỏ học giữa chừng, thất nghiệp hoặc làm việc không đúng chuyên môn được đào tạo, gây lãng phí thời gian, kinh phí của gia đình và xã hội.

Vì vậy, nâng cao chất lượng công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT ở vùng nông thôn, vùng khó khăn không chỉ là trách nhiệm của riêng nhà trường mà cần có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cha mẹ học sinh và toàn xã hội.

Từ thực tiễn công tác quản lý, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động giáo dục tại Trường THPT Giồng Riềng – một trường THPT trên địa bàn nông thôn, nơi mà qua khảo sát của nhà trường có đến hơn 50% học sinh còn gặp khó khăn trong lựa chọn nghề nghiệp, ngành học, tôi xin chia sẻ một số thuận lợi, khó khăn và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trong thời gian tới.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP TẠI CÁC TRƯỜNG THPT Ở VÙNG NÔNG THÔN, VÙNG KHÓ KHĂN

2.1. Thuận lợi

Thứ nhất, công tác giáo dục hướng nghiệp ngày càng nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và ngành Giáo dục. Các chủ trương, chính sách về đổi mới giáo dục phổ thông, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và THPT, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động [1], [2] đã tạo cơ sở quan trọng để các nhà trường quan tâm nhiều hơn đến hoạt động hướng nghiệp. Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành [3] cũng đã chú trọng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tạo điều kiện để học sinh được tìm hiểu bản thân, khám phá nghề nghiệp và từng bước xây dựng định hướng tương lai.

Thứ hai, nhận thức của phụ huynh và học sinh về lựa chọn nghề nghiệp đã có những chuyển biến tích cực. Ngày càng có nhiều gia đình hiểu rằng đại học không phải là con đường duy nhất dẫn đến thành công; học nghề, học cao đẳng, tham gia đào tạo nghề chất lượng cao hoặc trực tiếp tham gia thị trường lao động sau khi tốt nghiệp THPT cũng là những lựa chọn đáng được quan tâm nếu phù hợp với năng lực và điều kiện của học sinh.

Thứ ba, sự phát triển của công nghệ thông tin và các nền tảng số đã tạo ra nhiều cơ hội để học sinh nông thôn tiếp cận thông tin nghề nghiệp. Thông qua internet, mạng xã hội, website tuyển sinh, các chương trình tư vấn trực tuyến, học sinh có thể tìm hiểu về ngành nghề, cơ sở đào tạo, phương thức tuyển sinh, nhu cầu việc làm và những yêu cầu về kỹ năng của từng lĩnh vực nghề nghiệp mà trước đây các em khó có điều kiện tiếp cận.

Thứ tư, các địa phương nông thôn hiện nay có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, nuôi trồng thủy sản, thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái, kinh tế số và các ngành nghề phục vụ sản xuất, kinh doanh. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để nhà trường tổ chức hoạt động hướng nghiệp gắn với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương, giúp học sinh nhận thấy cơ hội lập thân, lập nghiệp ngay trên quê hương mình.

Thứ năm, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong các trường THPT ngày càng quan tâm đến nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp. Nhiều trường đã chủ động lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào hoạt động dạy học, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa và phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp để tổ chức tư vấn tuyển sinh cho học sinh.

2.2. Hạn chế, khó khăn

Một là, nhận thức và khả năng lựa chọn nghề nghiệp của một bộ phận học sinh còn hạn chế.

Nhiều học sinh chưa thực sự hiểu rõ năng lực, sở trường, tính cách, điều kiện và mong muốn của bản thân. Việc lựa chọn ngành nghề đôi khi còn mang tính cảm tính, thiếu cơ sở khoa học; có em lựa chọn theo bạn bè, theo xu hướng xã hội hoặc chỉ quan tâm đến những ngành nghề được cho là có thu nhập cao mà chưa tìm hiểu đầy đủ yêu cầu chuyên môn, cơ hội việc làm và khả năng đáp ứng của bản thân.

Một bộ phận học sinh vẫn có tâm lý xem đại học là con đường duy nhất để thành công, trong khi chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, giá trị của giáo dục nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng nghề và các hình thức học tập linh hoạt khác.

Hai là, điều kiện kinh tế gia đình ảnh hưởng đáng kể đến quyết định nghề nghiệp của học sinh.

Đây là khó khăn mang tính đặc thù đối với học sinh vùng nông thôn. Nhiều gia đình có thu nhập không ổn định, chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, lao động phổ thông hoặc làm thuê. Chi phí học tập, sinh hoạt, đi lại tại các thành phố lớn là một trở ngại đáng kể đối với những học sinh có nguyện vọng học đại học, cao đẳng xa nhà.

Có những học sinh có năng lực học tập tốt, có nguyện vọng theo đuổi những ngành nghề đòi hỏi trình độ chuyên môn cao nhưng phải cân nhắc hoặc từ bỏ ước mơ do điều kiện kinh tế gia đình. Ngược lại, một số em lựa chọn đi làm ngay sau khi tốt nghiệp THPT mà chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp cần thiết.

Ba là, công tác tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường chưa thật sự chuyên sâu và thường xuyên.

Ở nhiều trường, giáo dục hướng nghiệp vẫn chủ yếu được thực hiện thông qua các tiết học theo chương trình, các buổi tư vấn tuyển sinh tập trung hoặc hoạt động ngoại khóa theo từng thời điểm. Nội dung đôi khi còn nặng về giới thiệu trường, ngành học và phương thức tuyển sinh, chưa đi sâu vào việc đánh giá năng lực, sở thích, tính cách, điều kiện kinh tế và hoàn cảnh cụ thể của từng học sinh.

Việc tư vấn cá nhân hóa, tư vấn theo nhóm đối tượng và theo từng giai đoạn học tập chưa được thực hiện thường xuyên. Đặc biệt, học sinh có học lực trung bình, học sinh có hoàn cảnh

khó khăn hoặc học sinh chưa xác định được mục tiêu nghề nghiệp chưa nhận được sự hỗ trợ tương xứng.

Bốn là, đội ngũ thực hiện công tác tư vấn hướng nghiệp còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn.

Phần lớn giáo viên kiêm nhiệm công tác hướng nghiệp, chưa được đào tạo chuyên sâu về tâm lý nghề nghiệp, kỹ năng tư vấn, đánh giá năng lực và xu hướng thị trường lao động [4]. Giáo viên có thể nắm vững chương trình giáo dục phổ thông nhưng chưa có đầy đủ thông tin thực tế về các ngành nghề mới, yêu cầu tuyển dụng, mức thu nhập và triển vọng phát triển của từng lĩnh vực.

Năm là, điều kiện tổ chức hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp còn hạn chế.

Do địa bàn trường học ở xa các khu công nghiệp, doanh nghiệp lớn, trường đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp nên việc tổ chức cho học sinh tham quan, trải nghiệm thực tế còn gặp khó khăn về kinh phí, phương tiện và thời gian [5]. Các hoạt động giao lưu với người lao động, chuyên gia, doanh nhân, cựu học sinh thành đạt trong nhiều lĩnh vực chưa được duy trì thường xuyên.

Sáu là, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa thật sự chặt chẽ.

Một số phụ huynh còn lựa chọn nghề nghiệp cho con theo kinh nghiệm cá nhân, quan niệm truyền thống hoặc mong muốn chủ quan mà chưa căn cứ đầy đủ vào năng lực, sở trường và nguyện vọng của học sinh. Một số gia đình có tâm lý chạy theo bằng cấp, trong khi những gia đình khác lại quá chú trọng việc con em sớm đi làm để có thu nhập.

Bên cạnh đó, mối liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn chưa thường xuyên, chưa hình thành được mạng lưới hỗ trợ hướng nghiệp có tính hệ thống.

Bảy là, thông tin về thị trường lao động địa phương còn thiếu tính cập nhật.

Nhà trường chưa có điều kiện thường xuyên tiếp cận những dữ liệu đầy đủ về nhu cầu tuyển dụng, ngành nghề đang thiếu lao động, yêu cầu trình độ và kỹ năng, xu hướng phát triển kinh tế của địa phương. Vì vậy, hoạt động tư vấn đôi khi chưa gắn kết chặt chẽ giữa nguyện vọng nghề nghiệp của học sinh với nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Từ những thuận lợi và khó khăn trên có thể nhận thấy, muốn nâng cao chất lượng công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, cần chuyển mạnh từ cách làm mang tính thời điểm, đại trà sang cách tiếp cận có kế hoạch, liên tục, phân hóa và cá nhân hóa; đồng thời phải gắn hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động của địa phương.

3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TƯ VẤN, HƯỚNG NGHIỆP

3.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh về công tác tư vấn, hướng nghiệp

Trước hết, cần xác định giáo dục hướng nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa chiến lược trong giáo dục toàn diện học sinh, không phải là hoạt động chỉ tập trung thực hiện vào cuối năm lớp 12 hoặc trong giai đoạn tuyển sinh đại học, cao đẳng.

Hiệu trưởng nhà trường cần đưa công tác giáo dục hướng nghiệp vào kế hoạch giáo dục hằng

năm [6], xác định rõ mục tiêu, nội dung, thời gian thực hiện, lực lượng tham gia và trách nhiệm của từng bộ phận. Đồng thời, cần tăng cường tuyên truyền để giáo viên nhận thức được vai trò của mình trong việc phát hiện năng lực, sở trường, hứng thú nghề nghiệp của học sinh thông qua quá trình dạy học và giáo dục.

Đối với học sinh, cần giúp các em nhận thức rằng lựa chọn nghề nghiệp là quyết định quan trọng của cuộc đời, phải dựa trên sự hiểu biết về bản thân, năng lực học tập, điều kiện gia đình, nhu cầu xã hội và khả năng phát triển lâu dài. Cần khắc phục quan niệm coi trọng bằng cấp, xem nhẹ giáo dục nghề nghiệp; đồng thời khẳng định rằng mọi nghề nghiệp chân chính, phù hợp với năng lực và mang lại giá trị cho xã hội đều đáng trân trọng.

Đối với phụ huynh, nhà trường cần tổ chức các buổi tuyên truyền, trao đổi trong các cuộc họp cha mẹ học sinh để giúp phụ huynh hiểu rõ vai trò đồng hành, định hướng, tôn trọng nguyện vọng của con em, tránh áp đặt hoặc lựa chọn nghề nghiệp thay cho các em.

3.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp xuyên suốt ba năm học THPT, có tính phân hóa theo từng khối lớp

Nhà trường cần xây dựng chương trình hướng nghiệp có tính liên tục, phù hợp với đặc điểm tâm lý và mức độ trưởng thành của học sinh ở từng khối lớp.

Đối với học sinh lớp 10, trọng tâm là giúp các em khám phá bản thân, nhận diện năng lực, sở thích, tính cách, điểm mạnh, điểm hạn chế và bước đầu tìm hiểu thế giới nghề nghiệp. Các hoạt động có thể bao gồm trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp [7], giao lưu với người lao động, tìm hiểu các nhóm ngành nghề và nhận diện những năng lực cần thiết đối với từng lĩnh vực.

Đối với học sinh lớp 11, cần tập trung vào việc tìm hiểu sâu hơn các ngành nghề, lĩnh vực đào tạo, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu nhân lực. Học sinh cần được tham gia các hoạt động trải nghiệm, tham quan, giao lưu với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở đào tạo để có cái nhìn thực tế về công việc tương lai.

Đối với học sinh lớp 12, cần tập trung tư vấn chuyên sâu về lựa chọn ngành nghề, tổ hợp xét tuyển, phương thức tuyển sinh, điều kiện tài chính, học phí, cơ hội học bổng, việc làm sau đào tạo và các con đường học tập khác nhau. Đặc biệt, cần hỗ trợ từng học sinh xây dựng phương án sau tốt nghiệp THPT, có phương án chính và phương án dự phòng phù hợp.

Cách làm này giúp hoạt động hướng nghiệp không còn mang tính phong trào, mà trở thành một quá trình giáo dục liên tục, giúp học sinh từng bước hình thành và điều chỉnh quyết định nghề nghiệp một cách có cơ sở.

3.3. Đổi mới nội dung và phương thức tư vấn hướng nghiệp theo hướng cá nhân hóa, lấy học sinh làm trung tâm

Đây là giải pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Mỗi học sinh có năng lực, sở thích, hoàn cảnh gia đình và điều kiện phát triển khác nhau. Vì vậy, không thể sử dụng một nội dung tư vấn chung để áp dụng cho tất cả học sinh.

Nhà trường cần tổ chức khảo sát, tìm hiểu nguyện vọng nghề nghiệp của học sinh ngay từ đầu cấp THPT. Có thể sử dụng các phiếu khảo sát, công cụ trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp, bảng đánh giá năng lực và các hình thức trao đổi trực tiếp để nhận diện đặc điểm của từng học sinh. Kết

quả khảo sát cần được sử dụng như một nguồn thông tin tham khảo trong quá trình tư vấn, không xem là căn cứ duy nhất để quyết định nghề nghiệp.

Trên cơ sở đó, có thể phân nhóm học sinh theo định hướng nghề nghiệp như: nhóm có nguyện vọng học đại học; nhóm có nguyện vọng học cao đẳng, trung cấp hoặc giáo dục nghề nghiệp; nhóm có nhu cầu tham gia thị trường lao động sau tốt nghiệp; nhóm chưa xác định được mục tiêu nghề nghiệp; nhóm có hoàn cảnh khó khăn cần được tư vấn và hỗ trợ.

Đối với mỗi nhóm, nhà trường xây dựng nội dung tư vấn phù hợp. Đặc biệt, cần quan tâm đến những học sinh có học lực chưa cao nhưng có năng khiếu thực hành, khéo léo, sáng tạo hoặc có khả năng kinh doanh, sản xuất. Không nên chỉ căn cứ vào điểm số học tập để đánh giá tiềm năng nghề nghiệp của học sinh.

Ngoài tư vấn tập thể, cần tăng cường tư vấn cá nhân, tạo điều kiện để học sinh được trao đổi trực tiếp với giáo viên, cán bộ tư vấn hoặc chuyên gia. Giáo viên cần lắng nghe, phân tích, cung cấp thông tin khách quan, giúp học sinh tự đưa ra quyết định thay vì áp đặt một lựa chọn có sẵn.

3.4. Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, kết nối nhà trường với doanh nghiệp và cơ sở đào tạo

Hướng nghiệp chỉ thực sự có hiệu quả khi học sinh được tiếp xúc với thực tế nghề nghiệp [8], được quan sát, trải nghiệm và hiểu những yêu cầu cụ thể của từng công việc.

Đối với trường học ở nông thôn, không nhất thiết phải tổ chức những chuyến tham quan tốn kém đến các thành phố lớn hoặc những doanh nghiệp ở xa. Nhà trường có thể khai thác ngay những điều kiện sẵn có tại địa phương để tổ chức hoạt động hướng nghiệp.

Cụ thể, chủ động phối hợp với các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp, cơ sở chế biến nông sản, thủy sản, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, cơ sở du lịch và các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn để tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu quy trình sản xuất, phương thức kinh doanh, yêu cầu về trình độ và kỹ năng nghề nghiệp.

Đồng thời, nhà trường có thể mời cựu học sinh thành đạt, doanh nhân, cán bộ kỹ thuật, bác sĩ, kỹ sư, giáo viên, người lao động có kinh nghiệm và những người đang làm việc trong các lĩnh vực khác nhau về giao lưu, chia sẻ với học sinh.

Cần chú trọng giới thiệu những tấm gương lập nghiệp thành công từ chính quê hương, nhất là những người đã trưởng thành từ điều kiện khó khăn, biết tận dụng kiến thức, công nghệ và lợi thế địa phương để phát triển kinh tế. Qua đó, giúp học sinh nhận thấy rằng cơ hội nghề nghiệp không chỉ tập trung ở các đô thị lớn mà còn hiện diện ngay tại địa phương nếu các em có kiến thức, kỹ năng và ý chí vươn lên.

Đối với những trường ở xa các trung tâm đào tạo, có thể tổ chức các buổi giao lưu trực tuyến với trường đại học, cao đẳng, trường nghề và doanh nghiệp. Đây là phương thức tiết kiệm chi phí nhưng vẫn giúp học sinh có cơ hội tiếp cận thông tin nghề nghiệp đa dạng.

3.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác tư vấn hướng nghiệp

Trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế, ứng dụng công nghệ thông tin là giải pháp có khả năng tạo ra sự thay đổi tích cực với chi phí phù hợp.

Nhà trường cần xây dựng chuyên mục hoặc không gian thông tin hướng nghiệp trên website, trang thông tin điện tử, mạng xã hội chính thức hoặc các nền tảng quản lý học tập của nhà trường. Nội dung cần được cập nhật thường xuyên, bao gồm thông tin tuyển sinh, các ngành đào tạo, điều kiện xét tuyển, học phí, học bổng, cơ hội việc làm, chính sách hỗ trợ học sinh, thông tin tuyển dụng và các chương trình đào tạo nghề.

Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh khai thác những nguồn thông tin chính thống để tìm hiểu nghề nghiệp, sử dụng các công cụ trực tuyến để khám phá sở thích, năng lực và tìm hiểu yêu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó, cần tổ chức các buổi tư vấn với đại diện các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.

Đặc biệt, nhà trường cần hướng dẫn học sinh kỹ năng kiểm chứng thông tin, nhận diện những nội dung quảng cáo tuyển sinh thiếu chính xác, những lời giới thiệu việc làm không đáng tin cậy hoặc những thông tin cam kết thu nhập không có cơ sở. Việc sử dụng công nghệ số trong hướng nghiệp phải đi đôi với giáo dục kỹ năng tìm kiếm, chọn lọc và đánh giá thông tin.

3.6. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên phụ trách công tác tư vấn, hướng nghiệp

Chất lượng công tác giáo dục hướng nghiệp phụ thuộc rất lớn vào năng lực của đội ngũ thực hiện. Do đó, cần quan tâm bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tư vấn nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và những giáo viên có khả năng tham gia công tác tư vấn học sinh.

Nội dung bồi dưỡng cần tập trung vào các vấn đề: kiến thức cơ bản về tâm lý lứa tuổi và tâm lý nghề nghiệp; phương pháp khám phá năng lực, sở thích của học sinh; kỹ năng tư vấn, lắng nghe, đặt câu hỏi và định hướng lựa chọn; kiến thức về hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục nghề nghiệp, tuyển sinh và thị trường lao động; kỹ năng sử dụng các nền tảng số phục vụ tư vấn hướng nghiệp.

Nhà trường cần phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm vì đây là lực lượng gần gũi, thường xuyên tiếp xúc và hiểu rõ hoàn cảnh, năng lực, tâm tư, nguyện vọng của học sinh. Giáo viên bộ môn cũng cần tích cực lồng ghép nội dung giới thiệu nghề nghiệp vào quá trình dạy học, giúp học sinh nhận biết mối liên hệ giữa kiến thức môn học với các ngành nghề trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, cần hình thành mạng lưới cộng tác viên hướng nghiệp gồm cán bộ quản lý, giáo viên, cựu học sinh, chuyên gia, đại diện doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo để hỗ trợ nhà trường trong quá trình tổ chức các hoạt động tư vấn.

3.7. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội

Công tác hướng nghiệp sẽ khó đạt hiệu quả nếu chỉ được thực hiện trong phạm vi nhà trường. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên, có trách nhiệm giữa các lực lượng tham gia.

Đối với gia đình, nhà trường cần giúp phụ huynh hiểu rằng lựa chọn nghề nghiệp phải xuất phát từ sự phù hợp giữa năng lực, sở thích của con em với yêu cầu nghề nghiệp và điều kiện thực tế. Cha mẹ cần là người đồng hành, chia sẻ và hỗ trợ, không nên áp đặt nguyện vọng cá nhân hoặc tạo áp lực về bằng cấp đối với con.

Đối với chính quyền địa phương, cần tăng cường cung cấp thông tin về định hướng phát triển

kinh tế – xã hội, nhu cầu nhân lực và những ngành nghề có tiềm năng phát triển trên địa bàn. Đồng thời, tạo điều kiện để nhà trường kết nối với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất và các tổ chức kinh tế tại địa phương.

Đối với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp, cần xây dựng mối quan hệ phối hợp lâu dài với nhà trường phổ thông, không chỉ tập trung giới thiệu tuyển sinh mà cần cung cấp thông tin khách quan về chương trình đào tạo, yêu cầu đầu vào, chuẩn đầu ra, chi phí học tập, cơ hội việc làm và các chính sách hỗ trợ người học.

Đối với doanh nghiệp, cần khuyến khích tham gia vào hoạt động hướng nghiệp thông qua việc tiếp nhận học sinh tham quan, trải nghiệm, giao lưu nghề nghiệp, giới thiệu nhu cầu tuyển dụng và yêu cầu kỹ năng đối với người lao động.

3.8. Quan tâm tư vấn, hỗ trợ đặc biệt đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn; gắn hướng nghiệp với công tác phân luồng và tạo cơ hội lập nghiệp tại quê hương

Đây là giải pháp cần được đặc biệt quan tâm đối với các trường ở vùng nông thôn, vùng khó khăn. Nhà trường cần rà soát, nắm chắc hoàn cảnh kinh tế, điều kiện học tập, năng lực và nguyện vọng của từng học sinh, nhất là những em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách, học sinh mồ côi hoặc có nguy cơ không thể tiếp tục học tập sau khi tốt nghiệp THPT.

Đối với học sinh có nguyện vọng học đại học, cao đẳng nhưng gặp khó khăn về kinh tế, cần cung cấp đầy đủ thông tin về học bổng, tín dụng học sinh, sinh viên, chính sách miễn giảm học phí và các chương trình hỗ trợ học tập. Cần tư vấn để các em lựa chọn cơ sở đào tạo, ngành học và phương án tài chính phù hợp, tránh trường hợp phải bỏ dở việc học vì thiếu thông tin.

Đối với học sinh có nguyện vọng học nghề hoặc tham gia thị trường lao động, cần cung cấp thông tin về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng, chương trình đào tạo gắn với thực hành, chính sách hỗ trợ học nghề, cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau này.

Đặc biệt, cần đổi mới tư duy hướng nghiệp theo hướng không chỉ khuyến khích học sinh rời quê hương để tìm kiếm việc làm tại các đô thị lớn mà còn giúp các em nhận diện tiềm năng phát triển của quê hương mình. Những ngành nghề như nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ khí phục vụ sản xuất, chế biến nông sản, nuôi trồng thủy sản, thương mại điện tử, logistics, du lịch sinh thái, kinh doanh dịch vụ và khởi nghiệp tại địa phương cần được quan tâm giới thiệu.

Qua đó, giúp học sinh hiểu rằng trở về quê hương lập nghiệp, ứng dụng kiến thức khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và góp phần phát triển địa phương cũng là một lựa chọn nghề nghiệp có giá trị. Mục tiêu của hướng nghiệp không chỉ là giúp học sinh tìm được một công việc mà còn là giúp các em có khả năng tự chủ, phát triển bản thân và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

Công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần quyết định chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai. Đối với học sinh ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, nhiệm vụ này càng có ý nghĩa sâu sắc hơn, bởi hướng nghiệp đúng đắn không chỉ giúp các em lựa chọn được con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp mà còn mở ra cơ hội thay đổi cuộc sống, vươn lên thoát nghèo, phát triển bản thân và đóng góp cho quê hương, đất nước.

Thiết nghĩ, muốn nâng cao chất lượng công tác tư vấn hướng nghiệp, điều quan trọng nhất

là phải thay đổi tư duy và cách làm: từ tư vấn mang tính đại trà sang tư vấn cá nhân hóa; từ cung cấp thông tin đơn thuần sang phát triển năng lực lựa chọn nghề nghiệp; từ hoạt động riêng lẻ trong nhà trường sang sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, doanh nghiệp và xã hội; từ định hướng học sinh chỉ tập trung vào một số con đường học tập sang mở rộng cơ hội phát triển nghề nghiệp phù hợp với năng lực, hoàn cảnh và nhu cầu của từng em.

Đặc biệt, đối với học sinh nông thôn, cần giúp các em có niềm tin rằng hoàn cảnh xuất phát không quyết định giới hạn tương lai; các em hoàn toàn có thể thành công bằng nhiều con đường khác nhau nếu được định hướng đúng, có ý chí phấn đấu, được trang bị kiến thức, kỹ năng và có cơ hội tiếp cận những chính sách hỗ trợ phù hợp.

Mỗi học sinh cần được quan tâm, tư vấn và tạo cơ hội lựa chọn con đường đi của riêng mình. Không để hoàn cảnh kinh tế khó khăn, sự thiếu hụt thông tin hay khoảng cách địa lý trở thành rào cản khiến các em phải từ bỏ ước mơ và cơ hội phát triển.

Với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục THPT, tôi xác định sẽ tiếp tục quan tâm chỉ đạo đổi mới công tác giáo dục hướng nghiệp, phát huy vai trò của đội ngũ nhà giáo, tăng cường kết nối với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, đồng thời huy động sự chung tay của gia đình và cộng đồng nhằm giúp mỗi học sinh sau khi tốt nghiệp THPT đều có định hướng rõ ràng, có sự chuẩn bị cần thiết và tự tin bước vào tương lai.

Hy vọng rằng, với sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ và phối hợp của các cấp lãnh đạo, các cơ quan, đơn vị và toàn xã hội để công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT ở vùng nông thôn, vùng khó khăn ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
4. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
5. Nguyen, H. L., Dam, A. T. V., & Ha, L. T. K. (2024). Evaluation of the organization and effectiveness of career counseling for Vietnamese high school students. *Humanities and Social Sciences Letters, 12*(2), 383–393. https://doi.org/10.18488/73.v12i2.3755
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
7. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
8. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT GÒ QUAO

Quách Quốc Cần

Trường THPT Gò Quao, tỉnh An Giang

Email: quachquoccan@gmail.com

Tóm tắt: *Tư vấn hướng nghiệp và tư vấn phân luồng giúp học sinh nhận diện năng lực, sở thích, điều kiện cá nhân và lựa chọn lộ trình học tập, nghề nghiệp phù hợp. Từ thực tiễn Trường THPT Gò Quao, tỉnh An Giang, bài viết khái quát cách tổ chức tư vấn xuyên suốt các khối lớp, tích hợp trong môn học và hoạt động giáo dục, phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng; hỗ trợ học sinh lựa chọn môn học, chuẩn bị kỳ thi tốt nghiệp THPT và đăng ký xét tuyển. Trên cơ sở kết quả và hạn chế, bài viết đề xuất các giải pháp nâng cao tính cá nhân hóa, tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp, phát huy vai trò gia đình và đối tác đào tạo, ứng dụng công nghệ số và xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả công tác hướng nghiệp giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *tư vấn hướng nghiệp; phân luồng học sinh; lựa chọn môn học; trải nghiệm nghề nghiệp; Trường THPT Gò Quao*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh thị trường lao động thay đổi nhanh chóng, yêu cầu về năng lực nghề nghiệp ngày càng đa dạng và quá trình chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, hướng nghiệp trong trường trung học không thể chỉ dừng lại ở việc giới thiệu một số ngành nghề hoặc tư vấn tuyển sinh vào thời điểm cuối cấp. Công tác hướng nghiệp cần được tổ chức thường xuyên, có hệ thống, bắt đầu từ việc giúp học sinh hiểu bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp, nhận biết yêu cầu của từng lĩnh vực, từ đó xây dựng kế hoạch học tập và lựa chọn lộ trình sau khi hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông [1].

Đối với học sinh trung học phổ thông (THPT), lựa chọn môn học, tổ hợp xét tuyển, ngành học và cơ sở đào tạo có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Nếu lựa chọn thiếu thông tin hoặc chịu ảnh hưởng quá lớn từ tâm lý đám đông, mong muốn của gia đình hay quan niệm xã hội về một số ngành nghề, học sinh có thể gặp khó khăn trong quá trình học tập, tuyển sinh và phát triển nghề nghiệp. Vì vậy, tư vấn hướng nghiệp cần được thực hiện trên cơ sở tôn trọng sự khác biệt của từng học sinh, kết hợp giữa năng lực, sở thích, kết quả học tập, điều kiện gia đình và nhu cầu nhân lực của xã hội.

Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 của Ban Tổ chức Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang" [2] đặt ra yêu cầu đánh giá thực trạng, chia sẻ mô hình và kinh nghiệm, đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng hướng nghiệp, phân luồng. Từ yêu cầu đó, bài tham luận tập trung chia sẻ thực tiễn tổ chức tư vấn tại Trường THPT Gò Quao, phân tích những kết quả, vấn đề cần tiếp tục cải thiện và đề xuất định hướng triển khai trong giai đoạn 2026–2030.

Mục tiêu của bài viết là làm rõ cách tổ chức tư vấn hướng nghiệp và phân luồng theo tiến

trình học tập của học sinh; khẳng định vai trò phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cơ sở đào tạo; đề xuất nhóm giải pháp có thể triển khai phù hợp với điều kiện của nhà trường và định hướng phát triển giáo dục của tỉnh An Giang.

2. THỰC TRẠNG VÀ PHÂN TÍCH CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG TẠI TRƯỜNG THPT GÒ QUAO

2.1. Cách tiếp cận và tổ chức thực hiện

Tại Trường THPT Gò Quao, công tác tư vấn hướng nghiệp được triển khai theo hướng xuyên suốt quá trình học tập của học sinh, thay vì tập trung riêng vào năm lớp 12. Nội dung hướng nghiệp được lồng ghép trong các môn học, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Giáo dục địa phương. Qua các hoạt động này, học sinh từng bước tìm hiểu mối liên hệ giữa kiến thức phổ thông với lĩnh vực nghề nghiệp, nhận diện sở trường, hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin và chuẩn bị cho những quyết định học tập ở từng giai đoạn.

Ngay sau khi hoàn thành công tác tuyển sinh vào lớp 10, nhà trường tổ chức tư vấn, định hướng cho học sinh đầu cấp về việc lựa chọn nhóm môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [3]. Nội dung tư vấn hướng đến việc giúp học sinh cân nhắc giữa năng lực học tập, sở thích, dự định nghề nghiệp và yêu cầu của các ngành học trong tương lai. Đây là bước quan trọng để học sinh hiểu rằng việc lựa chọn môn học không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt mà còn cần tính đến lộ trình học tập lâu dài.

Đối với học sinh lớp 11, sau khi kết thúc năm học, nhà trường tư vấn để các em rà soát, lựa chọn nhóm môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp. Việc tư vấn giúp học sinh có cơ sở tập trung học tập, củng cố kiến thức và chủ động chuẩn bị cho năm lớp 12, trong đó có kỳ thi tốt nghiệp THPT và quá trình xét tuyển vào đại học, cao đẳng hoặc lựa chọn các hướng đi khác sau tốt nghiệp.

Đối với học sinh lớp 12, ngay từ đầu năm học, nhà trường rà soát thông tin đăng ký môn học và định hướng của học sinh từ cuối lớp 11, kết hợp phân tích kết quả học tập để tư vấn cho học sinh và cha mẹ học sinh về các lựa chọn nghề nghiệp, ngành học và lộ trình sau THPT. Trong năm học, nhà trường phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các trường đại học tổ chức hoạt động tư vấn, giải đáp thắc mắc về lựa chọn nghề, đặc điểm ngành đào tạo, yêu cầu đầu vào và cơ hội học tập. Sau khi học sinh hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, nhà trường tiếp tục phổ biến quy chế thi tốt nghiệp THPT, quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng và hướng dẫn học sinh tiếp cận thông tin tuyển sinh chính thống.

Sau khi có kết quả thi, hoạt động tư vấn được tiếp tục thông qua việc hỗ trợ học sinh phân tích kết quả cá nhân, tham khảo điểm chuẩn và dữ liệu tuyển sinh của những năm trước, tìm hiểu yêu cầu của ngành và cơ sở đào tạo, từ đó sắp xếp nguyện vọng theo hướng phù hợp, có tính đến mức độ cạnh tranh và khả năng trúng tuyển. Việc tham khảo điểm chuẩn các năm trước chỉ có ý nghĩa định hướng, không được xem là sự bảo đảm về kết quả tuyển sinh của năm hiện tại.

2.2. Quy mô và hình thức triển khai

Theo số liệu thực tế do nhà trường cung cấp, 100% học sinh ở tất cả các lớp được tham gia hoạt động tư vấn hướng nghiệp. Bên cạnh hoạt động tư vấn tại trường, nhà trường phối hợp với các cơ

sở giáo dục đại học tổ chức các buổi tư vấn, giao lưu, giải đáp thông tin tuyển sinh và định hướng ngành nghề. Đối với học sinh lớp 10 và lớp 11, hoạt động phối hợp với các trường đại học được tổ chức 2 buổi/năm; đối với học sinh lớp 12, tổ chức 4 buổi/năm. Các hoạt động được bố trí theo nhu cầu từng khối lớp, chú trọng cung cấp thông tin và tạo cơ hội để học sinh trao đổi trực tiếp với đơn vị đào tạo.

Nhà trường còn tổ chức cho học sinh tham quan, trải nghiệm và giao lưu thực tế tại một số cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh, gồm Đại học Kiên Giang, Đại học Cần Thơ, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Cao đẳng Kiên Giang và Cao đẳng Y tế. Qua hoạt động trải nghiệm, học sinh có điều kiện quan sát môi trường học tập, tìm hiểu ngành nghề, cơ sở vật chất, phương thức đào tạo và trao đổi với đại diện cơ sở đào tạo. Những trải nghiệm này góp phần giúp học sinh hình dung cụ thể hơn về lựa chọn sau THPT, thay vì chỉ tiếp nhận thông tin qua tài liệu hoặc các buổi giới thiệu.

Có thể khái quát quy mô triển khai qua các thông tin sau:

- 100% học sinh các lớp tham gia hoạt động tư vấn hướng nghiệp.
- Khối lớp 10 và lớp 11: phối hợp với các trường đại học tổ chức 2 buổi tư vấn/năm.
- Khối lớp 12: tổ chức 4 buổi tư vấn/năm, gắn với định hướng ngành học, kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh sau THPT.
- Hình thức thực hiện: tư vấn tại trường, tích hợp trong hoạt động giáo dục, tư vấn từ cơ sở đào tạo và tham quan, trải nghiệm thực tế.

2.3. Kết quả đạt được

Về kết quả sau tốt nghiệp, trong năm học 2025–2026, Trường THPT Gò Quao có 320 học sinh lớp 12; tỷ lệ học sinh đỗ đại học, cao đẳng đạt 83,17%. Đây là thông tin thực tiễn có ý nghĩa để nhà trường tiếp tục rà soát hiệu quả tư vấn ngành nghề, lựa chọn môn học và hỗ trợ đăng ký xét tuyển. Trong năm học 2026–2027, quy mô học sinh lớp 12 là 340 em. Số liệu này là cơ sở để nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch tư vấn, bố trí các buổi hướng nghiệp, phối hợp với cơ sở đào tạo và theo dõi nhu cầu định hướng sau THPT của học sinh.

Thứ nhất, công tác tư vấn đã được tiếp cận theo tiến trình nhiều năm học. Học sinh lớp 10 được định hướng lựa chọn môn học ngay từ đầu cấp; học sinh lớp 11 được hỗ trợ điều chỉnh lựa chọn theo năng lực và dự định nghề nghiệp; học sinh lớp 12 được tư vấn sâu hơn về ngành học, kỳ thi và phương án sau tốt nghiệp. Cách làm này tạo điều kiện để học sinh có thời gian suy nghĩ, tìm hiểu và điều chỉnh quyết định thay vì phải lựa chọn trong thời gian ngắn.

Thứ hai, độ bao phủ của hoạt động tư vấn tương đối rộng, với 100% học sinh các lớp tham gia. Việc đưa nội dung hướng nghiệp vào môn học, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Giáo dục địa phương giúp hoạt động này gắn với quá trình giáo dục thường xuyên, không tách rời việc dạy học và rèn luyện.

Thứ ba, sự phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tạo thêm kênh tiếp cận thông tin cho học sinh. Các buổi tư vấn trực tiếp và chuyến tham quan, trải nghiệm góp phần giúp các em tìm hiểu ngành đào tạo, môi trường học tập và yêu cầu của từng lĩnh vực. Đây là hình thức có giá trị thực tiễn, nhất là đối với học sinh chưa có nhiều điều kiện tiếp cận thông tin tuyển sinh và nghề nghiệp.

Thứ tư, hoạt động tư vấn sau kỳ thi được nối tiếp bằng việc hướng dẫn học sinh tìm hiểu quy chế tuyển sinh và phân tích điểm chuẩn của các năm trước. Nhờ đó, tư vấn không dừng lại ở việc khuyến khích học sinh lựa chọn một ngành nghề mà còn hỗ trợ các em chuyển hóa định hướng thành những bước đăng ký cụ thể.

2.4. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

Bên cạnh kết quả đã đạt được, công tác tư vấn hướng nghiệp và phân luồng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Trước hết, học sinh có sự khác biệt về năng lực học tập, sở thích, điều kiện kinh tế gia đình và mức độ hiểu biết về thị trường lao động. Một hoạt động tư vấn chung có thể cung cấp thông tin nền tảng nhưng chưa đủ để giải quyết đầy đủ nhu cầu riêng của từng học sinh. Vì vậy, cần tăng cường các hình thức tư vấn cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ, nhất là với học sinh còn phân vân về lựa chọn môn học, ngành học và lộ trình sau tốt nghiệp.

Thứ hai, thông tin về ngành nghề, yêu cầu tuyển dụng, học phí, cơ hội thực tập và việc làm có thể thay đổi theo thời gian. Nếu học sinh chỉ dựa vào điểm chuẩn của các năm trước hoặc thông tin giới thiệu chung, các em có thể chưa đánh giá đầy đủ yêu cầu học tập và đặc điểm công việc thực tế. Nhà trường cần hướng dẫn học sinh kiểm chứng thông tin từ nguồn chính thức, đồng thời tăng cường kết nối với cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp và người lao động.

Thứ ba, việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh chịu ảnh hưởng từ gia đình, bạn bè và quan niệm xã hội. Một số em có thể ưu tiên ngành nghề theo xu hướng hoặc theo kỳ vọng của người thân mà chưa cân nhắc đầy đủ năng lực, sở thích và điều kiện của bản thân. Do đó, tư vấn hướng nghiệp cần đồng thời hỗ trợ cha mẹ học sinh hiểu vai trò đồng hành, tôn trọng sự khác biệt và trao đổi với con dựa trên thông tin đáng tin cậy.

Thứ tư, hiệu quả của hoạt động hướng nghiệp chưa nên chỉ được đánh giá bằng số buổi tổ chức hoặc số học sinh tham gia. Cần có thêm dữ liệu về mức độ hiểu biết của học sinh trước và sau tư vấn, khả năng xây dựng kế hoạch nghề nghiệp, sự phù hợp của lựa chọn môn học, tình hình tiếp tục học tập hoặc tham gia thị trường lao động sau tốt nghiệp. Hiện bài viết sử dụng các số liệu triển khai do nhà trường cung cấp; chưa có bộ dữ liệu định lượng đầy đủ để kết luận về tác động dài hạn đối với kết quả tuyển sinh hoặc việc làm của học sinh.

Những khó khăn trên xuất phát từ tính đa dạng của đối tượng học sinh, sự biến động của thông tin nghề nghiệp và tuyển sinh, yêu cầu phối hợp nhiều bên, cũng như nhu cầu xây dựng công cụ theo dõi kết quả hướng nghiệp theo thời gian. Đây là những vấn đề cần được tính đến khi thiết kế giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIAI ĐOẠN 2026–2030

3.1. Xây dựng kế hoạch hướng nghiệp theo tiến trình và nhu cầu từng khối lớp

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch hướng nghiệp hằng năm gắn với kế hoạch giáo dục nhà trường, phân định rõ mục tiêu, nội dung, người phụ trách, thời điểm thực hiện và cách đánh giá đối với từng khối lớp. Ở lớp 10, trọng tâm là giúp học sinh hiểu bản thân, tìm hiểu nhóm ngành nghề và lựa chọn môn học phù hợp. Ở lớp 11, cần củng cố năng lực ra quyết định, rà soát lựa chọn môn học và xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho năm cuối cấp. Ở lớp 12, tập trung tư vấn chuyên sâu về ngành nghề, quy chế thi, thông tin tuyển sinh, lựa chọn nguyện vọng và các lộ trình khác sau khi

hoàn thành chương trình.

Kế hoạch nên có các mốc rà soát định kỳ để học sinh được điều chỉnh định hướng khi kết quả học tập, sở thích hoặc điều kiện cá nhân thay đổi. Việc tư vấn cần bảo đảm tính liên tục, tránh dồn quá nhiều nội dung vào thời điểm gần kỳ thi hoặc thời gian đăng ký tuyển sinh.

3.2. Tăng cường tư vấn cá nhân hóa dựa trên năng lực, sở thích và điều kiện thực tế

Nhà trường cần kết hợp nhiều nguồn thông tin khi tư vấn, bao gồm kết quả học tập, năng lực thể hiện qua quá trình học, sở thích, kỹ năng, điều kiện gia đình và mong muốn của học sinh. Có thể sử dụng phiếu tự đánh giá, bảng hỏi về sở thích nghề nghiệp (chẳng hạn dựa trên mô hình sở thích nghề nghiệp của Holland [4]), hồ sơ định hướng cá nhân và các cuộc trao đổi giữa học sinh với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên tư vấn hoặc cha mẹ học sinh. Các công cụ này cần được sử dụng như nguồn tham khảo để mở rộng trao đổi, không dùng một bài trắc nghiệm đơn lẻ để quyết định nghề nghiệp thay cho học sinh.

Với học sinh có kết quả học tập chưa ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc chưa xác định được mục tiêu, nhà trường nên tổ chức tư vấn riêng, cung cấp thông tin về học nghề, giáo dục nghề nghiệp, cơ hội học tập liên thông, học bổng và các phương án phù hợp. Tư vấn phân luồng cần bảo đảm công bằng, không gắn lựa chọn học nghề với đánh giá thấp năng lực học sinh, đồng thời tôn trọng quyền và nguyện vọng của mỗi em.

3.3. Tích hợp hướng nghiệp trong môn học và hoạt động giáo dục

Các tổ chuyên môn cần chủ động xác định nội dung có thể liên hệ với nghề nghiệp trong từng môn học. Chẳng hạn, môn Toán có thể gắn với phân tích dữ liệu, tài chính, kỹ thuật và công nghệ; các môn khoa học tự nhiên có thể giới thiệu lĩnh vực y tế, môi trường, nông nghiệp, công nghệ thực phẩm và kỹ thuật; môn Tin học có thể liên hệ với công nghệ thông tin, an toàn số và phân tích dữ liệu; các môn khoa học xã hội hỗ trợ tìm hiểu giáo dục, truyền thông, luật, dịch vụ và quản lý. Việc tích hợp cần xuất phát từ yêu cầu cần đạt của môn học, tránh biến tiết học thành buổi quảng bá nghề nghiệp.

Trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Giáo dục địa phương, cần tăng cường các nhiệm vụ thực hành như tìm hiểu một nghề tại địa phương, phỏng vấn người lao động, khảo sát nhu cầu nhân lực, xây dựng hồ sơ nghề nghiệp cá nhân và trình bày kế hoạch sau THPT. Các sản phẩm học tập có thể được lưu trong hồ sơ hướng nghiệp để học sinh nhìn thấy sự phát triển trong nhận thức và lựa chọn của mình.

3.4. Phát triển hợp tác thực chất với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp

Nhà trường cần duy trì quan hệ phối hợp với các trường đại học, cao đẳng đã tham gia tư vấn, đồng thời từng bước mở rộng kết nối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên (GDNN – GDTX), doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Hoạt động phối hợp nên được xây dựng theo kế hoạch, có mục tiêu rõ ràng và phù hợp với nhu cầu từng khối lớp, thay vì chỉ tổ chức giới thiệu tuyển sinh.

Bên cạnh các buổi tư vấn, có thể phát triển hình thức tham quan cơ sở đào tạo, trải nghiệm phòng thực hành, giao lưu với sinh viên, cựu học sinh và người lao động; tổ chức ngày hội nghề nghiệp hoặc tọa đàm về các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực tại địa phương. Khi tổ chức trải nghiệm,

nhà trường cần chuẩn bị câu hỏi định hướng, nhiệm vụ quan sát và hoạt động phản hồi sau chuyến đi để chuyển trải nghiệm thành hiểu biết có ích cho quyết định của học sinh.

Hợp tác với doanh nghiệp cần hướng đến cung cấp thông tin chân thực về nhiệm vụ công việc, điều kiện làm việc, kỹ năng cần thiết, cơ hội phát triển và yêu cầu tuyển dụng [5]. Thông tin tuyển sinh hoặc quảng bá của đơn vị đối tác cần được trình bày minh bạch; nhà trường giữ vai trò điều phối, bảo đảm học sinh được tiếp cận đa dạng lựa chọn và không bị định hướng một chiều.

3.5. Nâng cao chất lượng phối hợp giữa nhà trường và gia đình

Cha mẹ học sinh có ảnh hưởng lớn đến quyết định học tập và nghề nghiệp của con. Vì vậy, nhà trường cần lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào các cuộc họp cha mẹ học sinh, gửi tài liệu hướng dẫn lựa chọn môn học và lộ trình sau THPT, tổ chức chuyên đề trao đổi về cách hỗ trợ con ra quyết định. Nội dung tư vấn cần nhấn mạnh việc lắng nghe, tôn trọng năng lực và nguyện vọng của học sinh, cùng tìm hiểu thông tin và cân nhắc điều kiện thực tế.

Trong các trường hợp học sinh và cha mẹ có quan điểm khác nhau, giáo viên chủ nhiệm và bộ phận phụ trách hướng nghiệp cần tạo điều kiện để các bên trao đổi dựa trên dữ liệu học tập, thông tin nghề nghiệp và các phương án cụ thể. Mục tiêu là giúp học sinh đưa ra quyết định có trách nhiệm, có sự đồng hành của gia đình, thay vì áp đặt hoặc lựa chọn theo cảm tính.

3.6. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm

Nhà trường có thể xây dựng kho thông tin hướng nghiệp số gồm tài liệu về ngành nghề, cơ sở đào tạo, quy chế tuyển sinh, học phí, học bổng, yêu cầu đầu vào và các đường dẫn đến nguồn chính thức. Giáo viên hướng dẫn học sinh cách tìm kiếm, đối chiếu và cập nhật thông tin; lưu ý thời hạn tuyển sinh và các quy định có thể thay đổi hằng năm.

Các công cụ số và trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ học sinh gợi ý câu hỏi tự khám phá, so sánh đặc điểm ngành học hoặc xây dựng kế hoạch tìm hiểu nghề. Tuy nhiên, kết quả do công cụ tạo ra chỉ có giá trị tham khảo, có thể thiếu cập nhật hoặc không chính xác. Học sinh cần kiểm chứng thông tin với cơ sở đào tạo và nguồn chính thống; không cung cấp dữ liệu cá nhân nhạy cảm lên nền tảng không bảo đảm an toàn. Giáo viên giữ vai trò hướng dẫn, giải thích giới hạn của công cụ và hỗ trợ học sinh đánh giá thông tin một cách phản biện.

3.7. Bồi dưỡng đội ngũ và xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả

Cần phân công rõ trách nhiệm của ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, tổ tư vấn học đường và các lực lượng phối hợp. Đội ngũ tham gia hướng nghiệp cần được bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, kỹ năng khai thác thông tin tuyển sinh, phương pháp tổ chức trải nghiệm và khả năng nhận diện những trường hợp cần hỗ trợ chuyên sâu [6]. Nhà trường có thể tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề, chia sẻ tình huống tư vấn và cập nhật tài liệu định kỳ.

Để đánh giá hiệu quả, ngoài chỉ số về mức độ bao phủ và số hoạt động, cần xây dựng bộ tiêu chí theo dõi như: tỷ lệ học sinh hoàn thành hồ sơ định hướng cá nhân; mức độ hiểu biết về các lộ trình sau THPT; khả năng giải thích lý do lựa chọn môn học, ngành học; mức độ tham gia của cha mẹ học sinh; số lượng và chất lượng hoạt động trải nghiệm; mức độ hài lòng của học sinh; tình hình học tập hoặc lựa chọn sau tốt nghiệp khi có dữ liệu phù hợp. Các tiêu chí cần được sử dụng để cải tiến kế hoạch, không nhằm tạo áp lực hoặc xếp hạng học sinh.

Nhà trường nên thực hiện khảo sát ngắn trước và sau một số hoạt động trọng tâm, tổng hợp phản hồi của học sinh và giáo viên, đồng thời theo dõi thông tin sau tốt nghiệp trong phạm vi phù hợp và bảo đảm quyền riêng tư. Dữ liệu cần được phân tích theo khối lớp và nhu cầu hỗ trợ để xác định hoạt động nào có hiệu quả, hoạt động nào cần điều chỉnh.

3.8. Định hướng lộ trình triển khai giai đoạn 2026–2030

Giai đoạn 2026–2027, nhà trường ưu tiên rà soát kế hoạch hiện có, chuẩn hóa quy trình tư vấn theo khối lớp, hoàn thiện hồ sơ định hướng cá nhân và hệ thống tài liệu thông tin nghề nghiệp. Đồng thời, duy trì các hoạt động tư vấn và trải nghiệm đang triển khai, thu thập phản hồi ban đầu để xác định nhu cầu của học sinh. Với quy mô 340 học sinh lớp 12 trong năm học 2026–2027, nhà trường cần phân nhóm nhu cầu tư vấn theo năng lực học tập, dự định nghề nghiệp và nguyện vọng sau tốt nghiệp để tổ chức hỗ trợ phù hợp.

Giai đoạn 2027–2028, tăng cường tư vấn cá nhân hóa, mở rộng phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, phát triển hoạt động trải nghiệm gắn với nghề nghiệp và nhu cầu nhân lực địa phương. Các tổ chuyên môn tiếp tục xây dựng nội dung tích hợp hướng nghiệp trong môn học và hoạt động giáo dục.

Giai đoạn 2028–2030, tập trung đánh giá kết quả triển khai dựa trên dữ liệu qua các năm, điều chỉnh các hoạt động chưa hiệu quả và chia sẻ mô hình phù hợp với các đơn vị giáo dục khác. Các mục tiêu định lượng cụ thể cần được xác định trong kế hoạch hằng năm trên cơ sở nguồn lực, dữ liệu nền và chỉ đạo của ngành; tránh đặt chỉ tiêu không có căn cứ hoặc chỉ đánh giá thành công bằng số lượng sự kiện.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Tư vấn hướng nghiệp và tư vấn phân luồng là quá trình đồng hành lâu dài, giúp học sinh hiểu bản thân, hiểu thế giới nghề nghiệp và chủ động lựa chọn lộ trình học tập phù hợp. Thực tiễn tại Trường THPT Gò Quao cho thấy nhà trường đã triển khai hoạt động hướng nghiệp xuyên suốt các khối lớp, tích hợp trong môn học và hoạt động giáo dục; 100% học sinh các lớp tham gia tư vấn; đồng thời phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tổ chức tư vấn và trải nghiệm thực tế. Việc hỗ trợ học sinh từ lựa chọn môn học ở đầu cấp đến tìm hiểu tuyển sinh sau kỳ thi tốt nghiệp góp phần hình thành quy trình tư vấn liên tục.

Để nâng cao hiệu quả trong giai đoạn 2026–2030, cần chuyển mạnh từ cung cấp thông tin đại trà sang hỗ trợ ra quyết định có căn cứ; từ giới thiệu nghề sang trải nghiệm nghề; từ hoạt động riêng lẻ sang phối hợp thường xuyên giữa nhà trường, gia đình, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; từ đánh giá bằng số lượng hoạt động sang đánh giá dựa trên mức độ phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh. Công tác phân luồng cần được thực hiện theo hướng mở, tôn trọng năng lực, nguyện vọng và điều kiện của mỗi em, bảo đảm rằng các lộ trình học tập và nghề nghiệp đều được cung cấp thông tin đầy đủ, công bằng.

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, cần tiếp tục cung cấp hướng dẫn chuyên môn, tài liệu thông tin nghề nghiệp và tuyển sinh đáng tin cậy; tạo điều kiện kết nối giữa trường phổ thông với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học, cao đẳng và doanh nghiệp; tổ chức bồi dưỡng đội ngũ làm công tác hướng nghiệp; đồng thời xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp để các đơn vị theo dõi và cải tiến

hoạt động. Đối với nhà trường, cần cụ thể hóa các giải pháp thành kế hoạch hằng năm, phân công trách nhiệm rõ ràng, huy động cha mẹ học sinh và đối tác tham gia, thường xuyên lấy ý kiến học sinh để điều chỉnh nội dung tư vấn.

Với cách tiếp cận liên tục, cá nhân hóa và gắn với trải nghiệm thực tế, công tác tư vấn hướng nghiệp và phân luồng tại trường trung học sẽ có điều kiện hỗ trợ học sinh đưa ra lựa chọn phù hợp hơn, góp phần phát triển nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh An Giang trong giai đoạn 2026–2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
2. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
4. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
5. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
6. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH THPT – TỪ THỰC TIỄN ĐẾN GIẢI PHÁP TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM, TỈNH AN GIANG

Huỳnh Vinh Huy

Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm, tỉnh An Giang

Email: huynhvinhhuy@gmail.com

Tóm tắt: *Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh giúp học sinh lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của địa phương. Từ thực tiễn Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm, bài viết phân tích kết quả (trong đó có số liệu tốt nghiệp và hướng đi sau tốt nghiệp giai đoạn 2024–2026), khó khăn, hạn chế trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Bài viết đề xuất các giải pháp đổi mới nội dung, phương thức tổ chức và cách đánh giá hiệu quả hướng nghiệp; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phân luồng học sinh thực chất, hiệu quả, bền vững giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; hoạt động trải nghiệm; phân luồng học sinh; giáo dục nghề nghiệp; nhà trường – doanh nghiệp*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển dịch mạnh mẽ, khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, đặc biệt là sự tác động của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) và quá trình hội nhập quốc tế, cơ cấu ngành nghề và yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực không ngừng thay đổi. Điều này đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với giáo dục phổ thông, không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức, phát triển năng lực học tập mà còn phải giúp học sinh hình thành khả năng nhận thức bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và lựa chọn hướng đi phù hợp.

Đối với học sinh trung học phổ thông (THPT), việc lựa chọn ngành học, nghề nghiệp và con đường tiếp tục học tập sau khi tốt nghiệp là một quyết định có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, không phải học sinh nào cũng hiểu rõ năng lực, sở trường, sở thích của bản thân hoặc có đầy đủ thông tin về yêu cầu của từng ngành nghề. Một bộ phận học sinh còn lựa chọn nghề nghiệp theo xu hướng đám đông, theo mong muốn của gia đình hoặc quan niệm cho rằng học đại học là con đường chủ yếu để lập thân, lập nghiệp. Trong khi đó, các con đường học tập khác như giáo dục nghề nghiệp (GDNN), đào tạo kỹ thuật, đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp vẫn chưa được một bộ phận học sinh và phụ huynh quan tâm đúng mức.

Thực tiễn đó cho thấy, giáo dục hướng nghiệp không thể chỉ được thực hiện thông qua một vài buổi tư vấn tuyển sinh vào cuối cấp mà cần trở thành quá trình giáo dục thường xuyên, có định hướng, có sự phối hợp và được tổ chức xuyên suốt trong những năm học THPT [1].

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực và định hướng nghề nghiệp cho học sinh [2]. Đây là cơ sở quan trọng để các nhà trường đổi mới cách tiếp cận, chuyển từ việc cung cấp thông tin nghề nghiệp đơn thuần sang tổ chức các hoạt động trải nghiệm, khám phá bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp và rèn luyện năng lực lựa chọn nghề.

Từ thực tiễn công tác quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục tại Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm, chúng tôi nhận thấy nhà trường đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai các hoạt động tư vấn tuyển sinh, trải nghiệm, hướng nghiệp và phối hợp với các đơn vị đào tạo, doanh nghiệp. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và mục tiêu phân luồng học sinh giai đoạn 2026–2030 [3], [4], cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tổ chức và nâng cao hiệu quả của các hoạt động này.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI NHÀ TRƯỜNG

2.1. Những kết quả đạt được

Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm hiện có 45 lớp với 2.001 học sinh trong năm học 2025–2026. Với quy mô học sinh tương đối lớn, công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng lựa chọn con đường học tập sau tốt nghiệp luôn được nhà trường quan tâm, xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình giáo dục toàn diện học sinh.

Trong thời gian qua, nhà trường đã triển khai công tác hướng nghiệp thông qua nhiều hình thức khác nhau. Nội dung hướng nghiệp được lồng ghép trong hoạt động dạy học và giáo dục, giúp học sinh nhận biết mối liên hệ giữa kiến thức môn học với các lĩnh vực nghề nghiệp; đồng thời tổ chức hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng với môi trường làm việc.

Đối với học sinh lớp 12, nhà trường quan tâm tổ chức tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, cung cấp thông tin về ngành học, phương thức tuyển sinh, cơ sở đào tạo và những lựa chọn sau khi tốt nghiệp. Nhà trường cũng chú trọng tư vấn lựa chọn môn học và định hướng nghề nghiệp để học sinh có cơ sở xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với mục tiêu cá nhân.

Nhà trường đã chủ động phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, cơ sở GDNN và doanh nghiệp để tổ chức tư vấn, giới thiệu ngành nghề và hoạt động trải nghiệm. Việc tham quan cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tạo thêm cơ hội để học sinh tiếp xúc với môi trường nghề nghiệp, tìm hiểu đặc điểm công việc và yêu cầu đối với người lao động. Đây là hướng tiếp cận có ý nghĩa bởi học sinh không chỉ tiếp nhận thông tin qua tài liệu, bài giảng mà còn có điều kiện quan sát và hình dung cụ thể hơn về nghề nghiệp.

Nhà trường đồng thời thực hiện thống kê tình hình học sinh sau tốt nghiệp, bao gồm học sinh tiếp tục học đại học, cao đẳng, GDNN và học sinh tham gia lao động. Nguồn thông tin này là căn cứ để nhà trường nhìn nhận kết quả định hướng nghề nghiệp và điều chỉnh nội dung tư vấn trong những năm học tiếp theo.

2.2. Kết quả học sinh tốt nghiệp và lựa chọn hướng đi sau tốt nghiệp

Số liệu thống kê của nhà trường trong ba năm 2024, 2025 và 2026 [5] cho thấy quy mô học sinh tốt nghiệp tương đối ổn định, tỷ lệ tốt nghiệp luôn duy trì ở mức cao. Năm 2024 và năm 2025, nhà trường có 648/648 và 658/658 học sinh tốt nghiệp, đều đạt 100%; năm 2026 có 657/659 học sinh tốt nghiệp, đạt 99,70%. Bảng 1 tổng hợp kết quả tốt nghiệp và tình hình học sinh được thống kê vào đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình THPT. Các tỷ lệ trong bảng được tính trên số học sinh tốt nghiệp của từng năm.

Bảng 1

Kết quả tốt nghiệp và tình hình học sinh vào đại học, cao đẳng giai đoạn 2024–2026

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Tổng số học sinh lớp 12	648	658	659
Số học sinh tốt nghiệp	648	658	657
Tỷ lệ tốt nghiệp	100%	100%	99,70%
Trúng tuyển đại học	437	508	493
Theo học cao đẳng	58	19	35
Đại học + cao đẳng	495 (76,39%)	527 (80,09%)	528 (80,37%)
Chưa xác định trong thống kê	153	131	129

Nguồn: Số liệu thống kê của Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm [5].

Từ bảng số liệu có thể thấy, số học sinh được thống kê trúng tuyển đại học và theo học cao đẳng lần lượt là 495 em năm 2024, 527 em năm 2025 và 528 em năm 2026. Tỷ lệ tương ứng tăng từ 76,39% năm 2024 lên 80,09% năm 2025 và 80,37% năm 2026. Trong đó, tỷ lệ học sinh trúng tuyển đại học đạt 67,44% năm 2024, tăng lên 77,20% năm 2025 và ở mức 75,04% năm 2026. Tỷ lệ học sinh theo học cao đẳng lần lượt là 8,95%, 2,89% và 5,33%. Như vậy, đại học vẫn là lựa chọn chiếm tỷ trọng lớn; đồng thời số học sinh theo học cao đẳng có sự biến động qua các năm, cho thấy cần tiếp tục cung cấp thông tin đầy đủ, khách quan về các loại hình đào tạo và cơ hội nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, số học sinh chưa xác định được hướng đi trong thống kê đại học, cao đẳng là 153 em năm 2024, 131 em năm 2025 và 129 em năm 2026, tương ứng 23,61%, 19,91% và 19,63% số học sinh tốt nghiệp. Cần nhấn mạnh rằng đây là nhóm chưa được xác định trong dữ liệu thống kê về đại học và cao đẳng, không đồng nghĩa với việc tất cả các em đều đi làm hoặc không tiếp tục học tập. Kết quả này cho thấy nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện việc theo dõi học sinh sau tốt nghiệp, cập nhật đầy đủ hơn các hướng đi như học nghề, tham gia lao động, học tập theo hình thức khác hoặc những lựa chọn khác.

Những số liệu trên vừa phản ánh kết quả bước đầu của công tác định hướng sau tốt nghiệp, vừa chỉ ra yêu cầu phải đổi mới cách đánh giá hiệu quả giáo dục hướng nghiệp. Không nên chỉ căn cứ vào tỷ lệ học sinh trúng tuyển đại học; cần xem xét toàn diện mức độ phù hợp giữa lựa chọn của học sinh với năng lực, sở trường, điều kiện gia đình và cơ hội phát triển nghề nghiệp. Đây cũng là cơ sở thực tiễn để nhà trường tăng cường tư vấn cá nhân hóa, đa dạng hóa trải nghiệm nghề nghiệp và phối hợp chặt chẽ hơn với gia đình, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

2.3. Những khó khăn, hạn chế

Một là, một bộ phận học sinh chưa xác định rõ năng lực, sở trường, sở thích và điểm mạnh của bản thân. Việc tìm hiểu nghề nghiệp đôi khi còn mang tính cảm tính, dựa trên thông tin từ bạn bè, mạng xã hội hoặc xu hướng lựa chọn của số đông; vì vậy có trường hợp lựa chọn ngành học chưa thực sự phù hợp với khả năng và điều kiện cá nhân.

Hai là, định hướng của gia đình có ảnh hưởng khá lớn đến quyết định nghề nghiệp. Một số phụ huynh có xu hướng định hướng con theo mong muốn hoặc quan niệm của gia đình mà chưa thực sự căn cứ vào năng lực, sở thích và nguyện vọng của học sinh.

Ba là, tâm lý ưu tiên con đường đại học vẫn còn phổ biến [6]. Một bộ phận học sinh và phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, cơ hội việc làm và khả năng phát triển nghề nghiệp thông qua GDNN.

Bốn là, hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp thực tế chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Cơ hội để tất cả học sinh được trải nghiệm trực tiếp trong môi trường nghề nghiệp còn hạn chế; một số hoạt động vẫn thiên về nghe giới thiệu, tư vấn và cung cấp thông tin, chưa tạo được nhiều điều kiện để học sinh quan sát quy trình lao động hoặc tương tác với người đang làm nghề.

Năm là, mức độ quan tâm của học sinh đối với GDNN chưa đồng đều. Một bộ phận học sinh chưa chủ động tìm hiểu chương trình đào tạo nghề, ngành nghề kỹ thuật và cơ hội việc làm sau đào tạo.

2.4. Nguyên nhân của những hạn chế

Những khó khăn trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Về phía học sinh, khả năng tự nhận thức, khám phá bản thân và tìm kiếm thông tin nghề nghiệp còn hạn chế; kỹ năng đưa ra quyết định và xây dựng kế hoạch tương lai chưa được hình thành đầy đủ. Về phía gia đình, một số phụ huynh chưa có đầy đủ thông tin về thị trường lao động, cơ hội đào tạo nghề và xu hướng phát triển của các ngành nghề mới; quan niệm về thành công nghề nghiệp đôi khi còn gắn chặt với bằng cấp hơn là năng lực thực hành.

Về phía nhà trường, việc tổ chức hoạt động hướng nghiệp cần tiếp tục đổi mới theo hướng cá thể hóa, tăng cường trải nghiệm thực tế và kết nối thường xuyên hơn với các đơn vị đào tạo, doanh nghiệp. Về phía các đơn vị phối hợp, mối liên kết cần được duy trì có kế hoạch, có nội dung cụ thể, tránh tình trạng phối hợp chủ yếu theo từng đợt tuyển sinh.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH GIAI ĐOẠN 2026–2030

3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp xuyên suốt ba năm học THPT

Chuyển từ cách tổ chức hướng nghiệp tập trung chủ yếu vào năm cuối cấp sang kế hoạch liên tục, phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhu cầu phát triển của học sinh từng khối lớp. Với lớp 10, trọng tâm là giúp học sinh nhận thức về bản thân, khám phá sở thích, năng lực và bước đầu tìm hiểu thế giới nghề nghiệp. Với lớp 11, tăng cường tìm hiểu nhóm ngành, yêu cầu năng lực, điều kiện đào tạo và cơ hội việc làm; tổ chức trải nghiệm, giao lưu với người lao động, sinh viên, cựu học sinh và doanh nghiệp. Với lớp 12, tập trung tư vấn lựa chọn ngành học, cơ sở đào tạo và con đường sau

tốt nghiệp, cân nhắc đồng thời năng lực học tập, nguyện vọng, điều kiện gia đình và cơ hội việc làm. Cách tổ chức theo lộ trình giúp tránh dồn hoạt động tư vấn vào thời điểm học sinh chuẩn bị tốt nghiệp.

3.2. Đổi mới hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng tăng cường tiếp xúc thực tiễn

Tăng cường tham quan cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và môi trường làm việc. Mỗi hoạt động cần có chủ đề cụ thể, giúp học sinh tìm hiểu quy trình sản xuất, đặc điểm công việc, yêu cầu chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất cần thiết. Có thể tổ chức giao lưu với người lao động, kỹ thuật viên, chuyên gia và cựu học sinh [7]. Sau hoạt động, học sinh cần có nhiệm vụ phản hồi, viết thu hoạch hoặc trình bày điều đã khám phá. Hoạt động trải nghiệm cần phù hợp điều kiện nhà trường, lứa tuổi và bảo đảm an toàn; không chỉ mang tính tham quan mà phải trở thành quá trình học tập giúp học sinh kiểm chứng nhận thức và điều chỉnh lựa chọn.

3.3. Tăng cường tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa

Xây dựng quy trình tư vấn dựa trên năng lực, sở thích, nguyện vọng và điều kiện của từng học sinh. Giáo viên chủ nhiệm theo dõi quá trình học tập và trao đổi với học sinh; giáo viên bộ môn cung cấp thông tin về năng lực học tập; bộ phận phụ trách hướng nghiệp hỗ trợ thông tin ngành nghề, cơ sở đào tạo và thị trường lao động. Có thể xây dựng hồ sơ định hướng nghề nghiệp gồm kết quả học tập, sở thích, năng lực nổi trội, nhóm ngành quan tâm, nguyện vọng gia đình và dự kiến con đường sau tốt nghiệp. Các công cụ trắc nghiệm chỉ là nguồn tham khảo, không thay thế tư vấn chuyên môn và quyết định của học sinh.

3.4. Thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên giữa nhà trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp

Nhà trường chủ động xác định nhu cầu hướng nghiệp, xây dựng kế hoạch phối hợp và lựa chọn nội dung trải nghiệm. Cơ sở đào tạo cung cấp thông tin chính xác về chương trình, chuẩn đầu ra, điều kiện tuyển sinh, liên thông và việc làm. Doanh nghiệp tham gia giới thiệu vị trí việc làm, yêu cầu năng lực, môi trường lao động và xu hướng ngành nghề. Đối với An Giang, cần quan tâm kết nối với các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực và phù hợp định hướng phát triển địa phương như nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông – thủy sản, thương mại, dịch vụ, logistics, du lịch và ngành nghề kỹ thuật. Thông tin cần được cập nhật từ nhu cầu thực tế, tránh giới thiệu ngành nghề thiếu căn cứ. Về lâu dài, có thể xây dựng mạng lưới đối tác hướng nghiệp với đầu mối, nội dung, thời gian và trách nhiệm cụ thể.

3.5. Phát huy vai trò của gia đình trong định hướng nghề nghiệp

Thông qua họp cha mẹ học sinh, hội thảo hướng nghiệp và các kênh thông tin của nhà trường, cần giúp phụ huynh hiểu rằng lựa chọn nghề nghiệp phải xuất phát từ sự phù hợp giữa năng lực, sở thích, nguyện vọng của học sinh với điều kiện thực tế và yêu cầu xã hội. Cung cấp thông tin khách quan về đại học, cao đẳng, GDNN, đào tạo kỹ năng và cơ hội tham gia thị trường lao động. Giáo viên chủ nhiệm chủ động trao đổi với phụ huynh khi học sinh còn phân vân hoặc chịu áp lực từ định hướng gia đình. Cần thống nhất quan điểm: không có một con đường học tập mặc nhiên phù hợp với tất cả học sinh; điều quan trọng là lựa chọn đúng hướng đi và có khả năng phát triển.

3.6. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong công tác hướng nghiệp

Xây dựng kho dữ liệu hướng nghiệp điện tử về ngành nghề, cơ sở đào tạo, điều kiện tuyển sinh, yêu cầu năng lực, cơ hội việc làm và chính sách hỗ trợ. Sử dụng khảo sát trực tuyến, công cụ khám phá sở thích và AI để hỗ trợ học sinh bước đầu tìm hiểu nhóm ngành, đồng thời giúp giáo viên tổng hợp nhu cầu tư vấn. Có thể xây dựng hồ sơ hướng nghiệp điện tử để theo dõi sự thay đổi về sở thích, nguyện vọng và lựa chọn qua từng năm. Cần bảo đảm tính chính xác, bảo mật dữ liệu cá nhân và kiểm chứng thông tin do công cụ cung cấp; công nghệ chỉ hỗ trợ, không thay thế tư vấn chuyên môn.

4. ĐỔI MỚI CÁCH ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG

Hiệu quả công tác hướng nghiệp không nên chỉ được đánh giá bằng số lượng học sinh tham gia các buổi tư vấn hoặc tỷ lệ trúng tuyển đại học. Cần đánh giá trên cả quá trình và kết quả, tập trung vào một số nội dung sau:

Thứ nhất, đánh giá mức độ tham gia và tính liên tục của hoạt động hướng nghiệp đối với từng khối lớp, bảo đảm học sinh có cơ hội tiếp cận thông tin và trải nghiệm nghề nghiệp trong suốt quá trình học tập.

Thứ hai, đánh giá khả năng nhận thức và định hướng nghề nghiệp của học sinh: các em có xác định được năng lực, sở thích, nhóm ngành quan tâm và con đường học tập dự kiến hay không.

Thứ ba, đánh giá mức độ phù hợp giữa lựa chọn của học sinh với kết quả học tập, năng lực cá nhân và điều kiện thực tế.

Thứ tư, tăng cường theo dõi học sinh sau tốt nghiệp, thống kê các hướng đi như học đại học, cao đẳng, GDNN hoặc tham gia lao động. Định kỳ tổng hợp thông tin để nhận diện vấn đề, điều chỉnh nội dung và phương thức tư vấn.

Thứ năm, khảo sát ý kiến học sinh, cha mẹ học sinh về mức độ hữu ích của hoạt động hướng nghiệp, đồng thời ghi nhận phản hồi từ cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

Việc theo dõi kết quả sau tốt nghiệp không chỉ là công việc thống kê mà còn là kênh phản hồi giúp nhà trường kiểm chứng chất lượng định hướng nghề nghiệp. Tuy nhiên, không nên đánh giá chất lượng hướng nghiệp bằng cách áp đặt một tỷ lệ học sinh nhất định phải lựa chọn GDNN hay đại học. Mục tiêu phân luồng là giúp học sinh có lựa chọn phù hợp, tự nguyện và có khả năng phát triển, không phải chuyển dịch cơ học số lượng học sinh giữa các loại hình đào tạo.

5. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

5.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

Tăng cường hướng dẫn chuyên môn về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng; tổ chức diễn đàn, hội thảo và hoạt động kết nối trường THPT với cơ sở GDNN, doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động; xây dựng hoặc kết nối cơ sở dữ liệu về ngành nghề, nhu cầu nhân lực, thông tin tuyển sinh và xu hướng việc làm trên địa bàn tỉnh; quan tâm bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về phương pháp tư vấn, kỹ năng đánh giá năng lực và ứng dụng công nghệ số.

5.2. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp

Tăng cường phối hợp với trường THPT trong tổ chức tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp và giới thiệu môi trường đào tạo, lao động thực tế; cung cấp thông tin minh bạch về chương trình đào tạo, yêu cầu nghề nghiệp, cơ hội việc làm và khả năng phát triển; tạo điều kiện để học sinh tiếp xúc với người lao động, chuyên gia và vị trí công việc phù hợp với lứa tuổi, bảo đảm an toàn.

5.3. Đối với các trường THPT

Xác định giáo dục hướng nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên, có sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên, giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và các tổ chức trong nhà trường; xây dựng kế hoạch theo từng năm học, từng khối lớp; chủ động phối hợp với đơn vị đào tạo, doanh nghiệp và tổ chức xã hội; thực hiện theo dõi, đánh giá và cập nhật kết quả học sinh sau tốt nghiệp để nâng cao chất lượng hướng nghiệp.

6. KẾT LUẬN

Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh không chỉ là một nhiệm vụ trong chương trình giáo dục phổ thông mà còn là trách nhiệm của nhà trường đối với tương lai của mỗi học sinh và chất lượng nguồn nhân lực của địa phương.

Từ thực tiễn triển khai tại Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm, có thể nhận thấy việc tổ chức tư vấn tuyển sinh, trải nghiệm, ngoại khóa, phối hợp với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đã tạo nền tảng quan trọng cho công tác hướng nghiệp. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của giai đoạn 2026–2030, nhà trường cần tiếp tục đổi mới, chuyển từ tư vấn mang tính thời điểm sang giáo dục hướng nghiệp liên tục; từ cung cấp thông tin sang tổ chức trải nghiệm thực tế; từ định hướng chung sang tư vấn phù hợp với từng cá nhân.

Muốn làm được điều đó, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình, cơ sở GDNN, doanh nghiệp và cơ quan quản lý giáo dục. Trong đó, nhà trường giữ vai trò trung tâm tổ chức, kết nối và đồng hành cùng học sinh; gia đình là lực lượng hỗ trợ quan trọng; cơ sở đào tạo và doanh nghiệp là những chủ thể cung cấp môi trường trải nghiệm và thông tin nghề nghiệp thực tiễn.

Chúng tôi cho rằng, hiệu quả cao nhất của giáo dục hướng nghiệp không phải là có bao nhiêu học sinh lựa chọn một con đường đào tạo cụ thể, mà là có bao nhiêu học sinh hiểu mình, hiểu nghề, biết cân nhắc và lựa chọn được con đường phù hợp với khả năng, điều kiện và khát vọng của bản thân. Mỗi học sinh cần được trao cơ hội để lựa chọn một hướng đi phù hợp; mỗi con đường học tập và lao động chân chính đều cần được tôn trọng. Đó cũng chính là ý nghĩa nhân văn và mục tiêu cốt lõi của công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong nhà trường phổ thông hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
3. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An*

Giang.

4. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
5. Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (2024–2026). *Số liệu thống kê kết quả tốt nghiệp THPT và tình hình học sinh sau tốt nghiệp* (tài liệu nội bộ).
6. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
7. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP GẮN VỚI CÁ NHÂN HÓA LỘ TRÌNH HỌC TẬP – KINH NGHIỆM TỔ CHỨC SONG SONG LỚP HỌC TRUYỀN THỐNG VÀ LỚP HỌC THEO MÔN TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN HÙNG SƠN

Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn

Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Email: c3nguyenhungson.kiengiang@moet.edu.vn

Tóm tắt: *Bài viết phân tích thực trạng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng tại Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn qua số liệu 4 năm học (2022–2026). Tỷ lệ tốt nghiệp duy trì 99–100%, trúng tuyển đại học, cao đẳng khoảng 80%; tuy nhiên, lựa chọn môn học, môn thi chưa gắn chặt với nhóm ngành ưu tiên của tỉnh, tỷ lệ học cao đẳng còn thấp và chưa có cơ chế theo dõi học sinh sau tốt nghiệp. Bài viết giới thiệu mô hình tổ chức song song lớp học truyền thống và lớp học theo môn ở khối 12 từ năm học 2026–2027 như giải pháp đột phá nhằm cá nhân hóa lộ trình học tập gắn với định hướng nghề nghiệp; đồng thời đề xuất giải pháp về tư vấn chọn môn, hồ sơ hướng nghiệp số, trải nghiệm nghề, theo dõi sau tốt nghiệp và kiến nghị giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng; lớp học theo môn; cá nhân hóa học tập; hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đặt ra yêu cầu tạo đột phá để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước [1]. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng đã xác định cấp trung học phổ thông (THPT) là giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: ngoài các môn học bắt buộc, học sinh được lựa chọn môn học và chuyên đề học tập phù hợp với nguyện vọng, năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân [2]. Như vậy, hướng nghiệp ở THPT không còn là một hoạt động riêng lẻ mà đã gắn trực tiếp với cách nhà trường tổ chức lớp học, môn học và lộ trình học tập của từng học sinh [3].

Đối với tỉnh An Giang, các nhóm ngành, nghề có tiềm năng và nhu cầu nhân lực cao giai đoạn 2026–2030 được xác định bao gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo; cơ khí, điện, điện tử, tự động hóa; công nghệ thông tin và chuyển đổi số; logistics và dịch vụ cảng; du lịch, dịch vụ; kinh tế biển; nông nghiệp công nghệ cao; chế biến nông sản, thủy sản; y tế và chăm sóc sức khỏe. Điều này đặt ra yêu cầu công tác hướng nghiệp ở trường THPT không chỉ dừng ở việc giúp học sinh "chọn trường, chọn ngành" vào năm lớp 12, mà phải giúp các em chọn đúng lộ trình học tập ngay từ lớp 10 và được học đúng lộ trình đó trong suốt cấp học.

Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn (phường Rạch Giá) là trường THPT công lập có quy mô 45 lớp, khoảng 1.850–1.990 học sinh mỗi năm học. Bài tham luận trình bày thực trạng công tác hướng nghiệp, phân luồng của nhà trường qua số liệu nhiều năm, chia sẻ kinh nghiệm tổ chức song song lớp học truyền thống và lớp học theo môn đối với khối 12 từ năm học 2026–2027, từ đó đề

xuất các giải pháp và kiến nghị cho giai đoạn 2026–2030 [4].

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG TẠI NHÀ TRƯỜNG

2.1. Khái quát điều kiện của nhà trường

Năm học 2026–2027, nhà trường có 45 lớp với 1.855 học sinh [5] (khối 10: 628; khối 11: 614; khối 12: 613), trong đó có 04 học sinh khuyết tật học hòa nhập. Nhà trường có 101 cán bộ, viên chức, người lao động, trong đó 04 lãnh đạo trường và 86 giáo viên; 26 người có trình độ thạc sĩ. Về cơ sở vật chất, 45/45 phòng học được trang bị tivi thông minh kết nối Internet; trường có 03 phòng Tin học với 135 máy tính, 02 phòng thực hành Vật lí, Hóa học, Sinh học và 01 phòng tư vấn tâm lý học đường. Tuy vậy, nhà trường vẫn thiếu phòng học bộ môn, phòng thực hành và chưa có không gian riêng cho hoạt động hướng nghiệp.

2.2. Các hoạt động hướng nghiệp đã triển khai

a) Tổ chức lựa chọn môn học gắn với định hướng nghề nghiệp

Hằng năm, nhà trường xây dựng các nhóm môn học lựa chọn và cụm chuyên đề học tập trên cơ sở khả năng đáp ứng về đội ngũ, cơ sở vật chất (năm học 2025–2026 khối 10 có 08 nhóm môn học lựa chọn) để học sinh đăng ký theo năng lực, sở thích và ngành nghề dự định, nhà trường tổ chức lớp tăng tiết khối 12 theo hình thức lớp học theo môn ngay từ đầu năm học, đáp ứng nguyện vọng của 100% học sinh lớp 12 trong việc ôn tập các môn tự chọn thi tốt nghiệp. Đây là tiền đề để năm học 2026–2027 nhà trường triển khai đầy đủ mô hình song song hai loại lớp học (trình bày tại mục 3.1).

b) Các hoạt động tư vấn, trải nghiệm thường xuyên hằng năm

Nhà trường duy trì ổn định các hoạt động sau, góp phần thực hiện Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông [6], [7]:

- *Tư vấn chọn môn học lựa chọn cho học sinh lớp 9 và lớp 10:* Hằng năm, vào đầu năm học, nhà trường tổ chức 02 đợt tư vấn dành cho học sinh lớp 9 (đối tượng tuyển sinh vào lớp 10) và học sinh lớp 10, trước thời điểm các em đăng ký môn học lựa chọn và tổ hợp môn học. Qua các đợt tư vấn, các em được giới thiệu cấu trúc Chương trình giáo dục phổ thông, các tổ hợp môn học của nhà trường, mối liên hệ giữa môn học lựa chọn với tổ hợp xét tuyển đại học, cao đẳng và nhóm ngành nghề tương ứng; đồng thời hướng dẫn học sinh tự đánh giá năng lực, sở thích, định hướng nghề nghiệp của bản thân và giải đáp trực tiếp thắc mắc của học sinh, cha mẹ học sinh. Nhờ vậy, học sinh có cơ sở lựa chọn môn học phù hợp, hạn chế tình trạng chọn môn theo phong trào hoặc theo bạn bè.
- *Ngày hội tư vấn tuyển sinh – hướng nghiệp:* 1–2 lần/năm học, nhà trường phối hợp với Báo Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tạp chí Giáo dục TP. Hồ Chí Minh) qua các chương trình "Đúng ngành nghề – Sáng tương lai", "Tiếp bước trường thi"… Học sinh được các chuyên gia, đại diện trường đại học giới thiệu xu hướng ngành nghề, phương thức xét tuyển và giải đáp trực tiếp các băn khoăn.
- *Tham quan hướng nghiệp:* 1 lần/năm học tại các trường Đại học Cần Thơ, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Đại học An Giang, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kiên Giang, Cao

đẳng Kiên Giang và các trường đại học trong khu vực miền Tây. Học sinh được tham quan phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, trao đổi với giảng viên, sinh viên, qua đó hình dung cụ thể môi trường học tập và nghề nghiệp tương lai.

c) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN-HN)

Các chủ đề về định hướng nghề nghiệp trong chương trình được tổ chức nghiêm túc. Rút kinh nghiệm từ khó khăn trong phân công chuyên môn các năm học trước, từ năm học 2026–2027 HĐTN-HN được tổ chức theo hai hình thức: (1) học các chủ đề trong sách giáo khoa theo đơn vị lớp; (2) hoạt động theo quy mô toàn trường không bắt buộc theo trình tự sách giáo khoa, lồng ghép các hoạt động hướng nghiệp, đồng thời tăng cường hợp tác với doanh nghiệp địa phương.

d) Tích hợp hướng nghiệp trong môn học và nghiên cứu khoa học

Các tổ chuyên môn lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào bài học; nhiều giáo viên có sáng kiến, chuyên đề về chủ đề này như: "Phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp trong HĐTN-HN", "Phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp trong giảng dạy Hóa học cho học sinh khối 12", "Tích hợp giáo dục hướng nghiệp thông qua một số bài học chương trình Hóa học 12", "Phát huy hiệu quả hoạt động Phòng Tư vấn học đường". Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường là kênh trải nghiệm nghề nghiệp nghiên cứu: năm học 2025–2026 có 39 đề tài của 55 học sinh, 02 dự án cấp tỉnh đạt giải Nhì.

2.3. Kết quả tốt nghiệp và trúng tuyển đại học, cao đẳng

Bảng 1

Kết quả tốt nghiệp THPT và trúng tuyển đại học, cao đẳng (năm học 2022–2023 đến 2025–2026)

Năm học	Tốt nghiệp THPT	Trúng tuyển ĐH, CĐ (số HS – tỷ lệ)	Ghi chú
2022–2023	655/655 – 100%	512/645 – 79,38%	
2023–2024	632/633 – 99,84%	514/633 – 81,20%	
2024–2025	631/631 – 100%	516/631 – 81,80%	ĐH: 497; CĐ: 19
2025–2026	632/634 – 99,68%	509/632 – 80,84%	ĐH: 486; CĐ: 23

Nguồn: Thống kê chất lượng giáo dục hằng năm của Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn [8], [9].

Số liệu cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp THPT được duy trì ổn định ở mức 99–100%; tỷ lệ trúng tuyển đại học, cao đẳng giữ ổn định. Điều này phản ánh hiệu quả bước đầu của công tác tư vấn tuyển sinh và hướng dẫn đăng ký xét tuyển. Tuy nhiên, có hai điểm cần lưu ý: (1) học sinh trúng tuyển cao đẳng chỉ chiếm khoảng 3,0–3,6% số học sinh tốt nghiệp (19/631 và 23/632), còn xa mục tiêu phân luồng vào giáo dục nghề nghiệp; (2) mỗi năm có khoảng 115–123 học sinh (khoảng 18–19%) không trúng tuyển đại học, cao đẳng nhưng nhà trường chưa có dữ liệu về hướng đi của các em (học trung cấp, học nghề, đi làm, du học, thực hiện nghĩa vụ quân sự…).

2.4. Lựa chọn môn thi tốt nghiệp và định hướng nghề nghiệp

Từ năm 2025, học sinh thi 2 môn bắt buộc (Toán, Ngữ văn) và 2 môn tự chọn. Lựa chọn môn tự chọn phần lớn gắn với tổ hợp xét tuyển, tức là gắn trực tiếp với ngành nghề dự định học. Thống kê hai năm đầu thi theo Chương trình 2018 như sau:

Bảng 2

Số lượt học sinh chọn môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và 2026

Môn thi tự chọn	Năm 2025 (lượt)	Tỷ lệ/631 HS	Năm 2026 (lượt)	Tỷ lệ/634 HS
Vật lí	253	40,1%	260	41,0%
Hóa học	196	31,1%	185	29,2%
Sinh học	70	11,1%	50	7,9%
Lịch sử	242	38,4%	297	46,8%
Địa lí	117	18,5%	121	19,1%
Giáo dục KT&PL	114	18,1%	113	17,8%
Tiếng Anh	254	40,3%	230	36,3%
Tin học	0	0%	5	0,8%
Công nghệ (CN, NN)	15	2,4%	3	0,5%

Nguồn: Thống kê của Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn [8].

Số liệu cho thấy học sinh tập trung vào các môn Vật lí, Lịch sử, Tiếng Anh, Hóa học. Đáng chú ý, mặc dù nhà trường đã tổ chức dạy Tin học, Công nghệ trong nhiều nhóm môn lựa chọn, số học sinh chọn thi hai môn này chỉ chiếm khoảng 1% (8 học sinh năm 2026); tỷ lệ chọn Sinh học giảm từ 11,1% xuống 7,9%. Trong khi đó, công nghệ thông tin, điện – điện tử, tự động hóa, nông nghiệp công nghệ cao, y tế… lại là những nhóm ngành tỉnh có nhu cầu nhân lực cao. Có dấu hiệu một bộ phận học sinh chọn môn thi theo khả năng đạt điểm cao và tính an toàn khi xét tuyển hơn là theo năng lực, sở trường và ngành nghề mong muốn.

2.5. Hạn chế và nguyên nhân

Từ thực tiễn và số liệu nêu trên, công tác hướng nghiệp, phân luồng của nhà trường còn một số hạn chế:

- Chưa có cơ chế thu thập, theo dõi hướng đi của học sinh sau tốt nghiệp, nhất là nhóm không trúng tuyển đại học, cao đẳng; do đó chưa đánh giá được đầy đủ hiệu quả phân luồng.
- Tỷ lệ học sinh lựa chọn cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp còn thấp; tâm lý "phải vào đại học" của học sinh và cha mẹ học sinh còn phổ biến; thông tin về lộ trình liên thông, cơ hội việc làm sau cao đẳng chưa được giới thiệu đầy đủ.
- Việc lựa chọn môn học, môn thi chưa gắn chặt với nhu cầu nhân lực của tỉnh; các môn Tin học, Công nghệ chưa thu hút học sinh.
- Hoạt động trải nghiệm chủ yếu diễn ra tại các trường đại học; trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn ít.

- Đội ngũ thực hiện HĐTN-HN và tư vấn chủ yếu là giáo viên kiêm nhiệm, chưa được bồi dưỡng chuyên sâu về tư vấn nghề nghiệp [10]; cơ sở vật chất phục vụ hướng nghiệp (phòng thực hành, phòng bộ môn) còn thiếu.

Nguyên nhân: *Về khách quan*, cơ sở vật chất của nhà trường chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu; quỹ đất hẹp; cơ chế phối hợp giữa nhà trường với doanh nghiệp chưa được quy định cụ thể; định kiến xã hội về học nghề vẫn còn. *Về chủ quan*, nhà trường mới tập trung vào mục tiêu tốt nghiệp và trúng tuyển, chưa xây dựng hệ thống dữ liệu hướng nghiệp xuyên suốt 3 năm học; việc tư vấn chọn môn ở đầu lớp 10 chưa gắn chặt với thông tin thị trường lao động; việc phân công giáo viên HĐTN-HN trong những năm đầu thực hiện chương trình chưa hợp lý.

3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG GIAI ĐOẠN 2026–2030

3.1. Giải pháp đột phá: tổ chức song song lớp học truyền thống và lớp học theo môn

Thực trạng chung: Hiện nay, tuyệt đại đa số trường THPT vẫn tổ chức dạy học theo lớp truyền thống với các tổ hợp môn định sẵn: học sinh đăng ký một tổ hợp từ lớp 10 và học tất cả các môn cùng một lớp đến hết lớp 12. Cách làm này thuận lợi cho quản lý nhưng khó đáp ứng sự đa dạng về nguyện vọng thi và xét tuyển của học sinh. Trong cùng một lớp có thể có nhiều nhóm học sinh chọn các môn thi tốt nghiệp khác nhau, dẫn đến việc dạy học, ôn tập không sát đối tượng, chưa thực sự cá nhân hóa việc học.

Cách tổ chức tại Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn (năm học 2026–2027): Kế thừa kinh nghiệm tổ chức lớp tăng tiết theo môn của các năm học trước, nhà trường tổ chức khối 12 theo hai mô hình song song:

- *Lớp học truyền thống* (15 lớp, có giáo viên chủ nhiệm): học chung theo nguyên trạng lớp các môn và hoạt động: Toán, Ngữ văn, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Nội dung giáo dục địa phương, HĐTN-HN, Tin học, Công nghệ, Mĩ thuật, Âm nhạc.
- *Lớp học theo môn* (68 lớp): áp dụng cho các môn gắn với thi tốt nghiệp. Mỗi môn được chia thành lớp có thi tốt nghiệp và lớp không thi tốt nghiệp; học sinh được xếp vào lớp môn đúng theo 02 môn tự chọn thi tốt nghiệp của mình (Bảng 3).
- Ôn thi tốt nghiệp được tổ chức ngay từ tuần 1 đến tuần 24 (01 tiết/lớp/môn thi/tuần). Thời lượng Chuyên đề học tập tăng cường cho việc dạy học phân hoá, định hướng phân luồng ngay từ đầu năm học cho học sinh.

Năm học 2026–2027, nhà trường tổ chức dạy các môn học lựa chọn với tổng số 68 lớp học theo môn, trong đó có 30 lớp thi tốt nghiệp (Bảng 3).

Bảng 3

Cơ cấu lớp học theo môn khối 12, năm học 2026–2027

Môn học	Số lớp học theo môn	Trong đó: lớp thi tốt nghiệp
Vật lí	8	5
Hóa học	9	5
Sinh học	8	3
Lịch sử	14	6
Địa lí	8	5
Giáo dục kinh tế và pháp luật	7	2
Tiếng Anh	14	4
Tổng cộng	68	30

Nguồn: Kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2026–2027 của Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn [5].

Cơ cấu lớp học này hỗ trợ nhiều cho công tác hướng nghiệp, phân luồng tại trường: *Thứ nhất,* mô hình tách "lớp sinh hoạt" khỏi "lớp học tập": lớp truyền thống giữ vai trò giáo dục, quản lý, gắn kết tập thể; lớp học theo môn phục vụ lộ trình học tập riêng của từng học sinh. Mỗi học sinh có một thời khóa biểu gần với tổ hợp xét tuyển của mình, không bị bó buộc trong tổ hợp định sẵn. *Thứ hai,* học sinh học cùng những bạn có chung mục tiêu ngành nghề, giáo viên dạy đúng đối tượng có nhu cầu thi, nên việc ôn tập sát yêu cầu, giảm học dàn trải. *Thứ ba,* việc đăng ký lớp môn buộc học sinh phải xác định sớm, có ý thức về tổ hợp xét tuyển và ngành học dự định; quá trình tư vấn chọn lớp môn chính là một hoạt động hướng nghiệp thực chất. *Thứ tư,* nhà trường có dữ liệu chính xác về nguyện vọng của từng học sinh để tổ chức tư vấn tuyển sinh, mời đúng trường, đúng ngành đến tư vấn.

3.2. Tư vấn chọn môn từ đầu cấp học và xây dựng hồ sơ hướng nghiệp số

Tổ chức tư vấn lựa chọn môn học, chuyên đề học tập cho học sinh lớp 10 ngay từ khi nhập học, có sự tham gia của cha mẹ học sinh; sử dụng các công cụ đánh giá sở thích, năng lực nghề nghiệp phổ biến (như trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp theo lý thuyết của Holland [11]) để học sinh tự nhận diện bản thân. Mỗi học sinh có một *hồ sơ hướng nghiệp số* xuyên suốt 3 năm học, lưu kết quả trắc nghiệm, kết quả học tập theo môn, các hoạt động trải nghiệm, dự án khoa học kỹ thuật và nguyện vọng ngành nghề; hồ sơ được xây dựng trên các nền tảng nhà trường đang sử dụng. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo ở mức hỗ trợ tra cứu thông tin ngành nghề, gợi ý tổ hợp, nhưng quyết định cuối cùng phải qua tư vấn của giáo viên và sự đồng thuận của gia đình.

3.3. Đổi mới HĐTN-HN theo hướng chuyển từ "dạy về nghề" sang "trải nghiệm nghề"

Duy trì ngày hội tư vấn hướng nghiệp và tham quan các trường đại học như hiện nay, đồng thời mở rộng điểm đến sang doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở giáo dục nghề nghiệp [12] thuộc các nhóm ngành ưu tiên của tỉnh (chế biến nông sản, thủy sản; điện, cơ khí; logistics, dịch vụ cảng; du lịch – dịch vụ; nông nghiệp công nghệ cao…). Trong 10 chuyên đề toàn trường mỗi năm, dành ít nhất 2–3 chuyên đề mời chuyên gia, doanh nhân, cựu học sinh đang làm việc ở các ngành nghề khác nhau chia sẻ. Xây dựng nhóm giáo viên cốt cán phụ trách HĐTN-HN, được bồi dưỡng chuyên sâu

về tư vấn nghề nghiệp.

3.4. Gắn dạy học các môn với ngành nghề ưu tiên của tỉnh

Các tổ chuyên môn đưa nội dung giới thiệu ngành nghề liên quan vào kế hoạch dạy học từng môn; tăng cường giáo dục STEM, dự án khoa học kỹ thuật gắn với thực tiễn địa phương. Đặc biệt, nâng cao sức hút của Tin học và Công nghệ thông qua dạy lập trình Python, giáo dục trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với khung năng lực số cho học sinh [13], các câu lạc bộ công nghệ và dự án thực hành, giúp học sinh có năng lực và hứng thú với các nhóm ngành công nghệ thông tin, điện – điện tử, tự động hóa mà tỉnh đang cần.

3.5. Phát huy vai trò cha mẹ học sinh và mạng lưới đối tác

Tổ chức hội nghị cha mẹ học sinh chuyên đề hướng nghiệp vào đầu lớp 10 (chọn môn) và đầu lớp 12 (chọn môn thi, ngành xét tuyển); cung cấp thông tin về thị trường lao động, lộ trình liên thông từ cao đẳng lên đại học, chính sách đối với người học giáo dục nghề nghiệp để giảm tâm lý "chỉ có đại học". Duy trì phối hợp với Tạp chí Giáo dục TP. Hồ Chí Minh và các trường đại học; ký kết hợp tác với các cơ sở dạy nghề và một số doanh nghiệp trên địa bàn để tổ chức trải nghiệm nghề, giới thiệu học bổng, việc làm. Huy động mạng lưới cựu học sinh tham gia tư vấn.

3.6. Theo dõi học sinh sau tốt nghiệp và hỗ trợ học sinh yếu thế

Xây dựng cơ sở dữ liệu học sinh sau tốt nghiệp thông qua khảo sát trực tuyến sau 6 tháng và 12 tháng (đang học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề, đi làm, du học…), làm căn cứ đánh giá hiệu quả phân luồng và điều chỉnh công tác tư vấn. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có học lực hạn chế và học sinh khuyết tật học hòa nhập, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với nhân viên tư vấn và gia đình xây dựng kế hoạch hướng nghiệp cá nhân, giới thiệu các chương trình học bổng, các ngành nghề phù hợp với khả năng của từng em.

Mục tiêu phấn đấu của nhà trường đến năm 2030:

- Duy trì tỷ lệ tốt nghiệp THPT từ 99% trở lên; tỷ lệ trúng tuyển đại học, cao đẳng từ 80% trở lên.
- 100% học sinh lớp 10 được tư vấn chọn môn học và có hồ sơ hướng nghiệp số; 100% học sinh lớp 12 được học lớp môn đúng với môn thi tốt nghiệp đã đăng ký.
- Mỗi năm học tổ chức ít nhất 02 hoạt động trải nghiệm tại doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Từ 90% trở lên học sinh tốt nghiệp được theo dõi hướng đi sau tốt nghiệp.

4. KIẾN NGHỊ

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: (1) phối hợp với đơn vị, tổ chức có liên quan xây dựng kênh thông tin về thị trường lao động, dự báo về thị trường lao động để hỗ trợ các trường phổ thông trong công tác hướng nghiệp, phân luồng; (2) xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh để theo dõi học sinh sau tốt nghiệp, kết nối với dữ liệu tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (3) tổ chức bồi dưỡng chuyên sâu về tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên HĐTN-HN; (4) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia giáo dục hướng nghiệp

tại các trường trung học; (5) tiếp tục đầu tư phòng học bộ môn, phòng thực hành cho các trường THPT.

Đối với các trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp: tăng cường cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng, yêu cầu kỹ năng đối với ngành, nghề; mở cửa cho học sinh phổ thông tham quan, trải nghiệm thực tế; phối hợp tổ chức các chương trình tư vấn tại trường.

5. KẾT LUẬN

Qua nhiều năm, Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn đã duy trì tỷ lệ tốt nghiệp 99–100% và tỷ lệ trúng tuyển đại học, cao đẳng ổn định khoảng 80%, với các hoạt động hướng nghiệp thường xuyên như ngày hội tư vấn, tham quan các trường đại học và HĐTN-HN. Tuy nhiên, công tác hướng nghiệp, phân luồng của trường cũng còn nhiều điểm cần quan tâm: lựa chọn môn học chưa gắn chặt với nhu cầu nhân lực của tỉnh, tỷ lệ phân luồng vào cao đẳng còn thấp và chưa có cơ chế theo dõi học sinh sau tốt nghiệp.

Mô hình tổ chức song song lớp học truyền thống và lớp học theo môn đối với khối 12 là bước đi mạnh dạn của nhà trường nhằm hiện thực hóa tinh thần cá nhân hóa học tập của Chương trình giáo dục phổ thông 2018: mỗi học sinh được học theo lộ trình gắn với ngành nghề mình lựa chọn. Kết hợp với tư vấn sớm từ lớp 10, hồ sơ hướng nghiệp số, trải nghiệm nghề tại doanh nghiệp và theo dõi sau tốt nghiệp, đây là hướng đi khả thi để nâng cao chất lượng hướng nghiệp, phân luồng, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh An Giang trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
4. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
5. Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn (2026). *Kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2026–2027* (tài liệu nội bộ).
6. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
7. Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn (2021). *Báo cáo sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018–2025"* (tài liệu nội bộ).
8. Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn (2026). *Thống kê chất lượng giáo dục, kết quả thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cao đẳng các năm 2013–2026* (tài liệu nội bộ).
9. Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn (2024, 2025, 2026). *Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024, 2024–2025, 2025–2026* (tài liệu nội bộ).
10. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
11. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.

12. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 về việc hướng dẫn thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông*.

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030: TỪ KHÔNG GIAN LỚP HỌC ĐẾN TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ

Trường THPT Nguyễn Thần Hiến

Trường THPT Nguyễn Thần Hiến, tỉnh An Giang

Tóm tắt: *Giai đoạn 2026–2030 đặt ra yêu cầu đổi mới công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học tại An Giang trước sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tác động của trí tuệ nhân tạo và việc sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục. Từ nhận định hoạt động hướng nghiệp ở nhiều nơi còn một chiều, nặng về tư vấn mùa thi, bài tham luận đề xuất bốn nhóm giải pháp: chuyển từ tư vấn lý thuyết sang trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, trang trại, làng nghề; gắn kết trường trung học với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học và mô hình vừa học văn hóa vừa học nghề; cập nhật nội dung hướng nghiệp thích ứng thời đại số; đổi mới truyền thông để thay đổi tâm lý chuộng bằng cấp.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng; trải nghiệm thực tế; chuyển đổi số; nhận thức phụ huynh*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giai đoạn 2026–2030 đánh dấu một bước ngoặt lớn của ngành giáo dục tỉnh nhà. Đây là thời điểm chúng ta tiếp tục hiện thực hóa Đề án nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030, đồng thời triển khai sâu rộng chương trình phân luồng theo định hướng của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nhìn lại giai đoạn vừa qua, công tác hướng nghiệp tại An Giang đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Hệ thống các trường trung học đều đã thành lập Ban tư vấn tuyển sinh và đưa nội dung hướng nghiệp lồng ghép vào hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, trước sự chuyển dịch mạnh mẽ của cơ cấu kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long và làn sóng công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), chúng ta thẳng thắn nhìn nhận giữa chủ trương và thực tế vẫn còn một khoảng cách nhất định. Tại nhiều cơ sở giáo dục, hoạt động hướng nghiệp vẫn mang tính một chiều, nặng về tư vấn mùa thi hơn là giúp học sinh trải nghiệm thực tế nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, việc An Giang đang khẩn trương triển khai phương án sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục nhằm tinh gọn đầu mối cũng đặt ra những thách thức lẫn cơ hội mới. Định hướng phân luồng đòi hỏi chúng ta không thể tiếp tục thực hiện theo lối mòn cũ, mà cần có những giải pháp mang tính đột phá và thực chất.

Để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026–2030 [1], từ thực tiễn của Trường THPT Nguyễn Thần Hiến, tôi xin đề xuất một số giải pháp trọng tâm sau đây.

2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

2.1. Chuyển đổi mô hình từ tư vấn lý thuyết sang tăng cường trải nghiệm thực tế

Giáo dục hướng nghiệp không thể bó hẹp trong bốn bức tường lớp học. Nhà trường cần chủ động bắt tay, ký kết hợp tác với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, trang trại nông nghiệp công nghệ cao và các làng nghề truyền thống tại địa phương. Việc được tận mắt chứng kiến quy trình vận hành, được đối thoại với các kỹ sư, chuyên gia sẽ giúp học sinh đánh giá đúng năng lực bản thân, hình thành đam mê nghề nghiệp thực tế ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường [2].

2.2. Tăng cường gắn kết chặt chẽ giữa trường trung học với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học trên địa bàn

Việc phối hợp chặt chẽ với các đơn vị như Trường Đại học An Giang, các trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên (GDNN – GDTX) sẽ giúp xây dựng các lộ trình học tập linh hoạt. Cần đẩy mạnh mô hình vừa học văn hóa vừa học nghề đối với học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) [3], giúp các em rút ngắn thời gian lập thân, lập nghiệp, giải tỏa áp lực học đường và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

2.3. Cập nhật và đổi mới nội dung hướng nghiệp thích ứng với thời đại số

Thế giới nghề nghiệp đang thay đổi từng ngày dưới tác động của AI và chuyển đổi số. Do đó, nội dung giáo dục hướng nghiệp theo các thông tư, hướng dẫn mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo [4] cần được cập nhật liên tục. Chúng ta không chỉ giới thiệu các ngành nghề truyền thống của địa phương như nông nghiệp, thủy sản, dịch vụ du lịch mà cần định hướng cho các em về tư duy số, kỹ năng công nghệ và khả năng thích ứng linh hoạt với thị trường lao động tương lai.

2.4. Đẩy mạnh công tác truyền thông và thay đổi nhận thức của gia đình, xã hội

Tâm lý chuộng bằng cấp vẫn là rào cản lớn nhất đối với công tác phân luồng tại vùng Tây Nam Bộ nói chung và An Giang nói riêng [3], [5]. Nhà trường cần đổi mới phương thức tiếp cận phụ huynh. Thay vì chỉ họp phụ huynh thông thường, hãy tổ chức các Ngày hội hướng nghiệp, các buổi tọa đàm có sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp và cựu học sinh thành đạt từ con đường học nghề. Khi phụ huynh nhìn thấy cơ hội việc làm rõ ràng và tương lai vững chắc của con em, họ sẽ đồng hành cùng nhà trường trong việc phân luồng.

3. KẾT LUẬN

Hướng nghiệp và phân luồng học sinh không phải là việc của riêng ngành giáo dục, mà là bài toán chiến lược về nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh An Giang. Giai đoạn 2026–2030 đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ từ các cấp chính quyền, doanh nghiệp và toàn xã hội. Bằng cách thay đổi phương pháp, mở rộng không gian trải nghiệm và đặt học sinh làm trung tâm, chúng ta hoàn toàn có thể giúp các em tìm được hướng đi đúng đắn, phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu của quê hương.

Trên đây là một số ý kiến tham luận về công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 tại tỉnh An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
2. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
3. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
5. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 2 GIAI ĐOẠN 2026–2030

Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2

Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2, xã Tri Tôn, tỉnh An Giang

Tóm tắt: *Bài tham luận đánh giá thực trạng công tác tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh tại Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 (xã Tri Tôn) trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bài viết giới thiệu chuỗi hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm thực tế quy mô lớn năm học 2025–2026; phân tích thuận lợi từ sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, việc đổi mới môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin; chỉ ra khó khăn về tiếp cận thông tin thị trường lao động và tâm lý chuộng bằng cấp đại học của phụ huynh. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất năm nhóm giải pháp về đội ngũ, công cụ đánh giá, cơ sở dữ liệu kết nối nhà trường – doanh nghiệp, tuyên truyền và theo dõi học sinh sau phân luồng giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *tư vấn hướng nghiệp; phân luồng học sinh; hoạt động trải nghiệm; Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) đóng vai trò then chốt đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm thiểu lãng phí nguồn lực xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

Thực hiện Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang về việc tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 [1] và Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 của Ban Tổ chức Hội thảo [2], Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 xác định tư vấn hướng nghiệp và tư vấn phân luồng học sinh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018.

Nằm trên địa bàn xã Tri Tôn, nhà trường luôn nỗ lực đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động hướng nghiệp. Bài tham luận này nhằm đánh giá thực trạng, phân tích thuận lợi, khó khăn và đề xuất các giải pháp khả thi nâng cao hiệu quả tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh tại đơn vị giai đoạn 2026–2030.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 2

2.1. Các kết quả triển khai thực hiện

Trong thời gian qua, Ban Giám hiệu nhà trường đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp và tư vấn phân luồng học sinh, cụ thể:

- **Tổ chức dạy học môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đúng quy định:** Nhà trường triển khai dạy học nghiêm túc môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT [3]. Nội dung giảng dạy được thiết kế bám sát thực tiễn, giúp học sinh khám phá bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch học tập, phát triển nghề nghiệp phù hợp.
- **Tăng cường phối hợp với các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** Hằng năm, nhà trường chủ động phối hợp với các trường đại học, cao đẳng uy tín tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh trực tiếp tại trường. Điển hình như Chương trình Hướng nghiệp – Tuyển sinh năm học 2026–2027 (theo Kế hoạch số 620/KH-THPT.NTT2 ngày 12/10/2026 [4]) và Workshop "Giáo dục không biên giới – Education without boundaries" phối hợp với Greenwich Việt Nam (Kế hoạch số 651/KH-THPT.NTT2 ngày 20/10/2026 [5]), thu hút gần 700 học sinh các khối 11, 12 tham gia cùng các chuyên gia, báo cáo viên đến từ các trường đại học, cao đẳng, học viện. Qua đó, học sinh được trải nghiệm môi trường đại học, tiếp cận xu hướng du học tại chỗ, giao lưu với các thủ khoa, diễn giả quốc tế và nâng cao tư duy công dân toàn cầu.
- **Đổi mới hình thức trải nghiệm:** Nhà trường đa dạng hóa hình thức hướng nghiệp thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế "Một ngày làm sinh viên" tại các trường đại học, thăm các cơ sở đào tạo nghề, hoạt động của các doanh nghiệp…
- **Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong tư vấn lựa chọn nghề:** Nhà trường chú trọng phát huy vai trò của Ban đại diện cha mẹ học sinh, thường xuyên phối hợp qua các buổi họp phụ huynh, tư vấn chuyên đề để giải đáp trực tiếp các thắc mắc, băn khoăn của phụ huynh và học sinh liên quan đến việc chọn ngành, chọn nghề, chọn trường phù hợp với năng lực và điều kiện gia đình. Đặc biệt, trong năm học 2025–2026, nhà trường đã mở rộng và triển khai thành công chuỗi kế hoạch hướng nghiệp và trải nghiệm thực tế quy mô lớn, tạo dấu ấn sâu sắc đối với học sinh và phụ huynh:
  - *Hoạt động hướng nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 (Kế hoạch số 398-KH/THPT.NTT ngày 23/9/2025 [6]):* Phối hợp với Ban Chấp hành Đoàn xã Tri Tôn và Hội Doanh nhân trẻ An Giang tổ chức cho 117 đoàn viên học sinh tham gia Chương trình Giao lưu văn nghệ Thanh niên dân tộc thiểu số, Khai mạc hội chợ triển lãm sản phẩm khởi nghiệp và Chương trình đối thoại doanh nhân trẻ (26–27/9/2025). Tổ chức cho 44 đoàn viên học sinh lớp 12 tham gia Tập huấn kỹ thuật sản xuất, quản trị chuỗi giá trị và du khảo thực tế mô hình thanh niên làm kinh tế giỏi tại xã Thới Sơn (28/9/2025), giúp học sinh tiếp cận thực tế mô hình khởi nghiệp địa phương.
  - *Chương trình Tuyên truyền văn hóa học đường, an toàn giao thông, phòng ngừa ma túy và tư vấn hướng nghiệp (Kế hoạch số 401/KH-THPT.NTT ngày 22/9/2025 [7]):* Tổ chức ngày 08/11/2025 tại Nhà thi đấu Tri Tôn cho toàn thể 1.700 học sinh cả 3 khối lớp. Chương trình vinh dự đón tiếp báo cáo viên TS. Nguyễn Vinh Quang (Nhà sáng lập Tổ chức QEdu) với chuyên đề "Định vị bản thân, tỏ đường tương lai" và Trung tá Nguyễn Đào Minh Huy (Công an TP. Hồ Chí Minh), trang bị cho học sinh kỹ năng định vị bản thân, tư duy chọn nghề kết hợp với xây dựng văn hóa ứng xử học đường an toàn, phòng chống tệ nạn xã hội.

- *Chương trình Tư vấn hướng nghiệp "Hiểu mình – Hiểu nghề – Sáng tương lai" (Kế hoạch số 03-KH/ĐT.NTT ngày 12/01/2026 [8]):* Phối hợp với Trung tâm Hướng nghiệp TP. Hồ Chí Minh tổ chức chuyên đề tư vấn sân trường ngày 14/01/2026 cho toàn bộ học sinh khối 10 và khối 12. Chương trình tập trung phân tích tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) và cách mạng công nghiệp 4.0 đến thị trường lao động, phổ biến Quy chế tuyển sinh mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tư vấn tâm lý mùa thi và giải đáp thắc mắc trực tiếp cho học sinh.
- *Chương trình Tư vấn hướng nghiệp chuyên sâu với Trường Đại học Nam Cần Thơ (Kế hoạch số 24-KH/ĐT.NTT ngày 28/02/2026 [9]):* Phối hợp với Trường Đại học Nam Cần Thơ (DNC) tổ chức ngày 28/02/2026 tại sân trường cho toàn bộ 1.700 học sinh. Học sinh được nghe chuyên gia tư vấn chuyên sâu 6 nhóm ngành học chủ lực (Kinh tế, Kỹ thuật, Sức khỏe, Du lịch, Luật, Kiến trúc), trải nghiệm mô hình thí nghiệm/thiết bị thực hành trực quan và tham gia các trò chơi hướng nghiệp tại 14 gian hàng triển lãm.
- *Chương trình Trải nghiệm hướng nghiệp thực tế và Du khảo về nguồn tại TP. Cần Thơ (Kế hoạch số 89/KH-THPT.NTT ngày 09/3/2026 [10]):* Tổ chức ngày 22/3/2026 cho 184 học sinh và 12 giáo viên phụ trách. Học sinh đã thực hiện chuyến hành trình dâng hương tại Đền thờ vua Hùng, tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh – hướng nghiệp tại Trường Đại học Cần Thơ, tham quan trải nghiệm môi trường đại học hiện đại tại Trường Đại học FPT Cần Thơ và Trường Đại học Nam Cần Thơ, kết hợp hoạt động giáo dục truyền thống du khảo về nguồn.

2.2. Thuận lợi

- **Sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát từ Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang:** Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang luôn ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch và tổ chức các hội thảo chuyên đề về hướng nghiệp, phân luồng, tạo hành lang pháp lý và định hướng rõ ràng cho nhà trường.
- **Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và chuyển đổi số:** Học sinh và cha mẹ học sinh dễ dàng tiếp cận, tìm kiếm thông tin về ngành nghề, xu hướng tuyển dụng, các cơ sở đào tạo và cơ hội việc làm thông qua Internet, các trang thông tin điện tử và các ứng dụng hướng nghiệp trực tuyến.
- **Chương trình GDPT 2018 ban hành chính thức môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:** Việc đưa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thành môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT [3] đã tạo điều kiện thuận lợi về thời lượng, khung chương trình và cơ sở pháp lý để nhà trường tổ chức bài bản, hệ thống.

2.3. Khó khăn, hạn chế

- **Khó tiếp cận thông tin nhu cầu việc làm của cơ quan nhà nước và doanh nghiệp:** Nhà trường và học sinh còn thiếu thông tin chính thống, cập nhật về nhu cầu nhân lực thực tế, tiêu chuẩn tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và khu vực trong khoảng 5 năm hay 10 năm tới. Việc kết nối giữa nhà trường với các doanh nghiệp sử dụng lao động còn mang tính tự phát, chưa bền vững.
- **Rào cản từ tâm lý, quan niệm truyền thống của gia đình:** Nhận thức của một bộ phận không nhỏ cha mẹ học sinh vẫn nặng về tâm lý chuộng bằng cấp, muốn con em phải vào đại học dù

sau khi tốt nghiệp ra trường có nguy cơ thất nghiệp cao hoặc làm trái ngành nghề, thay vì định hướng cho con đi học nghề hoặc các hệ đào tạo thực hành phù hợp với năng lực thực tế [11].

3. ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030

Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 đề xuất một số mục tiêu và giải pháp trọng tâm nhằm đổi mới công tác tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh giai đoạn 2026–2030 như sau.

3.1. Đổi mới mô hình tổ chức và nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác tư vấn hướng nghiệp

Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên về kỹ năng tư vấn tâm lý – hướng nghiệp, cập nhật xu hướng phát triển nghề nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số và AI.

3.2. Ứng dụng công cụ và phương pháp khoa học trong đánh giá năng lực, sở thích nghề nghiệp của học sinh

- Đẩy mạnh ứng dụng các bộ công cụ trắc nghiệm hướng nghiệp uy tín đã được chuẩn hóa (chẳng hạn công cụ dựa trên lý thuyết mật mã Holland [12]) để giúp học sinh tự đánh giá chính xác năng lực, tính cách và sở thích nghề nghiệp.
- Đưa các nền tảng số, phần mềm tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa vào giảng dạy, hỗ trợ học sinh theo dõi tiến trình phát triển và lựa chọn tổ hợp môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp ngay từ lớp 10.

3.3. Tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu kết nối Nguồn nhân lực – Doanh nghiệp – Nhà trường

- Kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp thông tin về nhu cầu thị trường lao động và dự báo nguồn nhân lực của tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030 để các trường THPT khai thác, cung cấp cho học sinh.
- **Đẩy mạnh mô hình liên kết ba bên** "Nhà trường – Cơ sở đào tạo nghề/Đại học – Doanh nghiệp", tăng cường các buổi trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để học sinh có cái nhìn trực quan về môi trường làm việc [13].

3.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thay đổi nhận thức của cha mẹ học sinh và xã hội

- Đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền về phân luồng trong các buổi họp cha mẹ học sinh. Tổ chức các buổi tọa đàm chuyên đề "Đồng hành cùng con trong chọn nghề", giúp phụ huynh xóa bỏ tâm lý chuộng bằng cấp, tôn trọng sở thích và năng lực của con.
- Nêu gương các điển hình thành công từ học nghề, các tấm gương vươn lên thành đạt không qua con đường đại học truyền thống để tạo niềm tin cho phụ huynh và học sinh.

3.5. Hoàn thiện cơ chế thu thập thông tin và theo dõi học sinh sau phân luồng

- Xây dựng kênh theo dõi, thống kê tình hình học tập và việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp THPT (học đại học, học nghề, đi làm).
- Sử dụng số liệu này làm cơ sở thực tiễn để điều chỉnh, cải tiến nội dung tư vấn hướng nghiệp của nhà trường cho các khóa tiếp theo.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Công tác tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh là một quá trình dài hạn, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của nhà trường, gia đình và toàn xã hội. Những kết quả bước đầu tại Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 đã khẳng định tính đúng đắn của việc đổi mới chương trình và đa dạng hóa hình thức trải nghiệm hướng nghiệp. Việc thực hiện hiệu quả các giải pháp trong giai đoạn 2026–2030 sẽ góp phần quan trọng giúp học sinh lựa chọn đúng con đường phát triển, trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh An Giang.

Kiến nghị:

- **Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang:** Tiếp tục hỗ trợ kinh phí, tài liệu hướng nghiệp chuẩn hóa; định kỳ tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên tư vấn hướng nghiệp.
- **Đối với chính quyền địa phương và các doanh nghiệp:** Hỗ trợ cung cấp thông tin nhu cầu tuyển dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh các trường THPT được tham quan, thực tế trải nghiệm tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
2. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
4. Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 (2026). *Kế hoạch số 620/KH-THPT.NTT2 ngày 12/10/2026 về tổ chức Chương trình Hướng nghiệp – Tuyển sinh năm học 2026–2027*.
5. Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 (2026). *Kế hoạch số 651/KH-THPT.NTT2 ngày 20/10/2026 về tổ chức Chương trình Workshop "Giáo dục không biên giới – Education without boundaries"*.
6. Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 (2025). *Kế hoạch số 398-KH/THPT.NTT ngày 23/9/2025 về việc tham gia các hoạt động Chương trình MTQG phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 gắn với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp năm học 2025–2026*.
7. Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 (2025). *Kế hoạch số 401/KH-THPT.NTT ngày 22/9/2025 về tổ chức Chương trình tuyên truyền về văn hóa học đường, an toàn giao thông, phòng ngừa ma túy và tư vấn hướng nghiệp năm học 2025–2026*.
8. Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 (2026). *Kế hoạch số 03-KH/ĐT.NTT ngày 12/01/2026 về phối hợp tổ chức chương trình tư vấn hướng nghiệp "Hiểu mình – Hiểu nghề – Sáng tương lai" năm học 2025–2026*.
9. Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 (2026). *Kế hoạch số 24-KH/ĐT.NTT ngày 28/02/2026 về phối hợp tổ chức chương trình tư vấn hướng nghiệp với Trường Đại học Nam Cần Thơ năm học 2025–2026*.
10. Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 (2026). *Kế hoạch số 89/KH-THPT.NTT ngày 09/3/2026 về tổ chức Chương trình Trải nghiệm hướng nghiệp thực tế và Du khảo về nguồn tại thành phố Cần Thơ*.
11. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
12. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.

13. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TỪ THỰC TIỄN GIẢNG DẠY TẠI TRƯỜNG THPT THOẠI NGỌC HẦU, TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thị Cẩm Tiên

Trường THPT Thoại Ngọc Hầu, xã Giang Thành, tỉnh An Giang

Email: camtiendh10qp@gmail.com

Tóm tắt: *Giáo dục hướng nghiệp thông qua Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) giữ vai trò nòng cốt trong chuyển đổi từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Từ thực tiễn trực tiếp giảng dạy tại Trường THPT Thoại Ngọc Hầu (tỉnh An Giang), bài tham luận phân tích kết quả, bài học kinh nghiệm và những rào cản như giáo viên chủ yếu kiêm nhiệm từ môn khác, không gian trải nghiệm thực tế hạn chế và tâm lý "chuộng đại học". Bài viết đề xuất 5 giải pháp: cá nhân hóa lộ trình hướng nghiệp qua hồ sơ năng lực; nâng cao năng lực và kết nối mạng lưới giáo viên; xây dựng chuỗi trải nghiệm với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và nền tảng số; đổi mới phối hợp nhà trường – gia đình, góp phần nâng cao hiệu quả phân luồng giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; định hướng nghề nghiệp; Chương trình GDPT 2018; trí tuệ nhân tạo; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT đánh dấu bước chuyển mình quan trọng từ giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực và phẩm chất người học [1]. Trong đó, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) cấp trung học phổ thông (THPT) với thời lượng 105 tiết/năm học đóng vai trò trung tâm [2], là cầu nối trực tiếp giúp học sinh vận dụng kiến thức các môn học vào thực tiễn, khám phá tiềm năng bản thân và định hình lộ trình nghề nghiệp phù hợp.

Tại Trường THPT Thoại Ngọc Hầu – một ngôi trường có bề dày truyền thống dạy và học tại tỉnh An Giang, việc triển khai HĐTN, HN theo định hướng Chương trình GDPT 2018 trong những năm qua đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, thực tiễn đứng lớp giảng dạy bộ môn này cũng đặt ra không ít thách thức về phương pháp tổ chức, hình thức trải nghiệm, công cụ tư vấn và sự kết nối nguồn lực xã hội. Thực hiện Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang về "Tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030" [3] và Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 của Ban Tổ chức Hội thảo [4], bài tham luận này chia sẻ những trải nghiệm thực tế, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp khả thi xuất phát từ chính thực tiễn giảng dạy tại Trường THPT Thoại Ngọc Hầu.

2. THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY VÀ TRIỂN KHAI HĐTN, HN TẠI TRƯỜNG THPT THOẠI NGỌC HẦU

2.1. Những kết quả đạt được từ thực tiễn giảng dạy

Công tác tổ chức và chỉ đạo bài bản: Ban Giám hiệu nhà trường và tổ chuyên môn luôn quan tâm chỉ đạo, xây dựng kế hoạch giáo dục môn HĐTN, HN bám sát Hướng dẫn 5512/BGDĐT-GDTrH. Thời khóa biểu bộ môn được bố trí linh hoạt, kết hợp giữa sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và các chủ đề trải nghiệm theo khối lớp.

Chuyển đổi phương pháp và ứng dụng công nghệ trong tiết học: Trong quá trình trực tiếp đứng lớp, bản thân tôi cùng đồng nghiệp đã chủ động tích hợp công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) vào bài giảng. Học sinh được hướng dẫn sử dụng các ứng dụng trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp (Holland, MBTI) [5], tạo hồ sơ năng lực cá nhân, tham gia thiết kế các sản phẩm học tập trên Canva, PowerPoint và tổ chức trò chơi tương tác qua Wordwall, Google Forms. Nhờ đó, các tiết học HĐTN, HN không còn khô khan mà trở nên sinh động, thu hút sự hưởng ứng nhiệt tình của học sinh.

Đa dạng hóa các hoạt động trải nghiệm quy mô trường: Nhà trường đã phối hợp tổ chức Ngày hội STEM, Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và các buổi giao lưu với cựu học sinh, đại diện các trường đại học, cao đẳng trong vùng. Qua đó, học sinh Trường THPT Thoại Ngọc Hầu được tiếp cận thông tin tuyển sinh minh bạch, hiểu rõ xu hướng phát triển nhân lực của tỉnh An Giang và vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).



Hình 1. Ngày hội STEM và Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp tại Trường THPT Thoại Ngọc Hầu

Bên cạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy bộ môn HĐTN, HN và ứng dụng công nghệ số, công tác phân luồng và định hướng đầu ra tại Trường THPT Thoại Ngọc Hầu đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Thống kê của nhà trường qua các năm gần đây cho thấy: tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng luôn duy trì ở mức cao; đồng thời, tỷ lệ học sinh lựa chọn phân luồng học nghề tại các trường trung cấp, cao đẳng nghề hoặc tham gia thị trường lao động theo đúng năng lực, sở trường sau khi được tư vấn hướng nghiệp cũng

có chiều hướng gia tăng tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phân luồng học sinh chung của tỉnh An Giang [6].

2.2. Khó khăn và nút thắt phát sinh từ thực tế

Năng lực và chuyên môn của giáo viên phụ trách HĐTN, HN: Mặc dù được phân công giảng dạy bộ môn, giáo viên chủ yếu từ các chuyên ngành bộ môn khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục quốc phòng và an ninh…). Tài liệu hướng dẫn phương pháp tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp chuyên sâu còn hạn chế, đòi hỏi giáo viên phải tự mày mò nghiên cứu, dẫn đến sự đồng đều về chất lượng giữa các tiết dạy chưa cao.

Giới hạn về không gian trải nghiệm thực tế: Đa phần các tiết trải nghiệm hướng nghiệp hiện nay vẫn diễn ra trong không gian lớp học hoặc sân trường. Việc đưa học sinh đi trải nghiệm thực tế tại các nhà máy, doanh nghiệp, trang trại nông nghiệp công nghệ cao hay làng nghề trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều rào cản về kinh phí, công tác bảo đảm an toàn và cơ chế phối hợp.

Tâm lý xã hội và sự đồng hành của gia đình: Một bộ phận học sinh và phụ huynh vẫn còn tư tưởng "chuộng đại học", coi nhẹ các lộ trình học nghề [7]. Sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc định hướng nghề nghiệp dựa trên năng lực thực tế của học sinh đôi lúc còn chưa đồng bộ, dẫn đến việc lựa chọn tổ hợp môn học và nghề nghiệp còn mang tính cảm tính.

3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HĐTN, HN GIAI ĐOẠN 2026–2030

3.1. Giải pháp 1: Cá nhân hóa lộ trình hướng nghiệp cho học sinh thông qua hồ sơ năng lực

- *Mục tiêu:* Giúp học sinh chủ động nhận thức bản thân, theo dõi sự tiến bộ và chọn nghề phù hợp với năng lực, sở thích thay vì định hướng "đồng khuôn" theo phong trào.
- *Nội dung và phương pháp triển khai:*
  - Xây dựng khung hồ sơ năng lực: Hướng dẫn học sinh tạo hồ sơ (giấy hoặc số trên Google Drive, Canva, Notion…) gồm 3 phần chính: *Bản đồ bản thân* (kết quả trắc nghiệm Holland, MBTI…, điểm mạnh/yếu); *Minh chứng năng lực* (kết quả học tập, sản phẩm, chứng nhận hoạt động ngoại khóa, dự án và kỹ năng mềm); *Mục tiêu và kế hoạch* (mục tiêu ngắn hạn/dài hạn và kỹ năng cần bổ sung).
  - Đánh giá và điều chỉnh định kỳ: Giáo viên và gia đình phối hợp cùng học sinh rà soát, cập nhật hồ sơ mỗi học kỳ qua tư vấn cá nhân/nhóm nhỏ để điều chỉnh kế hoạch học tập thực tế.

3.2. Giải pháp 2: Nâng cao năng lực chuyên môn và kết nối mạng lưới giáo viên giảng dạy HĐTN, HN

- *Nâng cao năng lực chuyên môn toàn diện:*
  - Cập nhật và đổi mới phương pháp: Chủ động nghiên cứu các tài liệu, tập huấn nâng cao nghiệp vụ tổ chức HĐTN, HN theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; áp dụng linh hoạt các hình thức giảng dạy hiện đại (học theo dự án, trải nghiệm thực tế, thảo luận nhóm, sắm vai).
  - Ứng dụng công nghệ thông tin: Đẩy mạnh việc đưa công nghệ, AI và các nền tảng số vào

việc thiết kế bài giảng, xây dựng kho tài liệu tương tác và đánh giá sự tiến bộ của học sinh một cách khách quan, sinh động.
  - Nâng cao năng lực tư vấn hướng nghiệp: Rèn luyện kỹ năng tham vấn, định hướng nghề nghiệp dựa trên xu hướng phát triển của thị trường lao động và năng lực thực tế của từng học sinh.

- *Xây dựng và phát triển mạng lưới kết nối chuyên môn:*
  - Giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm: Tích cực tham gia các diễn đàn, câu lạc bộ, cộng đồng chuyên môn giáo viên HĐTN, HN trong và ngoài nhà trường nhằm trao đổi học liệu, giải pháp xử lý tình huống thực tế và các mô hình hay.
  - Liên kết với các bên liên quan: Chủ động kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức giáo dục, chuyên gia tâm lý và cựu học sinh để xây dựng các chương trình trải nghiệm thực tế phong phú, giúp học sinh có cái nhìn chân thực về môi trường học tập và làm việc tương lai.
  - Sinh hoạt chuyên môn liên trường: Đăng ký tham gia và tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề mở rộng cấp cụm/tỉnh để cùng đồng nghiệp tháo gỡ khó khăn, đồng bộ hóa chất lượng giảng dạy.

3.3. Giải pháp 3: Xây dựng chuỗi trải nghiệm nghề nghiệp gắn kết với doanh nghiệp và cơ sở đào tạo địa phương

- *Mục tiêu:* Rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn thị trường lao động; giúp học sinh trải nghiệm thực tế môi trường học tập, làm việc, từ đó xác định định hướng nghề nghiệp phù hợp và chính xác.
- *Nội dung triển khai:*
  - Thiết lập mạng lưới: Hợp tác với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp uy tín tại địa phương [8].
  - Tổ chức trải nghiệm đa dạng: *Một ngày làm sinh viên/kỹ thuật viên* (tham quan phòng thí nghiệm, xưởng thực hành tại các cơ sở đào tạo nghề); *Tham quan doanh nghiệp* (tìm hiểu trực tiếp dây chuyền sản xuất và mô hình kinh doanh); *Tọa đàm "Chuyện nghề – Chuyện đời"* (giao lưu với chuyên gia, doanh nhân và cựu học sinh thành đạt).
  - Thu hoạch và phản hồi: Viết nhật ký, làm video ngắn hoặc báo cáo nhóm sau chuyến đi để đánh giá mức độ phù hợp của bản thân.

- *Hiệu quả:* Mang lại cái nhìn trực quan, đa chiều; xóa bỏ định kiến về học nghề; đồng thời thúc đẩy hợp tác bền vững giữa nhà trường, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực địa phương.



Hình 2. Đổi mới hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thông qua tư vấn tuyển sinh

3.4. Giải pháp 4: Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và nền tảng số trong các chủ đề HĐTN, HN

Trong kỷ nguyên số, việc hiện đại hóa công tác tư vấn hướng nghiệp là yêu cầu tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và tìm hiểu của thế hệ học sinh Gen Z. Phát huy những kinh nghiệm ứng dụng công nghệ số đã có, nhà trường cần chủ động đưa các công cụ tư vấn hướng nghiệp dựa trên AI và hệ thống dữ liệu mở vào chương trình giảng dạy.

Cụ thể, giáo viên cần đóng vai trò là người định hướng, hướng dẫn học sinh khai thác hiệu quả và an toàn các chatbot AI (như ChatGPT, Gemini, Copilot…) để chủ động:

- *Tra cứu và phân tích thông tin ngành nghề:* Học sinh có thể chủ động tìm hiểu mô tả công việc, yêu cầu kỹ năng, mức lương trung bình và lộ trình phát triển của từng lĩnh vực.
- *Dự báo xu hướng thị trường lao động:* Phân tích nhu cầu tuyển dụng thực tế tại tỉnh An Giang cũng như các vùng kinh tế trọng điểm lân cận (ĐBSCL, TP. Hồ Chí Minh). Điều này giúp các em nhận diện rõ những ngành nghề đang "khát" nhân lực, các công việc mới xuất hiện trong thời đại 4.0 và những ngành nghề có nguy cơ bị thay thế.
- *Đánh giá năng lực và sở thích cá nhân:* Sử dụng AI kết hợp với các trắc nghiệm hướng nghiệp uy tín (Holland, MBTI) để đối chiếu mức độ phù hợp của bản thân với từng nhóm ngành cụ thể.

Việc ứng dụng AI và nền tảng số không chỉ biến các buổi học HĐTN, HN trở nên sinh động, tương tác cao hơn mà còn giúp học sinh hình thành tư duy chủ động, mở rộng góc nhìn đa chiều, hiện đại về thị trường lao động. Từ đó, các em tự tin đưa ra những quyết định chọn ngành, chọn nghề phù hợp với năng lực bản thân và đáp ứng đúng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương trong thời đại chuyển đổi số.



Hình 3. Học sinh Trường THPT Thoại Ngọc Hầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động hướng nghiệp, phát triển năng lực số và tự tin định hướng nghề nghiệp

3.5. Giải pháp 5: Đổi mới công tác phối hợp giữa nhà trường – gia đình trong định hướng nghề nghiệp

- *Mục tiêu và cơ sở thực hiện:* Gia đình giữ vai trò quyết định trong định hướng nghề nghiệp của học sinh. Tuy nhiên, vẫn còn sự "lệch pha" giữa mong muốn của cha mẹ với năng lực, sở thích của con và nhu cầu thực tế của thị trường lao động. Giải pháp nhằm xóa bỏ khoảng cách thế hệ và sự thiếu thông tin, biến phụ huynh từ người áp đặt thành người đồng hành tin cậy, giúp học sinh chọn ngành, chọn trường phù hợp với năng lực và định hướng phát triển của tỉnh An Giang.
- *Nội dung và phương pháp triển khai:*
  - *Tổ chức sinh hoạt chuyên đề mở rộng:* Tích hợp nội dung hướng nghiệp vào các buổi họp phụ huynh hoặc chuyên đề HĐTN, HN; tổ chức tọa đàm giữa cha mẹ, nhà trường và chuyên gia tư vấn.
  - *Cung cấp thông tin thị trường lao động:* Cập nhật cho phụ huynh xu hướng tuyển sinh, nhu cầu nhân lực địa phương và nhận thức đúng đắn: "Đại học không phải là con đường duy nhất".
  - *Thiết lập kênh tương tác hai chiều:* Xây dựng sổ tay/học bạ hướng nghiệp điện tử để giáo viên và phụ huynh cùng theo dõi năng lực, tính cách và thiên hướng của học sinh.
  - *Phát huy mạng lưới "Phụ huynh đồng hành":* Mời phụ huynh có kinh nghiệm ở các lĩnh vực tham gia chia sẻ "Chuyện nghề" hoặc hỗ trợ kết nối học sinh trải nghiệm thực tế tại cơ quan, doanh nghiệp.
- *Hiệu quả:* Tạo sự đồng thuận cao giữa nhà trường và gia đình, giảm áp lực kỳ vọng sai lệch lên học sinh. Đồng thời, nâng cao nhận thức về giáo dục nghề nghiệp và phân luồng sau THPT,

tạo điểm tựa vững chắc cho học sinh tự tin lựa chọn tương lai.

4. KẾT LUẬN VÀ KẾT NỐI KINH NGHIỆM

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp không chỉ là một môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc trong Chương trình GDPT 2018 mà chính là "chìa khóa" mở ra tương lai cho học sinh. Từ thực tiễn giảng dạy tại Trường THPT Thoại Ngọc Hầu, có thể khẳng định rằng khi được đầu tư đúng mức về phương pháp, công nghệ và sự kết nối nguồn lực xã hội, HĐTN, HN sẽ phát huy tối đa vai trò giúp học sinh tự tin chọn đúng nghề, đi đúng hướng.

Là giáo viên trực tiếp giảng dạy HĐTN, HN, bản thân tôi nhận thức sâu sắc rằng người thầy không chỉ đóng vai trò truyền thụ kiến thức mà phải là người đồng hành, truyền cảm hứng và kết nối các nguồn lực giáo dục cho học sinh. Từ thực tiễn đứng lớp, tôi rút ra bài học kinh nghiệm bản thân:

- *Không ngừng tự học và đổi mới:* Tích cực học hỏi, cập nhật các phương pháp dạy học hiện đại, chủ động ứng dụng công nghệ thông tin và AI vào từng bài giảng để biến các tiết học hướng nghiệp trở nên sinh động, thực tế và hấp dẫn đối với học sinh.
- *Lắng nghe và thấu hiểu học sinh:* Mỗi học sinh đều có thiên hướng, năng lực và hoàn cảnh riêng. Việc tư vấn hướng nghiệp đòi hỏi sự kiên nhẫn, khách quan, giúp các em tự nhận thức được giá trị bản thân thay vì định hướng theo cảm tính hay áp lực phong trào.
- *Chủ động xây dựng mối liên kết:* Tích cực đóng vai trò cầu nối giữa nhà trường, gia đình và các cơ sở đào tạo/doanh nghiệp, giúp học sinh có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế.

Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác này trong giai đoạn 2026–2030, tôi trân trọng kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang tiếp tục hỗ trợ xây dựng kho tài nguyên số, tài liệu hướng dẫn giảng dạy HĐTN, HN chuẩn hóa; đồng thời tạo điều kiện về cơ chế hợp tác, liên kết giữa các trường THPT với các cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).*
3. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
4. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học*.
5. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
6. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
7. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
8. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement*

(OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

ỨNG DỤNG NỀN TẢNG SỐ VÀ TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ TRONG ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN THÀNH GIAI ĐOẠN 2026–2030

ThS. Võ Thị Ngọc Tuyền

Trường THPT Trần Văn Thành, tỉnh An Giang

Email: ngoctuyentvt@gmail.com

Tóm tắt: *Bài tham luận phân tích thực trạng tư vấn hướng nghiệp tại Trường THPT Trần Văn Thành, chỉ ra rủi ro khi chỉ định hướng dựa vào điểm số. Bằng việc số hóa các công cụ trắc nghiệm tâm lý (Holland, Đa trí tuệ – MI) trên Google Forms và phân tích chéo bằng SPSS, nhà trường ghi nhận kết quả bước đầu: tỷ lệ học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng tăng từ 83% (năm học 2024–2025) lên 86% (năm học 2025–2026), vượt chỉ tiêu Sở Giáo dục và Đào tạo giao; 14% học sinh chọn học nghề hoặc lao động; độ tương thích giữa kết quả trắc nghiệm và lựa chọn thực tế xấp xỉ 88%. Từ đó, bài viết đề xuất kiện toàn mô hình "Tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa trên nền tảng số" với hồ sơ hướng nghiệp 3 năm và bộ chỉ báo đánh giá, hướng tới mục tiêu trúng tuyển 89,45% năm học 2026–2027 và chiến lược phân luồng của tỉnh đến năm 2030.*

Từ khóa: *tư vấn hướng nghiệp; trắc nghiệm Holland; Đa trí tuệ (MI); nền tảng số; phân luồng*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học sinh lựa chọn hướng đi sau tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) là quyết định vô cùng quan trọng, cần được xây dựng trên cơ sở khoa học về năng lực và sở thích cốt lõi. Tuy nhiên, thực trạng chung cho thấy công tác hướng nghiệp cho học sinh THPT thường mang tính thời vụ vào cuối lớp 12 và phụ thuộc quá nhiều vào điểm số các môn văn hóa [1], dẫn đến tình trạng nhiều em chọn sai ngành, sai nghề, gây lãng phí nguồn lực xã hội. Để cải thiện thực trạng này, bài tham luận tập trung vào việc đề xuất mô hình tổ chức tư vấn hướng nghiệp chuyên sâu, kết hợp xây dựng hồ sơ hướng nghiệp cá nhân số hóa và ứng dụng công cụ đánh giá tâm lý tại Trường THPT Trần Văn Thành, dựa trên chính những hiệu quả bước đầu đã được kiểm chứng tại đơn vị.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN THÀNH

2.1. Những rủi ro khi chỉ định hướng dựa vào điểm số các môn văn hóa

Thực tiễn quản lý cho thấy việc thiếu các công cụ đo lường tâm lý khách quan đã dẫn đến nhiều rủi ro trong định hướng nghề nghiệp như:

- **Xu hướng đám đông trong chọn tổ hợp môn:** Thống kê kỳ thi tốt nghiệp qua các năm cho thấy học sinh khối 12 có xu hướng chọn bài thi tổ hợp Khoa học xã hội (KHXH) áp đảo so với Khoa học tự nhiên (KHTN). Điều này phản ánh chiến thuật chọn phương án an toàn để dễ đậu tốt nghiệp hơn là xuất phát từ đam mê nghề nghiệp cốt lõi.
- **Giới hạn của phổ điểm:** Dữ liệu chỉ ra một tỉ lệ lớn học sinh có điểm số các môn nòng cốt (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) ở mức trung bình (5,0–6,5). Nếu chỉ dùng điểm số làm lăng kính

định hướng, các em sẽ rất tự ti. Dưới góc độ tâm lý học, điểm số chưa cao không đồng nghĩa với kém năng lực, mà thế mạnh của các em có thể nằm ở trí thông minh tương tác xã hội, tư duy không gian hay vận động.

- **Độ vênh giữa điểm học bạ và năng lực thực tế:** Việc giáo viên chủ nhiệm chỉ dùng điểm học bạ làm căn cứ duy nhất để tư vấn chọn trường là chưa đủ độ tin cậy. Chúng ta cần công cụ khách quan hơn, độc lập với điểm số học thuật.

2.2. Kết quả khả quan từ việc linh hoạt ứng dụng nền tảng số

Nhận thức được những giới hạn trên, trong năm học 2025–2026, nhà trường đã tổng hợp các bộ câu hỏi trắc nghiệm Holland [2], [3] và Đa trí tuệ [4], [5] (thuộc phiên bản giáo dục, phi thương mại) và số hóa lên nền tảng Google Forms hoàn toàn miễn phí để khảo sát học sinh khối 12.

Dù mới là giải pháp tự làm ở giai đoạn sơ khai, cách tiếp cận này đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Đối sánh dữ liệu của nhà trường cho thấy: tỷ lệ học sinh đậu đại học, cao đẳng đã tăng từ 83% (năm học 2024–2025) lên 86% (năm học 2025–2026) [6].

Đáng chú ý hơn, 14% học sinh còn lại không hề lúng túng hay mất phương hướng. Nhờ nhận diện sớm thế mạnh bản thân qua các công cụ tâm lý (như ghi nhận điểm cao ở trí thông minh Vận động, Không gian – Thị giác, hoặc thuộc nhóm Nghệ thuật, Kỹ thuật của Holland), các em đã không đặt nặng việc cố gắng vào đại học bằng mọi giá. Thay vào đó, các em tự tin rẽ hướng sang học các nghề thực hành có nhu cầu xã hội rất cao hiện nay như: nấu ăn, kỹ thuật viên spa, làm nail, tạo mẫu tóc, livestream bán hàng trực tuyến, trang điểm (makeup), nhiếp ảnh, đi xuất khẩu lao động… Đây không phải là thất bại trong thi cử, mà chính là minh chứng sống động nhất cho thành công của công tác phân luồng: giúp học sinh chọn đúng nghề để tự lập tài chính, cung cấp đúng nguồn nhân lực thực chiến cho thị trường lao động, tránh lãng phí thời gian và tiền bạc của gia đình.

3. MÔ HÌNH TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN HÓA TRÊN NỀN TẢNG SỐ

3.1. Kiện toàn đầu mối tổ chức

Nhà trường kiện toàn Tổ tư vấn với một Phó Hiệu trưởng phụ trách chung. Đoàn Thanh niên phối hợp với các trường cao đẳng, đại học tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, tư vấn hướng nghiệp chung cho học sinh. Giáo viên phụ trách công tác hướng nghiệp của trường và giáo viên chủ nhiệm làm đầu mối theo dõi. Chuyên gia tư vấn là giáo viên am hiểu, có kiến thức về tâm lý, giữ vai trò đánh giá chuyên sâu.

3.2. Lộ trình tư vấn liên tục qua hồ sơ số hóa

Từ thành công của việc thí điểm khảo sát trên khối 12 (năm học 2025–2026), nhà trường chính thức đề xuất lộ trình áp dụng đồng bộ cho giai đoạn 2026–2030. Theo đó, mỗi học sinh sẽ được lập một "Hồ sơ hướng nghiệp cá nhân" trên nền tảng số ngay từ đầu cấp, lưu vết xuyên suốt 3 năm:

Bảng 1

Lộ trình tư vấn hướng nghiệp theo khối lớp

Khối lớp	Trọng tâm tư vấn	Sản phẩm lưu hồ sơ
Lớp 10	Khám phá bản thân (thực hiện trắc nghiệm Đa trí tuệ)	Biểu đồ năng lực bẩm sinh; mục tiêu trải nghiệm
Lớp 11	Đối chiếu sở thích và yêu cầu nghề (trắc nghiệm Holland)	Bản định vị nhóm nghề (Kỹ thuật, Xã hội, Nghệ thuật…)
Lớp 12	Lựa chọn phương án, phân tích điểm số và thực hiện thủ tục	Phương án xét tuyển ĐH, CĐ hoặc học nghề; kế hoạch thi

4. CÔNG CỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC, SỞ THÍCH NGHỀ NGHIỆP

Đây là khâu đột phá, đóng vai trò thay đổi tư duy chọn ngành của học sinh trong năm học 2026–2027.

4.1. Ứng dụng trắc nghiệm tâm lý học chuẩn hóa (nguồn tài nguyên mở)

- ***Trắc nghiệm mật mã Holland (RIASEC):*** Công cụ mũi nhọn phân loại học sinh thành 6 nhóm sở thích nghề nghiệp [2], giúp khắc phục triệt để tình trạng chọn ngành theo đám đông.
- ***Thuyết Đa trí tuệ (Multiple Intelligences – MI):*** Giải pháp thiết thực cho học sinh có điểm học lực trung bình. Việc đo lường 8 loại hình trí thông minh [4] giúp học sinh nhận ra thế mạnh bẩm sinh (giao tiếp, không gian, vận động…), tự tin chọn các nhóm ngành dịch vụ, nghệ thuật, kỹ năng.

4.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu trên nền tảng số

- **Số hóa bằng Google Forms:** Tiếp tục phát huy hiệu quả của việc thiết kế các bảng hỏi Holland và MI trên biểu mẫu trực tuyến. Việc khảo sát yêu cầu học sinh nhập mã số học sinh để Tổ tư vấn có thể đối chiếu dữ liệu, đồng thời cam kết bảo mật thông tin cá nhân tuyệt đối nhằm giúp các em yên tâm trả lời trung thực (chi tiết biểu mẫu và hướng dẫn giải mã xem tại Phụ lục 1, Phụ lục 2).
- **Phân tích chéo bằng phần mềm SPSS:** Dữ liệu từ Google Forms được xuất sang định dạng Excel và đưa vào phần mềm thống kê SPSS để xử lý chuyên sâu. Thay vì chỉ xem xét sở thích một cách đơn lẻ, nhà trường sử dụng phép phân tích chéo (Crosstab) để tìm ra sự tương quan giữa nhóm sở thích bẩm sinh và năng lực học thuật thực tế thông qua điểm trung bình môn. Cụ thể, sau khi khảo sát toàn bộ 437 học sinh khối 12, nhà trường dùng lệnh trích lọc dữ liệu của SPSS để bóc tách từng nhóm chuyên sâu. Bảng 2 minh họa phân tích chéo riêng cho 80 học sinh (trong tổng số 437 em) có kết quả rơi vào **nhóm Nghiên cứu (I)**.

Bảng 2

Phân tích chéo (Crosstab) giữa nhóm Nghiên cứu (I) theo Holland và điểm trung bình môn Khoa học tự nhiên

Nhóm Holland	Điểm TB KHTN dưới 5,0	Điểm TB KHTN từ 5,0 đến 6,5	Điểm TB KHTN trên 6,5
Nhóm Nghiên cứu (I)	15 học sinh (18,75%)	30 học sinh (37,5%)	35 học sinh (43,75%)

Từ bảng số liệu trên, kết quả phân tích bằng SPSS đã chỉ ra một "điểm mù" mà giáo viên chủ nhiệm rất dễ bỏ sót: có tới 15 học sinh (chiếm gần 19% nhóm Nghiên cứu) rất đam mê tìm tòi, thí nghiệm nhưng điểm số các môn KHTN lại dưới trung bình. Từ kết quả thống kê, Tổ tư vấn sẽ khoanh vùng 15 em này để can thiệp cá nhân hóa: tìm hiểu xem các em bị hổng kiến thức nền, sai phương pháp học, hay đang ngộ nhận về sở thích của mình. Từ đó, nhà trường định hướng các em thay đổi phương pháp học hoặc rẽ hướng sang các ngành nghề thực hành kỹ thuật phù hợp hơn, tránh nguy cơ thi trượt nếu cố chấp chọn các khối ngành Y Dược, Bách khoa.

4.3. Minh chứng sự tương thích giữa tư vấn tâm lý và kết quả trúng tuyển

Để khẳng định tính hiệu quả của mô hình tư vấn, nhà trường đã tiến hành đối sánh "chuỗi giá trị" gồm: kết quả trắc nghiệm ban đầu, định hướng của Tổ tư vấn và quyết định thực tế của 437 học sinh khối 12 năm học 2025–2026 (tỷ lệ đỗ tốt nghiệp 100%). Sự phân luồng rõ rệt giữa đại học, cao đẳng (86%) và học nghề (14%) được thể hiện chi tiết qua bảng đối sánh độ khớp sau:

Bảng 3

Đối sánh kết quả trắc nghiệm và độ khớp ngành nghề trúng tuyển ĐH, CĐ thực tế

Nhóm trắc nghiệm (Holland / MI)	Số HS theo nhóm	Số HS đỗ ĐH, CĐ đúng hướng	Số HS học nghề đúng hướng	Tỷ lệ tương thích
Xã hội (S) / Thông minh Ngôn ngữ	113	92	8	88,5%
Nghiệp vụ (C) / Quản lý (E) / Logic	114	96	8	91,2%
Nghệ thuật (A) / Kỹ thuật (R) / Không gian – Vận động	130	83	28	85,4%
Nghiên cứu (I) / Tự nhiên	80	60	9	86,3%

Nguồn: Số liệu của Trường THPT Trần Văn Thành, năm học 2025–2026 [6].

Bảng số liệu trên làm rõ cấu trúc phân luồng của 437 học sinh. Cụ thể, có 376 em trúng tuyển đại học, cao đẳng (đạt 86%) và 61 em tham gia học nghề hoặc đi xuất khẩu lao động (đạt 14%). Quan trọng hơn, tổng số các em đi theo đúng định hướng của biểu đồ năng lực bẩm sinh lên

tới 384 em (đạt tỷ lệ tương thích chung xấp xỉ 88%). Điều này mang ý nghĩa rất lớn, chứng minh 14% học sinh đi học nghề không phải là những em thi trượt đại học, mà là một sự lựa chọn đầy ý thức và khoa học. Khi học sinh được củng cố niềm tin bằng công cụ tâm lý, các em tự tin đăng ký vào những ngành nghề thực sự phù hợp với năng lực bản thân thay vì chạy theo số đông.

5. CHỈ BÁO ĐÁNH GIÁ, LỘ TRÌNH VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THÀNH CHỈ TIÊU

5.1. Bộ chỉ báo đo lường hiệu quả

Năm học 2025–2026, tỷ lệ học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng của trường đạt 86%, vượt chỉ tiêu 84,82% do Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) giao. Bước sang năm học 2026–2027, Sở GDĐT tiếp tục giao chỉ tiêu phấn đấu mới là 89,45%. Để chinh phục thành công mục tiêu này và hướng tới tầm nhìn 2030, nhà trường thiết lập bộ chỉ báo chiến lược như sau:

Bảng 4

Bộ chỉ báo đo lường hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp

Tiêu chí đo lường	Đạt được (2025–2026)	Mục tiêu 2026–2027	Tầm nhìn 2030
Hồ sơ hướng nghiệp cá nhân được cập nhật	60%	85%	95%
Học sinh đối chiếu ngành qua trắc nghiệm tâm lý	50%	80%	90%
Tỷ lệ học sinh trúng tuyển ĐH, CĐ	86% (vượt mức 84,82% Sở GDĐT giao)	≥ 89,45% (đạt chỉ tiêu Sở GDĐT giao)	≥ 92%
Theo dõi lộ trình sau tốt nghiệp (cả học nghề)	85%	90%	98%

5.2. Giải pháp đột phá hoàn thành chỉ tiêu năm học 2026–2027

Để tạo sức bật, nâng tỷ lệ trúng tuyển từ 86% lên 89,45% ngay trong năm học 2026–2027, nhà trường quyết liệt triển khai 2 nhóm giải pháp trọng tâm:

- *Đẩy sớm thời điểm khảo sát và phân luồng:* Thực hiện trắc nghiệm Holland, MI và lập hồ sơ số hóa ngay từ học kỳ I của lớp 12 (thay vì để đến học kỳ II). Việc này giúp nhà trường có dư quỹ thời gian để tổ chức ôn tập, phụ đạo trọng điểm cho nhóm học sinh có mục tiêu vào đại học, cao đẳng nhưng kết quả học tập còn hạn chế.
- *Chiến thuật chọn trường bằng dữ liệu:* Dùng kết quả phân tích SPSS để tư vấn điểm rơi an toàn. Hướng dẫn nhóm học sinh có điểm học lực ở mức trung bình khá ưu tiên đăng ký xét tuyển bằng học bạ kết hợp đánh giá năng lực vào các trường đại học, cao đẳng có phương thức xét tuyển linh hoạt, nắm chắc suất trúng tuyển trước kỳ thi tốt nghiệp.

5.3. Lộ trình đầu tư dài hạn đến năm 2030

Đầu tư kinh phí để nâng cấp lên các phần mềm đánh giá tâm lý bản quyền (tích hợp trí tuệ nhân tạo để tự động chấm điểm và xuất biểu đồ năng lực) và bồi dưỡng chuyên môn cho Tổ tư vấn hướng nghiệp của trường. Đến giai đoạn 2028–2030, áp dụng đồng bộ hồ sơ hướng nghiệp và phần mềm

SPSS cho 100% học sinh cả 3 khối (10, 11, 12).

5.4. Kết luận

Đổi mới tư vấn hướng nghiệp cần vượt ra khỏi giới hạn của điểm số. Bằng việc linh hoạt bước đầu áp dụng các công cụ tâm lý (Holland, MI) kết hợp biểu mẫu trực tuyến, Trường THPT Trần Văn Thành đã gặt hái được thành công qua việc gia tăng tỷ lệ trúng tuyển đại học, cao đẳng và điều hướng hợp lí nhóm học sinh có năng khiếu thực hành đi học nghề. Từ tiền đề vững chắc đó, việc kiện toàn thành mô hình "Tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa trên nền tảng số" sẽ là giải pháp khả thi giúp nhà trường hoàn thành chỉ tiêu học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng đạt trên 89,45% do Sở GDĐT An Giang giao cho năm học 2026–2027, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phân luồng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030 [7], [8].

PHỤ LỤC 1. MẪU PHIẾU KHẢO SÁT ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH

Gửi các em học sinh Trường THPT Trần Văn Thành!

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng công tác tư vấn hướng nghiệp, giúp các em khám phá đúng năng lực, sở thích của bản thân để từ đó lựa chọn được ngành nghề phù hợp, nhà trường tổ chức cuộc khảo sát nhỏ này. Mọi thông tin của em sẽ được Tổ tư vấn bảo mật tuyệt đối, chỉ sử dụng cho mục đích phân tích số liệu và hỗ trợ định hướng cá nhân. Cảm ơn sự hợp tác của các em!

Phần 1. Thông tin cơ bản

1. Họ và tên (hoặc mã định danh học sinh): …….
2. Học sinh lớp (ghi rõ tên lớp, ví dụ 12A1): …….

Phần 2. Thực trạng định hướng nghề nghiệp

Câu 3. Hiện tại, mức độ băn khoăn của em trong việc chọn ngành, chọn nghề tương lai là bao nhiêu? (Chọn 1 mức độ mà em thấy phù hợp nhất với bản thân.)

1 (Rất rõ ràng) – 2 – 3 – 4 – 5 (Rất băn khoăn, chưa biết chọn gì)

Câu 4. Yếu tố nào đang ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định chọn ngành nghề của em? (Chọn 1 đáp án)

- Năng lực học tập (điểm số các môn ở lớp)
- Sở thích và đam mê cá nhân
- Kỳ vọng và định hướng của gia đình
- Xu hướng của bạn bè, mạng xã hội
- Cơ hội việc làm và thu nhập sau khi ra trường

Phần 3. Đánh giá sở thích và năng lực cốt lõi

Câu 5. Trắc nghiệm sở thích (mô hình Holland): Đọc kỹ 6 mô tả dưới đây, em cảm thấy đặc điểm nào giống với bản thân mình nhất? (Được chọn tối đa 2 nhóm)

- Nhóm Kỹ thuật: Thích làm việc với máy móc, công cụ, yêu thích thể thao, vận động, làm việc ngoài trời.
- Nhóm Nghiên cứu: Thích quan sát, tìm tòi, suy luận, phân tích, làm thí nghiệm khoa học.

- Nhóm Nghệ thuật: Thích sáng tạo, thiết kế, vẽ, viết lách, âm nhạc, không thích sự gò bó.
- Nhóm Xã hội: Thích giúp đỡ, giảng dạy, lắng nghe, tư vấn, chăm sóc sức khỏe người khác.
- Nhóm Quản lý: Thích lãnh đạo, kinh doanh, thuyết phục, tổ chức sự kiện, có tính cạnh tranh.
- Nhóm Nghiệp vụ: Thích làm việc với con số, sổ sách, thống kê, ngăn nắp, làm việc theo quy trình rõ ràng.

Câu 6. Trắc nghiệm Đa trí tuệ (MI): Trong các hoạt động sau, em cảm thấy mình làm tốt và tự tin nhất ở lĩnh vực nào? (Được chọn tối đa 2 lĩnh vực)

- Trí thông minh Ngôn ngữ: Giỏi diễn đạt, viết lách, học ngoại ngữ tốt, thích đọc sách.
- Trí thông minh Logic – Toán học: Giỏi tính toán, giải quyết vấn đề theo tư duy logic, thích chơi cờ, giải đố.
- Trí thông minh Không gian – Thị giác: Nhạy bén với màu sắc, hình khối, phương hướng, thích vẽ, thiết kế, nhiếp ảnh.
- Trí thông minh Vận động cơ thể: Khéo tay, chơi thể thao giỏi, thích các hoạt động thực hành, diễn xuất.
- Trí thông minh Âm nhạc: Nhạy cảm với giai điệu, nhịp điệu, có thể hát, chơi nhạc cụ hoặc sáng tác.
- Trí thông minh Tương tác cá nhân: Dễ dàng kết bạn, thấu hiểu người khác, có khả năng làm việc nhóm, lãnh đạo.
- Trí thông minh Nội tâm: Hiểu rõ cảm xúc của bản thân, thích làm việc độc lập, có mục tiêu cá nhân rõ ràng.
- Trí thông minh Tự nhiên: Yêu thích thiên nhiên, động vật, thực vật, nhạy bén với sự thay đổi của môi trường.

Phần 4. Đánh giá giải pháp tư vấn số hóa

Câu 7. Việc nhà trường cho học sinh làm các bài trắc nghiệm tâm lý (như câu 5, câu 6) trên điện thoại/máy tính để giúp các em nhận diện đúng bản thân trước khi chọn ngành là:

- Rất cần thiết và hữu ích
- Bình thường
- Không cần thiết

Câu 8. Em mong muốn nhà trường sẽ hỗ trợ thêm điều gì trong công tác tư vấn hướng nghiệp thời gian tới? …….

PHỤ LỤC 2. HƯỚNG DẪN GIẢI MÃ KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ GỢI Ý NGHỀ NGHIỆP

(Tài liệu dành cho giáo viên chủ nhiệm và Ban Tư vấn hướng nghiệp)

Giải mã trắc nghiệm mật mã Holland (RIASEC)

Dựa trên kết quả lựa chọn của học sinh ở Câu 5, giáo viên đối chiếu với 6 nhóm tính cách sau để tư vấn nhóm ngành phù hợp:

1. **Nhóm Kỹ thuật (Realistic – R):** Đặc trưng là sự thực tế, thích làm việc trực tiếp với máy móc, công cụ, thế giới vật chất. Gợi ý nghề nghiệp: kỹ sư cơ khí, kỹ sư điện, kỹ sư nông nghiệp,

công nghệ thông tin (phần cứng), kiến trúc sư thực hành, phi công, vận động viên.

2. **Nhóm Nghiên cứu (Investigative – I):** Đặc trưng là tư duy phân tích, logic, thích quan sát, đánh giá và giải quyết các vấn đề học thuật/khoa học. Gợi ý nghề nghiệp: bác sĩ, dược sĩ, chuyên gia phân tích dữ liệu, nhà khoa học, lập trình viên (phần mềm), nhà nghiên cứu thị trường, chuyên viên tâm lý học.
3. **Nhóm Nghệ thuật (Artistic – A):** Đặc trưng là sự sáng tạo, bay bổng, giàu trí tưởng tượng, không thích những quy tắc gò bó. Gợi ý nghề nghiệp: thiết kế đồ họa, thời trang, nội thất, nhà văn, nhà báo, đạo diễn, nhạc sĩ, ca sĩ, truyền thông – marketing (sáng tạo nội dung).
4. **Nhóm Xã hội (Social – S):** Đặc trưng là sự thấu cảm, thích giúp đỡ, chữa lành, huấn luyện và làm việc trực tiếp với con người. Gợi ý nghề nghiệp: giáo viên, giảng viên, bác sĩ tâm lý, chuyên gia tư vấn hướng nghiệp, nhân viên công tác xã hội, điều dưỡng, quản trị nhân sự, nghề dịch vụ, làm đẹp.
5. **Nhóm Quản lý (Enterprising – E):** Đặc trưng là khả năng lãnh đạo, thích thuyết phục người khác, tự tin, hướng tới kết quả và lợi ích kinh tế. Gợi ý nghề nghiệp: quản trị kinh doanh, doanh nhân, luật sư, quản lý dự án, livestream bán hàng trực tuyến, chuyên viên môi giới, bán hàng (sales).
6. **Nhóm Nghiệp vụ (Conventional – C):** Đặc trưng là sự tỉ mỉ, cẩn thận, ngăn nắp, thích làm việc với các con số, hệ thống và quy trình rõ ràng. Gợi ý nghề nghiệp: kế toán, kiểm toán, chuyên viên tài chính, nhân viên văn thư, thủ thư, nhân viên hành chính, chuyên viên kiểm soát chất lượng (QA/QC).

Giải mã trắc nghiệm Đa trí tuệ (MI)

Dựa trên kết quả lựa chọn của học sinh ở Câu 6, giáo viên dùng để củng cố sự tự tin cho học sinh (đặc biệt các em có điểm trung bình trên lớp chưa cao) và định hướng nghề:

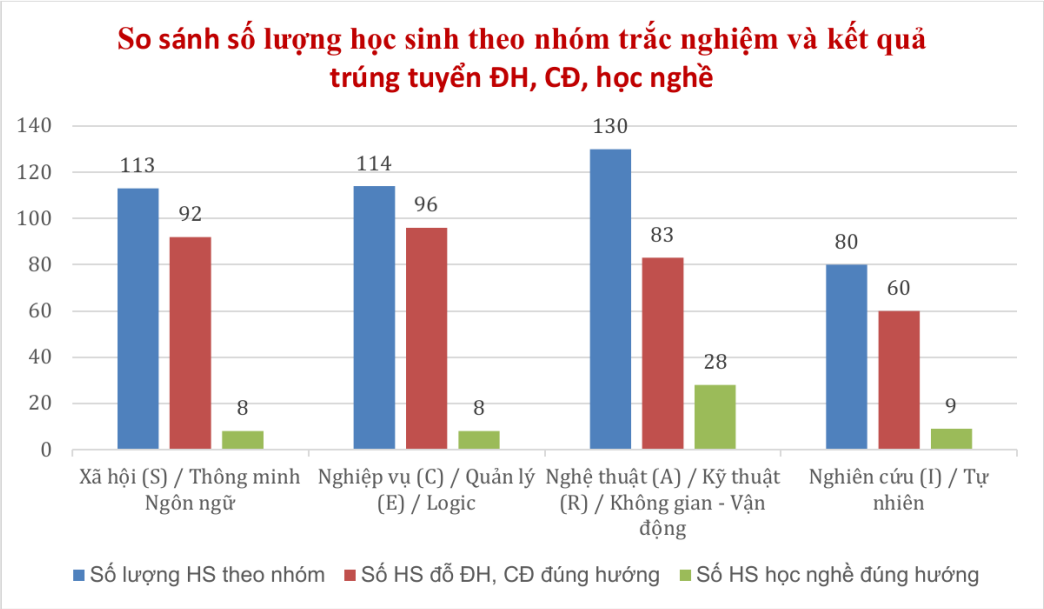
1. **Trí thông minh Ngôn ngữ:** Học sinh học tốt môn Ngữ văn, Ngoại ngữ. Rất phù hợp với các ngành: Báo chí, Luật, Sư phạm Ngữ văn, Phiên dịch, Truyền thông đa phương tiện, Biên tập viên nội dung.
2. **Trí thông minh Logic – Toán học:** Học sinh học tốt Toán, Vật lí, Hóa học. Rất phù hợp với các ngành: Khoa học máy tính, Tài chính ngân hàng, Kế toán, Kỹ thuật công nghệ.
3. **Trí thông minh Không gian – Thị giác:** Phù hợp với các ngành đòi hỏi tư duy hình khối, thẩm mỹ như: Kiến trúc, Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Nhiếp ảnh, Trang điểm (makeup), Làm nail, Quy hoạch đô thị.
4. **Trí thông minh Vận động cơ thể:** Phù hợp với các ngành đòi hỏi sự khéo léo hoặc thể lực như: Bác sĩ phẫu thuật, Điều dưỡng, Kỹ thuật viên spa, Tạo mẫu tóc, Đầu bếp, Vận động viên, Cảnh sát.
5. **Trí thông minh Âm nhạc:** Phù hợp với các công việc trong ngành công nghiệp giải trí: Nhạc sĩ, Ca sĩ, Kỹ sư âm thanh, Sản xuất âm nhạc.
6. **Trí thông minh Tương tác cá nhân:** Thế mạnh cực lớn để làm việc trong ngành dịch vụ. Rất phù hợp với: Quản trị nhà hàng – khách sạn, Du lịch, Livestream bán hàng, Quan hệ công chúng (PR), Tâm lý học tư vấn.
7. **Trí thông minh Nội tâm:** Phù hợp với các ngành nghề đòi hỏi sự tập trung, nghiên cứu độc

lập và thấu hiểu sâu sắc: Nhà văn, Nhà triết học, Nhà nghiên cứu khoa học, Cố vấn chiến lược.

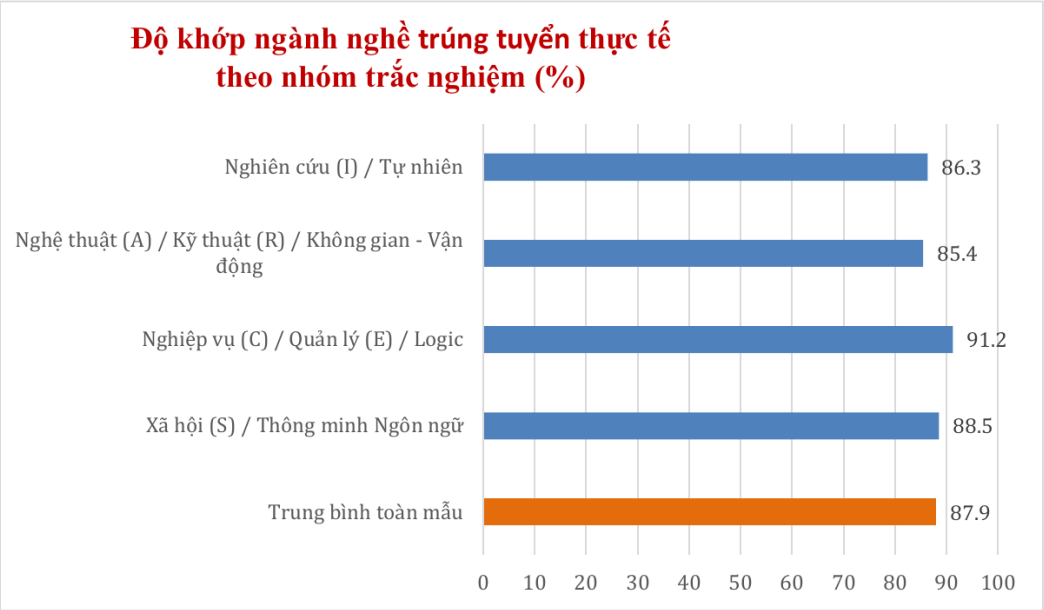
8. **Trí thông minh Tự nhiên:** Phù hợp với các ngành liên quan đến môi trường và sinh học: Bác sĩ thú y, Kỹ sư nông nghiệp, Công nghệ sinh học, Khoa học môi trường.

Lưu ý cho Ban Tư vấn: Không có trí thông minh nào là độc lập hoàn toàn. Khi tư vấn, cần kết hợp đối chiếu giữa kết quả sở thích (Holland) và năng lực (MI) để tìm ra điểm giao thoa tốt nhất cho học sinh.

PHỤ LỤC 3. BIỂU ĐỒ ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ TRẮC NGHIỆM VÀ ĐỘ KHỚP NGÀNH NGHỀ TRÚNG TUYỂN ĐH, CĐ, HỌC NGHỀ CỦA HỌC SINH TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN THÀNH NĂM HỌC 2025–2026



Hình 1. So sánh số lượng học sinh theo nhóm trắc nghiệm và kết quả trúng tuyển ĐH, CĐ, học nghề



Hình 2. Độ khớp ngành nghề trúng tuyển thực tế theo nhóm trắc nghiệm (%)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyen, H. L., Dam, A. T. V., & Ha, L. T. K. (2024). Evaluation of the organization and effectiveness of career counseling for Vietnamese high school students. *Humanities and Social Sciences Letters, 12*(2), 383–393. https://doi.org/10.18488/73.v12i2.3755
2. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
3. TopCV (2026). *Trắc nghiệm Mật mã Holland*. https://www.topcv.vn/trac-nghiem-holland
4. Gardner, H. (2022). *Cơ cấu trí tuệ: Lý thuyết Đa trí tuệ* (bản dịch tiếng Việt). Nhà xuất bản Tri thức.
5. Cổng Tư vấn Hướng nghiệp Á Âu (2026). *Trắc nghiệm tố chất Đa trí thông minh MI (Multiple Intelligences)*. https://huongnghiepaau.edu.vn/trac-nghiem-tinh-cach/trac-nghiem-to-chat-da-tri-thong-minh-mi-multiple-intelligences
6. Trường THPT Trần Văn Thành (2026). *Dữ liệu đối sánh danh sách trúng tuyển đại học năm học 2024–2025 và 2025–2026; Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp* [Tài liệu nội bộ].
7. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
8. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

ThS. Nguyễn Thị Hồng Lệ

Trường THPT Võ Thành Trinh, xã Hội An, tỉnh An Giang

Email: nguyenthihongle@ms.thptvothanhtrinh.edu.vn

Tóm tắt: *Bài viết phân tích mô hình ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại Trường THPT Võ Thành Trinh, được triển khai từ năm học 2024–2025 và mở rộng toàn trường trong năm học 2025–2026. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp kết hợp phân tích tài liệu, khảo sát giáo viên, học sinh và dữ liệu tương tác từ Microsoft Copilot Studio. Mô hình tích hợp tư vấn nghề nghiệp cá nhân hóa, chatbot hướng nghiệp, bài tập mô phỏng kỹ năng và hệ thống minh chứng số trên Microsoft 365. Kết quả cho thấy chatbot đạt 1.021 lượt tương tác; 100% giáo viên và 98,5% học sinh đánh giá tích cực; mức độ hỗ trợ định hướng nghề nghiệp đạt 7,56/10 ở giáo viên và 8,40/10 ở học sinh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất định hướng triển khai hướng nghiệp số và phân luồng dựa trên dữ liệu cho tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo; hướng nghiệp; phân luồng học sinh; Microsoft Copilot; kỹ năng số*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hướng nghiệp và phân luồng không chỉ là hoạt động cung cấp thông tin tuyển sinh, mà là quá trình giáo dục giúp học sinh hiểu mình, hiểu thế giới nghề nghiệp, biết đánh giá các phương án và chịu trách nhiệm với lựa chọn học tập, nghề nghiệp. Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp trung học phổ thông (THPT) tập trung vào giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, giúp học sinh phát triển hứng thú nghề nghiệp, ra quyết định lựa chọn nghề và xây dựng kế hoạch rèn luyện đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp [1].

Thực tiễn tại Trường THPT Võ Thành Trinh cho thấy một bộ phận học sinh chưa nhận diện đầy đủ năng lực, sở trường; thiếu thông tin cập nhật về nghề nghiệp và thị trường lao động; lựa chọn ngành nghề còn chịu ảnh hưởng bởi cảm tính hoặc kỳ vọng gia đình. Trong khi đó, nguồn lực tư vấn còn hạn chế [2], gây khó khăn cho việc tư vấn cá nhân hóa thường xuyên.

Giai đoạn 2021–2026, công tác hướng nghiệp và phân luồng tại An Giang có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, xu hướng tập trung vào đại học vẫn phổ biến trong khi thị trường lao động địa phương có nhu cầu lớn về nhân lực kỹ thuật và dịch vụ. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới hoạt động hướng nghiệp theo hướng cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu và công nghệ số [3].

Trí tuệ nhân tạo (AI) tạo cơ hội cá nhân hóa hướng nghiệp nhưng cũng đặt ra yêu cầu kiểm soát độ chính xác và tính công bằng của thông tin. Do đó, hướng tiếp cận phù hợp là kết hợp AI với dữ liệu, tư vấn của giáo viên và quyền tự quyết của học sinh. Bài viết phân tích mô hình triển khai tại Trường THPT Võ Thành Trinh, đánh giá kết quả bước đầu và đề xuất giải pháp phát triển cho An Giang giai đoạn 2026–2030 [4].

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Hướng nghiệp, phân luồng theo tiếp cận phát triển năng lực

Theo tiếp cận phát triển năng lực, hướng nghiệp là quá trình giúp học sinh tự nhận thức, khám phá nghề nghiệp, trải nghiệm và ra quyết định phù hợp với năng lực, sở trường và nhu cầu xã hội [5]. Chất lượng phân luồng được đánh giá thông qua mức độ phù hợp giữa người học và lộ trình lựa chọn.

2.2. AI trong tư vấn nghề nghiệp: cơ hội và giới hạn

Các nghiên cứu gần đây cho thấy AI trong tư vấn nghề nghiệp thường được triển khai theo ba dạng: chatbot tạo sinh hỗ trợ hỏi đáp 24/7; phân tích dự báo về năng lực hoặc khả năng việc làm; và hệ sinh thái gợi ý lộ trình học tập, nghề nghiệp dựa trên dữ liệu người học [6], [7]. Điểm mạnh chung là khả năng mở rộng quy mô, phản hồi nhanh, cá nhân hóa và giảm rào cản tiếp cận thông tin. AI và dữ liệu lớn còn có thể nhận diện khoảng trống kỹ năng, kết nối hồ sơ cá nhân với yêu cầu nghề, đề xuất tài nguyên học tập và mô phỏng các tình huống nghề nghiệp.

Bên cạnh các lợi ích về cá nhân hóa và mở rộng tiếp cận, AI tiềm ẩn rủi ro về độ chính xác thông tin, thiên lệch dữ liệu và xu hướng phụ thuộc vào khuyến nghị tự động [7]. Do đó cần duy trì vai trò định hướng của giáo viên và bảo đảm an toàn dữ liệu người học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế nghiên cứu trường hợp tại Trường THPT Võ Thành Trinh. Dữ liệu gồm: báo cáo sáng kiến năm học 2024–2025 [8]; Kế hoạch số 31/KH-THPTVTT ngày 03/3/2026 mở rộng ứng dụng AI cho học sinh khối 10, 11, 12 [9]; sản phẩm trải nghiệm của học sinh lưu trên Microsoft 365; thống kê tương tác từ Copilot Studio; và kết quả khảo sát giáo viên, học sinh bằng Microsoft Forms. Phương pháp phân tích gồm phân tích nội dung tài liệu, đối chiếu quy trình triển khai, thống kê mô tả tỷ lệ phần trăm và điểm trung bình, kết hợp diễn giải sư phạm.

Các dữ liệu sử dụng trong bài là dữ liệu tổng hợp từ báo cáo sáng kiến và khảo sát hiện có. Kết quả được xem là bằng chứng thực tiễn ban đầu và cần tiếp tục được kiểm chứng trong các nghiên cứu tiếp theo.

4. MÔ HÌNH ỨNG DỤNG AI TẠI TRƯỜNG THPT VÕ THÀNH TRINH

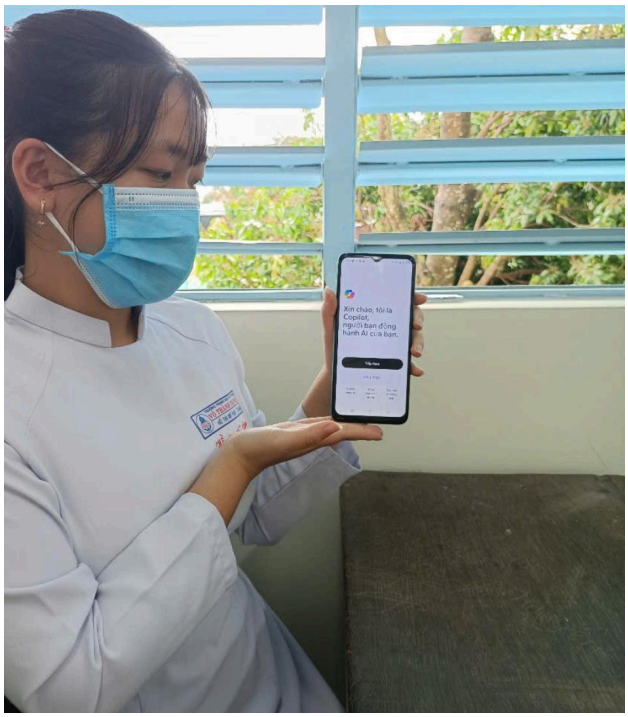
4.1. Từ sáng kiến lớp 12 đến triển khai toàn trường

Năm học 2024–2025, mô hình được thử nghiệm ở khối 12; năm học 2025–2026 mở rộng cho toàn trường theo Kế hoạch số 31/KH-THPTVTT [9]. Nội dung được thiết kế theo lộ trình phát triển nhận thức nghề nghiệp của từng khối lớp, từ khám phá nghề nghiệp đến ra quyết định và chuẩn bị chuyển tiếp sau tốt nghiệp.

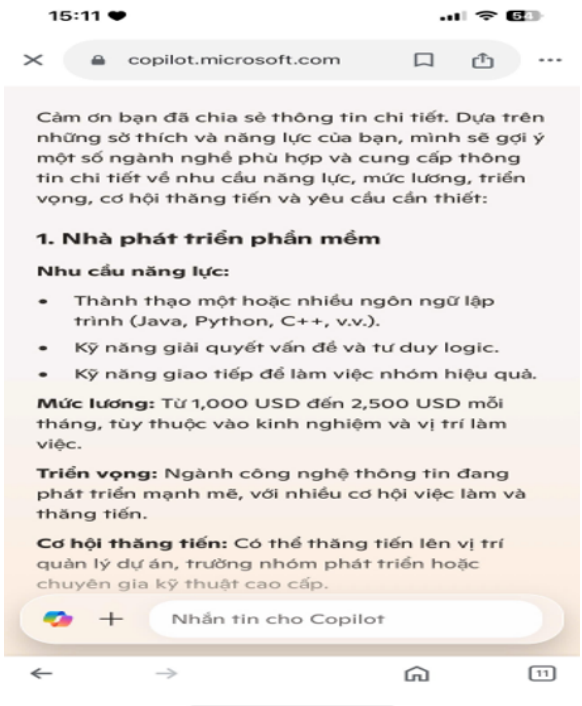
Một trong những điều kiện thuận lợi giúp nhà trường triển khai thành công mô hình là nền tảng chuyển đổi số được xây dựng liên tục trong nhiều năm. Trường THPT Võ Thành Trinh là đơn vị được Microsoft toàn cầu công nhận là Microsoft Showcase School trong 6 năm liên tiếp, với hệ sinh thái Microsoft 365 thuận lợi để triển khai các giải pháp AI như Microsoft Copilot, Microsoft Copilot Studio, SharePoint, Forms và Teams trong hoạt động hướng nghiệp.

4.2. Tư vấn nghề nghiệp cá nhân hóa bằng Microsoft Copilot

Quy trình bắt đầu bằng hoạt động tự khám phá năng lực, sở thích, giá trị cá nhân và mục tiêu nghề nghiệp. Học sinh xây dựng hồ sơ cá nhân, sử dụng Microsoft Copilot trên nền tảng Microsoft 365 để nhận các gợi ý nghề nghiệp phù hợp. Giáo viên hướng dẫn học sinh kiểm chứng thông tin từ nguồn chính thống, so sánh các phương án và lý giải lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.



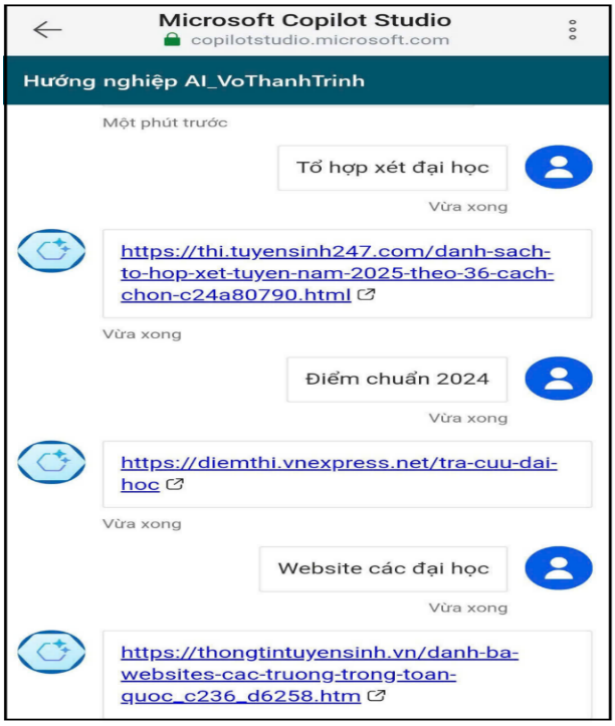
Hình 1. Học sinh thực hành tư vấn nghề nghiệp cá nhân hóa bằng Microsoft Copilot



Hình 2. Gợi ý nghề nghiệp do Microsoft Copilot cung cấp cho học sinh

4.3. Chatbot hướng nghiệp từ Microsoft Copilot Studio

Chatbot hướng nghiệp được xây dựng nhằm cung cấp thông tin và hỗ trợ tra cứu các nội dung liên quan đến tuyển sinh, ngành nghề, cơ sở đào tạo và kỹ năng cần thiết cho học sinh. Công cụ giúp tăng khả năng tiếp cận thông tin và hỗ trợ ngoài giờ học. Đối với các nội dung thường xuyên thay đổi, cần bảo đảm cập nhật nguồn dữ liệu, thời điểm rà soát và liên kết tham khảo chính thức.



Hình 3. Giao diện chatbot hướng nghiệp xây dựng trên Microsoft Copilot Studio

4.4. Phát triển kỹ năng mềm bằng tình huống mô phỏng

Sau giai đoạn khám phá nghề, học sinh tiếp tục sử dụng Copilot để tạo tình huống giao tiếp, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian, làm việc nhóm, phỏng vấn và viết thư xin việc. AI đưa ra phản hồi và gợi ý cải thiện, còn giáo viên sử dụng tiêu chí đánh giá để học sinh tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Hợp phần này giải quyết khoảng cách giữa "biết nghề" và "sẵn sàng cho nghề", đồng thời biến AI thành môi trường luyện tập lặp lại với chi phí thấp.

4.5. Liên kết doanh nghiệp địa phương và trải nghiệm nghề nghiệp thực tế

Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp tại doanh nghiệp và cơ sở sản xuất địa phương nhằm giúp học sinh tiếp cận môi trường làm việc thực tế, tìm hiểu yêu cầu nghề nghiệp và bổ sung dữ liệu cho quá trình tư vấn bằng AI.

4.6. Hệ thống minh chứng số và quản trị triển khai

Học sinh nộp sản phẩm trên SharePoint/Microsoft 365; giáo viên theo dõi, phản hồi và sử dụng trong đánh giá học tập. Dữ liệu được lưu trữ tập trung để theo dõi tiến độ và phục vụ cải tiến hoạt động hướng nghiệp.

Bảng 1

Cấu trúc mô hình ứng dụng AI trong hướng nghiệp tại Trường THPT Võ Thành Trinh

Hợp phần	Dữ liệu đầu vào	Hoạt động cốt lõi	Sản phẩm/Chỉ số
1	Hồ sơ năng lực, sở thích, giá trị, hoàn cảnh	Copilot đề xuất phương án; học sinh kiểm chứng và so sánh	Bản phân tích 2 nhóm/ngành nghề và kế hoạch rèn luyện
2	Nguồn tuyển sinh, thi cử, Holland, cơ sở đào tạo	Chatbot hỏi đáp và điều hướng nguồn	Nhật ký tương tác; câu trả lời có nguồn cập nhật
3	Nghề lựa chọn và khoảng trống kỹ năng	Tình huống mô phỏng; phản hồi nhiều vòng	Bài phỏng vấn, thư xin việc, kế hoạch cải thiện kỹ năng
4	Sản phẩm và dữ liệu quá trình	Lưu trữ SharePoint; khảo sát Forms; thống kê	Kho minh chứng, tỷ lệ hoàn thành, phản hồi của giáo viên, học sinh

5. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 2

Tổng hợp kết quả khảo sát và dữ liệu sử dụng mô hình

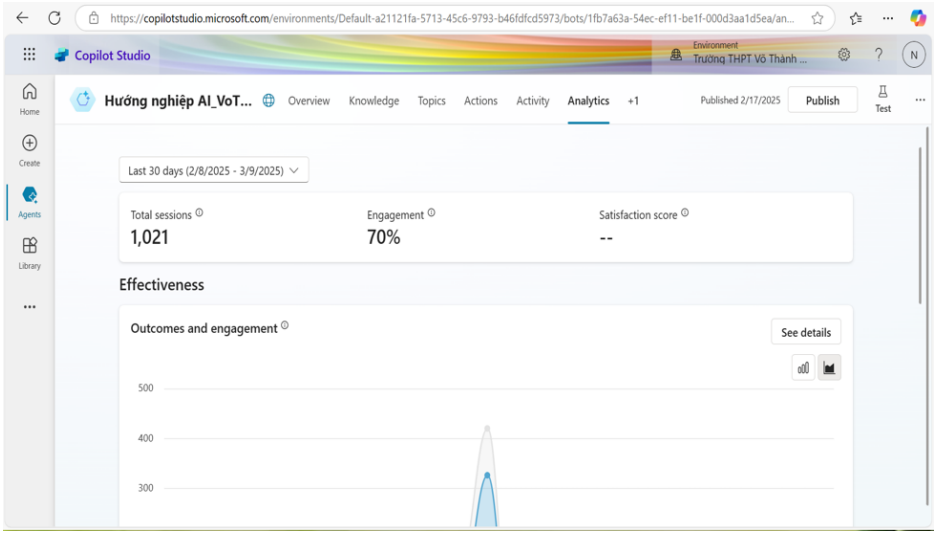
Chỉ báo	Giáo viên	Học sinh	Diễn giải
Tính quan trọng, cần thiết	33,3% rất cần thiết; 66,7% cần thiết	77,3% rất cần thiết; 21,2% cần thiết; 1,5% không cần thiết	100% GV và 98,5% HS đánh giá tích cực
Mức độ phù hợp của tổ chức	33,3% rất phù hợp; 66,7% phù hợp	60,0% rất phù hợp; 39,7% phù hợp; 0,3% không phù hợp	100% GV và 99,7% HS đánh giá phù hợp
Hỗ trợ xác định năng lực và định hướng nghề nghiệp	7,56/10	8,40/10	HS cao hơn GV 0,84 điểm
Tiếp cận công nghệ, phát triển kỹ năng số và sáng tạo	100% đồng ý	98,5% đồng ý; 1,5% không đồng ý	Mức đồng thuận rất cao
Tương tác chatbot AI	Không áp dụng	1.021 lượt	Phản ánh nhu cầu tra cứu và khả năng tiếp cận

Ghi chú: GV – giáo viên; HS – học sinh.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ chấp nhận mô hình rất cao ở cả giáo viên và học sinh. Tỷ lệ đánh giá tích cực đạt trên 98%, phản ánh sự phù hợp của mô hình với nhu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, cần có giải pháp hỗ trợ học sinh còn hạn chế về thiết bị hoặc kỹ năng số.

Điểm đánh giá hỗ trợ định hướng nghề nghiệp đạt 7,56/10 ở giáo viên và 8,40/10 ở học sinh. Điều này cho thấy học sinh cảm nhận rõ lợi ích của AI, trong khi giáo viên thận trọng hơn về độ chính xác và tính bền vững của các khuyến nghị.

Chatbot ghi nhận 1.021 lượt tương tác, cho thấy nhu cầu khai thác thông tin hướng nghiệp của học sinh. Đây là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện và mở rộng hệ thống hỗ trợ trong thời gian tới.



Hình 4. Thống kê tương tác của học sinh trên chatbot AI Microsoft Copilot Studio



Hình 5. Kết quả khảo sát giáo viên về mức độ hỗ trợ của mô hình (Microsoft Forms)



Hình 6. Kết quả khảo sát học sinh về mức độ hỗ trợ của mô hình (Microsoft Forms)

Bảng 3

Kết quả phân luồng học sinh tốt nghiệp năm 2026

Nội dung	Số lượng
Học sinh khối 12 năm học 2025–2026	412
Học sinh đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng	289
Học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng	251
Trúng tuyển đại học	184
Trúng tuyển cao đẳng	67
Du học, học trung cấp nghề, lao động khác	161

Kết quả phân luồng năm 2026 cho thấy những tín hiệu tích cực của mô hình AI hướng nghiệp. Trong 412 học sinh tham gia chương trình có 289 học sinh đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng (trúng tuyển đại học, cao đẳng: 251 học sinh); số còn lại là 161 học sinh đi du học hoặc học trung cấp nghề, lao động khác. Dữ liệu bước đầu cho thấy việc kết hợp AI, tư vấn của giáo viên và trải nghiệm thực tiễn góp phần hỗ trợ học sinh ra quyết định nghề nghiệp có cơ sở hơn. Tuy nhiên, cần tiếp tục nghiên cứu với dữ liệu dài hạn để đánh giá tác động một cách toàn diện.

6. THẢO LUẬN

Kết quả bước đầu cho thấy mô hình có tính khả thi, được giáo viên và học sinh đón nhận tích cực, đồng thời hỗ trợ cá nhân hóa hoạt động hướng nghiệp và quản lý dữ liệu học tập. Tuy nhiên, do dữ liệu khảo sát còn hạn chế, chưa có nhóm đối chứng và kết quả phụ thuộc vào chất lượng thông tin AI cũng như điều kiện tiếp cận công nghệ, cần tiếp tục nghiên cứu để đánh giá tác động dài hạn của mô hình.

Về an toàn dữ liệu, nhà trường cần bảo đảm nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu, phân quyền truy cập và sử dụng AI như công cụ tham khảo. Quyền quyết định cuối cùng vẫn thuộc về học sinh với sự hỗ trợ của giáo viên và gia đình.

7. GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG

Đối với học sinh, mô hình giúp hình thành "hồ sơ ra quyết định" gồm bằng chứng về bản thân, thông tin nghề, phương án học tập và kế hoạch kỹ năng. Đây là nền tảng để lựa chọn giữa đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề, du học, chương trình ngắn hạn hoặc tham gia thị trường lao động. Đối với giáo viên, dữ liệu sản phẩm giúp nhận diện học sinh còn mơ hồ, có lựa chọn không phù hợp hoặc cần tư vấn chuyên sâu. Đối với nhà trường, dữ liệu tổng hợp hỗ trợ điều chỉnh nội dung trải nghiệm, kết nối đúng cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, đồng thời theo dõi chất lượng hướng nghiệp qua từng năm.

8. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CHO TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030

8.1. Mục tiêu và nguyên tắc triển khai

Đến năm 2030, An Giang cần hình thành hệ sinh thái hướng nghiệp số liên thông, trong đó học sinh được hỗ trợ xây dựng hồ sơ năng lực nghề nghiệp, tiếp cận thông tin đáng tin cậy và nhận tư vấn cá nhân hóa kết hợp giữa giáo viên với AI. Việc triển khai phải bảo đảm lấy học sinh làm trung

tâm, dữ liệu được kiểm chứng, AI minh bạch, bảo vệ quyền riêng tư và công bằng trong tiếp cận cơ hội hướng nghiệp.

8.2. Kiến nghị cấp trường

Mỗi trường cần xây dựng lộ trình hướng nghiệp xuyên suốt từ lớp 10 đến lớp 12, kết hợp trải nghiệm thực tế, sản phẩm số và sự tham gia của cơ sở đào tạo, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ học sinh lựa chọn lộ trình phù hợp năng lực và nguyện vọng.

8.3. Kiến nghị cấp Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng khung năng lực định hướng nghề nghiệp [5] và bộ chỉ số đánh giá dùng chung cho trung học cơ sở (THCS), THPT; đồng thời phát triển hệ sinh thái hướng nghiệp số tích hợp kho học liệu, dữ liệu ngành nghề, cơ sở đào tạo, nhu cầu nhân lực và trợ lý AI dựa trên nguồn thông tin đã được kiểm duyệt, cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó, tổ chức bồi dưỡng giáo viên theo mô hình cộng đồng thực hành, tập trung vào thiết kế hoạt động hướng nghiệp, sử dụng AI an toàn, kiểm chứng dữ liệu nghề nghiệp và tư vấn cá nhân hóa cho học sinh.

8.4. Kiến nghị cấp tỉnh và cơ chế liên ngành

Ủy ban nhân dân tỉnh cần xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và hệ thống dữ liệu hướng nghiệp dùng chung nhằm kết nối nhà trường, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; đồng thời hỗ trợ dự báo nhu cầu nhân lực, cung cấp thông tin nghề nghiệp tin cậy và bảo đảm an toàn dữ liệu.

9. KẾT LUẬN

Mô hình ứng dụng AI tại Trường THPT Võ Thành Trinh cho thấy khả năng đổi mới công tác hướng nghiệp theo hướng cá nhân hóa, liên tục và có minh chứng. Mức đồng thuận cao của giáo viên, học sinh cùng 1.021 lượt tương tác chatbot là những tín hiệu tích cực về tính phù hợp và khả năng triển khai trong thực tiễn. Tuy nhiên, để trở thành giải pháp phân luồng bền vững, mô hình cần được hỗ trợ bởi hệ thống dữ liệu tin cậy, đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng, sự phối hợp của cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm an toàn, công bằng trong ứng dụng AI. Với lộ trình triển khai và đánh giá phù hợp, mô hình có thể góp phần nâng cao chất lượng hướng nghiệp, phân luồng và phát triển nguồn nhân lực tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)*.
2. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
4. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 2 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
5. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.

6. Sarmurzin, Y., Azhenov, A., Kudysheva, A., Ualikhanova, B., Saparbekova, I., & Besbayev, A. (2026). Implementation of AI in career counselling for university students: A systematic review. *Frontiers in Education, 11*, 1787689. https://doi.org/10.3389/feduc.2026.1787689
7. Taveira, M. C., & Silva, A. D. (2026). Applications of artificial intelligence in career guidance and counseling: A systematic review. *European Psychologist*. https://doi.org/10.1027/1016-9040/a000592
8. Nguyễn Thị Hồng Lệ (2025). *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 12 góp phần hỗ trợ định hướng nghề nghiệp và phát triển kỹ năng số cho học sinh Trường THPT Võ Thành Trinh* [Báo cáo sáng kiến].
9. Trường THPT Võ Thành Trinh (2026). *Kế hoạch số 31/KH-THPTVTT ngày 03/3/2026 về lồng ghép ứng dụng AI vào Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp góp phần giúp học sinh định hướng nghề nghiệp tương lai năm học 2025–2026*.

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG GIÁO DỤC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT CHÂU VĂN LIÊM

ThS. Trần Võ Trinh

Trường THPT Châu Văn Liêm, tỉnh An Giang

Email: tranvotrinh84@gmail.com

Tóm tắt: *Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác hướng nghiệp và phân luồng tại Trường THPT Châu Văn Liêm giai đoạn 2020–2026, bài viết làm rõ các điểm nghẽn về cơ sở vật chất, nguy cơ học sinh bỏ học đi làm lao động sớm tại làng nghề mộc địa phương, cũng như tâm lý chuộng đại học bằng mọi giá của phụ huynh. Kế thừa kết quả từ sáng kiến quản lý về công tác hướng nghiệp, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp giai đoạn 2026–2030 gồm: thành lập riêng tổ chuyên môn hướng nghiệp phối hợp với Đoàn trường; tổ chức phân tầng hoạt động chung toàn trường ngoài không gian mở và tư vấn cá nhân hóa cho khối 12; đẩy mạnh tương tác số với cha mẹ học sinh; chuẩn hóa đánh giá bằng bộ công cụ Rubric đa chiều. Các giải pháp nhằm phát triển năng lực tự chủ chọn nghề cho học sinh, giữ vững tỷ lệ tốt nghiệp THPT 100% và thực hiện phân luồng thực chất, bền vững.*

Từ khóa: *quản trị trường học; hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; phân luồng học sinh; trường THPT nông thôn; Rubric đánh giá*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong cấu trúc Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT [1] và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT [2], cấp trung học phổ thông (THPT) được xác định là giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, trong đó Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) giữ vị trí then chốt với tư cách là hoạt động giáo dục bắt buộc có thời lượng 105 tiết/năm học. Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông [3] đã đặt ra yêu cầu cốt lõi: tạo bước chuyển biến căn bản về nhận thức nghề nghiệp, khắc phục triệt để tình trạng hướng nghiệp hình thức, lý thuyết một chiều hay tâm lý chọn trường theo trào lưu, nhằm đáp ứng linh hoạt trước sự chuyển dịch mạnh mẽ của thị trường lao động trong kỷ nguyên số. Hướng nghiệp hiện đại không thể dừng lại ở các buổi tư vấn tuyển sinh mang tính thời điểm vào cuối cấp, mà phải trở thành một tiến trình giáo dục liên tục, được tổ chức thông qua các hoạt động trải nghiệm thực chất nhằm giúp học sinh tự khám phá năng lực, sở trường, giá trị bản thân và nhận diện chính xác ngành nghề tương lai.

Đứng từ góc độ quản trị của người hiệu trưởng tại một trường THPT có bề dày truyền thống hơn 50 năm thành lập ở địa bàn nông thôn, bài toán tổ chức HĐTN, HN nhằm phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh vừa là niềm tự hào, vừa đặt ra nhiều thách thức gay gắt. Với quy mô lớn trên điều kiện cơ sở vật chất giới hạn chỉ có 32 phòng học, việc sắp xếp không gian và thời gian dạy học 2 ca đã gây áp lực trực tiếp lên các hoạt động tập trung, trải nghiệm chuyên

đề. Bên cạnh đó, trường đóng trên địa bàn có làng nghề mộc truyền thống và nhiều xí nghiệp đang phát triển, tạo sức hút lớn về lao động phổ thông khiến học sinh dễ bị lôi cuốn tham gia lao động sớm; nhiều phụ huynh phải đi làm ăn xa nên việc phối hợp với gia đình còn lỏng lẻo. Đồng thời, tâm lý chuộng bằng cấp đại học bằng mọi giá của một bộ phận người dân [4] cùng thói quen dạy học thụ động của một số giáo viên tiếp tục là rào cản lớn đối với công tác phân luồng thực chất.

Thực tiễn quản lý đòi hỏi nhà trường phải thẳng thắn đánh giá thực trạng triển khai chương trình HĐTN, HN hiện nay; nhận diện rõ những điểm nghẽn về tâm lý xã hội, cơ sở vật chất và phương pháp tổ chức. Từ đó, việc tìm kiếm và nhân rộng những mô hình tổ chức hiệu quả – từ sinh hoạt chuyên đề theo khối lớp, sân khấu hóa, kết nối trực quan với các trường đại học, trường nghề, đến ứng dụng các nền tảng số hóa và bộ tiêu chí Rubric đánh giá đa chiều – là nhiệm vụ then chốt. Đây chính là nền tảng quản trị vững chắc nhằm phát triển toàn diện năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh, giúp các em tự chủ lập thân, lập nghiệp, khẳng định vị thế và uy tín của ngôi trường nửa thế kỷ trong giai đoạn đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

2. THỰC TRẠNG VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC GIAI ĐOẠN 2020–2026

2.1. Bối cảnh quy mô, nhân lực và điều kiện cơ sở vật chất tác động đến công tác hướng nghiệp

- **Quy mô học sinh:** Nhà trường quản lý quy mô lớn với hơn 1.500 học sinh, biên chế từ 34 đến 37 lớp học. Đa phần học sinh xuất thân từ gia đình nông dân, lao động nông thôn tại địa phương, có ý thức vượt khó vươn lên. Tuy nhiên, nhiều em còn thiếu tự tin, tâm lý chọn ngành nghề phần lớn dựa trên cảm tính, trào lưu hoặc sự áp đặt của người thân mà chưa thực sự hiểu rõ năng lực, phẩm chất và sở trường của bản thân.
- **Đội ngũ giáo viên và nhân viên:** Tổng số 78 giáo viên và 6 nhân viên phục vụ. Dù có chuyên môn vững vàng và tinh thần trách nhiệm cao, song việc tư vấn hướng nghiệp chủ yếu do giáo viên chủ nhiệm và giáo viên giảng dạy HĐTN, HN kiêm nhiệm – tình trạng phổ biến ở các trường phổ thông Việt Nam khi chưa có đội ngũ tư vấn chuyên trách [5]. Một bộ phận giáo viên lớn tuổi còn thiếu kỹ năng trắc nghiệm tâm lý nghề nghiệp, chậm cập nhật thông tin về sự chuyển dịch của thị trường lao động trong kỷ nguyên số.

2.2. Những thuận lợi và khó khăn đặc thù tại đơn vị

- **Thuận lợi:**
  - Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo sâu sát từ Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang [6], cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc triển khai các đề án về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh.
  - Uy tín và bề dày truyền thống hơn 50 năm thành lập tạo được niềm tin sâu sắc trong nhân dân, giúp nhà trường dễ dàng huy động mạng lưới cựu học sinh thành đạt ở nhiều ngành nghề và các mạnh thường quân đồng hành tài trợ kinh phí, trao học bổng hỗ trợ định hướng nghề nghiệp cho học sinh nghèo.
  - Ban Giám hiệu quyết liệt chỉ đạo đổi mới phương thức quản lý, chủ động thành lập riêng *Tổ chuyên môn Hoạt động trải nghiệm – Hướng nghiệp và Giáo dục địa phương* để thống nhất phân phối chương trình và xây dựng các chủ đề sinh hoạt bám sát thực tiễn.

- **Khó khăn:**
  - *Tác động từ kinh tế làng nghề và nguy cơ lao động sớm:* Địa phương phát triển mạnh làng nghề mộc truyền thống (chạm trổ, sơn PU) cùng các cơ sở sản xuất, tạo nhu cầu lớn về lao động phổ thông. Điều này dẫn đến tình trạng một bộ phận học sinh THPT có tâm lý muốn nghỉ học sớm để kiếm tiền trước mắt, gây khó khăn cho việc duy trì sĩ số và định hướng học tập dài hạn.
  - *Tâm lý khoa cử và định kiến xã hội:* Định kiến "phải vào đại học bằng mọi giá" vẫn ăn sâu trong nhận thức của phụ huynh nông thôn, coi việc học nghề, học trung cấp hay cao đẳng là lựa chọn yếu thế. Mặt khác, sự thiếu kiên định khiến nhiều học sinh khối 12 liên tục thay đổi tổ hợp môn và nguyện vọng xét tuyển vào cuối năm học, làm xáo trộn công tác tổ chức ôn tập phân hóa của nhà trường.

2.3. Số liệu quản trị công tác hướng nghiệp và phân luồng qua các năm học

Bảng 1

Số liệu quản trị công tác hướng nghiệp và phân luồng qua các năm học

STT	Tiêu chí theo dõi quản trị	Năm học 2024–2025	Năm học 2025–2026	Nhận định chuyển biến thực trạng
1	Quy mô học sinh toàn trường	1.600 học sinh	1.560 học sinh	Quy mô ổn định trên 1.500 học sinh
2	Quy mô số lớp/Số phòng học	37 lớp/32 phòng	35 lớp/32 phòng	Luôn trong tình trạng thiếu phòng, học 2 ca
3	Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa cấp	0,00%	0,19%	Kiểm soát tốt nguy cơ học sinh lao động sớm
4	Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT	100%	100%	Duy trì tỷ lệ gần như tuyệt đối qua các năm
5	Tỷ lệ trúng tuyển, nhập học đại học	69,28%	84,38%	Tăng cao nhưng còn tình trạng chạy theo bằng cấp
6	Tỷ lệ hoàn thành môn HĐTN, HN	100%	100%	100% học sinh đạt yêu cầu nhận xét
7	Số lượt tổ chức tư vấn hướng nghiệp	05 buổi trực tiếp	04 đợt tập trung + tham quan	Mở rộng liên kết với trường ĐH, CĐ, DN

Nguồn: Báo cáo sáng kiến quản lý năm 2024 [7], Báo cáo tổng kết các năm học 2024–2025 và 2025–2026 của Trường THPT Châu Văn Liêm.

3. GIẢI PHÁP NHẰM THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP – PHÂN LUỒNG HỌC SINH

3.1. Thành lập tổ chuyên môn chuyên trách

Từ thực tiễn quản lý ngôi trường có bề dày truyền thống ở địa bàn nông thôn, tôi đã quyết định thành lập riêng một Tổ chuyên môn phụ trách công tác hướng nghiệp kết hợp chặt chẽ với Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên. Giải pháp này nhằm khắc phục triệt để tình trạng hướng nghiệp hình thức, chồng chéo nhiệm vụ và giảm áp lực phòng ốc bằng cách chuyển hóa những tiết HĐTN, HN thành các chuỗi chuyên đề sân khấu hóa, tọa đàm hướng nghiệp và sinh hoạt tập trung ngoài không gian sân trường. Sự gắn kết mật thiết giữa tổ chuyên môn và Đoàn trường tạo nên sức mạnh cộng hưởng: tổ chuyên môn đảm bảo khung chương trình, xây dựng nội dung bài bản, còn Đoàn trường phát huy tính xung kích, mạng lưới cán bộ lớp nòng cốt để tổ chức các ngày hội việc làm, các diễn đàn đối thoại nghề nghiệp sinh động, vừa tiết kiệm phòng học vừa kéo giảm nguy cơ học sinh bỏ học đi làm lao động sớm tại các làng nghề mộc địa phương.

Trong mô hình này, Tổ trưởng chuyên môn giữ vai trò là "tổng công trình sư" thiết kế kế hoạch giáo dục hướng nghiệp linh hoạt, khoa học, bám sát tình hình thực tế và năng lực đội ngũ. Với trọng trách điều hành, Tổ trưởng chủ động phối hợp với Bí thư Đoàn trường để rà soát, tích hợp 4 loại hình hoạt động (sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động theo chủ đề và câu lạc bộ) thành các chuyên đề lớn theo từng tháng, tránh việc trùng lặp cơ học và giảm tải tối đa áp lực hành chính cho giáo viên. Đồng thời, Tổ trưởng là người tiên phong phân hóa đối tượng học sinh theo các nhóm tổ hợp môn để định hình lộ trình tư vấn: từ nhóm học sinh có học lực tốt phấn đấu vào đại học tốp đầu, đến nhóm học sinh có hoàn cảnh khó khăn cần phân luồng sớm vào các trường cao đẳng nghề, trường kỹ thuật hoặc học nghề mộc tại quê hương.

Không chỉ dừng lại ở khâu lập kế hoạch, Tổ trưởng chuyên môn chính là hạt nhân dẫn dắt chuyên môn, trực tiếp bồi dưỡng năng lực tư vấn và kỹ năng sư phạm cho giáo viên trong tổ thông qua đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Người tổ trưởng chủ trì xây dựng các kịch bản trải nghiệm mở, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo đúng sở trường, đồng thời hướng dẫn giáo viên sử dụng các bộ câu hỏi trắc nghiệm, phần mềm công nghệ và thang tiêu chí Rubric để đánh giá chính xác năng lực định hướng nghề nghiệp của từng học sinh. Đặc biệt, trước tình trạng học sinh khối 12 thường dao động, thay đổi nguyện vọng xét tuyển vào cuối cấp, Tổ trưởng phải thường xuyên theo dõi, tư vấn tâm lý kịp thời và chỉ đạo giáo viên bộ môn điều chỉnh phương án ôn tập phân hóa phù hợp, bảo đảm các em đưa ra quyết định ngành nghề kiên định và xác đáng.

3.2. Tổ chức các hoạt động chung cho toàn trường

Đối với hoạt động chung toàn trường, tôi tận dụng tối đa diện tích sân trường và khu thể thao ngoài trời của ngôi trường để định kỳ tổ chức các diễn đàn, ngày hội lớn theo hình thức sân khấu hóa và tích hợp những tiết HĐTN, HN vào các buổi sinh hoạt dưới cờ. Nhà trường phối hợp cùng Đoàn Thanh niên tổ chức các hội thi như "Tiểu phẩm kịch tương tác nghề nghiệp", thiết kế infographic, báo tường điện tử hoặc video clip giới thiệu ngành nghề và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Thông qua các tiểu phẩm phản ánh thực tế về mâu thuẫn giữa nguyện vọng của con cái và định kiến gia đình, học sinh từ khối 10 đến khối 12 được trực tiếp sắm vai, tranh biện và thể hiện nhận thức về

trách nhiệm công dân trong việc chọn nghề. Cách làm quy mô toàn trường này không chỉ giúp học sinh lớp 10, 11 sớm nhận diện thị trường lao động để chọn đúng tổ hợp môn, mà còn tạo động lực tinh thần mạnh mẽ giúp các em vùng nông thôn vượt qua mặc cảm tự ti.

Riêng đối với học sinh khối 12 – lực lượng chuẩn bị trực tiếp bước vào kỳ thi tốt nghiệp và phân luồng nghề nghiệp, tôi chỉ đạo tổ chức các hoạt động chuyên biệt mang tính cá nhân hóa cao. Để khắc phục việc thiếu hội trường, nhà trường tận dụng các khung giờ chuyển giao hoặc ngày thứ Bảy để chia khối 12 thành các nhóm chuyên đề theo 6 nhóm tổ hợp môn đã đăng ký. Giáo viên chủ nhiệm cùng Tổ chuyên môn Hoạt động trải nghiệm – Hướng nghiệp hướng dẫn các em thực hiện bài trắc nghiệm tính cách nghề nghiệp, tự xây dựng "Đề án nghề nghiệp tương lai" và báo cáo bảo vệ trước tập thể lớp để rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình. Nhằm tránh tình trạng học sinh thay đổi nguyện vọng liên tục vào cuối năm học gây xáo trộn ôn tập, nhà trường chủ động mời các chuyên gia tư vấn tuyển sinh từ các trường đại học, cao đẳng, đồng thời tổ chức cho học sinh khối 12 tham quan trải nghiệm thực tế tại các trường đại học lớn trong khu vực như Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Nam Cần Thơ, Trường Đại học FPT…

Điểm mấu chốt trong khâu phân luồng khối 12 là nhà trường tiến hành rà soát, phân loại rõ hai nhóm đối tượng: nhóm có học lực và điều kiện thi tuyển đại học và nhóm có năng khiếu thực hành, hoàn cảnh khó khăn cần phân luồng sớm. Đối với nhóm học sinh có xu hướng tham gia thị trường lao động hoặc tiếp nối nghề mộc truyền thống ở quê hương, nhà trường tổ chức các buổi tư vấn nghề ngắn hạn, kết nối với các trường nghề và doanh nghiệp tư vấn. Nhà trường kiên trì giáo dục tư tưởng để các em và gia đình hiểu rõ: dù theo con đường học nghề hay lao động kỹ thuật, điều kiện tiên quyết vẫn là phải nỗ lực thi đỗ tốt nghiệp THPT để có nền tảng văn hóa vững vàng. Mọi kết quả thể hiện nhận thức, năng lực lập kế hoạch của học sinh khối 12 đều được lượng hóa qua bộ công cụ Rubric rõ ràng, vừa giúp các em đưa ra quyết định ngành nghề kiên định, chuẩn xác, vừa duy trì vững chắc tỷ lệ tốt nghiệp THPT 100% của nhà trường.

3.3. Tư vấn và phối hợp công tác hướng nghiệp với cha mẹ học sinh

Nhà trường đổi mới căn bản phương thức tương tác và tư vấn định hướng đối với cha mẹ học sinh nhằm xóa bỏ định kiến xã hội và khoảng cách địa lý. Thay vì chỉ tổ chức các buổi họp phụ huynh thụ động phổ biến điểm số, tôi chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm và tổ chuyên môn tích hợp chuyên đề tư vấn hướng nghiệp, phân luồng thực chất ngay từ các phiên họp đầu năm, cuối học kỳ và cuối năm học. Đối với những gia đình có cha mẹ đi làm ăn xa, nhà trường đẩy mạnh chuyển đổi số thông qua ứng dụng vnEdu, cổng thông tin điện tử và các nhóm liên lạc trực tuyến để cập nhật kết quả rèn luyện, năng lực sở trường của từng em. Qua đó, thầy cô kiên trì đối thoại với người giám hộ để giải tỏa áp lực "chạy theo đại học", phân tích rõ xu hướng thị trường lao động, lợi ích của việc phân luồng vào cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ cao hoặc tiếp nối nghề mộc truyền thống có bằng tốt nghiệp THPT.

3.4. Xây dựng hệ thống thang đánh giá năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh

Bảng 2

Thang tiêu chí (Rubric) đánh giá năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh

Tiêu chí năng lực	Mức 1: Chưa đạt (1 điểm)	Mức 2: Đạt (2 điểm)	Mức 3: Khá (3 điểm)	Mức 4: Tốt (4 điểm)
1. Tự nhận thức bản thân và xu hướng việc làm	*Thụ động*, chưa biết điểm mạnh – điểm yếu; chọn nghề theo phong trào hoặc áp đặt.	Nêu được sở thích bản thân; biết *một số* ngành nghề truyền thống và trường đào tạo cơ bản.	*Tự phân tích* rõ điểm mạnh, điểm yếu; nắm bắt được xu hướng việc làm và nhu cầu thị trường lao động.	*Đánh giá* sâu sắc năng lực bản thân qua các bài trắc nghiệm; am hiểu yêu cầu nghề nghiệp thời kỳ AI và hội nhập.
2. Kỹ năng lập kế hoạch và quyết định phân luồng	*Không có* mục tiêu học tập rõ ràng; có nguy cơ bỏ học sớm vì mưu sinh trước mắt.	Đặt mục tiêu tốt nghiệp THPT nhưng kế hoạch chọn trường, chọn nghề *còn mơ hồ*.	*Xây dựng được* lộ trình ôn tập bám sát tổ hợp môn; xác định rõ mục tiêu đại học hoặc cao đẳng nghề.	Có "Đề án nghề nghiệp tương lai" bài bản; *có phương án dự phòng* phân luồng khả thi; kiên định với lựa chọn.
3. Tương tác trải nghiệm và tinh thần trách nhiệm	*Không tham gia* các hoạt động hướng nghiệp; không có sản phẩm học tập theo chủ đề.	*Tham gia đầy đủ* các tiết học nhưng ít phát biểu, thảo luận nhóm còn gượng gạo.	*Tích cực tham gia* diễn tiểu phẩm, làm video/infographic nghề nghiệp; tự tin chia sẻ góc nhìn.	Làm chủ sân chơi hướng nghiệp; thể hiện *tư duy phản biện xuất sắc*; có ý thức dùng nghề nghiệp cống hiến cho quê hương.

4. KẾT LUẬN

Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh theo Chương trình GDPT 2018 đặt ra bài toán quản trị đầy thử thách đối với người hiệu trưởng trường THPT nông thôn, nơi điều kiện cơ sở vật chất còn giới hạn và tư duy khoa cử truyền thống vẫn in đậm qua nhiều thế hệ. Tuy nhiên, từ thực tiễn lãnh đạo ngôi trường có bề dày lịch sử hơn 50 năm, kết quả đạt được trong giai đoạn 2020–2026 đã chứng minh rằng: khó khăn về không gian phòng ốc hay rào cản tâm lý xã hội hoàn toàn có thể được hóa giải nếu người đứng đầu nhà trường có tư duy quản trị khoa học, linh hoạt, dám nghĩ và dám đổi mới. Bề dày truyền thống không chỉ là niềm tự hào lịch sử, mà thực sự trở thành điểm tựa tinh thần, nguồn nội lực quý báu để nhà trường biến thách thức thành động lực bứt phá.

Hệ thống giải pháp quản trị giai đoạn 2026–2030 được xây dựng dựa trên nguyên tắc kế thừa trực tiếp các bài học kinh nghiệm thành công từ sáng kiến quản lý đã được kiểm chứng [7]: từ việc thành lập riêng một tổ chuyên môn gắn kết chặt chẽ với Đoàn Thanh niên, đổi mới các hình thức sinh hoạt chung toàn trường ngoài không gian mở và tư vấn chuyên sâu cho khối 12, đến việc đồng hành cùng cha mẹ học sinh, khơi thông nguồn lực cựu học sinh và lượng hóa bằng bộ tiêu chí Rubric đa chiều. Các giải pháp này đã giải quyết đồng bộ và triệt để hai mục tiêu lớn của giáo dục vùng nông thôn: vừa ngăn chặn hiệu quả nguy cơ học sinh bỏ học đi lao động sớm tại các làng nghề mộc địa phương, vừa từng bước xóa bỏ định kiến chuộng đại học bằng mọi giá để phân luồng

nghề nghiệp thực chất. Khi học sinh tốt nghiệp THPT với một nhận thức đúng đắn về năng lực bản thân, kiên định với ngành nghề đã chọn và nuôi dưỡng khát vọng lập thân, lập nghiệp, đó chính là thước đo cao nhất cho chất lượng và uy tín bền vững của Trường THPT Châu Văn Liêm trong kỷ nguyên đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
4. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
5. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
6. Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang (2023). *Công văn số 4206/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 25/10/2023 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn giáo dục trung học*.
7. Trần Võ Trinh (2024). *Một số giải pháp quản lý đối với công tác tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm – hướng nghiệp và nội dung giáo dục địa phương* [Báo cáo kết quả thực hiện sáng kiến cải tiến, giải pháp quản lý]. Trường THPT Châu Văn Liêm, tỉnh An Giang.

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU

ThS. Nguyễn Thanh Dung

Trường THPT Võ Thị Sáu, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang

Email: thanhdung_c3vothisaucd@angiang.edu.vn

Tóm tắt: *Bài viết chia sẻ kinh nghiệm tổ chức giáo dục hướng nghiệp thông qua Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại Trường THPT Võ Thị Sáu (phường Châu Đốc) – trường vùng thành thị với khoảng 1.500 học sinh. Nhà trường tư vấn chọn tổ hợp môn từ đầu lớp 10, tổ chức 10 chủ đề trải nghiệm (105 tiết/năm học) theo 4 mạch hoạt động và ba loại hình hoạt động, đồng thời liên kết với nhiều trường đại học, cao đẳng để tư vấn tuyển sinh, tham quan, trải nghiệm "một ngày làm sinh viên". Tỉ lệ học sinh trúng tuyển đại học tăng từ 55,5% (2024–2025) lên 90,3% (2025–2026). Bài viết chỉ ra các thách thức về nhiễu loạn thông tin nghề nghiệp, áp lực phân hóa theo khối lớp, việc làm sau tốt nghiệp và đề xuất phát huy góc tư vấn, vai trò giáo viên chủ nhiệm, phối hợp với doanh nghiệp, chủ động làm chủ AI.*

Từ khóa: *hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; giáo dục hướng nghiệp; liên kết trường đại học; giáo viên chủ nhiệm; trường THPT thành thị*

1. KHÁI QUÁT VỀ NHÀ TRƯỜNG VÀ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP

Trường trung học phổ thông (THPT) Võ Thị Sáu thuộc địa bàn vùng thành thị của phường Châu Đốc, quy mô học sinh toàn trường hằng năm dao động từ 1.490 đến 1.510 học sinh, bao gồm cả 3 khối lớp 10, 11, 12. Cán bộ quản lý của trường hiện có 04 người, cùng 74 giáo viên, 9 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng.

Có thể nói, cùng với nhiệm vụ dạy và học, nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các khối lớp. Đặc biệt, ngay từ đầu năm học lớp 10, trường tổ chức tư vấn, định hướng cho học sinh đầu cấp đăng ký lựa chọn tổ hợp môn học tự chọn ngoài 8 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, theo định hướng năng lực và nghề nghiệp mà học sinh lựa chọn trong tương lai.

Sang năm lớp 11, vào cuối năm học, trường tổ chức cho học sinh đăng ký tổ hợp môn xét tốt nghiệp ở lớp 12 theo định hướng năng lực và tổ hợp môn xét tuyển đại học mà học sinh có nguyện vọng theo học.

Đầu năm học lớp 12, trường tổ chức biên chế lớp theo tổ hợp môn, xếp các học sinh có cùng tổ hợp môn vào cùng lớp để thuận tiện cho công tác ôn tập và định hướng trong thi tốt nghiệp và xét tuyển đại học.

2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TẠI NHÀ TRƯỜNG

2.1. Quan niệm và kế hoạch tổ chức

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thì: "Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai" [1].

Nhằm định hướng cho học sinh trong việc lựa chọn ngành nghề phù hợp, hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chương trình môn học các khối lớp, cụ thể hóa các chủ đề hoạt động trải nghiệm trong năm và phân công người phụ trách thực hiện theo mỗi chủ đề, bao gồm Đoàn Thanh niên, giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm.

Với thời lượng chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được bố trí 105 tiết/năm học/lớp, các hoạt động giáo dục hướng nghiệp được tổ chức theo chủ điểm hằng tháng qua hình thức hoạt động cả khối, hoạt động theo đơn vị lớp và hoạt động sinh hoạt tập thể, tổ chức xen kẽ trong tuần. Ở mỗi chủ đề, nhà trường thiết kế và tổ chức thực hiện chuỗi các hoạt động:

- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm của từng chủ đề trong không gian lớp học, trong và ngoài nhà trường.
- Tổ chức cho học sinh thực hành trải nghiệm: học sinh được thực hành, rèn luyện, trải nghiệm theo cá nhân, nhóm. Học sinh điều chỉnh được những hiểu biết, kỹ năng, thái độ của bản thân, phát huy sự sáng tạo trong tư duy, hành động và ứng phó các tình huống trong cuộc sống đặt ra.
- Tổ chức cho học sinh thảo luận, báo cáo, đánh giá kết quả trải nghiệm trong không gian lớp học, ngoài lớp học, chia sẻ với tập thể học sinh nhà trường tùy vào sản phẩm trải nghiệm, đáp ứng được yêu cầu cần đạt của chủ đề, để làm căn cứ đánh giá sự hoàn thành của học sinh.

Trong các kế hoạch tổ chức hoạt động, nội dung Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được xây dựng dựa trên các mối quan hệ của cá nhân học sinh với bản thân, với xã hội, với tự nhiên, với nghề nghiệp và được tổ chức thành 4 mạch hoạt động: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên và Hoạt động hướng nghiệp.

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của trường được thực hiện trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học; theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp và tùy chủ đề theo quy mô toàn trường; với ba loại hình hoạt động chủ yếu là Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề, với sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học, cán bộ tư vấn tâm lí học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Giám hiệu nhà trường; đồng thời liên kết với các trường đại học, cao đẳng tổ chức tư vấn cho học sinh về các xu hướng nghề nghiệp trong tương lai.

2.2. Nội dung chủ đề và hình thức tổ chức

Nội dung các chủ đề hoạt động trải nghiệm trong chương trình 105 tiết bao gồm:

- Chủ đề 1: Phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè (9 tiết).
- Chủ đề 2: Tôi trưởng thành (12 tiết).
- Chủ đề 3: Hoàn thiện bản thân (12 tiết).
- Chủ đề 4: Trách nhiệm với gia đình (9 tiết).
- Chủ đề 5: Xây dựng cộng đồng (12 tiết).
- Chủ đề 6: Chung tay giữ gìn và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên (6 tiết).
- Chủ đề 7: Bảo vệ thế giới tự nhiên (9 tiết).
- Chủ đề 8: Nghề nghiệp và những yêu cầu đối với người lao động trong xã hội hiện đại (12 tiết).
- Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp (9 tiết).
- Chủ đề 10: Quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp và chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường mới (15 tiết).

Với các chủ đề trên, trường tổ chức các hình thức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo từng lớp học và có thể kết hợp một vài lớp học, khối lớp học hoặc toàn trường. Khi tổ chức hoạt động có quy mô theo khối lớp hoặc toàn trường thì phân công rõ người chủ trì, người phối hợp, từ đó xác định nhiệm vụ của từng giáo viên được phân công.

Trong xây dựng kế hoạch dạy học hướng nghiệp, trải nghiệm, trường xác định cụ thể nội dung hoạt động và thời lượng thực hiện theo từng loại hình hoạt động quy định trong chương trình; linh hoạt thời lượng dành cho các loại hình hoạt động với quy mô tổ chức khác nhau giữa các tuần; phân định rõ thời lượng dành cho hoạt động chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục tập thể khác của nhà trường, bảo đảm không trùng với thời lượng thực hiện các nội dung theo chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Trường hợp tiết Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bố trí vào tiết đầu của ngày đầu tuần, có thể kết hợp với chào cờ đầu tuần chung toàn trường thì thời lượng dành cho nghi thức chào cờ đầu tuần và sinh hoạt hành chính không ảnh hưởng đến thời lượng của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Tổng số tiết thực hiện Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là 105 tiết. Nhà trường xây dựng thời khóa biểu bảo đảm sự linh hoạt (không bắt buộc phải thực hiện lần lượt các chủ đề theo trình tự trong sách giáo khoa) sao cho mỗi chủ đề được tổ chức thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định, phù hợp với số giờ dạy của giáo viên trong khoảng thời gian đó, tránh quá tải đối với giáo viên tại thời điểm thực hiện chủ đề được phân công.

Đối với các hoạt động tổ chức của trường, Sinh hoạt dưới cờ (SHDC) và Sinh hoạt lớp (SHL) xen kẽ nhau mỗi tuần. Cụ thể, tuần có SHDC thì không có SHL, tuần có SHL thì không có SHDC; hoạt động giáo dục theo chủ điểm do giáo viên chủ nhiệm thực hiện và hoạt động cả khối 4 tiết theo chủ đề các khối được tổ chức vào tuần thứ 4 của tháng.

Với hoạt động chung cả khối, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp sẽ tổ chức theo chủ đề hằng tháng, đa dạng các hình thức thực hiện cho học sinh tham gia như tổ chức các diễn đàn, trò chơi, cuộc thi, sân khấu tương tác, hoạt động giao lưu, dã ngoại tham quan, theo không gian tổ chức phù hợp với điều kiện đơn vị.

Mục tiêu đặt ra của nhà trường đối với Hoạt động trải nghiệm và hoạt động hướng nghiệp

không chỉ giúp học sinh phát triển trí nhớ thông qua thực tế được tìm hiểu mà quan trọng hơn là phát triển các kĩ năng quan sát, nhận thức và tư duy; các hành vi ứng xử, cảm nhận, biểu đạt tình cảm; định hướng phát triển năng lực cho học sinh trong lựa chọn ngành nghề phù hợp.

3. LIÊN KẾT VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Mặt khác, Ban Giám hiệu cũng chủ động mở cửa trường học, đưa học sinh đến gần hơn với giảng đường đại học, để Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và hoạt động hướng nghiệp không chỉ thực hiện khép kín trong khuôn viên trường mà còn mở rộng thông qua các mô hình trải nghiệm tham quan các trường đại học có điều kiện đi lại thuận tiện, gần trường; cho học sinh trải nghiệm "một ngày làm sinh viên" để khơi dậy động lực học tập cho học sinh các lớp 11, 12 và hình dung về môi trường học tập tương lai.

Ngoài ra, hằng năm trường thực hiện liên kết với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nam Cần Thơ, Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (HUTECH), Trường Đại học Văn Lang, Trường Cao đẳng nghề An Giang…; đặc biệt, trường ký hợp tác với Trường Đại học Tôn Đức Thắng trong liên kết thực hiện đăng ký xét tuyển vào trường.

Các phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia hướng nghiệp từ các trường đại học về trường chia sẻ theo từng nhóm ngành Kinh tế, Công nghệ, Ngôn ngữ, Y dược…, về chỉ tiêu, phương thức xét tuyển, học bổng, các ưu thế khi đăng ký vào học tại trường. Qua đó, học sinh có cơ sở để đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với xu hướng ngành nghề.

Sang đầu tháng 2 và tháng 3, các trường đại học kết hợp với nhà trường thông tin qua các pano, tờ bướm giới thiệu và chuẩn bị góc tư vấn chuyên sâu về đề án tuyển sinh, điều kiện xét tuyển thẳng, chứng chỉ quốc tế, giúp các em tối ưu hóa hồ sơ năng lực cá nhân, giải tỏa áp lực tâm lý và chọn phương thức xét tuyển thông minh, an toàn nhất.

Với cách thức tổ chức và thực hiện qua các năm tại đơn vị nhằm định hướng cho học sinh trong việc lựa chọn ngành nghề sau khi tốt nghiệp THPT, tỉ lệ học sinh đỗ đại học, cao đẳng các năm học có sự chuyển biến (theo báo cáo của nhà trường):

- Năm học 2024–2025: trường có 464 học sinh đăng ký dự thi, tỉ lệ đỗ đại học đạt 55,5%.
- Năm học 2025–2026: trường có 325/361 học sinh trúng tuyển đại học, tỉ lệ 90,3%.

4. NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA

Bên cạnh kết quả đạt được trong công tác tư vấn hướng nghiệp thông qua tỉ lệ học sinh đỗ đại học trong các năm học gần đây, Trường THPT Võ Thị Sáu cũng đối mặt với những thách thức đặc thù:

- **Hiệu ứng "nhiễu loạn thông tin" trước xu hướng lựa chọn nghề nghiệp trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.** Học sinh đứng trước quá nhiều lựa chọn ngành nghề, dẫn đến tâm lý hoang mang, chọn ngành theo trào lưu mạng xã hội thay vì năng lực thực tế.
- **Áp lực phân hóa theo khối lớp:** Học sinh khối 11 bắt đầu bước vào giai đoạn lựa chọn tổ hợp môn chuyên sâu và cần xác định rõ mục tiêu xét tuyển. Trong khi đó, khối 12 đối mặt với áp lực chọn trường, chọn phương thức tuyển sinh (xét học bạ, đánh giá năng lực, điểm thi tốt nghiệp) khi kỳ thi cận kề.
- **Yêu cầu tính thực chất:** Học sinh học đại học xong ra trường sẽ được nhận vào làm ở những

nơi nào, đặc biệt là các ngành khối sư phạm hiện nay đang đứng trước áp lực sắp xếp biên chế, quy mô trường lớp ở các địa phương.

5. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

Chính vì thế, Hoạt động trải nghiệm theo từng cấp học đóng vai trò định hướng, phát triển năng lực và phẩm chất học sinh tương ứng với các mức độ, khả năng tiếp nhận và hình thành tư duy nhận thức lựa chọn nghề nghiệp. Ở cấp THPT, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành ở cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở. Kết thúc giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, học sinh có khả năng thích ứng với các điều kiện sống, học tập và làm việc khác nhau; thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại; có khả năng tổ chức cuộc sống, công việc và quản lí bản thân; có khả năng phát triển hứng thú nghề nghiệp và ra quyết định lựa chọn được nghề nghiệp tương lai; xây dựng được kế hoạch rèn luyện đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và trở thành người công dân có ích [1].

Để lộ trình phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp đạt hiệu quả, với góc độ Ban Giám hiệu nhà trường, tôi nhận thấy mỗi khối lớp là một giai đoạn học sinh phải tự khám phá năng lực bản thân [2], đối chiếu với năng lực học tập hiện tại, cụ thể thông qua điểm số các môn trong tổ hợp lựa chọn, với yêu cầu đầu vào của các nhóm ngành đại học. Nhà trường phối hợp với các trường đại học tổ chức các bài kiểm tra tư duy, trắc nghiệm theo xu hướng đánh giá năng lực miễn phí cho học sinh, giúp các em kịp thời điều chỉnh kế hoạch học tập trước khi lên lớp 12.

Đến lớp 12, trọng tâm là năng lực hành động và thích ứng. Học sinh không chỉ chọn ngành, mà phải hiểu rõ cấu trúc chương trình đào tạo của ngành đó ở bậc đại học, cơ hội việc làm và khả năng hội nhập quốc tế.

Nhà trường xây dựng và phát huy hiệu quả góc tư vấn tâm lý – hướng nghiệp cho học sinh [3], mời các cựu học sinh đang học tại các trường đại học lớn làm "đại sứ hướng nghiệp" để chia sẻ kinh nghiệm thực tế cho học sinh lớp 12.

Đặc biệt, tại trường, một lực lượng đóng vai trò rất quan trọng chính là giáo viên chủ nhiệm, cụ thể là giáo viên chủ nhiệm các lớp 11, 12. Giáo viên chủ nhiệm đóng vai trò là "chuyên gia sàng lọc bước đầu": họ là người theo sát học bạ của học sinh, phối hợp với chuyên gia đại học để tư vấn cho phụ huynh trong các buổi họp, tạo nên sợi dây liên kết chặt chẽ Gia đình – Trường THPT – Trường đại học.

Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh địa bàn thành thị, đặc biệt là khối 11, 12, đòi hỏi người làm quản lý phải luôn linh hoạt, nhạy bén với những thay đổi của hệ thống giáo dục đại học. Việc tận dụng tốt ưu thế mối quan hệ với các trường đại học không chỉ giảm tải áp lực tổ chức cho nhà trường, mà quan trọng hơn, nó mở ra cánh cửa chân thực nhất để các em học sinh bước vào tương lai một cách chủ động, tự tin và chính xác.

Hiện nay, trước những thông tin về lựa chọn ngành nghề, học sinh đứng trước quá nhiều lựa chọn, dẫn đến tâm lý hoang mang, chọn ngành theo trào lưu mạng xã hội thay vì năng lực thực tế. Vấn đề cơ hội việc làm sau tốt nghiệp đại học cũng là nỗi trăn trở không chỉ của nhà quản lý, phụ huynh mà của chính học sinh sau quá trình học đại học, để không khép lại những hoài bão, ước mơ đã nung đúc các em trong các năm học phổ thông và đại học. Điều này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, các trường đại học và trường phổ thông trong việc cung cấp

thông tin về số lượng vị trí việc làm, nhu cầu nhóm ngành nghề đang cần, để trường thực hiện tư vấn, định hướng sát với thực tế [4], mang lại cơ hội đào tạo và việc làm phù hợp, không rơi vào tình thế có bằng cấp nhưng không có việc làm.

Trong bối cảnh thị trường hiện nay, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và hoạt động hướng nghiệp đối với học sinh trong nhà trường đòi hỏi phải có sự thay đổi trước sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI). Để học sinh lựa chọn được ngành nghề và có việc làm, chìa khóa cốt lõi là tư duy "đi trước đón đầu", chủ động làm chủ công nghệ, làm chủ AI và tích lũy kinh nghiệm thực tế ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
2. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
4. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HƯỚNG NGHIỆP QUA MÔN TIN HỌC TẠI TRƯỜNG THCS&THPT PHAN THỊ RÀNG

CN. Tạ Thu Năm

Trường THCS&THPT Phan Thị Ràng, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang

Email: tathunamptr5@gmail.com

Tóm tắt: *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT xác định việc sử dụng công nghệ, chuyển đổi số là một nội dung của giáo dục hướng nghiệp. Thực tế ở trường vùng nông thôn cho thấy học sinh tìm hiểu nghề chủ yếu qua lời kể và mạng xã hội; nhiều em đã hỏi chatbot trí tuệ nhân tạo (AI) về ngành nghề nhưng chưa có thói quen kiểm chứng. Từ khảo sát ẩn danh 155 học sinh khối 10, 11, 12 tại Trường THCS&THPT Phan Thị Ràng, bài viết đề xuất bốn giải pháp gắn với chương trình Tin học hiện hành: tổ chức các bài hướng nghiệp của môn Tin học thành giờ trải nghiệm nghề có công cụ số; quy trình bốn bước "Hỏi AI – Đối chiếu – Hỏi người thật – Tự quyết"; học sinh tự xây dựng cơ sở dữ liệu nghề nghiệp địa phương; khai thác công cụ số miễn phí cho khảo sát, hỏi đáp hướng nghiệp và kết nối cha mẹ học sinh. Các giải pháp không tăng thời lượng, dùng công cụ miễn phí và bảo vệ dữ liệu cá nhân học sinh.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; trí tuệ nhân tạo; năng lực số; cơ sở dữ liệu nghề nghiệp; môn Tin học*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giai đoạn 2026–2030, tỉnh An Giang đặt yêu cầu nâng cao chất lượng hướng nghiệp, phân luồng học sinh gắn với nhu cầu nhân lực và phát triển kinh tế – xã hội của địa phương [1]. Cùng lúc đó, thị trường lao động thay đổi rất nhanh dưới tác động của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI): nhiều công việc mới xuất hiện, nhiều công việc quen thuộc thay đổi cách làm. Học sinh cuối cấp phải lựa chọn ngành học, trường học hoặc con đường học nghề trong bối cảnh thông tin vừa nhiều, vừa khó phân biệt đúng sai.

Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục [2] đã đưa việc sử dụng công nghệ, chuyển đổi số thành một nội dung của giáo dục hướng nghiệp, đồng thời yêu cầu nhà trường tư vấn trực tiếp và trực tuyến, tích hợp hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục. Thông tư cũng nhấn mạnh việc bảo đảm quyền lựa chọn hướng học tập, nghề nghiệp của học sinh. Bên cạnh đó, Khung năng lực số cho người học (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT) [3] xác định học sinh lớp 10, 11, 12 hướng tới mức Nâng cao 1 (NC1); Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông (Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT) [4] và Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT [5] yêu cầu giáo dục AI không gây quá tải, không bắt học sinh mua tài khoản hay thiết bị, và giáo viên phải kiểm chứng sản phẩm do AI tạo ra.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [6], giáo dục hướng nghiệp được thực hiện qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó Tin học là một trong những môn có vai trò trực tiếp. Sách giáo khoa (SGK) Tin học 10, 11, 12 bộ Kết nối tri thức với cuộc sống (KNTT) đều có chủ đề "Hướng nghiệp với tin học"; riêng Tin học 12 có thêm chủ đề làm quen với trí tuệ nhân tạo

[7]. Đây là điều kiện thuận lợi để giáo viên Tin học vừa dạy học sinh hiểu công nghệ, vừa hướng dẫn các em dùng công nghệ để tìm hiểu nghề.

Tuy nhiên, khi học sinh đã tự dùng AI để hỏi về nghề, nảy sinh ba rủi ro: một là tin ngay câu trả lời, kể cả thông tin tuyển sinh có thể sai; hai là để máy "phán" hộ mình phù hợp với nghề gì; ba là đưa thông tin cá nhân lên các công cụ AI. Vì vậy, vấn đề đặt ra không phải là có dùng công nghệ số và AI trong hướng nghiệp hay không, mà là dùng như thế nào để học sinh hiểu nghề sâu hơn và tự quyết định tốt hơn. Bài viết chia sẻ kinh nghiệm tổ chức tại Trường THCS&THPT Phan Thị Ràng qua bộ môn Tin học, phạm vi áp dụng là học sinh khối 10, 11, 12 của nhà trường.

2. THỰC TRẠNG

2.1. Thuận lợi

Nhà trường đã sử dụng ổn định các nền tảng số như phần mềm quản lý học sinh vnEdu, hệ thống bài học số, Khan Academy…; trường có 2 phòng máy với 70 máy tính kết nối Internet. Chương trình Tin học cấp trung học phổ thông (THPT) có sẵn mạch nội dung hướng nghiệp xuyên suốt ba khối lớp, giúp giáo viên lồng ghép hướng nghiệp mà không phát sinh thêm thời lượng (Bảng 1). Học sinh nhanh nhạy với điện thoại, mạng xã hội và các ứng dụng mới.

Bảng 1

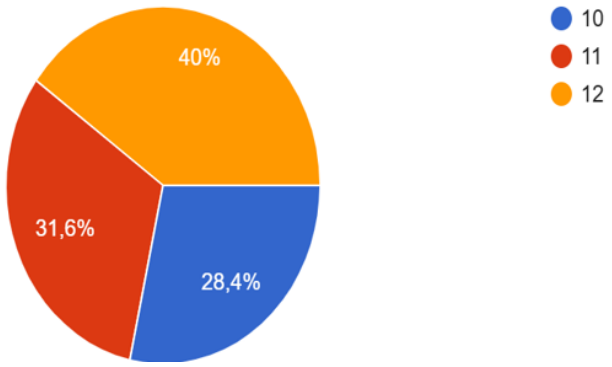
Mạch hướng nghiệp trong chương trình Tin học 10, 11, 12 (định hướng Tin học ứng dụng)

Khối	Nội dung hướng nghiệp trong SGK Tin học (KNTT)	Nội dung liên quan dùng để mở rộng
10	Chủ đề 6, Bài 33: Nghề thiết kế đồ họa máy tính	Chủ đề 4: Thiết kế đồ họa với phần mềm Inkscape
11	Chủ đề 5, Bài 16: Công việc quản trị cơ sở dữ liệu	Chủ đề 4: Giới thiệu các hệ cơ sở dữ liệu
12	Chủ đề 5, Bài 19–21: Dịch vụ sửa chữa và bảo trì máy tính; Nhóm nghề quản trị trong ngành công nghệ thông tin; Hội thảo hướng nghiệp	Chủ đề 1, Bài 1–2: Trí tuệ nhân tạo; Chủ đề 4: Tạo trang web với HTML, CSS

Nguồn: SGK Tin học 10, 11, 12 bộ KNTT [7].

2.2. Khó khăn, hạn chế

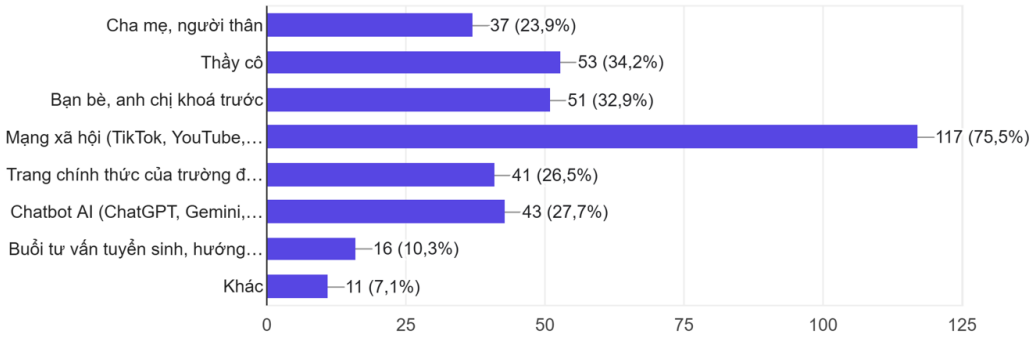
Để có căn cứ, tôi khảo sát ẩn danh 155 học sinh khối 10, 11, 12 bằng biểu mẫu trực tuyến, trong đó khối 10: 44 học sinh (28,4%), khối 11: 49 học sinh (31,6%), khối 12: 62 học sinh (40%) (Hình 1). Phiếu không thu họ tên, thông tin liên lạc của học sinh.



Hình 1. Cơ cấu học sinh tham gia khảo sát theo khối lớp

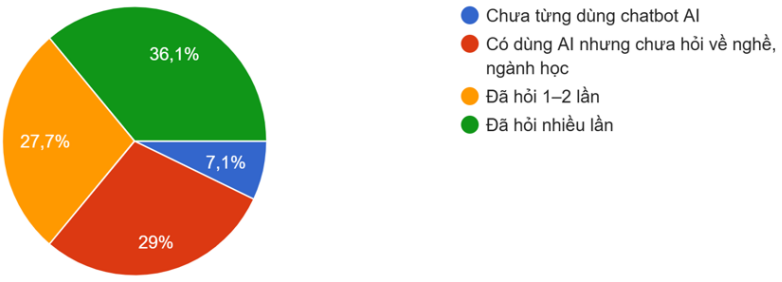
Kết quả chính như sau:

- Về nguồn thông tin (mỗi em chọn tối đa ba nguồn): 75,5% học sinh tìm hiểu nghề qua mạng xã hội, cao nhất trong các nguồn; 23,9% qua cha mẹ, người thân; chỉ 26,5% tìm hiểu qua trang thông tin chính thức của cơ sở đào tạo hoặc cơ quan quản lý giáo dục và 10,3% qua buổi tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp ở trường (Hình 2).

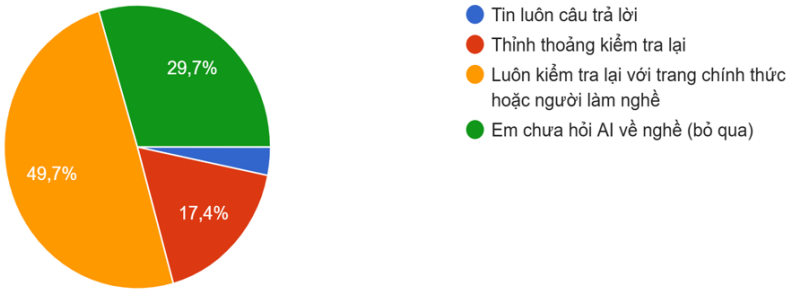


Hình 2. Nguồn thông tin học sinh dùng để tìm hiểu nghề nghiệp

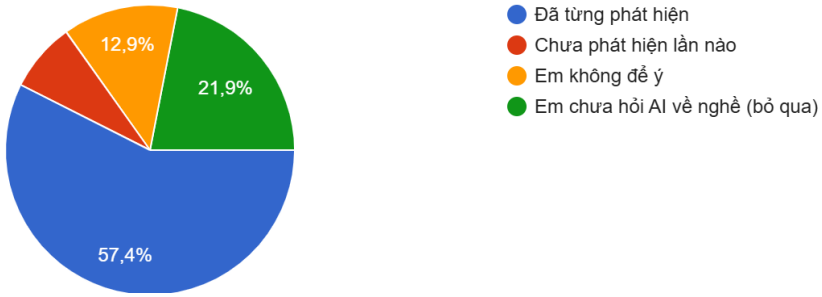
- Về sử dụng AI: 63,8% học sinh đã dùng chatbot AI để hỏi về nghề nghiệp, ngành học (Hình 3); trong số đó 4,0% tin ngay câu trả lời, 17,4% chỉ thỉnh thoảng kiểm tra lại và 49,7% cho biết luôn kiểm tra lại với nguồn chính thức hoặc người làm nghề (Hình 4). Đáng chú ý, 57,4% đã từng phát hiện AI trả lời sai hoặc không khớp với thông tin chính thức (Hình 5).



Hình 3. Mức độ học sinh dùng chatbot AI để hỏi về nghề, ngành học

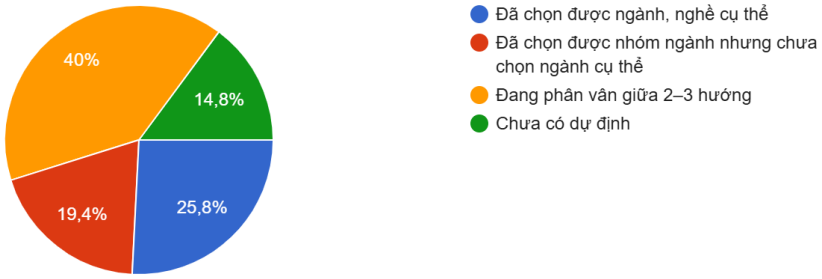


Hình 4. Thói quen kiểm tra lại câu trả lời của AI



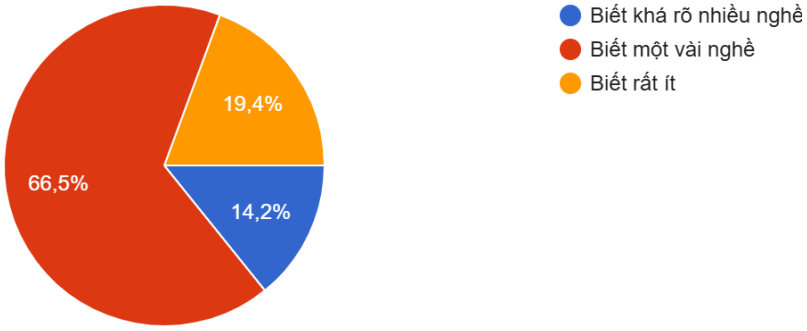
Hình 5. Tỉ lệ học sinh từng phát hiện AI trả lời sai hoặc không khớp thông tin chính thức

- Về định hướng: số học sinh đã chọn được ngành nghề cụ thể chiếm 25,8%; số học sinh đã chọn được nhóm ngành nhưng chưa chọn được ngành cụ thể chiếm 19,4%; số còn phân vân hoặc chưa có dự định là 40,6% (Hình 6).



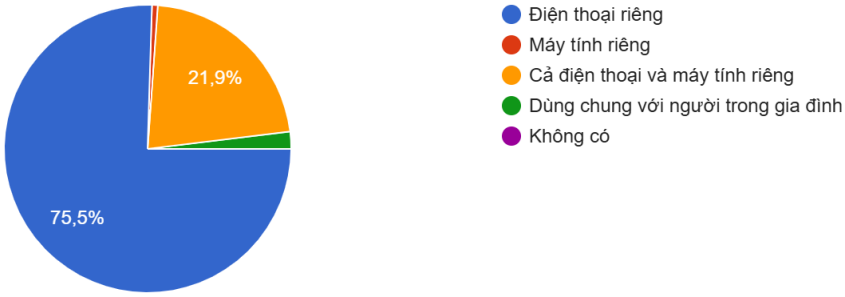
Hình 6. Mức độ định hướng ngành nghề của học sinh

- Về hiểu biết nghề ở địa phương: 19,4% học sinh cho biết mình biết rất ít và 66,5% chỉ biết một vài nghề đang có ở xã, tỉnh (Hình 7).



Hình 7. Mức độ hiểu biết về các nghề đang có ở địa phương

- Về điều kiện: 98,1% học sinh có điện thoại hoặc máy tính riêng kết nối Internet, trong đó 75,5% chỉ có điện thoại; 1,9% dùng chung thiết bị với gia đình, không có học sinh nào không có thiết bị (Hình 8).



Hình 8. Điều kiện thiết bị kết nối Internet của học sinh

2.3. Nguyên nhân

Từ kết quả trên, có thể thấy một số nguyên nhân chính. Thứ nhất, thông tin về nghề, đặc biệt là nghề tại địa phương, còn phân tán, chưa có nơi tổng hợp tin cậy mà học sinh dễ tra cứu. Thứ hai, học sinh dùng công cụ số và AI một cách tự phát, chưa được hướng dẫn quy trình đặt câu hỏi và kiểm chứng. Thứ ba, các tiết hướng nghiệp trong môn học dễ rơi vào cách "giới thiệu về nghề" bằng lời, thiếu sản phẩm để học sinh thực sự làm thử.

3. GIẢI PHÁP VÀ KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI

Các giải pháp dưới đây được xây dựng theo nguyên tắc: dựa trên chương trình Tin học hiện hành, không tăng thời lượng; dùng công cụ miễn phí và nền tảng nhà trường đã có; AI hỗ trợ học sinh tìm hiểu, không quyết định thay học sinh; bảo vệ dữ liệu cá nhân của học sinh.

3.1. Giải pháp 1: Tổ chức các bài hướng nghiệp của môn Tin học thành giờ "trải nghiệm nghề số"

Mục tiêu: chuyển từ "nghe giới thiệu về nghề" sang "làm thử một phần việc của nghề", giúp học sinh tự đánh giá mức độ hứng thú và phù hợp của bản thân.

Cách làm: Ở lớp 10, khi học Bài 33 – Nghề thiết kế đồ họa máy tính, học sinh nhận một "đơn đặt hàng" nhỏ gắn với địa phương như thiết kế nhãn, logo hoặc poster cho một nông sản, sản

phẩm của xã, sử dụng phần mềm Inkscape đã học. Ở lớp 11, với Bài 16 – Công việc quản trị cơ sở dữ liệu, học sinh đóng vai người quản trị cơ sở dữ liệu, thực hiện các thao tác cập nhật, phân quyền, sao lưu trên chính cơ sở dữ liệu nghề nghiệp của lớp. Ở lớp 12, Bài 21 – Hội thảo hướng nghiệp được giao cho học sinh tự tổ chức: các nhóm tìm hiểu một nhóm nghề trong ngành công nghệ thông tin, làm poster số, thiết kế phiếu khảo sát, trình chiếu và điều phối phần hỏi đáp khi điều kiện cho phép. Mỗi hoạt động đều gắn với biểu hiện năng lực số mức Nâng cao 1 (NC1) phù hợp [3] và được ghi rõ trong kế hoạch bài dạy. Sau mỗi bài, giáo viên tổng hợp sản phẩm và ý kiến của học sinh để điều chỉnh cách tổ chức cho năm học tiếp theo.

3.2. Giải pháp 2: Quy trình bốn bước "Hỏi AI – Đối chiếu – Hỏi người thật – Tự quyết"

Mục tiêu: hình thành cho học sinh thói quen dùng AI như một công cụ gợi mở thông tin, luôn kiểm chứng trước khi tin và tự chịu trách nhiệm với lựa chọn của mình.

Bảng 2

Quy trình bốn bước sử dụng AI trong tìm hiểu nghề

Bước	Học sinh làm gì	Giáo viên hỗ trợ
1. Hỏi AI	Dùng câu lệnh mẫu để hỏi về công việc hằng ngày, kỹ năng cần có, lộ trình học của một nghề. Không hỏi "em hợp nghề gì".	Cung cấp câu lệnh mẫu; nhắc không nhập họ tên, điểm số, thông tin gia đình.
2. Đối chiếu	So sánh câu trả lời với đề án tuyển sinh, trang chính thức của cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý; ghi lại chỗ AI sai hoặc thiếu.	Hướng dẫn cách nhận biết nguồn chính thức, cách ghi nguồn.
3. Hỏi người thật	Phỏng vấn ngắn một người đang làm nghề (cha mẹ, người thân, cựu học sinh).	Gợi ý bộ câu hỏi phỏng vấn; phối hợp cha mẹ học sinh.
4. Tự quyết	Tự viết nhận định về sự phù hợp của bản thân và kế hoạch học tập, rèn luyện tiếp theo.	Đặt câu hỏi gợi mở; không kết luận thay học sinh.

Cách làm: Quy trình được hướng dẫn trong tiết Tin học 12 sau khi học sinh học Bài 1–2 về trí tuệ nhân tạo, nhờ đó các em hiểu vì sao AI có thể trả lời sai hoặc "bịa" thông tin. Sau đó, quy trình được vận dụng trong các bài hướng nghiệp ở cả ba khối. Học sinh ghi kết quả vào "phiếu kiểm chứng" gồm bốn cột tương ứng bốn bước. Những lỗi AI mà học sinh phát hiện được tổng hợp, thảo luận chung trên lớp, trở thành tình huống học tập về tư duy phản biện.

Nguyên tắc an toàn: Chỉ dùng công cụ AI theo quy định của nhà trường (Công văn số 6020/BGDĐT-KHCNTT [8]); không yêu cầu học sinh có tài khoản cá nhân, học sinh không có thiết bị được làm theo nhóm hoặc dùng máy của trường (Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT [4], Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT [5]); không nhập thông tin cá nhân của học sinh vào công cụ AI, phù hợp Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 [9].

3.3. Giải pháp 3: Học sinh tự xây dựng "Cơ sở dữ liệu nghề nghiệp địa phương"

Mục tiêu: khắc phục tình trạng thiếu thông tin nghề tại địa phương, đồng thời giúp học sinh vận dụng kiến thức Tin học vào một sản phẩm có ích cho cộng đồng nhà trường. Giải pháp hướng đến ý tưởng cơ sở dữ liệu nghề nghiệp mở được Ban Tổ chức Hội thảo nêu trong nhóm nội dung ứng dụng công nghệ số [1].

Cách làm: Học sinh lớp 11, khi học Chủ đề 4 – Giới thiệu các hệ cơ sở dữ liệu, thiết kế bảng dữ liệu nghề gồm các trường như: tên nghề, nhóm nghề, nơi làm việc tại địa phương, công việc chính, kỹ năng cần có, nơi đào tạo, nguồn thông tin, ngày cập nhật. Thông tin được thu thập qua phỏng vấn người làm nghề và nguồn chính thức. Học sinh lớp 12, khi học Chủ đề 4 – Tạo trang web với HTML, CSS, xây dựng trang web "Nghề quanh em". Mỗi năm học, lớp sau tiếp nối cập nhật, bổ sung, tạo thành sản phẩm "sống" của nhà trường.

3.4. Giải pháp 4: Khai thác công cụ số miễn phí cho khảo sát, hỏi đáp hướng nghiệp và kết nối cha mẹ học sinh

Khảo sát: Đầu mỗi năm học, nhà trường khảo sát năng lực, sở thích, nguyện vọng của học sinh bằng biểu mẫu trực tuyến, đúng yêu cầu tại Điều 16 Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [2]. Phiếu được thiết kế ẩn danh hoặc chỉ thu thông tin cần thiết; kết quả tổng hợp theo khối, lớp làm căn cứ tư vấn và điều chỉnh kế hoạch hướng nghiệp.

Hỏi đáp hướng nghiệp: Giáo viên dùng biểu mẫu trực tuyến miễn phí để học sinh gửi câu hỏi về nghề, ngành học (có thể không ghi tên); giáo viên, tổ tư vấn tổng hợp và trả lời chung trên lớp, không nêu tên học sinh. Khi nhà trường triển khai hệ thống học tập trực tuyến, nội dung này sẽ được chuyển thành chuyên mục hướng nghiệp và kênh hỏi đáp trực tuyến với giáo viên, tổ tư vấn, đáp ứng hình thức tư vấn trực tuyến theo Điều 5 Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [2].

Kết nối cha mẹ học sinh: Qua kênh liên lạc chính thức của nhà trường, gửi cha mẹ thông tin chung về các lựa chọn sau THPT và gợi ý cách trò chuyện với con về nghề nghiệp; mời cha mẹ tình nguyện chia sẻ về nghề của mình trong các hoạt động hướng nghiệp.

Hướng phát triển: Tôi đã thử nghiệm xây dựng ứng dụng Gia sư Tin học AI gồm hai phần: gia sư lập trình Python chỉ ra dòng lỗi, gợi ý từng bậc, không giải hộ, dùng cho học sinh khối 10; và phần ôn tập giữa kỳ I Tin học 10, 11, 12 có lời giải thích kèm trang sách giáo khoa, giọng đọc AI động viên. Kết quả ôn tập tự gửi về Google Sheets, tổng hợp những câu học sinh hay sai để giáo viên hướng dẫn kỹ hơn. Từ kinh nghiệm này, có thể phát triển trợ lý AI hỏi đáp hướng nghiệp chỉ trả lời dựa trên dữ liệu đã được kiểm chứng, hạn chế tình trạng AI đưa thông tin sai; đồng thời dùng cách tổng hợp tự động như phần ôn tập để giáo viên biết học sinh đang quan tâm, còn băn khoăn nhiều nhất về những ngành nghề nào.

4. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng cổng thông tin hoặc cơ sở dữ liệu nghề nghiệp, tuyển sinh dùng chung toàn tỉnh, cập nhật định kỳ, làm nguồn tin cậy cho học sinh, giáo viên và cho các công cụ AI tra cứu.
- Ban hành hướng dẫn sử dụng AI an toàn trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng.
- Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên Tin học, giáo viên Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp về

ứng dụng AI trong hướng nghiệp.
- Có cơ chế thẩm định, chia sẻ học liệu số hướng nghiệp do các trường xây dựng.

4.2. Đối với nhà trường

- Đưa các giải pháp vào kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch hướng nghiệp hằng năm.
- Tăng cường phối hợp giữa giáo viên Tin học, giáo viên Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm và tổ tư vấn học đường trong công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh.

4.3. Đối với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh

Cung cấp thông tin nghề, nhu cầu tuyển dụng; tạo điều kiện cho học sinh tham quan, trải nghiệm thực tế; tham gia giao lưu trực tuyến với học sinh.

5. KẾT LUẬN

Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo mở ra cơ hội lớn để học sinh tìm hiểu thế giới nghề nghiệp rộng hơn, nhanh hơn. Tuy nhiên, giá trị của công nghệ trong hướng nghiệp chỉ phát huy khi học sinh được hướng dẫn cách hỏi, cách kiểm chứng và luôn là người tự đưa ra quyết định, với sự đồng hành của thầy cô và gia đình. Kinh nghiệm tại Trường THCS&THPT Phan Thị Ràng cho thấy: chỉ với chương trình Tin học hiện hành, công cụ miễn phí và nền tảng số sẵn có, giáo viên có thể biến các tiết hướng nghiệp thành giờ trải nghiệm nghề, giúp học sinh vừa phát triển năng lực số, vừa hiểu rõ hơn về bản thân và nghề nghiệp. Thời gian tới, tôi mong muốn mở rộng cách làm sang các môn học khác và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đồng thời kết nối với cơ sở dữ liệu nghề nghiệp dùng chung của tỉnh khi được xây dựng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT quy định Khung năng lực số cho người học*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 hướng dẫn triển khai giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* (Chương trình tổng thể; Chương trình môn Tin học; Chương trình Hoạt động trải nghiệm, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp).
7. *Tin học 10; Tin học 11; Tin học 12 (định hướng Tin học ứng dụng)*, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Công văn số 6020/BGDĐT-KHCNTT về triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026–2027*.
9. Quốc hội (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15*.

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH TRONG HỖ TRỢ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG: TIỀM NĂNG, GIỚI HẠN VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG

Lâm Trần Sơn Ngọc Thiên Chương[1], Trương Hoàng Hân[2]

[1]*Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

[2]*Tỉnh An Giang*

Email: hoanghan2003.work@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết phân tích tiềm năng, giới hạn và đề xuất nguyên tắc sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) trong hỗ trợ định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông. Nghiên cứu sử dụng tổng quan tài liệu có lựa chọn, phân tích chính sách và tổng hợp theo chủ đề. Trên cơ sở lý thuyết nhận thức xã hội về nghề nghiệp và tiếp cận phân loại khó khăn ra quyết định, bài viết xác định năm nhóm nhiệm vụ GenAI có thể hỗ trợ. Kết quả tổng hợp là sáu nguyên tắc, được cụ thể hóa thành hành động và dấu hiệu kiểm tra, cùng quy trình sử dụng kết hợp kiểm chứng, tham vấn và phản tư. Các đề xuất chưa được kiểm chứng thực nghiệm; nghiên cứu không kết luận GenAI cải thiện chất lượng lựa chọn nghề nghiệp.*

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo tạo sinh; định hướng nghề nghiệp; học sinh THPT; quyền tự quyết; kiểm chứng thông tin*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Định hướng nghề nghiệp ở cấp trung học phổ thông (THPT) gắn với những quyết định có hệ quả đối với quá trình học tập và chuyển tiếp sau tốt nghiệp. Học sinh cần nhận diện sở thích, giá trị, trải nghiệm của bản thân, tìm hiểu công việc và ngành đào tạo, đồng thời cân nhắc điều kiện thực hiện. Hỗ trợ định hướng vì vậy không thể thu hẹp thành cung cấp thông tin tuyển sinh đại học; nó còn bao gồm khám phá giáo dục nghề nghiệp, chuẩn bị tham gia lao động phù hợp và khả năng tiếp tục học tập trong tương lai. Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đặt phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp trong quan hệ với tự đánh giá và lập kế hoạch [1].

Nghiên cứu trong nước cho thấy nhu cầu hỗ trợ có nhiều thành phần. Phạm và Hồ [2] khảo sát học sinh tại Lý Sơn, đề cập nhu cầu hiểu thị trường lao động, yêu cầu nghề và đặc điểm bản thân. Hà và cộng sự [3] ghi nhận khó khăn về nhận thức, thái độ và hành vi trong lựa chọn nghề ở học sinh được khảo sát tại Tuyên Quang. Hai nghiên cứu cung cấp thông tin theo địa bàn, không đại diện cho toàn bộ học sinh THPT Việt Nam; chúng cũng không đánh giá trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI). Tuy nhiên, kết quả gợi yêu cầu phân biệt thiếu thông tin với những khó khăn tâm lý và điều kiện hỗ trợ khi tổ chức hướng nghiệp.

GenAI làm xuất hiện hình thức tương tác có khả năng tạo câu hỏi, diễn giải và phương án theo ngữ cảnh. Giá trị giáo dục của tương tác này cần được xem xét bằng nhiệm vụ và bằng chứng cụ thể. Nghiên cứu của Yang và cộng sự [4] trên sinh viên phân biệt kết quả cung cấp thông tin với kết quả hỗ trợ quyết định; Sibaja-Mojica [5] mô tả trải nghiệm dùng ChatGPT trong một phiên hướng nghiệp ở học sinh cuối cấp trung học Costa Rica. Các nguồn này cho thấy lĩnh vực đã có

nghiên cứu trực tiếp, nhưng chưa đủ để xác nhận hiệu quả của một phương án tổ chức cho THPT Việt Nam.

Vấn đề khoa học đặt ra là: GenAI nên hỗ trợ khâu nào, giới hạn nào phải được kiểm soát và bằng cách nào quyền tự quyết của học sinh được duy trì trong quá trình tương tác. Bài viết trả lời ba câu hỏi tương ứng: các nhiệm vụ có tiềm năng được hỗ trợ là gì; những giới hạn công nghệ, giáo dục và đạo đức ảnh hưởng đến sử dụng ra sao; cần tuân thủ những nguyên tắc nào để tổ chức hoạt động có trách nhiệm. Bài viết đề xuất khung lập luận và các nguyên tắc có thể chuyển thành hành động, không phải xác nhận hiệu quả của công nghệ hoặc thay thế hoạt động tư vấn chuyên môn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng tổng quan tài liệu có lựa chọn kết hợp phân tích văn bản chính sách và tổng hợp theo chủ đề. Nhóm từ khóa tiếng Việt gồm "hướng nghiệp", "trung học phổ thông", "khó khăn lựa chọn nghề", "ra quyết định nghề nghiệp" và "trí tuệ nhân tạo tạo sinh". Nhóm tiếng Anh gồm "generative AI", "career guidance", "career counselling", "career decision-making difficulties", "social cognitive career theory", "teenage career preparation" và "generative AI risk". Truy vấn kết hợp chủ đề, đối tượng và tên miền xuất bản; ưu tiên nguồn giai đoạn 2023–2026, bổ sung công trình nền tảng và nghiên cứu kiểm định có liên quan.

Tài liệu được chọn khi xác minh được thông tin xuất bản, có nội dung trực tiếp phục vụ câu hỏi nghiên cứu và xác định được loại bằng chứng. Tập nguồn sử dụng gồm 14 tài liệu: hai nghiên cứu trong nước; hai chương trình hoặc văn bản Việt Nam; ba công trình về nền tảng lý thuyết và kiểm định; hai nghiên cứu trực tiếp về GenAI trong hướng nghiệp; hai tài liệu UNESCO; một báo cáo OECD; một tài liệu quản trị rủi ro của NIST và một điều khoản sử dụng công cụ. Con số này chỉ mô tả nguồn được trích dẫn, không phải tổng số kết quả tìm kiếm. Nội dung quảng bá, nguồn không xác minh được và văn bản dự thảo không được dùng làm căn cứ kết luận.

Phân tích tập trung vào nhu cầu hỗ trợ, cơ chế ra quyết định, chức năng công nghệ, mức độ bằng chứng, rủi ro và trách nhiệm tổ chức. Nghiên cứu phân biệt kết quả khảo sát hoặc can thiệp, luận điểm lý thuyết, hướng dẫn chính sách và suy luận thiết kế. Với Gati và cộng sự [6], Levin và cộng sự [7], Hà và cộng sự [3], Yang và cộng sự [4], việc sử dụng giới hạn ở tóm tắt và nội dung xuất bản đã xác nhận; báo cáo OECD được đọc ở tóm tắt và tóm tắt điều hành. Các nguồn còn lại được đối chiếu ở những phần liên quan. Kết quả tổng hợp được chuyển thành nguyên tắc, quy trình và chỉ báo đề xuất; nghiên cứu không thu thập dữ liệu sơ cấp hoặc ước lượng tác động.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở lý luận về GenAI trong hỗ trợ định hướng nghề nghiệp

Trong bài viết, GenAI được hiểu là nhóm công nghệ tạo nội dung mới từ đầu vào của người sử dụng; trọng tâm xem xét là hệ thống tạo văn bản hội thoại. Chức năng này khác với tra cứu cơ sở dữ liệu có cấu trúc, dự báo kết quả hoặc ghép đặc điểm cá nhân với danh mục nghề. Một sản phẩm có giao diện trò chuyện có thể vận hành theo kịch bản, dùng mô hình tạo sinh hoặc kết hợp nhiều thành phần. Vì vậy, bằng chứng về chatbot hay trí tuệ nhân tạo (AI) nói chung không tự trở thành bằng chứng về GenAI; phải xác định công nghệ và nhiệm vụ thực tế trong nghiên cứu.

Định hướng nghề nghiệp được tiếp cận như quá trình hình thành và điều chỉnh hiểu biết về bản thân, nghề nghiệp và các lộ trình phát triển. Hỗ trợ ra quyết định nghề nghiệp là tạo điều kiện để học sinh làm rõ vấn đề, xác lập tiêu chí, thu thập thông tin, so sánh phương án và lựa chọn hành động có thể xem xét lại. Quyền tự quyết không có nghĩa học sinh ra quyết định đơn độc; trong khung này, quyền đó thể hiện ở khả năng nêu mục tiêu, giải thích lý do, tiếp nhận hoặc bác bỏ gợi ý và tham gia thực chất vào quyết định liên quan đến mình.

Nền tảng thứ nhất là lý thuyết nhận thức xã hội về nghề nghiệp. Lent và cộng sự [8] đặt niềm tin vào năng lực bản thân, kỳ vọng kết quả và mục tiêu trong quan hệ với trải nghiệm và điều kiện bối cảnh. Vận dụng vào nhiệm vụ THPT, bài viết đề xuất phân biệt sự quan tâm, điều học sinh tin mình làm được và nguồn hỗ trợ thực tế. GenAI có thể gợi câu hỏi hoặc bước hành động; giáo viên cần yêu cầu minh chứng từ việc đã làm và tạo cơ hội thử nhiệm vụ. Lời khích lệ tự động không đủ thay thế trải nghiệm hoặc xác nhận năng lực.

Nền tảng thứ hai là tiếp cận phân loại khó khăn ra quyết định của Gati và cộng sự [6]. Nội dung giới thiệu lý thuyết trong Levin và cộng sự [7] phân biệt ba nhóm: thiếu sẵn sàng, thiếu thông tin và thông tin không nhất quán. Đối với bài viết này, phân loại giúp xác định khi nào cần bổ sung dữ liệu, khi nào cần làm rõ mâu thuẫn và khi nào cần hỗ trợ vượt ngoài cung cấp thông tin. Từ đó, tác giả đề xuất giới hạn GenAI chủ yếu ở khâu tạo câu hỏi, hệ thống hóa và đối chiếu phương án, không giao công cụ xử lý thay xung đột giá trị hoặc áp lực gia đình.

Việc vận dụng hai nền tảng không đồng nghĩa áp dụng thang đo hoặc chuẩn đánh giá nước ngoài cho học sinh Việt Nam. Nghiên cứu gốc của Gati và cộng sự [6] có đối tượng người trẻ và sinh viên; kết quả kiểm định liên quốc gia của Levin và cộng sự [7] cũng không tự xác nhận giá trị của một bài đánh giá do GenAI tạo ra. Các liên hệ "nhu cầu – chức năng – yêu cầu tổ chức" ở đây là suy luận thiết kế của bài viết. Điều cần kiểm chứng tiếp theo là học sinh có thực sự sử dụng phản hồi để mở rộng hiểu biết, cân nhắc điều kiện và giải thích lựa chọn hay chỉ chấp nhận một câu trả lời được diễn đạt thuyết phục.

3.2. Tiềm năng hỗ trợ định hướng nghề nghiệp

Tiềm năng cần được phân tích theo cơ chế hỗ trợ và điều kiện thực hiện. Bài viết xác định năm nhóm nhiệm vụ, với cùng một giới hạn: khả năng tạo nội dung phù hợp ngữ cảnh chưa tương đương khả năng đánh giá nghề nghiệp chính xác hoặc đã chuẩn hóa. Các hoạt động dưới đây là đề xuất sư phạm được hình thành từ tổng hợp lý luận; chưa có dữ liệu của nghiên cứu này để xác nhận hiệu quả từng hoạt động ở học sinh THPT Việt Nam.

Thứ nhất, GenAI có thể gợi mở tự nhận thức bằng cách tạo câu hỏi tiếp nối từ trải nghiệm học sinh kể lại. Nhiệm vụ cụ thể là mô tả một công việc trong dự án học tập, hoạt động cộng đồng hoặc gia đình, sau đó phân biệt điều yêu thích, giá trị được coi trọng và khó khăn đã gặp. Cơ chế hỗ trợ nằm ở việc làm rõ lời kể, không phải suy đoán tính cách từ một đoạn hội thoại. Giáo viên yêu cầu học sinh bổ sung ví dụ, nhận diện điều chưa biết và đối chiếu với trải nghiệm khác. Đây là vận dụng lý luận về trải nghiệm và niềm tin năng lực, không phải trắc nghiệm hứng thú hoặc chẩn đoán tâm lý đã kiểm định.

Thứ hai, GenAI có thể hỗ trợ giải thích và hệ thống hóa thông tin nghề, ngành đào tạo và hướng học tập. Từ học liệu giáo viên đã xác minh, học sinh yêu cầu làm rõ nhiệm vụ công việc,

điều kiện học tập, thuật ngữ hoặc khác biệt giữa các lộ trình. Điều kiện là tách thông tin có trong nguồn khỏi phần hệ thống tự bổ sung và kiểm tra lại dữ kiện quan trọng. Theo tóm tắt nghiên cứu của Yang và cộng sự [4], hỗ trợ thông tin và hỗ trợ quyết định có kết quả khác nhau trong can thiệp ở sinh viên. Bài viết chỉ dùng nguồn này để xác lập sự phân biệt giữa hai loại kết quả, không suy rộng mức hiệu quả đến THPT.

Thứ ba, GenAI có thể tạo tình huống mô phỏng và câu hỏi khám phá nghề. Chẳng hạn, học sinh xây dựng phương án truyền thông cho một hoạt động cộng đồng rồi nhận phản hồi giả định từ các nhóm liên quan. Nhiệm vụ được thiết kế nhằm giúp học sinh đặt câu hỏi về trách nhiệm, yêu cầu phối hợp và điều kiện làm việc. Tình huống phải ghi rõ là giả định, không thay thế quan sát nơi làm việc hoặc thực hành có người hướng dẫn. Mức bằng chứng cho thiết kế này chủ yếu là suy luận sư phạm; bài viết không dùng chất lượng trả lời trong mô phỏng để kết luận học sinh phù hợp hoặc đủ năng lực hành nghề.

Thứ tư, công cụ có thể sắp xếp phương án theo tiêu chí do học sinh xác lập. Học sinh so sánh học đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc chuẩn bị tham gia lao động bằng các tiêu chí như mục tiêu, yêu cầu đầu vào, chi phí, địa điểm và cơ hội học tiếp. Dữ kiện còn thiếu phải được đánh dấu, không tự điền bằng dự đoán. Giá trị hỗ trợ dự kiến là làm rõ đánh đổi giữa các tiêu chí; việc gán trọng số và lựa chọn cuối cùng thuộc học sinh trong quá trình tham vấn. Bảng xếp hạng do hệ thống tạo ra không có giá trị như kết luận về "nghề phù hợp nhất".

Thứ năm, GenAI có thể gợi cấu trúc kế hoạch và câu hỏi phản tư sau hoạt động. Học sinh xác định việc cần thử, người cần trao đổi, thời điểm kiểm tra và điều kiện phải xem xét lại phương án. Công cụ cung cấp phản hồi sơ bộ về tính cụ thể; học sinh giải thích điều đã tiếp nhận hoặc bác bỏ. Sibaja-Mojica [5] mô tả sự kết hợp tương tác ChatGPT với thảo luận do người hướng nghiệp điều phối ở học sinh cuối cấp. Đây là căn cứ tham khảo về hình thức tổ chức; dữ liệu trải nghiệm trong một phiên hoạt động không chứng minh tác động lâu dài của cách tổ chức được đề xuất.

3.3. Giới hạn và rủi ro

Cần phân biệt rủi ro được nhận diện ở cấp công nghệ với mức độ xuất hiện trong một nhóm học sinh cụ thể. Tài liệu NIST AI 600-1 trình bày các nhóm rủi ro như nội dung sai được diễn đạt chắc chắn, quyền riêng tư, thiên kiến có hại và tương tác người–AI thiếu phù hợp [9]. Bài viết sử dụng đây như căn cứ quản trị liên ngành, không như thống kê về THPT Việt Nam. Những hệ quả dưới đây đối với lựa chọn nghề của học sinh là phân tích chuyển giao theo bối cảnh, trừ khi được nêu rõ là kết quả nghiên cứu trực tiếp.

Giới hạn thông tin đặc biệt quan trọng đối với tuyển sinh và thị trường lao động. Phản hồi có thể đúng về khái quát nhưng sai năm áp dụng, địa bàn, điều kiện đầu vào hoặc quan hệ giữa ngành học và công việc. Dữ liệu huấn luyện mô hình trong quá khứ không bảo đảm phản ánh thông báo hiện hành; khả năng truy cập web cũng không tự bảo đảm chọn đúng nguồn. Trong bối cảnh hướng nghiệp, hệ quả có thể là bỏ sót phương án, hiểu sai chi phí hoặc dựa vào một lộ trình không áp dụng được. Đây là các kịch bản rủi ro cần phòng ngừa, không phải sự cố được nghiên cứu này đo lường.

Thiên kiến có thể xuất hiện khi hệ thống gắn một nghề với giới tính, đánh giá địa vị nghề theo thu nhập hoặc thu hẹp cơ hội dựa trên xuất thân. Vấn đề không chỉ là một từ ngữ định kiến;

nó còn nằm trong phương án bị bỏ qua và tiêu chí được mặc định. Bài viết đề xuất kiểm tra các tình huống tương đương về năng lực nhưng thay đổi giới, địa bàn hoặc điều kiện kinh tế để phát hiện khác biệt cần xem xét. Cách kiểm tra này là đề xuất giám sát, chưa phải phép đo thiên kiến đã chuẩn hóa hoặc bằng chứng rằng công cụ cụ thể có cùng mức thiên kiến trong mọi lần sử dụng.

Giới hạn hiểu biết cá nhân làm cho cá nhân hóa dễ bị hiểu quá mức. Hệ thống chủ yếu phản hồi trên thông tin được nhập và các giả định suy ra; nó không tự xác nhận sự chính xác của lời kể, điều kiện hỗ trợ hay mức cam kết của gia đình. Một học sinh chưa từng thử nhiệm vụ có thể tự mô tả là không có năng lực; một kế hoạch được diễn đạt hợp lý vẫn có thể không thực hiện được. Theo cách vận dụng lý luận của bài viết, cần phân biệt điều học sinh mong muốn, điều đã có minh chứng và điều cần kiểm tra qua trải nghiệm hoặc tham vấn.

Nguy cơ lệ thuộc liên quan đến việc chuyển quyền đặt tiêu chí và lựa chọn sang hệ thống. Tốc độ và giọng điệu tự tin có thể khiến học sinh kết thúc khám phá sớm, chỉ tìm bằng chứng xác nhận phương án được gợi ý. Tuy nhiên, bài viết không coi đây là tác động tất yếu hay đã được xác định ở mọi học sinh THPT. Trong nghiên cứu trực tiếp ở sinh viên, Yang và cộng sự [4] báo cáo kết quả tư vấn bởi con người tốt hơn ở niềm tin vào năng lực ra quyết định nghề nghiệp và một số chỉ báo quyết định. Kết quả này giới hạn ở đối tượng và thiết kế nghiên cứu đó, không cho phép kết luận công nghệ luôn làm giảm năng lực tự quyết.

Rủi ro dữ liệu xuất hiện khi cá nhân hóa đòi hỏi cung cấp điểm học tập, hoàn cảnh tài chính, sức khỏe hoặc xung đột gia đình. Không phải dữ liệu nào có thể nhập cũng cần cho nhiệm vụ; việc xóa tên chưa chắc loại bỏ khả năng nhận diện nếu nhiều chi tiết được kết hợp. Thiết kế sử dụng cần ưu tiên tình huống giả định và dữ liệu tối thiểu, xác định ai được xem, lưu trong bao lâu và xử lý thế nào khi có sai sót. Đây là yêu cầu tổ chức được đề xuất trên định hướng phù hợp tuổi, bảo vệ dữ liệu và quyền chủ động của UNESCO [10], không phải xác nhận tuân thủ pháp luật của một nền tảng.

Bất bình đẳng tiếp cận cần được xem xét ở cả thiết bị, chất lượng dịch vụ và năng lực sử dụng. Một nhiệm vụ mặc nhiên yêu cầu tài khoản trả phí hoặc làm ngoài giờ có thể tạo thêm rào cản. Khác biệt kỹ năng kiểm chứng cũng khiến cùng một công cụ không đồng nghĩa cùng mức hỗ trợ. OECD [11] cho thấy chênh lệch trong cơ hội chuẩn bị nghề nghiệp của thanh thiếu niên; báo cáo không kiểm định GenAI. Từ đó, bài viết đặt giả định cần kiểm chứng rằng triển khai công nghệ có thể mở rộng hoặc gia tăng chênh lệch tùy cách tổ chức, thay vì mặc định tiếp cận trực tuyến đồng nghĩa công bằng.

Cuối cùng, trách nhiệm không thể được chuyển hết sang học sinh bằng một thông báo rằng phản hồi có thể sai. Nếu nhà trường tổ chức sử dụng, cần có người tiếp nhận thắc mắc, sửa học liệu và hỗ trợ khi khuyến nghị gây hiểu lầm. Giáo viên không được diễn giải phản hồi thành chẩn đoán tâm lý hoặc kết luận năng lực nghề; nhà trường cũng không dùng nó để tự động phân loại cơ hội của học sinh. Khi phát sinh vấn đề chuyên môn hoặc xung đột vượt phạm vi hoạt động giáo dục, cần chuyển đến người có thẩm quyền và năng lực hỗ trợ phù hợp.

3.4. Nguyên tắc sử dụng

Từ cơ sở lý luận và phân tích giới hạn, bài viết đề xuất sáu nguyên tắc. Các nguyên tắc là kết quả tổng hợp chuẩn tắc và suy luận thiết kế, chưa phải bộ tiêu chuẩn đã được kiểm định. Căn cứ, hành

động và dấu hiệu kiểm tra được liên kết nhằm tránh tách tuyên bố đạo đức khỏi thực tiễn tổ chức.

Nguyên tắc thứ nhất là phục vụ năng lực tự định hướng và quyền tự quyết. Trên cơ sở phân biệt khó khăn ra quyết định với việc thiếu một đáp án, hoạt động phải bắt đầu từ vấn đề và tiêu chí do học sinh tham gia xác lập. GenAI được giao nhiệm vụ tạo câu hỏi hoặc phương án để xem xét, không chọn thay. Học sinh cần trình bày dự kiến trước tương tác và giải thích quyết định sau kiểm chứng, bao gồm lý do bác bỏ gợi ý. Chưa ra quyết định ngay có thể là kết quả phù hợp nếu học sinh xác định được thông tin và trải nghiệm cần bổ sung.

Nguyên tắc thứ hai là có người hướng dẫn với trách nhiệm xác định. Giáo viên hoặc người làm công tác hướng nghiệp lựa chọn nhiệm vụ, kiểm tra học liệu và hỗ trợ diễn giải; vấn đề vượt năng lực phải được chuyển tiếp. Khung năng lực giáo viên của Miao và Cukurova [12] kết nối hiểu biết AI, đạo đức và sư phạm, cung cấp căn cứ cho việc bồi dưỡng theo nhiệm vụ. Trong triển khai, cần xác định ai kiểm tra thông tin tuyển sinh, ai hỗ trợ vấn đề cá nhân và khi nào phải dừng sử dụng công cụ, thay vì chỉ quy định chung rằng có giám sát của con người.

Nguyên tắc thứ ba là kiểm chứng thông tin có hệ quả bằng nguồn chính thức và cập nhật. Học sinh ghi lại phát biểu cần kiểm tra, nguồn, thời điểm và kết quả đối chiếu. Điều kiện dự tuyển, chương trình, chi phí và thông tin chuyển tiếp phải xác nhận tại cơ quan quản lý hoặc cơ sở đào tạo tương ứng. Khi các nguồn mâu thuẫn, hoạt động cần chuyển từ so sánh phương án sang làm rõ dữ kiện; không yêu cầu GenAI tự xác nhận tính đúng đắn của chính phản hồi như bằng chứng độc lập.

Nguyên tắc thứ tư là giảm thiểu dữ liệu và minh bạch về sử dụng AI. Người tổ chức giải thích phần việc giao cho công nghệ, loại thông tin không cần cung cấp và cách xử lý sản phẩm. Điều khoản ChatGPT dành cho người dùng ngoài EEA, Thụy Sĩ và Vương quốc Anh, có hiệu lực từ 01/01/2026, yêu cầu tuổi tối thiểu 13 hoặc tuổi tối thiểu theo luật sở tại và sự cho phép của cha mẹ/người giám hộ đối với người dưới 18 [13]. Điều khoản cũng giới hạn dùng đầu ra liên quan cá nhân để ra quyết định giáo dục hoặc việc làm quan trọng. Vì vậy, khung không dùng công cụ phân loại cơ hội của học sinh; điều kiện tuổi không thay thế rà soát pháp luật và quy định nhà trường. Không dùng tài khoản chung trái điều khoản hoặc coi đáp ứng tuổi là đủ để triển khai.

Nguyên tắc thứ năm là tôn trọng đa dạng và công bằng giữa các lộ trình. Tiêu chí so sánh cần được công khai, không mặc định đại học tốt hơn mọi phương án khác hoặc hoàn cảnh khó khăn quyết định học sinh chỉ có một hướng đi. Học sinh được xem xét cả cơ hội hỗ trợ, khả năng học tiếp và điều chỉnh lộ trình. Người không có thiết bị hoặc không sử dụng công cụ phải được thực hiện nhiệm vụ và nhận hỗ trợ tương đương. Công bằng cần được kiểm tra qua cơ hội tham gia và chất lượng hỗ trợ, không chỉ qua số tài khoản được cấp.

Nguyên tắc thứ sáu là kết hợp tương tác AI với đối thoại, trải nghiệm thực và phản tư. Phản hồi tạo sinh chỉ là một đầu vào trong tiến trình tìm hiểu; học sinh cần trao đổi với giáo viên, gia đình hoặc người làm nghề, thực hiện nhiệm vụ phù hợp và xem lại kế hoạch. Nghiên cứu tình huống của Sibaja-Mojica [5] cung cấp tham khảo về vai trò điều phối, nhưng không xác nhận quy trình được đề xuất ở Việt Nam. Vì vậy, yêu cầu cốt lõi là lưu dấu vết học sinh đã kiểm tra và thay đổi điều gì, thay vì xem thời gian trò chuyện hoặc số câu hỏi là chỉ báo hiệu quả.

Bảng 1

Liên kết giới hạn, nguyên tắc và hành động do nghiên cứu đề xuất

Giới hạn hoặc rủi ro	Nguyên tắc	Hành động thực hiện	Dấu hiệu có thể kiểm tra
Chấp nhận gợi ý như quyết định cuối	Quyền tự quyết	Học sinh nêu tiêu chí trước; giải thích việc tiếp nhận hoặc bác bỏ	Có lập luận riêng và phương án cần tìm hiểu tiếp
Khuyến nghị vượt phạm vi chuyên môn	Hướng dẫn có trách nhiệm	Phân công người phụ trách; xác định trường hợp chuyển tiếp	Có đầu mối hỗ trợ và ghi nhận cách xử lý
Dữ kiện sai, cũ hoặc mâu thuẫn	Kiểm chứng thông tin	Đối chiếu thông báo chính thức theo năm, địa bàn	Có nguồn, ngày tra cứu và kết quả đối chiếu
Lộ dữ liệu; hiểu sai vai trò công cụ	Tối thiểu dữ liệu, minh bạch	Dùng tình huống giả định; kiểm tra điều khoản; khai báo phần dùng AI	Không yêu cầu dữ liệu thừa; nhận diện được phần AI hỗ trợ
Định kiến và chênh lệch tiếp cận	Đa dạng, công bằng	So sánh nhiều lộ trình; có học liệu và hỗ trợ thay thế	Không loại phương án chỉ vì giới hoặc xuất thân
Hội thoại thay thế toàn bộ tìm hiểu	Đối thoại, trải nghiệm, phản tư	Trao đổi với người thật; thử nhiệm vụ; sửa kế hoạch	Có minh chứng hoạt động và lý do điều chỉnh

3.5. Thảo luận và hàm ý triển khai

Giá trị lý luận của khung là phân định chức năng của công nghệ theo cấu trúc vấn đề hướng nghiệp. Nghiên cứu trong nước cho thấy cần quan tâm cả hiểu nghề, hiểu bản thân và khó khăn tâm lý; bằng chứng trực tiếp quốc tế cho phép đặt vấn đề sử dụng GenAI nhưng không cho phép đồng nhất thông tin thuận tiện với quyết định tốt hơn. Vì vậy, đóng góp của sáu nguyên tắc nằm ở việc chuyển các yêu cầu rộng thành trách nhiệm và sản phẩm có thể quan sát. Khung chưa chứng minh rằng thêm GenAI vào cùng một hoạt động tạo ra lợi ích vượt trội.

Ba căng thẳng cần được giải quyết bằng thiết kế. Cá nhân hóa chỉ nên dựa trên thông tin cần thiết cho nhiệm vụ, thay vì tích lũy hồ sơ càng chi tiết càng tốt. Thuận tiện phải đi cùng một bước học sinh tự kiểm tra và diễn giải để tránh việc hoàn thành nhanh thay thế quá trình cân nhắc. Mở rộng tiếp cận phải bao gồm hỗ trợ năng lực sử dụng và phương án không phụ thuộc thiết bị cá nhân. Các căng thẳng này là những quan hệ cần kiểm chứng trong triển khai; không thể giải quyết chỉ bằng lựa chọn một công cụ được mô tả là thông minh hoặc an toàn.

Trong trường THPT Việt Nam, hoạt động có thể tích hợp vào kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, gắn với yêu cầu tìm hiểu nghề và lập kế hoạch của chương trình [1]. Thông tư 16/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực từ 24/3/2026, quy định nội dung và điều kiện hướng nghiệp trong cơ sở giáo dục trung học, bao gồm ứng dụng công nghệ và AI [14]. Căn cứ này không đồng nghĩa phê duyệt một nền tảng hoặc xác nhận hiệu quả GenAI. Nhà trường vẫn phải thẩm định nhiệm vụ, điều khoản sử dụng, học liệu và điều kiện bảo vệ học sinh.

Quy trình đề xuất gồm năm bước: xác định nhiệm vụ; tương tác trong phạm vi đã giao; kiểm

chứng; trao đổi với người có chuyên môn; học sinh tự quyết định và điều chỉnh. Ở bước đầu, giáo viên cùng học sinh làm rõ vấn đề cần giải quyết và dữ liệu cần dùng. Khi tương tác, công cụ chỉ tạo đầu vào phục vụ nhiệm vụ; khi kiểm chứng, học sinh tách nhận định có nguồn khỏi phần suy đoán. Trao đổi chuyên môn giải quyết những điểm còn thiếu hoặc mâu thuẫn. Bước cuối yêu cầu học sinh giải thích phương án, điều kiện thực hiện và thời điểm cần xem lại, thay vì coi việc đồng ý với phản hồi là hoàn thành.

Về phân công, nhà trường xác định phạm vi, công cụ và đầu mối xử lý sự cố; giáo viên thiết kế, kiểm tra và hỗ trợ; học sinh thực hiện nhiệm vụ, đối chiếu và trình bày quyết định; gia đình trao đổi về điều kiện và nguồn trợ giúp. Người làm nghề và cơ sở đào tạo cung cấp thông tin thực tế cần kiểm tra theo chức năng. Quyền tự quyết phải được bảo đảm bằng cơ hội học sinh phát biểu và xem xét phương án, đồng thời trách nhiệm hỗ trợ của người lớn không được rút lại chỉ vì học sinh là người đưa ra lựa chọn.

Một tình huống giả định là học sinh lớp 11 quan tâm lĩnh vực kỹ thuật nhưng chưa rõ nên theo lộ trình đại học hay giáo dục nghề nghiệp. Học sinh tự đặt tiêu chí, sử dụng hai hồ sơ chương trình đã được giáo viên xác minh và yêu cầu GenAI tạo bảng so sánh, để trống dữ kiện thiếu. Sau đó, học sinh kiểm tra lại nguồn, trao đổi với gia đình và cơ sở đào tạo, thực hiện một nhiệm vụ tìm hiểu nghề rồi viết kế hoạch dự kiến. Sản phẩm được đánh giá ở căn cứ và cách xử lý điều chưa biết, không ở việc học sinh chọn lộ trình nào. Tình huống này chỉ minh họa quy trình, chưa được triển khai hoặc đánh giá trong nghiên cứu.

Đánh giá được đề xuất dựa vào khả năng nhận diện thông tin cần kiểm chứng, sử dụng nguồn phù hợp, giải thích tiêu chí và đánh đổi, cùng kế hoạch có việc làm, hỗ trợ và điểm điều chỉnh. Cần kiểm tra mức hiểu khi học sinh không mở công cụ để phân biệt năng lực với sản phẩm được tạo hộ. Mức hài lòng chỉ phản ánh trải nghiệm sử dụng, không thay thế chỉ báo hướng nghiệp. Khi thí điểm, cần ghi phiên bản công cụ, học liệu, thời lượng, mức hỗ trợ của giáo viên và lỗi phát sinh; sau đánh giá khả thi mới xem xét đối chiếu cùng hoạt động có và không có GenAI. Các chỉ báo và quy trình đều cần thẩm định, kiểm chứng thực nghiệm.

4. KẾT LUẬN

Bài viết xác lập cách tiếp cận GenAI như phương tiện hỗ trợ các thao tác nhận thức trong định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT. Trên hai nền tảng về cơ chế phát triển nghề nghiệp và khó khăn ra quyết định, nghiên cứu liên kết năm nhóm nhiệm vụ với giới hạn công nghệ, giáo dục và đạo đức; từ đó đề xuất sáu nguyên tắc cùng quy trình sử dụng có thể quan sát. Đóng góp lý luận là làm rõ điều kiện để tương tác tạo sinh được đặt trong tiến trình học sinh tìm hiểu, kiểm chứng và tự giải thích lựa chọn, thay vì trao quyền quyết định cho công cụ.

Nghiên cứu có giới hạn bởi tính chọn lọc của tài liệu, mức tiếp cận tóm tắt ở một số công trình và khác biệt giữa các bối cảnh bằng chứng. Các nguyên tắc chưa được kiểm định như một mô hình can thiệp và không cho phép kết luận GenAI cải thiện chất lượng lựa chọn nghề. Hướng nghiên cứu tiếp theo là thẩm định chuyên gia, đánh giá tính khả thi, phát triển tiêu chí chấm sản phẩm và nghiên cứu có đối chiếu, theo dõi sau hoạt động. Việc kiểm chứng cần xem xét cả lợi ích bổ sung, chi phí, sai sót và chênh lệch giữa các nhóm học sinh, để kết luận tương xứng với bằng chứng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông: Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
2. Phạm, T. H., & Hồ, V. D. (2023). Thực trạng nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh trung học phổ thông huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. *Tạp chí Giáo dục, 23*(10), 45–50. https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/766
3. Hà, T. M. Đ., Nguyễn, T. T. T., & Nguyễn, T. T. M. (2025). Khó khăn tâm lí trong lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông: Nghiên cứu tại tỉnh Tuyên Quang. *Tạp chí Giáo dục, 25*(Số đặc biệt 6), 359–365. https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/4126
4. Yang, W., Xie, Y., & Wu, X. (2026). Can AI be a good counselor? Comparing the effectiveness of AI and human career counseling. *Technology in Society, 86*, Article 103301. https://doi.org/10.1016/j.techsoc.2026.103301
5. Sibaja-Mojica, P. A. (2025). Sistematización de experiencia de una sesión colectiva de orientación vocacional por medio del apoyo de ChatGPT con estudiantes de undécimo año del Colegio Científico Costarricense, Sede Puntarenas. *Revista Costarricense de Orientación, 4*(2), 1–12. https://doi.org/10.54413/rco.v4i2.60
6. Gati, I., Krausz, M., & Osipow, S. H. (1996). A taxonomy of difficulties in career decision making. *Journal of Counseling Psychology, 43*(4), 510–526. https://doi.org/10.1037/0022-0167.43.4.510
7. Levin, N., Braunstein-Bercovitz, H., Lipshits-Braziler, Y., Gati, I., & Rossier, J. (2020). Testing the structure of the Career Decision-Making Difficulties Questionnaire across country, gender, age, and decision status. *Journal of Vocational Behavior, 116*, Article 103365. https://doi.org/10.1016/j.jvb.2019.103365
8. Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance. *Journal of Vocational Behavior, 45*(1), 79–122. https://doi.org/10.1006/jvbe.1994.1027
9. Autio, C., Schwartz, R., Dunietz, J., Jain, S., Stanley, M., Tabassi, E., Hall, P., & Roberts, K. (2024). *Artificial intelligence risk management framework: Generative artificial intelligence profile* (NIST AI 600-1). National Institute of Standards and Technology. https://doi.org/10.6028/NIST.AI.600-1
10. Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. https://www.unesco.org/en/articles/guidance-generative-ai-education-and-research
11. OECD (2025). *The state of global teenage career preparation*. OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/d5f8e3f2-en
12. Miao, F., & Cukurova, M. (2024). *AI competency framework for teachers*. UNESCO. https://www.unesco.org/en/articles/ai-competency-framework-teachers
13. OpenAI (2026, 01/01). *Terms of use*. https://openai.com/policies/row-terms-of-use/
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*. https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/3/16-bgddt.pdf

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

Đặng Quang Sáng
Trường THPT Ngô Sĩ Liên, tỉnh An Giang
Email: haidqkg@gmail.com

Tóm tắt: *Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học hiện nay đã có nhiều chuyển biến tích cực; tuy nhiên, so với yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển nguồn nhân lực, công tác này vẫn còn nhiều hạn chế: hoạt động hướng nghiệp còn hình thức, nặng tư vấn tuyển sinh một chiều, thiếu trải nghiệm thực tế; học sinh và cha mẹ còn tâm lý coi trọng bằng cấp; đội ngũ giáo viên hướng nghiệp chủ yếu kiêm nhiệm. Bài tham luận đề xuất sáu nhóm giải pháp thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: nâng cao nhận thức; đổi mới nội dung, phương pháp; bồi dưỡng đội ngũ; tăng cường phối hợp nhà trường – gia đình – xã hội; ứng dụng công nghệ thông tin; đổi mới công tác phân luồng.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; định hướng nghề nghiệp; phân luồng học sinh; trung học phổ thông*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp đối với cấp trung học phổ thông (THPT) được quy định là 105 tiết/lớp/năm học (bình quân 03 tiết/tuần/lớp), đồng thời là nội dung giáo dục bắt buộc ở các lớp [1]. Tuy được bố trí thời lượng chiếm tương đối nhiều trong tổng số tiết học, nhưng chất lượng và hiệu quả của công tác trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường trung học vẫn chưa đạt như kỳ vọng, tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ", lãng phí nguồn nhân lực của xã hội vẫn là bài toán chưa có câu trả lời. Theo số liệu của Cục Thống kê công bố ngày 6/10/2025, quý III năm 2025, Việt Nam có hơn 1,6 triệu thanh niên từ 15–24 tuổi không có việc làm, không tham gia học tập hay đào tạo – chiếm 11,5% tổng số thanh niên cả nước [2]. Con số này tăng thêm hơn 222.000 người so với quý trước, và tăng gần 183.000 người so với cùng kỳ năm trước (theo Báo điện tử VnExpress, ngày 08/10/2025). Đây là những con số rất đáng quan tâm.

2. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ

Nhìn chung, hiện nay công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học có nhiều chuyển biến tích cực, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã chú trọng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giúp học sinh tìm hiểu bản thân, khám phá nghề nghiệp và bước đầu xác định định hướng tương lai; nhận thức về công tác hướng nghiệp và phân luồng của các cơ sở giáo dục, gia đình học sinh từng bước được nâng lên; nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm cho học sinh ngày càng phong phú, đa dạng; hệ thống các cơ sở giáo dục và đào tạo từ giáo dục nghề nghiệp đến đại học ngày càng có nhiều sự lựa chọn cho học sinh, giúp người học có nhiều cơ hội để học tập và phát triển nghề nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học hiện nay vẫn tồn tại một số hạn chế đáng quan tâm, đó là:

Công tác giáo dục hướng nghiệp ở một số trường còn mang tính hình thức, chưa xây dựng được kế hoạch hướng nghiệp dài hạn, đồng bộ và phù hợp với đặc điểm học sinh. Hoạt động hướng nghiệp chủ yếu được thực hiện thông qua các buổi tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh một chiều từ các nhà trường mà ít chú trọng đầy đủ đến việc trải nghiệm nghề nghiệp thực tế. Nội dung tư vấn đôi khi còn chung chung, thiếu thông tin cụ thể về yêu cầu nghề nghiệp, cơ hội việc làm, thu nhập và xu hướng phát triển của thị trường lao động; việc tổ chức tham quan, trải nghiệm tại doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề còn quá nhiều bất cập, gây không ít lãng phí thời gian, tiền bạc của học sinh. Công tác tư vấn hướng nghiệp lẽ ra phải căn cứ vào nhu cầu thực tế của học sinh, nhưng hầu hết các trường đều tập trung tư vấn hướng nghiệp theo đơn vị lớp, nghĩa là mặc dù học sinh hoàn toàn không có nguyện vọng, đam mê ngành nghề, lĩnh vực này nhưng cũng phải ngồi nghe đến hết buổi học.

Mặt khác, nhận thức và định hướng nghề nghiệp của học sinh phổ thông còn nhiều hạn chế, không ít học sinh chưa hiểu rõ năng lực, sở trường, hứng thú và điều kiện của bản thân, việc lựa chọn nghề nghiệp đôi khi theo cảm tính, theo bạn bè, xu hướng xã hội hoặc sự định hướng của cha mẹ. Một bộ phận học sinh chưa có mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng, còn lúng túng khi lựa chọn ngành học và trường học; tâm lý coi trọng bằng cấp, xem đại học là con đường thành công chủ yếu vẫn còn khá phổ biến [3].

Ngoài ra, tâm lý và nhận thức của cha mẹ học sinh ảnh hưởng rất lớn đến công tác phân luồng, không ít gia đình học sinh vẫn có quan niệm rằng học sinh phải học THPT rồi vào đại học mới có tương lai tốt, vậy nên chưa thực sự khuyến khích con em lựa chọn học nghề sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS). Người lớn có xu hướng áp đặt nghề nghiệp của con em theo mong muốn của cha mẹ mà chưa quan tâm đầy đủ đến năng lực, sở thích và điều kiện thực tế của con em mình, chưa đánh giá đúng vai trò, cơ hội việc làm và khả năng phát triển của giáo dục nghề nghiệp.

Một thực tế đã và đang xảy ra ở các cơ sở giáo dục đó là đội ngũ làm công tác hướng nghiệp còn hạn chế, chưa có giáo viên chuyên trách về hướng nghiệp [4], hầu hết giáo viên phụ trách công tác giáo dục hướng nghiệp của nhà trường còn thiếu kiến thức chuyên sâu về tâm lý nghề nghiệp và thị trường lao động; việc phân công giáo viên có khi chỉ để bảo đảm định mức tiết dạy theo quy định mà chưa chú ý đến tính hiệu quả trong công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, bởi xét cho cùng thì việc học tập của học sinh đều nhắm đến mục tiêu là "công ăn việc làm" sau này. Sự phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, cán bộ tư vấn và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa thường xuyên, khả năng tư vấn cá nhân hóa cho từng học sinh chưa cao, nên học sinh tham gia các hoạt động tư vấn hướng nghiệp xong nhưng vẫn không thể xác định được năng lực, sở trường của bản thân.

Công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT chưa đạt hiệu quả như mong muốn, tỷ lệ học sinh lựa chọn học nghề sau THCS còn thấp, đa số học sinh và phụ huynh vẫn có xu hướng ưu tiên học THPT thay vì đi học nghề, mặc dù học sinh thiếu năng lực cần thiết; sự liên kết giữa trường phổ thông với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp chưa chặt chẽ; chất lượng, điều kiện đào tạo và cơ hội việc làm của một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đủ sức hấp dẫn học sinh, sự liên thông giữa các trình độ đào tạo đôi khi còn gây khó khăn cho người học. Theo

đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024–2025 được đề cập trong một bài viết trên Tạp chí Giáo dục tháng 10/2025: công tác phân luồng sau THCS vẫn chưa đạt hiệu quả rõ nét; tỷ lệ phân luồng còn thấp, thông tin thị trường lao động còn thiếu và cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa sát nhu cầu thực tế.

3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của nhà trường, gia đình và xã hội

Các cơ sở giáo dục cần xác định công tác giáo dục hướng nghiệp không phải là hoạt động phong trào, phụ trợ mà là nhiệm vụ chiến lược xuyên suốt. Chỉ số hiệu quả của nhà trường không chỉ tính bằng tỷ lệ đậu tốt nghiệp hay đại học, mà phải dựa trên tỷ lệ học sinh chọn đúng ngành nghề phù hợp với năng lực và nhu cầu xã hội.

Xây dựng các chiến dịch truyền thông diện rộng thông qua mạng xã hội nhằm tiếp cận học sinh một cách tự nhiên. Tổ chức các buổi tọa đàm, chuyên đề dành riêng cho phụ huynh nhằm thay đổi định kiến "phải vào đại học bằng mọi giá".

Tôn vinh các tấm gương "thợ giỏi", những kỹ sư thực hành có thu nhập cao và sự nghiệp thành công từ con đường học nghề. Nhấn mạnh thông điệp: "Mọi con đường phát triển nghề nghiệp đều bình đẳng và giá trị của một con người nằm ở năng lực cống hiến, không nằm ở tấm bằng."

Tăng cường tuyên truyền để học sinh, phụ huynh và xã hội hiểu đúng về vai trò của hướng nghiệp, giá trị của giáo dục nghề nghiệp và sự bình đẳng giữa các con đường phát triển nghề nghiệp.

Thứ hai, cần đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục hướng nghiệp

Nhà trường cần thành lập bộ phận tư vấn tâm lý – hướng nghiệp chuyên trách [5]. Tại đây, chuyên gia hoặc giáo viên phụ trách sẽ tiến hành các buổi tham vấn 1-1, giúp từng học sinh tự nhận thức điểm mạnh, điểm yếu và xu hướng tính cách của bản thân.

Đưa học sinh đến tận các nhà máy, văn phòng để trực tiếp chứng kiến quy trình làm việc thực tế, hiểu rõ áp lực và yêu cầu của từng vị trí công việc; phối hợp với các trường cao đẳng, trung cấp tổ chức các tiết học thử, cho phép học sinh trực tiếp thao tác máy móc, làm thử các sản phẩm đơn giản để khơi dậy đam mê nghề nghiệp [6].

Chú trọng xây dựng mạng lưới cựu học sinh thành đạt ở nhiều lĩnh vực (bao gồm cả đại học, cao đẳng và khởi nghiệp). Thường xuyên mời cựu học sinh của trường tham gia vào các diễn đàn, buổi chia sẻ kinh nghiệm thực tế về áp lực chọn ngành, thực trạng môi trường làm việc và những bài học khi bước vào thị trường lao động, bởi đây là "người thật, việc thật" nên rất dễ gây sự chú ý của học sinh.

Thứ ba, chú trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên

Tạo điều kiện để giáo viên làm công tác hướng nghiệp được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; có kỹ năng sử dụng, phân tích các bộ trắc nghiệm; kỹ năng lắng nghe và đặt câu hỏi trong tư vấn cá nhân; kỹ năng nhận diện khủng hoảng tâm lý tuổi dậy thì liên quan đến áp lực tương lai.

Phối hợp với các Trung tâm dịch vụ việc làm để cung cấp cho giáo viên các báo cáo định kỳ về: các ngành nghề đang thiếu nhân lực, các công việc có nguy cơ bị thay thế bởi trí tuệ nhân tạo (AI), và xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư tại địa phương.

Không phân công giáo viên hướng nghiệp theo kiểu "kiêm nhiệm cho đủ số tiết", mà ngược lại cần phân công, tuyển chọn những cán bộ, giáo viên có uy tín, có năng lực giao tiếp tốt, đam mê với công tác hướng nghiệp để đưa vào đội ngũ chuyên trách, đồng thời có chế độ đãi ngộ, giảm tải tiết dạy văn hóa hợp lý để họ tập trung chuyên môn.

Thứ tư, tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Cần tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, định kỳ gửi báo cáo phân tích xu hướng năng lực, sở trường của học sinh cho cha mẹ học sinh, có biện pháp trao đổi để giải quyết, hỗ trợ sự xung đột định hướng nghề nghiệp giữa cha mẹ và con cái, bởi thực tế có rất nhiều học sinh không được lựa chọn nghề nghiệp theo mong muốn của bản thân mà chịu sự áp đặt từ cha mẹ.

Các trường phổ thông cần thực hiện tốt vai trò "sàng lọc ban đầu" và cung cấp nguồn tuyển sinh tiềm năng cho các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp cần đóng vai trò "bảo trợ thông tin", cung cấp chuyên gia, cơ sở vật chất cho các hoạt động trải nghiệm, và cam kết học bổng hoặc cơ hội việc làm sau khi học sinh tốt nghiệp.

Huy động sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ, hiệp hội doanh nghiệp địa phương để tài trợ cho các quỹ học sinh nghèo vượt khó học nghề, ngày hội việc làm và các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo ngay từ bậc phổ thông; cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện, nhu cầu đối với thị trường xuất khẩu lao động nhằm giúp học sinh có thêm lựa chọn định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Triển khai đồng bộ việc sử dụng các bảng trắc nghiệm tâm lý chuẩn hóa trên nền tảng trực tuyến của nhà trường hoặc ứng dụng di động, giúp học sinh có thể tự làm bài test tại nhà; hệ thống tự động trả kết quả, phân tích biểu đồ năng lực và đề xuất nhóm ngành phù hợp.

Phát triển các cổng thông tin, chatbot AI hỗ trợ giải đáp tự động các câu hỏi cơ bản về quy chế tuyển sinh, học phí, chỉ tiêu của các trường cao đẳng, đại học. Tổ chức các buổi tư vấn trực tuyến để kết nối học sinh vùng sâu, vùng xa với các chuyên gia đầu ngành.

Lưu trữ toàn bộ lịch sử trắc nghiệm, nguyện vọng và kết quả học tập của học sinh trên hệ thống dữ liệu số. Đây là cơ sở khoa học để nhà trường đánh giá sự thay đổi nhận thức của học sinh, từ đó điều chỉnh chiến lược tư vấn của nhà trường ngày càng hiệu quả hơn.

Thứ sáu, đổi mới công tác phân luồng

Việc phân luồng phải dựa trên sự tổng hòa của 03 yếu tố: năng lực thực tế (thể hiện qua kết quả học tập và trắc nghiệm), nguyện vọng cá nhân (đam mê, sở thích) và điều kiện kinh tế của gia đình. Nhà trường và gia đình giữ vai trò tư vấn, định hướng, không quyết định thay học sinh trong việc lựa chọn nghề nghiệp [7].

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới trang

thiết bị, cam kết tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp để tạo dựng niềm tin vững chắc cho gia đình và học sinh. Cần có các quy định rõ ràng để đảm bảo học sinh sau khi tốt nghiệp trường nghề có thể dễ dàng học liên thông lên cao đẳng, đại học ngay khi đi làm nếu có nhu cầu, xóa bỏ hoàn toàn khái niệm "ngõ cụt" khi lựa chọn đi học nghề.

4. KẾT LUẬN

Nhìn chung, công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học hiện nay đã có những chuyển biến tích cực cả về nhận thức, nội dung và hình thức tổ chức. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế chưa đồng đều giữa các địa phương và nhà trường, khoảng cách giữa chủ trương, chính sách với việc tổ chức thực hiện vẫn còn khá lớn.

Vấn đề cốt lõi hiện nay không chỉ là vận động học sinh đi học nghề sau THCS hay THPT, mà quan trọng hơn là giúp mỗi học sinh nhận thức đúng năng lực, sở trường, hứng thú và điều kiện của bản thân để lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp.

Phân luồng phải dựa trên năng lực, nguyện vọng và cơ hội phát triển của người học, không được hiểu là phân loại học sinh giỏi – yếu hay ép buộc học sinh vào một con đường đào tạo nhất định.

Các giải pháp trên là một chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ với nhau. Khi chúng ta thay đổi được nhận thức, đổi mới được nội dung, nâng cao năng lực của đội ngũ giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp, phát huy sức mạnh tổng hợp, có sự hỗ trợ của công nghệ và một cơ chế phân luồng nhân văn, chắc chắn chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục hướng nghiệp sẽ đạt được những bước tiến vượt bậc, góp phần giải quyết tình trạng mỗi năm có hơn 100 ngàn sinh viên ra trường không có việc làm hoặc làm việc không đúng ngành nghề đào tạo như hiện nay, gây một sự lãng phí quá lớn về kinh phí, nguồn nhân lực của toàn xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
2. Cục Thống kê (2025, 06/10). *Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý III và 9 tháng năm 2025*. https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/10/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2025/
3. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
4. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
6. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG THÔNG QUA MÔ HÌNH "HÀNH TRÌNH NGHỀ NGHIỆP CÁ NHÂN"

CN. Trần Thị Thanh Liên

Trường THPT Thoại Ngọc Hầu, tỉnh An Giang

Email: lienttt.c3tnh@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết nghiên cứu định hướng phát triển năng lực tự định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông tỉnh An Giang và đề xuất mô hình "Hành trình nghề nghiệp cá nhân". Mô hình lấy sự trưởng thành trong nhận thức và năng lực ra quyết định của học sinh làm trọng tâm, thay vì chỉ cung cấp thông tin tuyển sinh. Trên cơ sở phân tích yêu cầu giáo dục hướng nghiệp, những vấn đề cần khảo sát tại nhà trường và đặc điểm lộ trình học tập của ba khối lớp, bài viết đề xuất năm biện pháp: xác lập hồ sơ năng lực và nhu cầu; thiết kế hành trình theo từng khối; tổ chức nhiệm vụ trải nghiệm có phản tư; tư vấn đồng hành cùng gia đình; đánh giá và điều chỉnh kế hoạch cá nhân.*

Từ khóa: *năng lực hướng nghiệp; tự định hướng; hành trình nghề nghiệp cá nhân; học sinh THPT; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hướng nghiệp không chỉ nhằm giúp học sinh biết tên các ngành nghề hoặc lựa chọn một cơ sở đào tạo sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu sâu xa là hình thành năng lực tự hiểu bản thân, nhận diện cơ hội, cân nhắc các lựa chọn và điều chỉnh kế hoạch khi hoàn cảnh thay đổi [1], [2]. Trong bối cảnh nghề nghiệp biến động bởi chuyển đổi số, sự phát triển của công nghệ và những thay đổi trong nhu cầu nhân lực [3], năng lực tự định hướng có ý nghĩa lâu dài hơn một quyết định tuyển sinh đơn lẻ.

Đối với học sinh trung học phổ thông (THPT), quá trình định hướng nghề nghiệp gắn trực tiếp với lựa chọn môn học, phương pháp học tập, hoạt động trải nghiệm và dự kiến lộ trình sau tốt nghiệp [4]. Học sinh cần được hướng dẫn nhìn nhận đồng thời bốn yếu tố: năng lực và sở thích cá nhân; yêu cầu thực tế của lĩnh vực nghề; điều kiện gia đình; cơ hội học tập và việc làm. Không yếu tố nào nên được xem là căn cứ duy nhất để quyết định tương lai.

Tại An Giang, sự đa dạng của bối cảnh kinh tế, xã hội và điều kiện tiếp cận thông tin giữa các địa bàn đặt ra yêu cầu tổ chức hướng nghiệp linh hoạt, có khả năng phục vụ học sinh với những xuất phát điểm khác nhau. Hoạt động hướng nghiệp cần kết nối giữa chương trình giáo dục phổ thông, trải nghiệm thực tế, tư vấn của giáo viên và sự đồng hành của cha mẹ học sinh, đồng thời tránh đồng nhất hướng nghiệp với việc vận động học sinh lựa chọn một con đường học tập nhất định.

Từ cách tiếp cận đó, bài viết đề xuất mô hình "Hành trình nghề nghiệp cá nhân" như một quy trình sư phạm có thể lồng ghép vào hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và công tác chủ nhiệm.

Mô hình nhấn mạnh tính liên tục từ lớp 10 đến lớp 12, sản phẩm học tập cá nhân và khả năng điều chỉnh lựa chọn [5].

2. THỰC TRẠNG

Một vấn đề cần khảo sát là mức độ hiểu biết của học sinh về điểm mạnh, sở thích, giá trị nghề nghiệp và điều kiện học tập của bản thân. Học sinh có thể nêu một nghề yêu thích nhưng chưa giải thích được nghề đó đòi hỏi những năng lực gì, bản thân đã có những bằng chứng phù hợp nào và cần cải thiện điều gì. Vì vậy, khảo sát nên yêu cầu học sinh vừa nêu lựa chọn vừa trình bày căn cứ lựa chọn.

Vấn đề thứ hai là tính liên tục của hoạt động hướng nghiệp. Cần xem xét liệu nhiệm vụ của lớp 10, 11 và 12 có tạo thành lộ trình kế thừa hay chỉ là những buổi giới thiệu nghề, tư vấn tuyển sinh riêng lẻ. Việc thiếu sản phẩm học tập và hồ sơ theo dõi có thể khiến giáo viên khó nhận diện sự thay đổi trong nhận thức của từng học sinh.

Vấn đề thứ ba là khả năng chuyển thông tin thành trải nghiệm và quyết định. Một học sinh đã nghe tư vấn hoặc tham dự ngày hội nghề nghiệp chưa chắc đã có khả năng so sánh hai phương án đào tạo, phân tích chi phí, điều kiện tuyển sinh, năng lực cần thiết và phương án dự phòng. Do đó, cần khảo sát chất lượng hoạt động sau tư vấn: học sinh ghi nhận điều gì, thay đổi nhận thức ra sao và thực hiện bước tiếp theo như thế nào.

Vấn đề thứ tư liên quan đến sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Kỳ vọng của cha mẹ, điều kiện kinh tế, khoảng cách địa lý và nhận thức về giá trị của các lộ trình đào tạo có thể tác động đến quyết định của học sinh. Nhà trường cần tìm hiểu những khó khăn thực tế, tránh quy kết rằng gia đình luôn áp đặt hoặc học sinh luôn thiếu chủ động.

Để có căn cứ triển khai, mỗi trường nên khảo sát đầu năm với học sinh ba khối, phỏng vấn nhóm giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh, rà soát kế hoạch giáo dục và thu thập một số sản phẩm hướng nghiệp hiện có. Các chỉ báo đầu vào có thể gồm: khả năng mô tả điểm mạnh bằng minh chứng; số phương án được cân nhắc; khả năng nhận diện yêu cầu nghề; mức độ chủ động tìm thông tin; chất lượng kế hoạch cá nhân.

3. ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP

Mô hình "Hành trình nghề nghiệp cá nhân" được hiểu là chuỗi hoạt động giáo dục có cấu trúc, trong đó mỗi học sinh xây dựng, thực hiện và điều chỉnh kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình dưới sự hỗ trợ của giáo viên và gia đình. Mô hình vận hành theo chu trình: nhận diện bản thân – khám phá lựa chọn – thử nghiệm – đối chiếu và ra quyết định – điều chỉnh [6]. Các bước không nhất thiết diễn ra một lần theo đường thẳng mà có thể lặp lại khi học sinh có thông tin hoặc trải nghiệm mới.

3.1. Biện pháp 1: Khảo sát và xây dựng hồ sơ năng lực hướng nghiệp ban đầu cho từng học sinh

Nhà trường tổ chức khảo sát ngắn đầu năm học về sở thích, môn học có thế mạnh, hoạt động yêu thích, giá trị cá nhân, lĩnh vực nghề quan tâm và các điều kiện cần cân nhắc. Giáo viên không sử dụng một bài trắc nghiệm duy nhất để gắn nhãn nghề nghiệp cho học sinh. Kết quả khảo sát được

xem là dữ liệu khởi đầu để đặt câu hỏi, cần đối chiếu với quan sát, sản phẩm học tập và trao đổi trực tiếp.

Mỗi học sinh lập "Hồ sơ khởi hành" gồm ba phần: tôi hiểu gì về mình; tôi đang tò mò về những nghề nào; tôi cần tìm thêm bằng chứng gì. Học sinh được quyền cập nhật và thay đổi nội dung hồ sơ. Giáo viên hướng dẫn phân biệt nhận xét chủ quan với bằng chứng cụ thể, chẳng hạn kết quả một dự án, quá trình tham gia câu lạc bộ hoặc phản hồi từ người hướng dẫn.

Sản phẩm dự kiến là một hồ sơ cá nhân ngắn gọn và bản tổng hợp nhu cầu theo lớp để giáo viên thiết kế hoạt động phù hợp. Hồ sơ cá nhân được quản lý riêng tư, chỉ chia sẻ trong phạm vi cần thiết và phù hợp với quy định bảo vệ dữ liệu học sinh.

3.2. Biện pháp 2: Thiết kế hành trình phát triển năng lực hướng nghiệp phân hóa theo lớp 10, 11 và 12

Ở lớp 10, trọng tâm là "Khám phá": nhận diện sở thích, giá trị, năng lực, tìm hiểu các nhóm nghề và mối liên hệ giữa môn học với năng lực nghề nghiệp. Học sinh thực hiện nhật ký khám phá và lựa chọn một số lĩnh vực muốn tìm hiểu sâu hơn, chưa bị yêu cầu chốt ngành nghề quá sớm.

Ở lớp 11, trọng tâm là "Thử nghiệm và đối chiếu": học sinh thực hiện phỏng vấn nghề, quan sát công việc, dự án trải nghiệm hoặc mô phỏng nhiệm vụ nghề nghiệp; sau đó so sánh ít nhất hai lựa chọn theo các tiêu chí thống nhất. Giáo viên khuyến khích học sinh nhận diện cả điểm hấp dẫn lẫn khó khăn của nghề.

Ở lớp 12, trọng tâm là "Quyết định có căn cứ": học sinh xây dựng phương án ưu tiên và phương án dự phòng, xác minh điều kiện tuyển sinh hoặc học nghề, dự toán chi phí, xác định năng lực cần bồi dưỡng và lập lịch thực hiện. Các phương án sau THPT được giới thiệu khách quan, tôn trọng nguyện vọng và điều kiện của người học.

Nhà trường tích hợp hành trình này vào kế hoạch giáo dục, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, công tác chủ nhiệm và hoạt động tư vấn hiện có; tránh tạo thêm một môn học hoặc hệ thống báo cáo riêng.

3.3. Biện pháp 3: Tổ chức nhiệm vụ trải nghiệm nghề nghiệp gắn với vấn đề thực tiễn

Mỗi chủ đề trải nghiệm cần có nhiệm vụ rõ ràng, sản phẩm quan sát được và câu hỏi phản tư sau hoạt động. Quy trình đề xuất gồm: nêu vấn đề – chuẩn bị câu hỏi – thực hiện trải nghiệm – ghi nhận bằng chứng – tự đánh giá mức độ phù hợp – xác định bước tìm hiểu tiếp theo. Trải nghiệm có thể diễn ra trực tiếp hoặc thông qua tình huống, phỏng vấn, dự án nhỏ khi điều kiện đi lại hạn chế.

Ví dụ, nhóm học sinh quan tâm đến nông nghiệp và công nghệ thực phẩm có thể khảo sát hành trình của một nông sản từ sản xuất đến tiêu thụ, xác định các vai trò như kỹ thuật, kiểm định chất lượng, truyền thông và kinh doanh. Nhóm quan tâm du lịch có thể thiết kế tuyến giới thiệu di sản, khảo sát nhu cầu du khách và phân tích những năng lực giao tiếp, ngoại ngữ, tổ chức dịch vụ cần có. Đây là ví dụ đề xuất, không phải mô hình đã triển khai.

Sau hoạt động, học sinh trả lời ba câu hỏi: Tôi đã trực tiếp làm hoặc quan sát điều gì? Bằng chứng nào cho thấy tôi phù hợp hoặc chưa phù hợp? Tôi sẽ thử bước nào tiếp theo? Giáo viên nhận xét chất lượng suy ngẫm thay vì chỉ chấm mức độ đẹp của sản phẩm.

3.4. Biện pháp 4: Thiết lập cơ chế tư vấn đồng hành ba bên giữa học sinh, giáo viên và gia đình

Nhà trường tổ chức các phiên trao đổi định kỳ theo nhu cầu, trong đó học sinh là người trình bày hồ sơ và phương án của mình; giáo viên đặt câu hỏi gợi mở, hỗ trợ kiểm chứng thông tin; cha mẹ chia sẻ điều kiện, mong muốn và những giới hạn thực tế. Mục tiêu của cuộc trao đổi không phải buộc các bên thống nhất ngay một nghề, mà giúp học sinh hiểu các căn cứ cần cân nhắc.

Giáo viên có thể sử dụng bộ câu hỏi: Em chọn phương án này vì điều gì? Em đã tìm hiểu yêu cầu đầu vào từ nguồn nào? Những điểm mạnh nào được chứng minh bằng trải nghiệm? Nếu phương án ưu tiên không phù hợp, em còn lựa chọn nào? Với trường hợp có xung đột kỳ vọng, giáo viên cần lắng nghe trung lập, tôn trọng quyền riêng tư và chuyển đến người có chuyên môn khi cần.

Có thể huy động cựu học sinh, cơ sở đào tạo và người làm nghề để chia sẻ kinh nghiệm thực tế [7], nhưng phải công khai mục tiêu, kiểm soát nội dung và tránh biến tư vấn thành quảng bá tuyển sinh một chiều.

3.5. Biện pháp 5: Đánh giá sự tiến bộ và điều chỉnh kế hoạch nghề nghiệp cá nhân

Đánh giá mô hình cần tập trung vào năng lực thể hiện qua sản phẩm, không chỉ số buổi tư vấn hoặc số lượt tham gia. Nhà trường xây dựng rubric với bốn tiêu chí: tự nhận thức có bằng chứng; tìm kiếm và kiểm chứng thông tin nghề; so sánh và lý giải lựa chọn; lập và điều chỉnh kế hoạch hành động. Mỗi tiêu chí có mô tả mức độ để giáo viên và học sinh cùng sử dụng.

Học sinh hoàn thiện "Bản đồ hành trình" theo từng học kỳ: mục tiêu, hoạt động đã thử, bằng chứng thu thập, điều đã thay đổi trong nhận thức và bước tiếp theo. Giáo viên phản hồi ngắn gọn theo hướng chỉ ra tiến bộ và gợi ý một hành động khả thi. Không xem việc thay đổi lựa chọn nghề là thất bại nếu học sinh có căn cứ hợp lý.

Giai đoạn thí điểm nên lựa chọn một số lớp có điều kiện khác nhau, đo đầu vào và cuối kỳ bằng cùng bộ chỉ báo, thu thập ý kiến học sinh, giáo viên và phụ huynh, ghi nhận khối lượng công việc và chi phí tổ chức. Chỉ đề xuất mở rộng khi có dữ liệu cho thấy tính khả thi, sự tiến bộ của học sinh và khả năng duy trì hoạt động.

4. KẾT LUẬN

Phát triển năng lực tự định hướng nghề nghiệp là hướng tiếp cận giúp học sinh THPT trở thành chủ thể của quá trình lựa chọn lộ trình học tập và nghề nghiệp. Mô hình "Hành trình nghề nghiệp cá nhân" đề xuất chuyển hoạt động hướng nghiệp từ cung cấp thông tin theo từng thời điểm sang chuỗi hoạt động có kế thừa, có trải nghiệm, có phản tư và có bằng chứng tiến bộ.

Năm biện pháp gồm khảo sát và lập hồ sơ ban đầu; phân hóa hành trình theo khối lớp; tổ chức trải nghiệm phản tư; tư vấn đồng hành; đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tạo thành một chỉnh thể sư phạm.

Mô hình cần bắt đầu từ khảo sát thực trạng tại từng trường, xây dựng tiêu chí đo lường, tổ chức thực hiện có kiểm soát và đánh giá minh bạch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
3. Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
5. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
6. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
7. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN PHÂN LUỒNG TRONG NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG GIAI ĐOẠN 2026–2030

ThS. Nguyễn Thị Trúc Ly
Trường THPT Tân Hiệp, tỉnh An Giang
Email: trucly8020@gmail.com

Tóm tắt: *Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, công tác tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh tại Trường THPT Tân Hiệp giai đoạn 2026–2030 mang sứ mệnh chiến lược nhằm phát triển phẩm chất người học và cung cấp nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao cho tỉnh An Giang. Dựa trên bề dày truyền thống từ năm 1975, nhà trường áp dụng mô hình tổ chức tư vấn đa tầng kết hợp các công cụ đo lường như Holland, MBTI và trí thông minh đa dạng. Từ những kết quả đạt được và khó khăn thực tiễn, bài viết đề xuất 4 nhóm giải pháp đột phá giai đoạn 2026–2030 nhằm nâng cao chất lượng phân luồng, gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp địa phương.*

Từ khóa: *tư vấn hướng nghiệp; phân luồng học sinh; Trường THPT Tân Hiệp; Chương trình GDPT 2018; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [1], việc chuyển từ một nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học là yêu cầu cấp thiết. Đối với bậc học trung học, tư vấn hướng nghiệp và phân luồng không đơn thuần là việc chọn trường, chọn nghề ở cuối cấp, mà là một quá trình đồng hành tâm lý, nhận thức chuyên sâu nhằm giúp học sinh thấu hiểu bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp và tự chủ xây dựng lộ trình phát triển cá nhân phù hợp.

Trường Trung học phổ thông (THPT) Tân Hiệp – một ngôi trường có bề dày truyền thống được thành lập từ năm 1975 – hiện nay đang chuyển mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên số. Nhà trường quán triệt xác định công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh không chỉ là giải pháp mang tính thời điểm mà là sứ mệnh chiến lược nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ, đáp ứng trực tiếp yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.

Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh An Giang tại Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 [2] và Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 [3], Trường THPT Tân Hiệp trình bày tham luận đi sâu vào nội dung: "Tư vấn hướng nghiệp và tư vấn phân luồng trong nhà trường". Báo cáo hướng tới mục tiêu làm sáng tỏ mô hình tổ chức tư vấn và hệ thống công cụ đo lường năng lực, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp mang tính hành động cao cho giai đoạn 2026–2030.

Hệ thống căn cứ pháp lý và văn bản chỉ đạo:

- **Luật Giáo dục năm 2019** [4]: Điều 9 quy định rõ về "Hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục", khẳng định nhà trường có trách nhiệm tư vấn, định hướng cho học sinh lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở năng lực, nguyện vọng, sở thích và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.
- **Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ** [5]: Phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025", đặt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đào tạo trình độ cao đẳng.
- **Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GDĐT** [6]: Hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông, làm cơ sở pháp lý cho việc thành lập Tổ tư vấn tâm lý – hướng nghiệp tại các trường học.
- **Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT** [7]: Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Chương trình GDPT 2018), trong đó Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trở thành hoạt động giáo dục bắt buộc từ lớp 10 đến lớp 12 với thời lượng 105 tiết/năm học.
- **Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT** [2] **và Quyết định số 2778/QĐ-SGDĐT của Sở GDĐT tỉnh An Giang**: Chỉ đạo tổ chức Hội thảo khoa học và định hướng công tác phân luồng giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG TẠI TRƯỜNG THPT TÂN HIỆP

2.1. Kết quả đạt được

Về tổ chức bộ máy: Nhà trường đã thành lập Ban Tư vấn Hướng nghiệp và Phân luồng, phối hợp chặt chẽ với Tổ Tư vấn Tâm lý học đường theo đúng tinh thần Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT [6].

Về chương trình giảng dạy: 100% học sinh các khối 10, 11, 12 được tham gia đầy đủ, nghiêm túc các chủ đề của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo Chương trình GDPT 2018 [7].

Về nhận thức học sinh: Tỷ lệ học sinh lớp 12 nắm bắt được thông tin về thị trường lao động địa phương, các trường đại học, cao đẳng và cơ sở GDNN trong tỉnh An Giang đạt trên 90% (theo báo cáo của nhà trường).

Định lượng hóa hiệu quả thực tế: Tại Trường THPT Tân Hiệp, qua khảo sát nhanh đầu năm học 2026–2027, tỷ lệ học sinh khối 12 sau khi được tư vấn chuyên sâu theo bộ công cụ Holland [8] đã xác định rõ định hướng (tiếp tục học cao đẳng nghề hoặc đại học) tăng lên 85%, giảm thiểu tối đa tình trạng chọn ngành theo cảm tính hoặc áp lực đám đông.

2.2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

Tính kiêm nhiệm của đội ngũ: Cán bộ tư vấn chủ yếu là giáo viên chủ nhiệm (GVCN) hoặc giáo viên bộ môn kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu về kỹ năng tham vấn tâm lý và phương pháp đo lường trắc nghiệm nghề nghiệp [9].

Thiếu bộ công cụ đánh giá chuẩn hóa đồng bộ: Việc đánh giá năng lực, sở thích của học sinh phần lớn trước đây còn dựa vào cảm tính, điểm số các môn học hoặc bài khảo sát rời rạc, chưa áp dụng đồng bộ các bộ công cụ khoa học chuẩn hóa trên quy mô rộng.

Rào cản tâm lý xã hội: Tâm lý "chuộng đại học", coi nhẹ học nghề vẫn còn tồn tại phổ biến ở một bộ phận lớn cha mẹ học sinh [10], tạo áp lực nặng nề lên công tác phân luồng của nhà trường.

Sự phối hợp liên ngành chưa sâu: Liên kết giữa nhà trường với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và trường cao đẳng, trung cấp nghề trên địa bàn tỉnh An Giang còn mang tính hình thức, chủ yếu dừng lại ở các buổi tham quan ngắn hạn.

3. MÔ HÌNH TỔ CHỨC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ CÔNG CỤ, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC, SỞ THÍCH NGHỀ NGHIỆP

3.1. Mô hình tổ chức tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường

Trường THPT Tân Hiệp đề xuất và triển khai Mô hình Tư vấn Hướng nghiệp Tích hợp Đa tầng vận hành theo 4 trụ cột chuyên nghiệp:

Thành lập "Trung tâm Tư vấn Hướng nghiệp và Tâm lý Học đường": Sáp nhập Tổ tư vấn tâm lý và Ban hướng nghiệp thành bộ phận thống nhất dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám hiệu. Thành phần gồm: cán bộ chuyên trách tâm lý, đại diện Đoàn Thanh niên, GVCN cốt cán và cố vấn chuyên môn từ các cơ sở nghề/doanh nghiệp.

Triển khai mô hình Tham vấn Cá thể hóa (1-1): Dành cho học sinh gặp khủng hoảng lựa chọn, hoang mang định hướng hoặc bất đồng với gia đình. Quy trình thực hiện qua 5 bước: Tạo dựng niềm tin – Lắng nghe và Khám phá – Đánh giá năng lực – Xây dựng phương án – Theo dõi và Hỗ trợ.

Tổ chức Tư vấn Nhóm theo Chuyên ngành: Gom nhóm học sinh có cùng sở thích hoặc định hướng (học nghề, đại học kỹ thuật, dịch vụ – du lịch…) để giải đáp thắc mắc chuyên sâu.

Xây dựng "Góc Hướng nghiệp Mở": Bố trí không gian tra cứu tại Thư viện trường với các thiết bị kết nối mạng, giúp học sinh tự trải nghiệm trắc nghiệm trực tuyến và tìm hiểu thị trường lao động An Giang.

3.2. Công cụ và phương pháp đánh giá năng lực, sở thích nghề nghiệp

Nhà trường chuyển từ việc đánh giá cảm tính sang áp dụng hệ thống công cụ đo lường khoa học đã được Việt hóa hoàn toàn:

Trắc nghiệm Sáu nhóm Sở thích Nghề nghiệp (Holland): Phân loại học sinh vào 6 nhóm đặc trưng: Thực hành (R), Nghiên cứu (I), Nghệ thuật (A), Xã hội (S), Quản lý (E), Nghiệp vụ (C) [8].

Trắc nghiệm Phân loại Tính cách (MBTI): Giúp học sinh nhận diện cách thu nhận thông tin, đưa ra quyết định và tương tác với môi trường làm việc.

Phương pháp Đánh giá Trí thông minh Đa dạng (Howard Gardner): Đánh giá qua 8 loại hình trí thông minh (Ngôn ngữ, Logic – Toán, Không gian, Vận động, Âm nhạc, Tương tác, Nội tâm, Tự nhiên) giúp học sinh nhận ra thế mạnh cốt lõi ngoài điểm số văn hóa.

Xây dựng "Hồ sơ Hướng nghiệp Cá nhân": Thiết lập hồ sơ điện tử theo dõi học sinh từ lớp 10 gồm: kết quả trắc nghiệm tâm lý, nhận xét của GVCN, kết quả học tập và sản phẩm trải nghiệm. Đây là căn cứ khoa học quan trọng để tư vấn phân luồng vào năm lớp 12.

4. HỆ THỐNG GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Giải pháp 1: Nâng cao năng lực chuyên môn và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ tư vấn

- Cấp tỉnh: Đề nghị Sở GDĐT phối hợp với các viện/trường đại học tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ "Tham vấn Tâm lý Hướng nghiệp" cho giáo viên chuyên trách.
- Nội bộ trường: Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ hằng tháng cho GVCN về kỹ năng giao tiếp với phụ huynh, giải tỏa định kiến về học nghề.

4.2. Giải pháp 2: Xây dựng Quy trình Tư vấn Hướng nghiệp Cá thể hóa dựa trên Dữ liệu

- Lớp 10 (Khám phá bản thân): 100% học sinh thực hiện trắc nghiệm và lập Hồ sơ Hướng nghiệp Cá nhân.
- Lớp 11 (Khám phá nghề nghiệp): Trải nghiệm thực tế tại cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Lớp 12 (Tham vấn và Phân luồng): Tham vấn 1-1 cho học sinh và phụ huynh dựa trên dữ liệu tích lũy.
- Sau tốt nghiệp: Theo dõi và đánh giá lộ trình học tập/làm việc của học sinh.

4.3. Giải pháp 3: Thiết lập Cơ chế Phối hợp "Bốn bên" (Nhà trường – Gia đình – Cơ sở đào tạo nghề – Doanh nghiệp)

- Phối hợp Gia đình: Tổ chức Hội thảo tư vấn phân luồng cho cha mẹ học sinh để tháo gỡ tâm lý "sính đại học".
- Phối hợp Cơ sở nghề: Ký kết hợp tác bền vững với các trường cao đẳng, trung cấp nghề tại An Giang (chương trình "Một ngày làm sinh viên học nghề").
- Phối hợp Doanh nghiệp: Mời doanh nhân, chuyên gia kỹ thuật địa phương chia sẻ nhu cầu tuyển dụng và cơ hội việc làm thực tế.

4.4. Giải pháp 4: Chuyển đổi số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác Hướng nghiệp

- Tích hợp AI: Xây dựng trang thông tin hướng nghiệp trực tuyến của nhà trường tích hợp bộ công cụ trắc nghiệm AI tự động.
- Cơ sở dữ liệu mở: Xây dựng "Cơ sở dữ liệu Nghề nghiệp Mở tỉnh An Giang" cập nhật nhu cầu lao động, mức thu nhập và lộ trình thăng tiến từng ngành nghề.

5. KẾT LUẬN

Tư vấn hướng nghiệp và phân luồng trong nhà trường không chỉ là một nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục, mà là giải pháp chiến lược mang tính nhân văn sâu sắc, giúp mỗi học sinh tìm thấy đúng vị trí của mình trong xã hội, phát huy tối đa năng lực cá nhân và giảm thiểu lãng phí nguồn lực xã hội.

Trường THPT Tân Hiệp tin tưởng rằng bằng việc chuẩn hóa mô hình tổ chức, ứng dụng các công cụ đánh giá khoa học và thực hiện đồng bộ các giải pháp đột phá, công tác hướng nghiệp, phân luồng giai đoạn 2026–2030 sẽ đạt được những bước tiến vượt bậc, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh An Giang trong kỷ nguyên mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
3. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
4. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
5. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
8. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
9. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
10. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).

TỔ CHỨC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG THÔNG QUA MÔ HÌNH "KHÔNG GIAN HƯỚNG NGHIỆP SỐ"

CN. Trần Thị Thu

Trường THPT Thoại Ngọc Hầu, tỉnh An Giang

Email: thu1302101992@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết đề xuất mô hình "Không gian hướng nghiệp số" nhằm hỗ trợ tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo hướng liên tục, cá nhân hóa và gắn với thực tiễn địa phương, trên cơ sở định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các chính sách về hướng nghiệp, phân luồng học sinh. Không gian số được thiết kế như một điểm truy cập chung, tích hợp công cụ tự khám phá bản thân, dữ liệu nghề nghiệp, trải nghiệm nghề, tư vấn và lập kế hoạch học tập – nghề nghiệp. Bài viết phân tích những vấn đề cần khảo sát ở trường THPT và đề xuất năm biện pháp cụ thể, có thể triển khai bằng các nền tảng miễn phí, không yêu cầu lập trình. Hiệu quả thực tế của mô hình cần được kiểm chứng qua thí điểm và đánh giá có minh chứng.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; không gian hướng nghiệp số; học sinh THPT; chuyển đổi số; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số, sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ và những thay đổi của thị trường lao động [1], giáo dục hướng nghiệp ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị cho học sinh năng lực lựa chọn và thích ứng với nghề nghiệp tương lai. Một lựa chọn nghề nghiệp phù hợp không chỉ dựa trên sở thích cá nhân mà còn cần được hình thành từ sự nhận thức đúng đắn về năng lực, phẩm chất, điều kiện của bản thân, sự hiểu biết về đặc điểm nghề nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động [2]. Vì vậy, giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường trung học cần vượt ra khỏi việc cung cấp thông tin tuyển sinh đơn thuần, hướng tới hình thành cho học sinh khả năng tự khám phá, tìm kiếm và đánh giá thông tin, trải nghiệm nghề nghiệp, cân nhắc các phương án và chủ động xây dựng kế hoạch phát triển bản thân [3], [4].

Ở cấp trung học phổ thông (THPT), yêu cầu này càng trở nên cấp thiết bởi học sinh phải từng bước xác định định hướng học tập, lựa chọn tổ hợp môn học, ngành đào tạo hoặc con đường tham gia thị trường lao động sau khi tốt nghiệp. Những quyết định đó có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập và cơ hội phát triển của mỗi cá nhân. Nếu thiếu thông tin tin cậy, chưa hiểu rõ bản thân hoặc chịu ảnh hưởng quá lớn từ tâm lý đám đông và kỳ vọng của người khác, học sinh có thể gặp khó khăn khi lựa chọn ngành học, nghề nghiệp và lộ trình sau THPT. Do đó, giáo dục hướng nghiệp cần được tổ chức như một quá trình liên tục, có sự kế thừa giữa các khối lớp, gắn kết giữa nhận thức và trải nghiệm, đồng thời tạo điều kiện để mỗi học sinh được hỗ trợ phù hợp với nhu cầu và khả năng của mình.

Tại Việt Nam, định hướng này được thể hiện trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, trong đó hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là một bộ phận của chương trình giáo dục [5]; đồng

thời, các chính sách về tư vấn nghề nghiệp, việc làm và định hướng phân luồng học sinh đặt ra yêu cầu tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và các lực lượng xã hội [6]. Đối với tỉnh An Giang, việc tổ chức giáo dục hướng nghiệp cần quan tâm đến sự đa dạng về điều kiện kinh tế – xã hội, cơ hội tiếp cận thông tin và khả năng kết nối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo cũng như đơn vị sử dụng lao động. Điều đó đòi hỏi nhà trường phải lựa chọn hình thức tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng đơn vị, đồng thời mở rộng cơ hội để học sinh tiếp cận thông tin và trải nghiệm nghề nghiệp vượt ra ngoài phạm vi lớp học.

Tuy nhiên, để giáo dục hướng nghiệp thực sự hỗ trợ học sinh ra quyết định, cần quan tâm đến một số vấn đề trong tổ chức thực hiện. Nội dung hướng nghiệp có thể được triển khai thông qua nhiều hoạt động và kênh thông tin khác nhau, nhưng nếu thiếu một cơ chế kết nối thống nhất, học sinh sẽ gặp khó khăn khi tìm kiếm, hệ thống hóa và đối chiếu các thông tin cần thiết. Hoạt động giới thiệu nghề nghiệp cũng khó phát huy đầy đủ tác dụng nếu chủ yếu dừng lại ở nghe tư vấn, trong khi học sinh chưa có đủ cơ hội tự khám phá bản thân, tìm hiểu yêu cầu thực tế của nghề, trải nghiệm nhiệm vụ nghề nghiệp và suy ngẫm về mức độ phù hợp của lựa chọn. Bên cạnh đó, việc phối hợp giữa giáo viên, gia đình, cơ sở đào tạo và các đơn vị nghề nghiệp cần được tổ chức có kế hoạch; quá trình tiến bộ của học sinh cũng cần được theo dõi bằng những minh chứng cụ thể thay vì chỉ căn cứ vào số lượng hoạt động đã tổ chức. Đây là những vấn đề cần được khảo sát tại từng trường để xác định mức độ và lựa chọn giải pháp phù hợp, không thể mặc nhiên xem là thực trạng giống nhau ở tất cả các cơ sở giáo dục THPT trong tỉnh.

Từ những yêu cầu trên, việc xây dựng một môi trường hỗ trợ hướng nghiệp có tính kết nối, linh hoạt và duy trì được quá trình học tập của học sinh là hướng tiếp cận cần được nghiên cứu. Trong đó, chuyển đổi số có thể tạo điều kiện để nhà trường tập hợp học liệu, tổ chức hoạt động khám phá nghề nghiệp, kết nối chuyên gia, lưu giữ sản phẩm học tập và hỗ trợ học sinh tiếp cận thông tin theo nhu cầu. Tuy nhiên, công nghệ chỉ thực sự có ý nghĩa khi được đặt trong một mô hình giáo dục có mục tiêu rõ ràng, nội dung được kiểm chứng, người phụ trách cụ thể và quy trình tổ chức phù hợp; việc tạo lập một trang thông tin đơn lẻ chưa đủ để hình thành môi trường hướng nghiệp hiệu quả.

Xuất phát từ cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình "Không gian hướng nghiệp số" trong giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT tỉnh An Giang. Mô hình được định hướng như một môi trường trực tuyến dùng chung, kết nối hoạt động tự khám phá bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp, trải nghiệm thực tiễn, tư vấn và lập kế hoạch học tập – nghề nghiệp trong một quy trình thống nhất. Trên cơ sở phân tích những yêu cầu đặt ra và điều kiện tổ chức tại nhà trường, bài viết tập trung đề xuất các biện pháp triển khai cụ thể bằng những công cụ số dễ tiếp cận, ưu tiên giải pháp miễn phí, không yêu cầu lập trình và có thể điều chỉnh theo điều kiện của từng trường. Do đây là mô hình đang ở giai đoạn đề xuất, tính khả thi và hiệu quả cần tiếp tục được kiểm chứng thông qua khảo sát nhu cầu, tổ chức thí điểm và đánh giá bằng các tiêu chí, minh chứng xác định trước.

2. THỰC TRẠNG

Ở cấp THPT, hướng nghiệp cần hỗ trợ học sinh thực hiện đồng thời ba nhiệm vụ: hiểu bản thân; tìm hiểu các nhóm nghề, ngành đào tạo và thị trường lao động; đối chiếu các thông tin đó để lựa chọn lộ trình phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện và hoàn cảnh gia đình. Với học sinh lớp

10, trọng tâm là khám phá và mở rộng hiểu biết; lớp 11 cần tăng cường tìm hiểu chuyên sâu, trải nghiệm và đối chiếu lựa chọn; lớp 12 cần hỗ trợ ra quyết định, tìm hiểu điều kiện tuyển sinh, chi phí, học bổng, cơ hội việc làm và phương án dự phòng [7].

Từ yêu cầu chương trình và kinh nghiệm tổ chức hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường, có thể xác định một số vấn đề cần được khảo sát trước khi triển khai mô hình. Thứ nhất, thông tin hướng nghiệp có thể nằm rải rác trong kế hoạch chủ nhiệm, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm, tư vấn tuyển sinh và các kênh trực tuyến; học sinh vì vậy cần một đầu mối để tìm kiếm và đối chiếu thông tin. Thứ hai, hoạt động hướng nghiệp dễ thiên về giới thiệu chung nếu thiếu nhiệm vụ trải nghiệm, câu hỏi định hướng và sản phẩm học tập giúp học sinh thể hiện quá trình suy nghĩ của mình. Thứ ba, mức độ phối hợp giữa giáo viên, cha mẹ học sinh, cơ sở đào tạo, cựu học sinh và đơn vị nghề nghiệp có thể khác nhau giữa các trường. Thứ tư, đánh giá thường khó phản ánh tiến bộ nếu chỉ dựa vào số buổi tổ chức hoặc số học sinh tham dự mà chưa xem xét chất lượng hồ sơ định hướng, mức độ hiểu biết và khả năng giải thích lựa chọn.

Đây là các vấn đề đặt ra cần kiểm chứng, không phải kết quả khảo sát đã được xác lập cho toàn tỉnh An Giang. Trước khi áp dụng, mỗi trường nên khảo sát học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh; rà soát nguồn lực, hạ tầng số và các hoạt động hướng nghiệp hiện có. Dữ liệu ban đầu là căn cứ lựa chọn ưu tiên, tránh xây dựng mô hình theo phong trào hoặc tạo thêm công việc hình thức.

3. ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP

"Không gian hướng nghiệp số" được hiểu là một môi trường trực tuyến do nhà trường tổ chức, tập hợp và kết nối có hệ thống các học liệu, công cụ tự khám phá, dữ liệu nghề nghiệp, hoạt động trải nghiệm, tư vấn và công cụ lập kế hoạch cá nhân. Không gian này có thể được xây dựng bằng Google Sites hoặc trang nội bộ tương đương; tài liệu được lưu trữ trên Google Drive; khảo sát và phiếu phản hồi dùng Google Forms; dữ liệu tổng hợp theo dõi trên Google Sheets; mã QR được sử dụng để truy cập nhanh. Các công cụ nêu trên là ví dụ có thể thay thế theo điều kiện và quy định của đơn vị, không phải yêu cầu bắt buộc.

Mục tiêu của mô hình là: (1) giúp học sinh tiếp cận thông tin hướng nghiệp có chọn lọc; (2) chuyển hoạt động từ nghe giới thiệu sang tự tìm hiểu, trải nghiệm, phản tư và ra quyết định; (3) tạo cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các đối tác; (4) lưu giữ minh chứng tiến bộ của học sinh để giáo viên tư vấn kịp thời. Mô hình tuân thủ năm nguyên tắc: lấy học sinh làm trung tâm; thông tin có nguồn và ngày cập nhật; kết hợp trực tuyến với trải nghiệm thực tế; bảo vệ dữ liệu cá nhân; triển khai vừa sức, không phụ thuộc vào nền tảng trả phí.

3.1. Biện pháp 1: Khảo sát nhu cầu và thiết kế cấu trúc không gian hướng nghiệp số theo lộ trình lớp 10–12

Trước hết, hiệu trưởng phân công một nhóm phụ trách gồm cán bộ quản lý, giáo viên phụ trách hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm, đại diện Đoàn trường và nhân sự phụ trách công nghệ thông tin (nếu có). Nhóm xây dựng kế hoạch năm học, thống nhất mục tiêu, phân công người cập nhật từng chuyên mục và quy định quy trình kiểm duyệt nội dung trước khi đăng tải.

Trong giai đoạn chuẩn bị, nhà trường tổ chức khảo sát ngắn với học sinh theo các nội dung:

mức độ hiểu biết về bản thân; nhóm nghề quan tâm; nguồn thông tin đang sử dụng; nhu cầu trải nghiệm; khó khăn khi lựa chọn; điều kiện truy cập thiết bị và mạng. Có thể khảo sát giáo viên, cha mẹ học sinh để xác định chủ đề cần hỗ trợ. Phiếu khảo sát chỉ thu thập thông tin cần thiết, giải thích mục đích sử dụng và tránh công khai câu trả lời gắn với danh tính học sinh.

Căn cứ kết quả khảo sát, thiết kế trang chủ có cấu trúc rõ ràng, tối thiểu gồm năm khu vực: (i) Khám phá bản thân; (ii) Bản đồ nghề nghiệp; (iii) Trải nghiệm và giao lưu nghề; (iv) Tư vấn – hỏi đáp; (v) Hồ sơ và kế hoạch cá nhân. Nội dung được phân tầng theo khối lớp: lớp 10 tập trung khám phá, lớp 11 tập trung trải nghiệm và so sánh, lớp 12 tập trung quyết định và lập kế hoạch chuyển tiếp. Mỗi chuyên mục cần có hướng dẫn ngắn, đường dẫn đến nguồn gốc thông tin, thời điểm cập nhật và đầu mối hỗ trợ. Sản phẩm của biện pháp này là kế hoạch vận hành, sơ đồ chuyên mục, lịch cập nhật và bộ câu hỏi khảo sát đầu vào.

3.2. Biện pháp 2: Xây dựng kho học liệu và bản đồ nghề nghiệp có kiểm chứng, gắn với bối cảnh An Giang

Nhóm phụ trách lựa chọn, phân loại và giới thiệu nguồn thông tin về nhóm nghề, vị trí việc làm, yêu cầu năng lực, điều kiện học tập, thời gian đào tạo, học phí dự kiến, học bổng, điều kiện tuyển sinh và cơ hội phát triển nghề nghiệp. Nguồn nên ưu tiên trang chính thức của cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý, đơn vị nghề nghiệp hoặc tài liệu do chuyên gia có trách nhiệm cung cấp. Với thông tin tuyển sinh, học phí và thị trường lao động thường xuyên thay đổi, phải ghi ngày cập nhật và đường dẫn gốc; không sao chép toàn văn tài liệu có bản quyền nếu chưa được phép.

Bản đồ nghề nghiệp nên tổ chức theo lĩnh vực thay vì chỉ theo tên trường, chẳng hạn nông nghiệp và chế biến nông sản; thủy sản và môi trường; y tế và chăm sóc sức khỏe; giáo dục; kinh tế – dịch vụ; công nghệ thông tin; kỹ thuật – công nghiệp; du lịch – văn hóa; logistics và thương mại. Đây là nhóm gợi ý ban đầu cần điều chỉnh theo dữ liệu kinh tế – xã hội và nhu cầu tuyển dụng được xác minh tại địa phương. Mỗi thẻ nghề gồm: công việc thường làm; năng lực và phẩm chất liên quan; môi trường làm việc; con đường học tập; yêu cầu đầu vào; chi phí cần cân nhắc; nguồn tham khảo; câu hỏi để học sinh tự đối chiếu.

Giáo viên hướng dẫn học sinh so sánh ít nhất hai lựa chọn theo cùng một bộ tiêu chí, phân biệt dữ kiện đã xác minh với ý kiến cá nhân và nhận diện thông tin quảng bá thiếu căn cứ. Học sinh có thể tạo bản đồ nghề nghiệp, infographic hoặc bảng so sánh ngắn để chia sẻ trên không gian số. Cách làm này vừa tăng khả năng tìm kiếm – đánh giá thông tin, vừa hạn chế việc lựa chọn chỉ dựa vào xu hướng hoặc lời truyền miệng.

3.3. Biện pháp 3: Tổ chức chuỗi hoạt động tự khám phá, trải nghiệm nghề và học tập theo dự án

Không gian số chỉ có ý nghĩa khi dẫn đến hoạt động học tập cụ thể. Vì vậy, mỗi chủ đề nên được thiết kế theo chu trình: khơi gợi câu hỏi – tìm hiểu thông tin – trải nghiệm hoặc mô phỏng – phản tư – xác định bước tiếp theo. Giáo viên có thể tổ chức nhiệm vụ ngắn như phỏng vấn người làm nghề, phân tích một tình huống nghề nghiệp, tham quan trực tiếp hoặc trực tuyến, mô phỏng quy trình làm việc, thực hiện dự án cộng đồng hay giải quyết vấn đề gắn với sản xuất và đời sống địa phương.

Ví dụ, học sinh quan tâm lĩnh vực nông nghiệp – chế biến có thể tìm hiểu chuỗi giá trị của một sản phẩm địa phương, phỏng vấn người sản xuất, xác định các vị trí việc làm trong chuỗi và trình bày những năng lực cần có. Nhóm quan tâm công nghệ có thể khảo sát một vấn đề của trường hoặc cộng đồng, đề xuất giải pháp số đơn giản và phân tích các vai trò nghề nghiệp tham gia. Các ví dụ này là gợi ý tổ chức, không phải kết quả đã triển khai hay minh chứng về hiệu quả.

Sau mỗi hoạt động, học sinh đăng tải sản phẩm phù hợp như nhật ký trải nghiệm, bản ghi phỏng vấn đã được đồng ý, sơ đồ quy trình, video ngắn hoặc bản tự đánh giá. Giáo viên sử dụng rubric đơn giản để xem xét chất lượng tìm kiếm thông tin, khả năng liên hệ với yêu cầu nghề, hợp tác, phản tư và đề xuất hành động tiếp theo. Với học sinh không có điều kiện truy cập mạng ổn định, nhà trường cung cấp bản in, thời gian sử dụng thiết bị tại trường hoặc hình thức nộp sản phẩm ngoại tuyến. Không yêu cầu học sinh công khai thông tin cá nhân hay hình ảnh khi chưa có sự đồng ý phù hợp.

3.4. Biện pháp 4: Thiết lập mạng lưới tư vấn và kết nối nhà trường – gia đình – cơ sở đào tạo – đơn vị nghề nghiệp

Nhà trường xây dựng danh sách đối tác có thể tham gia theo từng chủ đề, gồm cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học, cơ sở sản xuất – kinh doanh, cơ quan chuyên môn, cựu học sinh và cha mẹ học sinh có kinh nghiệm nghề nghiệp [8]. Việc kết nối cần có kế hoạch, mục tiêu học tập và phân công rõ ràng; tránh tổ chức giao lưu chỉ nhằm quảng bá tuyển sinh hoặc giới thiệu nghề một chiều.

Trên Không gian hướng nghiệp số, bố trí lịch tư vấn, câu hỏi thường gặp, biểu mẫu đăng ký chủ đề và kênh gửi câu hỏi cho giáo viên phụ trách. Các phiên tư vấn có thể tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp. Trước hoạt động, học sinh gửi câu hỏi dựa trên nhu cầu thực tế; trong hoạt động, người chia sẻ làm rõ công việc hằng ngày, năng lực cần thiết, khó khăn, điều kiện học tập và cơ hội phát triển; sau hoạt động, học sinh viết phản hồi và ghi lại thông tin cần kiểm chứng thêm.

Giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh cùng trao đổi với học sinh trên cơ sở hồ sơ hướng nghiệp, không áp đặt một lựa chọn duy nhất. Khi học sinh cần tư vấn cá nhân, giáo viên trao đổi riêng, tôn trọng quyền riêng tư và chuyển đến chuyên gia phù hợp nếu vượt quá phạm vi hỗ trợ của mình. Mọi đối tác cần được thông tin về quy tắc bảo vệ học sinh, sử dụng hình ảnh và dữ liệu; hoạt động tham quan phải tuân thủ quy định an toàn, có sự đồng thuận và phương án quản lý học sinh.

3.5. Biện pháp 5: Theo dõi tiến bộ, đánh giá hiệu quả và cải tiến mô hình theo chu trình

Đánh giá cần tập trung vào sự tiến bộ của năng lực hướng nghiệp, không chỉ đếm số lượt truy cập hay số hoạt động đã tổ chức. Ở đầu giai đoạn, giữa kỳ và cuối kỳ, học sinh tự đánh giá mức độ hiểu bản thân, khả năng tìm kiếm – kiểm chứng thông tin, mức độ hiểu về yêu cầu nghề và khả năng giải thích lựa chọn. Giáo viên đối chiếu các phiếu này với sản phẩm học tập, nhật ký trải nghiệm, bản so sánh lựa chọn và kế hoạch cá nhân.

Có thể sử dụng bộ chỉ báo gồm: tỷ lệ học sinh hoàn thành hồ sơ hướng nghiệp; tỷ lệ học sinh nêu được căn cứ cho lựa chọn; chất lượng sản phẩm tìm hiểu nghề theo rubric; mức độ tham gia hoạt động trải nghiệm; mức độ hài lòng và khả năng tiếp cận của các nhóm học sinh; số nội dung được cập nhật đúng hạn; số đối tác tham gia thực chất. Các chỉ báo cần có định nghĩa, cách thu thập và thời điểm đo rõ ràng. Nhà trường nên xác lập số liệu ban đầu trước khi đặt mục tiêu định

lượng; không tự tạo số liệu hoặc kết luận mô hình hiệu quả khi chưa có dữ liệu thực nghiệm.

Cuối mỗi học kỳ, nhóm phụ trách phân tích dữ liệu tổng hợp, thảo luận với học sinh và giáo viên, xác định chuyên mục ít được sử dụng, thông tin lỗi thời, nhóm học sinh còn gặp rào cản và hoạt động có giá trị học tập cao. Từ đó điều chỉnh nội dung, cách tổ chức và đối tác. Khi thí điểm, nên triển khai ở một số lớp hoặc một khối trong thời gian xác định, ghi nhận cả thuận lợi, khó khăn và chi phí thực tế; chỉ đề xuất mở rộng sau khi có minh chứng đủ tin cậy.

3.6. Lưu ý: Điều kiện bảo đảm thực hiện

Mô hình không đòi hỏi xây dựng phần mềm riêng. Nhà trường có thể bắt đầu với các công cụ miễn phí hoặc công cụ sẵn có trong hệ thống giáo dục, nhưng cần kiểm tra điều khoản sử dụng, quyền truy cập và quy định bảo mật. Phân quyền chỉnh sửa cho nhóm phụ trách; chỉ công khai học liệu đã được kiểm duyệt; không đưa dữ liệu nhạy cảm hoặc hồ sơ định danh học sinh lên trang công khai. Cần có phương án dự phòng bằng bản in và hoạt động trực tiếp để không tạo bất bình đẳng giữa học sinh có điều kiện công nghệ khác nhau.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo và bố trí thời gian; nhóm phụ trách chịu trách nhiệm nội dung và cập nhật; giáo viên chủ nhiệm theo dõi nhu cầu, hỗ trợ học sinh; học sinh chủ động khai thác, phản hồi và xây dựng hồ sơ; cha mẹ học sinh và đối tác cung cấp thông tin, trải nghiệm trong phạm vi phù hợp. Việc triển khai cần gắn với kế hoạch giáo dục nhà trường, tránh hình thành thêm một hệ thống báo cáo tách rời.

4. KẾT LUẬN

"Không gian hướng nghiệp số" được đề xuất như một mô hình tổ chức nhằm kết nối thông tin, trải nghiệm, tư vấn và lập kế hoạch nghề nghiệp thành một quá trình liên tục cho học sinh THPT. Điểm cốt lõi của mô hình không nằm ở công nghệ mà ở cách thiết kế hoạt động lấy học sinh làm trung tâm, bảo đảm thông tin có nguồn, tăng cơ hội trải nghiệm và sử dụng minh chứng để hỗ trợ ra quyết định.

Năm biện pháp gồm khảo sát – thiết kế cấu trúc; xây dựng kho học liệu và bản đồ nghề; tổ chức trải nghiệm; kết nối các lực lượng; đánh giá và cải tiến tạo thành chu trình thống nhất, có thể bắt đầu từ quy mô nhỏ và điều chỉnh theo điều kiện từng trường ở An Giang. Do mô hình đang ở mức đề xuất, bước tiếp theo cần là khảo sát nhu cầu, lựa chọn đơn vị thí điểm, xây dựng chỉ báo trước can thiệp và đánh giá sau triển khai. Chỉ khi kết quả được ghi nhận minh bạch, có đối chiếu và có thể kiểm tra, nhà trường mới có cơ sở kết luận về hiệu quả và khả năng nhân rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
2. Phạm Văn Sơn (2009). *Tư vấn – Hướng nghiệp cho học sinh trung học: Sổ tay hướng nghiệp dành cho giáo viên và học sinh*. Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
4. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
7. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
8. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

XÂY DỰNG MÔ HÌNH HƯỚNG NGHIỆP TOÀN DIỆN VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH HIỆU QUẢ THÔNG QUA HỆ SINH THÁI CÔNG NGHỆ SỐ KẾT HỢP TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG THCS&THPT BA HÒN GIAI ĐOẠN 2026–2030

ThS. Huỳnh Thanh Hoàng
Trường THCS&THPT Ba Hòn, tỉnh An Giang
Email: huynhthanhhoangkg2021@gmail.com

Tóm tắt: *Bài tham luận chia sẻ mô hình hướng nghiệp tại Trường THCS&THPT Ba Hòn (An Giang) với hai trụ cột: (1) hệ sinh thái chuyển đổi số toàn trình, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và hai câu lạc bộ chuyển đổi số dành cho giáo viên và học sinh nhằm cá nhân hóa lộ trình hướng nghiệp; (2) chuỗi hoạt động trải nghiệm định kỳ theo từng khối, cấp học tại các địa chỉ đỏ, khu di tích lịch sử và các trường đại học. Năm học 2025–2026, nhà trường đạt tỷ lệ tốt nghiệp THPT 100%, tỷ lệ đậu đại học 89,3%, 24/30 giải học sinh giỏi cấp tỉnh và thuộc nhóm ba đơn vị dẫn đầu tỉnh về chuyển đổi số dạy học trên nền tảng KAV. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất năm nhóm giải pháp cho giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; phân luồng học sinh; chuyển đổi số; câu lạc bộ chuyển đổi số; hoạt động trải nghiệm*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đòi hỏi sự thay đổi căn bản trong tư duy tổ chức dạy học: từ truyền thụ kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực và định hướng nghề nghiệp cá nhân hóa cho học sinh (HS) [1]. Trong bối cảnh hiện nay, cả nước đang vươn mình trong kỷ nguyên số, đẩy mạnh công nghệ số và chuyển đổi số quốc gia trong tất cả các lĩnh vực sau khi đã sắp xếp, tinh gọn bộ máy và sáp nhập tỉnh. Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh An Giang đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh giao trọng trách là một trong những ngành dẫn đầu trong lĩnh vực chuyển đổi số.

Trường THCS&THPT Ba Hòn là cơ sở giáo dục liên cấp với quy mô 41 lớp và hơn 1.600 HS. Đặc thù mô hình liên cấp đòi hỏi nhà trường phải có chiến lược phân luồng đồng bộ: định hướng HS trung học cơ sở (THCS) tiếp cận sớm với các nhóm ngành nghề, kỹ năng số, đồng thời tư vấn chọn tổ hợp môn lựa chọn và hướng nghiệp bậc đại học, chọn ngành, chọn nghề và chọn trường đúng năng lực, sở trường và hoàn cảnh kinh tế của từng HS trung học phổ thông (THPT). Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, nhà trường đã phát huy triệt để hai thế mạnh cốt lõi: ứng dụng hạ tầng chuyển đổi số toàn trình kết hợp chuỗi hành trình trải nghiệm thực tế "Về nguồn tham quan các địa chỉ đỏ và các trường đại học".

Bài tham luận trình bày thực tiễn ứng dụng, bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp chiến lược giai đoạn 2026–2030, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phân luồng HS của tỉnh An Giang [2].

2. THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Nền tảng chuyển đổi số toàn trình và hoạt động của Câu lạc bộ Chuyển đổi số

Trường THCS&THPT Ba Hòn liên tục duy trì vị thế là 01 trong 03 đơn vị tốp đầu toàn tỉnh An Giang về chuyển đổi số dạy học trên nền tảng KAV. Sự thành công này dựa trên các thành tố sau:

- **Quản trị dữ liệu số và đánh giá năng lực cá nhân hóa:** nhà trường chuẩn hóa dữ liệu HS trên hệ thống VnEdu, VietSchool (điểm danh bằng nhận diện gương mặt), tích hợp học bạ số, chữ ký số VGCA, chữ ký số VNPT SmartCA và sổ đầu bài điện tử. Dữ liệu chuyên môn và điểm số được cập nhật liên tục giúp giáo viên (GV) chủ nhiệm và cán bộ, GV phụ trách công tác tư vấn tuyển sinh của trường hỗ trợ phân tích xu hướng học tập của từng em.
- **Mô hình Câu lạc bộ (CLB) Chuyển đổi số song hành (GV và HS):** nhà trường thành lập riêng 02 CLB Chuyển đổi số: CLB Chuyển đổi số Giáo viên và CLB Chuyển đổi số Học sinh.

CLB Chuyển đổi số Giáo viên đóng vai trò nòng cốt trong việc đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) (Roboki AI, ChatGPT, Gemini, Khan Academy/KAV…), số hóa ngân hàng câu hỏi (Intest, Azota) và thiết kế bài giảng tích hợp hướng nghiệp.

CLB Chuyển đổi số Học sinh huy động lực lượng đoàn viên, thanh niên nòng cốt vừa rèn luyện kỹ năng công nghệ thông tin, vừa tham gia các dự án số của trường. Đặc biệt, đội ngũ GV và HS trong CLB còn tích cực tham gia hỗ trợ Đảng ủy, UBND xã và các ấp trong công tác tích hợp định danh điện tử VNeID cho người dân trên địa bàn, được chính quyền địa phương ghi nhận và đánh giá rất cao.

Về cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động ngoài trời, nhà trường có hệ thống mái che di động khoảng 1.000 mét vuông phủ kín sân trường, tạo không gian sinh hoạt ngoại khóa, trải nghiệm và các hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ, sân khấu hóa trái buổi học chính khóa. Từ đó, giúp HS phát hiện được tố chất, năng khiếu của bản thân phù hợp với lĩnh vực gì để làm tiền đề lựa chọn tổ hợp môn. Bên cạnh đó, các em còn được trải nghiệm làm nông dân, ươm mầm, trồng khoai lang trong chậu xốp và tự thu hoạch sau 3 hoặc 6 tháng. Hơn nữa, các em còn được thử nghiệm làm kỹ sư nông nghiệp, chăm sóc các loại cây cảnh trong khuôn viên nhà trường để nghiên cứu sâu về các mầm bệnh trên thân cây, lá, gốc, thổ nhưỡng và cách điều trị, dưỡng sức cho cây sớm phục hồi. Qua đó, giúp các em yêu thích ngành nông lâm nghiệp nhiều hơn. Ngoài ra, Ban lãnh đạo và Ban Chấp hành Đoàn trường cũng thường xuyên chia sẻ, định hướng cho các em trong các tiết trải nghiệm hướng nghiệp tập trung theo từng khối 9 và 12 để giúp các em sớm định hướng bước tiếp học văn hóa hay chọn ngã rẽ học nghề.

2.2. Chuỗi hành trình trải nghiệm thực tế định kỳ "Về nguồn tham quan các địa chỉ đỏ và các trường đại học"

Không dừng lại ở lý thuyết trên lớp, nhà trường thiết lập chuỗi hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp mang tính quy chuẩn, xây dựng kế hoạch phân bổ khoa học theo từng cấp, khối học:

- **Cấp THCS (khối 6, 7, 8, 9):** tập trung giáo dục truyền thống lịch sử gắn với nhận thức nghề nghiệp thực địa. HS khối 8, 9 được tổ chức du khảo về nguồn tại Cần Thơ (Đền Hùng Cần Thơ, các khu trải nghiệm sinh thái); HS khối 6, 7 được quy hoạch trải nghiệm thực tế tại khu di tích lịch sử Lăng Bác Tôn – An Giang.

- **Cấp THPT (khối 10, 11, 12):** gắn liền giáo dục lịch sử "Địa chỉ đỏ" với hướng nghiệp bậc đại học, cao đẳng.

HS khối 12 tham gia hành trình trải nghiệm về nguồn tại Địa đạo Củ Chi, Bến Nhà Rồng, Dinh Độc Lập (TP. Hồ Chí Minh), kết hợp tham quan các trường đại học lớn (Trường Đại học Hồng Bàng, Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng) và tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên, giúp các em hình dung trực quan về môi trường đại học và ngành nghề công nghệ cao.

HS khối 10, 11 được tổ chức thăm Lăng cụ Nguyễn Sinh Sắc và Khu di tích Văn hóa phương Nam để các em được tái hiện cảnh nông dân trồng lúa nước và chiêm ngưỡng các pho tượng bằng đồng về các danh nhân có công mở mang bờ cõi đất phương Nam. Chuyến thực tế hướng nghiệp tại Đồng Tháp và các hoạt động vui chơi trong khu du lịch giúp các em rèn kỹ năng làm việc tập thể, tinh thần đoàn kết, năng động và sáng tạo hơn.

2.3. Minh chứng hiệu quả công tác giáo dục và phân luồng (năm học 2025–2026)

Nhờ sự kết hợp đồng bộ giữa chuyển đổi số và trải nghiệm thực tế, theo báo cáo của nhà trường [3], năm học 2025–2026 đã đạt những kết quả toàn diện:

- **Chất lượng đại trà và tốt nghiệp:** trường được Giám đốc Sở GDĐT khen thưởng là 01 trong 31 trường của tỉnh đạt tỷ lệ tốt nghiệp THPT 100% (trên tổng số 117 đơn vị toàn tỉnh). Tỷ lệ HS đậu đại học năm học 2025–2026 đạt 89,3%, tăng 7% so với năm học 2024–2025. Tình trạng HS lưu ban, bỏ học giảm đáng kể, dưới chỉ tiêu được giao.
- **Chất lượng mũi nhọn:** đạt 24/30 giải học sinh giỏi (HSG) cấp tỉnh (trong đó có 01 giải Nhất khối 12 được Sở GDĐT chọn vào đội tuyển tham dự Kỳ thi HSG quốc gia – em L.M.K.); đạt 02 giải khoa học kỹ thuật cấp tỉnh (01 giải Nhì, 01 giải Khuyến khích).
- **Giáo dục chính trị và pháp luật:** đạt 07/08 giải cao nhất trong Hội thi tìm hiểu Nghị quyết 35 do Đảng ủy xã tổ chức; có 01 Phó Hiệu trưởng, 01 GV và 01 HS được Sở GDĐT chọn bài tham gia dự thi cấp Bộ về tìm hiểu pháp luật phòng, chống ma túy cho HS các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và Hội thi chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục phòng, chống ma túy cho cán bộ quản lý, GV phổ thông.
- **Tạo đà bứt phá hạ tầng:** ngày 14/10/2026, UBND tỉnh đã thông qua dự án đầu tư xây dựng mới trường với tổng số vốn hơn 85 tỷ đồng giai đoạn 2026–2030, mở ra bước phát triển hiện đại hóa toàn diện cho nhà trường.

3. HỆ THỐNG GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ GIAI ĐOẠN 2026–2030

Từ thực tiễn thành công, Trường THCS&THPT Ba Hòn đề xuất 5 nhóm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng hướng nghiệp và phân luồng HS giai đoạn 2026–2030.

3.1. Giải pháp 1: Phát huy tối đa vai trò của CLB Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa

Tiếp tục duy trì và nhân rộng hiệu quả của 02 CLB Chuyển đổi số (GV và HS). Đưa các công cụ AI và nền tảng trắc nghiệm nghề nghiệp số hóa vào chương trình sinh hoạt CLB và giờ Hoạt động trải nghiệm.

Xây dựng "Hồ sơ năng lực và định hướng nghề nghiệp số" cho từng HS từ lớp 6 đến lớp 12 trên nền tảng VnEdu/VietSchool, giúp theo dõi sự biến chuyển về sở thích, năng lực học tập qua từng năm để tư vấn phân luồng chính xác, phù hợp với tiến trình phát triển nghề nghiệp theo giai đoạn của người học [4].

3.2. Giải pháp 2: Chuẩn hóa quy trình "Số hóa kết hợp thực địa" trong tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

- Xây dựng kế hoạch du khảo về nguồn và tham quan đại học định kỳ thành khung chương trình cố định hằng năm: khối 6–7 đi Long Xuyên; khối 8–9 đi Cần Thơ; khối 10–11 đi Đồng Tháp; khối 12 đi TP. Hồ Chí Minh.
- Trước mỗi chuyến đi, HS tìm hiểu thông tin qua các tour tham quan ảo (virtual tour) và cơ sở dữ liệu số về ngành nghề.
- Sau chuyến đi, HS thực hiện các báo cáo thu hoạch dạng số (video, infographic, slide bài trình bày) đăng tải lên nền tảng số của trường.

3.3. Giải pháp 3: Tăng cường mô hình liên kết "Nhà trường – Cơ sở đào tạo/Đại học – Doanh nghiệp"

- Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề trong và ngoài tỉnh An Giang tổ chức các ngày hội "Trải nghiệm làm sinh viên/học nghề".
- Mời các doanh nghiệp, cựu HS thành đạt tham gia các buổi tọa đàm tư vấn chọn ngành, chọn nghề, giúp HS THPT hiểu rõ nhu cầu của thị trường lao động giai đoạn 2026–2030; các hoạt động gặp gỡ người làm nghề và trải nghiệm môi trường làm việc được xem là có tác động tích cực đến sự sẵn sàng nghề nghiệp của HS [5].

3.4. Giải pháp 4: Đẩy mạnh công tác tư vấn phân luồng và đồng hành cùng cha mẹ học sinh

- Phát huy sức mạnh của Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS) trong việc thay đổi nhận thức về học nghề và phân luồng sau THCS, THPT.
- Sử dụng kênh kết nối số (Zalo nhóm lớp, ứng dụng VnEdu Connect) để gửi các bản tin hướng nghiệp, thông tin dự báo nhân lực đến phụ huynh, tránh tình trạng định hướng nghề nghiệp cảm tính hoặc gây áp lực quá tải lên HS.

3.5. Giải pháp 5: Gắn công tác hướng nghiệp với an sinh xã hội và chăm lo học sinh yếu thế

- Đổi mới công tác tư vấn hướng nghiệp hướng đến đối tượng HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền địa phương, các mạnh thường quân và vận động các cơ quan báo đài (như phối hợp xây nhà đại đoàn kết cho HS nghèo lớp 6, vận động hỗ trợ sửa nhà cho HS đội tuyển quốc gia L.M.K.) để tạo điều kiện nâng bước cho các em tiếp tục con đường học tập hoặc học nghề phù hợp.

4. KẾT LUẬN

Mô hình "Chuyển đổi số toàn trình kết hợp Hoạt động trải nghiệm về nguồn và định hướng đại học thực tế" tại Trường THCS&THPT Ba Hòn là minh chứng sinh động cho việc đổi mới sáng tạo trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS. Việc chủ động thành lập CLB Chuyển đổi số cho

cả GV và HS, ứng dụng công cụ số hiện đại song song với việc tổ chức các chuyến hành trình thực tế hằng năm đã giúp HS phát triển toàn diện cả về lòng yêu nước, kỹ năng số và năng lực tự định hướng tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (Chương trình tổng thể)*.
2. Ban Tổ chức Hội thảo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
3. Trường THCS&THPT Ba Hòn (2026). *Báo cáo hoạt động nhà trường năm học 2025–2026 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2026–2027 tại Hội nghị cha mẹ học sinh*.
4. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
5. Covacevich, C., Mann, A., Besa, F., Diaz, J., & Santos, C. (2021). *Thinking about the future: Career readiness insights from national longitudinal surveys and from practice* (OECD Education Working Papers No. 248). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/02a419de-en

HỖ TRỢ HỌC SINH YẾU THẾ LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG TẠI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

CN. Nguyễn Ngọc Thắm

Trường THPT Thoại Ngọc Hầu, tỉnh An Giang

Email: thamnn.c3tnh@gmail.com

Tóm tắt: *Bài tham luận đánh giá việc hỗ trợ học sinh yếu thế lựa chọn nghề nghiệp trong hướng nghiệp, phân luồng tại An Giang và đề xuất giải pháp giai đoạn 2026–2030. Dựa trên cách tiếp cận năng lực của Sen, lý thuyết của Super, lý thuyết nhận thức xã hội về nghề nghiệp, Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT và số liệu tuyển sinh năm học 2025–2026, tác giả chỉ ra 91,71% học sinh lớp 9 đăng ký dự tuyển lớp 10 THPT so với mục tiêu phân luồng 70%, khoảng 8,29% không đăng ký, trong khi chưa có dữ liệu riêng cho học sinh yếu thế. Bài đề xuất tám giải pháp theo ba hướng: dữ liệu nền và hồ sơ hướng nghiệp cá nhân; tư vấn phân hóa, trải nghiệm nghề, kết nối nguồn lực; liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và theo dõi sau phân luồng, trọng tâm là mô hình "Một học sinh cần hỗ trợ – Một người đồng hành hướng nghiệp".*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng; học sinh yếu thế; giáo dục nghề nghiệp; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hướng nghiệp và phân luồng là khâu then chốt để gắn giáo dục phổ thông với nhu cầu nhân lực, nhưng hiệu quả không đồng đều giữa các nhóm học sinh. Học sinh yếu thế (hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, khuyết tật, ở vùng biên giới, hải đảo, nông thôn xa) có ít thông tin và ít người đồng hành hơn, nên dễ theo học trung học phổ thông (THPT) theo số đông rồi bỏ dở, hoặc rời nhà trường sớm để lao động giản đơn khi chưa có nghề. Cả hai đều làm tăng nguy cơ nghèo kéo dài và lãng phí nguồn nhân lực địa phương.

Năm học 2026–2027 là năm đầu tiên triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025; Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT yêu cầu bảo đảm công bằng và cơ hội tiếp cận cho người học vùng khó khăn, người khuyết tật và nhóm yếu thế [1], và dự thảo Nghị định đặt mục tiêu 100% học sinh trung học cơ sở (THCS), THPT được tiếp cận hướng nghiệp. An Giang có địa bàn rộng, gồm đồng bằng, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo, và từ năm học 2026–2027 đang đổi mới theo hướng xây dựng dữ liệu, bản đồ hướng nghiệp và theo dõi kết quả đầu ra [2]. Đây là thời điểm thuận lợi để đưa yếu tố công bằng vào thiết kế ngay từ đầu.

Học sinh yếu thế là học sinh khó khăn về kinh tế (hộ nghèo, cận nghèo, mồ côi, cha mẹ làm ăn xa), điều kiện tiếp cận (vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo), văn hóa – ngôn ngữ (dân tộc thiểu số) hoặc thể chất, trí tuệ (khuyết tật); một em có thể thuộc nhiều nhóm. Hướng nghiệp là quá trình giúp học sinh hiểu bản thân, hiểu thế giới nghề và ra quyết định; phân luồng là định hướng lộ trình sau THCS, THPT, không mang tính ép buộc [3].

Bài tham luận dựa trên ba cách tiếp cận. Cách tiếp cận năng lực của Sen cho rằng tự do thực

chất là có khả năng thực hiện lựa chọn, không chỉ có quyền trên giấy [4]; vì vậy hỗ trợ học sinh yếu thế là biến nguồn lực (thông tin, tiền, hạ tầng, người đồng hành) thành tự do lựa chọn. Lý thuyết của Super xem chọn nghề là quá trình nhiều giai đoạn, trong đó THCS là giai đoạn khám phá, đòi hỏi hướng nghiệp sớm và liên tục [5]. Lý thuyết nhận thức xã hội về nghề nghiệp của Lent, Brown và Hackett nhấn mạnh sự tự tin, kỳ vọng kết quả, rào cản và hỗ trợ từ môi trường [6], làm cơ sở cho các giải pháp trải nghiệm nghề, người đồng hành và gỡ rào cản.

2. THỰC TRẠNG

2.1. Kết quả đạt được

Theo Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) An Giang, tỉnh đặt mục tiêu 70% học sinh tốt nghiệp THCS vào cơ sở có cấp THPT và 30% chọn giáo dục nghề nghiệp (GDNN), giáo dục thường xuyên (GDTX), trung học nghề hoặc hướng khác trong tuyển sinh năm học 2025–2026. Từ năm học 2026–2027, ngành đổi mới theo Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục [1]: xây dựng dữ liệu và bản đồ hướng nghiệp theo nhu cầu nhân lực 2026–2030, để học sinh nhìn thấy và trải nghiệm nghề, và theo dõi kết quả đầu ra thay cho tỷ lệ tuyển sinh. Đây là nền tảng thuận lợi để lồng ghép yếu tố công bằng. Số liệu tuyển sinh năm học 2025–2026 cho thấy: học sinh lớp 9 toàn tỉnh là 52.064 em, đăng ký dự tuyển vào lớp 10 THPT là 47.750 em (91,71%), trúng tuyển lớp 10 công lập hơn 35.000 em; mục tiêu phân luồng đặt ra: 70% vào THPT – 30% các hướng khác. Từ các số liệu này có thể rút ra bốn nhận xét:

- **Xu hướng lựa chọn vào lớp 10 THPT vẫn chiếm tỷ lệ cao.** Tỷ lệ đăng ký dự tuyển lớp 10 đạt 91,71%, cao hơn 21,71 điểm phần trăm so với mục tiêu 70% vào các cơ sở có cấp THPT. Khoảng cách này cho thấy định hướng phân luồng và lựa chọn thực tế của học sinh, phụ huynh còn có sự khác biệt. Đây là vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn, nhất là về nhận thức xã hội, chất lượng tư vấn và sức hấp dẫn của các lộ trình GDNN.
- **Vẫn còn một bộ phận học sinh không đăng ký dự tuyển lớp 10 THPT.** Lấy tổng số học sinh lớp 9 trừ số đăng ký dự tuyển, có 4.314 em không đăng ký theo phương thức này, tương đương khoảng 8,29%. Tuy nhiên, không thể đồng nhất nhóm học sinh này với học sinh bỏ học. Các em có thể lựa chọn học nghề, học GDTX, học tại cơ sở ngoài công lập hoặc có những hướng đi khác. Muốn đánh giá chính xác cần có dữ liệu theo dõi sau khi các em hoàn thành chương trình THCS.
- **Số học sinh đăng ký dự tuyển không đồng nghĩa với số học sinh được tiếp nhận vào trường công lập.** Thông tin "hơn 35.000 học sinh trúng tuyển" cho thấy nhu cầu và khả năng tiếp nhận của hệ thống trường công lập cần được xem xét trong tổng thể các lựa chọn sau THCS.
- **Số liệu chung chưa phản ánh được mức độ công bằng trong tiếp cận cơ hội.** Các số liệu tuyển sinh hiện có chưa cho biết cụ thể tỷ lệ học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật hoặc học sinh ở địa bàn khó khăn lựa chọn từng lộ trình như thế nào. Vì vậy, chưa thể kết luận nhóm nào đang chịu bất lợi lớn nhất, cũng chưa thể đánh giá chính xác hiệu quả phân luồng đối với học sinh yếu thế.

Khoảng trống dữ liệu này cho thấy cần bổ sung việc thống kê theo nhóm đối tượng và theo

dõi quá trình học tập sau phân luồng. Nếu chỉ đánh giá bằng tỷ lệ đăng ký hoặc trúng tuyển, ngành Giáo dục sẽ khó nhận diện được học sinh nào đã lựa chọn chủ động, học sinh nào phải thay đổi nguyện vọng vì hoàn cảnh và học sinh nào có nguy cơ rời khỏi hệ thống giáo dục.

2.2. Hạn chế, khó khăn

- **Nhận thức:** tâm lý nghiêng về THPT – đại học, phụ huynh ít chủ động phân luồng; ở nhóm yếu thế có thêm hai thái cực: kỳ vọng "đổi đời bằng bằng cấp" hoặc coi học nghề là con đường của người "kém hơn".
- **Đội ngũ, nội dung:** giáo viên hướng nghiệp chủ yếu kiêm nhiệm, tập trung vào học sinh cuối cấp để chọn nguyện vọng [7]; ít được bồi dưỡng tư vấn cho học sinh khuyết tật, dân tộc thiểu số; chưa có chương trình trải nghiệm riêng cho nhóm yếu thế.
- **Liên kết:** nhà trường – cơ sở đào tạo nghề – doanh nghiệp chưa đủ mạnh, chưa gắn nhu cầu nhân lực địa phương; doanh nghiệp thiếu cơ chế khuyến khích nhận học sinh yếu thế.
- **Rào cản của nhóm yếu thế (giả thuyết cần khảo sát):** chi phí học và sinh hoạt, khoảng cách, thiếu thông tin về học bổng và chính sách, rào cản ngôn ngữ, điều kiện học cho người khuyết tật, áp lực kiếm sống sớm.
- **Dữ liệu:** chưa có số liệu riêng và chưa theo dõi sau phân luồng.

2.3. Nguyên nhân

Các hạn chế trên bắt nguồn từ bốn nhóm nguyên nhân liên quan nhau: (1) nhận thức, văn hóa: học nghề bị xem là "con đường thứ hai"; (2) cơ chế, thời điểm: hướng nghiệp dồn vào cuối lớp 9, thiên về chọn nguyện vọng, chỉ tiêu giao chung, không có cơ chế riêng cho nhóm yếu thế; (3) nguồn lực: đội ngũ kiêm nhiệm, cơ sở đào tạo nghề phân bố chưa đều trên địa bàn rộng nên chi phí đi lại, ở trọ là rào cản thực tế; (4) dữ liệu, đánh giá: không biết ai đã bỏ lỡ lựa chọn, chỉ đánh giá theo tỷ lệ tuyển sinh. Kinh nghiệm nơi khác cũng cho thấy chỉ tiêu khó đạt nếu thiếu hướng nghiệp thực chất và động lực cho người học [8]. Các giải pháp ở mục 3.2 tác động tương ứng vào từng nhóm nguyên nhân.

3. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030

3.1. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: mọi học sinh yếu thế được tiếp cận dịch vụ hướng nghiệp thực chất và có lộ trình học tập, nghề nghiệp phù hợp sau THCS, THPT.

Mục tiêu cụ thể: 100% học sinh yếu thế lớp 8–9 và lớp 11–12 được tư vấn cá nhân ít nhất một lần mỗi năm học. 100% học sinh khuyết tật có kế hoạch hướng nghiệp riêng, phù hợp dạng và mức độ khuyết tật. Tăng tỷ lệ học sinh yếu thế tiếp tục học (THPT, GDNN, GDTX) và giảm tỷ lệ bỏ học sau THCS; đặt chỉ tiêu tăng tối thiểu theo từng năm, theo số liệu nền. Hình thành cơ chế theo dõi 100% học sinh yếu thế sau phân luồng ít nhất 12–24 tháng.

3.2. Hệ thống giải pháp

Giải pháp 1. Xây dựng dữ liệu nền và hồ sơ hướng nghiệp theo nhu cầu của học sinh

Trước hết, cần rà soát, thống kê học sinh có nhu cầu hỗ trợ hướng nghiệp theo từng trường, địa bàn và nhóm khó khăn. Thông tin cần thiết có thể gồm: điều kiện kinh tế, khoảng cách đến cơ sở đào

tạo, nhu cầu hỗ trợ học tập, nguyện vọng sau tốt nghiệp và những trở ngại mà học sinh đang gặp phải. Trên cơ sở đó, nhà trường xây dựng hồ sơ hướng nghiệp cá nhân với những nội dung cơ bản: sở thích, điểm mạnh, năng lực học tập, điều kiện gia đình, dự định nghề nghiệp, các lộ trình có thể lựa chọn và những hỗ trợ cần thiết. Hồ sơ được cập nhật theo từng năm học, không sử dụng để gắn nhãn hoặc hạn chế cơ hội của học sinh. Đối với dữ liệu có liên quan đến hoàn cảnh gia đình, sức khỏe hoặc tình trạng khuyết tật, việc thu thập và sử dụng phải đúng mục đích, bảo đảm quyền riêng tư, phân quyền tiếp cận và tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Không nên công khai danh sách học sinh yếu thế trong các hoạt động truyền thông hoặc thi đua.

Kết quả cần đạt: Có số liệu nền phục vụ xây dựng chính sách; học sinh cần hỗ trợ được nhận diện và có thông tin ban đầu để tổ chức tư vấn phù hợp.

Giải pháp 2. Triển khai mô hình "Một học sinh cần hỗ trợ – Một người đồng hành hướng nghiệp"

Đây là giải pháp có thể triển khai ngay ở cấp trường, không đòi hỏi phải thành lập thêm bộ phận chuyên trách hoặc bố trí một giáo viên riêng cho từng học sinh. Mỗi học sinh cần hỗ trợ được xác định một đầu mối đồng hành, thường là giáo viên chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm nắm bắt hoàn cảnh, nguyện vọng, những khó khăn trong học tập và dự định sau tốt nghiệp. Giáo viên phụ trách hướng nghiệp hỗ trợ thông tin về ngành nghề, cơ sở đào tạo, điều kiện tuyển sinh, chi phí học tập và khả năng việc làm. Khi cần thiết, nhà trường huy động cán bộ tư vấn tâm lý, Đoàn Thanh niên, cha mẹ học sinh, cựu học sinh, cơ sở GDNN hoặc doanh nghiệp tham gia hỗ trợ.

Quy trình thực hiện gồm năm bước:

1. **Tìm hiểu:** Giáo viên chủ nhiệm trao đổi trực tiếp với học sinh để nắm bắt hoàn cảnh, sở thích, năng lực và nguyện vọng.
2. **Cung cấp thông tin:** Giáo viên phụ trách hướng nghiệp giới thiệu các lộ trình phù hợp, làm rõ điều kiện học tập, chi phí, thời gian đào tạo và cơ hội phát triển.
3. **Kết nối:** Khi học sinh cần hỗ trợ sâu hơn, nhà trường kết nối với gia đình, cơ sở đào tạo, tổ chức xã hội hoặc nguồn lực hỗ trợ phù hợp.
4. **Xây dựng phương án:** Học sinh được hướng dẫn xác định phương án dự kiến và những việc cần chuẩn bị để thực hiện lựa chọn.
5. **Theo dõi, điều chỉnh:** Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục trao đổi, hỗ trợ khi hoàn cảnh gia đình hoặc nguyện vọng của học sinh thay đổi.

Điểm quan trọng của mô hình là không quyết định thay học sinh. Giáo viên đóng vai trò cung cấp thông tin, kết nối nguồn lực và đồng hành; học sinh và gia đình được tôn trọng trong quá trình lựa chọn.

Kết quả cần đạt: Học sinh cần hỗ trợ có người đồng hành cụ thể, được tư vấn sát với hoàn cảnh và hạn chế tình trạng chỉ được cung cấp thông tin chung nhưng không biết cách thực hiện lựa chọn.

Giải pháp 3. Đổi mới tư vấn theo hướng phân hóa, phù hợp với từng nhóm học sinh

Không nên áp dụng một nội dung tư vấn giống nhau cho tất cả học sinh yếu thế. Nhà trường cần căn cứ vào khó khăn thực tế để lựa chọn hình thức hỗ trợ:

- Đối với học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cần ưu tiên cung cấp thông tin về học phí, học bổng, chính sách hỗ trợ, điều kiện nội trú, chi phí đi lại và các phương án học tập phù hợp với khả năng tài chính của gia đình.
- Đối với học sinh dân tộc thiểu số, cần chú ý cách diễn đạt dễ hiểu, tăng cường sự tham gia của gia đình và người có uy tín trong cộng đồng khi phù hợp; thông tin nghề nghiệp nên gắn với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của địa phương nhưng không giới hạn lựa chọn của học sinh vào một số nghề nhất định.
- Đối với học sinh khuyết tật, cần tổ chức tư vấn trên cơ sở đánh giá khả năng, nhu cầu hỗ trợ và điều kiện tiếp cận của từng em; phối hợp với gia đình, chuyên gia hoặc tổ chức có chuyên môn khi cần thiết.
- Đối với học sinh ở địa bàn xa trung tâm, cần tăng cường tư vấn trực tuyến, tổ chức hoạt động trải nghiệm lưu động và hỗ trợ kết nối với cơ sở đào tạo phù hợp.
- Đối với học sinh có nguy cơ bỏ học hoặc thiếu tự tin trong học tập, cần kết hợp tư vấn nghề nghiệp với hỗ trợ tâm lý, giáo dục kỹ năng và giúp các em nhận ra những khả năng có thể phát triển.

Kết quả cần đạt: Nội dung tư vấn phù hợp hơn với nhu cầu của từng nhóm, tránh tư vấn hình thức hoặc định hướng nghề nghiệp dựa trên định kiến.

Giải pháp 4. Tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp gắn với điều kiện thực tế của địa phương

Thông tin nghề nghiệp sẽ khó tạo chuyển biến nếu học sinh chỉ tiếp nhận qua bài giảng hoặc tài liệu giới thiệu. Vì vậy, cần tạo điều kiện để các em được quan sát, tìm hiểu và trực tiếp trải nghiệm những hoạt động nghề nghiệp phù hợp. Các trường có thể phối hợp với trung tâm GDNN – GDTX, trường cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề, hợp tác xã, cơ sở sản xuất và doanh nghiệp để tổ chức các buổi giới thiệu nghề, tham quan, thực hành trải nghiệm hoặc giao lưu với người lao động có kinh nghiệm. Nội dung trải nghiệm cần gắn với đặc điểm kinh tế của An Giang và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, như nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật, nuôi trồng và chế biến thủy sản, cơ khí phục vụ sản xuất, thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghệ thông tin và các ngành nghề khác có nhu cầu nhân lực. Đối với trường ở vùng xa, có thể tổ chức các mô-đun trải nghiệm ngắn ngay tại trường, kết hợp tư vấn trực tuyến hoặc đưa học sinh đến cơ sở đào tạo theo cụm trường. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn cần được quan tâm về phương tiện đi lại và điều kiện tham gia. Hoạt động trải nghiệm phải giúp học sinh hiểu cả yêu cầu, điều kiện lao động, cơ hội phát triển và những khó khăn của nghề, tránh chỉ giới thiệu mặt tích cực hoặc quảng bá tuyển sinh một chiều.

Kết quả cần đạt: Học sinh có cơ hội tiếp xúc với môi trường nghề nghiệp thực tế, hiểu rõ hơn mối liên hệ giữa năng lực bản thân, yêu cầu nghề và cơ hội việc làm.

Giải pháp 5. Kết nối nguồn lực hỗ trợ tài chính và điều kiện học tập

Đối với học sinh yếu thế, thông tin về chính sách hỗ trợ cần được cung cấp kịp thời, dễ hiểu và gắn với từng trường hợp cụ thể. Nhà trường cần phối hợp với cơ quan chức năng rà soát các chính sách hiện hành liên quan đến học phí, học bổng, hỗ trợ học tập, tín dụng học sinh, sinh viên và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác. Thay vì chỉ thông báo chính sách chung, giáo viên chủ nhiệm và bộ phận tư vấn cần hướng dẫn học sinh, phụ huynh về điều kiện thụ hưởng, hồ sơ, thời gian thực hiện và nơi liên hệ. Có thể tổ chức một đầu mối tư vấn tại các buổi tư vấn tuyển sinh để hỗ trợ học

sinh hoàn thiện thủ tục. Bên cạnh nguồn ngân sách theo quy định, nhà trường có thể vận động quỹ khuyến học, cựu học sinh, tổ chức xã hội và doanh nghiệp hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập, dụng cụ thực hành hoặc chi phí đi lại. Việc vận động và phân bổ phải công khai, đúng đối tượng, không làm phát sinh nghĩa vụ hoặc sự phụ thuộc của người học.

Kết quả cần đạt: Học sinh và gia đình biết rõ những nguồn lực có thể tiếp cận; giảm nguy cơ từ bỏ lựa chọn học tập chỉ vì thiếu thông tin hoặc chưa biết cách thực hiện thủ tục hỗ trợ.

Giải pháp 6. Bồi dưỡng đội ngũ và phát triển mạng lưới tư vấn hướng nghiệp

Giáo viên chủ nhiệm là lực lượng gần gũi với học sinh, nhưng không thể một mình đảm nhiệm toàn bộ hoạt động tư vấn nghề nghiệp. Do đó, cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách hướng nghiệp, cán bộ tư vấn tâm lý và các lực lượng liên quan. Nội dung bồi dưỡng nên tập trung vào kỹ năng tìm hiểu nhu cầu học sinh, tư vấn lựa chọn lộ trình, khai thác thông tin nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật; đồng thời hướng dẫn giáo viên cách kết nối các nguồn hỗ trợ. Nhà trường có thể phát triển mạng lưới người đồng hành từ cựu học sinh, người lao động có tay nghề, nghệ nhân, doanh nhân, cán bộ kỹ thuật và đại diện cơ sở đào tạo. Những người này có thể chia sẻ kinh nghiệm học tập, làm nghề và vượt qua khó khăn, giúp học sinh có thêm hình dung thực tế về con đường nghề nghiệp.

Kết quả cần đạt: Nâng cao năng lực tư vấn của đội ngũ và mở rộng nguồn thông tin, hỗ trợ nghề nghiệp cho học sinh.

Giải pháp 7. Tăng cường liên kết giữa nhà trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp

Cần chuyển quan hệ phối hợp từ việc chủ yếu giới thiệu tuyển sinh sang hợp tác có nội dung và trách nhiệm cụ thể. Các bên có thể xây dựng thỏa thuận phối hợp theo nhóm ngành nghề hoặc cụm địa bàn, trong đó xác định rõ nội dung cung cấp thông tin, tổ chức trải nghiệm, tư vấn tuyển sinh, hỗ trợ học sinh khó khăn và kết nối thực tập khi đủ điều kiện. Đối với doanh nghiệp, có thể khuyến khích tham gia giới thiệu yêu cầu nghề nghiệp, hỗ trợ thiết bị trải nghiệm, trao học bổng hoặc tạo điều kiện cho học sinh tham quan môi trường làm việc [9]. Đối với cơ sở GDNN, cần công khai thông tin về chương trình, điều kiện tuyển sinh, thời gian đào tạo, chi phí, khả năng học liên thông và triển vọng việc làm. Các thỏa thuận cần có nội dung theo dõi và đánh giá cụ thể, nhưng không nên cam kết chắc chắn việc làm hoặc tuyển dụng khi chưa có căn cứ. Mục tiêu là mở rộng cơ hội tiếp cận và tạo cầu nối giữa quá trình học tập với môi trường lao động.

Kết quả cần đạt: Tăng cơ hội trải nghiệm, thực hành và tiếp cận thông tin việc làm; giúp học sinh hiểu rõ hơn mối liên hệ giữa lựa chọn học tập và nhu cầu nhân lực.

Giải pháp 8. Theo dõi kết quả sau phân luồng và hỗ trợ học sinh điều chỉnh lộ trình

Một trong những hạn chế của công tác phân luồng là hoạt động hỗ trợ thường tập trung trước thời điểm học sinh tốt nghiệp hoặc đăng ký tuyển sinh, trong khi quá trình học tập sau đó chưa được theo dõi đầy đủ. Vì vậy, cần từng bước xây dựng cơ chế theo dõi học sinh sau phân luồng tại các mốc phù hợp, chẳng hạn 6 tháng, 12 tháng và 24 tháng. Nội dung theo dõi tập trung vào tình trạng học tập, việc hoàn thành chương trình, khó khăn phát sinh và nhu cầu hỗ trợ tiếp theo. Việc theo dõi cần được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa nhà trường cũ, cơ sở giáo dục tiếp nhận và gia đình;

bảo đảm mục đích hỗ trợ, tôn trọng quyền riêng tư và không tạo thêm thủ tục không cần thiết cho học sinh. Kết quả theo dõi là căn cứ để đánh giá chất lượng hướng nghiệp, phát hiện trường hợp bỏ học hoặc chuyển hướng ngoài dự kiến, từ đó có giải pháp hỗ trợ quay lại học tập hoặc tìm kiếm lộ trình phù hợp hơn.

Kết quả cần đạt: Từng bước chuyển đánh giá phân luồng từ số lượng đăng ký ban đầu sang khả năng duy trì học tập và phát triển nghề nghiệp của người học.

3.3. Lộ trình triển khai

- **Giai đoạn 2026–2027: Rà soát và thí điểm.** Tập trung xây dựng số liệu nền về học sinh cần hỗ trợ; thống nhất tiêu chí nhận diện, mẫu hồ sơ hướng nghiệp cá nhân và quy trình phối hợp. Lựa chọn một số trường đại diện cho các điều kiện địa bàn khác nhau để thí điểm mô hình "Một học sinh cần hỗ trợ – Một người đồng hành hướng nghiệp".
- **Giai đoạn 2027–2028: Đánh giá và nhân rộng.** Trên cơ sở kết quả thí điểm, điều chỉnh quy trình, bồi dưỡng đội ngũ, mở rộng hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp và kết nối với cơ sở GDNN, doanh nghiệp. Từng bước hình thành cơ chế cập nhật dữ liệu và theo dõi học sinh sau phân luồng.
- **Giai đoạn 2028–2030: Hoàn thiện và đánh giá kết quả.** Tiếp tục nhân rộng những cách làm hiệu quả; đánh giá mức độ tiếp cận hoạt động hướng nghiệp, khả năng duy trì học tập và kết quả hỗ trợ học sinh yếu thế. Sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh chính sách, xác định nhiệm vụ cho giai đoạn tiếp theo.

3.4. Điều kiện bảo đảm và những vấn đề cần lưu ý

Để các giải pháp có thể triển khai, cần lồng ghép nguồn lực từ ngân sách giáo dục, các chương trình và chính sách hỗ trợ người học đang thực hiện, đồng thời huy động sự tham gia tự nguyện, phù hợp của doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cựu học sinh. Kinh phí cụ thể cần được tính toán trên cơ sở quy mô thí điểm, điều kiện từng địa bàn và khả năng cân đối ngân sách.

Trong quá trình thực hiện cần chú ý ba yêu cầu:

- **Không gắn nhãn học sinh yếu thế.** Việc rà soát nhằm xác định nhu cầu hỗ trợ, không phải để phân biệt đối xử hoặc hạn chế cơ hội học tập.
- **Không đồng nhất hỗ trợ học sinh yếu thế với việc vận động các em vào học nghề.** Mọi lộ trình cần được giới thiệu khách quan, đầy đủ; lựa chọn cuối cùng phải phù hợp với năng lực, nguyện vọng và điều kiện của học sinh.
- **Không đánh giá hiệu quả chỉ bằng số lượng học sinh được tư vấn hoặc số thỏa thuận được ký kết.** Cần quan tâm đến chất lượng tư vấn, mức độ học sinh hiểu và thực hiện được lựa chọn, khả năng tiếp tục học tập và sự phù hợp của lộ trình sau phân luồng.

4. KẾT LUẬN

Hướng nghiệp và phân luồng là quá trình giúp học sinh lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp, không phải hoạt động nhằm đưa người học vào một hướng đi cố định. Đối với học sinh yếu thế, yêu cầu này càng cần được quan tâm bởi hoàn cảnh kinh tế, điều kiện địa lý, đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ hoặc khuyết tật có thể ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận thông tin và thực

hiện lựa chọn.

Từ cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn nhà trường, tham luận đề xuất tám giải pháp tập trung vào ba hướng: hoàn thiện dữ liệu và hồ sơ hướng nghiệp cá nhân; tăng cường tư vấn, trải nghiệm và hỗ trợ theo nhu cầu; phát triển liên kết và theo dõi kết quả sau phân luồng. Trong đó, mô hình "Một học sinh cần hỗ trợ – Một người đồng hành hướng nghiệp" là cách làm có thể triển khai ngay tại cơ sở giáo dục, tận dụng lực lượng hiện có và hướng hoạt động tư vấn đến từng học sinh cụ thể.

Do chưa có khảo sát diện rộng, các nhận định về rào cản của từng nhóm học sinh cần tiếp tục được kiểm chứng bằng dữ liệu thực tế. Đây cũng là nhiệm vụ cần thực hiện trong giai đoạn đầu của kế hoạch hướng nghiệp, phân luồng 2026–2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
2. Yến Phương (2026, 26 tháng 10). An Giang đổi mới hướng nghiệp, mở rộng cơ hội học nghề cho học sinh. *Báo Giáo dục và Thời đại*.
3. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
4. Sen, A. (1999). *Development as freedom*. Oxford University Press.
5. Super, D. E. (1980). A life-span, life-space approach to career development. *Journal of Vocational Behavior, 16*(3), 282–298.
6. Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance. *Journal of Vocational Behavior, 45*(1), 79–122.
7. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
8. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
9. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

NÂNG CAO HIỆU QUẢ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH THUẬN THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ GẮN KẾT NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH – XÃ HỘI

Thái Trường Giang

Trường THCS&THPT Vĩnh Thuận, tỉnh An Giang

Email: ttgiang.c23vinhthuan@gmail.com

Tóm tắt: *Hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học có vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh nhận diện năng lực, sở thích, điều kiện bản thân và lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp. Từ thực tiễn tại Trường THCS&THPT Vĩnh Thuận – một trường liên cấp mới thành lập năm 2026, đang từng bước ổn định tổ chức và điều kiện dạy học – tham luận phân tích kết quả phân luồng sau lớp 9, những thuận lợi và khó khăn trong công tác tư vấn hướng nghiệp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp: xây dựng mô hình hướng nghiệp liên tục toàn cấp học; tư vấn lấy năng lực và nhu cầu của học sinh làm trung tâm; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; tích hợp hướng nghiệp vào môn học; phát huy Tổ tư vấn tâm lý học đường; đẩy mạnh chuyển đổi số. Các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả phân luồng và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; tư vấn học đường; phát triển năng lực; phối hợp nhà trường – gia đình – xã hội*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học có vai trò quan trọng trong định hướng học tập, lựa chọn nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực [1]. Trước yêu cầu của thị trường lao động, giáo dục cần giúp học sinh phát triển năng lực thích ứng, tự học và chủ động lựa chọn tương lai. Tuy nhiên, nhiều em chưa hiểu rõ năng lực, sở thích của bản thân; gia đình còn thiếu thông tin về ngành nghề và cơ hội việc làm. Vì vậy, cần đổi mới công tác hướng nghiệp theo hướng liên tục, cá nhân hóa, dựa trên năng lực, sở thích và điều kiện thực tế của học sinh, đồng thời tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Đối với Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông (THCS&THPT) Vĩnh Thuận, việc triển khai công tác hướng nghiệp và phân luồng có những đặc điểm riêng. Nhà trường được thành lập năm 2026 trên cơ sở tổ chức lại Trường THCS Vĩnh Thuận, hoạt động theo mô hình liên cấp THCS&THPT. Đây vừa là điều kiện thuận lợi để xây dựng quy trình hướng nghiệp xuyên suốt trong quá trình học tập, vừa đặt ra yêu cầu phải chủ động khắc phục những khó khăn ban đầu về cơ sở vật chất, không gian tổ chức hoạt động và kinh nghiệm triển khai.

Xuất phát từ yêu cầu đó, Trường THCS&THPT Vĩnh Thuận lựa chọn nội dung **"Nâng cao hiệu quả tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh theo hướng phát triển năng lực và gắn kết nhà trường – gia đình – xã hội"** làm vấn đề trao đổi tại Hội thảo khoa học. Đây không chỉ là nhiệm vụ trước mắt nhằm nâng cao hiệu quả tuyển sinh và phân luồng sau lớp 9, mà còn là định

hướng chiến lược trong xây dựng môi trường giáo dục toàn diện, giúp học sinh phát triển đúng năng lực, sở trường và có khả năng thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động trong tương lai.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG TẠI TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH THUẬN

2.1. Bối cảnh và điều kiện thực hiện

Trường THCS&THPT Vĩnh Thuận được thành lập theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 18/5/2026, có 584 học sinh, 15 lớp và 37 viên chức, người lao động trong năm học 2026–2027. Với mô hình trường liên cấp, nhà trường có lợi thế theo dõi quá trình học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh xuyên suốt, tạo điều kiện tư vấn hướng nghiệp liên tục, nhận diện sớm năng lực, sở trường và khó khăn của từng em.

Do mới thành lập, cơ sở vật chất Trường THCS&THPT Vĩnh Thuận đang từng bước hoàn thiện; hiện trường có 14 phòng, gồm 09 phòng học và các phòng chức năng, trong khi 20 phòng học và công trình phụ trợ đang được xây dựng. Những hạn chế về không gian ảnh hưởng đến việc tổ chức trải nghiệm, giao lưu nghề nghiệp quy mô lớn, đòi hỏi nhà trường triển khai hướng nghiệp linh hoạt, kết hợp trực tiếp, trực tuyến, theo lớp, nhóm và phối hợp với các đơn vị bên ngoài.

2.2. Kết quả bước đầu và những vấn đề đặt ra trong công tác phân luồng

Một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả công tác hướng nghiệp và phân luồng là kết quả lựa chọn con đường học tập của học sinh sau khi hoàn thành chương trình THCS. Theo báo cáo của nhà trường, năm học 2025–2026 có 129 học sinh lớp 9 hoàn thành chương trình THCS, trong đó:

- 93 học sinh tiếp tục học lớp 10 tại các trường THPT trong tỉnh;
- 30 học sinh tiếp tục học lớp 10 ngoài tỉnh hoặc tham gia giáo dục nghề nghiệp;
- 06 học sinh chưa tiếp tục học tập và hiện ở nhà.

Số liệu cho thấy học sinh sau THCS có nhiều lựa chọn học tập, từ tiếp tục học THPT đến học nghề hoặc học tập ngoài tỉnh. Vì vậy, hiệu quả phân luồng cần được đánh giá không chỉ qua tỷ lệ vào lớp 10 mà còn ở mức độ phù hợp và khả năng phát triển lâu dài của mỗi học sinh. Đặc biệt, 06 em chưa tiếp tục học tập cần được nhà trường rà soát nguyên nhân, phối hợp với gia đình và hỗ trợ thông tin về các chương trình học tập, đào tạo nghề, chính sách hỗ trợ phù hợp, góp phần hạn chế tình trạng gián đoạn học tập.

2.3. Những thuận lợi trong triển khai công tác hướng nghiệp

Thứ nhất, mô hình trường liên cấp THCS&THPT tạo điều kiện để nhà trường xây dựng kế hoạch hướng nghiệp thống nhất, liên tục trong các cấp học. Giáo viên có thể theo dõi quá trình phát triển năng lực, sở thích và kết quả học tập của học sinh qua từng năm học, từ đó tư vấn phù hợp với từng giai đoạn.

Thứ hai, đội ngũ viên chức, người lao động của nhà trường có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và từng bước thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

Thứ ba, hoạt động STEM trong các môn khoa học tự nhiên bước đầu được triển khai, tạo điều kiện để học sinh tiếp cận kiến thức thông qua thực hành, trải nghiệm và vận dụng vào đời

sống. Đây là hình thức giáo dục có khả năng kết nối nội dung học tập với các lĩnh vực nghề nghiệp thực tế.

Bên cạnh đó, nhà trường đã nhận được sự quan tâm, đồng hành của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân trong công tác hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

2.4. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những thuận lợi, công tác hướng nghiệp và phân luồng tại nhà trường vẫn còn một số khó khăn cần quan tâm.

Một là, nhận thức và khả năng định hướng nghề nghiệp của học sinh chưa đồng đều. Một bộ phận học sinh chưa có ý thức tìm hiểu nghề nghiệp từ sớm, chưa nhận diện đầy đủ điểm mạnh, sở thích và khả năng của bản thân.

Hai là, nhận thức của một bộ phận cha mẹ học sinh về giáo dục nghề nghiệp và phân luồng còn chưa đầy đủ.

Ba là, điều kiện tổ chức hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp còn hạn chế. Cơ sở vật chất đang trong quá trình hoàn thiện; kinh phí và điều kiện tổ chức các hoạt động tham quan, trải nghiệm tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn khó khăn.

Bốn là, mối liên kết giữa nhà trường và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa thường xuyên; học sinh còn ít cơ hội trải nghiệm môi trường làm việc, tiếp xúc người lao động và tìm hiểu yêu cầu thực tế của từng ngành nghề.

3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH

3.1. Xây dựng mô hình hướng nghiệp liên tục toàn cấp học

Đây là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, đặc biệt phù hợp với đặc thù của Trường THCS&THPT Vĩnh Thuận. Thay vì chỉ tập trung tư vấn vào thời điểm học sinh lớp cuối cấp, nhà trường cần xây dựng kế hoạch hướng nghiệp xuyên suốt toàn cấp học, phù hợp với các giai đoạn phát triển nghề nghiệp của người học [2], [3]. Có thể tổ chức theo hai giai đoạn chính:

Giai đoạn 1: Khám phá bản thân (lớp 6 và lớp 7)

Tập trung giúp học sinh nhận biết sở thích, điểm mạnh, những lĩnh vực mình quan tâm; hình thành thái độ tích cực đối với lao động và các nghề nghiệp trong xã hội. Tổ chức các hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp của người thân, nghề nghiệp tại địa phương, giao lưu với người lao động và các hoạt động trải nghiệm đơn giản.

Giai đoạn 2: Khám phá nghề nghiệp và lựa chọn hướng đi (lớp 8 và lớp 9)

Giúp học sinh tìm hiểu các nhóm nghề, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và điều kiện làm việc. Đặc biệt, cần cung cấp đầy đủ thông tin về các con đường học tập sau THCS như tiếp tục học THPT, học giáo dục nghề nghiệp hoặc các chương trình đào tạo phù hợp khác.

Đối với học sinh lớp 9, cần tổ chức tư vấn cá nhân và tư vấn theo nhóm đối tượng, giúp các em xác định phương án phù hợp với năng lực học tập, điều kiện gia đình và nguyện vọng.

3.2. Đổi mới phương thức tư vấn theo hướng lấy năng lực và nhu cầu của học sinh làm trung tâm

Một trong những yêu cầu quan trọng của giáo dục hướng nghiệp hiện nay là không áp đặt nghề nghiệp cho học sinh [4], không đánh giá khả năng lựa chọn nghề chỉ dựa vào kết quả học tập của một số môn học.

Nhà trường cần tổ chức tư vấn dựa trên sự kết hợp của bốn yếu tố:

- Năng lực học tập, năng lực thực hành và khả năng thích ứng của học sinh.
- Sở thích, đam mê và những lĩnh vực học sinh quan tâm.
- Phẩm chất, giá trị cá nhân và điều kiện tâm lý.
- Hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế và cơ hội học tập thực tế.

Để thực hiện, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với Tổ tư vấn tâm lý học đường [5] tổ chức khảo sát, trao đổi và tìm hiểu nguyện vọng của học sinh. Có thể sử dụng phiếu tự đánh giá, bảng hỏi, hồ sơ học tập, hoạt động trải nghiệm và phỏng vấn cá nhân.

3.3. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình – xã hội

Đây là giải pháp có tính quyết định đối với hiệu quả thực chất của công tác hướng nghiệp và phân luồng.

- *Đối với nhà trường:* Xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin và kết nối các lực lượng tham gia.
- *Đối với gia đình:* Nhà trường cần đổi mới nội dung tuyên truyền, giúp cha mẹ học sinh hiểu rằng mỗi học sinh có năng lực, sở thích và điều kiện phát triển khác nhau.
- *Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:* Chủ động thiết lập mối quan hệ nhằm tổ chức tư vấn tuyển sinh, giới thiệu ngành nghề, chương trình đào tạo, điều kiện học tập, chính sách hỗ trợ và cơ hội việc làm sau đào tạo.

3.4. Tích hợp giáo dục hướng nghiệp vào các môn học và hoạt động trải nghiệm

Hướng nghiệp cần được tích hợp vào các môn học và hoạt động giáo dục [6], gắn kiến thức với thực tiễn nghề nghiệp. Các tổ chuyên môn lựa chọn nội dung phù hợp, phát huy STEM, dự án học tập, cuộc thi sáng tạo và giao lưu nghề nghiệp. Môn Toán kết nối với kinh tế, kỹ thuật; Khoa học tự nhiên với y tế, môi trường, nông nghiệp; Tin học với công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI). Trong điều kiện cơ sở vật chất hạn chế, nhà trường tổ chức linh hoạt theo lớp, nhóm nhỏ hoặc trực tuyến, đồng thời phối hợp với cơ sở đào tạo, doanh nghiệp địa phương để tổ chức tham quan, trải nghiệm an toàn, tiết kiệm [7].

3.5. Phát huy vai trò của Tổ tư vấn tâm lý học đường trong hỗ trợ và phân luồng học sinh

Tổ tư vấn tâm lý học đường với 05 thành viên, đầy đủ thành phần, bảo đảm triển khai tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa. Nhà trường cần phối hợp với giáo viên chủ nhiệm khảo sát nhu cầu, hỗ trợ học sinh nhận diện năng lực, sở thích, tư vấn lựa chọn sau THCS; đồng thời kết nối với cha mẹ học sinh, theo dõi và hỗ trợ các em có hoàn cảnh khó khăn hoặc nguy cơ gián đoạn học tập.

3.6. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động hướng nghiệp

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, việc ứng dụng công nghệ thông tin và AI có thể góp phần nâng cao hiệu quả tư vấn hướng nghiệp, giảm áp lực cho giáo viên và mở rộng cơ hội tiếp cận thông tin của học sinh. Trên cơ sở điều kiện hiện có, Trường THCS&THPT Vĩnh Thuận có thể triển khai một số nội dung sau: xây dựng kho học liệu hướng nghiệp số; hồ sơ hướng nghiệp điện tử cho học sinh; ứng dụng công cụ AI hỗ trợ giáo viên; tăng cường tư vấn trực tuyến…

4. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

4.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hướng dẫn các trường xây dựng kế hoạch hướng nghiệp, phân luồng phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [6] và định hướng phát triển địa phương; tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, cung cấp tài liệu và thông tin tuyển sinh chính thống; kết nối nhà trường với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp để tạo cơ hội trải nghiệm thực tế cho học sinh; đồng thời quan tâm hỗ trợ các trường mới thành lập còn khó khăn về cơ sở vật chất và nhân lực.

4.2. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tăng cường phối hợp chia sẻ thông tin về nhu cầu nhân lực, ngành nghề đào tạo, điều kiện học tập và cơ hội việc làm; hỗ trợ tổ chức tham quan, trải nghiệm, tư vấn tuyển sinh nghề và các hoạt động phù hợp với học sinh.

5. KẾT LUẬN

Hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực. Với mô hình trường liên cấp, Trường THCS&THPT Vĩnh Thuận có lợi thế tổ chức hướng nghiệp xuyên suốt, gắn với năng lực và nhu cầu học sinh. Nhà trường chú trọng tư vấn cá nhân, tích hợp hướng nghiệp vào môn học, hoạt động trải nghiệm, phát huy vai trò của Tổ tư vấn tâm lý và tăng cường phối hợp với gia đình, xã hội; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ phù hợp. Qua đó, giúp mỗi học sinh lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp, góp phần phát triển nguồn nhân lực tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
2. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
3. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương*

trình giáo dục phổ thông.
7. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA CÁC MÔN HỌC

CN. Nguyễn Vũ Minh

Trường THCS Vĩnh An, xã Vĩnh An, tỉnh An Giang

Email: minh_c2vinhbinhct@angiang.edu.vn

Tóm tắt: *Giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học là giải pháp thiết thực, có tính lâu dài, góp phần đưa hoạt động hướng nghiệp đi vào chiều sâu và gắn chặt với quá trình dạy học. Mỗi môn học đều có thể giúp học sinh nhận ra năng lực, sở thích và mối liên hệ giữa kiến thức với đời sống nghề nghiệp. Tuy nhiên, việc tích hợp hướng nghiệp trong dạy học ở nhiều nơi chưa đồng đều, đôi khi nặng về giới thiệu nghề mà thiếu trải nghiệm thực tế. Bài viết phân tích một số biểu hiện thường gặp, yêu cầu đặt ra đối với học sinh An Giang và gợi ý giải pháp tích hợp phù hợp với từng môn học, giúp học sinh lựa chọn tương lai có hiểu biết, có căn cứ và có khả năng điều chỉnh.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; môn học; trải nghiệm; năng lực nghề nghiệp; lựa chọn tương lai*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hành trình trưởng thành của mỗi con người, lựa chọn nghề nghiệp là một trong những quyết định quan trọng, có ảnh hưởng sâu sắc đến tương lai, chất lượng cuộc sống và sự đóng góp của mỗi cá nhân đối với gia đình, xã hội. Đối với học sinh trung học, đặc biệt là học sinh cuối cấp trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT), câu hỏi "sau này em muốn làm nghề gì?" là câu hỏi quen thuộc. Nhưng không ít em trả lời bằng những cái tên rất phổ biến như bác sĩ, công an, giáo viên, công nghệ thông tin; có em lại đáp: "Em chưa biết", "Bố mẹ bảo học ngành nào cũng được", hoặc "Em chọn nghề nào dễ xin việc". Những câu trả lời ấy không hẳn cho thấy học sinh thiếu ước mơ. Nhiều khi, các em chưa có đủ cơ hội để hiểu bản thân, hiểu công việc thực tế và nhận ra kiến thức đang học có thể mở ra những con đường nào.

Thực tế cho thấy, không ít học sinh lựa chọn nghề nghiệp theo cảm tính, theo xu hướng đám đông, theo mong muốn của cha mẹ hoặc chỉ dựa trên những hiểu biết còn hạn chế về một số ngành nghề phổ biến [1]. Có em chọn nghề vì nghe nói thu nhập cao; có em chọn trường vì bạn bè cùng đăng ký; cũng có em chưa nhận diện được năng lực, sở thích và điều kiện của bản thân nên lúng túng trước những ngã rẽ quan trọng của cuộc đời. Những lựa chọn thiếu thông tin và thiếu sự chuẩn bị có thể dẫn đến tình trạng học tập không phù hợp, thay đổi định hướng, lãng phí thời gian và nguồn lực của gia đình, xã hội.

Trong khi đó, thế giới nghề nghiệp đang thay đổi mạnh mẽ dưới tác động của khoa học công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và hội nhập quốc tế. Nhiều ngành nghề mới xuất hiện, một số công việc truyền thống được thay đổi về phương thức thực hiện, yêu cầu người lao động không chỉ có kiến thức chuyên môn mà còn phải sở hữu năng lực số, khả năng thích ứng, tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp và tinh thần học tập suốt đời. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với giáo dục phổ thông: không thể chỉ dừng lại ở việc truyền thụ kiến thức mà phải giúp học sinh biết vận dụng kiến thức vào cuộc sống, nhận thức được giá trị của lao động và từng bước hình thành năng lực lựa chọn nghề nghiệp [2].

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã xác định giáo dục hướng nghiệp là một nội dung quan trọng, được thực hiện thông qua các môn học, hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [3]. Đây là định hướng có ý nghĩa đổi mới sâu sắc, bởi hướng nghiệp không còn được nhìn nhận như một hoạt động riêng lẻ vào cuối cấp học mà cần được triển khai thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình giáo dục [4].

Đối với tỉnh An Giang, yêu cầu giáo dục hướng nghiệp càng có ý nghĩa thiết thực. Với những thế mạnh về nông nghiệp, thủy – hải sản, kinh tế biên mậu, thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa và tiềm năng phát triển kinh tế vùng, địa phương cần nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề, khả năng thích ứng với công nghệ và am hiểu thực tiễn. Học sinh cần được định hướng để không chỉ lựa chọn nghề phù hợp với bản thân mà còn nhận thức được cơ hội nghề nghiệp tại quê hương, từ đó có ý thức học tập, rèn luyện và đóng góp vào sự phát triển của địa phương.

Xuất phát từ những yêu cầu trên, bài viết phân tích một số biểu hiện thường gặp, phân tích thực tiễn và yêu cầu đặt ra đối với học sinh An Giang, đồng thời đề xuất các giải pháp có thể triển khai theo điều kiện cụ thể, hướng tới một hoạt động hướng nghiệp thiết thực, liên tục và có sự phối hợp.

2. THỰC TRẠNG VÀ PHÂN TÍCH

2.1. Một số biểu hiện thường gặp

Qua thực tiễn dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục, có thể nhận thấy một số biểu hiện cần được quan tâm.

Thứ nhất, học sinh chưa nhìn thấy rõ mối liên hệ giữa môn học và nghề nghiệp. Một số em học kiến thức chủ yếu để hoàn thành bài kiểm tra, chưa nhận ra kiến thức ấy có thể được sử dụng để giải quyết vấn đề trong đời sống hoặc công việc. Khi được hỏi học môn này có ích gì, học sinh đôi khi chỉ nhắc đến điểm số, kỳ thi hoặc yêu cầu lên lớp. Khoảng cách giữa nội dung học tập và trải nghiệm nghề nghiệp khiến các em khó hình dung việc học có ý nghĩa thế nào đối với tương lai.

Thứ hai, hoạt động hướng nghiệp có lúc còn nghiêng về cung cấp thông tin. Học sinh được giới thiệu tên ngành, tên trường, cơ hội việc làm, nhưng chưa có nhiều dịp thử sức với những nhiệm vụ gần với hoạt động nghề nghiệp. Biết một nghề cần giao tiếp, làm việc nhóm hay sử dụng công nghệ khác với việc được trực tiếp thực hiện một nhiệm vụ đòi hỏi những năng lực ấy. Trải nghiệm có hướng dẫn giúp các em hiểu nghề cụ thể hơn và nhận ra mình cần tiếp tục rèn luyện điều gì.

Thứ ba, việc tích hợp giữa các môn và hoạt động giáo dục chưa phải lúc nào cũng thường xuyên. Một số giáo viên đã khéo léo gắn nội dung bài học với thực tiễn nghề nghiệp, nhưng cách làm có thể còn phụ thuộc vào kinh nghiệm, điều kiện và sự chủ động của từng người. Nếu thiếu kế hoạch chung, hoạt động dễ diễn ra rời rạc; có chủ đề được nhắc lại nhiều lần trong khi những lĩnh vực nghề nghiệp khác ít được đề cập.

Thứ tư, lựa chọn của học sinh có thể chịu ảnh hưởng mạnh từ định kiến và thông tin chưa đầy đủ. Có em cho rằng chỉ một số nghề nhất định mới được coi là thành công; có em chọn ngành theo bạn bè; có em chưa hiểu đầy đủ về yêu cầu học tập, môi trường làm việc hay cơ hội nghề nghiệp của ngành mình quan tâm. Vai trò của gia đình rất quan trọng, nhưng nếu trao đổi chỉ dừng ở việc định hướng thay cho con, học sinh có thể thiếu cơ hội tự tìm hiểu và chịu trách nhiệm với lựa chọn

của mình.

Thứ năm, điều kiện trải nghiệm không đồng đều. Không phải trường học nào cũng có điều kiện đưa học sinh đến doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hay đơn vị nghề nghiệp. Ở một số địa phương (nhất là vùng núi, biên giới, hải đảo), khoảng cách địa lý, kinh phí và nhân lực là những rào cản đáng kể. Tuy vậy, hướng nghiệp không nhất thiết phải bắt đầu bằng chuyến tham quan tốn kém. Một cuộc phỏng vấn trực tuyến với người làm nghề, một nhiệm vụ học tập gắn với vấn đề của địa phương, hay một buổi giới thiệu nghề do phụ huynh chia sẻ cũng có thể tạo nên trải nghiệm có giá trị nếu được chuẩn bị tốt.

2.2. Phân tích thực tiễn và yêu cầu đặt ra đối với học sinh An Giang

An Giang là địa phương có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế gắn với điều kiện tự nhiên, văn hóa và vị trí địa lý. Các lĩnh vực như nông nghiệp, thủy – hải sản, chế biến thực phẩm, logistics, thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghệ thông tin và các ngành nghề kỹ thuật đều mở ra những cơ hội việc làm đáng quan tâm. Tuy nhiên, để nắm bắt được những cơ hội ấy, học sinh cần được trang bị kiến thức và năng lực phù hợp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Chẳng hạn, khi học về thống kê, xác suất và tỉ lệ trong môn Toán, học sinh có thể tìm hiểu cách phân tích sản lượng lúa, năng suất cây trồng, chi phí sản xuất hoặc doanh thu kinh doanh. Từ đó, các em nhận ra mối liên hệ giữa Toán học với nghề kế toán, kinh doanh, phân tích dữ liệu, kỹ thuật nông nghiệp và quản lý sản xuất.

Khi học về hệ sinh thái, môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong môn Khoa học tự nhiên, học sinh có thể tìm hiểu những vấn đề thực tế liên quan đến bảo vệ nguồn nước, xử lý chất thải trong sản xuất, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nông nghiệp bền vững. Những nội dung ấy giúp các em nhận thức được vai trò của các nghề thuộc lĩnh vực môi trường, sinh học, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao.

Khi học Địa lí, học sinh có thể tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế và tiềm năng du lịch của địa phương; qua đó nhận diện cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ, thương mại và quản lý tài nguyên.

Từ những ví dụ trên có thể thấy, hướng nghiệp thông qua môn học không phải là việc đưa thêm quá nhiều kiến thức nghề nghiệp vào chương trình, mà là khai thác hợp lý những nội dung vốn có để giúp học sinh nhìn thấy mối liên hệ giữa kiến thức, cuộc sống và tương lai nghề nghiệp.

Đây chính là điểm mấu chốt cần được quan tâm trong giai đoạn 2026–2030: mỗi môn học cần trở thành một kênh khám phá nghề nghiệp; mỗi giáo viên cần là người khơi mở tiềm năng; mỗi học sinh cần được trao cơ hội tìm hiểu và lựa chọn con đường phát triển của chính mình.

3. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA CÁC MÔN HỌC

3.1. Xây dựng kế hoạch hướng nghiệp gắn với mục tiêu môn học

Hướng nghiệp qua môn học cần được thiết kế như một phần của kế hoạch giáo dục, không chỉ phụ thuộc vào sự ngẫu hứng của từng tiết dạy. Tổ chuyên môn có thể rà soát chương trình để xác định những nội dung thuận lợi cho việc liên hệ nghề nghiệp, những năng lực có thể phát triển và hình thức trải nghiệm phù hợp.

Việc tích hợp cần bảo đảm ba nguyên tắc:

- Không làm loãng mục tiêu môn học: hướng nghiệp phải hỗ trợ việc học kiến thức, kỹ năng chứ không thay thế nội dung chính.
- Đa dạng hóa hình ảnh nghề nghiệp: không chỉ nhắc đến những nghề nổi tiếng hoặc nghề có vị thế xã hội cao.
- Phù hợp lứa tuổi và điều kiện thực tế: học sinh có thể khám phá lĩnh vực nghề nghiệp mà chưa phải lựa chọn nghề cuối cùng.

Khi lập kế hoạch, giáo viên có thể bắt đầu từ những câu hỏi giản dị: Bài học này phát triển năng lực gì? Năng lực ấy được sử dụng trong những lĩnh vực nào? Có nhiệm vụ nào giúp học sinh thử vận dụng? Sau hoạt động, học sinh có thể tự nhìn lại điều gì về bản thân?

3.2. Khai thác cơ hội hướng nghiệp trong từng môn học

Mỗi môn học có cách kết nối riêng. Điều quan trọng không phải là gắn mọi bài học với thật nhiều nghề, mà là lựa chọn mối liên hệ tự nhiên, chính xác và có ý nghĩa.

- Toán học: Học sinh có thể lập dự toán cho một hoạt động, tính chi phí và doanh thu của mô hình nhỏ, đọc biểu đồ, xử lý số liệu hoặc so sánh các phương án. Những nhiệm vụ này giúp các em nhận ra toán học hiện diện trong các công việc liên quan đến kinh doanh, xây dựng, tài chính, thống kê, logistics và nhiều lĩnh vực khác. Qua quá trình thực hiện, học sinh cũng rèn tư duy chính xác và khả năng kiểm tra giả định.
- Ngữ văn: Viết bài giới thiệu sản phẩm địa phương, xây dựng kịch bản phỏng vấn người làm nghề, trình bày một quan điểm hoặc kể lại hành trình nghề nghiệp của nhân vật là những cách đưa việc học đến gần đời sống. Học sinh nhận ra kỹ năng đọc, viết, nói và lắng nghe có vai trò trong truyền thông, giáo dục, dịch vụ, luật, báo chí và hầu hết môi trường làm việc.
- Khoa học tự nhiên: Những chủ đề về sức khỏe, năng lượng, môi trường, vật liệu hoặc công nghệ có thể gắn với công việc của kỹ thuật viên, nhà nghiên cứu, nhân viên y tế, kỹ sư môi trường và người lao động trong các lĩnh vực sản xuất. Một thí nghiệm đơn giản hoặc hoạt động giải quyết vấn đề tại địa phương giúp học sinh nhận ra rằng nghề nghiệp không chỉ là tên gọi, mà còn là quy trình, trách nhiệm và tiêu chuẩn an toàn.
- Lịch sử và Địa lí: Tìm hiểu sự hình thành của một làng nghề, biến đổi của cơ cấu việc làm, đặc điểm địa phương hoặc tác động của giao thông, khí hậu và dân cư đến hoạt động kinh tế có thể mở rộng hiểu biết nghề nghiệp của học sinh. Các em không chỉ nhìn nghề qua quảng cáo, mà còn hiểu nghề gắn với lịch sử, cộng đồng và điều kiện phát triển.
- Tin học và Công nghệ: Học sinh có thể tạo một sản phẩm số đơn giản, thiết kế mô hình, lập trình một chức năng cơ bản hoặc đánh giá cách công nghệ hỗ trợ một quy trình. Qua đó, các em tiếp cận những lĩnh vực nghề nghiệp liên quan đến công nghệ số, thiết kế, chế tạo, vận hành và hỗ trợ kỹ thuật.
- Nghệ thuật, Giáo dục thể chất và các môn học khác: Tổ chức một buổi triển lãm, biên tập sản phẩm truyền thông, xây dựng một bài tập vận động phù hợp hoặc tìm hiểu cách tổ chức sự kiện giúp học sinh nhận thấy vai trò của sáng tạo, kỷ luật, phối hợp và chăm sóc sức khỏe trong nhiều nghề.

3.3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với vấn đề thực tế

Để kiến thức không dừng lại ở lời giải thích, nhà trường có thể tổ chức các dự án nhỏ theo nhóm. Chẳng hạn, học sinh khảo sát cách phân loại rác trong trường, tìm hiểu quy trình làm một sản phẩm địa phương, thiết kế tờ hướng dẫn sử dụng một thiết bị, lập kế hoạch cho một sự kiện hoặc xây dựng bản đồ các dịch vụ thiết yếu trong khu dân cư.

Điểm quan trọng là hoạt động phải giúp học sinh hiểu cả mặt hấp dẫn lẫn yêu cầu của công việc. Một nghề không chỉ có hình ảnh đẹp; nghề còn có quy trình, trách nhiệm, áp lực, yêu cầu chuyên môn và tinh thần hợp tác. Trải nghiệm có hướng dẫn sẽ giúp học sinh hình thành cái nhìn thực tế hơn.

3.4. Phát huy vai trò của giáo viên, gia đình và cộng đồng

Giáo viên bộ môn có lợi thế nhận ra học sinh thường thể hiện năng lực gì trong quá trình học. Giáo viên chủ nhiệm có thể kết nối thông tin về sở thích, hoàn cảnh và nhu cầu hỗ trợ. Cán bộ tư vấn, nếu có, hỗ trợ học sinh khai thác thông tin và suy nghĩ về lựa chọn [5]. Sự phối hợp giữa các lực lượng này giúp tránh tình trạng học sinh nhận được những lời khuyên rời rạc, thậm chí mâu thuẫn.

Gia đình cần được xem là đối tác của nhà trường. Phụ huynh có thể chia sẻ trải nghiệm nghề nghiệp, giúp con tìm hiểu công việc thực tế và lắng nghe mong muốn của con. Tuy nhiên, mục tiêu không phải là để phụ huynh lựa chọn thay học sinh, mà là tạo điều kiện để các em đặt câu hỏi, tự tìm hiểu và cân nhắc.

Nhà trường cũng có thể kết nối với cơ sở nghề nghiệp tại địa phương, cựu học sinh, trường đào tạo, cơ sở sản xuất và các tổ chức xã hội [6]. Trong trường hợp không thể tham quan trực tiếp, có thể tổ chức trò chuyện trực tuyến hoặc mời người làm nghề chia sẻ theo chủ đề. Hoạt động cần được chuẩn bị bằng câu hỏi của học sinh và có phần tổng kết sau trải nghiệm, tránh biến cuộc gặp thành một buổi giới thiệu hình thức.

3.5. Bồi dưỡng giáo viên và xây dựng ngân hàng học liệu

Không phải giáo viên nào cũng cần trở thành chuyên gia tư vấn nghề nghiệp. Tuy nhiên, mỗi giáo viên cần có khả năng kết nối nội dung môn học với đời sống, đặt câu hỏi giúp học sinh tự nhận thức và hướng dẫn các em tìm kiếm thông tin đáng tin cậy.

Nhà trường có thể tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng cùng thiết kế bài học, chia sẻ tình huống đã triển khai và rút kinh nghiệm. Một ngân hàng học liệu chung có thể gồm: tình huống nghề nghiệp gắn với nội dung từng môn; dự án học tập quy mô nhỏ; câu hỏi khảo sát; danh sách nguồn thông tin nghề nghiệp đáng tin cậy; danh bạ phụ huynh, cựu học sinh hoặc chuyên gia sẵn sàng chia sẻ; tiêu chí đánh giá sản phẩm và năng lực học sinh.

Học liệu cần được rà soát định kỳ để tránh thông tin lỗi thời, nhất là những nội dung về ngành nghề, yêu cầu kỹ năng và cơ hội học tập.

3.6. Đánh giá hiệu quả bằng chuyển biến của học sinh

Đánh giá hoạt động hướng nghiệp không nên chỉ dựa vào số buổi tổ chức hay số người tham dự. Cần chú ý xem học sinh có hiểu bản thân hơn, có biết cách tìm hiểu nghề, có liên hệ được kiến thức với thực tiễn và có chủ động đặt câu hỏi về lựa chọn tương lai hay không.

Một số minh chứng có thể sử dụng gồm: phiếu tự đánh giá trước và sau hoạt động; nhật ký học tập hoặc hồ sơ dự án; khả năng trình bày yêu cầu của một nghề; chất lượng câu hỏi học sinh đặt cho người làm nghề; mức độ tham gia và hợp tác trong nhiệm vụ nhóm; phản hồi của học sinh, phụ huynh và giáo viên.

Cần đặc biệt quan tâm đến những học sinh ít có điều kiện tiếp cận thông tin, học sinh có nhu cầu hỗ trợ riêng hoặc học sinh chưa tự tin chia sẻ mong muốn. Hướng nghiệp có ý nghĩa khi không bỏ lại phía sau những em ít cơ hội hơn.

4. KẾT LUẬN

Giáo dục hướng nghiệp qua các môn học là cách làm cho việc học trở nên có ý nghĩa hơn, giúp học sinh hiểu kiến thức được sử dụng ra sao, năng lực nào của bản thân đang được hình thành và mình cần chuẩn bị gì cho tương lai.

Muốn hoạt động này đi vào thực chất, nhà trường cần bắt đầu từ những việc vừa sức: khảo sát nhu cầu học sinh, lựa chọn một số bài học thuận lợi để tích hợp, tổ chức dự án nhỏ gắn với đời sống, huy động người làm nghề và lắng nghe phản hồi. Số liệu phải phản ánh đúng tình hình của đơn vị; trải nghiệm phải gắn với mục tiêu học tập; tư vấn phải tôn trọng khả năng tự quyết của học sinh.

Một giờ học tốt không nhất thiết phải giúp học sinh chọn ngay một nghề. Nhưng giờ học ấy có thể giúp các em nhận ra mình thích điều gì, làm tốt việc gì, cần rèn luyện điều gì và có thể tìm đến ai khi cần thông tin. Từ những nhận thức nhỏ nhưng bền bỉ ấy, học sinh dần hình thành năng lực làm chủ lựa chọn của mình.

Hướng nghiệp hiệu quả không phải là vẽ sẵn con đường cho học sinh, mà là trao cho các em bản đồ, kỹ năng đọc bản đồ và niềm tin để tự bước đi. Khi mỗi môn học trở thành một cánh cửa giúp học sinh khám phá thế giới nghề nghiệp, nhà trường không chỉ dạy các em kiến thức hôm nay mà còn góp phần chuẩn bị cho những lựa chọn có trách nhiệm của ngày mai.

Đặc biệt, trong giai đoạn 2026–2030, giáo dục hướng nghiệp cần hướng đến mục tiêu không chỉ giúp học sinh biết nghề mà quan trọng hơn là biết mình, hiểu nghề, có khả năng lựa chọn và sẵn sàng thích ứng với những thay đổi của thị trường lao động. Đối với tỉnh An Giang, hoạt động này cần gắn với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng, khai thác tiềm năng địa phương và tạo cơ hội để thế hệ trẻ học tập, lập nghiệp, đóng góp cho quê hương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
2. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.*
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
4. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục*.
6. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI HƯỚNG NGHIỆP SỐ GẮN KẾT NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ DOANH NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC

Nguyễn Huỳnh Kim Thoa

Trường TH và THCS Nguyễn Hữu Cảnh, tỉnh An Giang

Email: nhkthoa9dl2@gmail.com

Tóm tắt: *Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, xây dựng hệ sinh thái hướng nghiệp số là giải pháp nâng cao hiệu quả phân luồng học sinh trung học. Bài tham luận phân tích các khoảng trống hiện nay: hướng nghiệp thiếu liên tục, phối hợp nhà trường – gia đình – doanh nghiệp chưa khép kín, nguy cơ bỏ sót học sinh gặp khó khăn trong học tập và những điều kiện cần đánh giá trước khi số hóa. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình lấy học sinh làm trung tâm, kết nối các bên thông qua hồ sơ hướng nghiệp cá nhân, kho dữ liệu nghề nghiệp được kiểm chứng, tư vấn nhiều vòng, trải nghiệm thực tế kết hợp công cụ số và ứng dụng AI có kiểm soát; chú trọng học sinh có nguy cơ bỏ học; kèm lộ trình triển khai 2026–2030 tại An Giang.*

Từ khóa: *hệ sinh thái hướng nghiệp số; phân luồng học sinh; học sinh THCS; tư vấn cá nhân hóa; phối hợp nhà trường – gia đình – doanh nghiệp*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lựa chọn lộ trình học tập và nghề nghiệp là quyết định có ảnh hưởng lâu dài đối với mỗi học sinh. Trong thực tế, quyết định ấy không hình thành ở một buổi tư vấn tuyển sinh cuối cấp mà được tích lũy qua quá trình học tập, trải nghiệm, nhận biết bản thân và trao đổi với gia đình, thầy cô. Khi thông tin về ngành nghề, cơ sở đào tạo và thị trường lao động thay đổi nhanh, cách làm hướng nghiệp chủ yếu dựa vào những buổi giới thiệu chung khó đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh.

Luật Giáo dục và các quy định hiện hành đặt hướng nghiệp, phân luồng trong mối quan hệ giữa nguyện vọng, năng lực, điều kiện của người học với nhu cầu xã hội [1], [2]. Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 xác định Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc ở cấp trung học [3]. Đây là cơ sở để nhà trường chuyển từ "thông báo đường đi" sang "hỗ trợ người học tự chọn đường đi" trên nền tảng thông tin và trải nghiệm.

Đối với tỉnh An Giang, yêu cầu gắn hướng nghiệp với phát triển kinh tế – xã hội địa phương trong giai đoạn 2026–2030 đặt ra nhu cầu kết nối chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và gia đình [4]. Bài tham luận tiếp cận vấn đề theo hướng đề xuất mô hình và giải pháp triển khai, không trình bày các nhận định định tính dưới dạng kết quả khảo sát đã kiểm chứng.

2. THỰC TRẠNG VÀ PHÂN TÍCH NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

2.1. Khoảng cách giữa hoạt động hướng nghiệp và nhu cầu lựa chọn cá nhân

Hướng nghiệp trong trường trung học đã có cơ sở chương trình và chính sách tương đối rõ ràng [3], [5], song hiệu quả phụ thuộc lớn vào cách tổ chức ở từng cơ sở. Một khó khăn cần được khảo sát

là mức độ liên tục của hoạt động hướng nghiệp: học sinh có được tiếp cận thông tin từ sớm, được phản hồi về sở trường, được thử nghiệm các lựa chọn và điều chỉnh kế hoạch hay chỉ nhận tư vấn tập trung vào cuối cấp? Khi thiếu chuỗi hoạt động nối tiếp, học sinh dễ chọn theo bạn bè, kỳ vọng gia đình hoặc nhận định phiến diện về nghề nghiệp.

Thêm vào đó, thông tin tuyển sinh và ngành nghề có thể phân tán trên nhiều kênh. Những mô tả hấp dẫn về cơ hội việc làm nếu không đi kèm điều kiện đầu vào, chi phí, yêu cầu năng lực và nguồn xác minh có thể tạo kỳ vọng thiếu thực tế. Việc kết nối dữ liệu giữa nhà trường, gia đình và đơn vị đào tạo vì vậy không chỉ là bài toán công nghệ mà trước hết là bài toán chuẩn hóa nội dung và trách nhiệm cập nhật.

2.2. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và doanh nghiệp chưa hình thành chu trình khép kín

Nhà trường hiểu quá trình học tập và biểu hiện của học sinh, gia đình hiểu điều kiện sống, kỳ vọng và những ràng buộc thực tế, doanh nghiệp có khả năng cung cấp hình dung về công việc, kỹ năng và môi trường lao động [6]. Tuy nhiên, nếu ba nguồn thông tin này không gặp nhau trong một quy trình tư vấn chung, mỗi bên chỉ nắm được một phần bức tranh. Phụ huynh có thể thiên về bằng cấp, học sinh thiên về cảm hứng nhất thời, còn doanh nghiệp quan tâm đến kỹ năng nghề mà học sinh chưa được trải nghiệm.

Sự phối hợp hiệu quả cần vượt ra khỏi những bản ký kết hoặc ngày hội đơn lẻ. Cần có người phụ trách, kế hoạch hoạt động, phản hồi sau trải nghiệm và cơ chế để học sinh cùng phụ huynh trao đổi với giáo viên về phương án học tập. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cũng phải là đối tác thiết yếu vì thông tin về chương trình, khả năng học tiếp, học phí và hỗ trợ người học ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định phân luồng.

2.3. Nguy cơ bỏ sót học sinh gặp khó khăn trong học tập

Ở cấp trung học cơ sở (THCS), có học sinh gặp khó khăn kéo dài về kiến thức nền tảng, kỹ năng tự học, hoàn cảnh kinh tế hoặc động lực đến trường. Nếu chỉ dùng điểm số làm căn cứ định hướng, các em dễ bị gắn nhãn "không phù hợp học tiếp", trong khi nhiều năng lực thực hành, giao tiếp, sáng tạo hoặc kiên trì chưa được nhận diện. Ngược lại, nếu chỉ động viên chung mà thiếu hỗ trợ học tập và tư vấn lộ trình thực tế, các em vẫn có nguy cơ rời bỏ việc học.

Điểm cốt lõi là không đồng nhất kết quả học tập thấp với năng lực nghề nghiệp thấp, cũng không coi giáo dục nghề nghiệp là lựa chọn dành riêng cho học sinh yếu. Mọi học sinh cần được cung cấp thông tin đầy đủ về các con đường học tập hợp pháp, cơ hội liên thông và điều kiện thực hiện. Với nhóm cần hỗ trợ, tư vấn phải đi kèm phụ đạo, tham vấn tâm lý khi cần, trao đổi với người giám hộ và hỗ trợ tiếp cận các chương trình phù hợp.

2.4. Những điều kiện cần đánh giá trước khi số hóa

Một hệ thống hướng nghiệp số có thể gặp rào cản về thiết bị, đường truyền, kỹ năng số của giáo viên và phụ huynh, cũng như chất lượng dữ liệu. Nếu áp dụng đồng loạt mà không đánh giá mức độ sẵn sàng, nền tảng có nguy cơ trở thành nơi lưu trữ biểu mẫu thay vì công cụ hỗ trợ quyết định. Dữ liệu học tập, hoàn cảnh gia đình và thông tin tâm lý của học sinh là thông tin cần bảo vệ; việc thu thập phải tối thiểu, có mục đích rõ ràng và phân quyền tiếp cận.

3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI HƯỚNG NGHIỆP SỐ

3.1. Giải pháp thứ nhất: Xác lập mô hình hệ sinh thái với học sinh làm trung tâm

Hệ sinh thái hướng nghiệp số được hiểu là mạng lưới chủ thể, dữ liệu, dịch vụ và hoạt động trực tiếp – trực tuyến cùng hỗ trợ học sinh nhận biết bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp, trải nghiệm, đối thoại và lựa chọn lộ trình học tập. Trong mô hình này, học sinh là chủ thể quyết định; giáo viên và nhà trường giữ vai trò tổ chức, kiểm chứng và đồng hành; gia đình tham gia tư vấn trên cơ sở tôn trọng nguyện vọng; doanh nghiệp và cơ sở đào tạo cung cấp thông tin thực tế, cơ hội trải nghiệm.

Hệ sinh thái không nhất thiết bắt đầu bằng phần mềm phức tạp. Trường có thể triển khai cổng thông tin đơn giản, thư viện nghề nghiệp được thẩm định, lịch tư vấn, biểu mẫu tự đánh giá và hồ sơ theo dõi có phân quyền. Chỉ sau khi chuẩn hóa quy trình mới mở rộng chức năng gợi ý cá nhân hóa hoặc tích hợp dữ liệu liên trường.

3.2. Giải pháp thứ hai: Xây dựng hồ sơ hướng nghiệp cá nhân và cơ chế tư vấn nhiều vòng

Mỗi học sinh được hướng dẫn xây dựng hồ sơ phát triển nghề nghiệp gồm sở thích, môn học yêu thích, năng lực nổi trội, trải nghiệm đã tham gia, nguyện vọng và những điều kiện cần hỗ trợ. Hồ sơ phải phản ánh sự thay đổi theo thời gian, không phải một bài trắc nghiệm duy nhất quyết định tương lai. Kết quả trắc nghiệm nếu sử dụng chỉ có giá trị tham khảo; giáo viên cần đối thoại để giải thích giới hạn và tránh gắn nhãn cố định cho học sinh.

Quy trình tư vấn đề xuất gồm bốn vòng: nhận diện bản thân; khám phá thông tin nghề và lộ trình học; trải nghiệm, đối thoại với người làm nghề; lựa chọn phương án và rà soát định kỳ. Ở lớp 6–7, trọng tâm là khám phá sở thích và nghề gần gũi; lớp 8 tăng cường tìm hiểu năng lực, yêu cầu ngành nghề; lớp 9 tổ chức tư vấn chuyên sâu về các lựa chọn sau THCS [7]. Ở trung học phổ thông (THPT), quy trình tiếp tục với định hướng môn học, đào tạo và nghề nghiệp.

Với học sinh có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu, giáo viên chủ nhiệm phối hợp giáo viên bộ môn và gia đình xây dựng kế hoạch hỗ trợ kép, cải thiện những năng lực học tập thiết yếu và mở rộng cơ hội trải nghiệm sở trường. Việc trao đổi riêng phải tôn trọng nhân phẩm, tránh công khai xếp loại học sinh theo "luồng" trước tập thể. Không có thuật toán nào được phép tự động kết luận học sinh phải chọn một con đường nhất định.

3.3. Giải pháp thứ ba: Phát triển kho dữ liệu nghề nghiệp và lộ trình học tập được kiểm chứng

Kho dữ liệu dùng chung cần trình bày mỗi nghề theo cấu trúc thống nhất như: mô tả công việc, điều kiện lao động, kỹ năng cần có, yêu cầu đào tạo, cơ sở đào tạo phù hợp, khả năng học tiếp, chi phí dự kiến, nguồn hỗ trợ và triển vọng việc làm theo nguồn công bố. Với mỗi thông tin phải ghi cơ quan cung cấp, thời điểm cập nhật và liên kết kiểm chứng. Nội dung dành cho học sinh THCS cần ngắn gọn, có hình ảnh, video hoặc tình huống nghề nghiệp dễ hiểu.

Tại An Giang, việc lựa chọn các nhóm nghề giới thiệu nên dựa trên tài liệu quy hoạch, báo cáo lao động và nhu cầu tuyển dụng được cơ quan có thẩm quyền hoặc doanh nghiệp xác nhận, không suy đoán nhu cầu chỉ từ một số ngành nổi bật. Nền tảng phải thể hiện nhiều lộ trình sau THCS, THPT và các điều kiện học tập tương ứng, không ưu tiên một luồng vì chỉ tiêu tuyển sinh của đối tác.

3.4. Giải pháp thứ tư: Thiết lập cơ chế phối hợp ba bên và mở rộng đối tác đào tạo

Nhà trường thành lập nhóm điều phối hướng nghiệp gồm đại diện ban giám hiệu, giáo viên phụ trách hoạt động trải nghiệm, giáo viên chủ nhiệm và bộ phận tư vấn. Nhóm có trách nhiệm xác minh nguồn thông tin, lập lịch hoạt động, tiếp nhận phản hồi và đánh giá hiệu quả. Gia đình được cung cấp tài liệu dễ tiếp cận, tham gia tọa đàm và được tư vấn riêng khi có vướng mắc về điều kiện kinh tế, tâm lý hoặc nguyện vọng của học sinh.

Doanh nghiệp tham gia với vai trò giới thiệu nghề, mô tả kỹ năng, tổ chức tham quan an toàn, giao lưu với người lao động và góp ý nội dung trải nghiệm. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp cung cấp thông tin tuyển sinh, chương trình, chi phí, chính sách hỗ trợ và khả năng học tiếp. Cơ chế hợp tác cần xác định rõ trách nhiệm bảo đảm an toàn, không quảng cáo gây hiểu lầm, không thu thập dữ liệu học sinh để tiếp thị và không gây áp lực tuyển sinh. Kết quả phối hợp được ghi nhận bằng sản phẩm học tập, phiếu phản hồi và sự tiến bộ trong nhận thức nghề nghiệp của học sinh.

3.5. Giải pháp thứ năm: Kết hợp trải nghiệm trực tiếp với công cụ số

Công nghệ phát huy hiệu quả khi chuẩn bị tốt cho hoạt động thực tế và giúp học sinh suy ngẫm sau trải nghiệm. Trước buổi tham quan, học sinh xem video giới thiệu nghề, đặt câu hỏi và xác định điều cần quan sát; trong hoạt động, các em ghi chép, phỏng vấn người làm nghề theo hướng dẫn; sau hoạt động, các em viết nhật ký trải nghiệm, thảo luận và điều chỉnh kế hoạch cá nhân. Những em không thể tham gia trực tiếp có thể tiếp cận video tình huống hoặc phiên giao lưu trực tuyến, song không nên coi trải nghiệm ảo là sự thay thế hoàn toàn.

Các dự án học tập liên môn cũng có thể tạo cầu nối với nghề nghiệp như: thiết kế sản phẩm đơn giản trong môn Công nghệ, xử lý dữ liệu trong môn Toán, truyền thông sản phẩm trong môn Ngữ văn hoặc Ngoại ngữ, tìm hiểu tác động môi trường trong môn Khoa học tự nhiên. Qua đó, học sinh thấy mối liên hệ giữa kiến thức đang học và yêu cầu thực tiễn của công việc, góp phần cải thiện động lực học tập.

3.6. Giải pháp thứ sáu: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát, bảo vệ dữ liệu trẻ em

Công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ tìm kiếm nghề theo tiêu chí, giải thích thuật ngữ, tạo câu hỏi khám phá sở thích, tổng hợp thông tin công khai và gợi ý nội dung trao đổi với giáo viên. Tuy nhiên, AI có thể đưa ra thông tin sai, lỗi thời hoặc thiên lệch, vì vậy mọi gợi ý quan trọng phải có nguồn kiểm chứng và được người phụ trách rà soát. Không sử dụng điểm số hoặc dữ liệu nhạy cảm để xếp hạng tương lai nghề nghiệp của học sinh, không đưa hồ sơ cá nhân lên dịch vụ công khai khi chưa có cơ sở pháp lý và biện pháp bảo vệ phù hợp.

Cần áp dụng nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu, phân quyền theo nhiệm vụ, lưu vết truy cập, quy định thời hạn lưu trữ và cơ chế xử lý sự cố. Học sinh và người giám hộ cần được thông tin rõ mục đích sử dụng dữ liệu, phạm vi chia sẻ và kênh yêu cầu chỉnh sửa. Công nghệ chỉ là công cụ hỗ trợ quyết định; trách nhiệm giáo dục và quyền lựa chọn cuối cùng thuộc về con người.

3.7. Giải pháp thứ bảy: Triển khai theo lộ trình 2026–2030 và đánh giá bằng kết quả thực chất

Giai đoạn 2026–2027 cần ưu tiên khảo sát nhu cầu, chuẩn hóa biểu mẫu tư vấn, bồi dưỡng giáo viên và lựa chọn một số cơ sở giáo dục tự nguyện thí điểm. Sản phẩm đầu ra gồm bộ tài liệu nghề

nghiệp đã kiểm chứng, quy trình tư vấn và cơ chế phối hợp đối tác. Giai đoạn 2028–2029 mở rộng mô hình trên cơ sở đánh giá độc lập, cải thiện khả năng truy cập trên thiết bị phổ thông, tích hợp phản hồi của học sinh – phụ huynh và hoàn thiện các hoạt động trải nghiệm. Năm 2030 tiến hành tổng kết, so sánh kết quả giữa các nhóm điều kiện khác nhau và đề xuất cơ chế duy trì bền vững.

Đánh giá không nên chỉ dựa vào số tài khoản đăng nhập hoặc số buổi tư vấn. Cần đo mức độ hiểu biết của học sinh về lộ trình học tập, chất lượng kế hoạch cá nhân, mức độ tham gia của gia đình, khả năng tiếp cận của nhóm khó khăn và sự phù hợp giữa nguyện vọng với lựa chọn thực tế. Các chỉ số đầu ra như tỷ lệ tiếp tục học, chuyển hướng học tập hay duy trì việc học cần được phân tích thận trọng, không coi việc tăng một luồng cụ thể là thước đo duy nhất của thành công.

Để bảo đảm công bằng, nên theo dõi chênh lệch tiếp cận giữa học sinh có và không có thiết bị số, giữa các nhóm hoàn cảnh, đồng thời duy trì kênh tư vấn trực tiếp và tài liệu in. Những học sinh có nguy cơ bỏ học cần được kết nối kịp thời với giáo viên chủ nhiệm, gia đình và nguồn hỗ trợ thích hợp. Mục tiêu cuối cùng không phải phân loại nhanh mà là giúp các em có lựa chọn hiểu biết, tự nguyện và khả thi.

4. KẾT LUẬN

Xây dựng hệ sinh thái hướng nghiệp số là chuyển đổi cách thức tổ chức hỗ trợ học sinh, không đơn thuần là xây dựng một website hay ứng dụng. Giá trị cốt lõi của mô hình nằm ở khả năng kết nối dữ liệu đáng tin cậy, trải nghiệm thực tiễn, tư vấn có trách nhiệm và sự đồng hành liên tục của nhà trường, gia đình, doanh nghiệp cùng các cơ sở đào tạo. Với học sinh gặp khó khăn trong học tập, hệ sinh thái phải mở thêm cơ hội khám phá năng lực và tiếp tục học tập, thay vì tạo ra cơ chế phân loại cứng nhắc.

Trong giai đoạn 2026–2030, việc triển khai tại An Giang cần tiến hành từng bước, có khảo sát ban đầu, thí điểm, đánh giá và điều chỉnh theo điều kiện địa phương. Khi quyền lựa chọn của học sinh được tôn trọng, thông tin được kiểm chứng và trách nhiệm phối hợp được xác lập rõ ràng, hướng nghiệp và phân luồng mới có thể trở thành quá trình giáo dục thực chất, góp phần phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm cơ hội học tập cho mọi học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* (Chương trình tổng thể và Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp).
4. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
5. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
6. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
7. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.

TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ: ĐỀ XUẤT TỪ THỰC TIỄN TRƯỜNG THCS AN HÒA, XÃ BÌNH HÒA, TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thanh Phong

Trường THCS An Hòa, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang

Email: phong_c2anhoact@angiang.edu.vn

Tóm tắt: *Bài tham luận đề xuất cách tích hợp giáo dục hướng nghiệp trong dạy học môn Giáo dục công dân (GDCD) ở cấp trung học cơ sở, giúp học sinh lớp 9 có căn cứ cân nhắc lộ trình sau tốt nghiệp. Số liệu của Trường THCS An Hòa cho thấy trong 104 học sinh hoàn thành chương trình THCS năm 2026, 53,8% vào THPT và ít nhất 19 em (18,3%) chưa có lộ trình học tập hoặc đào tạo nào được ghi nhận. Trên cơ sở Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT, các luật năm 2025 về giáo dục và giáo dục nghề nghiệp, bài đề xuất bốn giải pháp: ma trận tích hợp từ lớp 6 đến lớp 9, hoạt động khám phá chuỗi nghề địa phương "Từ hạt lúa đến thị trường", phiếu cân nhắc lộ trình sau THCS và tiêu chí đánh giá không ép học sinh chọn nghề. Các giải pháp là đề xuất chuyên môn, chưa qua thực nghiệm.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; Giáo dục công dân; phân luồng; trung học cơ sở; Bình Hòa*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Yêu cầu pháp lý và chỉ tiêu đã rõ

Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 yêu cầu hướng nghiệp, phân luồng phải bảo đảm quyền lựa chọn của học sinh, phù hợp năng lực, sở thích, nguyện vọng và nhu cầu nhân lực; được thực hiện hệ thống, liên tục và tích hợp vào chương trình giáo dục [1]. Với kỳ tuyển sinh năm học 2026–2027, Kế hoạch số 1546/KH-SGDĐT của Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang đặt khung 70% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) vào trường có cấp trung học phổ thông (THPT); 30% còn lại vào học nghề, giáo dục thường xuyên (GDTX), trung học nghề và các lựa chọn khác [2]. Đánh giá giai đoạn 2021–2025 trong Kế hoạch số 889/KH-SGDĐT ngày 12/02/2026 cũng ghi nhận hiệu quả tuyên truyền, tư vấn phân luồng sau THCS chưa như mong muốn [3].

1.2. Vấn đề đặt ra

Ở bậc THCS, kênh hướng nghiệp chính thức là Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN-HN). Trong kế hoạch của tác giả, hai bài của Chủ đề 9 về hướng nghiệp lớp 9 được bố trí ở tuần 31 và 33 [4], [5], tức cuối năm học, gần kỳ thi vào lớp 10 (các trường THPT thi tuyển thi ba môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh) [2]; việc cân nhắc lộ trình vì thế dễ diễn ra muộn, khi học sinh đang dồn sức ôn thi. Các môn học cần đóng đúng phần việc của mình. Môn Giáo dục công dân (GDCD) có lợi thế vì nội dung gắn với lao động, hoạt động kinh tế, đạo đức, pháp luật và khả năng ra quyết định có trách nhiệm. Câu hỏi của bài: GDCD có thể bổ sung điều gì cho HĐTN-HN mà không làm lệch yêu cầu cần đạt của môn học?

1.3. Phạm vi của bài

Bài không thêm nội dung mới vào chương trình GDCD mà đề xuất bộ công cụ gọn, dựa trên chính kế hoạch giáo dục môn GDCD năm học 2026–2027 của tác giả [6]. Tác giả chưa tiến hành khảo sát hay thực nghiệm; số liệu là thống kê của nhà trường do Ban Giám hiệu cung cấp [7]. Vì vậy các giải pháp được trình bày như đề xuất chuyên môn.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SƯ PHẠM

2.1. Khung pháp lý hiện hành

Theo Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT, hướng nghiệp được thực hiện bằng cách tích hợp, lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục; khung nội dung hướng nghiệp của cơ sở giáo dục phải phù hợp hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt trước khi thực hiện. Nội dung phân luồng gồm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về lựa chọn sau THCS, tư vấn trực tiếp và trực tuyến, phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, và truyền thông để giảm định kiến nghề nghiệp [1]. Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi Luật Giáo dục đưa trung học nghề vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp [8]; Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, quy định trường trung học nghề và bằng trung học nghề [9]. Học liệu hướng nghiệp xây dựng theo luật cũ vì vậy cần cập nhật để học sinh không nhận thông tin lạc hậu về các lộ trình sau THCS. Ở cấp tỉnh, Kế hoạch số 889/KH-SGDĐT định hướng giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, gắn với quy hoạch nhân lực; nêu giải pháp tổ chức ngày hội tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh và đẩy mạnh dạy văn hóa kết hợp dạy nghề để góp phần phân luồng sau THCS [3].

2.2. Đóng góp riêng của môn GDCD

Chương trình GDCD 2018 hướng tới ba năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội [10]. Ba năng lực này kết nối tự nhiên với hướng nghiệp: ra quyết định có trách nhiệm, tự nhận thức và lập kế hoạch, hiểu nghề trong quan hệ với sản xuất, kinh doanh và pháp luật [11]. HĐTN-HN đảm nhiệm trải nghiệm, tham quan, ngày hội tư vấn; GDCD giúp học sinh nhìn nghề qua giá trị lao động, quyền và nghĩa vụ, đạo đức nghề nghiệp và tính tự chủ trong lựa chọn. Hai kênh bổ sung cho nhau, không thay thế tư vấn cá nhân của giáo viên chủ nhiệm, gia đình và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.3. Nguyên tắc tích hợp

Một là, tích hợp có chọn lọc, không tăng yêu cầu cần đạt; kế hoạch giáo dục môn GDCD đã lồng ghép nhiều nội dung như quốc phòng – an ninh, quyền con người, đạo đức, lối sống, năng lực số và trí tuệ nhân tạo [6], nên không thể thêm tải. Hai là, học sinh là chủ thể tìm hiểu và phản tư. Ba là, thông tin nghề có nguồn và thời điểm; tình huống mô phỏng phải ghi rõ. Bốn là, tôn trọng mọi nghề hợp pháp và mọi lộ trình học tập, không xếp hạng nghề, không áp đặt lựa chọn.

3. BỐI CẢNH, THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

3.1. Bối cảnh kinh tế – nghề nghiệp của xã Bình Hòa

Theo thông tin công khai của Ủy ban nhân dân xã ngày 14/10/2026, trong 9 tháng đầu năm diện tích gieo trồng đạt 7.372 ha, trong đó xuống giống lúa 6.917 ha; toàn xã có khoảng 3.239 cơ sở sản xuất, kinh doanh với trên 6.400 lao động; địa bàn có Khu công nghiệp Bình Hòa và làng nghề may mặc; xã tổ chức 01 lớp dạy nghề ngắn hạn với 250 học viên, gắn với nhu cầu lao động của Khu công nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn [12]. Đây là số liệu của xã Bình Hòa sau sáp nhập, không phải riêng khu vực quanh trường. Xã có ba trường THCS (An Hòa, Bình Thạnh, Quán Cơ Thành) [13]. Bối cảnh này cho thấy nhiều nhóm nghề cùng nằm trong một chuỗi sản xuất, đủ để làm "lớp học mở". Việc 946 ha lúa tham gia Đề án 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp [12] là điểm nối giữa nghề nông truyền thống và định hướng nhân lực nông nghiệp công nghệ cao mà Kế hoạch của Sở nêu [3].

3.2. Số liệu phân luồng của Trường THCS An Hòa

Bài sử dụng số liệu thống kê của Trường THCS An Hòa do Ban Giám hiệu cung cấp [7].

Bảng 1

Học sinh hoàn thành chương trình THCS và hướng đi sau THCS

Năm học	Hoàn thành chương trình THCS	Vào THPT	Vào GDTX, nghề	Còn lại (*)
2023–2024	135	62 (45,9%)	47 (34,8%)	26 (19,3%)
2024–2025	90	74 (82,2%)	5 (5,6%)	11 (12,2%)
2025–2026	104	56 (53,8%)	23 (22,1%)	25 (24,0%)

Nguồn: thống kê của nhà trường [7]. (*) Phần còn lại sau khi trừ hai cột; tỷ lệ do tác giả tính.

Có ba nhận xét. Thứ nhất, tỷ lệ vào THPT biến động mạnh (45,9% – 82,2% – 53,8%) trong khi quy mô mỗi lứa khác nhau, nên với ba năm số liệu của một trường chưa thể kết luận về xu hướng. Thứ hai, lứa hoàn thành chương trình năm 2026 là lứa dự tuyển theo Kế hoạch 1546: 53,8% vào THPT, thấp hơn khung 70% của tỉnh. Cần thận trọng khi so sánh, vì 70% là khung tuyển sinh chung toàn tỉnh đối với các trường có cấp THPT [2], không phải chỉ tiêu riêng của từng trường THCS; bài chỉ dùng để đối chiếu. Thứ ba, nhóm "còn lại" chiếm từ 12,2% đến 24,0%, trong khi bảng tổng hợp không nêu các em đi đâu. Danh sách chi tiết của nhà trường cho phép phân tích riêng lứa năm 2026 (Bảng 2).

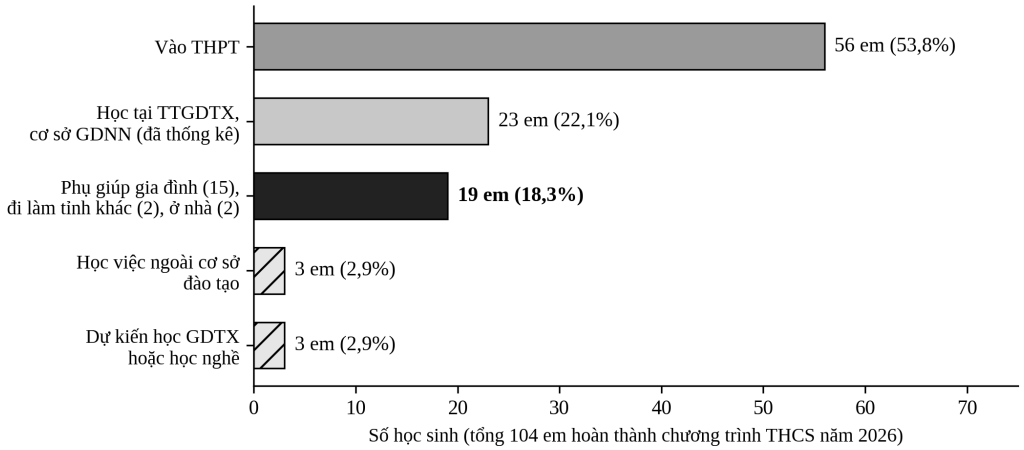
Bảng 2

Phân tích 25 học sinh ngoài nhóm THPT và GDTX, nghề (lứa năm 2026)

Nhóm	Số học sinh	Tỷ lệ/104 em
Phụ giúp gia đình	15	14,4%
Đi làm ở tỉnh khác	2	1,9%
Không đăng ký dự tuyển lớp 10, hiện ở nhà	2	1,9%
Không đăng ký dự tuyển lớp 10, học việc	3	2,9%
Không đăng ký dự tuyển lớp 10, dự kiến học tại trung tâm GDTX	2	1,9%
Học nghề kết hợp học văn hóa tại cơ sở giáo dục	1	1,0%
Tổng	**25**	**24,0%**

Nguồn: danh sách học sinh sau tuyển sinh lớp 10 (15/9/2026) và danh sách học sinh không đăng ký tuyển sinh lớp 10 của nhà trường [7]; tác giả tổng hợp.

Như vậy, ít nhất 19 em (18,3%) – gồm 15 em phụ giúp gia đình, 2 em đi làm ở tỉnh khác, 2 em ở nhà – chưa có lộ trình học tập hoặc đào tạo nào được ghi nhận (Hình 1); 3 em (2,9%) học việc ngoài cơ sở đào tạo. Cần nói rõ: Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT coi việc tham gia lao động phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện cá nhân cũng là một lựa chọn sau THCS [1]; vấn đề bài nêu không phải việc các em chọn lao động, mà là các em có đủ thông tin, được tư vấn và được nhà trường ghi nhận lộ trình hay chưa. Ngược lại, có em theo hướng học văn hóa kết hợp học nghề sau khi nhà trường phối hợp với Trung tâm giáo dục thường xuyên (TTGDTX) trên địa bàn xã An Châu giới thiệu. Dữ liệu chưa cho phép kết luận nguyên nhân: các em có thể chọn như vậy vì điều kiện gia đình, năng lực học tập hoặc nguyện vọng cá nhân, và việc phụ giúp gia đình có thể là lựa chọn có chủ đích. Điều bài muốn nêu là một nhóm không nhỏ chưa được ghi nhận lộ trình. Về mốc thời gian, lứa này dự thi ngày 02–03/6/2026 [2], khoảng 10 tuần sau khi Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực, nên có thể xem là số liệu nền trước khi Thông tư đi vào thực hiện; lứa lớp 9 năm học 2026–2027 là lứa đầu tiên học trọn năm học sau Thông tư.



Hình 1. Lộ trình sau THCS của 104 học sinh hoàn thành chương trình năm 2026 (nguồn: nhà trường [7]; tác giả tổng hợp)

Kế hoạch 1546 chủ yếu hướng dẫn tuyển sinh THPT: giao giáo viên chủ nhiệm lớp 9 nắm quy định tuyển sinh để tư vấn học sinh, cha mẹ học sinh và hướng dẫn chọn tổ hợp môn phù hợp năng lực; ngoài mục đích chung về phân luồng sau THCS và tỷ lệ 30%, văn bản không nêu biện pháp riêng cho nhóm chọn học nghề hay giáo dục thường xuyên [2]. Đó là phạm vi hợp lý của một kế hoạch tuyển sinh, nhưng cho thấy thông tin về lộ trình ngoài THPT cần được bổ sung từ các kênh khác, trong đó có dạy học các môn.

3.3. Tự rà soát hai kế hoạch bài dạy HĐTN-HN lớp 9

Hai kế hoạch bài dạy Chủ đề 9 (tuần 31 và 33, năm học 2024–2025) do tác giả biên soạn và trực tiếp giảng dạy gồm giới thiệu hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoạt động nhóm tìm hiểu một cơ sở đào tạo và ngày hội tư vấn có các tình huống chọn THPT hay học nghề, thuyết phục cha mẹ [4], [5]. Giá trị của hai bài là các tình huống bám sát băn khoăn của học sinh cuối cấp. Khi đối chiếu với Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT, tác giả nhận thấy ba điểm cần bổ sung: (1) thông tin địa phương mới ở mức gợi ý mời khách mời, tìm hiểu một cơ sở, chưa gắn với chuỗi nghề cụ thể của địa phương; (2) đánh giá chủ yếu dựa trên cảm nhận, thái độ, chưa có tiêu chí cho khả năng ra quyết định; (3) căn cứ pháp lý là luật năm 2014, cần cập nhật theo luật năm 2025 và kế hoạch tuyển sinh 2026–2027. Nhận xét này dựa trên thiết kế kế hoạch bài dạy, không phải kết quả đo lường việc học tập của học sinh.

3.4. Những vấn đề cần giải quyết

Từ số liệu và rà soát trên, bài xác định bốn vấn đề: (1) tích hợp hướng nghiệp trong GDCD mà không thêm tiết, không lấn át yêu cầu cần đạt; (2) có thông tin nghề địa phương đáng tin cậy và kênh phối hợp ổn định với cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (3) nhận diện sớm học sinh chưa có lộ trình rõ; (4) đánh giá tiến bộ về hiểu biết và kỹ năng cân nhắc lựa chọn, không chỉ ghi nhận việc tham gia hoạt động.

4. CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

4.1. Giải pháp 1: Ma trận tích hợp "vừa đủ" từ lớp 6 đến lớp 9

Tổ chuyên môn chọn một số bài đã có trong kế hoạch dạy học có kết nối thực chất với hướng nghiệp, thay vì đưa vào mọi bài. Dựa trên kế hoạch giáo dục năm học 2026–2027 [6], ma trận gồm năm điểm tích hợp (Bảng 3). Ma trận là công cụ cụ thể hóa trong khung nội dung hướng nghiệp đã được cơ quan quản lý phê duyệt, không thay thế khung đó [1]; tên bài và yêu cầu cần đạt phải đối chiếu đúng với sách giáo khoa nhà trường đang dùng.

Bảng 3

Ma trận tích hợp hướng nghiệp trong môn GDCD (theo kế hoạch năm học 2026–2027)

Lớp – bài (thời điểm)	Kết nối hướng nghiệp	Nhiệm vụ nhỏ, sản phẩm
Lớp 6 – Bài 6 "Tự nhận thức bản thân" (tuần 14–15, 18)	Nhận ra điểm mạnh, sở thích, giá trị của bản thân	Hồ sơ giới thiệu bản thân (kế hoạch đã có)
Lớp 8 – Bài 6 "Xác định mục tiêu cá nhân" (tuần 14–15, 18)	Từ mục tiêu cá nhân đến mục tiêu học tập, nghề nghiệp	Sơ đồ kế hoạch thực hiện mục tiêu (kế hoạch đã có), thêm mục "điều cần học"
Lớp 8 – Bài 10 "Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân" (tuần 30–32, 35)	Nhiệm vụ, điều kiện làm việc, quyền lợi, an toàn trong một nghề	Hồ sơ tìm hiểu một nghề
Lớp 9 – Giáo dục địa phương "Làng nghề truyền thống ở tỉnh An Giang" (tuần 6–7) và Bài 10 "Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế" (tuần 30–31, 34–35)	Nhiều vị trí nghề trong một chuỗi sản xuất, kinh doanh hợp pháp	Sơ đồ chuỗi giá trị (giải pháp 2)
Lớp 9 – Bài 7 "Thích ứng với thay đổi" (tuần 19–21)	Xem lộ trình sau THCS như một thay đổi cần chuẩn bị	Phiếu cân nhắc lộ trình (giải pháp 3)

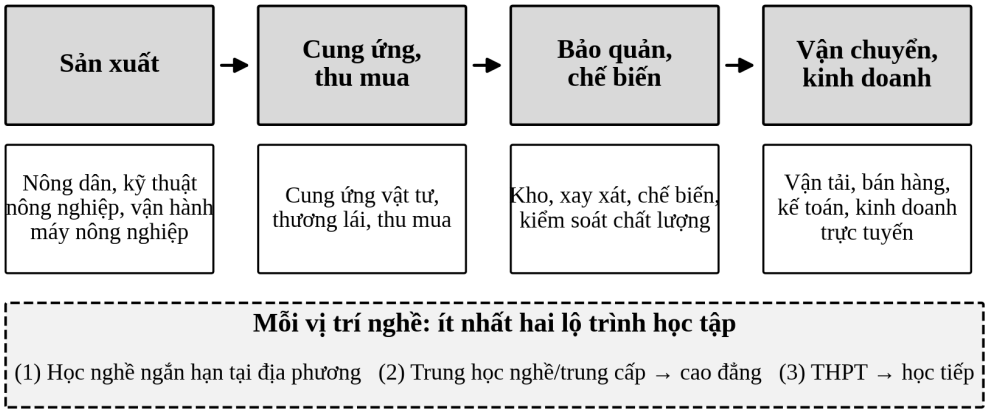
Nguồn: Kế hoạch giáo dục của giáo viên năm học 2026–2027 [6]; tác giả đề xuất phần kết nối.

4.2. Giải pháp 2: Hoạt động "Từ hạt lúa đến thị trường – bản đồ nghề nghiệp Bình Hòa"

Hoạt động dài một tiết, gắn với chủ đề địa phương về làng nghề (học kỳ I) hoặc Bài 10 lớp 9 (học kỳ II), gồm năm bước:

- Bước 1: giáo viên nêu tình huống một sản phẩm lúa gạo đến tay người tiêu dùng, hỏi ai tham gia vào chuỗi.
- Bước 2: nhóm vẽ sơ đồ các vị trí (người sản xuất, kỹ thuật, cung ứng vật tư, thu mua, bảo quản, vận chuyển, chế biến, kiểm soát chất lượng, kinh doanh, kế toán; xem Hình 2).
- Bước 3: mỗi nhóm chọn một vị trí, điền hồ sơ tìm hiểu nghề (nhiệm vụ, kỹ năng, phẩm chất, điều kiện làm việc, nguồn kiểm chứng).
- Bước 4: phân tích bằng lăng kính GDCD: trách nhiệm, trung thực trong kinh doanh, an toàn lao động, quyền và nghĩa vụ.
- Bước 5: mỗi học sinh ghi một điều mới hiểu, một năng lực cần phát triển và một thông tin cần

tìm thêm; không yêu cầu tuyên bố nghề sẽ chọn.



Hình 2. Sơ đồ minh họa bản đồ nghề nghiệp "Từ hạt lúa đến thị trường" (tác giả thiết kế)

Điểm mới là mỗi vị trí nghề gắn với ít nhất hai con đường học tập (học nghề ngắn hạn tại địa phương; trung học nghề hoặc trung cấp rồi cao đẳng; học THPT rồi học tiếp), để học sinh thấy một nghề có thể đến bằng nhiều lộ trình theo các luật năm 2025 [8], [9]. Có thể mở rộng sang may mặc, dịch vụ theo bối cảnh khu công nghiệp [12] và các nhóm ngành tỉnh ưu tiên như nông nghiệp công nghệ cao, logistics [3]. Việc tìm thông tin tận dụng các nhiệm vụ năng lực số đã có trong kế hoạch dạy học [6]: học sinh ghi nguồn, đối chiếu ít nhất hai nguồn; nếu dùng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để gợi ý thông tin thì phải khai báo, kiểm chứng và không nhập thông tin cá nhân; cách làm này phù hợp nội dung ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong hướng nghiệp của Thông tư [1]. Hoạt động chỉ cần giấy bút và thông tin do giáo viên chuẩn bị, phù hợp điều kiện trường phổ thông.

4.3. Giải pháp 3: Phiếu cân nhắc lộ trình sau THCS và kênh phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Phiếu (Bảng 4) là cầu nối từ hiểu nghề đến phân luồng, đặt vào Bài 7 lớp 9 "Thích ứng với thay đổi" (tuần 19–21, đầu học kỳ II), tức vài tháng trước kỳ thi tuyển sinh. Học sinh ghi: sở thích và điểm mạnh; điều kiện gia đình; thông tin chính thức đã tìm được kèm nguồn (kế hoạch tuyển sinh của Sở, thông tin của cơ sở giáo dục nghề nghiệp); hai đến ba lộ trình đang cân nhắc (học THPT; học nghề; học văn hóa kết hợp học nghề tại trung tâm giáo dục thường xuyên [3]); câu hỏi cần hỏi và người sẽ tham vấn. Phiếu không chấm điểm lựa chọn, không dùng như bài trắc nghiệm hướng nghiệp, chỉ giáo viên chủ nhiệm và học sinh được xem. Học sinh có thể luyện đối thoại với cha mẹ bằng tình huống "thuyết phục cha mẹ" đã dùng trong ngày hội tư vấn của HĐTN-HN [5]. Qua phiếu, giáo viên chủ nhiệm nhận diện sớm học sinh chưa có lộ trình rõ để cung cấp thông tin hoặc kết nối tư vấn, đáp ứng yêu cầu tư vấn mà Kế hoạch 1546 giao cho giáo viên chủ nhiệm lớp 9 [2].

Bảng 4

Mẫu phiếu cân nhắc lộ trình sau THCS (rút gọn)

Phần	Nội dung học sinh ghi
Thông tin chung	Mã số hoặc họ tên: …… Lớp 9…… (chỉ giáo viên chủ nhiệm và học sinh xem; không chấm điểm)
1. Em và điều kiện của em	Môn/hoạt động em thích, điều em làm tốt: …… Điều kiện gia đình, chi phí học tập, mong muốn của cha mẹ: ……
2. Thông tin em đã tìm được	Lộ trình/nghề em tìm hiểu: …… Nguồn (kế hoạch tuyển sinh của Sở, trang của cơ sở đào tạo, người đã hỏi): …… Đối chiếu từ 2 nguồn: có/chưa. Nếu dùng công cụ AI để gợi ý: có (ghi rõ công cụ)/không. Đã kiểm chứng ở nguồn chính thức: rồi/chưa
3. Hai đến ba lộ trình em đang cân nhắc	Học THPT; Học nghề (trung học nghề, trung cấp, cao đẳng, học nghề ngắn hạn); Học văn hóa kết hợp học nghề tại TTGDTX; Tham gia lao động; Khác: …… Với mỗi lộ trình: ưu điểm ……; điều em còn lo ……; thời gian, chi phí ……
4. Em cần hỏi thêm và sẽ làm	Câu hỏi và người/đơn vị em sẽ hỏi (thầy cô, cha mẹ, trung tâm, cơ sở nghề): …… Việc em làm trong 4 tuần tới: …… Em đã trao đổi với cha mẹ: rồi/chưa

Ghi chú: Phiếu không dùng để chấm điểm hay xếp loại lựa chọn của học sinh; không phải bài trắc nghiệm hướng nghiệp. Tác giả thiết kế.

Về kênh phối hợp, nhà trường đã có một thực tiễn đáng nhân rộng: có học sinh theo hướng học văn hóa kết hợp học nghề sau khi trường phối hợp với TTGDTX trên địa bàn xã An Châu giới thiệu [7]. Đề xuất chuẩn hóa thành mỗi học kỳ ít nhất một buổi trao đổi (trực tiếp hoặc trực tuyến) với cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc trung tâm gần nhất, kết hợp ngày hội tư vấn của HĐTN-HN, nhằm khắc phục hạn chế phối hợp được nêu trong đánh giá giai đoạn 2021–2025 của Sở [3]. Hằng năm, nhà trường ghi nhận lộ trình sau THCS theo mẫu như Bảng 2, với sự đồng ý của gia đình và bảo mật thông tin, để có số liệu nền tin cậy.

4.4. Giải pháp 4: Đánh giá bằng minh chứng học tập

Đánh giá dựa trên sản phẩm của giải pháp 2 và 3, theo bốn tiêu chí và ba mức (Bảng 5), dùng cùng tiêu chí trước và sau chuỗi hoạt động để nhận ra tiến bộ. Đây là đánh giá quá trình trong giờ học, không thêm bài kiểm tra riêng.

Bảng 5

Tiêu chí đánh giá sản phẩm hướng nghiệp trong môn GDCD

Tiêu chí	Cần hỗ trợ thêm	Đạt yêu cầu cơ bản	Thể hiện tốt
Độ tin cậy thông tin	Thiếu nguồn hoặc lẫn dữ kiện với nhận định	Nêu nguồn, phân biệt dữ kiện và ý kiến	Đối chiếu từ hai nguồn trở lên
Hiểu biết về nghề	Mô tả chưa rõ nhiệm vụ	Nêu nhiệm vụ và yêu cầu chính	Nêu thêm con đường học tập tương ứng
Vận dụng GDCD	Liên hệ chưa rõ	Liên hệ đúng một trách nhiệm hoặc chuẩn mực	Giải thích có căn cứ mối liên hệ
Tự nhận thức, cân nhắc	Chưa nêu được điều cần tìm hiểu	Nêu năng lực cần phát triển	Nêu lý do có căn cứ, không bắt buộc chọn nghề

Ở cấp trường, có thể theo dõi tỷ lệ học sinh lớp 9 hoàn thành phiếu và nêu được ít nhất hai lộ trình, đồng thời thống kê hằng năm theo Bảng 2. Chưa nên đặt mục tiêu định lượng trước khi có số liệu nền. Không gán điểm môn GDCD dựa trên việc học sinh chọn nghề hay lộ trình nào.

5. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN VÀ HẠN CHẾ

Để vận hành cần: khung nội dung hướng nghiệp của trường được phê duyệt theo Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [1]; học liệu nghề địa phương có nguồn và được cập nhật; sự phối hợp giữa giáo viên GDCD, giáo viên chủ nhiệm, người phụ trách HĐTN-HN, gia đình và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bảo mật thông tin cá nhân của học sinh. Các giải pháp thực hiện được ngay trong lớp, không đòi hỏi thiết bị đặc biệt hay thêm tiết. Nếu được nhà trường đồng ý, có thể thí điểm phiếu cân nhắc lộ trình với lớp 9 năm học 2026–2027, phiếu cá nhân chỉ giáo viên chủ nhiệm xem, còn số liệu tổng hợp so sánh trước – sau trong cùng lớp được báo cáo ẩn danh, không suy rộng ra toàn xã. Điểm tích hợp ở học kỳ I (Giáo dục địa phương, tuần 6–7) áp dụng từ năm học 2027–2028; năm học 2026–2027 có thể thực hiện ở Bài 7 và Bài 10 lớp 9. Hạn chế của bài: chưa thực nghiệm; số liệu của một trường và chỉ phân tích chi tiết được một lứa; chưa có dữ liệu về nguyên nhân học sinh chọn từng hướng đi; hai kế hoạch bài dạy HĐTN-HN chưa có sản phẩm học sinh làm minh chứng.

6. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Môn GDCD có thể góp phần thiết thực vào hướng nghiệp, phân luồng nếu tích hợp có chọn lọc, gắn với bối cảnh địa phương, có sản phẩm và tiêu chí đánh giá rõ ràng, đồng thời bảo đảm quyền lựa chọn của học sinh. Số liệu của Trường THCS An Hòa cho thấy nhu cầu cụ thể: gần một phần năm học sinh hoàn thành chương trình năm 2026 chưa có lộ trình học tập hoặc đào tạo được ghi nhận. Về mục tiêu giai đoạn 2026–2030, bài đề xuất: mọi học sinh lớp 9 có phiếu cân nhắc lộ trình, và nhà trường ghi nhận được lộ trình của mọi học sinh hoàn thành chương trình THCS. Xin kiến nghị:

- **Nhà trường:** đưa ma trận tích hợp vào kế hoạch dạy học trong khung nội dung hướng nghiệp đã được phê duyệt; thống nhất dùng phiếu cân nhắc lộ trình ở lớp 9; thống kê hằng năm lộ trình sau THCS của học sinh, kể cả nhóm chưa tiếp tục học.

- **Cơ quan quản lý giáo dục và chính quyền địa phương:** cung cấp thông tin tuyển sinh, ngành nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, kể cả trung học nghề, theo hình thức dễ tiếp cận; tập huấn tích hợp hướng nghiệp cho giáo viên các môn học, không chỉ giáo viên chủ nhiệm; hướng dẫn mẫu thống kê thống nhất về lộ trình sau THCS; xem xét đưa hướng nghiệp, phân luồng cấp THCS vào các chương trình, đề án giai đoạn 2026–2030 (danh mục đề án dự kiến chưa nêu riêng đề án về nội dung này [3]).
- **Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, gia đình:** cung cấp thông tin có kiểm chứng; đồng hành, tôn trọng sự khác biệt về năng lực, hoàn cảnh và nguyện vọng của học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
2. Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang (2026). *Kế hoạch số 1546/KH-SGDĐT ngày 20/3/2026 về tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông năm học 2026–2027*.
3. Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang (2026). *Kế hoạch số 889/KH-SGDĐT ngày 12/02/2026 về phát triển giáo dục – đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030*.
4. Nguyễn Thanh Phong (2025). *Kế hoạch bài dạy Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9, Chủ đề 9, tuần 31 (soạn ngày 24/3/2025)*. Tài liệu nội bộ.
5. Nguyễn Thanh Phong (2025). *Kế hoạch bài dạy Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9, Chủ đề 9, tuần 33 (soạn ngày 07/4/2025)*. Tài liệu nội bộ.
6. Nguyễn Thanh Phong, Tổ Văn – GDCD, Trường THCS An Hòa (2026). *Kế hoạch giáo dục của giáo viên năm học 2026–2027 (môn GDCD 6, 7, 8, 9 và Giáo dục địa phương), ngày 07/9/2026*. Tài liệu nội bộ.
7. Trường THCS An Hòa (2026). *Thống kê học sinh hoàn thành chương trình THCS và phân luồng năm học 2023–2024 đến 2025–2026; Danh sách học sinh sau tuyển sinh lớp 10 (15/9/2026) và Danh sách học sinh không đăng ký tuyển sinh lớp 10 năm học 2026–2027*. Tài liệu nội bộ do Ban Giám hiệu cung cấp.
8. Quốc hội (2025). *Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục*.
9. Quốc hội (2025). *Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10/12/2025*.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018*.
11. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
12. Doãn Hiếu (2026, 14/10). Xã Bình Hòa bứt phá phát triển kinh tế – xã hội. *Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa*. https://binhhoa.angiang.gov.vn/xa-binh-hoa-pha-phat-trien-kinh-te-xa-hoi (truy cập ngày 29/10/2026).
13. Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa (2026). *Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 08/4/2026 về tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông năm học 2026–2027 trên địa bàn xã Bình Hòa*.

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP NỀN TẢNG CHO HỌC SINH

Võ Phương Nga[1], Lại Thái Mạnh[2]

[1]*Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, tỉnh An Giang*

[2]*Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, tỉnh An Giang*

Email: phuongnga28380@gmail.com, laithaimanh@gmail.com

Tóm tắt: *Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và thị trường lao động biến đổi, giáo dục khởi nghiệp được xem là một hướng tiếp cận góp phần hình thành phẩm chất và năng lực nghề nghiệp nền tảng cho học sinh. Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp và đối chiếu tài liệu (khung EntreComp, các tổng quan quốc tế và Chương trình giáo dục phổ thông 2018), bài viết làm rõ khái niệm, phân tích vai trò của giáo dục khởi nghiệp đối với tính chủ động, trách nhiệm, trung thực, hợp tác, sáng tạo và định hướng nghề nghiệp; đồng thời nhận diện các khó khăn và đề xuất năm giải pháp triển khai trong trường phổ thông. Kết quả phân tích lí luận cho thấy tiềm năng hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực của hoạt động khởi nghiệp khi được thiết kế phù hợp với lứa tuổi, gắn với trải nghiệm tạo giá trị và đánh giá quá trình.*

Từ khóa: *giáo dục khởi nghiệp; học sinh; phẩm chất; năng lực nghề nghiệp; giáo dục hướng nghiệp*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thị trường lao động thay đổi nhanh, nhà trường cần chuẩn bị cho học sinh không chỉ kiến thức học thuật mà còn khả năng thích ứng, sáng tạo và tự định hướng nghề nghiệp. Vì vậy, giáo dục khởi nghiệp trở thành một nội dung cần thiết, giúp học sinh hình thành tư duy chủ động, biết phát hiện vấn đề, tìm kiếm cơ hội, đề xuất và thực hiện ý tưởng trong học tập cũng như cuộc sống.

Ở Việt Nam, Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025" [1] đã góp phần thúc đẩy hoạt động giáo dục và hỗ trợ khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên, tạo tiền đề cho việc tiếp tục phát triển các hoạt động này trong cơ sở giáo dục.

Trên thế giới, Bacigalupo và cộng sự cho rằng năng lực khởi nghiệp không chỉ gắn với việc thành lập doanh nghiệp mà còn là khả năng biến ý tưởng thành hành động và tạo ra giá trị [2]. Khung năng lực EntreComp gồm ba nhóm chính: ý tưởng và cơ hội, nguồn lực, hành động, với các năng lực như sáng tạo, nhận diện cơ hội, lập kế hoạch, hợp tác và học hỏi từ kinh nghiệm. Lackéus cũng nhấn mạnh giáo dục khởi nghiệp không chỉ là dạy kinh doanh mà còn là quá trình giúp người học tạo ra giá trị cho bản thân, người khác và xã hội [3].

Các nghiên cứu và tổng quan quốc tế về giáo dục khởi nghiệp đã đề cập năng lực tạo giá trị, chương trình học và điều kiện tổ chức. Tuy nhiên, bằng chứng thực nghiệm về kết quả ở từng cấp học không hoàn toàn đồng nhất; nghiên cứu của Bae và cộng sự [4], chủ yếu liên quan đến ý định khởi nghiệp, cho thấy cần thận trọng khi suy diễn hiệu quả cho phẩm chất và năng lực nghề nghiệp

của học sinh phổ thông. Do đó, bài viết lựa chọn cách tiếp cận lý luận, tập trung phân tích cơ chế giáo dục và đề xuất định hướng triển khai phù hợp với lứa tuổi.

Từ những luận cứ trên, bài viết phân tích vai trò tiềm năng của giáo dục khởi nghiệp đối với phẩm chất và năng lực nghề nghiệp nền tảng của học sinh; nhận diện khó khăn trong triển khai và đề xuất các giải pháp trong trường phổ thông.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Giáo dục khởi nghiệp

Giáo dục khởi nghiệp có thể được tiếp cận theo nghĩa hẹp là trang bị kiến thức và kĩ năng kinh doanh hoặc theo nghĩa rộng là phát triển khả năng biến ý tưởng thành hành động tạo giá trị. Theo Bacigalupo và cộng sự, giá trị có thể thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội hoặc văn hóa [2]; Lackéus nhấn mạnh việc học thông qua tạo giá trị cho người khác [3]. Điều quan trọng không phải là học sinh có lập doanh nghiệp hay không, mà là các em biết phát hiện vấn đề, đề xuất ý tưởng, hành động, hợp tác và tạo ra điều gì đó có ích.

Trong bài viết này, giáo dục khởi nghiệp ở trường phổ thông được hiểu là giáo dục tinh thần khởi nghiệp, thái độ tích cực với lao động, khả năng sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự học và năng lực định hướng nghề nghiệp.

2.1.2. Phẩm chất của học sinh

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [5], phẩm chất của học sinh được xác định thành 5 phẩm chất chủ yếu, gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm. Đây là những phẩm chất nền tảng mà nhà trường cần hình thành cho học sinh trong quá trình giáo dục.

Trong phạm vi bài viết, phẩm chất của học sinh được hiểu là những thuộc tính nhân cách được hình thành trong quá trình giáo dục, thể hiện qua thái độ, hành vi và cách ứng xử của học sinh đối với bản thân, người khác, cộng đồng và xã hội. Trong giáo dục khởi nghiệp, các phẩm chất như chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, nhân ái, tự tin, kiên trì và dám vượt khó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

2.1.3. Năng lực nghề nghiệp của học sinh

Năng lực nghề nghiệp của học sinh là khái niệm cần hiểu cho phù hợp với lứa tuổi phổ thông. Học sinh chưa phải là người lao động chuyên nghiệp, nên không thể hiểu năng lực nghề nghiệp như năng lực làm nghề thành thạo. Trong phạm vi bài viết, năng lực nghề nghiệp nền tảng của học sinh được hiểu là những năng lực giúp các em nhận thức về bản thân và thế giới nghề nghiệp, lựa chọn hướng học tập phù hợp, đồng thời chuẩn bị cho quá trình học tập và tham gia lao động trong tương lai [6]. Khác với năng lực hành nghề chuyên môn của người lao động, những năng lực này mang tính chuẩn bị, bao gồm tự nhận thức, định hướng nghề nghiệp, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo, thích ứng và lập kế hoạch phát triển bản thân.

2.2. Vai trò của giáo dục khởi nghiệp trong phát triển phẩm chất cho học sinh

2.2.1. Hình thành tính chủ động, trách nhiệm, chăm chỉ và kiên trì

Khi tham gia dự án nhỏ, học sinh được lựa chọn ý tưởng, phân công nhiệm vụ, theo dõi tiến độ và chịu trách nhiệm với kết quả chung. Những lần thử nghiệm chưa đạt, sửa sai và hoàn thiện sản phẩm tạo cơ hội rèn tính chăm chỉ, kiên trì và khả năng vượt khó. Tác dụng giáo dục này phụ thuộc vào việc giáo viên trao quyền phù hợp và tổ chức phản hồi trong quá trình học tập.

2.2.2. Bồi dưỡng tính trung thực và trách nhiệm trong tạo giá trị

Khi khảo sát nhu cầu, giới thiệu sản phẩm hay thuyết trình dự án, học sinh cần trung thực với thông tin, tôn trọng ý tưởng của người khác và cân nhắc tác động của hoạt động đến các bên liên quan. Giáo viên cần hướng dẫn để mục tiêu tạo giá trị gắn với ứng xử có trách nhiệm, không chạy theo kết quả kinh doanh.

2.2.3. Nuôi dưỡng lòng nhân ái và ý thức phục vụ cộng đồng

Hoạt động khởi nghiệp ở trường phổ thông có thể bắt đầu từ các vấn đề gần gũi như tái chế, bảo vệ môi trường, hỗ trợ bạn học hoặc giới thiệu sản phẩm địa phương. Khi học sinh xác định nhu cầu của người khác và tìm cách đáp ứng, các em có cơ hội phát triển sự quan tâm, tinh thần sẻ chia và ý thức đóng góp cho cộng đồng.

2.3. Vai trò của giáo dục khởi nghiệp trong phát triển năng lực nghề nghiệp cho học sinh

2.3.1. Phát triển năng lực tự nhận thức và định hướng nghề nghiệp

Qua các nhiệm vụ dự án, học sinh có thể nhận ra sở thích và điểm mạnh của mình trong thiết kế, giao tiếp, tổ chức công việc hoặc thực hành kĩ thuật. Việc tự đánh giá trải nghiệm và nhận phản hồi giúp các em hình thành hiểu biết ban đầu về khả năng cá nhân và lựa chọn học tập, nghề nghiệp; mức tiến bộ cần được kiểm chứng bằng đánh giá phù hợp.

2.3.2. Phát triển năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề

Nhiệm vụ tạo giá trị đòi hỏi học sinh nhận diện nhu cầu, phát triển ý tưởng, so sánh phương án, thử nghiệm và điều chỉnh. Ví dụ, dự án sản phẩm tái chế giúp học sinh cân nhắc vật liệu, công năng và cách khắc phục lỗi. Qua đó, hoạt động có thể tạo cơ hội rèn tư duy sáng tạo, phân tích tình huống và giải quyết vấn đề trong bối cảnh thực tế.

2.3.3. Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác

Khi cùng xây dựng và giới thiệu sản phẩm hoặc giải pháp, học sinh phải trao đổi ý kiến, lắng nghe, thương lượng, phân công và xử lí bất đồng. Những tương tác này có thể hỗ trợ phát triển giao tiếp, hợp tác nếu giáo viên bảo đảm sự tham gia của từng thành viên và có phản hồi cụ thể.

2.3.4. Phát triển năng lực lập kế hoạch, quản lí bản thân và thích ứng

Các dự án học tập tạo điều kiện để học sinh xác định mục tiêu, phân bổ thời gian và nguồn lực, theo dõi tiến độ, tự đánh giá và điều chỉnh công việc. Việc tiếp nhận phản hồi hoặc ứng phó khi điều kiện thay đổi có thể rèn khả năng thích ứng, góp phần hình thành những năng lực nền tảng cho học tập và nghề nghiệp tương lai.

Từ những phân tích trên có thể thấy, vai trò của giáo dục khởi nghiệp trong phát triển năng

lực nghề nghiệp nền tảng cho học sinh được thể hiện thông qua quá trình tham gia các nhiệm vụ học tập gắn với tạo giá trị. Thông qua việc chủ động phát hiện vấn đề, đề xuất ý tưởng, lựa chọn phương án, tổ chức thực hiện và tiếp nhận phản hồi, học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức, rèn luyện khả năng tự nhận thức, sáng tạo, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác và quản lí bản thân. Đặc biệt, quá trình tự đánh giá và điều chỉnh sau trải nghiệm giúp học sinh nhận diện điểm mạnh, hạn chế và từng bước hình thành định hướng phát triển cá nhân. Như vậy, giáo dục khởi nghiệp không trực tiếp hình thành năng lực hành nghề chuyên môn mà tạo môi trường trải nghiệm góp phần chuẩn bị những năng lực nền tảng cần thiết cho việc học tập và lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.

2.4. Một số khó khăn và vấn đề đặt ra trong tổ chức giáo dục khởi nghiệp

Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu và báo cáo liên quan, việc tổ chức giáo dục khởi nghiệp trong trường phổ thông có thể gặp những khó khăn về nhận thức, năng lực tổ chức và điều kiện triển khai [3], [7]. Đây là những vấn đề cần xem xét khi vận dụng vào bối cảnh Việt Nam, không phải kết quả khảo sát thực trạng của bài viết.

Thứ nhất, khó khăn trong nhận thức và định hướng tổ chức giáo dục khởi nghiệp. Giáo dục khởi nghiệp có thể bị hiểu theo nghĩa hẹp, đồng nhất với hoạt động kinh doanh, thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức các cuộc thi ý tưởng, trưng bày sản phẩm. Cách tiếp cận này dễ khiến nhà trường chú trọng kết quả cuối cùng hơn quá trình học tập, trong khi mục tiêu cốt lõi của giáo dục khởi nghiệp ở cấp phổ thông là phát triển tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm và khả năng tạo giá trị cho người khác. Vì vậy, cần xác định đúng mục tiêu giáo dục và tích hợp hoạt động khởi nghiệp vào môn học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thay vì chỉ tổ chức theo phong trào [2].

Thứ hai, khó khăn về năng lực tổ chức và đánh giá của giáo viên. Giáo dục khởi nghiệp đòi hỏi giáo viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn có khả năng thiết kế nhiệm vụ gắn với thực tiễn, hướng dẫn học sinh hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, triển khai hoạt động và điều chỉnh phương án. Đồng thời, việc đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh không thể chỉ dựa vào sản phẩm cuối cùng mà cần xem xét mức độ chủ động, hợp tác, giải quyết vấn đề và tiến bộ trong quá trình tham gia. Những yêu cầu này đặt ra nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn và phát triển công cụ đánh giá phù hợp [3], [7].

Thứ ba, khó khăn về điều kiện triển khai và cơ chế phối hợp các nguồn lực giáo dục. Việc tổ chức giáo dục khởi nghiệp có thể chịu ảnh hưởng bởi thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất, không gian thực hành và yêu cầu bảo đảm an toàn cho học sinh. Bên cạnh đó, nếu thiếu sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, doanh nghiệp và cộng đồng, các hoạt động có thể hạn chế về cơ hội trải nghiệm và tính gắn kết với đời sống thực tiễn. Do đó, việc triển khai cần lựa chọn nhiệm vụ phù hợp với lứa tuổi, tận dụng nguồn lực sẵn có và thiết lập cơ chế phối hợp nhằm tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động học tập có ý nghĩa.

3. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP NHẰM PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH

3.1. Nâng cao nhận thức về giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường

Trước hết, cần thống nhất nhận thức rằng giáo dục khởi nghiệp ở trường phổ thông không phải là đào tạo học sinh trở thành doanh nhân ngay từ khi còn đi học. Mục tiêu quan trọng hơn là hình thành tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực định hướng nghề nghiệp.

Nhà trường cần tổ chức tuyên truyền, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn để giáo viên hiểu đúng về giáo dục khởi nghiệp. Học sinh cũng cần được tiếp cận khởi nghiệp bằng những hoạt động gần gũi, phù hợp với lứa tuổi, tránh cách triển khai quá nặng về kinh doanh hoặc thành tích.

3.2. Tích hợp giáo dục khởi nghiệp thông qua môn học và dự án trải nghiệm

Giáo dục khởi nghiệp có thể được tích hợp vào các môn học như Công nghệ thông qua thiết kế sản phẩm, Tin học thông qua phát triển ý tưởng ứng dụng số và Ngữ văn thông qua trình bày, giới thiệu ý tưởng. Đặc biệt, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tạo điều kiện để học sinh vận dụng kiến thức vào các dự án gắn với đời sống như tái chế vật liệu, truyền thông cộng đồng, giới thiệu sản phẩm địa phương, tiết kiệm năng lượng hoặc hỗ trợ học tập.

3.3. Bồi dưỡng giáo viên và xây dựng môi trường hỗ trợ sáng tạo

Giáo viên giữ vai trò quan trọng trong tổ chức giáo dục khởi nghiệp. Vì vậy, cần bồi dưỡng cho giáo viên năng lực thiết kế hoạt động trải nghiệm, hướng dẫn dự án, hỗ trợ học sinh phát triển ý tưởng, kết nối nguồn lực và đánh giá sản phẩm.

Nhà trường cần xây dựng môi trường học tập khuyến khích học sinh nêu ý tưởng, thử nghiệm và cải tiến. Có thể thành lập câu lạc bộ sáng tạo, câu lạc bộ khởi nghiệp, góc trưng bày sản phẩm học sinh, ngày hội ý tưởng sáng tạo hoặc diễn đàn học sinh với nghề nghiệp tương lai.

3.4. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng

Nhà trường cần thiết lập cơ chế phối hợp với gia đình, doanh nghiệp và các tổ chức cộng đồng nhằm mở rộng cơ hội trải nghiệm thực tiễn cho học sinh. Gia đình có thể hỗ trợ học sinh phát hiện những vấn đề gần gũi trong đời sống, khuyến khích các em đề xuất ý tưởng và thực hiện nhiệm vụ phù hợp với khả năng. Doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại địa phương có thể tham gia giới thiệu nghề nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ hoạt động tham quan và cung cấp những tình huống thực tế cho dự án học tập. Các tổ chức cộng đồng có thể phối hợp với nhà trường tổ chức hoạt động hướng đến giải quyết những vấn đề xã hội hoặc môi trường. Sự phối hợp cần bảo đảm mục tiêu giáo dục, tính phù hợp với lứa tuổi và an toàn cho học sinh, tránh thương mại hóa các hoạt động khởi nghiệp trong nhà trường.

3.5. Đổi mới đánh giá quá trình học sinh tham gia

Đánh giá giáo dục khởi nghiệp không nên chỉ dựa vào sản phẩm đẹp hay ý tưởng đạt giải. Cần đánh giá toàn diện quá trình học sinh tham gia hoạt động. Các tiêu chí có thể gồm: mức độ chủ động, tinh thần trách nhiệm, khả năng hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, tính sáng tạo, khả năng

thuyết trình, ý thức cộng đồng và khả năng rút kinh nghiệm. Khung EntreComp có thể tham khảo để xác định tiêu chí quan sát về ý tưởng, huy động nguồn lực và hành động [2].

Đánh giá nên kết hợp giữa giáo viên đánh giá, học sinh tự đánh giá, nhóm đánh giá lẫn nhau và phản hồi từ người tham gia hoạt động. Cách đánh giá này phù hợp với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực.

4. BÀN LUẬN

Giáo dục khởi nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ với giáo dục hướng nghiệp trong việc chuẩn bị những năng lực nghề nghiệp nền tảng cho học sinh. Nếu giáo dục hướng nghiệp tập trung giúp học sinh nhận thức về bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và lựa chọn hướng học tập phù hợp thì giáo dục khởi nghiệp tạo cơ hội để các em vận dụng kiến thức, chuyển hóa ý tưởng thành hành động và tạo ra giá trị trong những tình huống thực tiễn. Tuy nhiên, việc phát triển phẩm chất và năng lực thông qua giáo dục khởi nghiệp còn phụ thuộc vào điều kiện tổ chức và phương pháp đánh giá; kết quả nghiên cứu ở giáo dục đại học không thể mặc nhiên khái quát cho học sinh phổ thông [4], [8].

Từ góc độ lí luận, vai trò của giáo dục khởi nghiệp không chỉ phụ thuộc vào nội dung hoạt động mà còn chịu ảnh hưởng của cách thức tổ chức và mức độ tham gia thực chất của học sinh. Nếu hoạt động chỉ tập trung vào sản phẩm cuối cùng hoặc thành tích trong các cuộc thi, cơ hội rèn luyện phẩm chất và năng lực có thể bị hạn chế. Ngược lại, khi học sinh được chủ động phát hiện vấn đề, lựa chọn phương án, thực hiện nhiệm vụ, tiếp nhận phản hồi và tự đánh giá, giáo dục khởi nghiệp có tiềm năng trở thành môi trường học tập trải nghiệm có ý nghĩa. Vì vậy, việc đánh giá cần chú trọng quá trình tham gia, khả năng vận dụng kiến thức và sự tiến bộ của học sinh, thay vì chỉ căn cứ vào kết quả cuối cùng của dự án.

5. KẾT LUẬN

Từ phân tích tài liệu, giáo dục khởi nghiệp có tiềm năng tạo cơ hội cho học sinh phát triển tính chủ động, trách nhiệm, trung thực, nhân ái và các năng lực nền tảng như sáng tạo, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, tự quản lí và định hướng nghề nghiệp. Hiệu quả thực tế phụ thuộc vào nhiệm vụ phù hợp lứa tuổi, mức độ tham gia của học sinh và đánh giá quá trình.

Để triển khai, nhà trường cần tích hợp nhiệm vụ tạo giá trị vào môn học và hoạt động trải nghiệm, bồi dưỡng giáo viên, phối hợp với gia đình và cộng đồng, đồng thời xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể. Bài viết là nghiên cứu lí luận, chưa kiểm chứng thực nghiệm; các nghiên cứu tiếp theo cần đánh giá sự thay đổi phẩm chất và năng lực trước và sau hoạt động bằng công cụ phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2017). *Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 phê duyệt Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025"*.
2. Bacigalupo, M., Kampylis, P., Punie, Y., & Van den Brande, G. (2016). *EntreComp: The entrepreneurship competence framework*. Publications Office of the European Union. https://doi.org/10.2791/593884
3. Lackéus, M. (2015). *Entrepreneurship in education: What, why, when, how* (OECD Local Economic and Employment Development Papers No. 2015/06). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/ccca c96a-en
4. Bae, T. J., Qian, S., Miao, C., & Fiet, J. O. (2014). The relationship between entrepreneurship education

and entrepreneurial intentions: A meta-analytic review. *Entrepreneurship Theory and Practice, 38*(2), 217–254. https://doi.org/10.1111/etap.12095

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018*.
6. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
7. European Commission/EACEA/Eurydice (2016). *Entrepreneurship education at school in Europe*. Publications Office of the European Union. https://op.europa.eu/en/publication-detail/-/publication/74a7d356-dc53-11e5-8fea-01aa75ed71a1
8. Nabi, G., Liñán, F., Fayolle, A., Krueger, N., & Walmsley, A. (2017). The impact of entrepreneurship education in higher education: A systematic review and research agenda. *Academy of Management Learning & Education, 16*(2), 277–299. https://doi.org/10.5465/amle.2015.0026

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO HƯỚNG CÁ NHÂN HÓA

Trần Phước Thạnh

Trường THCS Quản Cơ Thành, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang

Email: phuocthanhdt@gmail.com

Tóm tắt: *Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc cá nhân hóa tư vấn nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở ngày càng cần thiết. Bài viết phân tích yêu cầu cá nhân hóa trong hướng nghiệp và những khó khăn khi nhận diện sở thích, năng lực, nguyện vọng nghề nghiệp của học sinh. Tác giả giới thiệu bộ công cụ gồm phiếu khảo sát trực tuyến cho học sinh lớp 9 và phụ huynh, cùng chatbot trí tuệ nhân tạo xây dựng bằng Google AI Studio với ba giao diện: hồ sơ học sinh, báo cáo hướng nghiệp và trò chuyện cùng AI. Bài viết đề xuất quy trình triển khai sáu bước và các điều kiện về hạ tầng, đội ngũ, dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân, phối hợp gia đình; nhấn mạnh công nghệ chỉ hỗ trợ, không thay thế vai trò tư vấn của giáo viên.*

Từ khóa: *công nghệ số; hướng nghiệp; cá nhân hóa; trí tuệ nhân tạo; học sinh trung học cơ sở*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động quản lý, dạy học và giáo dục học sinh (HS) ngày càng trở thành yêu cầu quan trọng đối với các cơ sở giáo dục phổ thông. Tại Việt Nam, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030 [1]. Cùng với đó, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 xác định giáo dục hướng nghiệp là một bộ phận quan trọng của giáo dục phổ thông, góp phần giúp HS lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, tính cách, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội [2]. Đối với cấp trung học cơ sở (THCS), công tác hướng nghiệp có ý nghĩa thiết thực trong việc hỗ trợ HS khám phá bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và từng bước xác định định hướng học tập sau khi hoàn thành chương trình THCS.

Tuy nhiên, HS THCS có sự khác biệt về năng lực học tập, sở thích, sở trường, hoàn cảnh gia đình, mức độ hiểu biết về nghề nghiệp và nguyện vọng tương lai. Vì vậy, nếu hoạt động tư vấn chủ yếu được tổ chức theo hình thức cung cấp thông tin chung hoặc tư vấn đồng loạt, việc đáp ứng nhu cầu riêng của từng HS có thể còn hạn chế. Yêu cầu đặt ra là cần chuyển từ cách tiếp cận thiên về phổ biến thông tin nghề nghiệp sang phương thức tư vấn có tính cá nhân hóa, trong đó thông tin và định hướng hỗ trợ được xem xét trên cơ sở đặc điểm, nhu cầu và điều kiện cụ thể của mỗi HS. Định hướng này cũng phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục được quy định tại Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [3].

Sự phát triển của công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), mở ra khả năng hỗ trợ thu thập, tổ chức và phân tích thông tin phục vụ tư vấn hướng nghiệp. UNESCO nhấn mạnh việc ứng

dụng AI trong giáo dục cần lấy con người làm trung tâm, đồng thời chú trọng bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm tính phù hợp với lứa tuổi và duy trì vai trò chủ động của người học [4]. Trên cơ sở đó, việc kết hợp phiếu khảo sát trực tuyến với chatbot AI có thể tạo thành một phương thức hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp linh hoạt hơn: khảo sát giúp thu thập thông tin về đặc điểm và nguyện vọng của HS; chatbot hỗ trợ HS tìm hiểu nhóm nghề, đối chiếu sở thích và thế mạnh với yêu cầu nghề nghiệp, đồng thời cung cấp những gợi ý ban đầu để tiếp tục trao đổi với giáo viên (GV). Công nghệ không thay thế vai trò chuyên môn của GV, mà góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thông tin và hỗ trợ quá trình ra quyết định của HS.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, tác giả đề xuất giải pháp "Ứng dụng công nghệ số trong công tác hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở theo hướng cá nhân hóa".

2. THỰC TRẠNG

2.1. Yêu cầu cá nhân hóa trong công tác hướng nghiệp cho học sinh THCS

Giáo dục hướng nghiệp ở cấp THCS không chỉ nhằm cung cấp thông tin về các ngành nghề mà còn góp phần hình thành khả năng nhận thức bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và đưa ra quyết định phù hợp về học tập, nghề nghiệp trong tương lai [5]. Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT xác định định hướng nghề nghiệp là một nội dung quan trọng trong quá trình giáo dục, giúp HS từng bước phát triển năng lực lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở hiểu biết về bản thân và các điều kiện liên quan [2].

Đối với HS THCS, đặc biệt là HS lớp 9, quá trình định hướng nghề nghiệp gắn liền với quyết định lựa chọn lộ trình học tập sau khi tốt nghiệp THCS. Tuy nhiên, HS ở lứa tuổi này có sự khác biệt về sở thích, năng lực học tập, thế mạnh cá nhân, mức độ hiểu biết về nghề nghiệp, điều kiện gia đình và mong muốn phát triển bản thân. Những khác biệt đó đặt ra yêu cầu phải tổ chức hoạt động hướng nghiệp theo hướng linh hoạt, chú trọng đặc điểm của từng người học thay vì chỉ cung cấp thông tin đồng loạt.

Từ góc độ tổ chức hoạt động giáo dục, cá nhân hóa trong tư vấn hướng nghiệp có thể được hiểu là quá trình sử dụng thông tin về đặc điểm, nhu cầu và nguyện vọng của từng HS để lựa chọn nội dung hỗ trợ, cung cấp thông tin nghề nghiệp và đề xuất những hướng tìm hiểu phù hợp. Cá nhân hóa không đồng nghĩa với việc xác định cố định một nghề nghiệp cho HS dựa trên một vài đặc điểm riêng lẻ, mà cần tạo điều kiện để các em chủ động khám phá, so sánh và điều chỉnh lựa chọn trong quá trình trưởng thành.

Như vậy, yêu cầu đặt ra đối với công tác hướng nghiệp ở cấp THCS là xây dựng được quy trình hỗ trợ có khả năng tiếp nhận thông tin cá nhân, tổ chức thông tin nghề nghiệp một cách có hệ thống và tạo cơ hội để mỗi HS nhận được sự tư vấn phù hợp. Đây là cơ sở để xem xét việc kết hợp phiếu khảo sát trực tuyến, công nghệ số và chatbot AI trong hoạt động hướng nghiệp tại nhà trường.

2.2. Những khó khăn trong việc tìm hiểu đặc điểm, sở thích, năng lực và định hướng nghề nghiệp của học sinh

Trong quá trình tổ chức giáo dục hướng nghiệp, việc nhận diện đặc điểm cá nhân của HS là khâu quan trọng để lựa chọn nội dung tư vấn phù hợp. Các thông tin cần xem xét bao gồm sở thích,

môn học yêu thích, năng lực học tập, kỹ năng, hoạt động ngoại khóa quan tâm, giá trị nghề nghiệp, nguyện vọng của bản thân và điều kiện học tập của gia đình. Tuy nhiên, việc thu thập và sử dụng những thông tin này có thể gặp một số khó khăn trong quá trình triển khai ở nhà trường. Thứ nhất, thông tin về HS có thể được lưu trữ ở nhiều hình thức khác nhau, gây khó khăn cho việc tổng hợp và đối chiếu khi tổ chức tư vấn. Thứ hai, trong điều kiện GV phải thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn, việc trao đổi sâu với từng HS có thể gặp hạn chế về thời gian [6]. Thứ ba, HS chưa có nhiều trải nghiệm nghề nghiệp nên có thể chưa hiểu rõ mối liên hệ giữa sở thích, năng lực của bản thân với yêu cầu của từng nghề. Một số em có thể lựa chọn nghề theo xu hướng phổ biến, theo mong muốn của gia đình hoặc theo nhận thức chưa đầy đủ về cơ hội học tập và việc làm.

Từ những yêu cầu đó, công tác hướng nghiệp cần có công cụ hỗ trợ thu thập thông tin một cách có hệ thống, tạo điều kiện để HS tự nhận diện đặc điểm cá nhân và giúp GV có thêm căn cứ khi trao đổi, tư vấn. Việc ứng dụng công nghệ số cần hướng đến giải quyết những khó khăn thực tế này, thay vì chỉ chuyển các hoạt động tư vấn truyền thống sang môi trường trực tuyến.

2.3. Thiết kế phiếu khảo sát học sinh và phụ huynh

Xuất phát từ yêu cầu nâng cao tính cá nhân hóa trong công tác hướng nghiệp, tác giả đã thiết kế phiếu khảo sát dành cho HS và phiếu khảo sát dành cho phụ huynh (Hình 1, Hình 2).



Hình 1. Mã QR phiếu khảo sát và định hướng nghề nghiệp cá nhân dành cho học sinh lớp 9



Hình 2. Mã QR phiếu khảo sát dành cho phụ huynh có con học lớp 9

Phiếu khảo sát HS và phụ huynh được định hướng phục vụ việc tìm hiểu những thông tin cá nhân có liên quan đến hoạt động hướng nghiệp, chẳng hạn như sở thích, thế mạnh, mối quan tâm nghề nghiệp, nguyện vọng và nhu cầu hỗ trợ.

Việc sử dụng hai phiếu khảo sát có thể tạo cơ sở để tổ chức thông tin từ góc nhìn của người học và phụ huynh, qua đó hỗ trợ xác định nội dung cần ưu tiên trong quá trình tư vấn. Nếu được triển khai theo một quy trình thống nhất, dữ liệu thu thập có thể giúp GV nhận diện những nhu cầu hỗ trợ khác nhau, xây dựng nội dung trao đổi phù hợp và lựa chọn hình thức hướng nghiệp đáp ứng đặc điểm của từng nhóm HS.

2.4. Thiết kế chatbot AI trong hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa

Bên cạnh khảo sát trực tuyến, chatbot AI có tiềm năng hỗ trợ HS tìm hiểu nghề nghiệp thông qua hình thức tương tác bằng ngôn ngữ tự nhiên. Trên cơ sở thông tin do HS cung cấp và nguồn thông tin nghề nghiệp được sử dụng, chatbot có thể gợi ý những nhóm nghề cần tìm hiểu, cung cấp thông tin về đặc điểm công việc, yêu cầu học tập và các lộ trình đào tạo có liên quan. Hình thức tương tác này có thể giúp HS tiếp cận thông tin theo nhu cầu cá nhân, chủ động đặt câu hỏi và tiếp tục khám phá những lựa chọn khác nhau.

Tác giả đã nghiên cứu và ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Google AI Studio để tạo ra ứng dụng (app) trợ lý hướng nghiệp cá nhân hóa và phân luồng HS sau THCS (Hình 3). App có 3 giao diện: hồ sơ học sinh; báo cáo hướng nghiệp và trò chuyện cùng AI. Tại các giao diện, từng HS được lựa chọn nội dung phù hợp với bản thân mình nhất và được trợ lý AI gợi ý hướng nghiệp và phân luồng theo hồ sơ học tập của bản thân. Bên cạnh đó, HS cũng có thể trò chuyện để được giải đáp cụ thể.



Hình 3. Mã QR truy cập chatbot "Phòng tư vấn hướng nghiệp online"

Để triển khai an toàn và có trách nhiệm, nhà trường cần chú trọng bảo vệ thông tin cá nhân, hạn chế thu thập dữ liệu không cần thiết, kiểm tra độ chính xác của thông tin nghề nghiệp và thiết lập cơ chế giám sát của GV. Đặc biệt, với HS THCS, cần bảo đảm các em hiểu rằng nghề nghiệp tương lai có thể thay đổi theo quá trình học tập, trải nghiệm và phát triển bản thân.

3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

3.1. Xây dựng quy trình khảo sát trực tuyến để thu thập thông tin phục vụ tư vấn hướng nghiệp

Để thực hiện tư vấn hướng nghiệp theo hướng cá nhân hóa, việc thu thập thông tin về đặc điểm, sở thích, năng lực và nguyện vọng của HS và phụ huynh cần được tổ chức một cách có hệ thống. Đây là cơ sở quan trọng giúp GV hiểu rõ hơn nhu cầu của từng người học, đồng thời cung cấp dữ liệu đầu vào cho các công cụ hỗ trợ tư vấn.

Đối với HS và phụ huynh, phiếu khảo sát cần tập trung vào các nhóm thông tin cơ bản sau:

- Thông tin cá nhân và học tập: khối lớp, những môn học yêu thích, kết quả học tập tự đánh giá và những lĩnh vực HS quan tâm.
- Sở thích và thế mạnh: các hoạt động học tập, trải nghiệm, kỹ năng và lĩnh vực mà HS cảm thấy yêu thích hoặc có khả năng thực hiện tốt.
- Mối quan tâm nghề nghiệp: những nghề nghiệp HS đã biết, nhóm nghề mong muốn tìm hiểu và lý do lựa chọn.
- Nguyện vọng và định hướng học tập: mong muốn tiếp tục học tập, tìm hiểu các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và những lộ trình sau khi hoàn thành THCS.
- Nhu cầu hỗ trợ: những nội dung HS còn băn khoăn, thông tin nghề nghiệp cần được cung cấp và mong muốn được GV, gia đình hỗ trợ.

Về quy trình thực hiện, tác giả đề xuất các bước sau:

1. Thiết kế phiếu khảo sát: xây dựng hệ thống câu hỏi ngắn gọn, rõ nghĩa, phù hợp với lứa tuổi THCS và mục tiêu tư vấn hướng nghiệp.

2. Tổ chức khảo sát trực tuyến: cung cấp đường dẫn hoặc mã QR để HS và phụ huynh tham gia khảo sát trên thiết bị có kết nối Internet.
3. Tổng hợp thông tin: sử dụng công cụ số để tập hợp, phân loại và thống kê các nội dung phản hồi.
4. Rà soát dữ liệu: kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý của thông tin; xác định những nội dung cần trao đổi thêm với HS.
5. Sử dụng dữ liệu phục vụ tư vấn: khai thác thông tin phù hợp để hỗ trợ HS khám phá bản thân và lựa chọn nội dung tìm hiểu nghề nghiệp.

Một yêu cầu quan trọng trong quá trình này là bảo đảm tính tự nguyện, minh bạch về mục đích thu thập và sử dụng thông tin, đồng thời hạn chế thu thập dữ liệu cá nhân không cần thiết. Đối với HS chưa thành niên, nhà trường cần thực hiện các yêu cầu phù hợp về bảo vệ dữ liệu cá nhân và sự tham gia của cha mẹ hoặc người giám hộ theo quy định.

3.2. Ứng dụng chatbot AI hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp theo đặc điểm cá nhân của học sinh

Trên cơ sở dữ liệu thu thập từ hoạt động khảo sát và yêu cầu đổi mới phương thức tư vấn hướng nghiệp, tác giả đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo từ công cụ Google AI Studio để thiết kế chatbot hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa cho HS. Giải pháp hướng đến việc tạo ra một kênh tương tác giúp HS chủ động tìm hiểu bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp và tiếp cận những thông tin định hướng học tập phù hợp với đặc điểm cá nhân.

Khi HS quét mã QR, công cụ chatbot AI trợ lý hướng nghiệp cá nhân hóa và phân luồng HS sẽ xuất hiện một số giao diện để HS thực hiện như sau:

- **Tại giao diện hồ sơ học sinh:** từng HS lựa chọn những nội dung về sở thích và thế mạnh của bản thân; những việc em làm tốt hoặc thầy cô, bạn bè, gia đình ghi nhận; môn học yêu thích và kết quả học tập; kết quả học tập tự đánh giá hiện tại; kỹ năng mong muốn, giá trị nghề nghiệp và môi trường làm việc; kỹ năng và hoạt động em muốn trải nghiệm, rèn luyện thêm; giá trị nghề nghiệp em coi trọng nhất (chọn những giá trị em hướng tới); môi trường làm việc em cảm thấy hào hứng, nhóm nghề quan tâm và lộ trình sau THCS; nhóm ngành nghề em đang để ý hoặc cảm thấy tò mò muốn tìm hiểu; nguyện vọng hoặc dự định học tập của em sau khi tốt nghiệp lớp 9; những điều em băn khoăn hoặc lo lắng nhất trong quá trình chọn nghề và chọn trường; mong muốn cụ thể của em.
- **Tại giao diện báo cáo hướng nghiệp:** từng HS nhận được báo cáo tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa theo những lựa chọn của mình ở hồ sơ học sinh, gồm: điểm mạnh cần được ghi nhận; năng lực cần rèn luyện bổ sung; gợi ý nhóm nghề nên khám phá; lộ trình học tập sau lớp 9 (trường THPT công lập, GDNN, trung tâm giáo dục thường xuyên); gợi ý kế hoạch cá nhân trong 1–3 tháng tới; gợi ý những câu hỏi để trao đổi cùng cha mẹ.
- **Tại giao diện trò chuyện cùng chatbot AI:** HS có thể trao đổi, hỏi đáp với chatbot AI theo hồ sơ học tập của mình để được sáng tỏ hơn.

Các công cụ đã được tác giả triển khai và có thể truy cập theo các đường dẫn tại Bảng 1.

Bảng 1

Các công cụ số hỗ trợ hướng nghiệp cá nhân hóa do tác giả xây dựng

Công cụ	Đường dẫn	Chức năng
Phiếu khảo sát và định hướng nghề nghiệp cá nhân dành cho HS lớp 9	https://forms.gle/52qVg4xXdBFVCjK9A	Thông qua kết quả khảo sát, chatbot sẽ tư vấn, định hướng nghề nghiệp theo hướng cá nhân hóa cho từng HS.
Phiếu khảo sát dành cho phụ huynh có con học lớp 9 giúp định hướng nghề nghiệp	https://forms.gle/EkiJ7pUtS9E6ZhZKA	Thông qua kết quả khảo sát, chatbot sẽ hỗ trợ phụ huynh trong việc hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho con mình.
Chatbot tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp cá nhân hóa từng HS	https://ai-ng-h-nh-h-ng-nghi-p-9-thcs-qu-n-c-th-nh-477677520164.asia-east1.run.app	Như một phòng tư vấn hướng nghiệp trực tuyến giúp HS hiểu bản thân, biết được điểm mạnh, điểm yếu và nhận được lời khuyên hướng nghiệp cá nhân hóa.

3.3. Đề xuất quy trình triển khai, điều kiện thực hiện và tiêu chí đánh giá trong nhà trường

Để giải pháp có khả năng vận dụng trong thực tiễn, việc triển khai cần được tiến hành theo lộ trình phù hợp với điều kiện của từng cơ sở giáo dục. Trên cơ sở mô hình khảo sát trực tuyến kết hợp chatbot AI và tư vấn trực tiếp, tác giả đề xuất định hướng triển khai giai đoạn 2026–2030 như sau:

3.3.1. Quy trình triển khai trong nhà trường

- Bước 1. Chuẩn bị điều kiện triển khai: nhà trường xác định mục tiêu, đối tượng, phân công GV phụ trách; chuẩn bị phiếu khảo sát, chatbot AI, thiết bị và nguồn thông tin nghề nghiệp đáng tin cậy.
- Bước 2. Tổ chức khảo sát: hướng dẫn HS và phụ huynh tham gia khảo sát trực tuyến; tổng hợp và rà soát dữ liệu theo mục đích tư vấn.
- Bước 3. Tổ chức hoạt động khám phá nghề nghiệp: hướng dẫn HS sử dụng chatbot AI để tìm hiểu đặc điểm bản thân, nhóm nghề quan tâm, yêu cầu nghề nghiệp và các lộ trình học tập.
- Bước 4. Tư vấn và định hướng: GV tổ chức trao đổi cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ, kiểm tra thông tin và hỗ trợ HS cân nhắc lựa chọn phù hợp.
- Bước 5. Phối hợp với gia đình: chia sẻ những thông tin cần thiết với cha mẹ học sinh (CMHS), trao đổi về nguyện vọng, điều kiện học tập và các phương án sau THCS.
- Bước 6. Theo dõi, đánh giá và điều chỉnh: tiếp nhận phản hồi, rà soát chất lượng thông tin, đánh giá mức độ hữu ích của công cụ và điều chỉnh quy trình thực hiện.

3.3.2. Điều kiện thực hiện

Thứ nhất, về cơ sở hạ tầng và công nghệ, nhà trường cần có thiết bị kết nối Internet, phương tiện hỗ trợ HS truy cập khảo sát và chatbot, cùng hệ thống quản lý thông tin phù hợp.

Thứ hai, về đội ngũ, GV cần được bồi dưỡng kiến thức hướng nghiệp, năng lực số và kỹ năng sử dụng AI trong giáo dục. GV phải có khả năng kiểm tra thông tin, nhận diện những gợi ý chưa

phù hợp và hướng dẫn HS sử dụng công cụ một cách có trách nhiệm.

Thứ ba, về nội dung và dữ liệu, cần xây dựng nguồn thông tin nghề nghiệp có độ tin cậy, được cập nhật và phù hợp với điều kiện giáo dục, đào tạo của địa phương. Các thông tin về ngành nghề, cơ sở đào tạo và lộ trình học tập cần được đối chiếu với nguồn chính thức, tránh để chatbot cung cấp thông tin lỗi thời hoặc thiếu căn cứ.

Thứ tư, về quản lý và bảo vệ dữ liệu, nhà trường cần xác định rõ mục đích, phạm vi thu thập, quyền truy cập và thời gian lưu trữ thông tin. Đặc biệt, cần chú trọng bảo vệ dữ liệu cá nhân của HS, có biện pháp kiểm soát việc chia sẻ thông tin và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Thứ năm, về sự phối hợp, cần tăng cường kết nối giữa nhà trường, gia đình và các cơ sở GDNN nhằm cung cấp thông tin đa chiều, tạo điều kiện để HS tìm hiểu môi trường học tập và trải nghiệm nghề nghiệp thực tế.

4. KẾT LUẬN

Ứng dụng công nghệ số trong công tác hướng nghiệp cho HS THCS theo hướng cá nhân hóa là một định hướng phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc kết hợp phiếu khảo sát trực tuyến dành cho HS và phụ huynh với chatbot AI hỗ trợ tư vấn có thể góp phần nâng cao khả năng thu thập thông tin, mở rộng cơ hội tiếp cận thông tin nghề nghiệp và hỗ trợ HS khám phá những lựa chọn học tập phù hợp với đặc điểm cá nhân.

Điểm cốt lõi của giải pháp là sự kết hợp giữa dữ liệu khảo sát, khả năng hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo và vai trò tư vấn chuyên môn của GV. Trong đó, HS giữ vị trí trung tâm và chủ động trong quá trình lựa chọn; GV chịu trách nhiệm định hướng, kiểm chứng và hỗ trợ; gia đình đồng hành trong việc tạo điều kiện để HS phát triển. Công nghệ số chỉ thực sự có ý nghĩa khi phục vụ nhu cầu phát triển của người học, bảo đảm tính chính xác, an toàn và phù hợp với điều kiện thực tế.

Để giải pháp phát huy giá trị, cần tiếp tục hoàn thiện công cụ khảo sát, nâng cao chất lượng chatbot, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ GV, xây dựng nguồn dữ liệu nghề nghiệp đáng tin cậy và thiết lập cơ chế bảo vệ thông tin cá nhân.

Với định hướng đó, mô hình ứng dụng khảo sát trực tuyến kết hợp chatbot AI và tư vấn trực tiếp của GV có thể trở thành một giải pháp tham khảo nhằm đổi mới công tác hướng nghiệp tại các trường THCS, góp phần nâng cao chất lượng tư vấn và hỗ trợ HS tỉnh An Giang chủ động lựa chọn lộ trình học tập, nghề nghiệp phù hợp trong giai đoạn 2026–2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030"*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (Chương trình tổng thể)*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
4. Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000386693
5. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP.*

Hồ Chí Minh, 20(10), 1732–1745.
6. Nguyen, H. L., Dam, A. T. V., & Ha, L. T. K. (2024). Evaluation of the organization and effectiveness of career counseling for Vietnamese high school students. *Humanities and Social Sciences Letters, 12*(2), 383–393. https://doi.org/10.18488/73.v12i2.3755

NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG THCS VĨNH AN, TỈNH AN GIANG – ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030

Nguyễn Thị Anh Đào

Trường THCS Vĩnh An, xã Vĩnh An, tỉnh An Giang

Email: ntadao1982@gmail.com

Tóm tắt: *Giáo dục hướng nghiệp giúp học sinh trung học cơ sở khám phá bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và lựa chọn hướng học tập phù hợp. Từ thực tiễn Trường THCS Vĩnh An, nơi hoạt động hướng nghiệp chưa được tổ chức thành chương trình trải nghiệm riêng biệt, bài viết phân tích những khó khăn và đề xuất các giải pháp ít tốn kém: kế hoạch hướng nghiệp theo khối lớp; mô hình "Mỗi tháng một chủ đề hướng nghiệp"; hoạt động "Một nghề – Một câu chuyện – Một bài học"; dự án "Em tìm hiểu nghề nghiệp quê hương"; tư vấn cho học sinh lớp 9; phối hợp với cha mẹ học sinh và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hồ sơ hướng nghiệp cá nhân và đổi mới đánh giá. Bài viết kèm lộ trình thực hiện theo từng năm học giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; phân luồng học sinh; trường THCS; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đối với học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS), việc hình thành nhận thức ban đầu về nghề nghiệp, khám phá sở thích, năng lực và lựa chọn hướng học tập sau khi tốt nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển lâu dài của mỗi cá nhân. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 xác định Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là một trong những hoạt động giáo dục bắt buộc ở cấp THCS [1]. Thông qua hoạt động này, HS được tham gia các tình huống thực tiễn, tìm hiểu bản thân, khám phá môi trường xung quanh và bước đầu hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp.

Tuy nhiên, để hoạt động hướng nghiệp đạt hiệu quả, việc cung cấp thông tin đơn thuần chưa đủ. HS cần được tham gia những hoạt động cụ thể, được quan sát, trải nghiệm, trao đổi với người làm nghề và tìm hiểu các con đường học tập khác nhau. Đồng thời, công tác hướng nghiệp cần có sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và các tổ chức có liên quan [2], [3].

Tại Trường THCS Vĩnh An, việc tổ chức hoạt động hướng nghiệp thành những chương trình trải nghiệm riêng biệt vẫn là nội dung cần được quan tâm, nghiên cứu và từng bước triển khai. Thực tế này đặt ra yêu cầu xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện nhà trường, tận dụng nguồn lực sẵn có, tránh tạo thêm áp lực về kinh phí và nhân lực nhưng vẫn bảo đảm mục tiêu giáo dục. Xuất phát từ những vấn đề trên, tôi lựa chọn nội dung tham luận "Nâng cao hiệu quả giáo dục hướng nghiệp thông qua Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở Trường THCS Vĩnh An, tỉnh An Giang – Định hướng và giải pháp giai đoạn 2026–2030", nhằm đề xuất một số giải pháp thiết thực, có thể áp dụng và từng bước hoàn thiện trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TẠI TRƯỜNG THCS VĨNH AN

2.1. Thực trạng

Từ thực tế công tác tại Trường THCS Vĩnh An, hoạt động hướng nghiệp cần được quan tâm triển khai theo hướng có kế hoạch, có nội dung cụ thể và tạo thêm cơ hội trải nghiệm cho HS. Nhà trường chưa tổ chức hoạt động hướng nghiệp thành những chương trình riêng biệt, do đó việc xây dựng mô hình triển khai phù hợp là yêu cầu cần thiết trong thời gian tới.

Trong điều kiện đó, cần chú trọng khai thác những nội dung hướng nghiệp có thể lồng ghép vào Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và các hoạt động giáo dục hiện có, đồng thời từng bước mở rộng sự phối hợp với phụ huynh và các đơn vị bên ngoài nhà trường.

Bài tham luận không sử dụng số liệu khảo sát hoặc kết quả thực hiện chưa được kiểm chứng. Để đánh giá đầy đủ hơn thực trạng, nhà trường cần tiến hành khảo sát nhận thức, nhu cầu tìm hiểu nghề nghiệp của HS, mức độ tham gia của phụ huynh và các điều kiện tổ chức hoạt động.

2.2. Những khó khăn cần khắc phục

Thứ nhất, khi chưa có chương trình trải nghiệm hướng nghiệp riêng biệt, HS có thể chưa có nhiều cơ hội tiếp cận nghề nghiệp theo cách trực quan, có hệ thống và gắn với yêu cầu thực tế.

Thứ hai, việc xây dựng hoạt động hướng nghiệp cần được cân đối với thời lượng chương trình, nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên (GV) và các điều kiện tổ chức hiện có của nhà trường.

Thứ ba, để tổ chức hoạt động trải nghiệm bên ngoài trường học, cần có sự kết nối với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp hoặc đơn vị sản xuất phù hợp. Việc thiết lập các mối liên hệ này đòi hỏi sự chủ động, kế hoạch và phối hợp giữa các bên.

Thứ tư, HS có thể có mức độ hiểu biết về nghề nghiệp khác nhau. Một số em chưa xác định được sở thích, chưa biết cách tìm kiếm thông tin hoặc còn phụ thuộc nhiều vào định hướng của gia đình.

Thứ năm, công tác hướng nghiệp cần được thực hiện với sự phối hợp của GV, cha mẹ học sinh (CMHS) và các lực lượng giáo dục khác. Nếu thiếu sự phối hợp, thông tin HS tiếp nhận có thể chưa đầy đủ hoặc chưa thống nhất.

Từ những vấn đề trên, nhà trường cần lựa chọn giải pháp phù hợp, bắt đầu từ những hoạt động đơn giản, ít tốn kém, có thể đánh giá kết quả và mở rộng dần khi điều kiện cho phép.

3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP

3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp theo từng khối lớp

Trước hết, nhà trường cần xây dựng kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo năm học, xác định rõ mục tiêu, nội dung, người phụ trách, thời gian thực hiện và cách đánh giá. Kế hoạch cần được thiết kế theo hướng phát triển dần năng lực định hướng nghề nghiệp của HS từ lớp 6 đến lớp 9, phù hợp với quan điểm phát triển nghề nghiệp theo giai đoạn [4].

- Đối với lớp 6: tổ chức hoạt động khám phá bản thân, nhận diện sở thích, điểm mạnh, thói quen học tập và tìm hiểu nghề nghiệp của người thân.
- Đối với lớp 7: tăng cường tìm hiểu các nhóm nghề gần gũi trong cộng đồng, những phẩm chất

và kỹ năng cần thiết trong lao động; khuyến khích HS phỏng vấn người làm nghề.

- Đối với lớp 8: tổ chức dự án tìm hiểu nghề nghiệp, phân tích yêu cầu của một số nghề và bước đầu tìm hiểu các con đường học tập sau THCS.
- Đối với lớp 9: tập trung tư vấn hướng nghiệp và phân luồng, giúp HS tìm hiểu các lựa chọn học tập sau tốt nghiệp, điều kiện tuyển sinh, chương trình đào tạo và cơ hội học tập tiếp theo.

Việc phân chia theo khối lớp giúp nội dung hướng nghiệp có tính kế thừa, tránh tổ chức rời rạc hoặc chỉ chú trọng tư vấn vào cuối cấp.

3.2. Triển khai mô hình "Mỗi tháng một chủ đề hướng nghiệp"

Đây là giải pháp có thể áp dụng ngay tại Trường THCS Vĩnh An, không đòi hỏi kinh phí lớn và có thể lồng ghép vào kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hiện có. Mỗi tháng, GV lựa chọn một chủ đề phù hợp, tổ chức cho HS tìm hiểu, thảo luận, thực hành và trình bày kết quả.

Một số chủ đề gợi ý:

- Tháng 1: Khám phá sở thích, điểm mạnh và những kỹ năng của bản thân.
- Tháng 2: Nghề nghiệp trong gia đình và cộng đồng.
- Tháng 3: Những kỹ năng cần thiết trong thế giới nghề nghiệp.
- Tháng 4: Tìm hiểu các nhóm nghề và yêu cầu đào tạo.
- Tháng 5: Xây dựng kế hoạch học tập và rèn luyện cho năm học tiếp theo.

Lịch chủ đề có thể điều chỉnh theo năm học, kế hoạch giáo dục của trường và đặc điểm từng khối lớp.

Trong mỗi hoạt động, HS được giao nhiệm vụ cụ thể như lập sơ đồ nghề nghiệp, thực hiện phỏng vấn, thiết kế áp phích, thuyết trình hoặc xây dựng sản phẩm truyền thông. GV hướng dẫn và đánh giá quá trình tham gia, khả năng tìm kiếm thông tin và sự tiến bộ của HS. Điểm quan trọng của mô hình là duy trì tính thường xuyên, biến hướng nghiệp thành một nội dung gần gũi với HS thay vì chỉ tổ chức một lần trong năm.

3.3. Tổ chức hoạt động "Một nghề – Một câu chuyện – Một bài học"

Nhà trường có thể tận dụng nguồn lực sẵn có trong cộng đồng để tổ chức những buổi tìm hiểu nghề nghiệp với sự tham gia của CMHS, cựu HS hoặc người lao động tại địa phương.

Mỗi buổi tập trung vào một nghề cụ thể. Người chia sẻ giới thiệu công việc hằng ngày, quá trình học tập và rèn luyện, những kỹ năng cần thiết, khó khăn thường gặp và kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp.

HS chuẩn bị câu hỏi trước buổi giao lưu, ghi chép nội dung quan trọng và viết bài thu hoạch sau hoạt động. GV hướng dẫn các em phân tích mối liên hệ giữa yêu cầu của nghề với phẩm chất, năng lực và quá trình học tập của bản thân.

Hoạt động này giúp HS tiếp cận thông tin nghề nghiệp từ những trải nghiệm thực tế, đồng thời tăng cường sự kết nối giữa nhà trường và gia đình; việc được tiếp xúc trực tiếp với người làm nghề là một trong những hình thức giúp HS hiểu rõ hơn về thế giới việc làm [5]. Khi điều kiện cho phép, nhà trường có thể mở rộng hoạt động bằng việc tổ chức tham quan cơ sở đào tạo hoặc môi trường lao động phù hợp với lứa tuổi, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và tổ chức.

3.4. Xây dựng dự án "Em tìm hiểu nghề nghiệp quê hương"

Để giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn địa phương, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện dự án tìm hiểu một nghề hoặc nhóm nghề tại nơi các em sinh sống. HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, lựa chọn chủ đề, thu thập thông tin từ người làm nghề, tìm kiếm tài liệu đáng tin cậy và xây dựng sản phẩm báo cáo.

Sản phẩm có thể là bài viết, áp phích, video ngắn, sơ đồ tư duy hoặc bài thuyết trình. Nội dung tìm hiểu gồm đặc điểm công việc, yêu cầu về kiến thức và kỹ năng, quá trình đào tạo, điều kiện làm việc và những thay đổi của nghề trong bối cảnh công nghệ phát triển. Tùy đặc điểm địa bàn, HS có thể tìm hiểu các nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kỹ thuật hoặc những nghề phổ biến trong cộng đồng.

GV không yêu cầu HS phải xác định nghề nghiệp tương lai ngay sau dự án, mà hướng dẫn các em hình thành kỹ năng tìm hiểu nghề, đánh giá thông tin và nhận thức rõ hơn về sự đa dạng của thế giới lao động.

Đây là hình thức trải nghiệm có thể thực hiện ngay trong trường, giảm phụ thuộc vào kinh phí đi lại và tạo cơ hội cho nhiều HS tham gia. Một gợi ý tiết trải nghiệm cụ thể như sau:

- Hoạt động: Em khám phá một nghề.
- Đối tượng: HS lớp 8 hoặc lớp 9. Thời lượng dự kiến: 1–2 tiết.
- Nội dung: HS chọn một nghề mình quan tâm, tìm hiểu công việc, kỹ năng cần có, quá trình đào tạo và cơ hội học tập tiếp theo. Các em có thể phỏng vấn người thân, người quen hoặc khai thác nguồn thông tin chính thức.
- Cách tổ chức: GV phát phiếu tìm hiểu nghề nghiệp với các câu hỏi gợi ý; HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ, tìm kiếm thông tin từ những nguồn phù hợp; các nhóm trình bày bằng áp phích, sơ đồ tư duy hoặc bài thuyết trình ngắn; GV hướng dẫn HS liên hệ nghề đã tìm hiểu với sở thích, năng lực và kế hoạch học tập của bản thân.
- Sản phẩm đánh giá: phiếu tìm hiểu nghề, bài trình bày và bản tự nhận xét của HS.

Hoạt động này không cần phụ huynh phải đến trường, không phụ thuộc vào việc có cơ sở sản xuất gần trường và vẫn tạo được cơ hội để HS chủ động khám phá nghề nghiệp.

3.5. Tăng cường tư vấn hướng nghiệp và phân luồng cho học sinh lớp 9

Đối với HS lớp 9, nhà trường cần xây dựng kế hoạch tư vấn riêng, giúp các em tìm hiểu những con đường học tập sau khi tốt nghiệp THCS.

Nội dung tư vấn cần cung cấp thông tin về tuyển sinh trung học phổ thông (THPT), giáo dục thường xuyên cấp THPT, GDNN và các lộ trình học tập tiếp theo phù hợp với quy định hiện hành. GV hướng dẫn HS xem xét nhiều yếu tố khi lựa chọn, gồm kết quả học tập, sở thích, năng lực, điều kiện gia đình, nguyện vọng và thông tin tuyển sinh thực tế. Có thể tổ chức phiếu tự đánh giá, hoạt động thảo luận nhóm, buổi trao đổi với CMHS và tư vấn cá nhân đối với những trường hợp cần hỗ trợ thêm.

Nhà trường cần bảo đảm thông tin được cung cấp khách quan, không tạo tâm lý mặc cảm đối với HS lựa chọn GDNN và không gây áp lực buộc HS phải theo một hướng đi nhất định. Hướng nghiệp không đồng nhất với việc vận động HS học nghề mà cần cung cấp thông tin công bằng về

các lựa chọn sau THCS, giúp HS tự cân nhắc.

Mục tiêu là giúp HS hiểu rõ ưu điểm, yêu cầu và cơ hội của từng lựa chọn để đưa ra quyết định có trách nhiệm, phù hợp với hoàn cảnh và nguyện vọng của bản thân.

3.6. Tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

CMHS có ảnh hưởng lớn đến quyết định học tập và nghề nghiệp của con. Vì vậy, nhà trường cần tạo cơ hội để phụ huynh tiếp cận thông tin hướng nghiệp chính xác, hiểu rõ vai trò của việc khám phá năng lực và tôn trọng nguyện vọng của HS.

Nhà trường có thể lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào các cuộc họp phụ huynh, gửi tài liệu giới thiệu các lựa chọn học tập hoặc tổ chức buổi trao đổi dành cho phụ huynh HS lớp 9. Bên cạnh đó, cần từng bước thiết lập mối liên hệ với các cơ sở GDNN và đơn vị có liên quan để nhận tài liệu tuyển sinh, tổ chức tư vấn hoặc phối hợp hoạt động trải nghiệm.

Trong giai đoạn đầu, trường có thể triển khai bằng những hình thức đơn giản như mời báo cáo viên, tổ chức tư vấn trực tuyến hoặc sử dụng tài liệu chính thức. Khi có đủ điều kiện, hoạt động sẽ được mở rộng sang tham quan và trải nghiệm thực tế. Việc phối hợp cần được thực hiện theo kế hoạch, bảo đảm tính khách quan, minh bạch và phù hợp với yêu cầu giáo dục của nhà trường.

3.7. Ứng dụng công nghệ số và xây dựng hồ sơ hướng nghiệp cá nhân

Công nghệ số có thể giúp GV và HS tiếp cận thông tin nghề nghiệp thuận tiện hơn. Nhà trường có thể xây dựng thư mục học liệu hướng nghiệp dùng chung, tập hợp tài liệu tuyển sinh, video giới thiệu nghề, thông tin đào tạo và những nguồn tư vấn đáng tin cậy.

GV hướng dẫn HS cách tìm kiếm, so sánh và kiểm tra độ tin cậy của thông tin, không sử dụng các bài trắc nghiệm nghề nghiệp như căn cứ duy nhất để quyết định tương lai. Mỗi HS có thể xây dựng một hồ sơ hướng nghiệp đơn giản, bao gồm:

- Sở thích và những điểm mạnh của bản thân.
- Các nghề đã tìm hiểu và kết quả trải nghiệm.
- Những kỹ năng cần tiếp tục rèn luyện.
- Các lựa chọn học tập sau THCS đang cân nhắc.
- Kế hoạch học tập và rèn luyện trong thời gian tới.

Hồ sơ được cập nhật định kỳ để HS nhìn thấy sự tiến bộ, điều chỉnh nhận thức và hình thành thói quen lập kế hoạch cho tương lai. Việc lưu trữ cần phù hợp với điều kiện nhà trường và bảo đảm quyền riêng tư của HS.

3.8. Đổi mới đánh giá hiệu quả giáo dục hướng nghiệp

Đánh giá hoạt động hướng nghiệp cần chú trọng sự tiến bộ của HS thay vì chỉ dựa vào số buổi tổ chức hoặc tỷ lệ HS lựa chọn một con đường học tập nhất định. Nhà trường có thể xây dựng các tiêu chí đánh giá, bám sát các thành tố của năng lực định hướng nghề nghiệp (hiểu bản thân, khám phá nghề nghiệp, ra quyết định) [6], như:

- HS hiểu rõ hơn về sở thích, điểm mạnh và nhu cầu rèn luyện của bản thân.
- HS biết tìm kiếm và đánh giá thông tin nghề nghiệp.
- HS chủ động tham gia các hoạt động trải nghiệm và hoàn thành sản phẩm học tập.

- HS biết so sánh các lựa chọn học tập sau THCS.
- HS có khả năng xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với nguyện vọng và điều kiện thực tế.

Có thể sử dụng phiếu khảo sát đầu năm và cuối năm, bài thu hoạch, sản phẩm dự án, hồ sơ hướng nghiệp và ý kiến phản hồi của HS để theo dõi kết quả.

Các dữ liệu thu thập được dùng để điều chỉnh nội dung, phương pháp tổ chức và xác định những hình thức hướng nghiệp có hiệu quả. Khi chưa có số liệu nền, nhà trường cần khảo sát trước khi đặt chỉ tiêu định lượng cho từng năm học.

4. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026–2030

Để các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của Trường THCS Vĩnh An, việc triển khai nên theo hướng từng bước, có đánh giá và điều chỉnh.

4.1. Năm học 2026–2027: Khởi động và xây dựng nền tảng

- Khảo sát nhu cầu tìm hiểu nghề nghiệp của HS và phụ huynh.
- Xây dựng kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo khối lớp.
- Thí điểm mô hình "Mỗi tháng một chủ đề hướng nghiệp".
- Xây dựng thư mục học liệu hướng nghiệp và phiếu tự đánh giá của HS.

4.2. Năm học 2027–2028: Mở rộng hoạt động trải nghiệm

- Tổ chức dự án "Em tìm hiểu nghề nghiệp quê hương".
- Tăng cường giao lưu với phụ huynh, cựu HS và người lao động.
- Chủ động liên hệ các cơ sở GDNN để tìm hiểu khả năng phối hợp.
- Đánh giá mức độ tham gia và sự tiến bộ của HS.

4.3. Năm học 2028–2029: Nâng cao chất lượng tư vấn

- Tăng cường tư vấn cá nhân cho HS lớp 9.
- Cập nhật thông tin tuyển sinh và các lộ trình học tập.
- Tổ chức hoạt động phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh.
- Điều chỉnh những hình thức tổ chức chưa phù hợp trên cơ sở kết quả đánh giá.

4.4. Năm học 2029–2030: Tổng kết và hoàn thiện mô hình

- Tổng hợp kết quả khảo sát, sản phẩm học tập và phản hồi của HS.
- Đánh giá tính phù hợp và khả năng duy trì các mô hình đã triển khai.
- Xây dựng kế hoạch hướng nghiệp cho giai đoạn tiếp theo.
- Chia sẻ kinh nghiệm với các tổ chuyên môn và cơ sở giáo dục có điều kiện tương đồng.

Lộ trình trên là đề xuất định hướng, cần được cụ thể hóa theo kế hoạch năm học, điều kiện nhân lực, kinh phí và văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục.

5. KIẾN NGHỊ

- **Đối với cơ quan quản lý giáo dục:** tăng cường hướng dẫn chuyên môn về Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tổ chức bồi dưỡng kỹ năng tư vấn cho GV; hỗ trợ nguồn học liệu và thông tin tuyển sinh chính xác, cập nhật.

- **Đối với nhà trường:** quan tâm xây dựng kế hoạch hướng nghiệp theo từng khối lớp; tạo điều kiện để GV tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp; tăng cường phối hợp với phụ huynh và từng bước kết nối với các cơ sở GDNN.
- **Đối với các cơ sở GDNN và đơn vị liên quan:** chủ động cung cấp thông tin về ngành nghề, chương trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh và cơ hội học tập; phối hợp tổ chức tư vấn, trải nghiệm phù hợp với HS THCS.
- **Đối với CMHS:** tích cực phối hợp với nhà trường, đồng hành cùng con trong quá trình khám phá bản thân và lựa chọn hướng học tập; tránh áp đặt hoặc đánh giá thấp bất kỳ con đường học tập hợp pháp nào.

6. KẾT LUẬN

Giáo dục hướng nghiệp thông qua Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là nhiệm vụ quan trọng trong việc phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ phân luồng HS sau THCS. Đối với Trường THCS Vĩnh An, việc xây dựng và triển khai hoạt động hướng nghiệp theo hướng có kế hoạch, thường xuyên, phù hợp với điều kiện thực tế là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn 2026–2030.

Những giải pháp được đề xuất trong tham luận tập trung vào việc tổ chức hoạt động theo từng khối lớp, triển khai chủ đề hướng nghiệp định kỳ, xây dựng dự án tìm hiểu nghề nghiệp, tăng cường tư vấn cho HS lớp 9, phối hợp với gia đình và các đơn vị liên quan, ứng dụng công nghệ số và đổi mới đánh giá kết quả.

Điều quan trọng là hoạt động hướng nghiệp không nhất thiết phải bắt đầu bằng những chương trình quy mô lớn. Không nên lấy khó khăn về kinh phí, khoảng cách địa lý hay việc phụ huynh đi làm xa làm lý do trì hoãn công tác hướng nghiệp; nhà trường có thể khởi đầu từ những hoạt động nhỏ, thiết thực, tận dụng nguồn lực sẵn có và từng bước mở rộng khi có điều kiện. Mỗi hoạt động cần giúp HS hiểu bản thân hơn, có thêm thông tin đáng tin cậy và biết cân nhắc những lựa chọn phù hợp cho tương lai.

Với sự quan tâm của các cấp quản lý, sự chủ động của nhà trường, tinh thần trách nhiệm của GV và sự đồng hành của gia đình, công tác giáo dục hướng nghiệp tại Trường THCS Vĩnh An có thể từng bước được đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng phân luồng HS trung học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (Chương trình tổng thể).*
2. Bộ Chính trị (2024). *Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
4. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
5. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
6. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP.*

Hồ Chí Minh, 20(10), 1732–1745.

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ

CN. Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Trường THCS Thạnh Lộc 2, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang

Email: ngocdiepntnd88@gmail.com

Tóm tắt: *Bài tham luận đúc kết kinh nghiệm tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp THCS nhằm nâng cao hiệu quả phân luồng. Số liệu ba năm học tại Trường THCS Thạnh Lộc 2 cho thấy tỷ lệ học sinh chọn học nghề chỉ tăng từ 8,9% lên 13,0% (năm học 2025–2026), cách xa mục tiêu 30%, trong khi 87% vào THPT. Bài viết chỉ ra bốn nguyên nhân: tâm lý chuộng bằng cấp, giáo viên kiêm nhiệm thiếu kỹ năng tham vấn, liên kết nhà trường – cơ sở GDNN – doanh nghiệp còn hình thức và hạn chế kinh phí trải nghiệm; từ đó đề xuất năm nhóm giải pháp: trải nghiệm nghề thực tế, trắc nghiệm Holland số hóa và hồ sơ năng lực, đổi mới tư vấn cho cha mẹ học sinh, liên kết "Ba nhà" và bồi dưỡng năng lực tham vấn cho giáo viên.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; phân luồng sau THCS; tâm lý chọn nghề; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng [1] đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục phổ thông với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động. Nhằm hiện thực hóa mục tiêu này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025", trong đó xác định chỉ tiêu cốt lõi: phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 30% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp [2].

Tại địa bàn tỉnh An Giang, cơ cấu kinh tế đang trong tiến trình chuyển đổi mạnh mẽ sang nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, thương mại biên giới, du lịch sinh thái và dịch vụ logistics. Xu thế này đòi hỏi một lực lượng lao động kỹ thuật lành nghề, có tay nghề thực tiễn vững vàng, tác phong kỷ luật và khả năng thích ứng linh hoạt. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của nguồn nhân lực, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 [3] và Ban Tổ chức Hội thảo ban hành Thông báo số 8053/TB-BTC [4] về việc tổ chức Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang". Đây là một chủ trương kịp thời, mang tính chiến lược nhằm đánh giá thực chất bức tranh phân luồng và tìm kiếm giải pháp đột phá cho giai đoạn tới.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) giữ vai trò chủ đạo trong việc bồi dưỡng năng lực tự nhận thức, tự định hướng nghề

nghiệp cho học sinh (HS) cấp THCS [5]. Giai đoạn lớp 9 là bước ngoặt quyết định, nơi HS đứng trước sự lựa chọn rẽ nhánh: thi vào lớp 10 trung học phổ thông (THPT) công lập hay chọn học trung cấp nghề kết hợp học văn hóa. Là giáo viên (GV) gắn bó nhiều năm với bục giảng THCS, trực tiếp giảng dạy bộ môn và phụ trách công tác chủ nhiệm khối 9, tôi nhận thấy thực tiễn phân luồng tại cơ sở vẫn đang đối mặt với những rào cản rất lớn. Bài tham luận này nhằm làm sáng tỏ thực trạng phân luồng chưa đạt chỉ tiêu, phân tích các nguyên nhân và đề xuất những giải pháp sư phạm đột phá qua HĐTN, HN để đồng hành cùng mục tiêu phân luồng của ngành giáo dục tỉnh nhà.

2. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TẠI ĐƠN VỊ

2.1. Phân tích số liệu phân luồng học sinh sau THCS qua ba năm học (2023–2026)

Để có cơ sở thực chứng đánh giá đúng đắn diễn biến phân luồng HS, tôi tiến hành tổng hợp số liệu thực tế HS tốt nghiệp THCS tại đơn vị (Trường THCS Thạnh Lộc 2) trong 3 năm học vừa qua. Dữ liệu được thể hiện cụ thể qua Bảng 1.

Bảng 1

Thống kê định hướng phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS giai đoạn 2023–2026

STT	Tiêu chí theo dõi	Năm học 2023–2024	Năm học 2024–2025	Năm học 2025–2026	Chỉ tiêu giao (Đề án 522)
1	Tổng số HS lớp 9 tốt nghiệp	225 em	238 em	246 em	100%
2	Vào học THPT (GDPT công lập và ngoài công lập)	198 em (88,0%)	205 em (86,1%)	214 em (87,0%)	Tối đa 70%
3	Rẽ nhánh học nghề (GDNN, trung cấp nghề)	20 em (8,9%)	25 em (10,5%)	**32 em (13,0%)**	Tối thiểu 30%
4	Tham gia thị trường lao động sớm	7 em (3,1%)	8 em (3,4%)	0 em (0,0%)	0%

Nguồn: Số liệu thống kê của nhà trường.

Số liệu thực tế chỉ ra rằng: năm học 2025–2026, toàn trường có 246 HS tốt nghiệp THCS, nhưng chỉ có 32 em chọn học nghề (đạt tỷ lệ 13%), trong khi chỉ tiêu được giao theo Đề án 522 là 30%. Khoảng cách thiếu hụt lên tới 17 điểm phần trăm là một thực tế đáng trăn trở. Mặc dù tỷ lệ này có tăng nhẹ so với các năm trước (từ 8,9% năm 2023–2024 lên 10,5% năm 2024–2025), song tốc độ chuyển dịch còn quá chậm. Có tới 87% HS vẫn tập trung cao độ vào việc học tiếp THPT.

Hiện tượng này tạo nên áp lực thi cử khốc liệt vào các trường THPT công lập trên địa bàn. Khi HS không trúng tuyển, phụ huynh vẫn cố gắng tìm mọi cách cho con vào học các trường THPT tư thục hoặc Trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) để lấy bằng tốt nghiệp THPT, rất ít phụ huynh chủ động hướng con rẽ nhánh sang học nghề ngay từ đầu.

2.2. Đánh giá việc thực hiện Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại trường THCS

Thực hiện Chương trình GDPT 2018, HĐTN, HN đã được đưa vào giảng dạy với thời lượng 105 tiết/năm học, bao gồm sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và hoạt động theo chủ đề [5]. Nhà trường đã nỗ lực triển khai các chủ đề định hướng nghề nghiệp, tổ chức các buổi tọa đàm và mời trường nghề về giới thiệu tuyển sinh. Tuy nhiên, nhìn nhận một cách khách quan, hoạt động này vẫn bộc lộ nhiều điểm nghẽn:

Thứ nhất, hoạt động còn nặng tính lý thuyết, thuyết giảng trong phòng học. HS chủ yếu nghe giới thiệu ngành nghề qua tranh ảnh hoặc clip ngắn, thiếu cơ hội được trực tiếp tham quan các xưởng thực hành, quan sát quy trình sản xuất và tương tác với người lao động thực tế.

Thứ hai, công tác tư vấn mang tính thời vụ, dồn cục vào cuối năm lớp 9. Các hoạt động hướng nghiệp chỉ thực sự sôi nổi vào tháng 3 – tháng 5 khi HS làm hồ sơ tuyển sinh lớp 10. Cách tiếp cận "chữa cháy" này không đủ thời gian để HS định hình sở trường và chuẩn bị tâm thế lựa chọn nghề nghiệp vững vàng.

Thứ ba, thiếu hụt công cụ đánh giá năng lực khoa học. Việc tư vấn của GV hiện nay chủ yếu dựa vào kết quả học tập các môn văn hóa, vô tình tạo nên định kiến sai lầm: "học giỏi thì thi vào cấp 3, học kém mới phải đi học nghề".

2.3. Nguyên nhân của tỷ lệ phân luồng học nghề thấp (13%)

Dưới góc nhìn của một GV nhiều năm gắn bó với HS cấp THCS, tỷ lệ phân luồng chỉ đạt 13% bắt nguồn từ 4 nguyên nhân sau:

- **Định kiến tâm lý xã hội chuộng bằng cấp:** tư tưởng "sĩ diện khoa bảng" ăn sâu vào tâm thức của số đông gia đình tại An Giang [6]. Phụ huynh coi việc con em không vào được cấp 3 công lập là điều đáng buồn, lo sợ con 15 tuổi còn quá nhỏ để tự lập hoặc môi trường trường nghề phức tạp.
- **Đội ngũ GV kiêm nhiệm thiếu kỹ năng tham vấn chuyên sâu:** GV giảng dạy HĐTN, HN chủ yếu là GV văn hóa kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản về tâm lý học hướng nghiệp, thiếu thông tin cập nhật về thị trường lao động và các ngành nghề kỹ thuật mới tại tỉnh An Giang [7].
- **Mối liên kết giữa nhà trường – cơ sở GDNN – doanh nghiệp còn hình thức:** sự phối hợp phần lớn dừng lại ở việc phát tờ rơi tuyển sinh. Chưa có mô hình liên kết chặt chẽ cho HS trải nghiệm thực tế, học thử nghề hoặc cam kết cơ hội việc làm sau tốt nghiệp từ phía doanh

nghiệp.

- **Nguồn lực và kinh phí tổ chức trải nghiệm thực tế còn hạn chế:** vướng mắc về kinh phí di chuyển và thủ tục bảo đảm an toàn khiến các trường THCS e ngại đưa HS đi trải nghiệm ngoài phạm vi nhà trường.

3. GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

Để thu hẹp khoảng cách từ 13% lên mục tiêu 30% phân luồng sau THCS giai đoạn 2026–2030 theo tinh thần chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, nhà trường cần thực hiện chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động, biến môn HĐTN, HN trở thành "cầu nối thực chất" giữa HS với thế giới nghề nghiệp. Dưới đây là 5 nhóm giải pháp đột phá được đúc kết từ thực tiễn giảng dạy.

3.1. Đổi mới nội dung và phương thức tổ chức HĐTN, HN theo hướng "thực học, thực nghiệm"

Chương trình HĐTN, HN cần chuyển mạnh từ việc "dạy về nghề" sang "cho HS trải nghiệm nghề". Nhà trường nên định kỳ tổ chức "Ngày hội trải nghiệm nghề nghiệp" ngay tại trường, phối hợp cùng các trường trung cấp, cao đẳng nghề trên địa bàn tỉnh mang các trang thiết bị thực hành trực quan (mô hình điều khiển tự động, điện tử viễn thông, kỹ thuật pha chế, nông nghiệp công nghệ cao) để HS được trực tiếp đóng vai người thợ.

Đồng thời, cần triển khai chương trình "Một ngày làm học viên trường nghề" cho HS khối 8 và khối 9. Khi các em được tận mắt chứng kiến xưởng thực hành khang trang, hiện đại và trò chuyện cùng sinh viên trường nghề, những suy nghĩ tự ti về học nghề sẽ được xóa bỏ, hình thành cảm xúc tích cực với lao động kỹ thuật.

Bên cạnh đó, cần khai thác thế mạnh làng nghề và cơ cấu kinh tế địa phương tỉnh An Giang (dệt thổ cẩm Châu Phong, mộc Chợ Mới, nuôi trồng và chế biến thủy sản Thoại Sơn, Châu Phú) đưa vào các chủ đề HĐTN, HN, khơi dậy niềm tự hào và ý thức lập thân, lập nghiệp ngay trên quê hương mình.

3.2. Ứng dụng công nghệ số và bộ công cụ trắc nghiệm tâm lý nghề nghiệp chuẩn hóa

Để công tác định hướng nghề nghiệp mang tính khoa học, nhà trường cần đưa các công cụ đánh giá tâm lý nghề nghiệp vào quy trình giáo dục:

- Chuẩn hóa bài trắc nghiệm xu hướng nghề nghiệp Holland (RIASEC) số hóa [8]: tổ chức cho 100% HS khối 8, 9 thực hiện trắc nghiệm trực tuyến để xác định rõ nhóm thiên hướng nghề nghiệp (Kỹ thuật, Nghiên cứu, Nghệ thuật, Xã hội, Quản lý, Nghiệp vụ). Kết quả này là cơ sở khách quan giúp HS nhận diện bản thân, không bị cuốn theo tâm lý đám đông.
- Thiết lập hồ sơ năng lực nghề nghiệp cá nhân: theo dõi sự phát triển sở trường, điểm mạnh, điểm yếu của từng HS từ lớp 6 đến lớp 9, giúp việc tư vấn cuối cấp có chiều sâu và độ tin cậy cao.

3.3. Đổi mới phương thức tư vấn: chuyển dịch trọng tâm tác động vào cha mẹ học sinh

Trong văn hóa gia đình Á Đông, cha mẹ giữ vai trò định đoạt hướng đi của con cái sau lớp 9. Muốn phân luồng thành công, nhà trường phải "mở khóa" tư duy của phụ huynh:

- Lồng ghép chuyên đề hướng nghiệp vào các buổi họp cha mẹ học sinh: thay vì chỉ tập trung vào điểm số, GV chủ nhiệm dành ít nhất 45 phút để phân tích thực tế về cơ hội nghề nghiệp, phân tích năng lực HS và giải tỏa tâm lý ép con thi vào trường công lập bằng mọi giá.
- Tuyên truyền sâu rộng các chính sách ưu đãi nhân văn của Nhà nước: giúp phụ huynh nắm rõ chính sách miễn 100% học phí học nghề cho HS tốt nghiệp THCS theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [9] (và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP [10]); mô hình đào tạo 9+ (18 tuổi có cả bằng trung cấp nghề và bằng tốt nghiệp THPT, có thể đi làm ngay hoặc liên thông cao đẳng, đại học). Những lợi ích thiết thực về tài chính và thời gian sẽ giúp phụ huynh an tâm lựa chọn.
- Thành lập câu lạc bộ "Phụ huynh đồng hành cùng con chọn nghề": mời những phụ huynh có con học nghề thành công, có thu nhập ổn định đến chia sẻ kinh nghiệm, tạo sự đồng cảm và tin tưởng.

3.4. Xây dựng mô hình phối hợp "Ba nhà": Trường THCS – Cơ sở GDNN – Doanh nghiệp

Công tác phân luồng không thể thực hiện đơn độc trong phạm vi một trường học, mà cần hình thành hệ sinh thái phối hợp đồng bộ:

- Trường THCS ký kết hợp tác thường xuyên với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh An Giang (như Cao đẳng Nghề An Giang, Trung cấp Nghề Dân tộc Nội trú…). Cơ sở GDNN hỗ trợ giảng viên tham gia thỉnh giảng các tiết HĐTN, HN, mở cửa xưởng thực hành đón HS đến trải nghiệm.
- Kết nối doanh nghiệp địa phương: mời đại diện các doanh nghiệp tham gia nói chuyện chuyên đề, giới thiệu về nhu cầu tuyển dụng kỹ thuật viên, chế độ đãi ngộ và trao học bổng hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn chọn học nghề. Khi thấy rõ đầu ra việc làm, niềm tin của HS và phụ huynh sẽ được củng cố vững chắc.

3.5. Nâng cao năng lực chuyên môn tham vấn hướng nghiệp cho đội ngũ giáo viên THCS

Đội ngũ thầy cô giáo là lực lượng quyết định chất lượng giáo dục. Cần đầu tư bồi dưỡng chuyên môn sâu cho GV:

- Tổ chức các đợt tập huấn chuyên sâu về kỹ năng tham vấn hướng nghiệp, cập nhật thông tin thị trường lao động thời kỳ số hóa và chuyển đổi năng lượng tại An Giang cho GV dạy HĐTN, HN và GV chủ nhiệm lớp 9.
- Kiện toàn "Tổ tư vấn tâm lý và hướng nghiệp học đường": bố trí không gian riêng, lịch làm việc định kỳ để HS và phụ huynh có thể tìm đến giãi bày tâm tư, nhận được lời khuyên thấu đáo, khoa học và nhân văn.

4. KẾT LUẬN

Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng sau THCS là một nhiệm vụ giáo dục mang tính nhân văn sâu sắc, nhằm giải phóng HS khỏi áp lực thi cử không phù hợp, giúp các em tìm thấy hướng đi phát huy tối đa năng lực bản thân. Thực trạng tỷ lệ phân luồng chỉ đạt 13% so với mục tiêu 30% tại đơn vị trong năm học 2025–2026 đặt ra yêu cầu cấp bách phải đổi mới toàn diện. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo Chương trình GDPT 2018 chính là con đường tối ưu để chuyển

hóa nhận thức thành hành động, mở lối cho HS tự tin bước vào đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
3. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
4. Ban Tổ chức Hội thảo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*.
6. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
7. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
8. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
9. Chính phủ (2021). *Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo*.
10. Chính phủ (2023). *Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*.

ĐỔI MỚI TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH LỚP 8, LỚP 9 NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ

CN. Đỗ Quốc Tuấn

Trường THCS Nguyễn Công Trứ, xã Óc Eo, tỉnh An Giang

Email: doquoctuants07@gmail.com

Tóm tắt: *Thực hiện nội dung trọng tâm "Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục hướng nghiệp và tư vấn nghề nghiệp" trong Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang, bài viết phân tích thực trạng hướng nghiệp, phân luồng ở cấp trung học cơ sở trong bối cảnh chỉ tiêu phân luồng sau trung học cơ sở năm học 2026–2027 của tỉnh là 30%. Từ thực tiễn và số liệu hai năm học của Trường THCS Nguyễn Công Trứ, xã Óc Eo, bài viết đề xuất sáu nhóm giải pháp: hồ sơ hướng nghiệp cá nhân; lộ trình trải nghiệm nghề nghiệp từ lớp 6 đến lớp 9; khai thác thế mạnh địa phương; ứng dụng công nghệ số có kiểm soát; phối hợp gia đình – nhà trường – cơ sở giáo dục nghề nghiệp – doanh nghiệp; theo dõi học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở. Mục tiêu là để mỗi em chọn con đường học tập bằng hiểu biết về bản thân và về nghề, không phải bằng cảm tính hay sự áp đặt.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng; tư vấn nghề nghiệp; trải nghiệm nghề nghiệp; trung học cơ sở*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 [1] xác định năm nhóm nội dung trọng tâm: đánh giá thực trạng; đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục hướng nghiệp và tư vấn nghề nghiệp; gắn hướng nghiệp, phân luồng với nhu cầu nhân lực của tỉnh; tăng cường liên kết giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; đề xuất mục tiêu, giải pháp giai đoạn 2026–2030. Là một trường trung học cơ sở (THCS) vùng nông thôn, chúng tôi chọn nhóm nội dung thứ hai để trình bày, vì đây là khâu nhà trường trực tiếp làm được ngay và quyết định chất lượng của các khâu còn lại.

Lý do thứ nhất là yêu cầu chính sách [2], [3], [4], [5]. Công văn số 6353/SGDĐT-GDPT ngày 28/8/2026 hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026–2027 [6] yêu cầu "tăng cường tư vấn hướng nghiệp, phân luồng đối với học sinh lớp 8, lớp 9", hỗ trợ học sinh chọn lộ trình học tập sau THCS "phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội"; đồng thời đặt chỉ tiêu số học sinh phân luồng sau tốt nghiệp THCS đạt 30% và tỉ lệ bỏ học ở cấp THCS không quá 0,85%. Kế hoạch 7963 [1] đòi hỏi bài viết có "cơ sở thực tiễn, số liệu minh chứng cụ thể" và giải pháp "có thể triển khai và nhân rộng".

Lý do thứ hai là thực tiễn lựa chọn của học sinh. Ở cuối cấp THCS, các em đứng trước ngã rẽ đầu tiên của cuộc đời: học tiếp trung học phổ thông (THPT), học giáo dục thường xuyên, học trung cấp, cao đẳng hoặc học nghề. Ở tuổi 14–15, nếu thiếu thông tin và sự đồng hành, quyết định

này dễ bị chi phối bởi tâm lý "con phải vào THPT", bởi bạn bè hoặc điều kiện kinh tế gia đình. Phân luồng vì thế chỉ có ý nghĩa khi bắt nguồn từ tư vấn hướng nghiệp tốt, diễn ra trong suốt quá trình học chứ không dồn vào vài tuần trước kỳ tuyển sinh.

Từ đó, bài viết trả lời ba câu hỏi: (1) Tư vấn hướng nghiệp ở cấp THCS đang gặp những khó khăn gì? (2) Đổi mới nội dung và phương pháp theo hướng nào để tư vấn thực chất? (3) Một trường THCS vùng nông thôn có thể làm gì, với điều kiện hiện có, để học sinh chọn lộ trình phù hợp và giảm nguy cơ bỏ học?

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG Ở CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

2.1. Yêu cầu và chỉ tiêu của tỉnh năm học 2026–2027

Phụ lục Công văn 6353/SGDĐT-GDPT [6] nêu các chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến hướng nghiệp, phân luồng ở cấp THCS (Bảng 1).

Bảng 1

Một số chỉ tiêu cấp THCS năm học 2026–2027 của tỉnh An Giang

Nội dung (cấp THCS)	Chỉ tiêu
Học sinh tốt nghiệp THCS (hoàn thành Chương trình THCS)	99,90%
Học sinh phân luồng sau tốt nghiệp THCS	30%
Học sinh bỏ học	0,85%
Phổ cập giáo dục THCS	Đạt mức độ 2

Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) An Giang, Công văn số 6353/SGDĐT-GDPT ngày 28/8/2026 [6].

Ba chỉ tiêu này liên quan chặt chẽ với nhau. Nếu 30% học sinh được phân luồng thì khoảng 70% còn lại vào học THPT. Hai nhóm này đều phải được chọn trên cơ sở tư vấn. Đồng thời, tỉ lệ tốt nghiệp 99,90% và tỉ lệ bỏ học dưới 0,85% đòi hỏi những em không chọn THPT phải có lối đi cụ thể (giáo dục thường xuyên, trung cấp, học nghề) chứ không phải rời khỏi nhà trường rồi "mất dấu". Nói cách khác, chỉ tiêu phân luồng chỉ thực chất khi đi kèm cơ chế theo dõi, hỗ trợ học sinh sau THCS, là yêu cầu mà Kế hoạch 7963 đặt ra [1].

2.2. Thực trạng tại Trường THCS Nguyễn Công Trứ

Trường THCS Nguyễn Công Trứ đóng trên địa bàn xã Óc Eo, vùng có kinh tế gắn với nông nghiệp và dịch vụ, nổi tiếng với di tích văn hóa Óc Eo – Ba Thê. Nhà trường đã thực hiện hướng nghiệp qua môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, các môn học, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và các buổi tư vấn tuyển sinh lớp 10 vào cuối năm học. Số liệu hướng nghiệp, phân luồng của nhà trường hai năm học gần đây được tổng hợp ở Bảng 2.

Bảng 2

Kết quả hướng nghiệp, phân luồng của Trường THCS Nguyễn Công Trứ

Nội dung	Năm học 2024–2025	Năm học 2025–2026
Số học sinh lớp 9	205	269
Học sinh vào lớp 10 THPT (%)	187 (91,91%)	207 (76,9%)
Học sinh học giáo dục thường xuyên (%)	11 (5,36%)	30 (11,12%)
Học sinh học nghề, trung cấp, cao đẳng (%)	0	1 (0,37%)
Học sinh đi học nghề ngoài công lập (%)	3 (1,46%)	7 (2,60%)
Học sinh đi làm hoặc chưa xác định hướng đi (%)	4 (1,95%)	24 (8,92%)
Học sinh bỏ học cấp THCS (%)	0	0
Số buổi tư vấn, trải nghiệm hướng nghiệp trong năm	3	3

Nguồn: Báo cáo của Trường THCS Nguyễn Công Trứ.

Từ thực tiễn công tác, chúng tôi nhận thấy những kết quả bước đầu và hạn chế sau.

Kết quả đạt được. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được đưa vào kế hoạch giáo dục của nhà trường; giáo viên chủ nhiệm có tham gia tư vấn cho học sinh lớp 9; nhà trường có phối hợp với các cơ sở đào tạo để giới thiệu ngành, nghề vào thời điểm tuyển sinh. Học sinh bước đầu biết các hướng đi sau THCS.

Hạn chế. Một là, tư vấn còn mang tính thời điểm. Hướng nghiệp tập trung vào học kỳ II lớp 9, sát kỳ tuyển sinh, nên học sinh ít thời gian khám phá bản thân và nghề nghiệp. Hai là, thông tin về nghề còn chung chung: học sinh biết tên nghề nhưng chưa biết công việc hằng ngày, yêu cầu năng lực, nơi đào tạo, thu nhập và cơ hội việc làm. Ba là, thiếu dữ liệu cá nhân. Sở thích, năng lực, điều kiện gia đình của từng em chưa được ghi nhận thành hồ sơ, nên lời tư vấn dựa nhiều vào cảm nhận của giáo viên. Bốn là, nhận thức của một bộ phận cha mẹ học sinh còn nặng về "bằng cấp" và còn e ngại học nghề; quyết định của em đôi khi do gia đình hoặc bạn bè quyết định. Năm là, giáo viên làm công tác hướng nghiệp phần lớn kiêm nhiệm, ít được bồi dưỡng về tư vấn nghề nghiệp; điều kiện kết nối với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề còn hạn chế vì đặc thù địa bàn.

2.3. Nguyên nhân

Nguyên nhân chủ yếu gồm: (1) nhận thức xem hướng nghiệp là việc của lớp 9 chứ không phải quá trình từ lớp 6; (2) thiếu công cụ đánh giá năng lực, sở thích và thiếu cơ sở dữ liệu ngành, nghề dùng cho học sinh THCS; (3) cơ chế phối hợp giữa nhà trường – gia đình – cơ sở giáo dục nghề nghiệp – doanh nghiệp chưa thường xuyên, thiếu kế hoạch chung; (4) chưa có cơ chế theo dõi học sinh sau tốt nghiệp THCS nên nhà trường không biết quyết định của các em có phù hợp hay không để điều chỉnh.

3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Từ thực trạng trên, chúng tôi đề xuất sáu nhóm giải pháp, bám sát yêu cầu "tư vấn nghề nghiệp dựa trên năng lực, sở thích, điều kiện của học sinh và nhu cầu của thị trường lao động" của Kế hoạch 7963 [1].

3.1. Xây dựng hồ sơ hướng nghiệp cá nhân cho mỗi học sinh từ lớp 6

Mỗi học sinh có một hồ sơ hướng nghiệp gồm ba phần: (a) thông tin về bản thân: sở thích, điểm mạnh, kết quả học tập, rèn luyện, hoạt động ngoại khóa; (b) kết quả đánh giá khuynh hướng nghề nghiệp, có thể dùng thang sáu nhóm của Holland (thực tế, nghiên cứu, nghệ thuật, xã hội, quản lý, nghiệp vụ) [7] ở mức độ đơn giản, phù hợp lứa tuổi và chỉ dùng làm gợi ý, không dùng để "gán nhãn" học sinh; (c) nhật ký trải nghiệm: những nghề đã tìm hiểu, cảm nhận sau mỗi hoạt động, mong muốn và băn khoăn của em. Hồ sơ do giáo viên chủ nhiệm quản lý, cập nhật mỗi học kỳ, bảo mật theo quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân học sinh, phù hợp yêu cầu của Công văn 6353 [6]. Đến học kỳ I lớp 9, hồ sơ này là cơ sở để giáo viên tư vấn từng em, thay cho nhận xét theo cảm tính.

3.2. Thiết kế lộ trình hoạt động hướng nghiệp theo từng khối lớp, trọng tâm là lớp 8, lớp 9

Theo Công văn 6353 [6], hướng nghiệp ở THCS cần giúp học sinh "nhận biết sở thích, năng lực, điều kiện bản thân, đặc điểm các lĩnh vực nghề nghiệp và các lộ trình học tập sau THCS". Chúng tôi cụ thể hóa thành lộ trình bốn năm ở Bảng 3, tích hợp trong chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [8] và sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp.

Bảng 3

Lộ trình hướng nghiệp từ lớp 6 đến lớp 9

Khối	Mục tiêu	Hoạt động chủ yếu
Lớp 6–7	Hiểu bản thân; làm quen thế giới nghề	Trò chơi khám phá sở thích; "Một ngày làm nghề" ngay trong gia đình, thôn, ấp; mời phụ huynh nói về nghề của mình
Lớp 8	Khám phá nhóm nghề; gắn năng lực với lựa chọn	Đánh giá khuynh hướng nghề nghiệp; chuyên đề "Các nhóm ngành nghề của tỉnh"; tham quan cơ sở sản xuất, dịch vụ trong xã; giới thiệu các lộ trình sau THCS
Lớp 9 (học kỳ I)	Tư vấn cá nhân, chọn lộ trình	Tư vấn từng em từ hồ sơ hướng nghiệp; trải nghiệm tại trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và trường nghề; họp cha mẹ học sinh về lựa chọn sau THCS
Lớp 9 (học kỳ II)	Quyết định và đăng ký	Ngày hội hướng nghiệp; hướng dẫn đăng ký tuyển sinh; hỗ trợ học sinh khó khăn và học sinh có nguy cơ bỏ học

Điểm mới của lộ trình là chuyển trọng tâm từ "giới thiệu thông tin" sang "trải nghiệm và đối thoại". Sau mỗi hoạt động, học sinh ghi vào nhật ký và thảo luận: Em thích điều gì? Em còn thiếu năng lực nào? Con đường nào đưa em tới nghề này? Cách làm này phù hợp với yêu cầu "tăng cường hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, tham quan, tìm hiểu môi trường làm việc tại doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp" của Kế hoạch 7963 [1].

3.3. Khai thác thế mạnh địa phương làm môi trường trải nghiệm nghề

Kế hoạch 7963 [1] nêu các nhóm ngành có tiềm năng của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, thủy sản, du lịch, dịch vụ, công nghệ thông tin, cơ khí – điện – điện tử, logistics, y tế. Với địa bàn xã Óc Eo, nhà trường ưu tiên ba hướng. Thứ nhất là nông nghiệp và chế biến nông sản: tổ chức cho học sinh tham quan mô hình trồng lúa chất lượng cao, hợp tác xã, cơ sở chế biến, để các em thấy "làm nông" hôm nay gắn với kỹ thuật, máy móc và thị trường. Thứ hai là du lịch – dịch vụ gắn với di sản Óc Eo: học sinh làm thuyết minh viên nhỏ tuổi, tìm hiểu nghề hướng dẫn viên, lễ tân, ẩm thực. Thứ ba là kỹ thuật – công nghệ: kết nối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và các trường nghề để học sinh tham quan, trải nghiệm các nghề liên quan về điện, điện lạnh, cơ khí, sửa chữa ô tô, tin học,… và một số ngành nghề khác ở địa phương. Cách làm này vừa gần gũi, ít tốn kém, vừa giúp các em nhìn thấy cơ hội việc làm ngay trên quê hương. Khi tổ chức, nhà trường phải bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp lứa tuổi theo hướng dẫn của Sở [6].

3.4. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo có kiểm soát

Công văn 6353 [6] yêu cầu khai thác hiệu quả trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp, cá nhân hóa học tập. Ở quy mô một trường THCS, chúng tôi đề xuất ba việc vừa sức: (a) lập "thư viện nghề" số dùng chung trên website hoặc nhóm lớp, gồm video ngắn mô tả công việc, yêu cầu năng lực, nơi đào tạo, mức học phí và cơ hội việc làm do giáo viên và cơ sở đào tạo cung cấp; (b) dùng biểu mẫu trực tuyến để khảo sát sở thích và nguyện vọng của học sinh, cha mẹ học sinh, tổng hợp bằng bảng tính phục vụ tư vấn; (c) hướng dẫn học sinh dùng công cụ AI để tìm hiểu nghề, nhưng với nguyên tắc giáo viên là người tư vấn, AI chỉ là công cụ tham khảo; học sinh phải kiểm chứng thông tin, và công cụ không được thay thế quyết định của học sinh, gia đình. Việc này cũng gắn với yêu cầu giáo dục năng lực số, sử dụng AI an toàn, trung thực của Công văn 6353 [6].

3.5. Xây dựng "bốn bên cùng đồng hành": gia đình – nhà trường – cơ sở giáo dục nghề nghiệp – doanh nghiệp

Quyết định cuối cùng của học sinh chịu ảnh hưởng lớn của cha mẹ, nên hướng nghiệp không thể thiếu gia đình. Nhà trường tổ chức mỗi năm ít nhất hai buổi họp cha mẹ học sinh lớp 8, lớp 9 chuyên về hướng nghiệp, trong đó giới thiệu rõ ba điều: các lộ trình sau THCS đều có thể học liên thông lên cao hơn; chi phí, chính sách hỗ trợ và cơ hội việc làm của từng lộ trình; cách đồng hành mà không áp đặt. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhà trường ký kết hoặc thống nhất kế hoạch phối hợp thường niên: tư vấn tuyển sinh tại trường, đón học sinh trải nghiệm, cung cấp thông tin liên thông. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong xã, nhà trường mời người làm nghề nói chuyện, đón học sinh tham quan, qua đó thực hiện vai trò "chủ thể của hệ sinh thái hướng nghiệp" mà Ban Tổ chức Hội thảo đã nêu [9]. Mối liên kết này cần được Ủy ban nhân dân (UBND)

xã chỉ đạo, theo tinh thần phân định trách nhiệm giữa cơ sở giáo dục và UBND cấp xã trong Công văn 6353 [6].

3.6. Theo dõi, hỗ trợ học sinh sau tốt nghiệp THCS; chú ý học sinh có nguy cơ bỏ học

Đây là giải pháp đáp ứng yêu cầu "cơ chế thu thập thông tin, theo dõi kết quả học tập, đào tạo và việc làm của học sinh sau phân luồng" của Kế hoạch 7963 [1]. Cụ thể: (a) nhà trường lập danh sách học sinh theo từng lộ trình đã chọn, cập nhật vào cơ sở dữ liệu giáo dục theo hướng dẫn của Sở; (b) giáo viên chủ nhiệm cũ liên hệ với học sinh và gia đình vào đầu học kỳ I và cuối năm học đầu tiên sau THCS để nắm tình hình học tập, việc làm; (c) phối hợp với UBND xã, các đoàn thể xử lý sớm các trường hợp bỏ học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh thuộc gia đình lao động mùa vụ; (d) hằng năm, dựa trên kết quả theo dõi, nhà trường điều chỉnh nội dung hướng nghiệp cho các khóa sau.

3.7. Điều kiện thực hiện và chỉ số đánh giá hiệu quả

Để các giải pháp khả thi, nhà trường cần phân công một tổ hoặc nhóm hướng nghiệp do một phó hiệu trưởng phụ trách, thành viên gồm giáo viên chủ nhiệm khối 8, 9, giáo viên Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo viên Công nghệ, Tin học, cán bộ tư vấn học đường (nếu có); bồi dưỡng cho nhóm này kỹ năng tư vấn nghề nghiệp; công khai kế hoạch hướng nghiệp để học sinh và cha mẹ biết, phối hợp. Hiệu quả được đo bằng các chỉ số: (1) tỉ lệ học sinh lớp 9 có hồ sơ hướng nghiệp đầy đủ; (2) tỉ lệ học sinh được tư vấn cá nhân; (3) số hoạt động trải nghiệm thực hiện mỗi năm; (4) mức độ hài lòng của học sinh và cha mẹ; (5) tỉ lệ bỏ học, tỉ lệ học sinh theo học đúng lộ trình đã chọn sau một năm.

4. KIẾN NGHỊ

Để công tác hướng nghiệp, phân luồng ở cấp THCS đạt hiệu quả trong giai đoạn 2026–2030, chúng tôi kiến nghị:

- Sở GDĐT xây dựng bộ công cụ và cơ sở dữ liệu ngành, nghề dùng chung (thông tin ngành đào tạo, cơ sở đào tạo, nhu cầu tuyển dụng của tỉnh) cho học sinh THCS, và tổ chức tập huấn tư vấn nghề nghiệp cho giáo viên phụ trách tư vấn hướng nghiệp.
- Sở GDĐT chỉ đạo các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, các trường cao đẳng, trung cấp mở "ngày trải nghiệm nghề" định kỳ cho học sinh THCS, đặc biệt ở vùng nông thôn.
- UBND các xã, phường, đặc khu chỉ đạo phối hợp giữa trường học với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn và hỗ trợ kinh phí đi lại cho học sinh khó khăn khi tham gia trải nghiệm.
- Có cơ chế chia sẻ dữ liệu theo dõi học sinh sau THCS giữa trường THCS, trường THPT, cơ sở giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp.

5. KẾT LUẬN

Phân luồng không phải là việc chia học sinh vào các "luồng" theo chỉ tiêu, mà là giúp mỗi em chọn con đường học tập phù hợp nhất với năng lực, sở thích, điều kiện của mình và nhu cầu của địa

phương. Chỉ tiêu 30% học sinh phân luồng sau THCS của tỉnh năm học 2026–2027 chỉ có ý nghĩa khi được thực hiện trên nền tảng tư vấn hướng nghiệp thực chất. Bài viết đã đề xuất sáu nhóm giải pháp phù hợp với điều kiện một trường THCS vùng nông thôn: hồ sơ hướng nghiệp cá nhân; lộ trình trải nghiệm từ lớp 6 đến lớp 9; khai thác thế mạnh địa phương; ứng dụng công nghệ số có kiểm soát; phối hợp bốn bên; theo dõi học sinh sau THCS.

Chúng tôi mong nhận được ý kiến góp ý của Ban Tổ chức, quý đại biểu để bài viết hoàn thiện hơn và các giải pháp có thể nhân rộng trong toàn tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
2. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
3. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
4. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
6. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Công văn số 6353/SGDĐT-GDPT ngày 28/8/2026 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026–2027*.
7. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* (Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp).
9. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 2 ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.

"CÂY NGHỀ NGHIỆP THÔNG MINH" – ỨNG DỤNG STEM VÀ AI TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH LỚP 9 QUA MÔN CÔNG NGHỆ

KS. Lê Trần Diễm Phương

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Cái Dầu, xã Châu Phú, tỉnh An Giang

Email: diemphuongcaidau@gmail.com

Tóm tắt: *Nhiều học sinh lớp 9 bước vào ngã rẽ phân luồng khi chưa hiểu rõ năng lực bản thân và thế giới nghề nghiệp. Bài viết trình bày mô hình hướng nghiệp hai giai đoạn trong môn Công nghệ 9 tại Trường Tiểu học và THCS Cái Dầu. Ở giai đoạn 1, học sinh dùng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) miễn phí để tự làm video khám phá nghề, có Phiếu kiểm chứng thông tin 5 tiêu chuẩn; tỉ lệ học sinh hứng thú với tiết hướng nghiệp tăng từ 35% lên 85%. Ở giai đoạn 2, mô hình được nâng cấp thành bài học STEM "Cây nghề nghiệp thông minh", kết hợp trắc nghiệm Holland, chế tạo từ vật liệu tái chế và mã QR, giúp học sinh "chọn nghề từ gốc rễ của bản thân", được hoàn thiện qua sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Bài viết đối chiếu mô hình với Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT, chỉ ra khoảng trống về trải nghiệm nghề và phân luồng, từ đó đề xuất giải pháp cho giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng; học thuyết Holland; giáo dục STEM; trí tuệ nhân tạo*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đứng trước ngã rẽ sau trung học cơ sở (THCS), nhiều học sinh lớp 9 có thể gọi tên một nghề mơ ước, nhưng khi được hỏi "Vì sao em chọn nghề đó?" hay "Công việc hằng ngày của nghề ấy là gì?" thì lúng túng. Các em chọn theo cảm tính, theo trào lưu hoặc theo định hướng của gia đình, thay vì xuất phát từ năng lực, sở thích của bản thân và hiểu biết thực tế về nghề. Nói theo ngôn ngữ của lí thuyết cây nghề nghiệp, học sinh đang chọn nghề vì "quả" (lương cao, được trọng vọng) mà chưa nhìn vào "rễ" (sở thích, khả năng, cá tính, giá trị của chính mình). Khoảng trống giữa "biết tên nghề" và "hiểu nghề, hiểu mình" là bài toán cốt lõi của hướng nghiệp cấp THCS.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 xác định hướng nghiệp là nội dung xuyên suốt; trong đó, môn Công nghệ 9 (mô đun Định hướng nghề nghiệp) giữ vai trò nòng cốt, đưa học thuyết mật mã Holland [1], lí thuyết cây nghề nghiệp và quy trình chọn nghề vào bài học [2], [3]. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 tiếp tục cụ thể hóa nội dung hướng nghiệp gồm: thông tin về nghề nghiệp; tự nhận thức bản thân; kĩ năng ra quyết định; trải nghiệm nghề nghiệp; đồng thời yêu cầu ứng dụng nền tảng số, cơ sở dữ liệu nghề nghiệp và trí tuệ nhân tạo (AI) [4], [5]. Đây là bước tiếp nối Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng giai đoạn 2018–2025 [6]. Thông tư cũng yêu cầu nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về các lộ trình sau THCS và góp phần xóa bỏ định kiến về nghề nghiệp.

Câu hỏi đặt ra cho giáo viên là: làm thế nào để tiết Công nghệ vượt ra khỏi kiểu "giới thiệu nghề" một chiều, trở thành nơi học sinh tự tìm hiểu nghề, tự soi chiếu bản thân và tự đưa ra lựa chọn có căn cứ? Mô hình "Cây nghề nghiệp thông minh", triển khai từ năm học 2024–2025 đến nay, là câu trả lời mà tổ chuyên môn chúng tôi đã thử nghiệm.

2. THỰC TRẠNG

Thuận lợi. Mô đun Định hướng nghề nghiệp nằm trong giờ Công nghệ chính khóa nên không phát sinh thời lượng. Nhà trường có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu. Học sinh quen với điện thoại thông minh, video ngắn và dễ tiếp cận các công cụ AI miễn phí. Tổ Văn – Công nghệ đồng thuận, phối hợp liên môn chặt chẽ.

Khó khăn. Thứ nhất, học sinh vùng nông thôn rất ít cơ hội tham quan doanh nghiệp hay cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tức là thiếu hẳn nội dung "trải nghiệm nghề nghiệp" mà Thông tư 16 yêu cầu. Thứ hai, tâm lí chuộng bằng cấp còn nặng: không ít phụ huynh và học sinh xem đại học là con đường duy nhất, coi học nghề là lựa chọn của học sinh yếu. Thứ ba, cách dạy hướng nghiệp truyền thống còn một chiều: bài thu hoạch chép tay, hoặc giáo viên trình chiếu video giới thiệu nghề để học sinh xem thụ động.

Số liệu khảo sát. Đầu năm học 2024–2025, khảo sát 178 học sinh lớp 9 cho thấy chỉ 63 em (35,39%) đã có định hướng nghề nghiệp bước đầu; 115 em (64,61%) còn mơ hồ về lựa chọn sau THCS. Dù dùng điện thoại thường xuyên, chỉ khoảng 20% học sinh biết ứng dụng AI vào học tập.

Thực tế phân luồng sau THCS. Theo số liệu tuyển sinh hằng năm của nhà trường, phần lớn học sinh tốt nghiệp lớp 9 tiếp tục học trung học phổ thông (THPT): đa số trúng tuyển nguyện vọng 1 vào Trường THPT Trần Văn Thành, một số học theo nguyện vọng 2 tại Trường THCS và THPT Bình Long, Trường THPT Bình Mỹ; năm học vừa qua có 2 em trúng tuyển Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu. Số học sinh lựa chọn giáo dục nghề nghiệp hoặc trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên (GDNN–GDTX) ngay sau THCS chiếm tỉ lệ thấp. Điều đó cho thấy lựa chọn của học sinh vẫn tập trung vào một luồng, trong khi luồng giáo dục nghề nghiệp chưa thực sự được học sinh và phụ huynh cân nhắc như một con đường ngang hàng – đây là hạn chế mà bài viết sẽ quay lại ở phần giải pháp.

3. MÔ HÌNH VÀ GIẢI PHÁP

Mô hình gồm hai giai đoạn nối tiếp: giai đoạn 1 (từ 9/2024) giúp học sinh hiểu nghề thông qua video AI; giai đoạn 2 (năm học 2026–2027) giúp học sinh hiểu mình và đặt mình lên "bản đồ nghề nghiệp" thông qua bài học STEM.

3.1. Giai đoạn 1: Video AI khám phá nghề nghiệp

Học sinh được trao vai "nhà nghiên cứu nghề nghiệp", thực hiện theo 4 bước:

- **Bước 1 – Chọn đề tài (tuần 1):** Các nhóm đăng kí nghề trực tuyến để bảo đảm đa dạng, ưu tiên nhóm ngành gắn với kinh tế An Giang (nông nghiệp công nghệ cao, thủy sản, du lịch, thương mại – dịch vụ).
- **Bước 2 – Trang bị năng lực số (tuần 2):** Hướng dẫn công cụ AI miễn phí: Gemini, ChatGPT (ý tưởng), Canva AI (hình ảnh), FPT.AI (giọng đọc), CapCut (dựng video).
- **Bước 3 – Tìm hiểu và kiểm chứng (tuần 3–6):** Học sinh viết câu lệnh để AI "nhập vai" người làm nghề (ví dụ: bác sĩ kể về áp lực phòng mổ). Để tránh "khoán trắng" cho AI, mọi sản phẩm phải qua **Phiếu kiểm chứng 5 tiêu chuẩn**: (1) nội dung nêu đúng đặc thù công việc, áp lực, thu nhập, lộ trình học và nhu cầu tại địa phương; (2) ghi rõ nguồn đối chiếu (trang sách giáo khoa (SGK) hoặc cổng thông tin chính thống); (3) nộp đủ 3 mốc: kịch bản → bản dựng thô

→ video hoàn chỉnh; (4) nộp lịch sử câu lệnh, giáo viên vấn đáp ngẫu nhiên để xác nhận học sinh hiểu nội dung; (5) video rõ nét, nộp đúng thư mục chung.

- **Bước 4 – Công chiếu và đánh giá:** Tiêu chí bám sát mục tiêu hướng nghiệp: nội dung nghề nghiệp (40%), ứng dụng AI sáng tạo (30%), kĩ thuật trình bày (20%), hợp tác nhóm (10%).



Hình 1. Khung hình video khám phá nghề do học sinh lớp 9A3 thực hiện: nghề giáo viên, cảnh sát giao thông, thiết kế đồ họa

3.2. Giai đoạn 2: Bài học STEM "Cây nghề nghiệp thông minh"

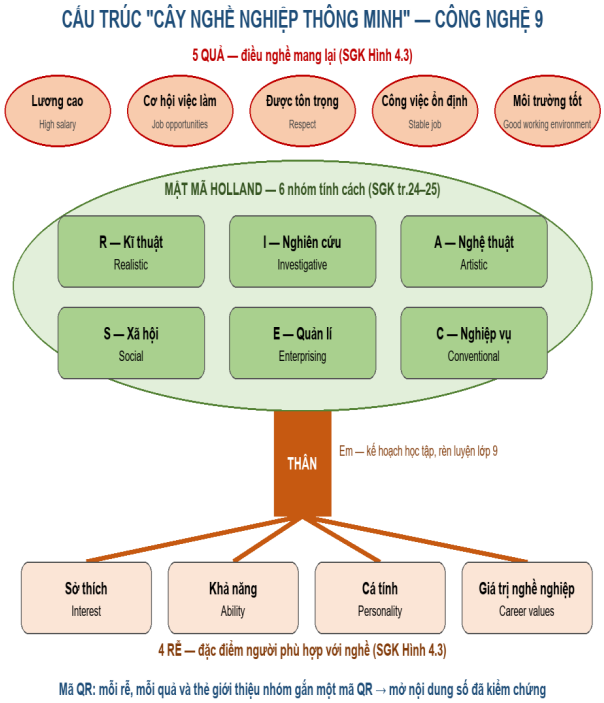
Nếu giai đoạn 1 trả lời câu hỏi "Nghề đó là gì?", thì giai đoạn 2 giải quyết câu hỏi quan trọng hơn: "Nghề đó có phù hợp với mình không?". Năm học 2026–2027, chúng tôi xây dựng bài học STEM 3 tiết chính khóa [7], kết hợp tâm lí học nghề nghiệp, kĩ thuật chế tạo và công nghệ số.

a) Cấu trúc cây

Cây bám sát lí thuyết cây nghề nghiệp trong SGK Công nghệ 9 và được số hóa bằng mã QR:

- **Rễ – bản thân học sinh:** sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp. Học sinh ghi kết quả trắc nghiệm Holland của mình vào rễ; mã QR ở rễ dẫn tới video AI mô tả yêu cầu về cá tính, năng lực của nghề theo 6 nhóm Holland (Kĩ thuật, Nghiên cứu, Nghệ thuật, Xã hội, Quản lí, Nghiệp vụ). Học sinh đối chiếu: "Rễ của mình có hợp với đòi hỏi của nghề này không?".
- **Thân và nhánh – lộ trình:** con đường học tập để đến với nghề, bao gồm cả lộ trình THPT và lộ trình qua cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa phương.
- **Quả – kết quả của nghề:** cơ hội việc làm, môi trường làm việc, thu nhập, sự ổn định, sự tôn trọng. Mã QR dẫn tới số liệu học sinh đã kiểm chứng, có ghi năm công bố. Thẻ nhãn được song ngữ hóa để tăng cơ hội làm quen tiếng Anh chuyên ngành.

Thông điệp sư phạm của cây là: **quả chỉ ngọt khi rễ phù hợp** – chọn nghề phải bắt đầu từ bản thân, không bắt đầu từ mức lương hay trào lưu.



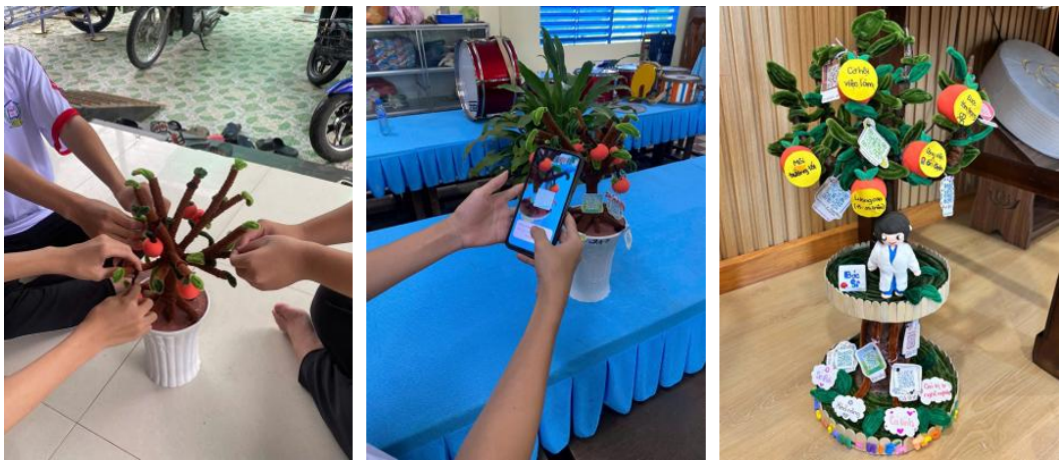
Hình 2. Sơ đồ cấu trúc "Cây nghề nghiệp thông minh" – Công nghệ 9

b) Tiến trình dạy học

Hoạt động 1–2: học sinh làm trắc nghiệm Holland trên Excel/Padlet để xác định "bộ rễ" của mình. Hoạt động 3–4: phác thảo trên Canva, chế tạo cây 3D bằng kẽm nhung, chai nhựa tái chế, gắn mã QR liên kết video. Hoạt động 5: lớp học thành "triển lãm hướng nghiệp"; học sinh thuyết trình và phải phản biện đề xuất của AI nếu mâu thuẫn với SGK hoặc thực tế lao động.

c) Đánh giá nhân văn

AI chỉ là công cụ, học sinh là người ra quyết định. Giáo viên dùng rubric đa tiêu chí, không dán nhãn học sinh "hợp" hay "không hợp" với nghề, tôn trọng quyền tự quyết của các em.



Hình 3. Học sinh lắp ráp cây bằng kẽm nhung, quét thử mã QR và một sản phẩm hoàn chỉnh (nghề bác sĩ)



Hình 4. Bộ thẻ mã QR song ngữ của một nhóm: 4 rễ, 5 quả và thẻ giới thiệu nhóm

3.3. Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học

Bài học được tổ Văn – Công nghệ hoàn thiện qua sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, với câu hỏi chung: "Làm sao để mọi học sinh đều tham gia và biết kiểm chứng thông tin AI?".

Bước 1 (14/10/2026): 8/8 giáo viên phân tích chương trình, thống nhất rubric, dự kiến khó khăn của học sinh.

Bước 2 (28/10/2026): dạy minh họa tại lớp 9A5; giáo viên dự giờ chỉ quan sát hoạt động học của học sinh, không đánh giá người dạy.

Bước 3: phân tích dựa trên minh chứng, rút ra 4 điều chỉnh:

- *Nhận thức:* AI đưa thông tin sai ("Holland có 8 nhóm"), học sinh tự mở SGK đối chiếu → bắt buộc ghi số trang SGK vào Bảng phản biện.
- *Kĩ thuật:* mô hình cây đứng không vững, học sinh tự gia cố đế bằng bìa các-tông → đưa tiêu chí "độ vững" vào rubric.
- *Công nghệ:* mã QR in trên giấy bóng bị lóa → thêm thao tác quét thử trên màn hình trước khi in.
- *Dữ liệu:* số liệu thu nhập học sinh tìm được đã cũ (năm 2019) → thêm cột "năm công bố số liệu" vào phiếu.

Bước 4 (dự kiến 11/11/2026): hoàn thiện kế hoạch bài dạy theo các điều chỉnh trên và lưu vào kho học liệu của tổ.



Hình 5. Tiết dạy minh họa (tháng 10/2026), giáo viên dự giờ quan sát học sinh (Bước 2) và buổi họp suy ngẫm sau bài học (Bước 3)

3.4. Hướng mở rộng: gắn "Cây nghề nghiệp" với phân luồng

Đối chiếu với 4 nhóm nội dung hướng nghiệp của Thông tư 16 [4], mô hình đã đáp ứng: **thông tin nghề nghiệp** (video AI), **tự nhận thức bản thân** (trắc nghiệm Holland, bộ rễ), **kĩ năng ra quyết định** (phản biện AI, đối chiếu rễ – nghề) và **chuyển đổi số** (AI, mã QR). Khoảng trống còn lại là **trải nghiệm nghề nghiệp thực tế** và việc giới thiệu đầy đủ các lộ trình sau THCS. Từ năm học 2026–2027, chúng tôi đề xuất bổ sung:

- **Nhánh lộ trình bắt buộc:** với nghề đã chọn, mỗi nhóm phải gắn ít nhất hai lộ trình trên thân cây, trong đó có một lộ trình qua trung cấp, cao đẳng hoặc giáo dục thường xuyên kết hợp học nghề, kèm thông tin thời gian học, chi phí và cơ hội liên thông.
- **Mã QR "người thật, việc thật":** thay một phần video AI bằng video do cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trong tỉnh cung cấp (xưởng thực hành, nơi làm việc), giúp học sinh trải nghiệm nghề gián tiếp ngay tại lớp.
- **Theo dõi lộ trình sau tốt nghiệp:** bổ sung vào hồ sơ theo dõi học sinh sau THCS hiện có thông tin về lộ trình đã chọn và mức độ khớp với mã Holland của từng em, làm căn cứ đánh giá hiệu quả hướng nghiệp thay vì chỉ dựa vào tỉ lệ trúng tuyển lớp 10.

4. KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU

Giai đoạn 1 (khối 9, năm học 2024–2025) cho kết quả như sau (Bảng 1):

Bảng 1

Một số chỉ số trước và sau giai đoạn 1

Chỉ số	Công cụ đo	9/2024	12/2024
Học sinh hứng thú với tiết hướng nghiệp	Phiếu khảo sát	35%	85%
Học sinh đạt mức Tốt/Khá về nhận thức nghề nghiệp	Phiếu khảo sát nhận thức nghề	20%	85%
Video đạt chuẩn theo Phiếu kiểm chứng	Rubric 5 tiêu chuẩn	–	40/48
Điểm trung bình môn Công nghệ 9 (HK I)	Sổ điểm	8,19	9,08

Năm học 2025–2026, 248 học sinh lớp 9 tham gia làm video. Khi đăng kí tuyển sinh, các em lựa chọn trường và nguyện vọng rõ ràng, có căn cứ hơn; phần lớn trúng tuyển Trường THPT Trần Văn Thành, một số vào Trường THCS và THPT Bình Long, Trường THPT Bình Mỹ, 2 em trúng tuyển Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu. Tuy nhiên, kết quả này cũng khẳng định nhận định ở phần thực trạng: lựa chọn của học sinh vẫn chủ yếu dồn vào luồng THPT. Đây là lí do mô hình cần mở rộng theo hướng ở mục 3.4.

Giai đoạn 2 (đợt 1, tháng 10/2026): khối 9 hoàn thành 28 cây nghề nghiệp gắn mã QR. Trong tiết dạy minh họa, 4 nhóm đạt điểm đánh giá đồng đẳng trung bình 9,63/10; qua Bảng phản biện, đại diện 4/4 nhóm đều báo cáo đã phát hiện thông tin sai lệch do AI tạo ra và hiệu đính bằng

SGK.

Lan tỏa: mô hình đã được chia sẻ với đội ngũ giáo viên cốt cán môn Công nghệ của tỉnh; Trường THCS Bình Phú và Trường THCS Thạnh Mỹ Tây đã vận dụng (có xác nhận của hai đơn vị). Trong tổ chuyên môn, cách dự giờ chuyển từ "đánh giá người dạy" sang "quan sát người học".

5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- **Học sinh phải là người làm ra sản phẩm.** Một video em tự làm, một cái cây em tự lắp thuyết phục hơn nhiều buổi giới thiệu nghề.
- **AI là phương tiện, học sinh là tác giả.** Cơ chế kiểm chứng và phản biện là điều kiện bắt buộc để dùng AI an toàn, có trách nhiệm.
- **Chi phí thấp, dễ nhân rộng.** Công cụ AI miễn phí và vật liệu tái chế phù hợp với trường vùng nông thôn.
- **Đo hiệu quả bằng lựa chọn của học sinh.** Hứng thú và điểm số chưa đủ; cần theo dõi học sinh chọn lộ trình gì và vì sao.

6. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- *Với Sở Giáo dục và Đào tạo:* xây dựng kho học liệu video hướng nghiệp mở dùng chung cho THCS toàn tỉnh, phân loại theo 6 nhóm Holland và theo ngành nghề trọng điểm của An Giang; tập huấn "Sử dụng AI an toàn trong hướng nghiệp"; ban hành mẫu phiếu theo dõi lộ trình học sinh sau THCS.
- *Với nhà trường:* đưa chủ đề vào kế hoạch giáo dục hằng năm [8]; trưng bày cây nghề nghiệp trong buổi họp phụ huynh lớp 9 để cha mẹ cùng con quét mã, trao đổi về lựa chọn nghề trước mùa tuyển sinh.
- *Với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp:* cung cấp video thực tế về xưởng thực hành, môi trường làm việc để gắn vào mã QR; phối hợp tổ chức "Ngày hội Cây nghề nghiệp" cấp xã cho học sinh lớp 9 và phụ huynh.

7. KẾT LUẬN

Hướng nghiệp không phải là chỉ cho học sinh một con đường định sẵn, mà là giúp các em tự soi chiếu bản thân để chọn đường. Từ viết câu lệnh AI, kiểm chứng thông tin đến tự tay "trồng" bộ rễ của mình, môn Công nghệ 9 đã trở thành một hành trình trải nghiệm giúp học sinh trả lời hai câu hỏi "Mình là ai?" và "Mình sẽ đi về đâu?". Mô hình "Cây nghề nghiệp thông minh" đơn giản, chi phí thấp, phù hợp với trường vùng nông thôn; khi được bổ sung nhánh lộ trình giáo dục nghề nghiệp và sự tham gia của doanh nghiệp, mô hình có thể đóng góp thiết thực vào mục tiêu phân luồng học sinh sau THCS của tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030 [9].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
3. *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) (2024). Nhà xuất bản

Giáo dục Việt Nam.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 hướng dẫn triển khai giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học*.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường*.
9. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TẠI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030

Nguyễn Văn Hiệp

Trường THCS Tây Yên, tỉnh An Giang

Email: nguyenvanhiepkg2023@gmail.com

Tóm tắt: *Phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) tại tỉnh An Giang vẫn chịu sức ép của tâm lý ưu tiên học lên trung học phổ thông (THPT): năm học 2025–2026, có tới 91,71% học sinh lớp 9 đăng ký dự tuyển vào lớp 10 THPT, trong khi mục tiêu của tỉnh dành khoảng 30% cho các lộ trình giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, trung học nghề. Dựa trên lý luận hướng nghiệp (Super, Holland, Lent – Brown – Hackett), khung pháp lý hiện hành và số liệu chính thức của ngành Giáo dục tỉnh, bài viết chỉ ra nguyên nhân cốt lõi: năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh chưa được hình thành có hệ thống qua Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, và đề xuất mô hình bốn giai đoạn cùng sáu nhóm giải pháp triển khai tại An Giang giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *năng lực định hướng nghề nghiệp; hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; phân luồng học sinh; trung học cơ sở; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết số 29-NQ/TW yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng mở, gắn với nhu cầu xã hội và thị trường lao động [1]. Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT) xác lập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN,HN) là hoạt động giáo dục bắt buộc ở cấp trung học, với thời lượng 105 tiết/năm học [2]. Đặc biệt, Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục (hiệu lực từ ngày 24/3/2026) đánh dấu bước chuyển căn bản từ phân luồng theo chỉ tiêu hành chính sang phân luồng dựa trên năng lực, nguyện vọng của học sinh và nhu cầu nhân lực địa phương, tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh, tuyệt đối không ép buộc [3].

An Giang sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025 là tỉnh có quy mô học sinh lớn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, địa bàn đa dạng (đồng bằng, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng đồng bào Khmer); năm học 2025–2026, toàn tỉnh có 52.064 học sinh lớp 9 đứng trước lựa chọn lộ trình sau trung học cơ sở (THCS) (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, dẫn theo [4]). Thực tiễn cho thấy phần lớn học sinh và gia đình vẫn nghiêng mạnh về trung học phổ thông (THPT) bất kể năng lực, sở thích, điều kiện cá nhân; các lộ trình học nghề chưa được nhìn nhận đúng giá trị. Vấn đề bản chất: phân luồng không bền vững nếu chỉ vận hành bằng chỉ tiêu tuyển sinh, mà phải bắt đầu từ hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp (NLĐHNN) cho học sinh – khả năng tự nhận thức, hiểu nghề, lựa chọn và lập kế hoạch tương lai.

Bài viết trả lời câu hỏi: cần tổ chức HĐTN,HN như thế nào để phát triển NLĐHNN cho học sinh THCS, qua đó nâng cao chất lượng phân luồng sau THCS tại An Giang giai đoạn 2026–2030?

Phương pháp nghiên cứu: phân tích, tổng hợp tài liệu và văn bản pháp quy; thống kê, so sánh số liệu thứ cấp từ nguồn chính thức; không khảo sát thực nghiệm mới. Tính mới: (i) vận hành hóa NLĐHNN thành bốn thành tố có thể tổ chức dạy học và đánh giá qua HĐTN,HN; (ii) mô hình bốn giai đoạn xuyên suốt vòng đời THCS, gắn với hồ sơ định hướng cá nhân và cơ chế theo dõi sau phân luồng; (iii) giải pháp đặt trong bối cảnh thể chế mới (Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT) và tỉnh An Giang sau sáp nhập.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ

2.1. Giáo dục hướng nghiệp, tư vấn phân luồng và năng lực định hướng nghề nghiệp

Điều 9 Luật Giáo dục năm 2019 (Luật số 43/2019/QH14) định nghĩa: hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp trong và ngoài cơ sở giáo dục giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường cá nhân với nhu cầu lao động của xã hội; phân luồng là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tiếp tục học ở trình độ cao hơn, theo học giáo dục nghề nghiệp (GDNN) hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cá nhân và nhu cầu xã hội [5]. Như vậy, phân luồng là kết quả tổ chức ở tầm hệ thống, còn hướng nghiệp là quá trình giáo dục tạo nền tảng cho kết quả đó. Cần phân biệt giáo dục hướng nghiệp (GDHN) – quá trình giáo dục dài hạn, liên tục nhằm hình thành NLĐHNN – với tư vấn phân luồng – hoạt động hỗ trợ ra quyết định tại thời điểm chuyển tiếp (cuối THCS, cuối THPT), vốn là một bộ phận của GDHN: khi GDHN được làm tốt, tư vấn chỉ là khâu chốt của cả quá trình, không phải hoạt động "chữa cháy" cuối lớp 9.

Bài viết xác định NLĐHNN của học sinh THCS là năng lực vận dụng hiểu biết về bản thân và thế giới nghề nghiệp để lựa chọn, lập kế hoạch và điều chỉnh lộ trình học tập – nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân và nhu cầu xã hội, gồm bốn thành tố: (1) tự nhận thức nghề nghiệp – sở thích, năng lực, tính cách, giá trị; (2) hiểu biết về thế giới nghề nghiệp – ngành, nghề, lộ trình đào tạo, cơ hội việc làm, nhu cầu nhân lực địa phương; (3) kỹ năng lựa chọn và ra quyết định – so sánh phương án bằng bằng chứng về bản thân và thị trường lao động; (4) kỹ năng lập kế hoạch và tự quản lý – xây dựng, điều chỉnh kế hoạch học tập và phát triển bản thân. Trong cấu trúc đó, sở thích là động lực, năng lực là cơ sở, nhu cầu xã hội là điều kiện khách quan; lựa chọn hợp lý nằm ở giao thoa của ba yếu tố, không phải sự áp đặt của bất kỳ yếu tố đơn lẻ nào.

2.2. Các lý thuyết hướng nghiệp quốc tế và hàm ý cho giáo dục trung học cơ sở

Theo lý thuyết phát triển nghề nghiệp suốt đời của Super [6], lựa chọn nghề nghiệp là quá trình triển khai khái niệm bản thân (self-concept) qua các giai đoạn phát triển; học sinh THCS ở cuối giai đoạn tăng trưởng và ngưỡng giai đoạn khám phá (15–24 tuổi), với nhiệm vụ trọng tâm là hình thành hình ảnh ban đầu về bản thân trong thế giới nghề nghiệp. Hàm ý: hướng nghiệp phải liên tục, bắt đầu sớm, tăng dần mức độ cụ thể. Lý thuyết tương hợp người – môi trường của Holland [7] khẳng định mức độ tương hợp giữa tính cách và môi trường nghề nghiệp (RIASEC) dự báo sự hài lòng và bền vững của lựa chọn, là cơ sở của các công cụ tự khám phá cho học sinh THCS. Lý thuyết nhận thức xã hội về nghề nghiệp (SCCT) của Lent, Brown và Hackett [8] chỉ ra niềm tin vào năng lực bản thân (self-efficacy) – hình thành chủ yếu qua trải nghiệm thành công trực tiếp –

cùng kỳ vọng kết quả và mục tiêu cá nhân quyết định sở thích, lựa chọn và sự kiên trì nghề nghiệp, với bối cảnh (gia đình, kinh tế) vừa hỗ trợ, vừa có thể là rào cản. Đây là cơ sở cho luận điểm của bài viết: trải nghiệm nghề nghiệp thực tế là cơ chế then chốt để hình thành NLĐHNN.

Ở bình diện chính sách, OECD [9], UNESCO [10] và ILO [11] cùng khẳng định hướng nghiệp là dịch vụ công cầu nối giáo dục với thị trường lao động, cần sự tham gia của người sử dụng lao động và dữ liệu thị trường lao động cập nhật. GDHN hiện đại vì thế có ba trụ cột: hiểu mình – hiểu nghề – trải nghiệm thật, với nhiều chủ thể cùng tham gia.

2.3. Cơ sở pháp lý

Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025", đặt mục tiêu đến năm 2025 ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp THCS vào GDNN (vùng đặc biệt khó khăn: 30%) [12]; Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024) tiếp tục khẳng định định hướng giáo dục mở, công bằng và học tập suốt đời [13]. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT xác định sáu nguyên tắc hướng nghiệp – tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh (trung tâm); phù hợp năng lực, nguyện vọng, điều kiện thực tế; hệ thống, liên tục; phối hợp nhà trường – gia đình – cơ sở GDNN, giáo dục đại học – doanh nghiệp – cộng đồng; công bằng trong tiếp cận, ưu tiên vùng khó khăn và học sinh dân tộc thiểu số; huy động hiệu quả các nguồn lực – cùng năm nội dung cốt lõi: thông tin nghề nghiệp và thị trường lao động; khám phá, tự nhận thức bản thân; kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp; trải nghiệm nghề nghiệp thực tế; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số [3]. Ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 826/KH-UBND (25/12/2018) triển khai Đề án [14] (dẫn theo [15]); từ năm học 2026–2027, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tỉnh định hướng xây dựng bản đồ hướng nghiệp gắn với nhu cầu nhân lực 2026–2030 và nền tảng hướng nghiệp số có ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) [4].

3. THỰC TRẠNG HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH THCS TẠI TỈNH AN GIANG

3.1. Kết quả đạt được và xu hướng phân luồng

Những năm qua, công tác GDHN và phân luồng tại An Giang chuyển biến tích cực về nhận thức và tổ chức: mạng lưới trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX), trung tâm GDNN-GDTX và cơ sở GDNN tương đối rộng; chất lượng giáo dục phổ thông với tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm học 2024–2025 đạt 99,96% [4] – nền tảng quan trọng cho phân luồng chất lượng cao. Tuy nhiên, kết quả phân luồng thực chất chưa tương xứng, thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1

Phân luồng học sinh sau trung học cơ sở tại tỉnh An Giang qua một số năm học

Phạm vi – năm học	Quy mô HS tốt nghiệp THCS / lớp 9	Vào trung học phổ thông	Vào GDTX, GDNN-GDTX, học nghề, hướng khác
Toàn tỉnh An Giang (trước sáp nhập)	26.661 HS TN THCS (2019–2020); 27.592 HS (2021–2022)	71,72% → 73,58%	28,28% → 26,42%
Địa bàn tỉnh Kiên Giang (cũ), 2023–2024	–	khoảng 71%	khoảng 29%
Toàn tỉnh An Giang (sau sáp nhập), 2025–2026	52.064 học sinh lớp 9	91,71% đăng ký dự tuyển lớp 10 THPT	Mục tiêu của tỉnh: 30% lựa chọn GDNN, GDTX, trung học nghề và hướng khác

Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (theo [15], [4]). Tỷ lệ 2025–2026 là tỷ lệ đăng ký dự tuyển, chưa phải kết quả nhập học.

Như vậy, tỷ lệ chọn các lộ trình ngoài THPT có xu hướng giảm, ngược chiều mục tiêu 40% vào GDNN của Đề án quốc gia [12]; khoảng cách giữa tỷ lệ đăng ký dự tuyển THPT (91,71%) với mục tiêu phân luồng 70/30 của tỉnh còn rất lớn. Phân luồng bằng chỉ tiêu hành chính vì thế đã tới giới hạn; cần chuyển trọng tâm sang phát triển NLĐHNN.

3.2. Hạn chế và những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, HĐTN,HN ở nhiều trường THCS còn nặng cung cấp thông tin một chiều, nhẹ trải nghiệm và thực hành: học sinh chủ yếu "nghe về nghề" qua tuyên truyền; cơ hội thử sức với nghề rất ít. Theo SCCT [8], thiếu trải nghiệm thành công trực tiếp khiến NLĐHNN khó hình thành, lựa chọn dễ mang tính bắt chước, cảm tính. Thứ hai, tư vấn thiếu tính hệ thống và cá thể hóa: giáo viên kiêm nhiệm chưa được bồi dưỡng chuyên sâu, chưa có bộ công cụ thống nhất đánh giá NLĐHNN và hồ sơ định hướng cá nhân; tư vấn thường dồn vào cuối lớp 9 thay vì tích lũy dữ liệu về học sinh suốt bốn năm THCS. Hiệu quả hướng nghiệp vẫn được đánh giá bằng tỷ lệ tuyển sinh đầu vào, chưa theo dõi kết quả đầu ra sau phân luồng 1–3 năm như định hướng mới của ngành Giáo dục tỉnh yêu cầu [4]. Thứ ba, chênh lệch tiếp cận dịch vụ hướng nghiệp giữa các vùng còn lớn: học sinh vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào Khmer ít điều kiện trải nghiệm và tiếp cận thông tin nghề hơn học sinh đô thị; một bộ phận học sinh sau THCS không theo lộ trình nào mà tham gia ngay thị trường lao động khi chưa qua đào tạo nghề [15].

3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Các hạn chế trên bắt nguồn từ năm nhóm nguyên nhân. (1) Nhận thức: tâm lý coi trọng bằng cấp, xem THPT – đại học là con đường duy nhất "đáng giá", học nghề là lựa chọn dự phòng cho học sinh không đỗ THPT, còn phổ biến trong gia đình và xã hội. (2) Nhân lực: giáo viên tư vấn là kiêm nhiệm, thiếu chuẩn năng lực và công cụ nghề nghiệp, dù Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT đã quy định yêu cầu cụ thể đối với đội ngũ này [3]. (3) Nguồn lực: kinh phí, cơ sở vật chất cho trải nghiệm ở trường nông thôn, hải đảo hạn chế; địa bàn rộng sau sáp nhập làm tăng chi phí tổ chức. (4) Phối

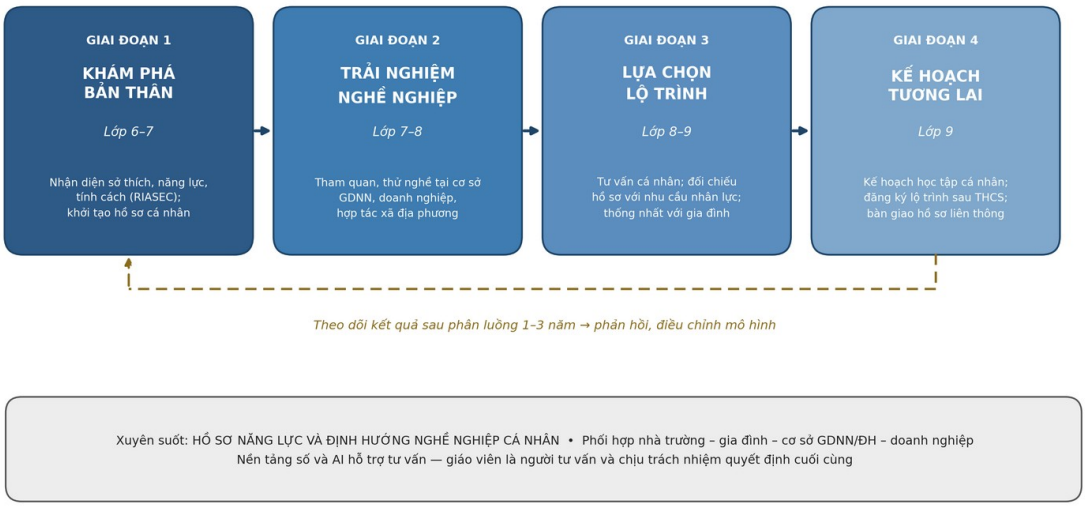
hợp: thiếu cơ chế ràng buộc và lịch trình phối hợp thường xuyên giữa nhà trường – gia đình – cơ sở GDNN – doanh nghiệp; vai trò của cha mẹ học sinh chưa được phát huy. (5) Thông tin và quản lý: dữ liệu dự báo nhân lực địa phương chưa thành sản phẩm thông tin thân thiện với học sinh, phụ huynh; cơ chế quản lý giai đoạn trước còn nặng chỉ tiêu, chưa đặt học sinh vào vị trí chủ thể của lựa chọn.

Cần ghi nhận: số liệu phân tách theo vùng sinh thái và dữ liệu theo dõi học sinh sau phân luồng 1–3 năm chưa được công bố có hệ thống; nghiên cứu định lượng tiếp theo cần bổ sung từ báo cáo chuyên đề của Sở GD&ĐT.

4. ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Mô hình phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp bốn giai đoạn

Từ lý thuyết của Super [6] và năm nội dung cốt lõi của Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [3], bài viết đề xuất mô hình bốn giai đoạn (Hình 1): Giai đoạn 1 – Khám phá bản thân (lớp 6–7), học sinh tự nhận diện sở thích, năng lực, tính cách và khởi tạo hồ sơ định hướng cá nhân; Giai đoạn 2 – Trải nghiệm nghề nghiệp (lớp 7–8), học sinh tham quan, thử sức với nghề tại cơ sở GDNN, doanh nghiệp, hợp tác xã và ghi nhật ký trải nghiệm; Giai đoạn 3 – Lựa chọn lộ trình (lớp 8–9), tư vấn cá nhân dựa trên hồ sơ tích lũy, đối chiếu với nhu cầu nhân lực để thống nhất với gia đình phương án chính và dự phòng; Giai đoạn 4 – Xây dựng kế hoạch tương lai (lớp 9), học sinh hoàn thiện kế hoạch học tập cá nhân, đăng ký lộ trình sau THCS và bàn giao hồ sơ cho cơ sở tiếp nhận. Dữ liệu theo dõi sau phân luồng 1–3 năm phản hồi để điều chỉnh mô hình.



Hình 1. Mô hình phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh THCS qua Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Nguồn: Tác giả đề xuất)

4.2. Sáu nhóm giải pháp

Giải pháp 1. Đổi mới giáo dục hướng nghiệp theo tiếp cận phát triển năng lực

Mục tiêu: chuyển HĐTN,HN từ truyền đạt thông tin sang tổ chức hoạt động hình thành bốn thành tố NLĐHNN. Thực hiện: mỗi trường xây dựng kế hoạch theo ma trận "thành tố năng lực – hoạt

động – sản phẩm – tiêu chí" chuẩn đầu ra tăng dần từ lớp 6 đến lớp 9; tích hợp hướng nghiệp vào môn học theo hướng trải nghiệm. Chủ thể: Sở GD&ĐT ban hành khung; hiệu trưởng, tổ tư vấn thực hiện. Tiêu chí: 100% trường THCS có kế hoạch theo tiếp cận năng lực vào năm học 2027–2028; NLĐHNN lớp 9 đo bằng bộ công cụ ở Giải pháp 6.

Giải pháp 2. Xây dựng mô hình trải nghiệm nghề nghiệp phù hợp điều kiện địa phương

Mục tiêu: mọi học sinh được trải nghiệm nghề thực tế ít nhất hai lần trước khi tốt nghiệp THCS, ưu tiên ngành nghề thế mạnh của tỉnh. Thực hiện: xây dựng "bản đồ trải nghiệm nghề nghiệp" theo vùng sinh thái (đồng bằng: nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông, thủy sản; ven biển, hải đảo: du lịch, dịch vụ, kinh tế biển; biên giới: thương mại, logistics); mỗi trường "kết nghĩa" với ít nhất một cơ sở GDNN và một doanh nghiệp/hợp tác xã để tổ chức ngày trải nghiệm nghề; trường hải đảo, vùng khó khăn tổ chức theo cụm, kết hợp trực tuyến. Chủ thể: Sở GD&ĐT chủ trì bản đồ; trường và đối tác ký chương trình hằng năm. Tiêu chí: danh mục điểm trải nghiệm công bố công khai; 100% học sinh lớp 8, 9 được trải nghiệm thực tế vào năm 2030.

Giải pháp 3. Thiết lập hồ sơ năng lực và định hướng nghề nghiệp cá nhân cho học sinh

Mục tiêu: biến hướng nghiệp thành quá trình tích lũy bằng chứng về từng học sinh. Thực hiện: hồ sơ (giấy kết hợp số) gồm kết quả tự khám phá, nhật ký và đánh giá sau trải nghiệm, kết quả học tập, nhận xét của giáo viên tư vấn, phương án lộ trình và kế hoạch học tập cá nhân; cập nhật mỗi học kỳ và bàn giao khi chuyển cấp. Chủ thể: giáo viên chủ nhiệm, giáo viên tư vấn quản lý; nhà trường bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân. Tiêu chí: 100% học sinh từ lớp 7 có hồ sơ vào năm học 2028–2029; hồ sơ là căn cứ bắt buộc trong tư vấn lớp 9.

Giải pháp 4. Tăng cường phối hợp nhà trường – gia đình – cơ sở giáo dục nghề nghiệp – doanh nghiệp

Mục tiêu: hình thành cơ chế phối hợp thường xuyên thay cho hoạt động sự vụ. Thực hiện: UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp về hướng nghiệp, phân luồng; ngày hội hướng nghiệp cấp tỉnh và cấp cụm xã, phường tổ chức hằng năm; nhà trường tư vấn riêng cho cha mẹ học sinh lớp 9 về mọi lộ trình (THPT, trung học nghề, GDNN, GDTX) kèm chi phí, thời gian đào tạo, cơ hội việc làm, học lên; doanh nghiệp cung cấp thông tin nghề, hướng dẫn trải nghiệm, dự báo tuyển dụng. Chủ thể: Sở GD&ĐT điều phối. Tiêu chí: quy chế ban hành năm 2027; trên 90% cha mẹ học sinh lớp 9 được tư vấn mỗi năm.

Giải pháp 5. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong tư vấn hướng nghiệp có trách nhiệm

Mục tiêu: cá thể hóa tư vấn, thu hẹp khoảng cách vùng miền qua nền tảng hướng nghiệp số của tỉnh. Thực hiện: cổng thông tin tích hợp dữ liệu ngành, nghề, cơ sở đào tạo và dự báo nhân lực 2026–2030; công cụ tự đánh giá trực tuyến (RIASEC, NLĐHNN) ghi kết quả vào hồ sơ số; trợ lý AI hỗ trợ tra cứu nghề, phác thảo phương án lộ trình để giáo viên xem xét cùng học sinh. Nguyên tắc: AI chỉ hỗ trợ, không thay thế giáo viên, gợi ý phải được kiểm chứng; bảo vệ dữ liệu cá nhân của học sinh; vùng khó khăn dùng thiết bị chung tại trường. Chủ thể: Sở GD&ĐT quản trị nền tảng; trường tổ chức sử dụng. Tiêu chí: nền tảng vận hành từ năm học 2027–2028; 100% trường dùng công cụ tự đánh giá thống nhất vào năm 2030.

Giải pháp 6. Bồi dưỡng năng lực tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên và xây dựng công cụ đánh giá hiệu quả

Mục tiêu: chuyên nghiệp hóa đội ngũ theo Điều 8, Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [3]. Thực hiện: bồi dưỡng theo mô-đun (tâm lý lứa tuổi; kiến thức ngành nghề, thị trường lao động; kỹ năng tư vấn cá nhân và với cha mẹ; tổ chức trải nghiệm; ứng dụng công nghệ, AI; đạo đức nghề, bảo vệ dữ liệu); mạng lưới giáo viên nòng cốt cấp cụm hỗ trợ trường khó khăn; bộ công cụ đánh giá NLĐHNN (phiếu tự đánh giá, rubric quan sát, sản phẩm hồ sơ) và hệ chỉ số đầu ra (học đúng lộ trình; duy trì học tập, có việc làm sau phân luồng 1–3 năm; hài lòng của học sinh, cha mẹ). Chủ thể: Sở GD&ĐT phối hợp cơ sở đào tạo giáo viên. Tiêu chí: 100% giáo viên kiêm nhiệm tư vấn hoàn thành mô-đun cốt lõi vào năm 2029; báo cáo đầu ra hằng năm từ 2028.

4.3. Lộ trình triển khai và điều kiện áp dụng

Lộ trình gồm ba chặng: 2026–2027 – hoàn thiện khung hướng dẫn, bản đồ trải nghiệm, bộ công cụ và thí điểm mô hình tại mỗi vùng sinh thái một cụm trường; 2028–2029 – nhân rộng toàn tỉnh, hoàn thành hồ sơ định hướng cho mọi học sinh từ lớp 7, vận hành nền tảng số; 2030 – đánh giá tổng thể theo kết quả đầu ra, chuẩn hóa mô hình. Điều kiện áp dụng: chỉ đạo thống nhất; kinh phí ổn định cho trải nghiệm (ưu tiên vận chuyển học sinh hải đảo, biên giới); dữ liệu dự báo nhân lực cập nhật thường xuyên; đãi ngộ hợp lý cho giáo viên kiêm nhiệm.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Luận đề của bài viết: chất lượng phân luồng sau THCS không bảo đảm bằng chỉ tiêu tuyển sinh, mà bằng NLĐHNN được hình thành có hệ thống cho học sinh qua HĐTN,HN tổ chức thành tiến trình bốn giai đoạn, với hồ sơ định hướng cá nhân làm trục xuyên suốt và sự phối hợp của nhà trường, gia đình, cơ sở GDNN, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp – đúng cách tiếp cận Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT đã xác lập [3]. Sáu nhóm giải pháp liên thông, bổ trợ lẫn nhau, khả thi với điều kiện của tỉnh giai đoạn 2026–2030, gắn với các định hướng đang triển khai của Sở GD&ĐT.

Tác giả kiến nghị: (i) Sở GD&ĐT tỉnh An Giang ban hành kế hoạch triển khai Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT theo mô hình bốn giai đoạn; công bố định kỳ cơ sở dữ liệu, bản đồ nhu cầu nhân lực; (ii) UBND tỉnh bố trí nguồn lực, chính sách hỗ trợ học sinh học nghề, học sinh vùng khó khăn trải nghiệm nghề nghiệp; (iii) các trường THCS thành lập tổ tư vấn hướng nghiệp, xây dựng kế hoạch HĐTN,HN theo tiếp cận năng lực và áp dụng hồ sơ định hướng cá nhân cho mọi học sinh; (iv) các cơ sở GDNN, giáo dục đại học và doanh nghiệp chủ động mở cửa cơ sở vật chất cho trải nghiệm của học sinh phổ thông.

Nghiên cứu còn giới hạn: thực trạng phân tích từ số liệu thứ cấp cấp tỉnh; mô hình, giải pháp chưa được thực nghiệm kiểm chứng. Hướng tiếp theo: khảo sát, đo lường NLĐHNN bằng bộ công cụ chuẩn hóa và thí điểm mô hình bốn giai đoạn tại các cụm trường đại diện các vùng sinh thái của tỉnh, tạo bằng chứng thực chứng về hiệu quả trước khi nhân rộng chính thức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương*

trình giáo dục phổ thông.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
4. Báo Giáo dục và Thời đại (2026, 26/10). An Giang đổi mới hướng nghiệp, mở rộng cơ hội học nghề cho học sinh. https://giaoducthoidai.vn/an-giang-doi-moi-huong-nghiep-mo-rong-co-hoi-hoc-nghe-cho-hoc-sinh-post797393.html
5. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
6. Super, D. E. (1980). A life-span, life-space approach to career development. *Journal of Vocational Behavior, 16*(3), 282–298.
7. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
8. Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance. *Journal of Vocational Behavior, 45*(1), 79–122. https://doi.org/10.1006/jvbe.1994.1027
9. OECD (2004). *Career guidance and public policy: Bridging the gap*. OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/9789264105669-en
10. UNESCO (2022). *Transforming technical and vocational education and training for successful and just transitions: UNESCO strategy for technical and vocational education and training (TVET) 2022–2029*. UNESCO.
11. International Labour Organization (2021). *Shaping skills and lifelong learning for the future of work* (Report for the International Labour Conference, 109th Session). ILO.
12. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
13. Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
14. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2018). *Kế hoạch số 826/KH-UBND ngày 25/12/2018 triển khai thực hiện Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
15. Trần Phú Hào, & Lê Thị Kiều Dương (2023). Nâng cao hiệu quả giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học cơ sở ở các huyện trong tỉnh An Giang. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, (12), 242–245.

PHẦN IV

GẮN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG VỚI NHU CẦU NHÂN LỰC CỦA TỈNH

Định hướng học sinh lựa chọn các ngành, nghề có nhu cầu nhân lực và tiềm năng phát triển giai đoạn 2026–2030: công nghiệp chế biến, chế tạo; cơ khí, điện, điện tử, tự động hóa; công nghệ thông tin; logistics; du lịch, dịch vụ; kinh tế biển; nông nghiệp công nghệ cao; chế biến nông sản, thủy sản; y tế và chăm sóc sức khỏe.

CÁC BÀI THAM LUẬN TRONG PHẦN NÀY

52. NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP "NÔNG NGHIỆP XANH" THÔNG QUA DẠY HỌC TÍCH HỢP CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT NGUYỄN HÙNG SƠN, TỈNH AN GIANG 385
Phan Thị Quỳnh Như, Nguyễn Gia Đẳng, Huỳnh Ngọc Phương Thảo

53. ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP GẮN VỚI ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030 398
Hồ Thuỷ Triều

54. MÔN CÔNG NGHỆ – "CỬA VÀO" KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT CHO HỌC SINH VÙNG NÔNG THÔN: KINH NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP QUA DẠY HỌC STEM, KHỞI NGHIỆP VÀ PHƯƠNG PHÁP "TỪ KHÓA TRỌNG TÂM" TẠI TRƯỜNG THPT BÌNH MỸ 405
Võ Thanh Hoà

55. CHÚ TRỌNG PHÁT TRIỂN TRUNG HỌC NGHỀ Ở AN GIANG – GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ, GẮN ĐÀO TẠO VỚI NHU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG 414
Lê Tấn Thời

NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP "NÔNG NGHIỆP XANH" THÔNG QUA DẠY HỌC TÍCH HỢP CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT NGUYỄN HÙNG SƠN, TỈNH AN GIANG

ThS. Phan Thị Quỳnh Như[1], ThS. Nguyễn Gia Đẳng[2], Huỳnh Ngọc Phương Thảo[3]

[1]Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, tỉnh An Giang

[2]Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

[3]Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Email: ptqnhu@cdspkg.edu.vn, ngdang.sgddt@angiang.gov.vn, phuongthaosp@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết trình bày việc nâng cao năng lực định hướng nghề nghiệp "Nông nghiệp xanh" thông qua dạy học tích hợp cho học sinh Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang. Trên cơ sở lí luận về năng lực định hướng nghề nghiệp, dạy học tích hợp và khảo sát thực trạng 90 học sinh lớp 10A3 và 11A8, nhóm tác giả đã tổ chức thực nghiệm theo năm bước: khám phá bản thân; biết mình – biết nghề; dạy học tích hợp môn Vật lí với Hóa học, Sinh học, Công nghệ và trải nghiệm tại mô hình nông nghiệp xanh địa phương; lập kế hoạch hướng nghiệp; đánh giá và điều chỉnh. Kết quả thử nghiệm bước đầu cho thấy điểm trung bình các năng lực thành phần đều tăng sau thực nghiệm, khẳng định hiệu quả của giải pháp.*

Từ khóa: *hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; năng lực định hướng nghề nghiệp; nông nghiệp xanh; dạy học tích hợp*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản yêu cầu và hướng dẫn thực hiện giáo dục hướng nghiệp (GDHN) ở trung học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 đã xác định mục tiêu giáo dục bậc trung học phổ thông (THPT) là "Chương trình giáo dục THPT giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động, khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới" [1]. Như vậy, việc hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp (ĐHNN) là nhiệm vụ bắt buộc, quan trọng ở trường phổ thông. Trong bài viết này, nhóm tác giả trình bày nghiên cứu về phát triển năng lực ĐHNN "Nông nghiệp xanh" thông qua dạy học tích hợp cho học sinh (HS) THPT trường Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề liên quan đến nội dung nghiên cứu

2.1.1. Khái niệm năng lực ĐHNN

Về khái niệm năng lực ĐHNN, Chương trình GDPT hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) đã định nghĩa là "năng lực lựa chọn được hướng học tập hoặc nghề nghiệp phù hợp với sở thích, hứng thú, phẩm chất và năng lực của bản thân dựa trên những hiểu biết về nghề hoặc nhóm nghề và có kế hoạch hoàn thiện bản thân để đáp ứng yêu cầu của định hướng nghề nghiệp" [2]. Một nghiên cứu khác của tác giả Nguyễn Đình Xuân và Trần Thị Minh Đức cho rằng "ĐHNN là một quá trình tìm hiểu, đối chứng, so sánh những yêu cầu về đặc điểm tư chất và yêu cầu của hoạt động lao động xã hội với những điều kiện cơ thể của bản thân trên cơ sở hình dung ra trước hoạt động lao động của cá nhân trong hiện tại và tương lai" [3].

Từ hai cách hiểu trên, ta thấy năng lực ĐHNN trong lựa chọn nghề nghiệp – nếu phù hợp với sở thích, hứng thú của bản thân thì HS sẽ có kế hoạch hoàn thiện bản thân để đáp ứng mục tiêu yêu cầu đặt ra.

2.1.2. Các mức độ thực hiện năng lực ĐHNN của HS THPT

Tác giả Lê Thị Duyên (2020) đã giới thiệu các mức độ thực hiện năng lực ĐHNN của HS THPT trong quá trình giáo dục bao gồm [4]:

Bảng 1

Các mức độ thực hiện năng lực ĐHNN của HS THPT trong quá trình giáo dục

Mức độ	Biểu hiện
Mức 1. Nhận biết	HS tiếp cận các thông tin, kiến thức khác nhau trong ĐHNN, từ đó HS có nhận biết về các nội dung trong ĐHNN.
Mức 2. Thông hiểu	HS xử lí thông tin tiếp nhận được, phân tích, giải thích, lựa chọn thông tin, từ đó HS thông hiểu các nội dung, thành tố của quá trình ĐHNN bản thân.
Mức 3. Vận dụng	HS huy động và vận dụng các thông tin thu thập vào ứng dụng thực tiễn trong quá trình ĐHNN, giải quyết các tình huống mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình ĐHNN cũng như vận dụng lập kế hoạch học tập và ĐHNN.
Mức 4. Phân tích, tổng hợp	HS phân tích, tổng hợp thông tin về đặc điểm bản thân; đặc điểm, yêu cầu nghề; đối chiếu các thông tin để đưa ra định hướng lựa chọn nghề nghiệp và ra quyết định ĐHNN.
Mức 5. Đánh giá	HS ra đánh giá quyết định ĐHNN và điều chỉnh trong ĐHNN.

Nếu giáo viên (GV) áp dụng các mức độ trên vào giảng dạy ĐHNN cho HS thì hoạt động này sẽ rất hiệu quả, giúp HS phát triển năng lực ĐHNN một cách đầy đủ, khoa học.

2.1.3. ĐHNN thông qua dạy học tích hợp

Xavier Roegiers cho rằng có ba cách tích hợp chương trình giáo dục: đưa ra những ứng dụng chung cho nhiều môn học; phối hợp quá trình học tập của nhiều môn học. Chuyên gia giáo dục này xác định ba dạng tích hợp cụ thể sau [5]:

Bảng 2

Các kiểu tích hợp trong dạy học

Kiểu tích hợp	Nội dung
Tích hợp trong nội bộ môn học	Với hình thức phổ biến là tích hợp theo chủ đề dạy học theo các môn học, được xây dựng dựa trên sự liên kết giữa các phần, các bài và các chương có các nội dung liên quan mật thiết với nhau mà ở SGK phân bố sắp xếp chưa phù hợp, chưa hợp lí được các giáo viên xây dựng sắp xếp lại thành các chủ đề dạy học trong nội môn học.
Tích hợp lồng ghép theo chủ đề dạy học gắn với thực tiễn được áp dụng cho đa số các môn học	Có những ứng dụng tương đồng, được giáo viên xây dựng dựa trên các kiến thức bài học, tiết học với các nội dung gắn với các chủ đề có tính thời sự và thực tiễn cần quan tâm: "Tích hợp lồng ghép các chủ đề về an toàn giao thông (ATGT); Tích hợp lồng ghép các chủ đề về dân số; Tích hợp lồng ghép các chủ đề về bảo vệ môi trường; Tích hợp lồng ghép các chủ đề về Pháp luật; Tích hợp lồng ghép các chủ đề về tư tưởng Hồ Chí Minh; Tích hợp lồng ghép các chủ đề về sử dụng tiết kiệm năng lượng; Tích hợp lồng ghép các chủ đề về định hướng nghề nghiệp tương lai".
Tích hợp đa môn, liên môn, xuyên môn	Theo các mức độ khác nhau, ở mức độ thấp thì lồng ghép những nội dung kiến thức có liên quan; ở mức độ cao hơn thì phải xử lí các nội dung kiến thức trong mối liên quan với nhau đảm bảo cho học sinh vận dụng được tổng hợp các kiến thức đó một cách hợp lí để giải quyết vấn đề trong học tập, trong cuộc sống, đồng thời tránh việc học sinh phải học lại nhiều lần cùng một nội dung kiến thức ở các môn học khác nhau. Chủ đề tích hợp liên môn là những chủ đề có nội dung kiến thức liên quan đến hai hay nhiều môn học, thể hiện ở sự ứng dụng của chúng trong cùng một hiện tượng, quá trình tự nhiên hay xã hội.

Chúng ta thấy rằng tích hợp vừa hình thành kiến thức, kĩ năng của mục tiêu dạy học môn học đặt ra vừa hình thành và rèn luyện được năng lực ĐHNN. Đây được coi là con đường hiệu quả để hình thành năng lực ĐHNN "Nông nghiệp xanh" cho HS.

2.1.4. Khái niệm "Nông nghiệp xanh"

Có nhiều quan điểm nhưng tựu trung lại "Nông nghiệp xanh" được hiểu là một phương pháp tiếp cận trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và nâng

cao sức khỏe con người, cân bằng giữa phát triển sản xuất nông nghiệp và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên [6]. Đây là quan điểm nền tảng cho chúng tôi có cơ sở lí luận để áp dụng vào dạy học ĐHNN "Nông nghiệp xanh" cho HS trường THPT Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

2.2. Thực trạng về năng lực ĐHNN "Nông nghiệp xanh" của HS trường THPT Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 90 HS của hai lớp 10A3 và 11A8, trường THPT Nguyễn Hùng Sơn, học kì 2, năm học 2025–2026 và nhận thấy số HS hiểu về năng lực ĐHNN "Nông nghiệp xanh" chiếm tỉ lệ thấp nhất (16,67%). Điều này chứng tỏ trước khi áp dụng các giải pháp phát triển năng lực ĐHNN, HS phần lớn chưa nắm được đầy đủ định nghĩa năng lực ĐHNN là gì. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy những yếu tố căn cứ thuộc về chính bản thân HS như sở thích, hứng thú được các em đánh giá là quan trọng nhất trong các căn cứ được đưa ra (điểm trung bình – ĐTB = 3,24). Tiếp đến là các yếu tố đến từ nghề như: khả năng xin việc sau ra trường, vị thế của nghề đó trong xã hội hay nghề đó có cơ hội thăng tiến trong tương lai hay không. Việc chọn nghề do mong muốn từ thầy cô, bạn bè và gia đình chiếm vị trí thấp nhất (ĐTB = 2,84). Việc xây dựng một giải pháp nhằm giúp cho HS biết được mình nên dựa vào đâu để chọn nghề nghiệp phù hợp cho bản thân là điều cần thiết.

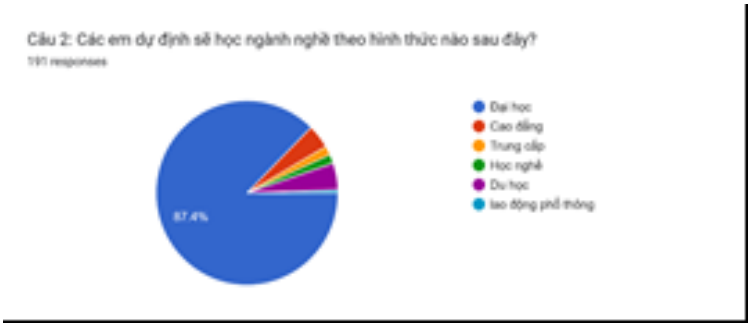
Kết quả khảo sát cho thấy HS tự đánh giá mức độ thực hiện các năng lực thành phần trong năng lực ĐHNN ở mức độ trung bình. Trong đó các năng lực thành phần được HS đánh giá như sau: Năng lực nhận biết đặc điểm bản thân được HS đánh giá cao nhất trong các năng lực thành phần (ĐTB = 3,09). Phần lớn HS cho rằng mình xác định được sở thích, hứng thú nghề (ĐTB = 3,1) cũng như xác định được mong muốn, ước mơ và mục tiêu nghề nghiệp của bản thân (ĐTB = 3,39). HS cảm thấy khó khăn nhất trong việc xác định năng lực, tính cách bản thân có liên quan đến ĐHNN (ĐTB = 2,59). Thực trạng này cho thấy cần có các giải pháp giúp cải thiện năng lực này cho HS.

2.3. Tổ chức dạy học thực nghiệm hoạt động phát triển năng lực ĐHNN "Nông nghiệp xanh" cho HS khối 10 và khối 11

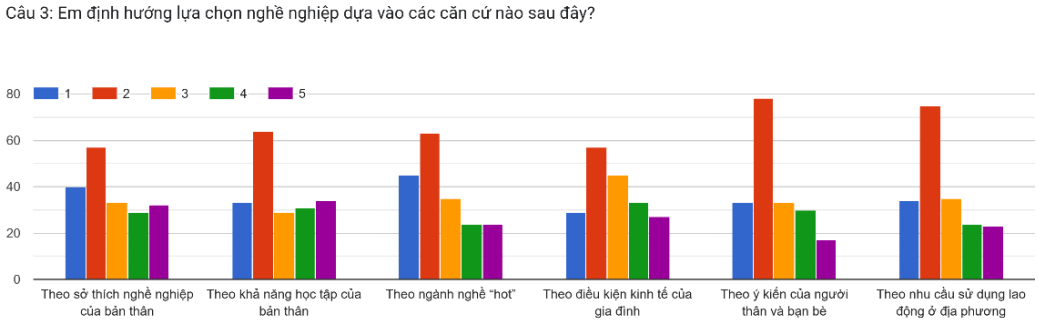
Chúng tôi tổ chức thực nghiệm (TN) cho HS khối 10 và khối 11 trên hai lớp 10A3 và 11A8 gồm 90 HS (mỗi lớp có 45 HS) và thực hiện qua năm bước như sau:

Bước 1. Khám phá bản thân

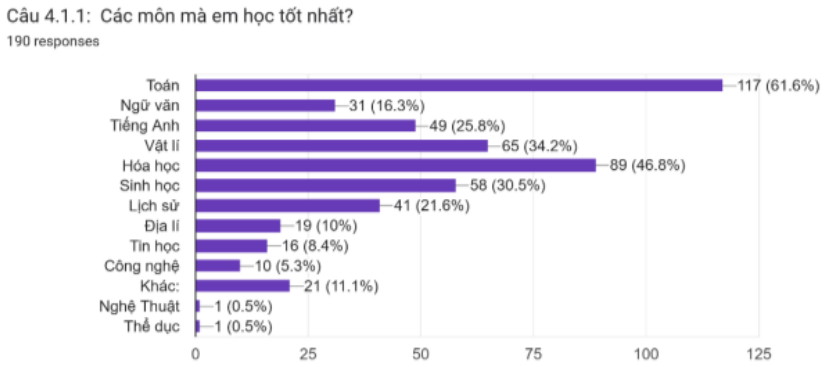
Trong bước này, nhóm nghiên cứu giúp HS nhận diện chính xác các tố chất nổi trội của bản thân và đặc điểm các loại hình nghề nghiệp. HS thực hiện khảo sát trên Google Forms theo trắc nghiệm sở thích của J. Holland [7], [8]. Song song, chúng tôi kết hợp thiết kế câu hỏi khảo sát và thu được số liệu sau:



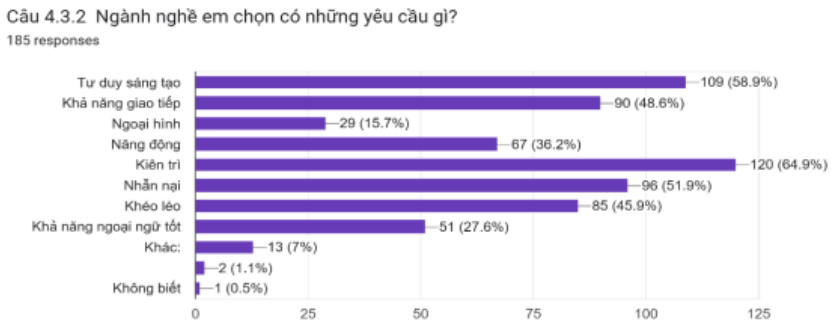
Hình 1. Kết quả khảo sát câu hỏi "Các em dự định sẽ học ngành nghề theo hình thức nào sau đây?"



Hình 2. Kết quả khảo sát câu hỏi "Em định hướng lựa chọn nghề nghiệp dựa vào các căn cứ nào sau đây?"



Hình 3. Kết quả khảo sát câu hỏi "Các môn mà em học tốt nhất?"



Hình 4. Kết quả khảo sát câu hỏi "Ngành nghề em chọn có những yêu cầu gì?"

Bước 2. Giúp HS "biết mình – biết nghề"

Bước này nhằm giúp HS nâng cao nhận thức về bản thân mình, nhận biết về nghề, nhu cầu thị trường nghề; tìm hiểu thị trường việc làm, tuyển dụng qua Internet, các anh chị khóa trước, người thân, GV chủ nhiệm, GV bộ môn,…; tìm hiểu hoàn cảnh gia đình đến điều kiện kinh tế – xã hội; tìm hiểu thị trường đào tạo; tham quan hướng nghiệp tại các trường đại học, tại đơn vị.

Bước 3. GV tổ chức hoạt động dạy học tích hợp môn Vật lí và các môn học khác nhằm phát triển năng lực ĐHNN "Nông nghiệp xanh" cho HS khối 10, 11

Thứ nhất, GV tổ chức thực hiện việc dạy học tích hợp ĐHNN gắn nội dung bài học/chủ đề tích hợp. Nội dung bài học/chủ đề tích hợp lồng ghép phải gắn với thực tiễn, có tính liên kết với thực tiễn và các ngành nghề.

Thứ hai, GV có thể tổ chức thực hiện việc dạy học tích hợp theo phương pháp giáo dục STEM như: Vật lí, Hóa học, Sinh học và Công nghệ trồng trọt với Chủ đề "Khảo sát và tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân địa phương về cách sử dụng, sự ảnh hưởng của phân bón đến cây trồng, sức khỏe và môi trường đất" (2 tiết).

Bảng 3

Các bài dạy học tích hợp theo chủ đề

Môn học/chuyên đề	Nội dung tích hợp
Chuyên đề học tập Vật lí 10	Chuyên đề 3: Vật lí với giáo dục bảo vệ môi trường – Bài 7: Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường
Chuyên đề học tập Hóa học 11	Chuyên đề 1: Phân bón – Bài 1: Giới thiệu chung về phân bón
Chuyên đề học tập Sinh học 11	Chuyên đề 1: Dinh dưỡng khoáng – Tăng năng suất cây trồng và nông nghiệp sạch – Bài 3: Dự án Điều tra tình hình sử dụng phân bón tại địa phương hoặc thực hành trồng cây với các kĩ thuật bón phân phù hợp
Công nghệ trồng trọt 10	Chương III: Phân bón – Bài 7: Giới thiệu về phân bón; Bài 8: Sử dụng và bảo quản phân bón. Chương VIII: Bảo vệ môi trường trong trồng trọt – Bài 26: Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong trồng trọt; Bài 27: Ứng dụng công nghệ vi sinh trong bảo vệ môi trường và xử lí chất thải trồng trọt
Chuyên đề học tập Công nghệ trồng trọt 10	Chuyên đề 1: Công nghệ sinh học trong trồng trọt – Bài 3: Một số ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất phân bón

Thứ ba, GV tổ chức cho HS khám phá và vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp. Trong tổ chức dạy học ĐHNN cho HS, vận dụng thực tiễn khám phá nghề nghiệp là bước giúp HS trả lời câu hỏi "Em đang đi về đâu?" thông qua việc xây dựng tài liệu tuyên truyền đa phương tiện. HS sẽ nghiên cứu các công việc thực tế như vai trò của một kĩ sư nông nghiệp trong việc giám sát việc sử dụng phân bón, làm phân tích chất lượng môi trường, thực hiện bảo vệ môi trường… HS có thể thực hiện:

Một là, HS tạo ra các poster, infographic, video ngắn hoặc bài viết chia sẻ thông tin về phân

bón, tác động đến môi trường và sức khỏe, hướng dẫn cách sử dụng phân bón đúng cách. Các sản phẩm này không chỉ giúp HS rèn luyện kĩ năng truyền thông mà còn mang lại giá trị thực tiễn khi được chia sẻ đến cộng đồng.



Hình 5. Sản phẩm poster của HS: "Sử dụng phân bón an toàn – Hành động vì môi trường xanh"



Hình 6. Sản phẩm poster của HS: "Bảo quản phân bón đúng cách" và "Tận dụng phân hữu cơ tại nhà"

Hai là, GV tổ chức cho HS lớp thực nghiệm tham gia trải nghiệm "Nông nghiệp xanh" (thông

qua việc liên hệ với anh Bùi Hoàng Thông, chiến sĩ dân quân tại chỗ, tại địa chỉ số 022, ấp Đầu Doi, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang) nhằm tìm hiểu mô hình trồng dưa lưới Hoàng Thắng Farm mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần nâng cao nhận thức của HS về phát triển "Nông nghiệp xanh" và định hướng nghề nghiệp tại địa phương. Qua tìm hiểu thực địa, HS Ngô Gia Hân (HS lớp 11A8) đã chia sẻ suy nghĩ của mình: "Em rất thích mô hình này. Sau này, em sẽ chọn ngành nông nghiệp để học đại học và mong muốn sau góp phần vào việc xây dựng 'Nông nghiệp xanh' An Giang ngày càng xanh, bền vững hơn". Việc tham quan mô hình "Nông nghiệp xanh" khiến HS rất hứng thú:



Hình 7. Mô hình "Nông nghiệp xanh" Hoàng Thắng Farm – nhà màng trồng dưa lưới



Hình 8. Mô hình "Nông nghiệp xanh" Hoàng Thắng Farm – dưa lưới trong nhà màng

Ba là, tích hợp môn Vật lí với chủ đề 5 *Các yêu cầu nghề nghiệp* của Giáo dục địa phương 11 cùng các chủ đề 8, 9, 10 Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 và 11 (Chủ đề 8: *Các nhóm nghề cơ bản và yêu cầu của thị trường lao động*; Chủ đề 9: *Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với nhóm nghề lựa chọn*; Chủ đề 10: *Xây dựng, thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn*). Nhóm tác giả đã cho HS làm các sản phẩm học tập để hoàn thành các cột kiểm tra thường xuyên hoặc kiểm tra định kì sao cho phù hợp và hiệu quả theo Thông tư quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bước 4. Lập kế hoạch hướng nghiệp

Bước lập kế hoạch hướng nghiệp giúp HS trả lời được câu hỏi "Làm sao để đi đến nơi em muốn tới?". Trong bước này, HS cần tìm hiểu những tác động ảnh hưởng tới bản thân các em khi chọn hướng học, chọn nghề từ gia đình đến hoàn cảnh kinh tế, xã hội.

Bước 5. Đánh giá và điều chỉnh

Đánh giá và điều chỉnh là một khâu quan trọng trong quá trình ĐHNN. Thông qua tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, HS xác định được mức độ hiểu biết, kĩ năng và sự phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp. Từ đó, các em nhận ra điểm cần cải thiện và thực hiện điều chỉnh kế hoạch hướng nghiệp. Hoạt động này có thể được tổ chức bằng cách phát phiếu tự đánh giá với các câu hỏi cụ thể, khuyến khích HS thảo luận nhóm nhỏ để nhận phản hồi và dành thời gian để các em chỉnh sửa kế hoạch cá nhân ngay sau hoạt động, đảm bảo tính thực tiễn và hiệu quả. GV hỗ trợ HS sửa đổi kế hoạch; sau khi HS tự đánh giá và nhận phản hồi từ nhóm, GV có thể góp ý thêm để HS tự điều chỉnh kế hoạch cá nhân sao cho phù hợp và khả thi nhất có thể.

2.4. Kết quả đánh giá thử nghiệm bước đầu

Về hiệu quả đạt được trước và sau khi áp dụng giải pháp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả sau thực nghiệm như ở Bảng 4 dưới đây:

Bảng 4

Đánh giá mức độ thực hiện các năng lực thành phần trong năng lực ĐHNN của HS trước và sau thực nghiệm

Mức độ thực hiện các năng lực thành phần	Trước TN	Sau TN
1. Năng lực nhận thức đặc điểm bản thân trong ĐHNN "Nông nghiệp xanh"	**3,09**	**3,18**
1.1. Xác định sở thích, hứng thú nghề	3,1	3,25
1.2. Xác định được năng lực bản thân, tính cách liên quan đến nghề nghiệp	2,59	2,6
1.3. Xác định được điều kiện, hoàn cảnh gia đình hiện có liên quan đến ĐHNN	2,89	3,39
1.4. Xác định được mong muốn, ước mơ và mục tiêu nghề nghiệp của bản thân	3,39	3,47
2. Năng lực nhận thức đặc điểm nghề và nhu cầu xã hội về nghề trong ĐHNN "Nông nghiệp xanh"	**3,06**	**3,18**
2.1. Xác định được hệ thống các ngành nghề trong xã hội và địa phương	3,21	3,29
2.2. Xác định được đặc điểm và các yêu cầu nghề nghiệp của nghề đã chọn	2,97	3,07
2.3. Xác định được hệ thống các cơ sở đào tạo nghề em chọn và công tác tuyển sinh của cơ sở đó	3,06	3,07
2.4. Xác định được các cơ sở, công ti, đơn vị lao động nghề sau tốt nghiệp	3,07	3,19
2.5. Xác định được nhu cầu thị trường xã hội về nghề, từ đó định hướng lựa chọn nghề phù hợp với bản thân	2,98	3,39
3. Năng lực lập kế hoạch ĐHNN "Nông nghiệp xanh"	**2,93**	**3,04**
3.1. Xác định được mục tiêu nghề nghiệp	3,04	3,2

Bảng 4 (tiếp theo)

Mức độ thực hiện các năng lực thành phần	Trước TN	Sau TN
3.2. Xác định thời gian, cách thức tìm hiểu sở thích, năng lực trong ĐHNN	2,96	3,15
3.3. Xác định thời gian, cách thức tìm hiểu về đặc điểm, yêu cầu công việc của nghề; nơi đào tạo và nơi làm việc	2,96	3,07
3.4. Xác định thời gian, cách thức tìm hiểu nhu cầu thị trường xã hội	3,2	3,2
3.5. Xác định thời gian, cách thức học tập và ôn tập các môn để tham gia kì thi THPT quốc gia và xét tuyển vào các trường cao đẳng, đại học	2,77	2,88
3.6. Xác định được các yếu tố thuận lợi, khó khăn và các điều kiện chi phối	2,88	3,04
3.7. Xây dựng được một bản kế hoạch ĐHNN phù hợp	2,68	2,77
4. Năng lực giải quyết mâu thuẫn trong quá trình ĐHNN	**2,98**	**3,02**
4.1. Xác định được những vấn đề, mâu thuẫn xảy ra trong quá trình ĐHNN của bản thân	3,08	3,1
4.2. Phân tích được đầy đủ các thông tin liên quan đến vấn đề, mâu thuẫn xảy ra trong quá trình ĐHNN	2,89	2,92
4.3. Liệt kê được các cách giải quyết vấn đề mâu thuẫn xảy ra	2,92	3,02
4.4. Ra quyết định lựa chọn giải pháp và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề mâu thuẫn xảy ra	3,02	3,02
4.5. Đánh giá được kết quả giải quyết vấn đề, mâu thuẫn liên quan đến ĐHNN	3	3,02
5. Năng lực ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp	**2,88**	**3,01**
5.1. Liệt kê được những khó khăn bản thân gặp khi ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp	3,01	3,08

Bảng 4 (tiếp theo)

Mức độ thực hiện các năng lực thành phần	Trước TN	Sau TN
5.2. Tổng kết thông tin, đối chiếu thông tin về bản thân, về nghề và nhu cầu thị trường lao động để cân nhắc lựa chọn nghề nghiệp	2,74	2,92
5.3. Ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp	2,9	3,04

Từ Bảng 4, ta có thể thấy các năng lực thành phần trong năng lực ĐHNN được HS thực hiện ở mức trung bình khá sau khi thực nghiệm. Tuy nhiên, các năng lực thành phần đều có điểm trung bình cao hơn so với lúc trước thực nghiệm. Năng lực thành phần có điểm trung bình cao nhất là "Năng lực nhận thức đặc điểm bản thân trong ĐHNN" và "Năng lực nhận thức đặc điểm nghề và nhu cầu xã hội về nghề trong ĐHNN" (ĐTB = 3,18). Từ đó, ta có thể khẳng định hiệu quả của việc phát triển năng lực ĐHNN "Nông nghiệp xanh" qua các hoạt động được tổ chức, trong đó có việc thực hiện dạy học tích hợp môn Vật lí với một số môn học khác đáp ứng được yêu cầu giáo dục THPT với mục đích hình thành, phát huy năng lực của HS, chuyển từ dạy học tiếp cận nội dung sang dạy học tiếp cận năng lực.

3. KẾT LUẬN

Các giải pháp qua năm bước thực nghiệm như trên được tiến hành phù hợp về nhiều mặt trong định hướng chung – đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục, bắt kịp xu thế và mang lại hiệu quả lâu dài. Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu ĐHNN "Nông nghiệp xanh" nhằm bổ sung các biện pháp, kĩ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng giải pháp này và nhân rộng chúng – không chỉ trong dạy học Vật lí mà còn trong các môn học khác. Chúng ta hi vọng HS sẽ phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất trong việc nâng cao năng lực ĐHNN "Nông nghiệp xanh", từ đó, các em sẽ chọn lựa nghề nghiệp đúng hướng, thoả niềm đam mê để sau này góp phần xây dựng nền "Nông nghiệp xanh" trên quê hương An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
3. Nguyễn Đình Xuân, & Trần Thị Minh Đức (Không rõ năm). *Định hướng nghề nghiệp của học sinh và sinh viên các trường ở Hà Nội* (Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, mã số B94.0507).
4. Lê Thị Duyên (2020). *Phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông* (Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục).
5. Phạm Văn Vương (2020). *Dạy học tích hợp theo mô hình STEM ở trường trung học phổ thông thông qua môn Vật lý* (Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục).
6. Báo Trà Vinh (Không rõ năm). *Nông nghiệp xanh là gì? Khám phá lợi ích của nông nghiệp xanh*. https://www.baotravinh.vn/thong-tin-dich-vu-viec-lam/nong-nghiep-xanh-la-gi-kham-pha-loi-ich-cua-nong-nghiep-xanh-42567.html (truy cập ngày 26/10/2026).

7. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
8. RightPath (Không rõ năm). *Trắc nghiệm sở thích Holland*. https://rightpath.edu.vn/trac-nghiem-ban-than/trac-nghiem-so-thich-holland (truy cập ngày 26/10/2026).

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP GẮN VỚI ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030

Hồ Thuỷ Triều

Trường THPT Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt, tỉnh An Giang

Email: hotrieu.gdktpl@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết phân tích yêu cầu đổi mới giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông trong mối liên hệ với định hướng phát triển kinh tế tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030. Trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các định hướng chính sách về hướng nghiệp và quy hoạch phát triển địa phương, bài viết đề xuất mô hình "3 kết nối – 4 trải nghiệm – 1 hồ sơ nghề nghiệp" nhằm chuyển trọng tâm từ giới thiệu thông tin nghề sang tổ chức cho học sinh khám phá, thực hành nhiệm vụ nghề và tự xây dựng lộ trình học tập. Mô hình xác định vai trò của nhà trường, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và gia đình, gợi ý hoạt động theo các nhóm ngành kinh tế đặc trưng của tỉnh, kèm lộ trình thí điểm, bộ chỉ báo đánh giá và điều kiện bảo đảm triển khai.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; trải nghiệm nghề nghiệp; kinh tế địa phương; học sinh THPT; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hướng nghiệp ở cấp trung học phổ thông (THPT) không chỉ cung cấp thông tin về ngành học, trường đào tạo và cơ hội việc làm mà còn hỗ trợ học sinh hiểu bản thân, nhận biết đặc điểm hoạt động lao động, đánh giá sự phù hợp giữa năng lực cá nhân và yêu cầu nghề nghiệp. Trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và dịch chuyển cơ cấu việc làm, cách tiếp cận chỉ dựa trên các buổi tư vấn tuyển sinh hoặc giới thiệu nghề đơn lẻ khó đáp ứng đầy đủ mục tiêu hình thành năng lực lựa chọn nghề nghiệp có căn cứ.

Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT đặt Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong cấu trúc giáo dục phổ thông, tạo cơ sở để nhà trường tổ chức hoạt động gắn với môi trường sống và lao động [1]. Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 từng đặt ra yêu cầu tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong giai đoạn 2018–2025 [2]; văn bản này được sử dụng ở đây như cơ sở tham chiếu chính sách của giai đoạn trước, không đồng nhất với mục tiêu pháp lý mới cho giai đoạn 2026–2030.

Đối với An Giang, định hướng điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhấn mạnh các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chế biến, du lịch, thương mại, logistics, kinh tế biển và kinh tế số [3]. Những định hướng này tạo nguồn ngữ cảnh nghề nghiệp phong phú để tổ chức hoạt động giáo dục; tuy nhiên, định hướng phát triển ngành không tự động đồng nghĩa với số lượng việc làm hay nhu cầu tuyển dụng cụ thể. Vì vậy, cần một mô hình vừa

gắn với đặc điểm kinh tế địa phương, vừa giúp học sinh kiểm chứng thông tin nghề và chủ động lựa chọn.

Trong khuôn khổ bài viết tham luận Hội thảo [4], tác giả trình bày việc đề xuất một mô hình tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp khả thi cho trường THPT trên địa bàn tỉnh An Giang, xác định cách triển khai, sản phẩm học tập, tiêu chí đánh giá và lộ trình nhân rộng giai đoạn 2026–2030. Phương pháp sử dụng là phân tích tài liệu chính sách, tổng hợp định hướng chương trình giáo dục và thiết kế mô hình giáo dục; bài viết không sử dụng dữ liệu điều tra sơ cấp.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ BỐI CẢNH ĐỊA PHƯƠNG

2.1. Tiếp cận phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp

Năng lực định hướng nghề nghiệp được hiểu theo hướng vận dụng gồm bốn thành tố: thứ nhất là nhận thức bản thân về hứng thú, giá trị, điểm mạnh và điều kiện học tập; thứ hai là khám phá thế giới nghề nghiệp và yêu cầu công việc; thứ ba là so sánh các lựa chọn trên cơ sở thông tin được kiểm chứng; thứ tư là lập kế hoạch học tập, trải nghiệm và điều chỉnh lựa chọn [5].

Trải nghiệm nghề nghiệp được hiểu là quá trình học sinh tiếp xúc có mục tiêu với tình huống, con người, quy trình và nhiệm vụ lao động; thực hiện nhiệm vụ phù hợp độ tuổi trong điều kiện an toàn; ghi nhận bằng chứng; phản tư về mức độ phù hợp. Hoạt động có thể tổ chức tại cơ sở nghề, tại trường hoặc qua tình huống mô phỏng khi điều kiện đi lại và an toàn không cho phép. Giá trị giáo dục nằm ở chu trình chuẩn bị – trải nghiệm – phản tư – điều chỉnh, chứ không nằm ở số chuyến tham quan.

2.2. Đặc điểm kinh tế tỉnh An Giang và cơ hội thiết kế nội dung hướng nghiệp

Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang được thông qua năm 2026 định hướng phát triển các trụ cột kinh tế liên quan nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, thương mại – logistics, công nghiệp và kinh tế biển – đảo [3]. Đây là căn cứ để lựa chọn chủ đề trải nghiệm nghề theo vùng, không phải bằng chứng rằng tất cả các ngành đều có nhu cầu nhân lực như nhau. Nhà trường cần cập nhật dữ liệu tuyển sinh, tuyển dụng và nhu cầu kỹ năng từ cơ quan chức năng, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo trước mỗi đợt tổ chức.

Bảng 1

Thiết kế nội dung trải nghiệm hướng nghiệp theo nhóm kinh tế

Không gian/nhóm kinh tế	Gợi ý trải nghiệm nghề	Sản phẩm học tập
Nông nghiệp, thủy sản và chế biến	Theo dõi quy trình sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng	Sơ đồ chuỗi giá trị và bản mô tả vị trí việc làm
Du lịch, dịch vụ và kinh tế biển – đảo	Mô phỏng thiết kế tuyến du lịch, giao tiếp khách hàng, bảo vệ môi trường biển	Kịch bản phục vụ và bảng tự đánh giá năng lực
Thương mại, logistics và kinh tế biên giới	Mô phỏng tiếp nhận đơn hàng, kho vận, đóng gói và luồng hàng hóa	Sơ đồ quy trình logistics và nhật ký nhiệm vụ

Bảng 1 (tiếp theo)

Không gian/nhóm kinh tế	Gợi ý trải nghiệm nghề	Sản phẩm học tập
Kinh tế số, thương mại điện tử	Xây dựng nội dung quảng bá sản phẩm địa phương, thực hành bảo mật dữ liệu	Hồ sơ sản phẩm số và phân tích rủi ro

3. NHẬN DIỆN VẤN ĐỀ THỰC TIỄN VÀ KHOẢNG TRỐNG TRIỂN KHAI

Trong thực hành giáo dục hướng nghiệp, một số rủi ro thiết kế cần được chú ý: hoạt động thiên về nghe giới thiệu thay vì thực hành; nội dung trải nghiệm thiếu liên hệ với lựa chọn môn học và lộ trình sau THPT; phụ thuộc vào điều kiện kinh phí và khoảng cách đến cơ sở nghề; thiếu công cụ ghi nhận tiến bộ của từng học sinh; thông tin tuyển dụng có thể thay đổi nhanh. Đây là những vấn đề đặt ra để kiểm chứng khi khảo sát thực địa, không phải kết luận rằng các trường THPT An Giang hiện đều mắc các hạn chế trên.

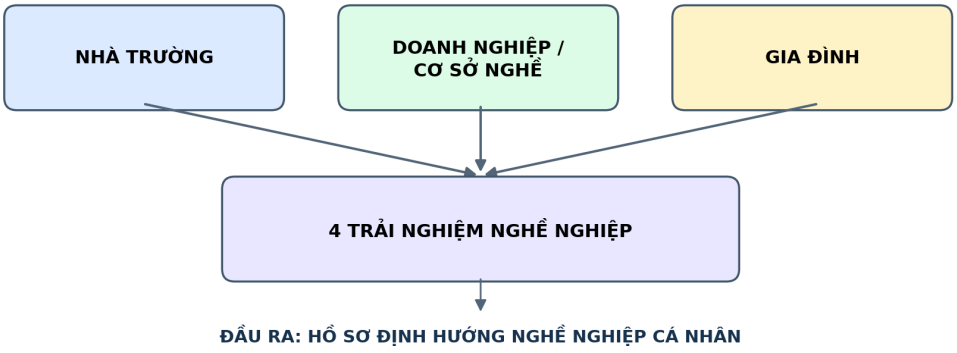
Để có bức tranh thực trạng đủ tin cậy, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) hoặc đơn vị nghiên cứu cần thu thập dữ liệu về số trường tổ chức trải nghiệm nghề, loại hình hoạt động, mức tham gia của học sinh, sự phối hợp của cơ sở nghề, chi phí và mức độ thay đổi năng lực định hướng nghề nghiệp.

4. ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH "3 KẾT NỐI – 4 TRẢI NGHIỆM – 1 HỒ SƠ NGHỀ NGHIỆP"

4.1. Cấu trúc mô hình

Đối với mô hình có ba kết nối: kết nối thứ nhất là nhà trường giữ vai trò thiết kế mục tiêu giáo dục, bảo đảm an toàn và đánh giá; kết nối thứ hai là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và cơ sở đào tạo nghề cung cấp bối cảnh nghề, người hướng dẫn và nhiệm vụ thực tế [6]; kết nối thứ ba là gia đình đồng hành, cung cấp thông tin về điều kiện học tập và tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh. Ba kết nối này không đồng nghĩa với việc doanh nghiệp được quyết định chương trình hay định hướng học sinh vào một đơn vị tuyển dụng cụ thể.

Bốn trải nghiệm tạo thành chu trình: khám phá nghề; quan sát nghề; thực hành nhiệm vụ nghề; phản tư và lập kế hoạch. Sản phẩm tích lũy xuyên suốt là một hồ sơ định hướng nghề nghiệp cá nhân, có thể ở dạng giấy hoặc số, bao gồm bản tự nhận thức, phiếu tìm hiểu nghề, minh chứng nhiệm vụ, phản hồi và kế hoạch hành động. Học sinh được phép thay đổi định hướng sau khi có thêm thông tin.



Hình 1. Cấu trúc mô hình 3 kết nối – 4 trải nghiệm – 1 hồ sơ nghề nghiệp (nguồn: tác giả đề xuất)

4.2. Quy trình tổ chức bốn trải nghiệm

Bước 1 – Khám phá: Giáo viên hướng dẫn học sinh lập bản đồ sở thích, thế mạnh, giá trị nghề nghiệp và câu hỏi cần tìm hiểu. Học sinh chọn từ hai đến ba nhóm nghề để khảo sát, không dùng một bài trắc nghiệm đơn lẻ làm căn cứ quyết định.

Bước 2 – Quan sát: Học sinh tiếp cận cơ sở nghề qua chuyến đi, phỏng vấn trực tuyến hoặc video tình huống có kiểm chứng. Phiếu quan sát yêu cầu ghi lại nhiệm vụ chính, công cụ, kỹ năng, điều kiện lao động, rủi ro nghề và con đường đào tạo. Đối tác cần giải thích cả thuận lợi lẫn thách thức của nghề.

Bước 3 – Thực hành: Nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ mô phỏng phù hợp lứa tuổi, chẳng hạn lập phương án quảng bá sản phẩm địa phương, thiết kế hành trình du lịch có trách nhiệm, xây dựng bảng kiểm chất lượng sản phẩm hoặc mô phỏng xử lý đơn hàng. Không giao học sinh công việc nguy hiểm, không thay thế lao động trả công và không tiếp cận dữ liệu khách hàng thật nếu chưa được phép.

Bước 4 – Đối chiếu: Học sinh đối chiếu yêu cầu nghề với năng lực, sở thích và điều kiện bản thân; trình bày lựa chọn tạm thời, ít nhất một phương án thay thế và kế hoạch học tập trong 6–12 tháng. Giáo viên phản hồi theo tiêu chí công khai; gia đình tham gia trao đổi nhưng không áp đặt kết luận.



Hình 2. Chu trình bốn trải nghiệm nghề nghiệp và sản phẩm đầu ra (nguồn: tác giả đề xuất)

Đối với lớp 10, ưu tiên nhận thức bản thân và khám phá rộng; lớp 11 ưu tiên so sánh nhóm

nghề, trải nghiệm nhiệm vụ và tìm hiểu lộ trình đào tạo; lớp 12 ưu tiên kiểm chứng lựa chọn, chuẩn bị hồ sơ học tập và phương án sau tốt nghiệp. Với trường ở xa doanh nghiệp, có thể dùng "trải nghiệm nghề tại lớp" thông qua bộ tình huống, phỏng vấn từ xa, sản phẩm mô phỏng; trường có điều kiện tổ chức thực địa phải có phương án an toàn, đồng thuận cần thiết, bảo hiểm và phân công giám sát phù hợp.

Chủ đề minh họa: "Một ngày làm người thiết kế sản phẩm du lịch có trách nhiệm tại An Giang". Trước hoạt động, học sinh tìm hiểu đặc điểm khách hàng, điểm đến, tác động môi trường và kỹ năng nghề. Trong hoạt động, nhóm xây dựng tuyến trải nghiệm giả định, dự toán chi phí, viết kịch bản giao tiếp và nhận phản hồi từ người có kinh nghiệm. Sau hoạt động, từng em hoàn thành phiếu "Tôi phù hợp với công việc nào trong chuỗi dịch vụ du lịch, vì sao, còn thiếu kỹ năng gì?".

5. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG

5.1. Bộ tiêu chí đánh giá đề xuất giai đoạn 2026–2030

Bảng 2

Bộ tiêu chí đánh giá đề xuất giai đoạn 2026–2030

Tiêu chí	Minh chứng có thể thu thập	Cách đánh giá
Hiểu bản thân	Phiếu tự đánh giá trước/sau, nhật ký đối chiếu	Rubric 4 mức về lập luận và tự nhận thức
Hiểu nghề	Phiếu quan sát, phỏng vấn, mô tả nghề	Kiểm tra độ chính xác và đa chiều thông tin
Thực hiện nhiệm vụ	Sản phẩm nhóm, bảng phân vai, phản hồi đối tác	Rubric kỹ năng, hợp tác, an toàn
Lập kế hoạch	Hồ sơ nghề nghiệp cá nhân	Đánh giá tính cụ thể, khả thi, phương án dự phòng
Công bằng tiếp cận	Danh sách tham gia theo điều kiện tiếp cận	Theo dõi chênh lệch cơ hội, không xếp hạng học sinh

Giai đoạn năm 2026–2027: xây dựng hướng dẫn, bộ phiếu và lựa chọn trường thí điểm đại diện cho các không gian kinh tế khác nhau; khảo sát đường cơ sở. Giai đoạn năm 2027–2028: tổ chức thí điểm theo chủ đề, thu thập phản hồi học sinh – giáo viên – đối tác, hiệu chỉnh quy trình. Giai đoạn năm 2028–2029: mở rộng mạng lưới đối tác và kho nhiệm vụ nghề dùng chung, tập huấn giáo viên. Giai đoạn năm 2029–2030: đánh giá kết quả, điều chỉnh tiêu chí và xem xét nhân rộng theo điều kiện từng trường.

5.2. Tính mới và giá trị ứng dụng của mô hình đề xuất

Mô hình "3 kết nối – 4 trải nghiệm – 1 hồ sơ nghề nghiệp" không đặt mục tiêu thay thế nội dung giáo dục hướng nghiệp hiện hành mà hướng đến đổi mới cách thức tổ chức, kết nối nguồn lực và đánh giá kết quả học tập của học sinh. Giá trị khác biệt của mô hình được thể hiện trên ba phương diện như sau.

Thứ nhất, đổi mới phương thức tổ chức hoạt động hướng nghiệp theo chu trình phát triển năng lực. Thay vì tổ chức các hoạt động giới thiệu nghề nghiệp mang tính đơn lẻ, mô hình thiết lập

quy trình liên tục từ khám phá bản thân, quan sát môi trường lao động, thực hành nhiệm vụ nghề đến phản tư và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp cá nhân. Mỗi giai đoạn đều có nhiệm vụ, sản phẩm và tiêu chí đánh giá cụ thể, tạo điều kiện theo dõi sự phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh.

Thứ hai, gắn nội dung trải nghiệm nghề nghiệp với đặc điểm và định hướng phát triển kinh tế địa phương. Các nhiệm vụ trải nghiệm được xây dựng từ những hoạt động kinh tế đặc trưng của tỉnh An Giang như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông – thủy sản, du lịch, thương mại, logistics và kinh tế biển – đảo. Cách tiếp cận này giúp học sinh nhận diện mối liên hệ giữa kiến thức được học với hoạt động sản xuất, kinh doanh và các yêu cầu năng lực nghề nghiệp trong thực tiễn.

Thứ ba, xây dựng cơ chế tổ chức linh hoạt và đánh giá dựa trên minh chứng. Mô hình cho phép nhà trường lựa chọn hình thức trải nghiệm trực tiếp, kết hợp hoặc mô phỏng phù hợp với điều kiện thực tế. Hồ sơ định hướng nghề nghiệp cá nhân được sử dụng như công cụ tích lũy kết quả, ghi nhận phản hồi và hỗ trợ học sinh điều chỉnh lựa chọn. Qua đó, việc đánh giá không chỉ dựa trên mức độ tham gia hoạt động mà còn xem xét khả năng tự nhận thức, tìm hiểu nghề, phân tích thông tin và lập kế hoạch của học sinh.

Như vậy, tính mới của mô hình chủ yếu nằm ở sự tích hợp có hệ thống giữa nội dung trải nghiệm gắn với kinh tế địa phương, quy trình tổ chức phân hóa theo điều kiện nhà trường và phương thức đánh giá năng lực dựa trên hồ sơ cá nhân. Đây là giá trị đề xuất cần tiếp tục được kiểm chứng thông qua triển khai thí điểm trước khi xem xét nhân rộng trên địa bàn tỉnh An Giang.

5.3. Điều kiện bảo đảm khi triển khai mô hình

Thứ nhất, cần đầu mối phụ trách hướng nghiệp tại trường và kế hoạch phối hợp rõ nhiệm vụ, quyền lợi, trách nhiệm an toàn của các bên. Thứ hai, thông tin nghề và lộ trình đào tạo phải được cập nhật, ghi nguồn và ngày kiểm chứng. Thứ ba, có phương án thay thế cho học sinh khó khăn, khuyết tật hoặc ở địa bàn xa, tránh biến trải nghiệm thực địa thành lợi thế chỉ dành cho nhóm có điều kiện. Thứ tư, ngân sách tổ chức phải công khai, huy động xã hội hóa tự nguyện và tránh quảng bá tuyển sinh trá hình. Thứ năm, dữ liệu hồ sơ nghề nghiệp phải được bảo vệ, chỉ thu thập thông tin cần thiết và không dùng kết quả đánh giá để gắn nhãn năng lực cố định cho học sinh.

6. KẾT LUẬN

Đổi mới giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT tỉnh An Giang cần hướng từ "nghe giới thiệu nghề" sang "trải nghiệm có nhiệm vụ và đối chiếu có minh chứng". Mô hình "3 kết nối – 4 trải nghiệm – 1 hồ sơ nghề nghiệp" là đề xuất tổ chức có thể thích ứng với các không gian kinh tế khác nhau của tỉnh, đồng thời bảo đảm quyền lựa chọn và sự phát triển cá nhân của học sinh. Giá trị của mô hình không được đo bằng số lượt tham quan hay số học sinh chọn một ngành cụ thể, mà bằng chất lượng thông tin, khả năng tự đánh giá và tính khả thi của lộ trình học tập do học sinh xây dựng.

Kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu xây dựng kho chủ đề trải nghiệm nghề theo nhóm ngành, cơ chế phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, cùng bộ tiêu chí đánh giá thống nhất nhưng linh hoạt. Các trường THPT chủ động lựa chọn quy mô thí điểm, tích

hợp với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và các môn học phù hợp; cơ sở nghề và doanh nghiệp tham gia trên nguyên tắc minh bạch, an toàn và không thương mại hóa hoạt động giáo dục. Cần triển khai khảo sát, thí điểm và đánh giá độc lập trước khi khẳng định hiệu quả hoặc nhân rộng trên toàn tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* (trong đó có Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp).
2. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
3. Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang (2026). *Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/02/2026 về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
4. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
5. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
6. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

MÔN CÔNG NGHỆ – "CỬA VÀO" KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT CHO HỌC SINH VÙNG NÔNG THÔN: KINH NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP QUA DẠY HỌC STEM, KHỞI NGHIỆP VÀ PHƯƠNG PHÁP "TỪ KHÓA TRỌNG TÂM" TẠI TRƯỜNG THPT BÌNH MỸ

KS. Võ Thanh Hoà

Trường THPT Bình Mỹ, xã Bình Mỹ, tỉnh An Giang

Email: vothanhhoa3004@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết chia sẻ kinh nghiệm giáo dục hướng nghiệp khối ngành kỹ thuật thông qua môn Công nghệ tại Trường THPT Bình Mỹ – trường vùng nông thôn, cơ sở vật chất còn hạn chế, đầu vào học sinh thấp. Mô hình gồm ba tầng gắn kết: (1) trong dạy học và ôn tập, giúp học sinh – kể cả học sinh học lực yếu – nắm chắc kiến thức kỹ thuật cốt lõi bằng phương pháp "từ khóa trọng tâm"; (2) tổ chức trải nghiệm nghề qua dạy học STEM, Hội chợ STEM toàn trường và Cuộc thi Khởi nghiệp; (3) huy động chuyên gia, đoàn thể, hộ kinh doanh và cha mẹ học sinh cùng đồng hành. Năm học 2025–2026, 28/28 lớp tham gia Hội chợ STEM với 268 sản phẩm. Trong hai kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 và 2026, 100% học sinh thi môn Công nghệ (định hướng Công nghiệp) của trường tốt nghiệp, điểm bình quân cao hơn toàn quốc; 28/46 em theo học cao đẳng, đại học các ngành kỹ thuật, công nghệ.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; môn Công nghệ; giáo dục STEM; khởi nghiệp; khối ngành kỹ thuật*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 xác định giáo dục hướng nghiệp được thực hiện thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Công nghệ có vai trò trực tiếp; các lớp 10, 11, 12 là giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp [1]. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục [2] tiếp tục yêu cầu tích hợp hướng nghiệp trong các môn học, hoạt động giáo dục, với các nội dung: thông tin nghề nghiệp, hỗ trợ học sinh tự nhận thức bản thân, kỹ năng lựa chọn nghề (trong đó có khởi nghiệp), trải nghiệm nghề nghiệp và ứng dụng công nghệ số.

Trường trung học phổ thông (THPT) Bình Mỹ là trường vùng nông thôn, điều kiện kinh tế – xã hội còn nhiều khó khăn, có học sinh người dân tộc; điểm đầu vào lớp 10 không đồng đều và thấp hơn mặt bằng chung của tỉnh. Học sinh chọn thi môn Công nghệ trong kỳ thi tốt nghiệp THPT phần đông có học lực yếu, hổng kiến thức các môn khoa học tự nhiên, thiếu động cơ học tập. Trước đây, môn Công nghệ chủ yếu được dạy bằng diễn giảng; nội dung điện, điện tử, cơ khí trừu tượng, xa lạ; hoạt động thực hành ít tạo cơ hội để học sinh "làm thử" công việc của người kỹ thuật. Vì vậy, nhiều em không tự tin, không nghĩ mình có thể theo học khối ngành kỹ thuật.

Từ năm học 2013–2014, chúng tôi bắt đầu đưa giáo dục STEM vào môn Công nghệ; từ năm học 2024–2025, áp dụng thêm phương pháp "từ khóa trọng tâm" trong dạy học và ôn thi. Bài viết chia sẻ cách làm, kết quả và đề xuất nhân rộng giai đoạn 2026–2030 [3].

2. THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ

2.1. Từ hoạt động STEM nhỏ lẻ đến phong trào toàn trường

Giai đoạn 2013–2018, hoạt động STEM của trường đã khơi gợi hứng thú, có sản phẩm tái chế đạt giải cấp trường, cấp tỉnh; tuy vậy còn nhỏ lẻ, chủ yếu ở một số lớp khối 11, 12, nhiều sản phẩm là mô hình tĩnh, cắt dán; đánh giá chủ yếu dựa vào độ đẹp của sản phẩm và chưa gắn với định hướng nghề nghiệp. Sau khi chuẩn hóa quy trình theo Chương trình GDPT 2018 [1], quy mô và chất lượng thay đổi rõ rệt (Bảng 1).

Bảng 1

Quy mô hoạt động STEM môn Công nghệ

Tiêu chí	Năm học 2018–2019	Năm học 2025–2026
Chương trình	GDPT 2006	GDPT 2018
Số lớp tham gia	Một số lớp khối 11, 12	28/28 lớp (100% khối 10, 11, 12)
Số học sinh tham gia	Khoảng 150	Hơn 1.200
Số sản phẩm	63	268 (gấp 4,25 lần)

Nguồn: thống kê của tác giả tại Hội chợ STEM tháng 11/2025.

Sản phẩm năm học 2025–2026 hướng vào bài toán thực tế của địa phương: hệ thống tưới cây tự động dùng cảm biến nhiệt độ – độ ẩm, gậy dò đường cho người khiếm thị, mô hình nhà chống lũ, thiết bị báo động mực nước, thùng rác cảm biến tự động… Nhiều sản phẩm có lập trình vi điều khiển, tự động hóa – đúng với nội dung học sinh sẽ học ở các ngành điện, điện tử, tự động hóa.



Hình 1. Hội chợ STEM, tháng 11/2025



Hình 2. Sản phẩm STEM từ vật liệu tái chế

2.2. Kết quả lựa chọn môn thi và ngành học của học sinh lớp 12

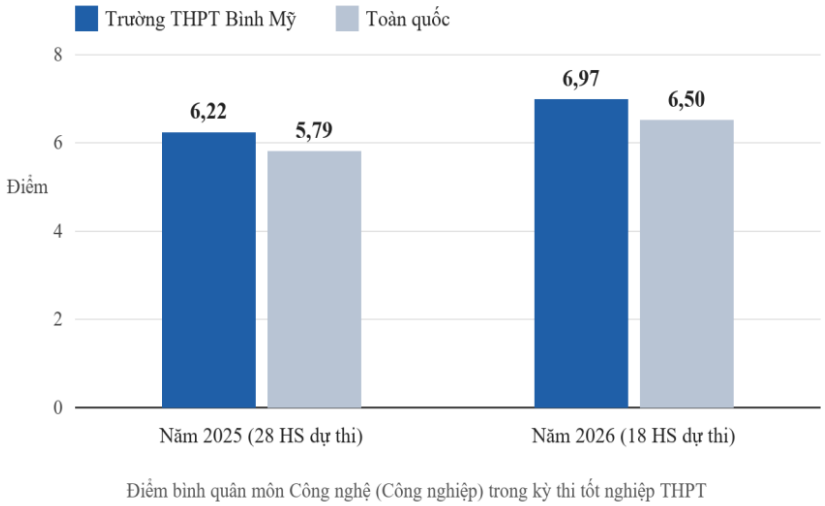
Học sinh lớp 12 của trường đăng ký thi môn Công nghệ (định hướng Công nghiệp) trong kỳ thi tốt nghiệp THPT để xét công nhận tốt nghiệp và xét tuyển vào các trường cao đẳng, đại học khối ngành kỹ thuật (Bảng 2, Hình 3). Theo Chương trình GDPT 2018, học sinh được xếp lớp theo tổ hợp môn lựa chọn; mỗi khóa chỉ có 02 lớp học môn Công nghệ (định hướng Công nghiệp). Khóa thi năm 2025 có 79 học sinh học môn Công nghệ, 28 em (35,4%) chọn thi môn này; khóa năm 2026 có 85 học sinh, 18 em (21,2%) dự thi, vì phần đông học sinh hai lớp chọn thi Toán, Hóa học, Sinh học; những em còn hạn chế về tổ hợp này đều tham gia thi môn Công nghệ.

Bảng 2

Kết quả thi tốt nghiệp THPT môn Công nghệ (định hướng Công nghiệp)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	Cộng
Học sinh học môn Công nghệ	79 (2 lớp)	85 (2 lớp)	164
Số học sinh dự thi	28 (35,4%)	18 (21,2%)	46 (28,0%)
Tỷ lệ tốt nghiệp	100%	100%	100%
Điểm trung bình của trường	6,22	6,97	–
Điểm trung bình toàn quốc	5,79	6,50	–
Chênh lệch	+0,43	+0,47	–
Học sinh học CĐ, ĐH ngành kỹ thuật, công nghệ	15/28 (53,6%)	13/18 (72,2%)	28/46 (60,9%)

Nguồn: số liệu của Trường THPT Bình Mỹ; điểm trung bình toàn quốc: phổ điểm môn Công nghệ – Công nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, VnExpress đăng tải (2.290 thí sinh năm 2025; 7.209 thí sinh năm 2026) [4], [5]. CĐ: cao đẳng; ĐH: đại học.



Hình 3. Điểm bình quân môn Công nghệ của trường so với toàn quốc

Hai năm liên tiếp, điểm bình quân môn Công nghệ của trường cao hơn toàn quốc (+0,43 và +0,47 điểm), dù trường ở vùng nông thôn, đầu vào thấp. Hơn 6/10 học sinh thi môn Công nghệ đã theo học cao đẳng, đại học các ngành kỹ thuật, công nghệ; năm 2026 là 13/18 em. Với nhóm học sinh học lực yếu, đây là con đường học tiếp phù hợp năng lực, gắn với nhu cầu nhân lực kỹ thuật của địa phương – đúng tinh thần phân luồng sau THPT.

2.3. Khó khăn, hạn chế

- Theo tổ hợp môn lựa chọn, mỗi khóa chỉ có 02 lớp học môn Công nghệ; tỷ lệ học sinh chọn thi môn Công nghệ chưa cao và giảm (35,4% năm 2025, 21,2% năm 2026) do học sinh ưu tiên các môn Toán, Hóa học, Sinh học.
- Trường chưa có phòng thực hành hiện đại; vật tư chủ yếu là rác thải điện tử, vật liệu tự gom.
- Hội chợ STEM, Cuộc thi Khởi nghiệp cần nhiều thời gian ngoài giờ; kinh phí khen thưởng phải vận động.
- Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa thường xuyên; một số dự án khởi nghiệp còn ở mức ý tưởng.
- Một bộ phận cha mẹ học sinh còn định kiến với học nghề, với khối ngành kỹ thuật.

3. GIẢI PHÁP – MÔ HÌNH "BA TẦNG" HƯỚNG NGHIỆP KHỐI KỸ THUẬT

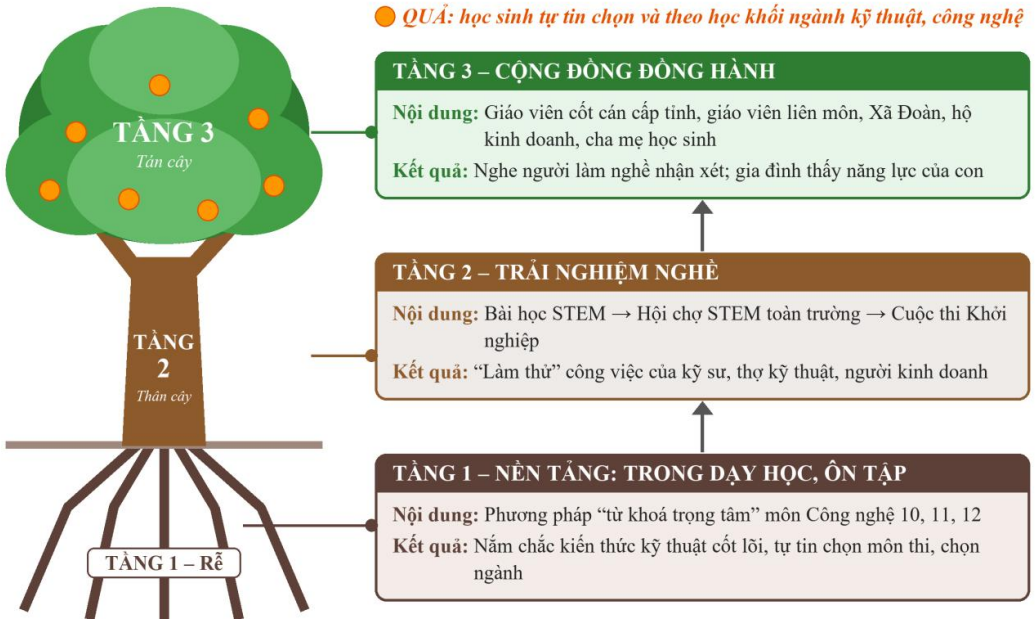
Mô hình được hình dung như một cây ba tầng (Hình 4): "rễ" là dạy học, ôn tập giúp học sinh nắm vững kiến thức kỹ thuật cốt lõi; "thân" là chuỗi trải nghiệm nghề; "tán" là cộng đồng cùng đồng hành; "quả" là học sinh tự tin chọn và theo học khối ngành kỹ thuật, công nghệ.

3.1. Giải pháp 1. Phương pháp "từ khóa trọng tâm" – giúp học sinh học lực yếu làm chủ kiến thức kỹ thuật

Đề thi tốt nghiệp THPT môn Công nghệ (định hướng Công nghiệp) có khoảng 8 điểm thuộc nội dung lớp 12 và khoảng 2 điểm thuộc lớp 10, 11. Cách ôn cũ – ôn dàn trải cả ba khối, học thuộc định nghĩa dài – khiến học sinh yếu quá tải, nhầm lẫn khái niệm và buông xuôi. Từ tháng 9/2024, chúng tôi cô đọng nội dung thành hệ thống "từ khóa trọng tâm", phân bổ thời gian ôn tập 80/20:

- **Lớp 12 – phần chủ lực:** hệ thống từ khóa và sơ đồ tư duy cho phần điện – điện tử, lặp lại thường xuyên. Ví dụ: điện trở – cản trở; tụ điện – tích, phóng; điốt – chỉnh lưu; tranzito – khuếch đại; IC – tích hợp; nối hình sao – chụm lại, nối tam giác – nối đuôi nhau; cổng AND – nhân, OR – cộng, NOT – đảo.
- **Lớp 10, 11 – phần gợi nhớ:** thẻ từ khóa ngắn gọn ôn trong 2–3 tiết cuối khóa. Ví dụ: hình chiếu vuông góc – đứng, bằng, cạnh; hình chiếu trục đo – 3D; đúc – rót kim loại lỏng; tiện – có phoi; động cơ 4 kì – 2 vòng quay trục khuỷu cho một chu trình.
- **Luyện đề theo 3 bước:** gạch dưới từ khóa trong câu hỏi → tìm từ khóa tương ứng trong phương án → loại trừ phương án chứa từ khóa sai.

Từ khóa trọng tâm chính là "vốn từ" cơ bản của nghề điện, điện tử, cơ khí. Khi nắm được chúng, học sinh không chỉ làm bài tốt hơn mà còn tự tin rằng mình học được kiến thức kỹ thuật – điều kiện để các em dám chọn khối ngành kỹ thuật [6]. Phương pháp đã được tác giả chia sẻ tại các đợt tập huấn giáo viên ôn thi tốt nghiệp môn Công nghệ do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.



Hình 4. Mô hình "cây ba tầng" hướng nghiệp khối ngành kỹ thuật

3.2. Giải pháp 2. Tổ chức trải nghiệm nghề theo quy trình thiết kế kỹ thuật

Dạy học STEM được thực hiện theo Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH [7]. Mỗi khối lớp có một chủ đề gắn với một nhóm nghề (Bảng 3). Ngay tiết đầu năm học, giáo viên giới thiệu các địa chỉ tích hợp STEM và giao nhiệm vụ; học sinh làm cá nhân hoặc nhóm, giáo viên lồng ghép kiến thức

nền và góp ý trong suốt quá trình.

Bảng 3

Chủ đề STEM và nhóm nghề định hướng

Khối	Chủ đề STEM	Sản phẩm tiêu biểu	Nhóm nghề trải nghiệm
10 – Thiết kế và công nghệ	Kiến trúc sư tương lai & Nhà thông minh	Nhà nổi chống lũ, nhà dùng năng lượng mặt trời	Thiết kế, xây dựng
11 – Công nghệ cơ khí	Cơ khí vui nhộn – Chuyển động thông minh	Cánh tay robot thủy lực, xe thế năng, máy hút bụi mini	Cơ khí chế tạo, cơ khí động lực
12 – Công nghệ điện – điện tử	Nông nghiệp 4.0 & IoT	Tưới cây tự động, thùng rác thông minh, mạch chống trộm	Điện – điện tử, tự động hóa

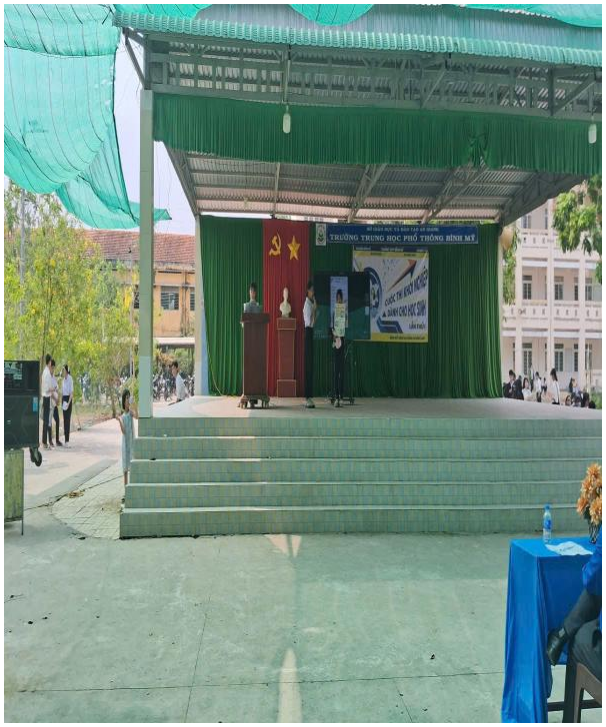
Quy trình gồm 3 giai đoạn: (1) chuẩn bị – xây dựng phiếu học tập, tiêu chí đánh giá (rubric) từ đầu năm, vận động học sinh gom rác thải điện tử làm "kho nguyên liệu mở"; (2) năm hoạt động – xác định vấn đề từ thực tiễn địa phương (ngập lũ, tưới tiêu, rác thải), nghiên cứu kiến thức nền, thiết kế (giáo viên thẩm định tính khả thi trước khi chế tạo), chế tạo – thử nghiệm – điều chỉnh, báo cáo; (3) phát triển – chọn ý tưởng tốt dự thi khoa học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng. Mỗi bước tương ứng một phần việc thật của người làm nghề kỹ thuật; rubric đánh giá cả bản vẽ, nhật ký thi công, thuyết trình, phản biện, nhờ đó học sinh tự nhận ra mình mạnh ở khâu nào – bước "tự nhận thức bản thân" trong hướng nghiệp.

Ở các năm học trọng điểm (2015–2016, 2018–2019, 2025–2026), hoạt động báo cáo được nâng thành Hội chợ STEM toàn trường: học sinh đứng gian hàng, giới thiệu sản phẩm, trả lời câu hỏi của giám khảo và khách tham quan.

Từ sản phẩm đến khởi nghiệp. Ngày 18/4/2026, nhà trường tổ chức Cuộc thi Khởi nghiệp lần thứ I (hoạt động trải nghiệm chủ đề "Khởi nghiệp") cho toàn thể học sinh khối 10, 11, 12, có đại diện Xã Đoàn và các hộ kinh doanh địa phương tham dự. Mỗi lớp trưng bày tối thiểu 05 dự án; học sinh thuyết trình với Ban giám khảo và đánh giá đồng đẳng dự án của bạn; mỗi khối chọn 03 dự án, tổng cộng 09 dự án vào chung kết. Tiêu chí chấm gồm tính sáng tạo, tính khả thi, sự phù hợp với địa phương, kế hoạch tài chính; vòng chung kết bổ sung kỹ năng thuyết trình – phản biện và trưng bày sản phẩm. Các dự án đạt giải đều khai thác nguồn lực địa phương: "Gieo Mầm Xanh" (hạng Nhất), "Sợi chuối thủ công" (hạng Nhì), "Than hoạt tính từ trái thốt nốt" (hạng Ba), "Tiệm len nhà Bee" (hạng Tư). Học sinh phải trả lời được: sản phẩm dành cho ai, giá thành bao nhiêu, vốn ở đâu, bao lâu thu hồi vốn – đúng nội dung "kỹ năng khởi nghiệp" của Thông tư 16/2026 [2].



Hình 5. Giáo viên cốt cán cấp tỉnh xem sản phẩm STEM



Hình 6. Cuộc thi Khởi nghiệp lần thứ I, ngày 18/4/2026

3.3. Giải pháp 3. Huy động cộng đồng cùng làm hướng nghiệp

- **Chuyên gia:** năm học 2025–2026, nhà trường mời 05 giáo viên cốt cán cấp tỉnh môn Công nghệ làm giám khảo, kiêm "cố vấn kỹ thuật" góp ý trực tiếp từng sản phẩm; giáo viên Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học cùng chấm, đánh giá liên môn.
- **Hộ kinh doanh địa phương:** tham dự Cuộc thi Khởi nghiệp, để học sinh nghe người đang kinh doanh thật nhận xét ý tưởng của mình [8].

- **Đoàn thể, cha mẹ học sinh:** Xã Đoàn Bình Mỹ hỗ trợ băng-rôn và tài trợ giải Nhất, Nhì, Ba; cha mẹ học sinh các lớp tài trợ 06 giải Triển vọng; giải thưởng không dùng ngân sách nhà trường. Cha mẹ trực tiếp thấy năng lực kỹ thuật của con, từ đó cởi mở hơn với lựa chọn ngành kỹ thuật.

Mô hình STEM đã được giáo viên Trường THPT Nguyễn Văn Thoại và Trường THCS-THPT Nguyễn Văn Xiện áp dụng thử với phản hồi tích cực.



Hình 7. Ban cố vấn – giáo viên cốt cán cấp tỉnh



Hình 8. Trao giải Hội chợ STEM năm học 2025–2026

3.4. Giải pháp 4. Đề xuất cho giai đoạn 2026–2030

- **Nhà trường:** đưa chuỗi bài học STEM – Hội chợ STEM – Khởi nghiệp vào kế hoạch giáo dục nhà trường hằng năm; mở rộng bộ "từ khóa trọng tâm" thành bộ "từ khóa – nghề" (mỗi nhóm từ khóa gắn với công việc, ngành đào tạo tương ứng); lưu sản phẩm của học sinh thành hồ sơ học tập để làm căn cứ tư vấn chọn môn, chọn ngành; tư vấn chọn tổ hợp môn ngay khi tuyển sinh lớp 10 và chọn môn thi tốt nghiệp theo năng lực, định hướng ngành của từng học sinh, giới thiệu rõ cơ hội xét tuyển khối ngành kỹ thuật bằng môn Công nghệ.

- **Sở Giáo dục và Đào tạo:** tổ chức Hội chợ STEM – Khởi nghiệp theo cụm trường để học sinh vùng nông thôn giao lưu; phát huy đội ngũ giáo viên cốt cán làm cố vấn cho các trường khó khăn; làm đầu mối kết nối trường phổ thông với các trường cao đẳng, đại học, doanh nghiệp kỹ thuật trong tỉnh.
- **Doanh nghiệp, cơ sở đào tạo:** nhận học sinh tham quan, trải nghiệm ngắn ngày; cử người làm nghề tham gia giám khảo, chia sẻ tại hội chợ.
- **Cha mẹ học sinh:** tham gia các ngày hội trải nghiệm; đồng hành để con lựa chọn dựa trên năng lực, sở thích thật của con.

4. KẾT LUẬN

Kinh nghiệm hơn mười năm tại Trường THPT Bình Mỹ cho thấy môn Công nghệ, khi được dạy chắc kiến thức cốt lõi, gắn với nghề và tổ chức thành trải nghiệm thật, có thể trở thành "cửa vào" khối ngành kỹ thuật cho học sinh vùng nông thôn – kể cả học sinh học lực yếu. Hướng nghiệp không dồn vào vài tiết riêng mà diễn ra thường xuyên trong từng bài học, được củng cố qua sản phẩm STEM, hội chợ, khởi nghiệp và có cộng đồng cùng đồng hành. Kết quả hai năm 2025, 2026 – 100% học sinh thi môn Công nghệ tốt nghiệp, điểm bình quân cao hơn toàn quốc, 28/46 em theo học các ngành kỹ thuật, công nghệ – cho thấy mô hình hiệu quả, ít tốn kém, có thể nhân rộng trong giai đoạn 2026–2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* (Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BGDĐT năm 2022).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
3. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
4. VnExpress (2025). *Phổ điểm môn Công nghệ thi tốt nghiệp THPT 2025* (số liệu Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngày 15/7/2025).
5. VnExpress (2026). *Phổ điểm môn Công nghệ thi tốt nghiệp THPT 2026* (đăng ngày 01/7/2026).
6. Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance. *Journal of Vocational Behavior, 45*(1), 79–122.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học*.
8. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

CHÚ TRỌNG PHÁT TRIỂN TRUNG HỌC NGHỀ Ở AN GIANG – GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ, GẮN ĐÀO TẠO VỚI NHU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG

Lê Tấn Thời

Trường THCS Nguyễn Đăng Sơn, xã Chợ Mới, tỉnh An Giang

Email: tanthoile76@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết phân tích một số vấn đề đặt ra trong công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở: tâm lý coi trọng con đường học lên THPT và đại học, giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường chưa gắn kết đầy đủ với thực tiễn, đào tạo nghề chưa đồng bộ với nhu cầu sử dụng lao động tại địa phương. Trên cơ sở Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 và các văn bản hướng dẫn về trung học nghề, bài viết đề xuất chú trọng phát triển mô hình trung học nghề như một lựa chọn có chất lượng, gắn với các nhóm nghề phục vụ nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, du lịch, thương mại và logistics của tỉnh. Các giải pháp trọng tâm gồm đổi mới nhận thức, hướng nghiệp liên tục từ lớp 6 đến lớp 9, hồ sơ hướng nghiệp cá nhân và phối hợp với cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, chính quyền, gia đình.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng sau THCS; trung học nghề; thị trường lao động; An Giang*

1. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. Tâm lý coi trọng con đường học lên trung học phổ thông và đại học

Trong nhiều gia đình, mong muốn con học lên trung học phổ thông (THPT), sau đó vào đại học vẫn là định hướng phổ biến [1]. Tuy nhiên, khi mong muốn ấy trở thành một khuôn mẫu áp dụng cho tất cả học sinh, việc lựa chọn con đường học tập có thể chưa thật sự phù hợp với năng lực và sở trường của từng em.

Thực tế cho thấy, có những học sinh có khả năng tư duy học thuật tốt, yêu thích nghiên cứu và phù hợp với chương trình THPT. Nhưng cũng có những học sinh nổi bật ở khả năng thực hành, kỹ thuật, sáng tạo, giao tiếp hoặc giải quyết những vấn đề cụ thể trong cuộc sống. Không ít trường hợp, học sinh được giáo viên tư vấn lựa chọn hướng học nghề phù hợp hơn nhưng gia đình vẫn muốn con dự thi vào lớp 10. Khi kết quả không như mong đợi, học nghề mới trở thành phương án thay thế. Cách lựa chọn này dễ khiến học sinh có cảm giác thất bại, mặc dù học nghề hoàn toàn có thể là một hướng đi tích cực nếu được chuẩn bị và lựa chọn từ sớm.

1.2. Công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường chưa gắn kết đầy đủ với thực tiễn

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [2], hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh khám phá bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp và xây dựng định hướng tương lai.

Tuy nhiên, ở một số trường trung học cơ sở (THCS), hoạt động hướng nghiệp vẫn chủ yếu

được triển khai thông qua các tiết học theo kế hoạch, các buổi tuyên truyền hoặc những nội dung giới thiệu nghề nghiệp mang tính khái quát. Việc tổ chức cho học sinh trải nghiệm môi trường làm việc, gặp gỡ người lao động và tiếp cận thông tin tuyển dụng thực tế còn gặp khó khăn về thời gian, kinh phí và nguồn lực phối hợp.

Một số giáo viên chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng tư vấn hướng nghiệp chuyên sâu [3]; nguồn thông tin về nhu cầu nhân lực, mức độ phát triển của từng nghề và cơ hội việc làm tại địa phương chưa được cập nhật thường xuyên. Vì vậy, học sinh có thể biết tên nhiều ngành nghề nhưng chưa hiểu rõ công việc thực tế, yêu cầu năng lực, điều kiện đào tạo và cơ hội phát triển của từng nghề.

1.3. Đào tạo nghề và nhu cầu sử dụng lao động tại địa phương chưa phải lúc nào cũng đồng bộ

Một vấn đề cần quan tâm là học sinh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo nghề chưa chắc đã tìm được công việc phù hợp, ổn định tại địa phương. Có trường hợp ngành nghề được đào tạo chưa gắn với nhu cầu tuyển dụng thực tế; có trường hợp người học thiếu kỹ năng thực hành, kỹ năng giao tiếp, kỷ luật lao động hoặc khả năng thích ứng với công nghệ mới.

Đặc biệt, đối với học sinh ở khu vực nông thôn, vùng biên giới và những địa bàn còn khó khăn về điều kiện kinh tế, việc lựa chọn cơ sở đào tạo gần nơi cư trú, chi phí học tập phù hợp và khả năng tìm việc làm sau tốt nghiệp là những yếu tố rất quan trọng.

Nếu chỉ vận động học sinh đăng ký học nghề mà chưa quan tâm đến chất lượng đào tạo, điều kiện thực hành, sự tham gia của doanh nghiệp và khả năng việc làm sau tốt nghiệp, hiệu quả của công tác phân luồng sẽ khó đạt được như mong muốn.

2. SỰ CẦN THIẾT PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH TRUNG HỌC NGHỀ Ở AN GIANG

2.1. Trung học nghề mở thêm cơ hội học tập phù hợp cho học sinh sau lớp 9

Hệ thống pháp luật mới bổ sung mô hình trung học nghề, tạo cơ sở phát triển hướng đào tạo kết hợp giáo dục văn hóa phổ thông cốt lõi với đào tạo nghề nghiệp, với những văn bản cụ thể như sau: ngày 10 tháng 12 năm 2025, Quốc hội thông qua Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 [4]; Thông tư số 75/2026/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kiến thức chương trình THPT trong chương trình giáo dục trung học nghề [5]; Thông tư số 77/2026/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp [6]. Đây là những cơ sở pháp lý trong việc hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt và tăng cường liên thông giữa các trình độ đào tạo.

Mô hình trung học nghề tạo thêm cơ hội để học sinh sau khi tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập, đồng thời sớm tiếp cận kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Thay vì phải chờ hoàn thành ba năm THPT rồi mới bắt đầu học nghề, các em có thể lựa chọn một chương trình phù hợp để từng bước hình thành năng lực nghề nghiệp từ sớm, theo chương trình và quy định hiện hành.

Lợi ích của mô hình này không chỉ nằm ở việc rút ngắn lộ trình tiếp cận nghề nghiệp trong những chương trình phù hợp, mà còn ở khả năng kết hợp giữa kiến thức văn hóa và kỹ năng thực hành. Học sinh tiếp tục được rèn luyện tư duy, năng lực giao tiếp, tính toán, giải quyết vấn đề và

hiểu biết xã hội; đồng thời được tiếp cận quy trình kỹ thuật, phương pháp làm việc, ý thức an toàn, tinh thần hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp.

Như vậy, trung học nghề cần được xác định là một hướng giáo dục có chất lượng, có chuẩn mực, có giá trị xã hội và được người học lựa chọn trên cơ sở hiểu biết đầy đủ.

2.2. An Giang có những lĩnh vực kinh tế cần nguồn nhân lực nghề nghiệp đa dạng

An Giang có những lợi thế về nông nghiệp, thủy sản, chế biến nông sản, thương mại biên giới, dịch vụ và du lịch. Trong bối cảnh phát triển kinh tế, chuyển đổi số và yêu cầu nâng cao năng suất lao động, các lĩnh vực này cần đội ngũ lao động có kỹ năng, được đào tạo phù hợp và có khả năng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ.

Đối với nông nghiệp, nhu cầu nhân lực không chỉ giới hạn ở lao động trực tiếp trên đồng ruộng mà còn mở rộng sang cơ khí nông nghiệp, vận hành máy móc, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, bảo quản nông sản, kiểm soát chất lượng, sơ chế, chế biến và thương mại điện tử.

Đối với du lịch và dịch vụ, cơ hội việc làm có thể gắn với nghiệp vụ lưu trú, nhà hàng, chế biến món ăn, hướng dẫn và hỗ trợ du lịch, chăm sóc khách hàng, kỹ thuật điện – nước, bảo trì thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

Đối với thương mại, vận tải và hoạt động kinh tế khu vực biên giới, việc đào tạo các kỹ năng về bán hàng, quản lý kho, logistics, sử dụng phần mềm, ngoại ngữ giao tiếp và nghiệp vụ dịch vụ cũng cần được quan tâm.

Bên cạnh đó, các nghề điện dân dụng, điện công nghiệp, sửa chữa ô tô và xe máy, cơ khí, công nghệ thông tin, kỹ thuật thiết bị và chăm sóc sức khỏe theo đúng phạm vi đào tạo, điều kiện hành nghề cũng có thể mở ra những hướng phát triển nghề nghiệp cho người học.

Đây là những nhóm nghề có thể nghiên cứu để xây dựng danh mục đào tạo phù hợp. Tuy nhiên, việc lựa chọn ngành nghề cụ thể phải căn cứ vào dữ liệu nhu cầu tuyển dụng, điều kiện của từng địa bàn, năng lực của cơ sở đào tạo và khả năng tiếp nhận lao động của doanh nghiệp, thay vì chỉ dựa trên nhận định chung về tiềm năng kinh tế.

2.3. Phát triển trung học nghề góp phần thực hiện mục tiêu an sinh xã hội

Nếu được tiếp cận chương trình đào tạo có chất lượng, học sinh có thể từng bước hình thành nghề nghiệp, chủ động hơn trong cuộc sống và tiếp tục nâng cao trình độ khi có nhu cầu, có điều kiện và đáp ứng các quy định tuyển sinh.

Tại các địa bàn nông thôn, việc đào tạo nghề gắn với nhu cầu sản xuất và dịch vụ tại chỗ còn góp phần tạo cơ hội việc làm cho thanh thiếu niên, hạn chế tình trạng phải rời quê hương chỉ vì thiếu thông tin hoặc thiếu điều kiện tiếp cận đào tạo.

Tuy vậy, học nghề tại địa phương chỉ thật sự phát huy hiệu quả khi có sự kết nối giữa cơ sở đào tạo với thị trường lao động. Không thể mặc nhiên cho rằng cứ có chứng chỉ nghề là có việc làm ổn định. Muốn bảo đảm tính bền vững, cần lựa chọn đúng ngành nghề, nâng cao chất lượng thực hành, cập nhật công nghệ và xây dựng cơ chế hỗ trợ người học tiếp cận việc làm.

Vì vậy, phát triển trung học nghề ở An Giang cần được đặt trong mối quan hệ giữa giáo dục, việc làm và an sinh xã hội. Đây không chỉ là câu chuyện của ngành giáo dục mà còn là trách nhiệm phối hợp của chính quyền địa phương, các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và từng gia

đình.

3. NHỮNG GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐỂ CHÚ TRỌNG PHÁT TRIỂN TRUNG HỌC NGHỀ Ở AN GIANG

3.1. Đổi mới nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS

Trước hết, cần thay đổi cách nhìn nhận về học nghề trong cộng đồng. Học nghề không đồng nghĩa với học kém, cũng không phải là phương án cuối cùng sau khi học sinh không trúng tuyển vào lớp 10. Đó là một lựa chọn cần được cân nhắc nghiêm túc trên cơ sở năng lực, sở thích, điều kiện thực tế và mục tiêu tương lai của người học.

Nhà trường cần phối hợp với phụ huynh tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, diễn đàn nghề nghiệp, tọa đàm với người lao động, cựu học sinh và đại diện doanh nghiệp. Những người đã trưởng thành từ con đường học nghề có thể chia sẻ trải nghiệm thực tế về quá trình học tập, tìm việc, nâng cao tay nghề và phát triển sự nghiệp.

Thông điệp cần được lan tỏa là: mỗi học sinh có điểm mạnh riêng; không phải tất cả đều phải đi trên cùng một con đường. Điều quan trọng là các em được học tập trong môi trường phù hợp, được trang bị năng lực thực chất và có cơ hội phát triển lâu dài.

3.2. Xây dựng chương trình hướng nghiệp khoa học, liên tục trong cả bốn năm THCS

Giáo dục hướng nghiệp không nên chỉ tập trung vào học sinh lớp 9, khi kỳ thi tuyển sinh lớp 10 đã đến gần. Nhà trường cần thiết kế các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo lộ trình từ lớp 6 đến lớp 9, bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm lý và sự phát triển của học sinh từng khối lớp.

Có thể tổ chức theo định hướng sau:

- **Lớp 6 – Khám phá bản thân và thế giới nghề nghiệp:** Học sinh tìm hiểu sở thích, điểm mạnh, thói quen học tập, khả năng giao tiếp và những nghề phổ biến trong gia đình, cộng đồng. Các em bước đầu nhận biết giá trị của lao động và tôn trọng những nghề nghiệp khác nhau.
- **Lớp 7 – Trải nghiệm và tìm hiểu nghề:** Học sinh tham gia các hoạt động thực hành đơn giản, tìm hiểu quy trình sản xuất, quan sát công việc tại cơ sở kinh doanh, làng nghề, trang trại hoặc đơn vị dịch vụ phù hợp với điều kiện địa phương.
- **Lớp 8 – Đối chiếu năng lực với yêu cầu nghề nghiệp:** Học sinh được hướng dẫn tìm hiểu các nhóm nghề, yêu cầu kiến thức và kỹ năng, điều kiện học tập, môi trường làm việc, cơ hội phát triển. Nhà trường phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tổ chức ngày hội tư vấn, tham quan và trải nghiệm có hướng dẫn.
- **Lớp 9 – Xây dựng kế hoạch học tập và lựa chọn hướng đi:** Học sinh tổng hợp kết quả tự đánh giá, kết quả học tập, nhận xét của giáo viên, ý kiến gia đình và thông tin về các lộ trình đào tạo. Trên cơ sở đó, cân nhắc giữa THPT, trung học nghề và các hướng đào tạo phù hợp khác theo quy định.

Với cách tiếp cận này, câu hỏi "Tôi sẽ là gì?" không còn là câu hỏi bất ngờ đặt ra ở cuối lớp 9, mà trở thành quá trình khám phá, trải nghiệm và điều chỉnh định hướng qua từng năm học.

3.3. Đánh giá năng lực học sinh dựa trên dữ liệu thực tế, không áp đặt định kiến

Năng lực của học sinh cần được xem xét từ nhiều nguồn thông tin: kết quả học tập, sản phẩm thực hành, khả năng giải quyết vấn đề, mức độ kiên trì, kỹ năng giao tiếp, khả năng hợp tác, ý thức kỷ luật, sở thích và mức độ tiến bộ qua thời gian.

Nhà trường có thể xây dựng hồ sơ hướng nghiệp cá nhân cho từng học sinh, bao gồm:

- Kết quả học tập và sự tiến bộ qua các năm học.
- Phiếu tự đánh giá sở thích, điểm mạnh và những kỹ năng cần cải thiện.
- Kết quả tham gia hoạt động trải nghiệm, dự án học tập và thực hành.
- Nhận xét của giáo viên trên cơ sở minh chứng cụ thể.
- Ý kiến của phụ huynh và những thông tin cần thiết về điều kiện học tập.
- Kết quả tìm hiểu nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và kế hoạch học tập sau THCS.

Kết quả đánh giá chỉ là căn cứ hỗ trợ tư vấn; quyết định cuối cùng cần tôn trọng nguyện vọng, quyền học tập và khả năng phát triển của người học.

Công nghệ thông tin có thể hỗ trợ việc thu thập, tổng hợp và theo dõi dữ liệu thông qua bảng tính, biểu mẫu trực tuyến hoặc hệ thống quản lý học sinh phù hợp với điều kiện của trường. Thông tin cá nhân phải được quản lý an toàn, chỉ sử dụng cho mục đích giáo dục và tư vấn phù hợp. Việc chia sẻ dữ liệu với bên ngoài cần tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư của học sinh.

3.4. Tăng cường phối hợp giữa trường THCS và cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Nhà trường cần chủ động thiết lập mối quan hệ hợp tác với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn và những khu vực lân cận. Hoạt động phối hợp nên được xây dựng thành kế hoạch thường xuyên, thay vì chỉ tổ chức vào thời điểm tuyển sinh.

Các nội dung phối hợp có thể bao gồm:

- Tổ chức ngày hội tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu chương trình đào tạo và điều kiện tuyển sinh.
- Tổ chức tham quan xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, khu sản xuất và môi trường học nghề.
- Mời giáo viên dạy nghề, kỹ thuật viên, người lao động và cựu học sinh giao lưu với học sinh THCS.
- Cung cấp thông tin minh bạch về học phí, học bổng, chính sách hỗ trợ, chuẩn đầu ra và điều kiện liên thông.
- Phối hợp theo dõi tình hình học tập, hoàn thành chương trình và việc làm của học sinh sau đào tạo.

Việc giới thiệu cơ sở đào tạo phải bảo đảm tính khách quan, không biến hoạt động hướng nghiệp thành hoạt động quảng bá tuyển sinh đơn thuần. Học sinh và phụ huynh cần có cơ hội tìm hiểu, so sánh nhiều lựa chọn để đưa ra quyết định phù hợp.

3.5. Gắn ngành nghề đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế của An Giang

Từ những lợi thế kinh tế của An Giang, có thể nghiên cứu xây dựng các nhóm ngành đào tạo gắn với thực tiễn địa phương như sau:

- **Nhóm nghề phục vụ nông nghiệp và thủy sản:** vận hành máy nông nghiệp, sửa chữa thiết bị, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, bảo quản và sơ chế nông sản, chế biến thực phẩm, kiểm soát chất lượng và ứng dụng công nghệ trong sản xuất.
- **Nhóm nghề phục vụ công nghiệp và kỹ thuật:** điện dân dụng, điện công nghiệp, cơ khí, sửa chữa ô tô – xe máy, vận hành thiết bị và bảo trì máy móc.
- **Nhóm nghề phục vụ du lịch và dịch vụ:** nghiệp vụ nhà hàng, lưu trú, chế biến món ăn, chăm sóc khách hàng, kỹ thuật dịch vụ và những nghề hỗ trợ hoạt động du lịch tại các địa bàn có nhu cầu.
- **Nhóm nghề thương mại, công nghệ và logistics:** bán hàng, quản lý kho, nghiệp vụ vận tải, ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử và các kỹ năng hỗ trợ kinh doanh.

Việc mở lớp, xác định chỉ tiêu và lựa chọn chương trình phải dựa trên dữ liệu thực tế, năng lực của cơ sở đào tạo và khả năng hợp tác với doanh nghiệp. Cần tránh tình trạng cơ sở đào tạo tuyển sinh theo khả năng tổ chức sẵn có, trong khi thị trường lao động không có nhu cầu tương ứng.

3.6. Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đào tạo và giải quyết việc làm

Doanh nghiệp không nên chỉ tham gia tuyển dụng sau khi học sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo. Sự tham gia của doanh nghiệp cần bắt đầu từ khâu khảo sát nhu cầu, tư vấn nghề nghiệp, góp ý chương trình và tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp phù hợp với lứa tuổi [7].

Các cơ sở đào tạo có thể phối hợp với doanh nghiệp để cập nhật thiết bị, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn kỹ năng và yêu cầu an toàn lao động. Nhà trường và cơ sở đào tạo cần khuyến khích doanh nghiệp tham gia đánh giá kỹ năng thực hành, hỗ trợ thiết bị, cung cấp học bổng hoặc tiếp nhận học viên thực tập theo quy định.

Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế theo dõi tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp. Các chỉ số như tỷ lệ hoàn thành chương trình, tỷ lệ có việc làm, mức độ phù hợp giữa công việc và nghề được đào tạo, khả năng duy trì việc làm và mức độ hài lòng của người sử dụng lao động sẽ giúp đánh giá chất lượng đào tạo khách quan hơn.

Những thông tin này phải được thu thập, tổng hợp và sử dụng để điều chỉnh chương trình đào tạo, thay vì chỉ dựa vào số lượng học sinh tuyển sinh hằng năm.

3.7. Tăng cường vai trò của chính quyền địa phương và sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội

Công tác phân luồng sau THCS sẽ khó đạt hiệu quả nếu chỉ giao trách nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm hoặc bộ phận tư vấn hướng nghiệp của nhà trường.

Chính quyền địa phương cần phối hợp với ngành giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các tổ chức liên quan để xác định nhu cầu nhân lực, cung cấp thông tin việc làm, kết nối doanh nghiệp và xem xét các chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Gia đình cần được xem là đối tác quan trọng trong quá trình hướng nghiệp. Cha mẹ nên lắng nghe nguyện vọng của con, tìm hiểu năng lực thực tế, cân nhắc điều kiện kinh tế và trao đổi với giáo viên trước khi đưa ra quyết định.

Sự đồng hành của gia đình giúp học sinh tránh tâm lý tự ti khi lựa chọn học nghề, đồng thời

tạo điều kiện để các em có trách nhiệm hơn với quyết định của bản thân.

Về phía nhà trường, cần bảo đảm tư vấn khách quan, không ép buộc học sinh theo chỉ tiêu phân luồng, không sử dụng kết quả học tập để áp đặt một hướng đi duy nhất và không xem việc học nghề là giải pháp dành riêng cho học sinh yếu.

4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để việc chú trọng phát triển trung học nghề ở An Giang đạt hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu hướng nghiệp, phân luồng giai đoạn 2026–2030 [8], tôi xin đề xuất một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, đối với cơ quan quản lý giáo dục: Cần hướng dẫn các trường THCS xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp theo lộ trình, tăng cường tập huấn kỹ năng tư vấn cho giáo viên và cung cấp nguồn thông tin cập nhật về cơ sở đào tạo, ngành nghề, điều kiện tuyển sinh và cơ hội học tiếp.

Thứ hai, đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Cần công khai chương trình, điều kiện học tập, chuẩn đầu ra, văn bằng và thông tin việc làm; nâng cao chất lượng thực hành, đầu tư thiết bị phù hợp và tăng cường hợp tác với doanh nghiệp. Việc tuyển sinh phải gắn với trách nhiệm bảo đảm chất lượng đào tạo.

Thứ ba, đối với chính quyền địa phương: Cần phối hợp khảo sát nhu cầu nhân lực theo từng lĩnh vực, kết nối cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và khuyến khích phát triển các chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn.

Thứ tư, đối với doanh nghiệp: Cần chủ động tham gia tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp, góp ý chương trình đào tạo và tạo cơ hội thực tập, tuyển dụng phù hợp. Thông tin tuyển dụng cần được cung cấp trung thực, rõ ràng về yêu cầu công việc, điều kiện làm việc và quyền lợi của người lao động.

Thứ năm, đối với gia đình và học sinh: Phụ huynh cần thay đổi cách nhìn nhận về học nghề, tôn trọng sự khác biệt về năng lực và sở thích của con em. Học sinh cần chủ động khám phá bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng và chịu trách nhiệm với lựa chọn của mình.

Thứ sáu, nghiên cứu triển khai thí điểm một số mô hình phối hợp giữa trường THCS, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tại những địa bàn có điều kiện phù hợp. Sau thời gian thực hiện, cần tổng kết bằng dữ liệu cụ thể, đánh giá ưu điểm, hạn chế và khả năng nhân rộng trước khi triển khai trên phạm vi rộng hơn.

5. KẾT LUẬN

Phát triển trung học nghề ở An Giang cần được đặt trong tổng thể đổi mới công tác hướng nghiệp và phân luồng sau THCS, lấy người học làm trung tâm, lấy chất lượng đào tạo và nhu cầu phát triển địa phương làm căn cứ. Muốn đạt hiệu quả, cần giúp học sinh khám phá bản thân từ sớm, được trải nghiệm nghề nghiệp thực tế, tiếp cận thông tin minh bạch và nhận được sự đồng hành của gia đình, nhà trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Phân luồng thành công không được đo đơn thuần bằng số học sinh chọn học nghề, mà bằng mức độ phù hợp của lựa chọn, khả năng duy trì học tập, năng lực nghề nghiệp được hình thành và triển vọng phát triển lâu dài của mỗi em. Mỗi học sinh cần có cơ hội lựa chọn con đường phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện của mình; mỗi con đường học tập chân chính đều cần được tôn trọng và

bảo đảm chất lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018*.
3. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
4. Quốc hội (2025). *Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10/12/2025*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 75/2026/TT-BGDĐT ngày 04/9/2026 ban hành Quy định kiến thức chương trình trung học phổ thông trong chương trình giáo dục trung học nghề*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 77/2026/TT-BGDĐT ngày 25/9/2026 ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp*.
7. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
8. Ban Tổ chức Hội thảo khoa học (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.

PHẦN V

TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH – CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP – DOANH NGHIỆP

Cơ chế phối hợp nhà trường – học sinh, cha mẹ học sinh – cơ sở giáo dục nghề nghiệp – doanh nghiệp – việc làm; doanh nghiệp tham gia tư vấn nghề nghiệp, cung cấp thông tin vị trí việc làm, tổ chức trải nghiệm, thực hành nghề, hỗ trợ thực tập và tuyển dụng; vai trò của gia đình và chính quyền cơ sở.

CÁC BÀI THAM LUẬN TRONG PHẦN NÀY

56. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ GẮN VỚI NHU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026–2030 — 424
Lâm Thu Quỳnh

57. VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GẮN VỚI XU HƯỚNG TRUNG HỌC NGHỀ GIAI ĐOẠN 2026–2030 — 432
Diệp Quốc Phục

58. VAI TRÒ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH THPT TẠI TỈNH AN GIANG — 440
Nguyễn Thị Nhã Phương, Nguyễn Chí Thức, Đỗ Vương Quốc

59. PHÁT HUY HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP GẮN VỚI CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀ QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ AN GIANG — 447
Nguyễn Ngọc Thiều

60. PHÁT HUY NGUỒN LỰC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI TỈNH AN GIANG — 454
Quách Thị Hải Yến

61. VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG HƯỚNG NGHIỆP: GIẢI PHÁP PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH TRONG PHÂN LUỒNG, ĐỒNG HÀNH CÙNG HỌC SINH TRONG LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 1 — 460
Nguyễn Thanh Tùng, Trần Thị Kim Phụng

62. GIẢI PHÁP PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH TRONG PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT PHÚ QUỐC GIAI ĐOẠN 2026–2030 — 470
Nguyễn Ngọc Toàn

63. VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN "ĐỒNG HÀNH CÙNG HỌC SINH TRONG LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP" TẠI TRƯỜNG THCS&THPT HÒA HƯNG 477
Cao Hoàng Em

64. VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG CÔNG TÁC TƯ VẤN, HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 485
Trần Thị Xuân Thùy

65. PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH, CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ DOANH NGHIỆP TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU THCS TẠI AN GIANG 490
Nguyễn Thị Yến

66. TỪ THẤU HIỂU ĐẾN ĐỒNG HÀNH: VAI TRÒ CỦA CHA MẸ TRONG HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ 497
Vũ Thị Thanh Nhàn

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ GẮN VỚI NHU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026–2030

Lâm Thu Quỳnh

Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, tỉnh An Giang

Email: ltquynh.tanhoi@gangiang.gov.vn

Tóm tắt: *Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở có vai trò quan trọng đối với lộ trình học tập và chất lượng nguồn nhân lực. Từ thực tiễn phụ trách giáo dục tại xã Tân Hội, tham luận đánh giá kết quả phân luồng học sinh năm học 2025–2026 (375 học sinh lớp 9, trong đó 84% tiếp tục học THPT, 11,73% học nghề và 4,26% nghỉ học), làm rõ những khó khăn về điều kiện kinh tế, nhận thức nghề nghiệp và cơ hội tiếp tục học tập. Bài viết đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của chính quyền cấp xã: tăng cường phối hợp giữa chính quyền, nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; đẩy mạnh tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp; hỗ trợ học sinh khó khăn và nâng cao hiệu quả theo dõi phân luồng giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng sau THCS; chính quyền cấp xã; phối hợp liên ngành; học sinh có hoàn cảnh khó khăn*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh là một nội dung quan trọng của giáo dục phổ thông [1], [2], góp phần hình thành năng lực lựa chọn nghề nghiệp, định hướng học tập và chuẩn bị cho học sinh tham gia thị trường lao động trong tương lai. Việc lựa chọn lộ trình học tập phù hợp không chỉ ảnh hưởng đến quá trình phát triển của mỗi cá nhân mà còn liên quan trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực, cơ cấu lao động và khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Sau khi hoàn thành chương trình trung học cơ sở (THCS), học sinh đứng trước nhiều lựa chọn như tiếp tục học trung học phổ thông (THPT), tham gia học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên hoặc lựa chọn những hướng đi khác phù hợp với điều kiện, nguyện vọng của bản thân [3]. Mỗi lộ trình đều có những yêu cầu, điều kiện và cơ hội phát triển riêng. Vì vậy, công tác hướng nghiệp cần giúp học sinh nhận thức đúng về năng lực, sở trường, sở thích và nguyện vọng của bản thân; đồng thời tiếp cận thông tin đầy đủ về chương trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh, chi phí học tập, cơ hội việc làm và khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

Thực tiễn cho thấy, việc lựa chọn lộ trình sau THCS chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó có nhận thức của học sinh và cha mẹ học sinh, điều kiện kinh tế gia đình, năng lực học tập, khả năng tiếp cận thông tin nghề nghiệp và nhu cầu sử dụng lao động. Đối với một số gia đình ở khu vực nông thôn, khó khăn về kinh tế có thể khiến học sinh có xu hướng tham gia lao động sớm để

phụ giúp gia đình. Bên cạnh đó, nếu hoạt động hướng nghiệp chưa cung cấp đầy đủ thông tin và cơ hội trải nghiệm thực tế, học sinh có thể gặp khó khăn trong việc xác định hướng đi phù hợp sau khi tốt nghiệp THCS.

Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, chính quyền cấp xã có vai trò quan trọng trong công tác quản lý nhà nước tại địa bàn, tuyên truyền, vận động người dân, phối hợp với các cơ sở giáo dục và huy động nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục. Với lợi thế gần dân, sát cơ sở, chính quyền cấp xã có điều kiện nắm bắt hoàn cảnh gia đình, phối hợp hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập và kết nối các lực lượng tham gia công tác hướng nghiệp, phân luồng.

Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục là cơ sở quan trọng để triển khai đồng bộ các hoạt động này [4]. Cơ sở giáo dục phổ thông chủ trì tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho học sinh; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ. Điều này đặt ra yêu cầu chính quyền cấp xã cần phát huy vai trò phối hợp, kết nối và hỗ trợ thực hiện, bảo đảm đúng thẩm quyền, không thay thế nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường.

Từ yêu cầu thực tiễn và kết quả công tác giáo dục tại địa phương, việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của chính quyền cấp xã trong công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS có ý nghĩa thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tạo cơ hội phát triển cho học sinh và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2026–2030.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU THCS TẠI XÃ TÂN HỘI

2.1. Kết quả phân luồng học sinh sau THCS năm học 2025–2026

Năm học 2025–2026, xã Tân Hội có 375 học sinh lớp 9; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%. Sau khi hoàn thành chương trình THCS, học sinh lựa chọn các lộ trình học tập và phát triển khác nhau. Số liệu tổng hợp của địa phương được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1

Kết quả phân luồng học sinh sau THCS năm học 2025–2026 tại xã Tân Hội

Nội dung	Số học sinh	Tỷ lệ
Tổng số học sinh lớp 9	375	100%
Tốt nghiệp THCS	375	100%
Tiếp tục học THPT	315	84,00%
Học nghề	44	11,73%
Nghỉ học	16	4,26%

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội.

Kết quả trên cho thấy, tỷ lệ học sinh tiếp tục học THPT đạt 84%, chiếm phần lớn tổng số học sinh lớp 9. Bên cạnh đó, có 44 học sinh lựa chọn học nghề, chiếm 11,73%; 16 học sinh nghỉ học, chiếm 4,26%.

Những số liệu này phản ánh sự khác nhau trong lựa chọn lộ trình sau THCS, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng tư vấn hướng nghiệp, bảo đảm học sinh được cung cấp thông tin đầy đủ và có điều kiện lựa chọn phù hợp với năng lực, nguyện vọng và hoàn cảnh gia đình.

Đối với nhóm học sinh lựa chọn học nghề, cần tiếp tục quan tâm đến khả năng tiếp cận thông tin tuyển sinh, chất lượng đào tạo, chi phí học tập, cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ. Đối với nhóm học sinh nghỉ học, cần tìm hiểu nguyên nhân cụ thể để có giải pháp vận động, hỗ trợ phù hợp, hạn chế nguy cơ các em tham gia lao động sớm khi chưa có đủ điều kiện và kỹ năng cần thiết.

Từ thực tiễn này, công tác hướng nghiệp và phân luồng tại địa phương cần được nhìn nhận theo hướng toàn diện. Mục tiêu không chỉ là duy trì tỷ lệ học sinh tiếp tục học THPT mà còn là giúp mỗi học sinh có cơ hội tiếp tục học tập, đào tạo nghề, phát triển năng lực và từng bước hình thành khả năng tự chủ trong cuộc sống.

2.2. Những khó khăn, hạn chế và vấn đề đặt ra

Thứ nhất, điều kiện kinh tế của một bộ phận gia đình còn khó khăn. Đối với một số hộ gia đình ở khu vực nông thôn, nhu cầu lao động và tạo thu nhập có thể ảnh hưởng đến quyết định tiếp tục học tập của con em. Một số học sinh có xu hướng tham gia lao động sớm để phụ giúp gia đình, từ đó làm tăng nguy cơ gián đoạn quá trình học tập và hạn chế cơ hội tiếp cận các chương trình đào tạo nghề có hệ thống.

Thứ hai, năng lực học tập và nguyện vọng của học sinh không đồng đều. Một số học sinh có kết quả học tập còn hạn chế hoặc không có nguyện vọng tiếp tục học THPT. Nếu thiếu sự tư vấn phù hợp, các em có thể gặp khó khăn trong việc lựa chọn hướng đi tiếp theo, chưa xác định được ngành nghề phù hợp hoặc chưa nhận thức đầy đủ về cơ hội học tập, đào tạo nghề và phát triển nghề nghiệp.

Thứ ba, nhu cầu cung cấp thông tin nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế cần được quan tâm thường xuyên. Học sinh cần được tiếp cận thông tin đáng tin cậy về ngành nghề, điều kiện đào tạo, yêu cầu kỹ năng, chi phí học tập, cơ hội việc làm và khả năng học tập liên thông. Nếu chỉ tiếp nhận thông tin qua những buổi tuyên truyền chung, học sinh có thể chưa hình dung đầy đủ về môi trường học nghề, yêu cầu công việc và triển vọng phát triển của từng lựa chọn [5].

Thứ tư, việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các lực lượng xã hội cần tiếp tục được tăng cường. Nhà trường giữ vai trò chủ trì hoạt động hướng nghiệp trong cơ sở giáo dục trung học; tuy nhiên, để học sinh có thêm cơ hội tìm hiểu nghề nghiệp, cần có sự phối hợp của cha mẹ học sinh, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và chính quyền địa phương.

Thứ năm, cần quan tâm theo dõi tình hình học tập của học sinh sau khi tốt nghiệp THCS. Số liệu thống kê về lựa chọn lộ trình ban đầu là cơ sở cần thiết, nhưng chưa phản ánh đầy đủ việc học sinh có tiếp tục theo học, duy trì được lộ trình đã chọn hay có gặp khó khăn cần hỗ trợ hay không. Đặc biệt, nhóm học sinh nghỉ học cần được rà soát, tìm hiểu nguyên nhân và hỗ trợ phù hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Những vấn đề trên cho thấy công tác hướng nghiệp và phân luồng cần được triển khai như một quá trình liên tục, có sự phối hợp giữa các chủ thể, thay vì chỉ tập trung vào thời điểm học sinh

chuẩn bị tốt nghiệp THCS.

2.3. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

Những khó khăn trong công tác hướng nghiệp và phân luồng xuất phát từ nhiều yếu tố, trong đó có điều kiện kinh tế gia đình, đặc điểm năng lực và nguyện vọng của học sinh, khả năng tiếp cận thông tin và sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục.

Về phía gia đình, điều kiện kinh tế có thể ảnh hưởng đến khả năng đầu tư cho học tập và quyết định tiếp tục học của học sinh. Một số phụ huynh mong muốn con sớm tham gia lao động để chia sẻ khó khăn với gia đình, trong khi chưa có đầy đủ thông tin về các chương trình đào tạo nghề, chính sách hỗ trợ và cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Về phía học sinh, ở lứa tuổi THCS, khả năng tự nhận thức, đánh giá sở trường, lựa chọn nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch học tập còn cần được hình thành qua quá trình giáo dục và trải nghiệm. Một số em chưa xác định rõ nguyện vọng hoặc chưa có đủ thông tin để đưa ra lựa chọn phù hợp.

Về công tác tổ chức, hướng nghiệp đòi hỏi sự phối hợp thường xuyên giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan. Việc kết nối thông tin, tổ chức trải nghiệm và hỗ trợ học sinh cần có kế hoạch, đầu mối phối hợp và điều kiện bảo đảm phù hợp.

Từ những nguyên nhân trên, cần triển khai các giải pháp đồng bộ, tập trung vào nâng cao nhận thức, tư vấn sớm, tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và nâng cao hiệu quả theo dõi kết quả phân luồng.

3. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2026–2030

3.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm phối hợp trong công tác hướng nghiệp, phân luồng

Ủy ban nhân dân (UBND) xã cần phối hợp với các cơ sở giáo dục, tổ chức chính trị – xã hội, Hội Khuyến học và các đơn vị liên quan tăng cường tuyên truyền về ý nghĩa, mục tiêu của giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS. Nội dung tuyên truyền cần làm rõ quyền lựa chọn lộ trình học tập của học sinh; giá trị của việc học tập, đào tạo nghề; cơ hội phát triển nghề nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động.

Cần đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ tiếp cận và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đối với học sinh, chú trọng giúp các em hiểu bản thân, khám phá sở thích, năng lực và chủ động tìm hiểu nghề nghiệp. Đối với cha mẹ học sinh, cần cung cấp thông tin đầy đủ về các lộ trình học tập, điều kiện tuyển sinh, chi phí, chính sách hỗ trợ, cơ hội việc làm và khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

Đồng thời, cần xác định rõ vai trò của từng chủ thể. Cơ sở giáo dục phổ thông chủ trì tổ chức hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp phối hợp cung cấp thông tin, tổ chức trải nghiệm; gia đình đồng hành với học sinh trong quá trình lựa chọn; chính quyền cấp xã thực hiện vai trò quản lý, tuyên truyền, kết nối và hỗ trợ phối hợp tại địa phương theo thẩm quyền.

Việc phân định trách nhiệm rõ ràng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp, hạn chế tình

trạng triển khai hình thức hoặc chỉ tập trung vào thời điểm tuyển sinh cuối cấp.

3.2. Tổ chức tư vấn hướng nghiệp sớm, phù hợp với năng lực và nguyện vọng của học sinh

Công tác hướng nghiệp cần được triển khai thường xuyên trong quá trình học tập ở cấp THCS, không chỉ thực hiện khi học sinh chuẩn bị tốt nghiệp lớp 9. UBND xã phối hợp với các cơ sở giáo dục quan tâm hỗ trợ hoạt động tư vấn hướng nghiệp, nhất là đối với học sinh lớp 8, lớp 9 và những em có nguy cơ không tiếp tục học tập sau tốt nghiệp.

Nhà trường cần tăng cường hoạt động giúp học sinh tự nhận thức về năng lực, sở thích, nguyện vọng và điều kiện cá nhân; cung cấp thông tin về các lộ trình học tập, đào tạo nghề và cơ hội phát triển nghề nghiệp. Hoạt động tư vấn cần tránh áp đặt lựa chọn, không định hướng học sinh vào một lộ trình chỉ nhằm đạt chỉ tiêu tuyển sinh mà phải bảo đảm phù hợp với năng lực và nguyện vọng thực tế.

Đối với học sinh có học lực còn hạn chế hoặc chưa có nguyện vọng tiếp tục học THPT, cần tăng cường tư vấn cá nhân, trao đổi với cha mẹ học sinh và giới thiệu các lựa chọn phù hợp. Nội dung tư vấn cần giúp các em hiểu rằng việc lựa chọn học nghề hoặc một lộ trình khác không đồng nghĩa với việc chấm dứt cơ hội học tập, mà cần được xem xét trên cơ sở chương trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh và khả năng phát triển trong tương lai.

3.3. Tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp

UBND xã phát huy vai trò kết nối tại địa phương, phối hợp với các cơ sở giáo dục phổ thông để liên hệ, trao đổi với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp có điều kiện phối hợp.

Các hoạt động cần tập trung vào cung cấp thông tin tuyển sinh, giới thiệu ngành nghề đào tạo, điều kiện học tập, thời gian đào tạo, chi phí, chính sách hỗ trợ, cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ. Trên cơ sở điều kiện thực tế, có thể phối hợp tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh, ngày hội hướng nghiệp, giao lưu với người lao động hoặc tham quan cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Đối với doanh nghiệp, cần khuyến khích sự tham gia trên tinh thần phối hợp, tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật [6]. Thông tin cung cấp cho học sinh phải khách quan, có nguồn xác thực, không quảng bá một chiều hoặc cam kết về việc làm, thu nhập khi chưa có căn cứ.

Việc phối hợp cần được thực hiện theo kế hoạch, có đầu mối liên hệ và đánh giá kết quả. Qua đó, học sinh có thêm điều kiện tìm hiểu nghề nghiệp thực tế, phụ huynh có cơ sở để cân nhắc các lựa chọn và nhà trường nâng cao chất lượng hoạt động hướng nghiệp.

3.4. Quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập

Đối với những học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xu hướng tham gia lao động sớm hoặc chưa xác định được hướng đi sau tốt nghiệp THCS, UBND xã phối hợp với nhà trường rà soát, nắm bắt tình hình và tìm hiểu nguyên nhân cụ thể để có giải pháp hỗ trợ phù hợp.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực được giao, địa phương phối hợp hướng dẫn gia

đình tiếp cận các chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo nghề và an sinh xã hội theo quy định; đồng thời huy động các nguồn lực xã hội hợp pháp để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục học tập.

Việc hỗ trợ cần bảo đảm tính nhân văn, tôn trọng nguyện vọng của học sinh và gia đình, hướng đến mục tiêu giúp các em có cơ hội phát triển năng lực, trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết cho cuộc sống.

3.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong cung cấp thông tin hướng nghiệp

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin có thể góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thông tin nghề nghiệp cho học sinh và phụ huynh. UBND xã phối hợp với các cơ sở giáo dục phổ biến các nguồn thông tin chính thống về tuyển sinh, ngành nghề đào tạo, chính sách hỗ trợ và cơ hội việc làm thông qua các kênh thông tin phù hợp.

Nhà trường có thể hướng dẫn học sinh sử dụng các công cụ tìm hiểu sở thích nghề nghiệp, tra cứu thông tin tuyển sinh và so sánh các lộ trình đào tạo. Các công cụ trực tuyến và trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ cung cấp thông tin tham khảo, nhưng không thay thế vai trò tư vấn của giáo viên, chuyên gia và gia đình.

Thông tin được cung cấp phải bảo đảm tính chính xác, có nguồn kiểm chứng và được cập nhật phù hợp. Việc thu thập, sử dụng dữ liệu học sinh phục vụ tư vấn và theo dõi lộ trình học tập phải đúng mục đích, phạm vi và quy định về bảo vệ thông tin cá nhân.

Đối với cấp xã, cần ưu tiên giải pháp đơn giản, tiết kiệm, tận dụng nền tảng sẵn có và phù hợp với điều kiện tiếp cận công nghệ của người dân; tránh đầu tư hình thức hoặc xây dựng hệ thống riêng khi chưa có nhu cầu và nguồn lực cần thiết.

3.6. Nâng cao hiệu quả theo dõi, đánh giá kết quả phân luồng

UBND xã phối hợp với các cơ sở giáo dục tổng hợp, phân tích số liệu học sinh tốt nghiệp THCS và tình hình lựa chọn lộ trình sau tốt nghiệp; xác định rõ các nhóm học sinh, nhu cầu tư vấn và những trường hợp cần hỗ trợ.

Việc đánh giá cần dựa trên số liệu có căn cứ, thống nhất về thời điểm thống kê, nhóm đối tượng và cách tính tỷ lệ. Bên cạnh số học sinh tiếp tục học THPT, học nghề hoặc lựa chọn lộ trình khác, cần quan tâm đến mức độ tham gia hoạt động tư vấn, số hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, khả năng tiếp cận thông tin và phản hồi của học sinh, phụ huynh.

Đối với nhóm học sinh nghỉ học, cần phối hợp rà soát nguyên nhân và tình hình thực tế để có giải pháp hỗ trợ phù hợp. Đối với học sinh lựa chọn học nghề, cần quan tâm đến khả năng tiếp tục học tập và tiếp cận các cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Kết quả theo dõi cần được sử dụng để điều chỉnh nội dung tuyên truyền, nâng cao chất lượng tư vấn và tăng cường phối hợp giữa các bên. Cần tránh đánh giá hiệu quả hướng nghiệp chỉ bằng tỷ lệ học sinh vào THPT hoặc số lượng hoạt động đã tổ chức. Mục tiêu cuối cùng là giúp học sinh lựa chọn lộ trình phù hợp, có cơ hội tiếp tục học tập và phát triển năng lực nghề nghiệp.

4. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

4.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thống nhất các quy định về hướng nghiệp và phân luồng; cung cấp tài liệu, công cụ tư vấn và thông tin tuyển sinh chính thống; tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ thực hiện công tác hướng nghiệp; hướng dẫn phương pháp thống kê, theo dõi và đánh giá kết quả phân luồng phù hợp với yêu cầu quản lý.

4.2. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung tâm giáo dục thường xuyên

Tăng cường phối hợp với các trường phổ thông và chính quyền địa phương trong việc cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh, chi phí, chính sách hỗ trợ, cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ; đa dạng hóa hình thức tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp phù hợp với học sinh THCS.

4.3. Đối với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội

Tạo điều kiện để học sinh tìm hiểu nghề nghiệp, môi trường làm việc và yêu cầu kỹ năng; phối hợp cung cấp thông tin thực tế về nhu cầu tuyển dụng và xu hướng nghề nghiệp; tham gia hỗ trợ hoạt động hướng nghiệp trên cơ sở tự nguyện, phù hợp chức năng và quy định pháp luật.

4.4. Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường; tăng cường tư vấn theo năng lực, sở thích và nguyện vọng của học sinh; phối hợp chặt chẽ với gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị liên quan; thực hiện thống kê, theo dõi tình hình học sinh sau tốt nghiệp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý.

5. KẾT LUẬN

Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS là nhiệm vụ có ý nghĩa lâu dài đối với sự phát triển của mỗi cá nhân và chất lượng nguồn nhân lực địa phương. Kết quả năm học 2025–2026 tại xã Tân Hội cho thấy, trong tổng số 375 học sinh lớp 9, có 315 em tiếp tục học THPT, 44 em học nghề và 16 em nghỉ học. Những số liệu này vừa phản ánh kết quả lựa chọn lộ trình học tập của học sinh, vừa đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và quan tâm đến những trường hợp chưa tiếp tục học tập.

Để công tác này đạt hiệu quả, cần chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu dựa vào tuyên truyền sang quá trình hướng nghiệp có hệ thống, gắn với trải nghiệm thực tiễn, thông tin nghề nghiệp đáng tin cậy và sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và chính quyền địa phương.

Trong quá trình đó, chính quyền cấp xã cần phát huy vai trò quản lý, tuyên truyền, kết nối nguồn lực và hỗ trợ phối hợp tại cơ sở; đồng thời bảo đảm các cơ sở giáo dục phổ thông giữ vai trò chủ trì tổ chức hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường theo quy định. Việc triển khai các giải pháp cần xuất phát từ điều kiện thực tế, có phân công trách nhiệm rõ ràng và được theo dõi, đánh giá thường xuyên.

Giai đoạn 2026–2030 cần được xác định là giai đoạn nâng cao chất lượng và tính thực chất

của công tác hướng nghiệp, phân luồng; lấy sự phù hợp của lựa chọn học tập, khả năng tiếp tục học tập và cơ hội phát triển nghề nghiệp của học sinh làm mục tiêu quan trọng. Khi mỗi học sinh được cung cấp thông tin đầy đủ, được trải nghiệm nghề nghiệp và được đồng hành trong quá trình lựa chọn, công tác hướng nghiệp và phân luồng sẽ góp phần thiết thực vào việc phát triển nguồn nhân lực, xây dựng xã hội học tập và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
3. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
5. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
6. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GẮN VỚI XU HƯỚNG TRUNG HỌC NGHỀ GIAI ĐOẠN 2026–2030

Diệp Quốc Phục

Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang, tỉnh An Giang

Email: dqphuc@caodangnghekg.edu.vn

Tóm tắt: *Khi "trung học nghề" được luật hóa tại Luật Giáo dục sửa đổi năm 2025 và Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT, công tác phân luồng cần chuyển từ mệnh lệnh hành chính sang hệ sinh thái liên kết Nhà nước – nhà trường – doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp đồng hành xây dựng chương trình và nơi thực hành. Bài viết phân tích thực trạng phân luồng, các rào cản về ưu đãi thuế, an toàn lao động cho người chưa thành niên, định kiến xã hội và cơ chế hợp tác cùng có lợi với Đoàn Thanh niên, Hội Khuyến học, Hiệp hội Doanh nghiệp. Từ đó, bài viết đề xuất năm nhóm giải pháp giai đoạn 2026–2030: hoàn thiện thể chế tài chính và an toàn học đường, đào tạo song hành, phát huy tổ chức xã hội, đổi mới quản trị nhà trường và ứng dụng công nghệ số kết nối cung – cầu nhân lực.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; trung học nghề; liên kết nhà trường – doanh nghiệp; tổ chức xã hội*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) là chủ trương chiến lược xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Điều này một lần nữa được khẳng định tại Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng [1] và được cụ thể hóa tại Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [2]. Bước sang giai đoạn phát triển mới, yêu cầu này tiếp tục được nâng tầm đột phá tại Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [3] và tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia [4]. Việc Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2025, trong đó chính thức đưa "Trung học nghề" vào định nghĩa pháp lý của hệ thống phân luồng quốc gia, cũng là dấu mốc quan trọng [5], [6].

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp, tạo điều kiện để học sinh sau khi hoàn thành chương trình giáo dục THCS, THPT, trung học nghề và tương đương tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, sở thích, nguyện vọng, điều kiện của cá nhân và nhu cầu của xã hội [7]. Quy định này tạo lập hành lang pháp lý vững chắc để triển khai mô hình trung học nghề tích hợp giữa khối lượng kiến thức văn hóa THPT cốt lõi theo Thông tư số 15/2022/TT-BGDĐT [8] và chuẩn đầu ra kỹ năng nghề quốc gia, giúp thanh thiếu niên ở độ tuổi 18 đến 19 sẵn sàng lập thân, lập

nghiệp hoặc liên thông học tập suốt đời.

Tuy nhiên, mô hình trung học nghề sẽ khó đạt hiệu quả nếu chỉ khép kín trong không gian nhà trường. Xu thế hội nhập và kinh tế số đòi hỏi có sự tham gia của doanh nghiệp với vai trò một chủ thể quan trọng trong hệ sinh thái hướng nghiệp, phân luồng. Bên cạnh đó, các tổ chức chính trị – xã hội và xã hội – nghề nghiệp như Đoàn Thanh niên Cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh, Hội Khuyến học và Hiệp hội Doanh nghiệp cần giữ vai trò cầu nối quan trọng giúp tháo gỡ định kiến xã hội, bảo trợ an sinh và hỗ trợ pháp lý cho học sinh. Vì vậy, việc nghiên cứu cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp cùng các tổ chức xã hội trong hướng nghiệp, phân luồng là yêu cầu cấp thiết cho giai đoạn 2026–2030.

2. THỰC TRẠNG PHÂN LUỒNG VÀ SỰ THAM GIA CỦA DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI

2.1. Bức tranh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở

Những năm qua, công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh đã đạt được các kết quả bước đầu khi mạng lưới trường THCS trên cả nước đều xây dựng kế hoạch hướng nghiệp và phân công cán bộ, giáo viên phụ trách tư vấn [9]. Tuy nhiên, công tác hướng nghiệp, phân luồng sau cấp THCS trên quy mô toàn quốc vẫn bộc lộ sự mất cân đối nghiêm trọng. Luồng học thuật truyền thống hiện vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo, từ 70% đến 73% tổng số học sinh tốt nghiệp THCS; điều này vô hình trung tạo áp lực lớn lên các kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT công lập và tiếp tục học lên đại học hàn lâm. Trong khi đó, luồng giáo dục nghề nghiệp (GDNN) chỉ mới tiếp nhận khoảng 20% đến 22% học sinh, cách rất xa mục tiêu tối thiểu 40% đến 45% đặt ra trong Đề án 522 và Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp [2], [10].

Sự mất cân đối này rất dễ dẫn đến tình trạng thừa thầy, thiếu thợ trên thị trường lao động. Tỷ lệ người lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ nhìn chung vẫn còn thấp. Đáng chú ý, chất lượng đào tạo ở nhiều lĩnh vực chưa đáp ứng tốt nhu cầu tuyển dụng thực tế của doanh nghiệp. Hệ quả là trong khi một bộ phận lớn người tốt nghiệp bậc học cao đối mặt với nguy cơ thất nghiệp hoặc làm trái ngành, thì các doanh nghiệp thuộc nhiều ngành kinh tế quan trọng lại liên tục gặp khó khăn do thiếu hụt lực lượng lao động kỹ thuật trực tiếp có tay nghề vững và tác phong công nghiệp.

2.2. Nhận diện sự tham gia của doanh nghiệp và tổ chức xã hội

Trong thời gian qua, có thể thấy rằng sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong công tác hướng nghiệp, mặc dù được các bên liên quan tích cực thực hiện, hiện nay vẫn còn nhiều khoảng trống [11]. Phần lớn doanh nghiệp mới dừng lại ở việc tiếp nhận học sinh đến thực tập đơn thuần, nhiều doanh nghiệp chưa sẵn sàng tham gia thiết kế, xây dựng chương trình giảng dạy, và hầu như chưa có doanh nghiệp nào cử cán bộ kỹ thuật tham gia giảng dạy tại nhà trường. Đối với cấp trung học, sự hiện diện của doanh nghiệp đa phần chỉ thu hẹp ở các khoản tài trợ học bổng hoặc tiếp nhận những chuyến tham quan nhà máy, xí nghiệp mang tính hình thức, chưa hỗ trợ nơi thực hành kỹ năng cho học sinh.

Ở khối các tổ chức xã hội, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Khuyến học đã có nhiều phong trào đồng hành cùng thanh thiếu niên như ngày hội tư vấn mùa thi, diễn đàn khởi nghiệp và trao

học bổng cho học sinh nghèo hiếu học. Tuy nhiên, các hoạt động này phần lớn diễn ra theo từng thời điểm cao điểm cuối năm học, thiếu tính liên tục và hệ thống. Mạng lưới hiệp hội doanh nghiệp tại nhiều địa phương cũng chưa phát huy hết vai trò cầu nối thông tin thị trường lao động để phối hợp chặt chẽ với ngành Giáo dục định hướng nghề nghiệp dài hạn cho học sinh.

2.3. Các rào cản thể chế cốt lõi cần giải quyết

Những hạn chế và khoảng trống kể trên trong mối liên kết ba bên xuất phát từ các rào cản thể chế và nhận thức chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, việc thực thi chính sách ưu đãi tài chính và thuế của Nhà nước đối với doanh nghiệp khi tham gia đào tạo còn gặp độ trễ và vướng mắc trong khâu triển khai thực tế. Mặc dù Chính phủ và Quốc hội đã ban hành khung pháp lý cởi mở nhằm khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào giáo dục nghề nghiệp, tiêu biểu như Luật Giáo dục nghề nghiệp cùng các quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp đã cho phép doanh nghiệp được hạch toán các khoản chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tay nghề, tiếp nhận học sinh – sinh viên thực tập và tiền lương trả cho người học vào chi phí hợp lý được trừ khi xác định nghĩa vụ thuế [12], [13]. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vẫn chưa tiếp cận hoặc chưa tận dụng hết các chính sách hỗ trợ ưu đãi này do thiếu thông tin hướng dẫn liên ngành chi tiết về hồ sơ, quy trình chứng từ quyết toán. Tình trạng này khiến không ít đơn vị còn e dè, chưa mạnh dạn đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất hay mở rộng tiếp nhận học sinh, sinh viên đến trải nghiệm. Những lý do trên vô hình trung làm giảm hiệu quả lan tỏa của các chính sách khuyến khích rất nhân văn và đột phá mà Nhà nước đã ban hành.

Thứ hai, khung pháp lý về an toàn và bảo hiểm lao động cho học sinh chưa thành niên vẫn còn những khoảng trống lớn. Học sinh THCS và có thể là trung học nghề sau này đều nằm trong độ tuổi 15 đến dưới 18. Đây là những đối tượng được quản lý chặt chẽ theo Bộ luật Lao động. Do ngần ngại trước các rủi ro về tai nạn lao động và nguy cơ bị xử phạt hành chính, nhiều doanh nghiệp còn e ngại khi mở cửa phân xưởng hay dây chuyền sản xuất cho học sinh trải nghiệm. Đồng thời, việc thiếu nguồn kinh phí chi trả bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp ngoại khóa cũng tạo ra tâm lý lo ngại trách nhiệm đối với đội ngũ quản lý nhà trường.

Thứ ba, mặc dù các ngành, các cấp và nhà trường đã ra sức tuyên truyền, định kiến xã hội đối với giáo dục nghề nghiệp cùng hạn chế về năng lực tư vấn học đường đang là trở ngại không nhỏ. Tâm lý khoa cử trọng bằng cấp đại học khiến nhiều phụ huynh coi học nghề chỉ là lựa chọn phụ dành cho học sinh có năng lực học tập yếu kém. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên phụ trách công tác hướng nghiệp tại các trường trung học hiện nay chủ yếu làm công tác kiêm nhiệm, thiếu trải nghiệm thực tế về công nghệ công nghiệp và dự báo thị trường lao động [14], dẫn đến nội dung tư vấn còn mang nặng tính lý thuyết và thiếu thực tiễn.

3. BẢN CHẤT HỢP TÁC ĐÔI BÊN CÙNG CÓ LỢI (WIN-WIN) VÀ DOANH NGHIỆP LÀ CHỦ THỂ HƯỚNG NGHIỆP

Để công tác hướng nghiệp, phân luồng đi vào thực chất, việc tiếp cận cơ sở lý luận hiện đại là yêu cầu tất yếu. Lý thuyết mô hình ba nhà gồm Nhà nước, Nhà trường và Doanh nghiệp khẳng định sự tương tác giữa ba chủ thể này phải vận hành theo dạng mô hình giao thoa [15], [16], [17]. Trong

cấu trúc vận hành này, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo hành lang pháp lý, quy hoạch và hỗ trợ cơ chế; Nhà trường giữ vai trò trung tâm đào tạo nhân cách, kiến thức văn hóa và kỹ năng nền tảng; còn Doanh nghiệp là đối tác chiến lược đồng kiến tạo nguồn nhân lực, đưa thực tiễn sản xuất vào quá trình giáo dục. Mối liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái này chỉ có thể phát triển bền vững khi bảo đảm hài hòa lợi ích kinh tế và trách nhiệm xã hội theo cơ chế đôi bên cùng có lợi.

Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp, trách nhiệm quan trọng là tổ chức giảng dạy chuẩn mực khối kiến thức văn hóa THPT theo Thông tư số 15/2022/TT-BGDĐT [8], đánh giá chính xác năng lực, sở thích học sinh và quản lý chặt chẽ nề nếp, an toàn sư phạm. Đổi lại, nhà trường giải quyết được mục tiêu phân luồng thực chất theo luật định, nâng cao tỷ lệ học sinh có việc làm sau khi ra trường và được tiếp cận với các công nghệ sản xuất hiện đại của doanh nghiệp mà ngân sách sư phạm chưa thể tự đầu tư trang bị. Toàn bộ mối liên kết này được bảo đảm bằng kế hoạch giáo dục nhà trường được cấp quản lý phê duyệt định kỳ hằng năm.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp, trách nhiệm đặt ra là mở cửa nhà máy, dây chuyền kỹ thuật làm không gian thực hành, cử kỹ sư, nhân sự tay nghề giỏi tham gia kèm cặp học sinh và phối hợp xác lập chuẩn đầu ra sát với nhu cầu tuyển dụng [18]. Giá trị thụ hưởng trực tiếp của doanh nghiệp là tiếp cận sớm và định hình được nguồn nhân lực trẻ, kỷ luật từ lứa tuổi 18, cắt giảm hàng trăm triệu đồng chi phí đào tạo lại sau tuyển dụng, tối ưu hóa các nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp và nâng cao uy tín thương hiệu xã hội. Mối quan hệ này được bảo đảm bằng các hợp đồng hợp tác đào tạo và tuyển dụng có giá trị pháp lý ràng buộc.

Đối với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, trách nhiệm là tổ chức các phong trào thi đua rèn luyện tay nghề, diễn đàn truyền thông số và xây dựng mạng lưới cố vấn nghề nghiệp từ thanh niên tiêu biểu. Lợi ích nhận được là mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và phát hiện những gương thợ trẻ tài hoa cho đất nước. Mối quan hệ được bảo đảm thông qua các chương trình liên tịch ký kết định kỳ với ngành Giáo dục.

Đối với Hội Khuyến học các cấp, nhiệm vụ trọng tâm là đưa tiêu chí học nghề phù hợp năng lực vào bình xét gia đình học tập, dòng họ học tập, đồng thời vận động các nguồn lực an sinh để trao học bổng cho học sinh nghèo chọn luồng trung học nghề. Giá trị thụ hưởng là thúc đẩy phong trào học tập suốt đời từ cơ sở, ngăn chặn tình trạng thanh thiếu niên bỏ học sớm tham gia vào thị trường lao động bấp bênh. Tiêu chí bảo đảm thực thi được gắn chặt vào bộ công cụ đánh giá mô hình học tập của Trung ương Hội.

Đối với các Hiệp hội Doanh nghiệp và Hiệp hội Ngành nghề, trách nhiệm là khảo sát, công bố dữ liệu dự báo nhu cầu nhân lực, điều phối các doanh nghiệp thành viên đón nhận học sinh thực tập và đại diện tiếng nói phản biện chính sách đào tạo. Lợi ích thu về là bảo đảm chuỗi cung ứng lao động bền vững, tránh đứt gãy nhân sự cho các ngành kinh tế mũi nhọn và nâng cao năng lực cạnh tranh chung. Hoạt động này được bảo đảm bằng quy chế phối hợp công tác thường niên giữa Hiệp hội với cơ quan quản lý nhà nước địa phương.

4. HỆ THỐNG GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026–2030

Từ việc phân tích thực trạng rào cản thể chế và khẳng định bản chất hợp tác đôi bên cùng có lợi nêu trên, nhằm hiện thực hóa mục tiêu hướng nghiệp và phân luồng học sinh giai đoạn 2026–2030, 5 nhóm giải pháp đột phá sau đây nên được triển khai đồng bộ.

4.1. Hoàn thiện điều kiện pháp lý, cơ chế tài chính và an toàn học đường

Về chính sách thuế và tài chính, các cơ quan ban ngành trung ương cần căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 [13] và các quy định tại Điều 7 Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [7] để ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn chi tiết việc quyết toán chi phí cho hoạt động hướng nghiệp và đào tạo tại doanh nghiệp. Các khoản kinh phí mà doanh nghiệp chi ra phục vụ học sinh trải nghiệm nghề, chi phí khấu hao trang thiết bị, nguyên vật liệu thực hành tiêu hao và thù lao bồi dưỡng cho nhân sự thỉnh giảng cần được hướng dẫn hạch toán vào chi phí hợp lý được trừ khi xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp. Đồng thời, chính quyền các địa phương cần xây dựng quy chế xét tặng danh hiệu "Doanh nghiệp vì sự nghiệp giáo dục" để kịp thời tôn vinh các đơn vị tích cực tham gia hướng nghiệp, gắn liền với các chính sách ưu tiên tiếp cận mặt bằng sản xuất và vốn vay đổi mới công nghệ.

Về an toàn pháp lý cho người học chưa thành niên, cơ quan quản lý lao động phối hợp với ngành Giáo dục ban hành quy định rõ ràng về danh mục công việc và vị trí thao tác an toàn dành riêng cho học sinh từ 15 đến dưới 18 tuổi. Bên cạnh đó, cần thiết lập gói sản phẩm bảo hiểm tai nạn thực hành nghề nghiệp học đường chuyên biệt, được đóng góp từ nguồn ngân sách hỗ trợ phân luồng của địa phương kết hợp cùng quỹ khuyến học và quỹ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Cơ chế này bảo đảm hành lang pháp lý an toàn tuyệt đối, giúp nhà trường và doanh nghiệp xóa bỏ rào cản về rủi ro trách nhiệm khi đưa học sinh vào tiếp cận môi trường sản xuất công nghiệp thực tế.

4.2. Đổi mới mô hình đào tạo theo hình thức song hành

Về cấu trúc chương trình, các cơ sở đào tạo cần mạnh dạn áp dụng mô hình đào tạo song hành theo kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn đào tạo nghề hiện đại [19]. Thời lượng học tập của học sinh trung học nghề được phân bổ linh hoạt, kết hợp hài hòa giữa học văn hóa, lý thuyết cốt lõi tại trường và trực tiếp thực hành, tích lũy kỹ năng tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Phương thức đào tạo này giúp học sinh cọ xát với máy móc công nghệ cao, nắm bắt quy trình làm việc thực tế ngay trong thời gian học tập chính khóa.

Về phương pháp giảng dạy, cần chuyển dịch căn bản từ lối truyền thụ lý thuyết sang dạy học theo dự án gắn chặt với bài toán của doanh nghiệp. Nhà trường phối hợp cùng doanh nghiệp xây dựng các chuyên đề học tập xuất phát từ tình huống kỹ thuật thực tế, ví dụ như giao cho học sinh nhiệm vụ thiết kế, lắp ráp tủ điện phân phối hạ áp bằng các phần mềm đồ họa chuyên ngành và thiết bị điện chuẩn công nghiệp. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã chứng minh việc cho người học trực tiếp giải quyết bài toán kỹ thuật từ yêu cầu đề bài của doanh nghiệp không chỉ nâng cao rõ rệt kết quả học tập và tư duy thiết kế mà còn tạo ra động lực và hứng thú nghề nghiệp vượt trội [20]. Song song đó, nhà trường cần thể chế hóa cơ chế mời kỹ sư, nghệ nhân giỏi của doanh nghiệp tham gia giảng dạy từ 20% đến 30% thời lượng chương trình, đồng thời tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng sư phạm dạy nghề để chuẩn hóa năng lực cho đội ngũ thỉnh giảng này.

4.3. Phát huy vai trò xúc tác của Đoàn Thanh niên, Hội Khuyến học và Hiệp hội Doanh nghiệp

Đối với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, cần đổi mới toàn diện nội dung và hình thức truyền thông hướng nghiệp. Đoàn các cấp cần tận dụng ưu thế của các nền tảng mạng xã hội đa phương tiện như video

ngắn, podcast để lan tỏa các câu chuyện người thật, việc thật về những thanh niên học nghề thành đạt, thợ giỏi có mức thu nhập cao và khởi nghiệp thành công trên quê hương. Tại các trường trung học, Đoàn trường cần xây dựng các câu lạc bộ ươm mầm tay nghề, tạo không gian kết nối học sinh với mạng lưới thanh niên công nhân tiêu biểu để truyền cảm hứng và định hướng tác phong công nghiệp.

Đối với Hội Khuyến học các cấp, cần gắn chặt công tác khuyến học, khuyến tài với nhiệm vụ phân luồng giáo dục nghề nghiệp. Hội Khuyến học lồng ghép tiêu chí con em lựa chọn học nghề phù hợp với năng lực vào thang điểm công nhận gia đình học tập, dòng họ học tập; đồng thời phối hợp với nhà trường tổ chức các diễn đàn tư vấn chuyên sâu cho phụ huynh trong các kỳ họp cha mẹ học sinh cuối cấp. Hội Khuyến học cần chủ trì vận động cộng đồng doanh nghiệp đóng góp xây dựng quỹ học bổng ươm mầm kỹ năng nghề nhằm tài trợ học phí, sinh hoạt phí và dụng cụ học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh đồng bào dân tộc thiểu số lựa chọn con đường trung học nghề, bảo đảm mạng lưới an sinh học đường vững chắc để ngăn chặn nguy cơ bỏ học sớm.

Đối với các Hiệp hội Doanh nghiệp địa phương, cần thành lập bộ phận chuyên trách làm đầu mối vận hành kênh trao đổi thông tin đào tạo kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp. Kênh này có trách nhiệm cập nhật báo cáo biến động lao động hằng năm, thông báo nhu cầu kỹ năng nghề mới và điều phối mạng lưới doanh nghiệp thành viên tiếp nhận học sinh thực tập trải nghiệm theo đúng quy chuẩn.

4.4. Đổi mới quản trị nhà trường và phát triển mô hình khởi nghiệp

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trường phổ thông cần chủ động đổi mới mô hình quản trị nội bộ. Cần thành lập Phòng Quan hệ doanh nghiệp chuyên trách thay vì để hoạt động liên kết phụ thuộc vào các mối quan hệ cá nhân đơn lẻ của giáo viên. Bộ phận chuyên trách này đảm nhận vai trò khảo sát thị trường lao động, đàm phán ký kết hợp đồng đào tạo đặt hàng, xây dựng quy chế thực tập hiện trường và hỗ trợ kết nối việc làm cho học sinh ngay khi tốt nghiệp.

Đồng thời, các cơ sở đào tạo cần học tập kinh nghiệm phát triển mô hình trường học khởi nghiệp từ các nền giáo dục tiên tiến [21]. Cần tích hợp tinh thần khởi nghiệp, bao gồm khả năng sáng tạo, tư duy tự chủ, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý dự án và ý thức chấp nhận rủi ro vào chương trình đào tạo. Nhà trường phối hợp cùng doanh nghiệp tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật và ý tưởng khởi nghiệp trẻ, qua đó tạo bệ phóng ươm mầm các dự án ứng dụng thực tiễn từ chính sản phẩm thực hành của học sinh.

4.5. Ứng dụng công nghệ số, AI và xây dựng hệ sinh thái dữ liệu hướng nghiệp mở

Nhằm hiện thực hóa các quy định tại Điều 12 Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [7], các địa phương cần phối hợp xây dựng và vận hành Cổng thông tin hướng nghiệp và thị trường việc làm mở, kết nối trực tiếp với Cổng thông tin hướng nghiệp quốc gia. Nền tảng số này tích hợp dữ liệu quy hoạch kinh tế, chỉ tiêu tuyển sinh, tiêu chuẩn kỹ năng nghề và nhu cầu tuyển dụng thực tế của doanh nghiệp theo thời gian thực, giúp phụ huynh và học sinh dễ dàng tra cứu, so sánh để lựa chọn ngành học phù hợp với xu thế phát triển.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động tư vấn phân luồng cá nhân hóa. Bằng cách số hóa các bộ công cụ trắc nghiệm tâm lý và sở thích nghề nghiệp quốc

tế kết hợp thuật toán phân tích kết quả học tập, hệ thống AI sẽ tự động đề xuất lộ trình học tập tối ưu cho từng cá nhân học sinh từ năm lớp 8 và lớp 9. Toàn bộ quá trình rèn luyện phẩm chất, năng khiếu và kỹ năng thực hành tại doanh nghiệp cần được lưu trữ đồng bộ trong Hồ sơ năng lực hướng nghiệp số tích hợp cùng học bạ điện tử. Đây chính là căn cứ khoa học để doanh nghiệp tìm kiếm ứng viên, thực hiện chính sách cấp học bổng tài trợ và ký kết hợp đồng tuyển dụng sớm từ khi học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường.

5. KẾT LUẬN

Hướng nghiệp và phân luồng không đơn thuần là giải pháp kỹ thuật để giảm tải áp lực thi cử cục bộ, mà là một trụ cột chiến lược tái cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, linh hoạt và liên thông, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao năng suất lao động quốc gia trong kỷ nguyên số. Hiệu quả của công tác này chỉ thực sự bền vững khi chuyển dịch từ mệnh lệnh hành chính sang sức hút tự thân từ chất lượng đào tạo, cơ hội việc làm rộng mở và sự thừa nhận của toàn xã hội.

Trong tiến trình đổi mới này, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội giữ vai trò là những chủ thể kiến tạo không thể tách rời. Việc hoàn thiện hành lang pháp lý của Luật Giáo dục sửa đổi năm 2025 [6] và Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT [7], xác lập cơ chế ưu đãi tài chính và thuế minh bạch, triển khai mô hình đào tạo song hành gắn với dự án kỹ thuật thực tế, cùng việc xây dựng hệ sinh thái dữ liệu mở ứng dụng công nghệ số chính là nền tảng vững chắc để đưa mô hình trung học nghề bứt phá trong giai đoạn 2026–2030. Khi các chủ thể trong mối liên kết ba bên cùng chia sẻ trách nhiệm và giá trị thụ hưởng theo cơ chế cùng có lợi, học sinh Việt Nam sẽ có được môi trường phát triển toàn diện, tự tin lựa chọn con đường lập thân, lập nghiệp, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển phồn vinh của quê hương và đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2023). *Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
4. Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
5. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
6. Quốc hội (2025). *Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Thông tư số 15/2022/TT-BGDĐT ngày 08/11/2022 quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp*.
9. Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, & Đàm Thị Vân Anh (2026). Hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh: Nghiên cứu thực trạng tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục, 26*(16), 93–99.
10. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

11. Nguyễn Thị Thanh Hằng, & Phan Long (2018). Đề xuất các giải pháp liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực tại tỉnh Đồng Nai. *Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục, 3*(19), 127–132.
12. Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014*.
13. Quốc hội (2025). *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15*.
14. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
15. Nguyễn Văn Điều (2026). Đẩy mạnh mô hình liên kết "Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp" trong đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Giao thông, 6*(2), 17–28.
16. Hoàng Thùy Hân (2025). Cộng tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong môi trường số: Một đề xuất mô hình đa bên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Đại học Đà Nẵng, 23*(8B), 82–86.
17. Huỳnh Thảo Nguyên, & Nguyễn Thu Trang (2025). Vai trò của doanh nghiệp trong dẫn dắt chuyển đổi số và hợp tác "Hai Nhà" – Nhà doanh nghiệp và Nhà trường trong xu thế quốc tế hóa giáo dục. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Đại học Đà Nẵng, 23*(8B), 61–66.
18. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
19. Nguyễn Văn Thành (2026). Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Tâm lý – Giáo dục, 32*(4), 21–26.
20. Đoàn Văn Hải (2026). Đề xuất mô hình giáo dục STEM bậc đại học gắn với hợp tác doanh nghiệp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 71*(5), 32–41.
21. Phạm Thị Lan Phượng (2019). Vai trò của giáo dục khởi nghiệp và trường đại học đối với hoạt động khởi tạo doanh nghiệp trong sinh viên – Kinh nghiệm thế giới và liên hệ với Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp, 37*, 21–26.

VAI TRÒ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH THPT TẠI TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thị Nhã Phương, Nguyễn Chí Thức, Đỗ Vương Quốc

Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, tỉnh An Giang

Email: nhaphuong678kg@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết phân tích vai trò của cơ sở đào tạo giáo viên mầm non trong tổ chức hoạt động hướng nghiệp trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông (THPT) tại An Giang. Nghiên cứu kết hợp phân tích tài liệu với thống kê mô tả kết quả khảo sát 96 học sinh lớp 12, 20 giáo viên/cán bộ quản lý THPT và 26 giáo viên mầm non. Kết quả ghi nhận 92,7% học sinh biết đến ngành Giáo dục Mầm non nhưng chỉ 28,1% từng trải nghiệm nghề; 85% giáo viên/cán bộ quản lý được hỏi nêu tình trạng thiếu hoạt động trải nghiệm thực tế. Từ thực trạng và cơ sở lý luận, bài viết đề xuất mô hình "3 kết nối – 4 trải nghiệm", xác định nhiệm vụ, minh chứng và điều kiện thí điểm. Hiệu quả của giải pháp cần được kiểm chứng qua triển khai thực tế.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; học sinh THPT; giáo dục mầm non; liên kết giáo dục; trải nghiệm nghề nghiệp*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hướng nghiệp giúp học sinh nhận diện hứng thú, năng lực, giá trị cá nhân và yêu cầu nghề nghiệp để lựa chọn lộ trình học tập phù hợp. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đặt Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong quá trình phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp [1]; vì vậy, cung cấp thông tin tuyển sinh không thể thay thế việc khám phá nghề và tự đánh giá.

Nghề giáo viên mầm non đòi hỏi kiến thức chăm sóc – giáo dục trẻ, kỹ năng giao tiếp sư phạm, tổ chức hoạt động, trách nhiệm và khả năng thích ứng. Học sinh trung học phổ thông (THPT) có thể biết đến ngành nhưng chưa hình dung đầy đủ môi trường đào tạo và lao động nghề nghiệp. Trong bối cảnh An Giang chú trọng hướng nghiệp, phân luồng giai đoạn 2026–2030 [2], cơ sở đào tạo giáo viên có điều kiện tham gia sâu hơn vào hoạt động trải nghiệm nghề.

Trần Quang Bảo [3, tr. 17–20] khảo sát 7.127 học sinh trung học tại An Giang, ghi nhận 81,7% được cung cấp thông tin về lộ trình sau tốt nghiệp, 82,2% được tư vấn theo năng lực và sở thích, trong khi 66,6% có cơ hội trải nghiệm tại doanh nghiệp hoặc cơ sở đào tạo nghề. Nguyễn Chí Thức [4, tr. 48–51] khảo sát 50 sinh viên năm nhất và 50 phụ huynh, ghi nhận 60,0% sinh viên xem cha mẹ là yếu tố ảnh hưởng nổi bật nhất đến quyết định nghề nghiệp; nghiên cứu đồng thời chỉ ra những hạn chế trong tham gia hoạt động hướng nghiệp của phụ huynh. Vấn đề đặt ra là cơ sở đào tạo giáo viên mầm non có thể tham gia như thế nào để kết nối các chủ thể, mở rộng trải nghiệm và hỗ trợ học sinh tự định hướng? Bài viết phân tích thực trạng tại một số cơ sở giáo dục, từ đó đề xuất giải pháp có thể tổ chức thí điểm.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề lý luận về hướng nghiệp và phân luồng học sinh

Hướng nghiệp là quá trình giáo dục giúp người học hiểu bản thân và thế giới nghề nghiệp để lựa chọn lộ trình học tập, việc làm có căn cứ. Phân luồng định hướng các con đường học tập và đào tạo phù hợp với năng lực, nguyện vọng cá nhân và điều kiện xã hội; không đồng nhất với việc vận động học sinh đăng ký một ngành cụ thể [5]. Đối với Giáo dục Mầm non, hướng nghiệp cần giúp học sinh hiểu cả giá trị nghề nghiệp, nhiệm vụ chăm sóc – giáo dục trẻ, điều kiện lao động và yêu cầu đào tạo.

Holland [6] nhấn mạnh sự tương thích giữa đặc điểm cá nhân và môi trường nghề; Super [7] xem lựa chọn nghề là một quá trình phát triển. Kolb [8] làm rõ vai trò của trải nghiệm, quan sát – phản tư, khái quát hóa và vận dụng trong học tập. Từ đó, hướng nghiệp cần kết hợp thông tin đáng tin cậy, cơ hội quan sát nghề và hoạt động tự đánh giá, thay vì chỉ tổ chức tham quan hoặc tư vấn tuyển sinh đơn lẻ. Các tiếp cận này định hướng thiết kế hoạt động, không phải căn cứ để khẳng định trước hiệu quả của mô hình.

2.2. Cơ sở tiếp cận và phương pháp, phạm vi khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phân tích tài liệu và thống kê mô tả kết quả khảo sát ngắn đối với 96 học sinh lớp 12 tại Trường THCS và THPT Võ Văn Kiệt, Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn và Trường THPT Hòn Đất; 20 giáo viên/cán bộ quản lý THPT phụ trách hướng nghiệp; 26 giáo viên mầm non. Số liệu được tổng hợp theo tần số và tỷ lệ phần trăm riêng từng nhóm; câu hỏi về khó khăn của giáo viên/cán bộ quản lý cho phép chọn nhiều đáp án. Nghiên cứu của Nguyễn Chí Thức [4] và Trần Quang Bảo [3] chỉ được dùng để đối chiếu, không gộp mẫu.

Khảo sát mang tính mô tả tại một số đơn vị, không đại diện cho toàn tỉnh; các ý kiến tự báo cáo và hồi tưởng không chứng minh quan hệ nhân quả hoặc hiệu quả can thiệp.

3. THỰC TRẠNG HƯỚNG NGHIỆP NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON QUA KHẢO SÁT

3.1. Nhận thức và trải nghiệm nghề của học sinh

Bảng 1

Nhận thức và trải nghiệm nghề của học sinh

Nội dung khảo sát (n = 96)	Tỷ lệ (%)
Biết đến ngành Giáo dục Mầm non	92,7
Đã từng trải nghiệm nghề giáo viên mầm non	28,1
Cân nhắc lựa chọn ngành sau THPT	18,8
Nghề đòi hỏi yêu trẻ và kiên nhẫn	89,6
Nghề cần năng khiếu nghệ thuật	65,6
Nghề có áp lực cao	58,3

Nguồn: Khảo sát học sinh lớp 12 của nhóm tác giả.

Tỷ lệ biết đến ngành đạt 92,7%, trong khi 28,1% học sinh từng trải nghiệm nghề và 18,8% cân nhắc lựa chọn ngành. Sự khác biệt giữa các chỉ báo cho thấy biết tên ngành không đồng nghĩa

với đã có cơ hội tìm hiểu công việc thực tế hoặc có ý định theo học. Các nhận định về tình yêu trẻ, năng khiếu nghệ thuật và áp lực nghề nghiệp gợi ý cần cung cấp thông tin đa chiều, giúp học sinh hiểu cả phẩm chất, năng lực và điều kiện làm việc; không thể suy ra rằng thiếu trải nghiệm là nguyên nhân trực tiếp làm giảm ý định chọn ngành.

3.2. Khó khăn trong tổ chức hướng nghiệp tại trường THPT

Bảng 2

Khó khăn trong tổ chức hướng nghiệp tại một số trường THPT

Khó khăn (n = 20; chọn nhiều đáp án)	Số ý kiến	Tỷ lệ (%)
Thiếu trải nghiệm nghề thực tế	17	85
Phối hợp chủ yếu vào mùa tuyển sinh	16	80
Học sinh ít quan tâm đến ngành	15	75
Thiếu công cụ đánh giá hứng thú nghề	14	70
Thiếu thông tin dự báo nhân lực	13	65
Phụ huynh chưa thực sự ủng hộ	12	60
Thiếu tập huấn chuyên sâu cho người làm hướng nghiệp	11	55

Nguồn: Khảo sát giáo viên/cán bộ quản lý THPT, tháng 6/2026; tổng hợp của nhóm tác giả.

Hai khó khăn được lựa chọn nhiều nhất là thiếu trải nghiệm nghề thực tế (85%) và phối hợp chủ yếu vào mùa tuyển sinh (80%); 70% đề cập việc thiếu công cụ đánh giá hứng thú nghề. Những tỷ lệ này là nhận định của 20 người được hỏi, không đại diện cho tất cả trường THPT tại An Giang. Tuy vậy, kết quả gợi ra yêu cầu xây dựng kế hoạch phối hợp thường xuyên và nhiệm vụ phản tư sau trải nghiệm.

3.3. Góc nhìn của giáo viên mầm non

Khảo sát 26 giáo viên mầm non bổ sung góc nhìn của người đang hành nghề về động cơ lựa chọn, mức hiểu biết trước đào tạo và giá trị của tiếp xúc thực tế với môi trường giáo dục mầm non.

Bảng 3

Một số yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề và trải nghiệm nghề nghiệp của giáo viên mầm non

Nội dung khảo sát (n = 26)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lựa chọn nghề vì tính ổn định	13	50,0
Trước khi theo học chỉ hiểu tương đối về nghề	21	80,8
Gắn bó với nghề vì tình yêu trẻ	18	69,2
Cho rằng trải nghiệm tại trường mầm non giúp hiểu nghề rõ nhất	26	100,0

Nguồn: Khảo sát giáo viên mầm non của nhóm tác giả.

Có 13/26 giáo viên (50,0%) nêu tính ổn định trong lý do lựa chọn nghề ban đầu, còn 18/26 (69,2%) xác định tình yêu trẻ là yếu tố gắn bó với nghề. Hai chỉ báo phản ánh những khía cạnh khác nhau, không đủ cơ sở kết luận động cơ nghề đã thay đổi theo thời gian. Kết quả nhắc nhở

hoạt động hướng nghiệp phải giới thiệu đồng thời điều kiện việc làm và các yêu cầu thực tế của nghề, tránh giản lược lựa chọn nghề thành tính ổn định hoặc sự yêu thích trẻ em.

Đáng chú ý, 21/26 giáo viên (80,8%) hồi tưởng rằng trước khi theo học chỉ hiểu tương đối về nghề; 26/26 (100,0%) đánh giá trải nghiệm tại trường mầm non giúp hiểu nghề rõ nhất. Các nhận định này gợi ý giá trị của quan sát môi trường chăm sóc – giáo dục trẻ và trao đổi với người hành nghề, nhưng không chứng minh hình thức trải nghiệm này có hiệu quả vượt trội. Với mẫu nhỏ và dữ liệu tự báo cáo, kết quả chỉ được dùng làm căn cứ thiết kế hoạt động, không khái quát cho toàn tỉnh.

3.4. Những vấn đề đặt ra đối với tổ chức hướng nghiệp trải nghiệm

Thứ nhất, cần chuyển từ giới thiệu ngành sang tạo cơ hội khám phá nghề có hướng dẫn. Chênh lệch giữa mức độ nhận biết và tỷ lệ đã trải nghiệm của học sinh, cùng hồi tưởng của giáo viên mầm non về hiểu biết nghề trước đào tạo, cho thấy cần cung cấp thông tin cụ thể về môi trường học tập, nhiệm vụ chăm sóc – giáo dục trẻ và điều kiện hành nghề.

Thứ hai, cần chuyển phối hợp theo mùa tuyển sinh thành phối hợp theo kế hoạch. Trường THPT phụ trách nhu cầu, quản lý học sinh; cơ sở đào tạo cung cấp chuyên môn, học liệu; trường mầm non hỗ trợ quan sát thực tế; cơ quan quản lý có thể hỗ trợ thông tin và điều phối trong phạm vi chức năng.

Thứ ba, cần gắn trải nghiệm với phản tư và tự đánh giá. Phiếu tìm hiểu, nhật ký, phiếu quan sát và kế hoạch cá nhân giúp học sinh đối chiếu yêu cầu nghề với đặc điểm bản thân; đây là công cụ hỗ trợ tư vấn, không phải phép đo chẩn đoán phù hợp nghề.

Thứ tư, cần có sự đồng hành của gia đình nhưng tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Chí Thức [4] gợi ý phụ huynh cần được tiếp cận thông tin và tham gia trao đổi trước, sau trải nghiệm, không áp đặt quyết định. Bốn yêu cầu trên là cơ sở để thiết kế giải pháp ở Phần 4.

4. ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH "3 KẾT NỐI – 4 TRẢI NGHIỆM"

4.1. Mục tiêu, cấu trúc và nguyên tắc

Từ các vấn đề thực trạng, bài viết đề xuất mô hình "3 kết nối – 4 trải nghiệm". Ba kết nối tạo cơ chế phối hợp, huy động nguồn lực; bốn trải nghiệm tổ chức tiến trình tìm hiểu nghề, quan sát và tự định hướng. Mục tiêu là hỗ trợ học sinh lựa chọn có căn cứ, không phải gia tăng tuyển sinh bằng mọi giá. Nguyên tắc thực hiện gồm tự nguyện, phù hợp lứa tuổi, an toàn, bảo vệ quyền riêng tư của trẻ và thích ứng điều kiện từng đơn vị. Đây là mô hình đề xuất, chưa được kiểm nghiệm hiệu quả.

4.2. Cơ chế ba kết nối

Kết nối 1 – Trường THPT và cơ sở đào tạo giáo viên mầm non. Trường THPT khảo sát nhu cầu, tích hợp hoạt động vào kế hoạch giáo dục, quản lý học sinh và trao đổi với gia đình; cơ sở đào tạo chuẩn bị nội dung chuyên môn, giảng viên, sinh viên hỗ trợ, học liệu và không gian thực hành. Hai bên thống nhất lịch, nhân sự, kinh phí, phương án an toàn và công cụ phản hồi. Minh chứng quản lý gồm kế hoạch phối hợp, danh sách tham gia và báo cáo kết quả.

Kết nối 2 – Cơ sở đào tạo và cơ sở giáo dục mầm non. Cơ sở đào tạo lựa chọn đơn vị phối hợp, thống nhất thời điểm và nhiệm vụ quan sát; trường mầm non bố trí giáo viên hướng dẫn và phạm vi tiếp cận phù hợp. Học sinh THPT không được giao độc lập chăm sóc – giáo dục trẻ; việc quan sát, ghi hình và sử dụng thông tin phải bảo đảm sự đồng ý cần thiết, quyền riêng tư và an toàn. Minh chứng gồm lịch hoạt động, phiếu quan sát và phản hồi của giáo viên.

Kết nối 3 – Cơ sở đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong phạm vi chức năng, Sở có thể định hướng cơ chế phối hợp, hỗ trợ chia sẻ nguồn thông tin chính thức về nhu cầu nhân lực, mạng lưới cơ sở giáo dục và hoạt động hướng nghiệp địa phương. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm cập nhật và diễn giải thông tin một cách khách quan, không đồng nhất chỉ tiêu tuyển sinh với nhu cầu tuyển dụng. Sản phẩm phối hợp là hướng dẫn/kế hoạch liên kết, đầu mối thông tin và dữ liệu nghề nghiệp được kiểm chứng. Kết nối này là đề xuất cơ chế, không hàm ý đã có cam kết hay thỏa thuận chính thức với Sở.

Đề xuất kết nối với Sở Giáo dục và Đào tạo cũng phù hợp với khuyến nghị của Trần Quang Bảo [3, tr. 19–20] về việc thiết lập mạng lưới trải nghiệm nghề cấp tỉnh, chuyển từ các ngày hội đơn lẻ sang chương trình hướng nghiệp liên tục và theo dõi kết quả lựa chọn lộ trình của học sinh. Đối với ngành Giáo dục Mầm non, cơ sở đào tạo có thể cụ thể hóa định hướng này bằng lịch trải nghiệm định kỳ, đầu mối phối hợp theo cụm trường và bộ công cụ phản hồi thống nhất.

Trong toàn bộ mô hình, cơ sở đào tạo là đầu mối chuyên môn, không thay thế trách nhiệm quản lý học sinh của trường THPT hoặc trách nhiệm bảo đảm an toàn tại trường mầm non. Việc phân công bằng văn bản và họp rút kinh nghiệm sau mỗi đợt là điều kiện để duy trì phối hợp lâu dài. Trên cơ sở kết quả của Nguyễn Chí Thức [4], thông tin về mục tiêu, yêu cầu nghề và kết quả phản tư nên được chia sẻ tới phụ huynh qua trường THPT, để gia đình hỗ trợ học sinh cân nhắc lựa chọn mà không biến hoạt động hướng nghiệp thành vận động tuyển sinh.

4.3. Bốn trải nghiệm: hoạt động, nhiệm vụ và minh chứng

Trải nghiệm 1 – Khám phá môi trường đào tạo. Học sinh tham quan phòng học, phòng thực hành, tìm hiểu chương trình, học liệu và trao đổi với giảng viên, sinh viên. Trước hoạt động, học sinh ghi những điều đã biết và muốn tìm hiểu; sau hoạt động, đối chiếu thông tin. Minh chứng: phiếu tìm hiểu ngành, nêu yêu cầu đào tạo, năng lực nghề và câu hỏi còn băn khoăn. Giảng viên phối hợp giáo viên hướng nghiệp phụ trách.

Trải nghiệm 2 – Thử sức với hoạt động nghề nghiệp mô phỏng. Học sinh thực hiện nhiệm vụ nhóm ngắn như kể chuyện bằng tranh, chuẩn bị học liệu, đề xuất trò chơi hoặc thiết kế đồ chơi đơn giản; sinh viên sư phạm hỗ trợ và giảng viên phản hồi. Minh chứng: ý tưởng/sản phẩm nhóm và nhật ký ghi nhận khó khăn, kỹ năng cần rèn luyện. Hoạt động nhằm khám phá nghề, không đánh giá năng lực giáo viên của học sinh chưa qua đào tạo.

Trải nghiệm 3 – Quan sát nghề tại cơ sở giáo dục mầm non. Học sinh quan sát theo nhóm nhỏ, có người giám sát, các hoạt động chuẩn bị môi trường, tổ chức chơi và giao tiếp sư phạm; trao đổi với giáo viên về yêu cầu công việc. Minh chứng: phiếu quan sát trả lời ba câu hỏi "giáo viên làm gì – cần năng lực nào – điều gì khác với hình dung ban đầu?". Không giao học sinh trực tiếp phụ trách trẻ; bảo đảm quy định về an toàn và hình ảnh trẻ em.

Trải nghiệm 4 – Phản tư và tự định hướng nghề nghiệp. Học sinh tổng hợp ba trải nghiệm,

đối chiếu hứng thú, năng lực, giá trị cá nhân và điều kiện gia đình; trao đổi với giáo viên hướng nghiệp và phụ huynh. Minh chứng: phiếu tự đánh giá kèm kế hoạch bước tiếp theo, có thể là tiếp tục tìm hiểu, lựa chọn ngành hoặc cân nhắc ngành khác. Giáo viên không kết luận thay học sinh. Bốn minh chứng được lưu trong hồ sơ hướng nghiệp cá nhân, giúp theo dõi quá trình học sinh hiểu nghề và lý giải lựa chọn.

4.4. Quy trình thí điểm và điều kiện thực hiện

Quy trình đề xuất gồm năm bước: (1) khảo sát nhu cầu và lựa chọn nhóm học sinh lớp 11–12; (2) thống nhất kế hoạch, nhân sự, học liệu, kinh phí và phương án an toàn; (3) tổ chức bốn trải nghiệm; (4) thu thập hồ sơ, phản hồi và dữ liệu đánh giá; (5) rút kinh nghiệm, điều chỉnh trước khi mở rộng. Có thể kết hợp trải nghiệm 1–2 trong một buổi tại cơ sở đào tạo, trải nghiệm 3 theo nhóm nhỏ tại trường mầm non và trải nghiệm 4 tại trường THPT để giảm di chuyển.

Trường THPT cử giáo viên đầu mối quản lý danh sách, đồng thuận của phụ huynh và hồ sơ học sinh; cơ sở đào tạo cử giảng viên điều phối chuyên môn; trường mầm non cử người hướng dẫn. Kế hoạch thí điểm phải xác định nguồn lực thực tế, trách nhiệm giám sát, chi phí, phương án xử lý tình huống và nguyên tắc bảo mật dữ liệu.

4.5. Định hướng đánh giá và kiến nghị

Đánh giá thí điểm cần theo dõi: (1) hiểu biết nghề trước – sau bằng cùng bộ câu hỏi; (2) tỷ lệ tham gia và hoàn thành hồ sơ; (3) chất lượng phản tư theo tiêu chí nhận diện yêu cầu nghề, đối chiếu bản thân và lý giải lựa chọn; (4) phản hồi của học sinh, phụ huynh và đơn vị phối hợp; (5) thời gian, chi phí, sự cố an toàn và khả năng duy trì.

Kiến nghị trường THPT đưa hoạt động vào kế hoạch hướng nghiệp; cơ sở đào tạo chuẩn bị bộ học liệu và công cụ phản tư; trường mầm non phối hợp tự nguyện, an toàn; cơ quan quản lý hỗ trợ thông tin chính thức và cơ chế phối hợp phù hợp.

5. KẾT LUẬN

Hướng nghiệp cho học sinh THPT đối với ngành Giáo dục Mầm non không chỉ là hoạt động cung cấp thông tin tuyển sinh mà còn là quá trình giúp học sinh nhận thức đầy đủ về đặc điểm nghề nghiệp, yêu cầu đào tạo và mức độ phù hợp giữa năng lực, hứng thú cá nhân với công việc trong tương lai. Trên cơ sở tiếp cận lý luận về lựa chọn nghề nghiệp, phát triển nghề nghiệp và học tập thông qua trải nghiệm, bài viết đã làm rõ sự cần thiết của việc tăng cường vai trò của cơ sở đào tạo giáo viên mầm non trong tổ chức hoạt động hướng nghiệp, góp phần hỗ trợ học sinh lựa chọn lộ trình học tập và nghề nghiệp có căn cứ.

Kết quả khảo sát tháng 6/2026 đối với học sinh THPT, giáo viên và cán bộ quản lý phụ trách hướng nghiệp, cùng giáo viên mầm non tại một số cơ sở giáo dục ở An Giang cho thấy, mặc dù học sinh đã có nhận thức nhất định về ngành Giáo dục Mầm non, cơ hội tiếp cận và trải nghiệm thực tế nghề nghiệp vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, hoạt động phối hợp giữa các cơ sở giáo dục chưa thực sự thường xuyên, công cụ hỗ trợ học sinh tự đánh giá sau trải nghiệm còn thiếu và sự đồng hành của gia đình cần được quan tâm hơn. Những kết quả này gợi ra yêu cầu chuyển từ hướng nghiệp thiên về cung cấp thông tin sang tổ chức các hoạt động trải nghiệm có mục tiêu, có hướng dẫn và gắn với quá trình phản tư, tự định hướng của học sinh.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu, bài viết đề xuất giải pháp tổ chức hoạt động hướng nghiệp trải nghiệm theo mô hình "3 kết nối – 4 trải nghiệm", trong đó cơ sở đào tạo giáo viên mầm non giữ vai trò đầu mối chuyên môn, phối hợp với trường THPT, cơ sở giáo dục mầm non và cơ quan quản lý giáo dục để huy động nguồn lực, xây dựng nội dung và tổ chức các hoạt động phù hợp. Tiến trình bốn trải nghiệm được thiết kế nhằm tạo điều kiện cho học sinh từng bước khám phá môi trường đào tạo, tiếp cận hoạt động nghề nghiệp, quan sát thực tế và tự đánh giá để xây dựng định hướng lựa chọn nghề. Sự tham gia của gia đình được xem là yếu tố hỗ trợ xuyên suốt, trên nguyên tắc tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh.

Nhìn chung, đóng góp của bài viết là xác định những vấn đề thực tiễn trong hướng nghiệp ngành Giáo dục Mầm non và đề xuất một cách thức tổ chức có sự liên kết giữa các chủ thể, gắn hoạt động trải nghiệm với nhiệm vụ và sản phẩm minh chứng cụ thể. Do phạm vi khảo sát còn hạn chế và mô hình mới dừng ở mức đề xuất, hiệu quả của giải pháp cần được tiếp tục kiểm chứng thông qua triển khai thí điểm và đánh giá thực tiễn. Đây là cơ sở để từng bước hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao chất lượng hướng nghiệp trải nghiệm và phát huy vai trò của các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non trong công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh THPT tại An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
2. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
3. Trần Quang Bảo (2026). Thực trạng hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học tại tỉnh An Giang. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông: Thực trạng và giải pháp* (tr. 17–20). Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Chí Thức (2026). Vai trò của cha mẹ trong hướng nghiệp cho học sinh: Thực trạng phối hợp gia đình – nhà trường. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông: Thực trạng và giải pháp* (tr. 48–51). Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
6. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
7. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown, L. Brooks, & Associates (Eds.), *Career choice and development* (2nd ed., pp. 197–261). Jossey-Bass.
8. Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice Hall.

PHÁT HUY HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP GẮN VỚI CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀ QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ AN GIANG

Nguyễn Ngọc Thiều

Trường Cao đẳng Y tế An Giang

Tóm tắt: *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh nhận diện năng lực, sở thích, lựa chọn nghề phù hợp và tiếp cận cơ sở đào tạo. Từ thực tiễn tư vấn tuyển sinh và chương trình trải nghiệm "Một ngày làm cán bộ y tế", Trường Cao đẳng Y tế An Giang đã xây dựng mô hình hướng nghiệp gắn trải nghiệm nghề thực tế với tư vấn tuyển sinh và quảng bá hình ảnh nhà trường. Giai đoạn 2024–2026, trường tổ chức trải nghiệm tại 18 trường trung học phổ thông với 8.200 học sinh tham gia; tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh bình quân giai đoạn 2022–2026 đạt 108%. Bài viết chia sẻ kinh nghiệm, phân tích yếu tố tạo nên hiệu quả và đề xuất các giải pháp giai đoạn 2026–2030: thường xuyên hóa mô hình trải nghiệm, tăng cường phối hợp, chuyển đổi số và hoàn thiện cơ chế đánh giá.*

Từ khóa: *trải nghiệm nghề nghiệp; hướng nghiệp; phân luồng học sinh; tuyển sinh; thương hiệu nhà trường*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh là nhiệm vụ quan trọng của hệ thống giáo dục, góp phần giúp người học lựa chọn con đường học tập, phát triển nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường, điều kiện gia đình và nhu cầu nhân lực của xã hội [1]. Trong bối cảnh thị trường lao động không ngừng thay đổi, yêu cầu đặt ra đối với công tác hướng nghiệp không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin về ngành nghề, mà cần chuyển mạnh từ giới thiệu nghề nghiệp sang tổ chức cho học sinh trực tiếp trải nghiệm, tìm hiểu và khám phá nghề nghiệp.

Đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, hoạt động trải nghiệm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thông qua việc trực tiếp quan sát môi trường đào tạo, tiếp cận trang thiết bị, tìm hiểu nội dung học tập và thực hành những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, học sinh có điều kiện hình dung rõ hơn về công việc trong tương lai [2], [3]. Qua đó, các em có cơ sở thực tế để cân nhắc lựa chọn ngành học, hạn chế tình trạng lựa chọn nghề nghiệp theo cảm tính hoặc chưa hiểu đầy đủ về yêu cầu của nghề.

Từ thực tiễn công tác tuyển sinh, nhà trường nhận thấy rằng việc tư vấn trực tiếp tại các trường trung học phổ thông tuy cần thiết nhưng chưa đủ để tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh. Các em cần được tiếp xúc với môi trường học tập thực tế, được trải nghiệm một số hoạt động đặc trưng của nghề y, được giao lưu với giảng viên và được giải đáp những băn khoăn về ngành học, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu đó, Trường Cao đẳng Y tế An Giang đã chú trọng kết hợp tư vấn tuyển sinh với hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, từng bước hình thành phương thức tiếp cận học sinh trực quan, sinh động và gần gũi. Thực tiễn triển khai cho thấy đây là hướng đi phù hợp, vừa thực

hiện nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp, vừa góp phần nâng cao hiệu quả tuyển sinh và quảng bá hình ảnh nhà trường.

Từ những kết quả đạt được, nhà trường xin chia sẻ một số kinh nghiệm và giải pháp nhằm phát huy hiệu quả mô hình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gắn với công tác tuyển sinh trong giai đoạn 2026–2030 [4].

2. THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ AN GIANG

2.1. Gắn công tác tuyển sinh với nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh

Trong quá trình triển khai công tác tuyển sinh, nhà trường xác định tư vấn hướng nghiệp không chỉ là hoạt động giới thiệu ngành đào tạo để thu hút người học, mà còn là trách nhiệm đồng hành với học sinh trong việc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp.

Trên cơ sở đó, nhà trường xây dựng kế hoạch tư vấn tuyển sinh hằng năm [5], phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, chủ động liên hệ với các trường trung học phổ thông, phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức hoạt động tư vấn trực tiếp và duy trì kết nối với học sinh sau tư vấn.

Hoạt động tư vấn được thực hiện dưới nhiều hình thức như sinh hoạt dưới cờ, tư vấn trực tiếp tại lớp, trao đổi với ban giám hiệu các trường, gặp gỡ học sinh và cung cấp thông tin về ngành nghề đào tạo, điều kiện tuyển sinh, chương trình học tập và cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Hằng năm, nhà trường đã tổ chức tư vấn tuyển sinh tại 100% trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang. Kết quả thực hiện mỗi năm gồm 200 hồ sơ phát trực tiếp cho học sinh, 600 hồ sơ gửi các trường trung học phổ thông và 1.000 tờ rơi được phát đến học sinh [6].

Những kết quả này cho thấy nhà trường đã chủ động mở rộng phạm vi tiếp cận người học, tăng cường sự hiện diện tại các cơ sở giáo dục phổ thông và từng bước tạo dựng mối quan hệ phối hợp trong công tác hướng nghiệp, tuyển sinh.

2.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm "Một ngày làm cán bộ y tế" – điểm nhấn trong công tác hướng nghiệp

Một trong những kinh nghiệm nổi bật của Trường Cao đẳng Y tế An Giang là tổ chức hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp gắn với đặc thù đào tạo ngành sức khỏe.

Theo Kế hoạch tổ chức tư vấn hướng nghiệp và hoạt động trải nghiệm "Một ngày làm cán bộ y tế" [7], nhà trường hướng đến việc tạo điều kiện cho học sinh trung học phổ thông trực tiếp tiếp cận các thiết bị, phương tiện học tập, môi trường đào tạo và một số hoạt động nghề nghiệp cơ bản của lĩnh vực y tế.

Hoạt động được thiết kế theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường sự tham gia trực tiếp thay vì chỉ nghe giới thiệu một chiều. Các nội dung trải nghiệm được bố trí thành những gian hàng chuyên ngành, kết hợp thực hành mẫu, trò chơi tìm hiểu nghề nghiệp và tư vấn sức khỏe. Đặc biệt, nhà trường chú tâm đến các trường vùng sâu, vùng xa trung tâm như Tri Tôn, Tịnh Biên, An Phú…, nơi điều kiện đi lại và khả năng tiếp cận thông tin của học sinh còn chưa được đầy đủ.

Các hoạt động tiêu biểu bao gồm:

1. **Trải nghiệm ngành Dược:** Làm quen với một số dụng cụ, phương tiện học tập và hoạt động chuyên môn phù hợp với điều kiện tổ chức.
2. **Trải nghiệm ngành Điều dưỡng:** Tìm hiểu những kỹ năng cơ bản như đo huyết áp, hồi sức cấp cứu, xoa bóp tim ngoài lồng ngực, tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch… và nhận biết một số hoạt động chăm sóc sức khỏe.
3. **Tìm hiểu các ngành Hộ sinh, Y sĩ đa khoa và Y học cổ truyền:** Giúp học sinh bước đầu nhận diện đặc điểm, yêu cầu và phạm vi nghề nghiệp như mô hình chuyển dạ, phát triển thai nhi, châm cứu, xoa bóp bấm huyệt…
4. **Hoạt động tư vấn sức khỏe:** Trang bị kiến thức chăm sóc sức khỏe cá nhân, kỹ năng phòng ngừa một số bệnh thông thường và hỗ trợ học sinh ứng phó với căng thẳng trước kỳ thi.
5. **Trò chơi và giao lưu nghề nghiệp:** Tạo không khí vui tươi, khuyến khích học sinh chủ động tham gia, trao đổi và đặt câu hỏi với giảng viên, cán bộ chuyên môn.

Các hoạt động được tổ chức phù hợp với đối tượng học sinh, bảo đảm tính trực quan, thiết thực và an toàn. Những nội dung liên quan đến kỹ thuật chuyên môn y tế được triển khai dưới sự hướng dẫn, giám sát của người có chuyên môn và trong phạm vi phù hợp với mục tiêu trải nghiệm hướng nghiệp.

Theo báo cáo công tác tuyển sinh từ năm 2024 đến năm 2026, nhà trường đã tổ chức hoạt động trải nghiệm tại 18 trường trung học phổ thông với 8.200 học sinh tham gia theo kế hoạch [6].

Thông qua mô hình này, học sinh không chỉ hiểu rõ hơn về các ngành đào tạo mà còn có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với môi trường nghề nghiệp, nhận diện những yêu cầu cơ bản của nghề và tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân.

2.3. Hiệu quả nổi bật đối với công tác tuyển sinh

Thực tiễn nhiều năm triển khai cho thấy công tác tuyển sinh của Trường Cao đẳng Y tế An Giang đạt kết quả tích cực, liên tiếp nhiều năm đạt và vượt chỉ tiêu được giao. Theo số liệu tổng hợp của nhà trường, tỷ lệ tuyển sinh bình quân giai đoạn 2022–2026 đạt 108% [8]. Đây là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh công tác tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp còn chịu tác động của nhiều yếu tố như tâm lý lựa chọn ngành học của học sinh, sự cạnh tranh trong tuyển sinh, điều kiện đi lại và khả năng tiếp cận thông tin của học sinh tại các địa bàn xa trung tâm.

Kết quả trên gắn với nhiều yếu tố, trong đó việc đổi mới hình thức tư vấn, tăng cường phối hợp với trường trung học phổ thông và tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp đã góp phần tạo ra cách tiếp cận người học gần gũi, thiết thực hơn.

Trước hết, hoạt động trải nghiệm giúp học sinh hiểu ngành nghề bằng những hình ảnh và tình huống cụ thể. Khi được trực tiếp quan sát, tham gia thực hành mẫu và trao đổi với giảng viên, học sinh có thể hình dung rõ hơn về quá trình học tập, những yêu cầu của nghề nghiệp và định hướng phát triển sau khi tốt nghiệp.

Thứ hai, hoạt động trải nghiệm tạo điều kiện để nhà trường xây dựng niềm tin với học sinh và phụ huynh. Những thông tin được truyền tải thông qua hoạt động thực tế, sự hướng dẫn của giảng viên và cách thức tổ chức chuyên nghiệp giúp người học có cơ sở đánh giá môi trường đào tạo một cách trực quan hơn.

Thứ ba, hoạt động này góp phần mở rộng hiệu quả truyền thông. Học sinh tham gia có thể chia sẻ những hình ảnh, trải nghiệm và cảm nhận với bạn bè, gia đình; từ đó, thông tin về nhà trường được lan tỏa tự nhiên trong cộng đồng.

Cần nhìn nhận rằng kết quả tuyển sinh là thành quả tổng hợp của nhiều giải pháp và sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận, cá nhân trong nhà trường. Tuy nhiên, hoạt động trải nghiệm đã trở thành một trong những giải pháp có ý nghĩa, hỗ trợ tích cực cho công tác hướng nghiệp, quảng bá hình ảnh và thu hút người học.

2.4. Quảng bá thương hiệu nhà trường thông qua trải nghiệm thực tế

Một kết quả quan trọng khác của hoạt động trải nghiệm là góp phần nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu Trường Cao đẳng Y tế An Giang.

Đối với nhiều học sinh, thông tin về trường cao đẳng và các ngành đào tạo sức khỏe trước đây chủ yếu được tiếp cận qua tờ rơi, thông báo tuyển sinh hoặc các buổi tư vấn ngắn. Khi được trực tiếp tham gia hoạt động trải nghiệm, học sinh có cơ hội hiểu rõ hơn về môi trường học tập, đội ngũ giảng viên, trang thiết bị và các hoạt động đào tạo của nhà trường. Qua đó, hình ảnh nhà trường không chỉ được thể hiện qua tên gọi hay thông tin tuyển sinh, mà còn thông qua chất lượng tổ chức hoạt động, thái độ phục vụ, sự tận tình của đội ngũ cán bộ, giảng viên và giá trị thiết thực mà học sinh nhận được.

Hoạt động trải nghiệm còn góp phần chuyển tải hình ảnh người cán bộ y tế gắn với tinh thần trách nhiệm, sự tận tâm, tính kỷ luật và ý thức phục vụ cộng đồng. Đây là những giá trị quan trọng đối với người học khi cân nhắc lựa chọn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe. Có thể khẳng định, hiệu quả quảng bá thương hiệu thông qua trải nghiệm không chỉ nằm ở số lượng học sinh tham gia một chương trình, mà còn ở khả năng tạo ấn tượng tích cực, củng cố niềm tin và duy trì mối quan hệ lâu dài giữa nhà trường với các cơ sở giáo dục phổ thông.

3. NHỮNG KINH NGHIỆM RÚT RA

Từ quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm và tư vấn tuyển sinh, Trường Cao đẳng Y tế An Giang rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu sau:

Thứ nhất, phải xác định rõ mục tiêu kép nhưng không tách rời giữa hướng nghiệp và tuyển sinh. Hoạt động cần giúp học sinh hiểu nghề, hiểu bản thân và có cơ sở lựa chọn ngành học phù hợp. Hiệu quả tuyển sinh là kết quả quan trọng, nhưng không thay thế mục tiêu giáo dục hướng nghiệp.

Thứ hai, lấy trải nghiệm thực tế làm trung tâm. Đối với ngành sức khỏe, những nội dung trực quan, thao tác mẫu, giao lưu với giảng viên và tìm hiểu môi trường học tập thường tạo điều kiện để học sinh tiếp nhận thông tin sinh động hơn so với phương thức giới thiệu đơn thuần.

Thứ ba, tăng cường phối hợp với các trường trung học phổ thông. Sự hỗ trợ của ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm và các lực lượng giáo dục tại trường phổ thông có vai trò quan trọng trong việc huy động học sinh, lựa chọn thời gian, tổ chức hoạt động và duy trì kết nối sau chương trình.

Thứ tư, tổ chức hoạt động có kế hoạch, có phân công và có theo dõi kết quả. Công tác phối hợp giữa bộ phận phụ trách tuyển sinh, các phòng chức năng, khoa chuyên môn, giảng viên

và các tổ chức đoàn thể giúp hoạt động được triển khai đồng bộ, sử dụng hiệu quả nguồn lực và phát huy thế mạnh chuyên môn của nhà trường.

Thứ năm, duy trì kết nối sau trải nghiệm. Hoạt động hướng nghiệp không nên kết thúc ngay sau một buổi giao lưu. Việc giải đáp thắc mắc, cung cấp thông tin chính xác và hỗ trợ học sinh tìm hiểu ngành học trong giai đoạn tiếp theo là yếu tố cần thiết để duy trì hiệu quả của chương trình.

4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Xây dựng hoạt động trải nghiệm thành mô hình hướng nghiệp thường xuyên, có hệ thống

Cần từng bước chuyển hoạt động trải nghiệm từ các chương trình riêng lẻ thành mô hình được tổ chức định kỳ hằng năm, có mục tiêu, nội dung, đối tượng và tiêu chí đánh giá rõ ràng.

Bên cạnh chương trình "Một ngày làm cán bộ y tế", có thể phát triển các chủ đề trải nghiệm theo từng nhóm ngành, từng khối lớp và nhu cầu của học sinh. Đối với học sinh lớp 10, lớp 11, nội dung tập trung khám phá nghề nghiệp, nhận diện sở thích và năng lực. Đối với học sinh lớp 12, hoạt động cần đi sâu hơn vào tìm hiểu ngành đào tạo, yêu cầu đầu vào, chương trình học tập, phương thức tuyển sinh và cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Cần xây dựng bộ nội dung trải nghiệm chuẩn, quy trình tổ chức thống nhất và phương án điều chỉnh linh hoạt theo điều kiện của từng trường phổ thông.

4.2. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và các cơ sở giáo dục phổ thông

Cần duy trì mối quan hệ phối hợp thường xuyên với Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên trong công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh.

Đồng thời, cần chú trọng xây dựng mạng lưới đầu mối hướng nghiệp tại các trường trung học để duy trì trao đổi thông tin, cập nhật nhu cầu của học sinh và tổ chức các hoạt động phù hợp. Việc phối hợp cần hướng đến mục tiêu lâu dài là hỗ trợ học sinh lựa chọn lộ trình học tập phù hợp, không chỉ dừng lại ở hoạt động tuyển sinh theo mùa vụ.

4.3. Đổi mới phương thức tư vấn và chăm sóc học sinh sau trải nghiệm

Sau mỗi chương trình, cần có phương thức tiếp nhận phản hồi, giải đáp thắc mắc và hỗ trợ học sinh tiếp tục tìm hiểu nghề nghiệp.

Có thể kết hợp tư vấn trực tiếp với các kênh thông tin trực tuyến phù hợp, cung cấp tài liệu giới thiệu ngành học, video trải nghiệm, thông tin tuyển sinh và nội dung giải đáp những câu hỏi thường gặp.

Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của giảng viên, sinh viên đang học và cựu sinh viên trong việc chia sẻ trải nghiệm học tập, kinh nghiệm lựa chọn ngành nghề và những yêu cầu thực tế của công việc.

4.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động hướng nghiệp và quảng bá thương hiệu

Trong giai đoạn 2026–2030, cần kết hợp mô hình trải nghiệm trực tiếp với truyền thông số nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận học sinh ở các địa bàn xa.

Các sản phẩm truyền thông có thể bao gồm video giới thiệu ngành nghề, hình ảnh hoạt động

trải nghiệm, nội dung hỏi đáp về tuyển sinh, câu chuyện học tập của sinh viên và thông tin về môi trường đào tạo.

Đối với học sinh chưa có điều kiện tham gia trực tiếp, có thể tổ chức các buổi tư vấn trực tuyến, giới thiệu ngành học qua video và xây dựng nội dung mô phỏng một số hoạt động nghề nghiệp cơ bản.

Việc ứng dụng công nghệ số không nhằm thay thế hoàn toàn trải nghiệm trực tiếp, mà bổ trợ cho hoạt động thực tế, giúp học sinh tiếp cận thông tin trước, trong và sau chương trình. Qua đó, hình ảnh nhà trường được truyền tải nhất quán, có tính tương tác và dễ tiếp cận hơn.

4.5. Nâng cao chất lượng nội dung trải nghiệm gắn với đặc thù ngành sức khỏe

Cần tiếp tục phát huy thế mạnh chuyên môn của đội ngũ giảng viên và các ngành đào tạo sức khỏe để xây dựng nội dung trải nghiệm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Các hoạt động cần được thiết kế theo nguyên tắc trực quan, dễ hiểu, có tính tương tác và bảo đảm an toàn. Học sinh được khuyến khích đặt câu hỏi, tham gia thao tác mẫu dưới sự hướng dẫn chuyên môn, thảo luận tình huống và tìm hiểu những phẩm chất cần thiết của người cán bộ y tế.

Đồng thời, cần giúp học sinh nhận thức đầy đủ rằng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe đòi hỏi kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người bệnh. Qua đó, hoạt động hướng nghiệp góp phần hình thành nhận thức đúng đắn về nghề, hỗ trợ học sinh đưa ra quyết định phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân.

4.6. Hoàn thiện cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động

Để bảo đảm tính bền vững, cần xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gắn với tuyển sinh.

Các tiêu chí cần bao gồm cả số lượng và chất lượng, như số trường phối hợp, số học sinh tham gia, mức độ hài lòng, mức độ hiểu biết về ngành nghề trước và sau trải nghiệm, số học sinh tiếp tục tìm hiểu ngành học và kết quả tuyển sinh theo từng nhóm đối tượng khi có đủ dữ liệu đối chiếu.

Việc đánh giá cần được thực hiện định kỳ, có tổng hợp và phân tích nguyên nhân để xác định nội dung phù hợp, những khâu cần cải tiến và cách sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn.

4.7. Kiến nghị cơ chế hỗ trợ hoạt động hướng nghiệp và phân luồng

Để mô hình được triển khai rộng rãi và hiệu quả hơn, nhà trường kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện để các trường phổ thông phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi về lịch tổ chức, địa điểm, công tác huy động học sinh và chia sẻ thông tin hướng nghiệp.

Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cần tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp xây dựng tài liệu hướng nghiệp và phát triển các hoạt động trải nghiệm phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực đào tạo.

5. KẾT LUẬN

Thực tiễn tại Trường Cao đẳng Y tế An Giang cho thấy việc kết hợp hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với công tác tư vấn tuyển sinh là hướng đi phù hợp, mang lại nhiều giá trị thiết thực. Hoạt động này góp phần giúp học sinh tiếp cận nghề nghiệp bằng trải nghiệm thực tế, nâng cao nhận thức về ngành đào tạo, đồng thời tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường với các trường trung học phổ thông, phụ huynh và cộng đồng.

Kết quả tư vấn tuyển sinh hàng năm tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, cùng với việc triển khai chương trình "Một ngày làm cán bộ y tế", là những minh chứng cho sự chủ động của nhà trường trong đổi mới phương thức tiếp cận người học. Cùng với các giải pháp tuyển sinh và sự phối hợp của đội ngũ cán bộ, giảng viên, công tác tuyển sinh của nhà trường nhiều năm liên tiếp đạt và vượt chỉ tiêu, tỷ lệ thực hiện bình quân giai đoạn 2022–2026 đạt 108%.

Quan trọng hơn, hoạt động trải nghiệm đã góp phần làm cho hình ảnh Trường Cao đẳng Y tế An Giang được biết đến rộng rãi hơn, từng bước tạo dựng niềm tin và khẳng định vai trò của nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực y tế cho địa phương.

Trong giai đoạn 2026–2030, nhà trường xác định tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tổ chức trải nghiệm; tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục phổ thông; đẩy mạnh chuyển đổi số; nâng cao chất lượng tư vấn và hoàn thiện công tác đánh giá hiệu quả. Mục tiêu là xây dựng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thành một giải pháp thường xuyên, có chiều sâu, có khả năng nhân rộng và đóng góp thiết thực vào công tác phân luồng học sinh.

Với sự quan tâm chỉ đạo của ngành giáo dục, sự phối hợp của các trường phổ thông và tinh thần chủ động đổi mới của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tin tưởng rằng mô hình trải nghiệm gắn với hướng nghiệp và tuyển sinh sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả, giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, góp phần phát triển nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.
2. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
3. Covacevich, C., Mann, A., Besa, F., Diaz, J., & Santos, C. (2021). *Thinking about the future: Career readiness insights from national longitudinal surveys and from practice* (OECD Education Working Papers No. 248). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/02a419de-en
4. Ban Tổ chức Hội thảo (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
5. Trường Cao đẳng Y tế An Giang (2026). *Kế hoạch số 57/KH-CĐYTAG ngày 24/02/2026 về tư vấn tuyển sinh năm 2026* (cùng các kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2024, 2025).
6. Trường Cao đẳng Y tế An Giang (2026). *Báo cáo số 211/BC-CĐYTAG ngày 04/6/2026 về việc tư vấn tuyển sinh năm 2026* (tổng hợp giai đoạn 2024–2026).
7. Trường Cao đẳng Y tế An Giang (2024–2026). *Kế hoạch tổ chức tư vấn hướng nghiệp và hoạt động trải nghiệm "Một ngày làm cán bộ y tế"* (các năm 2024–2026).
8. Trường Cao đẳng Y tế An Giang (2026). *Số liệu tuyển sinh giai đoạn 2022–2026* [Tài liệu nội bộ].

PHÁT HUY NGUỒN LỰC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI TỈNH AN GIANG

CN. Quách Thị Hải Yến

Trường Trung cấp An Giang, tỉnh An Giang

Email: quachthihaiyen1505@gmail.com

Tóm tắt: *Các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021–2025 đã hỗ trợ người dân học nghề và bổ sung nguồn lực cho một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại An Giang. Từ số liệu về người học, cơ sở vật chất và hạ tầng quản lý đào tạo, bài tham luận xem xét khả năng sử dụng những điều kiện đã có để phục vụ hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Các giải pháp tập trung vào trải nghiệm nghề tại phòng, xưởng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh và gia đình gắn với điều kiện theo học, phối hợp giữa trường phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và theo dõi học sinh sau nhập học. Việc triển khai trong giai đoạn 2026–2030 cần thí điểm theo cụm trường, phù hợp với từng địa bàn.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng học sinh; chương trình mục tiêu quốc gia; giáo dục nghề nghiệp; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau trung học cơ sở (THCS), học sinh đứng trước việc lựa chọn hướng học phù hợp với khả năng và dự định của mình. Để quyết định, các em cần hiểu chương trình đào tạo, yêu cầu của nghề và những điều phải chuẩn bị khi theo học. Gia đình còn quan tâm đến các vấn đề rất cụ thể: học ở đâu, chi phí bao nhiêu, con có theo học được không và sau này có thể làm công việc gì. Hoạt động hướng nghiệp cần giúp học sinh và cha mẹ có đủ thông tin để cùng cân nhắc những lựa chọn đó.

Tại An Giang, việc tổ chức hướng nghiệp cần tính đến điều kiện của học sinh ở các địa bàn nông thôn, biên giới, ven biển và hải đảo. Khoảng cách đến cơ sở đào tạo có thể ảnh hưởng đến khả năng tham gia hoạt động trải nghiệm nghề. Nếu lựa chọn học nghề xa nhà, gia đình còn phải tính toán việc đi lại, chỗ ở và kinh phí sinh hoạt. Vì vậy, tư vấn cần đi vào cả điều kiện theo học, nhất là với những em có hoàn cảnh khó khăn.

Các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giai đoạn 2021–2025 đã dành nguồn lực hỗ trợ học nghề, đầu tư cơ sở vật chất và bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo. Những điều kiện được bổ sung cho cơ sở đào tạo có thể tiếp tục phục vụ hoạt động tìm hiểu nghề của học sinh phổ thông. Vấn đề đặt ra là các trường phối hợp sử dụng phòng học, xưởng thực hành, thiết bị và đội ngũ như thế nào để giúp học sinh hiểu nghề và lựa chọn hướng học phù hợp.

Dựa trên kết quả nghiên cứu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn [1] và báo cáo của ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2026 [2], bài tham luận đề xuất cách phối hợp giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN), trường phổ thông và doanh nghiệp trong giai đoạn 2026–2030. Trọng tâm là sử dụng điều kiện đào tạo sẵn có cho hoạt động trải nghiệm, tư vấn và hỗ trợ học sinh sau THCS. Các số liệu về học nghề được dùng để phân tích nguồn lực và kinh nghiệm thực hiện, chưa

phải bằng chứng về tác động của các chương trình đến phân luồng học sinh.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI PHÂN LUỒNG HỌC SINH

Giai đoạn 2022–2024, chương trình giảm nghèo bền vững đã hỗ trợ 9.727 học viên tại An Giang trước sắp xếp học nghề theo Tiểu dự án 1, Dự án 4. Cũng trong thời gian này, tại Kiên Giang trước sắp xếp, 2.985 học viên được hỗ trợ từ Tiểu dự án 3, Dự án 5 của chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Riêng nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới ghi nhận 22.912 người được hỗ trợ trong giai đoạn 2021–2024.

Ở hai nhiệm vụ thuộc chương trình giảm nghèo và chương trình vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, người học chủ yếu tham gia các khóa sơ cấp hoặc ngắn hạn [1, mục 2.2.2]. Đây là kết quả hỗ trợ học nghề cho các nhóm thụ hưởng, chưa cho biết có bao nhiêu học sinh sau THCS lựa chọn và theo học tại cơ sở GDNN. Đối với hướng nghiệp, điều có thể kế thừa từ các chương trình là điều kiện đào tạo đã được bổ sung và kinh nghiệm hỗ trợ người học. Những kết quả này cần được xem xét khi xây dựng sự phối hợp giữa trường phổ thông với cơ sở đào tạo nghề.

Về cơ sở vật chất, trong giai đoạn 2022–2024, ba cơ sở GDNN tại An Giang trước sắp xếp được hỗ trợ đầu tư phát triển từ chương trình giảm nghèo bền vững. Tại Kiên Giang trước sắp xếp, nguồn lực của chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được bố trí để sửa chữa phòng học, xưởng thực hành và trang bị thiết bị cho một số trường [1, mục 2.3.2]. Các trường có thể lựa chọn phòng, xưởng đủ điều kiện để đón học sinh phổ thông đến tìm hiểu nghề. Việc được quan sát và thử một số thao tác phù hợp có thể giúp các em hình dung rõ hơn về việc học nghề. Khả năng tổ chức hoạt động này phụ thuộc vào lịch đào tạo, người hướng dẫn và điều kiện an toàn của từng cơ sở.

Việc đầu tư còn bao gồm hạ tầng mạng và phần mềm quản lý đào tạo. Năm 2023, Kiên Giang trước sắp xếp bố trí 3.200 triệu đồng từ nhiệm vụ thuộc chương trình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện nội dung này tại hai trường. Đến cuối năm, số kinh phí giải ngân đạt 2.869 triệu đồng; thiết bị và phần mềm bắt đầu được đưa vào sử dụng [1, mục 2.3.4]. Hạ tầng đã được đầu tư có thể hỗ trợ trao đổi thông tin đào tạo và theo dõi học sinh sau nhập học. Tuy nhiên, cần kiểm tra chức năng và tình trạng sử dụng tại từng trường trước khi đưa vào kế hoạch phối hợp với trường phổ thông.

Các cơ sở GDNN trong tỉnh cũng đang duy trì liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng [2, tr. 12]. Đây là mối liên hệ các trường có thể sử dụng khi tổ chức hướng nghiệp. Bên cạnh thông tin về chương trình học, học sinh cần được nghe người làm nghề chia sẻ về công việc hằng ngày, yêu cầu kỹ năng và những khó khăn thường gặp. Những trao đổi này giúp các em hiểu rõ hơn về nghề mình quan tâm. Giáo viên phổ thông cũng có thêm thông tin để cùng học sinh cân nhắc sở thích, khả năng học tập và yêu cầu của nghề.

Quá trình thực hiện các chương trình cũng cho thấy những khó khăn cần lưu ý khi hỗ trợ người học. Một số nhiệm vụ triển khai chậm do hướng dẫn hoặc kinh phí đến muộn; việc xác định đối tượng thụ hưởng còn vướng mắc [1, mục 2.3.1–2.3.2]. Với gia đình có con chuẩn bị học nghề, thông tin về hỗ trợ phải được giải thích rõ trước khi đăng ký: con thuộc diện nào, được hỗ trợ khoản

gì và cần làm thủ tục ở đâu. Nếu những nội dung này chưa rõ, gia đình khó tính toán điều kiện cho con theo học. Kinh nghiệm đó cần được chú ý khi tư vấn phân luồng, nhất là đối với học sinh thuộc các nhóm được ưu tiên hỗ trợ.

3. GIẢI PHÁP PHÁT HUY NGUỒN LỰC TRONG GIAI ĐOẠN 2026–2030

Trong giai đoạn 2026–2030, việc phối hợp có thể bắt đầu từ những cơ sở GDNN có phòng, xưởng và đội ngũ phù hợp để tổ chức trải nghiệm nghề cho học sinh THCS. Trường phổ thông và cơ sở GDNN cùng xác định nội dung học sinh cần tìm hiểu, điều kiện tham gia và cách tư vấn sau trải nghiệm. Hoạt động này cần được đưa vào kế hoạch năm học, có sự tham gia của gia đình và doanh nghiệp.

3.1. Đưa cơ sở thực hành vào hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Một buổi trải nghiệm cần giúp học sinh hiểu thêm về nghề và có dịp nhận biết sở thích, khả năng của mình. Giáo viên phổ thông và giáo viên nghề nên cùng chuẩn bị nội dung dựa trên những vấn đề học sinh muốn tìm hiểu. Cơ sở GDNN bố trí phòng thực hành, thiết bị và người hướng dẫn; trường phổ thông chuẩn bị cho học sinh trước khi tham gia và tổ chức trao đổi sau hoạt động. Những điều học sinh quan sát, thực hiện và còn băn khoăn cần được tiếp tục thảo luận trên lớp để phục vụ việc lựa chọn hướng học.

Chẳng hạn, khi tìm hiểu một nghề kỹ thuật, học sinh có thể quan sát hoặc thực hiện thao tác đơn giản trên mô hình an toàn. Người hướng dẫn giải thích công việc đòi hỏi sự chính xác ở đâu, cần vận dụng kiến thức nào và kỹ năng phải được rèn luyện ra sao. Sau trải nghiệm, học sinh trao đổi điều mình làm được, chỗ còn lúng túng và những nội dung muốn tìm hiểu thêm. Giáo viên sử dụng những trao đổi ấy để tiếp tục tư vấn; một lần thực hành chưa đủ để kết luận học sinh có phù hợp với nghề hay không.

Nội dung giới thiệu nghề cần gắn với công việc thực tế sau đào tạo. Tùy địa bàn, các trường có thể lựa chọn công việc trong sản xuất nông nghiệp, kỹ thuật, chế biến hoặc dịch vụ để học sinh tìm hiểu. Việc lựa chọn phải dựa trên thông tin từ cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và khả năng tổ chức đào tạo của nhà trường. Doanh nghiệp nên tham gia ngay từ khâu chuẩn bị, giới thiệu công việc người mới vào nghề thường làm, yêu cầu tuyển dụng và những kỹ năng đang thay đổi [3]. Học sinh nhờ đó có thêm thông tin về cơ hội việc làm và những điều cần chuẩn bị khi lựa chọn nghề.

Đối với học sinh ở xa, các trường có thể tổ chức trải nghiệm theo cụm để thuận tiện bố trí đi lại và sử dụng phòng, xưởng. Trước khi đến cơ sở đào tạo, học sinh được tìm hiểu qua hình ảnh, video hoặc trao đổi trực tuyến. Số em tham gia mỗi lượt cần phù hợp với khả năng tiếp nhận và hướng dẫn của cơ sở. Kế hoạch tổ chức cần tính đến chi phí đi lại, nhất là với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, để các em có thể tham gia hoạt động.

Các trường cần rà soát công năng, tình trạng thiết bị, lịch đào tạo và điều kiện an toàn trước khi bố trí trải nghiệm. Đồng thời, phải dự kiến người hướng dẫn, vật tư và chi phí cho từng hoạt động. Tài sản được đầu tư từ giai đoạn trước có thể tiếp tục phục vụ đào tạo và hướng nghiệp theo công năng phù hợp; kinh phí tổ chức hoạt động trong giai đoạn 2026–2030 cần được xác định riêng. Nếu đề xuất sử dụng nguồn CTMTQG, kế hoạch phải làm rõ nhiệm vụ, đối tượng và căn cứ áp dụng tại thời điểm thực hiện.

3.2. Gắn tư vấn lựa chọn với điều kiện theo học của học sinh

Trải nghiệm nghề giúp học sinh có thêm hiểu biết, nhưng quyết định theo học còn liên quan đến nguyện vọng, khả năng học tập và điều kiện gia đình. Báo cáo của OECD cho thấy hoàn cảnh kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đáng kể đến dự định học tập; học sinh có hoàn cảnh bất lợi cũng ít có cơ hội tham gia các hoạt động hướng nghiệp gắn với kết quả việc làm tốt hơn [4]. Đối với An Giang, nghiên cứu này gợi ý cần quan tâm đến cả cơ hội tìm hiểu nghề và điều kiện thực hiện lựa chọn của học sinh, nhất là những em gặp khó khăn.

Khi tư vấn sau THCS, nhà trường cần giúp học sinh và cha mẹ hiểu các hướng học có thể lựa chọn, yêu cầu đầu vào, nội dung đào tạo và khả năng học tiếp. Nếu lựa chọn cơ sở GDNN, gia đình cần biết thêm về chỗ ở, việc đi lại và những khoản chi trong suốt thời gian học. Cha mẹ có thể đồng ý với nghề con muốn học nhưng vẫn băn khoăn liệu gia đình có đủ điều kiện cho con theo học đến cùng hay không. Việc tư vấn cần giải đáp những băn khoăn cụ thể đó.

Giáo viên chủ nhiệm nắm quá trình học tập của học sinh, còn cơ sở GDNN hiểu điều kiện đào tạo và chính sách hỗ trợ đang thực hiện. Hai bên nên cùng tư vấn những trường hợp còn vướng mắc, với sự tham gia của học sinh và cha mẹ. Đối với từng khoản hỗ trợ, cần giải thích rõ điều kiện được nhận, hồ sơ phải chuẩn bị, nơi giải quyết và thời điểm dự kiến thực hiện. Các khoản hỗ trợ từ CTMTQG cần được phân biệt với chính sách hỗ trợ khác để gia đình biết khoản nào có thể được nhận và khoản nào phải tự chuẩn bị.

Tư vấn phải tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh – một nguyên tắc được Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT xác định [5]. Thuộc hộ khó khăn hoặc diện ưu tiên hỗ trợ không có nghĩa là một em đương nhiên nên học nghề. Giáo viên cần trao đổi cả về năng lực, hứng thú và mong muốn học tiếp của từng em. Với học sinh chưa rõ dự định, nhà trường tiếp tục tạo cơ hội tìm hiểu. Với những em đã lựa chọn, việc tư vấn cần giúp các em và gia đình chuẩn bị điều kiện để theo học.

Sau nhập học, học sinh chuyển từ THCS sang môi trường đào tạo mới có thể gặp khó khăn về phương pháp học, sinh hoạt hoặc thực hành. Giáo viên phụ trách tại cơ sở GDNN cần giữ liên hệ với gia đình và nắm những khó khăn ảnh hưởng đến việc học để hỗ trợ kịp thời. Với trường hợp đã đăng ký nhưng chưa nhập học, cơ sở tiếp nhận phối hợp cùng trường phổ thông tìm hiểu nguyên nhân và ghi nhận lựa chọn thực tế của học sinh.

3.3. Tổ chức phối hợp và theo dõi kết quả

Trước mắt, tỉnh có thể lựa chọn một số cụm trường phổ thông gần cơ sở GDNN đủ điều kiện để thí điểm trong một năm học. Mỗi cụm thống nhất nội dung trải nghiệm, thời gian tư vấn cho gia đình và cách hỗ trợ học sinh sau khi lựa chọn học nghề. Cần có cả cụm trường ở địa bàn đi lại khó khăn để xem cách tổ chức có đáp ứng được điều kiện tham gia của học sinh hay không. Kết quả thí điểm là căn cứ điều chỉnh trước khi mở rộng.

Trường phổ thông chịu trách nhiệm chuẩn bị và tổ chức cho học sinh tham gia, đồng thời tiếp tục tư vấn sau trải nghiệm. Cơ sở GDNN phụ trách nội dung chuyên môn, điều kiện thực hành và thông tin đào tạo. Doanh nghiệp giới thiệu công việc, yêu cầu kỹ năng và nhu cầu tuyển dụng. Chính quyền địa phương phối hợp xác định điều kiện hỗ trợ theo nhiệm vụ được giao. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, giải quyết những vướng mắc vượt khả năng của từng trường và tổ chức đánh giá kết quả. Mỗi bên cần phân công người phụ trách để việc phối hợp được duy trì trong suốt

năm học.

Kế hoạch phối hợp cần được thống nhất từ đầu năm học để trường phổ thông bố trí hoạt động hướng nghiệp và cơ sở GDNN sắp xếp lịch thực hành. Trước thời điểm học sinh đăng ký hướng học sau THCS, các bên cùng kiểm tra lại thông tin đào tạo, nhu cầu của gia đình và những trường hợp còn vướng về hỗ trợ. Khi thay đổi người phụ trách, cần bàn giao công việc và thông tin liên quan để việc tư vấn không bị gián đoạn.

Việc đánh giá cần tìm hiểu học sinh đã biết thêm gì về nghề, còn thiếu thông tin nào và lựa chọn sau tốt nghiệp ra sao. Với những em chọn học tại cơ sở GDNN, hai trường cần đối chiếu việc nhập học thực tế; cơ sở tiếp nhận tiếp tục theo dõi các khoản hỗ trợ đã nhận và tình trạng học tập sau học kỳ đầu. Nơi đã có phần mềm quản lý đào tạo nên sử dụng dữ liệu đang lưu và bổ sung thông tin cần thiết, hạn chế lập thêm biểu mẫu trùng lặp. Thông tin cá nhân được chia sẻ trong phạm vi cần thiết cho việc hỗ trợ; kết quả hoàn thành khóa học và việc làm sau tốt nghiệp được cập nhật khi có thông tin xác nhận.

Không nên chỉ dựa vào số học sinh đăng ký tại trường tổ chức trải nghiệm để đánh giá kết quả hướng nghiệp. Một học sinh nhận ra nghề đã tìm hiểu chưa phù hợp và lựa chọn hướng khác vẫn có thể đã được tư vấn có ích. Khi tính tỷ lệ nhập học hoặc tiếp tục học, cần xác định rõ nhóm học sinh được theo dõi và thời điểm ghi nhận. Muốn đánh giá riêng đóng góp của CTMTQG, còn phải xem xét hoàn cảnh gia đình và các hỗ trợ khác mà các em nhận được.

Cuối năm học, các bên cùng xem lại nội dung nào giúp học sinh hiểu nghề, nhóm học sinh nào còn khó tham gia và những vướng mắc chưa giải quyết được. Chi phí tổ chức và khả năng duy trì phối hợp cũng cần được xem xét trước khi quyết định tiếp tục hay mở rộng hoạt động.

4. KẾT LUẬN

Các CTMTQG đã hỗ trợ người dân học nghề và bổ sung điều kiện đào tạo cho một số cơ sở GDNN tại An Giang. Những kết quả này có thể được sử dụng để tổ chức trải nghiệm nghề và tư vấn cho học sinh sau THCS. Để thực hiện, trường phổ thông và cơ sở GDNN cần cùng xây dựng nội dung phù hợp với học sinh, bố trí điều kiện tham gia và phối hợp với gia đình, doanh nghiệp trong quá trình tư vấn.

Trong giai đoạn 2026–2030, có thể thí điểm tại một số cụm trường, sử dụng phòng, xưởng sẵn có và duy trì hỗ trợ trong thời gian đầu sau nhập học. Kết quả cần được xem xét qua hiểu biết về nghề, lựa chọn học tập và khả năng tiếp tục theo học của học sinh. Từ thực tế triển khai, địa phương có thể điều chỉnh cách tổ chức, để nguồn lực đã đầu tư phục vụ thiết thực hơn cho công tác hướng nghiệp, phân luồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quách Thị Hải Yến (2026). *Quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh An Giang* [Bản thảo đề án]. Học viện Hành chính và Quản trị công.
2. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Báo cáo số 8028/BC-SGDĐT ngày 22/10/2026 về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2026 và năm học 2026–2027 của ngành Giáo dục và Đào tạo*.
3. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
4. OECD (2025). *The state of global teenage career preparation*. OECD Publishing. https://doi.org/10.1

787/d5f8e3f2-en
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.

VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG HƯỚNG NGHIỆP: GIẢI PHÁP PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH TRONG PHÂN LUỒNG, ĐỒNG HÀNH CÙNG HỌC SINH TRONG LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TẠI TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC 1

ThS. Nguyễn Thanh Tùng, ThS. Trần Thị Kim Phụng

Trường THPT Nguyễn Trung Trực 1, tỉnh An Giang

Email: nguyentungnvx@gmail.com, kimphungkg2019@gmail.com

Tóm tắt: *Trường THPT Nguyễn Trung Trực 1 xác định xây dựng quan hệ hợp tác giữa nhà trường và gia đình là nhiệm vụ then chốt trong mọi hoạt động giáo dục, đặc biệt là tư vấn hướng nghiệp. Bài viết phân tích khó khăn trong phối hợp với cha mẹ học sinh và trong tư vấn nghề nghiệp (cha mẹ bận rộn, thiếu thông tin về chương trình mới, học sinh chọn nghề theo đám đông, giáo viên kiêm nhiệm, kinh phí hạn chế). Từ đó, bài viết giới thiệu ba nhóm giải pháp đã triển khai: phát huy vai trò cha mẹ theo nguyên tắc tôn trọng quyền tự quyết của học sinh qua đa dạng kênh thông tin hai chiều; số hóa giao tiếp và phát huy vai trò Ban đại diện cha mẹ học sinh; đồng hành cùng học sinh qua họp hướng nghiệp "3 bên", huy động cha mẹ làm "cố vấn thực địa" và kết nối doanh nghiệp.*

Từ khóa: *cha mẹ học sinh; phối hợp nhà trường – gia đình; tư vấn hướng nghiệp; phân luồng học sinh; Ban đại diện cha mẹ học sinh*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục con người là nhiệm vụ lâu dài và vất vả như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người", đòi hỏi sự phát triển nhất quán và kết hợp của nhiều yếu tố, trong đó mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình là quan trọng hơn cả [1]. Việc hình thành những kết nối như vậy sẽ giúp giáo viên hiểu hơn về học sinh cũng như hoàn cảnh gia đình của từng học sinh, còn cha mẹ học sinh (CMHS) thì có cơ hội tìm hiểu bản chất công tác giáo dục và chương trình giáo dục của nhà trường. Khi cha mẹ tham gia tích cực vào việc giáo dục, họ sẽ hiểu thêm về sở thích, ưu điểm, khuyết điểm và những vấn đề con cái họ cần hỗ trợ trong giáo dục; họ sẽ thông tin đến giáo viên những đặc điểm của con mình và mong muốn cùng giáo viên hợp tác giáo dục. Khi CMHS phối hợp với nhà trường, được nhà trường quan tâm và tôn trọng, họ sẽ gắn kết hơn với hành trình phối hợp với nhà trường trong quá trình học tập của con mình và giúp nuôi dưỡng niềm yêu thích học tập của con họ với định hướng nhất quán do nhà trường cung cấp. Việc thiết lập sự hợp tác giữa gia đình và nhà trường sẽ giúp chúng ta xây dựng được một môi trường học tập ở nhà và ở trường là một thể thống nhất. Sự kết hợp này cũng sẽ giúp gia đình hiểu rõ hơn về quá trình học tập đang diễn ra.

Trong môi trường lớp học, việc liên hệ với các gia đình và tham gia vào các cuộc đối thoại đã giúp giáo viên hiểu rõ hơn về nhu cầu học tập cụ thể của từng học sinh. Việc trao đổi ý kiến với gia đình học sinh đem lại những kết quả khả quan trong việc hỗ trợ học sinh hoàn thành mục tiêu học tập và quan trọng nhất trong mục tiêu cuộc đời của mỗi học sinh, đó là hoàn thành quá trình

học tập và thành công trong nghề nghiệp khi ra trường.

Hiện nay, giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học được thực hiện xuyên suốt thông qua các môn khoa học cơ bản, chương trình giáo dục hướng nghiệp chính khóa; môn Công nghệ và lao động sản xuất; tham quan, sinh hoạt ngoại khóa, tư vấn hướng nghiệp, giáo dục địa phương… đều hướng tới hình thành sự hứng thú, định hướng về năng lực nghề cho học sinh, từ đó định hướng phân luồng nghề cho học sinh tại trường khi triển khai và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 [2].

Hệ thống tư vấn hướng nghiệp tại Trường trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Trung Trực 1 được đánh giá là một hệ thống gắn liền với CMHS trong nhiều năm qua. Nhà trường không xem hướng nghiệp là một sự kiện tách rời (như một buổi nói chuyện cuối cấp), mà tích hợp thành một quá trình xuyên suốt từ khi các em trúng tuyển đến khi các em hoàn thành chương trình cấp THPT qua rất nhiều hoạt động tư vấn, trải nghiệm, chuyên môn, sinh hoạt tập thể… Tại trường, CMHS không được xem là người đứng ngoài hay người ra lệnh; nhà trường rất đề cao quyền tự quyết của học sinh, do đó vai trò của cha mẹ được thiết kế để đồng hành, hỗ trợ tinh thần và phối hợp chặt chẽ với nhà trường thay vì áp đặt con cái, nhất là trong công tác tư vấn hướng nghiệp.

2. THỰC TRẠNG

Từ khi bắt đầu triển khai Chương trình GDPT 2018, Ban lãnh đạo nhà trường đã lưu ý đến việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, tốt đẹp giữa nhà trường với gia đình học sinh để trao đổi và tìm hiểu sở thích, năng lực học sinh, thực hiện công tác phân luồng đối tượng học sinh theo năng lực khi xếp lớp và khi tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp nghề – đại học; đồng thời nắm bắt được điều kiện kinh tế hỗ trợ học sinh học tập và nhu cầu cụ thể của từng gia đình khi định hướng nghề cho các em. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện, nhà trường gặp rất nhiều trường hợp CMHS quá bận rộn với xã hội và công việc; một số ít CMHS lại không nắm rõ chương trình mới và các nội dung phân luồng, hướng nghiệp khác xa so với giai đoạn trước, nên công tác tạo dựng mối quan hệ phối hợp gặp những thách thức cản trở sự tham gia của gia đình học sinh. Bên cạnh đó, học sinh tại số đông gia đình được cha mẹ tôn trọng quyền "tự quyết" nên rất nhiều em vội vã chọn lựa nghề theo "nhóm bạn thân" hoặc theo xu hướng "đám đông" chứ chưa theo đúng "năng lực – sở trường – kinh tế gia đình". Một lượng lớn dữ liệu trong hoạt động quảng bá của các trường đại học làm cho học sinh ngộp thông tin, chưa xác định nổi mục tiêu cần chọn, làm các em hoang mang và bối rối trước sự lựa chọn của mình; từ đó các kết quả đạt được chưa phù hợp với năng lực và đặc điểm của học sinh, ảnh hưởng rất lớn đến sự nghiệp và con đường nghề nghiệp của bản thân học sinh.

Nhiều học sinh và CMHS còn tư duy cũ, cho rằng các ngành nghề quen thuộc sẽ kiếm được nhiều tiền mà không quan tâm xã hội cần bao nhiêu vị trí việc làm; nhiều học sinh cứ chọn các môn khoa học tự nhiên và cho rằng sẽ có nhiều nghề "hái ra tiền" hơn khoa học xã hội, nhưng không phù hợp với năng lực và sở trường của cá nhân nên học giữa chừng phải bỏ dở…

Thêm nữa, trong Chương trình GDPT 2018, nội dung hướng nghiệp mỗi tuần còn 1 tiết so với trước đây 3 tiết tập trung nên khó có độ sâu khi phân tích định hướng nghề; mặt khác, giáo viên tại trường đa số là kiêm nhiệm, chưa được tập huấn chuyên sâu nên chưa có phương pháp giảng dạy thu hút học sinh [3]. Các thầy cô không có nhiều thời gian để tìm hiểu sâu về thế giới nghề nghiệp vốn đã đa dạng và phức tạp nên chưa thể chỉ ra được cơ hội và hạn chế của thị trường lao

động; hiện tượng thất nghiệp của học sinh sau khi ra trường đã tác động rất lớn đến quá trình tư vấn nghề. Từ đó, học sinh còn nhiều hoang mang trong mỗi đợt định hướng nghề cho bản thân, mặc dù nhà trường đã tổ chức rất nhiều đợt tư vấn, kể cả các ngày hội tuyển sinh do các trường đại học hợp tác tổ chức.

Bên cạnh đó, nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác tư vấn hướng nghiệp cũng rất đáng quan tâm [4]. Nếu nhà trường không phát huy tốt vai trò của CMHS thì việc vận động hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động học tập, giao lưu học hỏi nghề tại các địa phương và các trường đại học cũng là một vấn đề cần đặt ra giải quyết khi muốn mở rộng quy mô và độ sâu của việc tư vấn nghề nghiệp cho học sinh. Khi đó, điều khiến CMHS băn khoăn không hẳn là số tiền nhiều hay ít, mà là cảm giác không thực sự có quyền lựa chọn, hoặc thiếu thông tin để lựa chọn.

3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Qua 3 năm từ khi xây dựng đến khi ban hành và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, gắn với nhiệm vụ của từng vị trí việc làm trong đơn vị, ngay từ ban đầu tập thể nhà trường đã xác định gia đình học sinh đóng vai trò quan trọng nhất trong công tác phối hợp để nhà trường thực hiện đạt các chỉ tiêu giáo dục, trong đó có công tác tư vấn hướng nghiệp và lựa chọn nghề cho học sinh từ lớp 10 đến lớp 12. Các giải pháp được tập thể lãnh đạo đơn vị bàn sâu trong các kỳ họp chủ trương của Ban Thường vụ đến Ban Chấp hành Đảng bộ, sau đó đưa ra bàn sâu trong các cuộc họp giao ban, họp tổ chuyên môn, họp chủ nhiệm hằng tuần; các giải pháp tư vấn luôn được đem ra trao đổi từng vấn đề để xin chủ trương và cách thực hiện, nhất là trong công tác xây dựng môi trường phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình học sinh, trong đó trọng tâm là nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đại học mà CMHS rất quan tâm và sát cánh đồng hành cùng nhà trường, từng bước tạo nên các kết quả như hiện nay.

Tại Trường THPT Nguyễn Trung Trực 1, để phát huy vai trò của CMHS trong công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh (tích hợp hướng nghiệp sớm qua các kế hoạch đầu năm, phân công nhiệm vụ tư vấn theo các vị trí việc làm trong nhà trường, phân luồng học sinh theo các tổ hợp khi xếp lớp, tổ chức tư vấn thêm cho những học sinh chưa lựa chọn phù hợp, tích hợp nghề nghiệp vào các hoạt động trải nghiệm và giới thiệu học sinh tham gia trải nghiệm tại các đơn vị nghề nghiệp, kết nối với thị trường lao động thông qua các trường đại học và các đơn vị tuyển sinh…), việc quan trọng nhất là triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng và phát huy vai trò của gia đình học sinh với nhà trường. Theo đó, phụ huynh có quyền quyết định việc hỗ trợ trên cơ sở điều kiện kinh tế và sự đồng thuận của bản thân, không chịu sức ép từ tập thể; học sinh cũng không bị phân biệt đối xử vì cha mẹ không tham gia đóng góp. Quan trọng hơn, mọi hoạt động phối hợp phải xuất phát từ nhu cầu chính đáng của học sinh, không tạo thêm gánh nặng cho gia đình. Cùng với đó, công khai mục đích, nội dung và phương thức hỗ trợ là điều kiện quan trọng để củng cố niềm tin, hạn chế những cách hiểu và cách làm thiếu minh bạch. Cụ thể như sau.

3.1. Giải pháp 1: Phát huy vai trò của cha mẹ học sinh qua việc phá bỏ áp đặt bằng nguyên tắc "Tôn trọng quyền tự quyết"

Trong các buổi họp, nhà trường thường xuyên động viên CMHS phát huy vai trò nuôi dưỡng sự tự tin cho con, lắng nghe và quan sát các thế mạnh tự nhiên và khuyến khích con thử sức thay vì chọn

trường hay chọn ngành cho con; phối hợp với nhà trường để duy trì một môi trường ít áp lực thi cử, tôn trọng việc con lựa chọn ngành nghề dựa trên sở thích, năng lực đặc biệt của học sinh.

Nhà trường làm rõ cho cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên về sự phối hợp với CMHS qua nhiều kênh thông tin với 2 phương thức chủ yếu là trực tiếp và gián tiếp. Kênh thông tin trực tiếp được ưu tiên để phối hợp với gia đình khi học sinh cần được quan tâm nhiều hơn các đối tượng còn lại; việc phối hợp không được gây trở ngại, phiền phức cho CMHS và giáo viên – khi nội dung và nhu cầu không cần thiết thì không thực hiện. Khi thực hiện thì lựa chọn hình thức tương ứng với nội dung cần trao đổi, phối hợp. Cụ thể, có 4 hình thức nhà trường đã thực hiện thành công trong những năm học qua:

Một, cung cấp thông tin liên lạc với gia đình học sinh qua nhóm Zalo lớp được tạo từ cuộc họp đầu năm học. Đây là "địa điểm tập trung" để nhận thông tin cập nhật về lớp; việc đặt câu hỏi hoặc nhận thông báo về các sự kiện của lớp trở nên dễ dàng hơn, xuyên suốt và tiết kiệm thời gian, công sức, tiền bạc cho việc trao đổi thông tin hai chiều. Điều đó sẽ thu hút CMHS quan tâm, hiểu thêm các chương trình của lớp, của nhà trường, từ đó thúc đẩy mối liên hệ chặt chẽ hơn giữa nhà trường và gia đình… Giáo viên có thể quay các video nhằm thông báo hằng tuần cho gia đình về quá trình học tập và trải nghiệm của học sinh. Sử dụng video cũng là một cách tuyệt vời để học sinh chia sẻ việc học của mình và giúp thúc đẩy mối liên hệ hỗ trợ giữa gia đình và trường học, là công cụ hữu ích để chia sẻ các cuộc thảo luận; khi cần lựa chọn và đăng ký, chỉ cần vào đường link để tham gia bình chọn là có thể thống nhất một vấn đề cần thực hiện.

Hai, tin nhắn SMAS đã được CMHS biết và sử dụng thường xuyên; lãnh đạo nhà trường và giáo viên có thể gửi thông báo qua ứng dụng nhắn tin. Điều này giúp giảm bớt "những rào cản" tiềm ẩn trong giao tiếp. Đội ngũ giáo vụ cũng nhập nhanh chóng nhiều thông tin về các hoạt động của học sinh, những nội dung riêng tư khi cần thiết phối hợp giáo dục; từ đó hỗ trợ rất lớn cho những gia đình làm ăn xa nhà vẫn có thể nắm bắt thông tin của con xuyên suốt, những thông tin quan trọng không bị bỏ lỡ trong suốt quá trình học tập và định hướng nghề cho con đúng những tổ hợp môn theo điểm số của con.

Ba, xác định rõ việc tổ chức 2 cuộc họp quan trọng trong năm học tương ứng với nhiệm vụ của học sinh từng khối lớp. Đối với học sinh khối 10, đó là buổi tư vấn tổ hợp môn trước khi học sinh và gia đình chọn tổ hợp, nhà trường xếp lớp (Hình 1, Hình 2) và cuộc họp CMHS đầu năm để nói rõ kế hoạch phối hợp với Ban đại diện CMHS về các hoạt động cần hỗ trợ cho các phong trào, hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cần thiết cho học sinh và các khoản tiền khen thưởng động viên học sinh trong suốt một năm học. Đối với khối 11 là hai cuộc họp sơ kết học kỳ I và tổng kết học kỳ II để thông qua điểm số và phối hợp tư vấn môn học. Đối với khối 12 là cuộc họp đầu năm như hai khối còn lại và cuộc họp riêng cho công tác chuẩn bị thi tốt nghiệp THPT, xét tuyển đại học.



Hình 1. Hội nghị tư vấn lựa chọn tổ hợp môn tự chọn cho học sinh mới vào trường



Hình 2. Học sinh và cha mẹ học sinh tại ngày hội tư vấn tổ hợp môn học đầu năm

Bốn, đối với những trường hợp học sinh cần hỗ trợ nhiều hơn trong học tập hoặc trong tư vấn tâm lý [5], [6], [7], [8], nhiều năm qua nhà trường luôn duy trì mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường qua hình thức gặp gỡ trực tiếp, gọi điện thoại; giáo viên luôn cùng gia đình nắm bắt tâm tư tình cảm, tình hình học tập, rèn luyện của con ở trường, lớp, đồng thời cung cấp thông tin về sự tiến bộ hay thụt lùi trong quá trình phối hợp giáo dục. Gia đình luôn nắm bắt thông tin và giữ liên lạc với Ban đại diện CMHS, ban cán sự lớp và bạn bè thân thiết của con… Việc làm này luôn được lãnh đạo nhà trường động viên và chỉ đạo xuyên suốt trong năm học, vì đó là điều quan trọng

nhằm nâng cao sự gắn kết trong mối quan hệ giữa gia đình học sinh và nhà trường, tạo điều kiện cung cấp cho học sinh sự hỗ trợ sâu sắc cả trong lẫn ngoài lớp học và đạt mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường luôn quan tâm, hỗ trợ học sinh có kinh tế gia đình khó khăn, học sinh chưa theo kịp chương trình, học sinh trong đội tuyển và kể cả học sinh có biểu hiện căng thẳng, bất thường về tâm lý do sử dụng điện thoại quá nhiều hoặc gia đình đổ vỡ, phải tự bươn chải cuộc sống và học tập.

Sau nhiều năm áp dụng giải pháp này, nhà trường nhận thấy dù thiết lập kênh thông tin nào, CBQL và giáo viên cũng phải lưu ý cụ thể khi thực hiện. Vì việc vận hành kênh thông tin được thực hiện trên cơ sở giao tiếp bình đẳng, thiện chí nên giáo viên rất cần bảo đảm một số yêu cầu chung trong quá trình trao đổi. Nhà trường ban hành bộ tiêu chí ứng xử văn hóa, trong đó áp dụng nhiều nhất trong quá trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh là các lưu ý sau:

1. Luôn giữ thái độ tích cực, bình tĩnh, lịch sự, tôn trọng.
2. Ghi nhớ những thông tin chính về gia đình hoặc hoàn cảnh của học sinh.
3. Chú ý những năng khiếu, thế mạnh của từng em.
4. Nói rõ kỳ vọng và thể hiện tinh thần thiện chí, hợp tác với CMHS.
5. Duy trì liên lạc với CMHS, không chỉ để thông báo những vấn đề về hành vi hay kết quả của từng em, mà còn để cảm ơn kịp thời những gì CMHS đã phối hợp và hỗ trợ.
6. Tìm người kết nối hiệu quả nếu giữa giáo viên và CMHS có những rào cản nhất định.
7. Lắng nghe CMHS, khuyến khích họ nói rõ những quan điểm, kỳ vọng đối với giáo viên và con cái họ.
8. Động viên CMHS tham gia một số hoạt động của lớp, có thể tham khảo ý kiến của họ khi đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến học sinh và tập thể lớp.
9. Chia sẻ với cha mẹ những phương pháp, kỹ thuật đơn giản để họ có thể áp dụng dạy con học tại nhà…

Từ đó, nhà trường đã góp phần nâng cao nhận thức và kiến thức hướng nghiệp cho CMHS: cha mẹ cần chủ động cập nhật thông tin về thị trường lao động, các xu hướng nghề nghiệp mới và các hệ thống đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp) thay vì chỉ áp đặt tâm lý "phải học đại học bằng mọi giá". CMHS dần dần lắng nghe và tôn trọng năng lực của con, tự quan sát, đánh giá khách quan điểm mạnh, điểm yếu và sở thích thực sự của con để định hướng, phân tích thay vì dùng "sĩ diện" gia đình để ép buộc con theo ngành nghề không phù hợp. Hơn thế, CMHS đã cùng nhà trường đồng hành trải nghiệm với con, khuyến khích con tham gia các hoạt động hướng nghiệp, ngày hội việc làm, các lớp kỹ năng mềm hoặc các hoạt động trải nghiệm thực tế do nhà trường tổ chức.

3.2. Giải pháp 2: Lập hồ sơ tư vấn mỗi năm và số hóa giao tiếp qua hệ thống quản lý học tập của nhà trường

Nhà trường cập nhật lộ trình cá nhân hóa liên tục, kết nối với cha mẹ hằng ngày qua nền tảng SMAS, Zalo. Qua đây, CMHS không chỉ xem điểm số mà còn nắm được kế hoạch học tập và hướng nghiệp cá nhân của con để thảo luận cùng con tại nhà. Thông tin ứng tuyển được minh bạch: khi học sinh lớp 12 chuẩn bị nộp hồ sơ phân luồng trực tuyến, giáo viên hướng nghiệp gửi toàn bộ hướng dẫn, tiêu chí và tiến độ qua hệ thống này để cha mẹ nắm rõ và hỗ trợ con chuẩn bị. Việc phối hợp giữa

nhà trường và gia đình trong phân luồng học sinh theo năng lực, sở thích – năng khiếu, hoàn cảnh gia đình được thực hiện bằng cách xây dựng kênh thông tin hai chiều thường xuyên qua các bước sau:

Bước 1: Nhà trường chủ động cung cấp sớm cho CMHS dữ liệu về kết quả học tập, năng lực tâm lý – xã hội và xu hướng phát triển của học sinh. Tổ chức các buổi tư vấn chuyên đề, tọa đàm riêng giữa Ban lãnh đạo nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và CMHS ngay tại thời điểm có kết quả trúng tuyển vào trường trong đợt tuyển sinh đầu cấp.

Bước 2: Ký kết và thực hiện quy chế phối hợp thực chất. Đổi phương cách tổ chức cuộc họp CMHS từ hình thức "thông báo kết quả/thu quỹ" sang diễn đàn trao đổi chiến lược phát triển cá nhân và lộ trình học tập – nghề nghiệp của học sinh gắn liền với môi trường giáo dục của nhà trường. Từ đó CMHS rất mong được dự và chất vấn những vấn đề chưa rõ khi thông tin về các hoạt động giáo dục liên tiếp thay đổi theo chương trình.

Bước 3: Phát huy vai trò của Ban đại diện CMHS lớp/trường. Tăng vai trò, trách nhiệm của Ban đại diện thành cầu nối lan tỏa thông tin chính thống về chính sách phân luồng, học bổng, mô hình đào tạo nghề – đại học đến toàn thể CMHS trong từng nhiệm vụ giáo dục của nhà trường (Hình 3, Hình 4). Mỗi kỳ hội nghị Ban đại diện CMHS hằng năm, nhà trường luôn báo cáo thẳng thắn, chỉ ra những điểm cần khắc phục để công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường ngày càng hiệu quả. Đây là cơ sở quan trọng để định hướng hoạt động cho nhiệm kỳ tiếp theo với các nhiệm vụ trọng tâm: tiếp tục xây dựng Ban đại diện vững mạnh, tích cực hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động ngoại khóa và quản lý nguồn quỹ một cách công khai, minh bạch. Trên cơ sở đó, báo cáo cũng đề ra các phương hướng hoạt động cho Ban đại diện CMHS nhiệm kỳ mới với những mục tiêu và cách thức thực hiện cụ thể, khả thi. Bên cạnh đó, trước mỗi kỳ họp, lãnh đạo nhà trường và Ban đại diện CMHS nhiệm kỳ trước cũng ngồi lại để thống nhất xây dựng và trình bày báo cáo kiểm điểm, thẳng thắn nhìn nhận những mặt mạnh và mặt hạn chế trong công tác điều hành của Ban đại diện CMHS. Đây là cơ sở quan trọng để rút kinh nghiệm và xây dựng Ban đại diện vững mạnh hơn trong nhiệm kỳ tới.



Hình 3. Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2026–2027



Hình 4. Toàn cảnh Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2026–2027

3.3. Giải pháp 3: Đồng hành cùng học sinh trong lựa chọn nghề nghiệp

Nhà trường tổ chức họp hướng nghiệp "3 bên" trong vai trò cố vấn bình đẳng, thay vì những buổi họp phụ huynh toàn lớp chỉ để thông báo học phí hay phê bình; các cuộc họp chú trọng gặp gỡ để trao đổi thông tin và nhu cầu cần tìm hiểu của CMHS, nhất là định hướng nghề nghiệp. Tại các buổi họp này, học sinh là nhân vật trung tâm trình bày về mong muốn và kế hoạch tương lai của

mình. Giáo viên đóng vai trò chuyên gia phân tích lộ trình, còn cha mẹ đóng vai trò là nguồn lực hỗ trợ tài chính, tinh thần và chia sẻ góc nhìn thực tế, làm giảm xu hướng định hướng nghề cho con dựa trên kinh nghiệm cũ của thế hệ trước.

Chuyển đổi vị thế của CMHS thành "cố vấn thực địa": Trong chương trình trải nghiệm việc làm thực tế hằng năm qua các chuyên đề mời nhiều đơn vị về quảng bá tuyển sinh, nhà trường tích cực huy động mạng lưới nghề nghiệp của chính các bậc CMHS để kết nối, tạo không gian hoạt động và tìm hiểu nghề cho học sinh, hoặc mời cha mẹ đến trường chia sẻ về ngành nghề họ đang làm. Điều này làm cho hoạt động tư vấn hướng nghiệp thực tế, sống động và đa dạng hơn. CMHS được khuyến khích cùng con tham gia các ngày hội giáo dục lớn như ngày hội tư vấn tuyển sinh để tìm hiểu thông tin một cách chủ động.

Chuyển từ "ra quyết định thay" sang "huấn luyện cách ra quyết định": Các chuyên đề tư vấn do lãnh đạo nhà trường, các tổ bộ môn tổ chức và các hoạt động phối hợp với các trường đại học tư vấn hướng nghiệp luôn được nhà trường giám sát và điều chỉnh để dù tổ chức bằng hình thức nào cũng phải dành nhiều thời gian giúp học sinh tự trả lời các câu hỏi về giá trị bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội thay vì chỉ định hướng một chiều.

Xây dựng lộ trình linh hoạt và "mở": Hướng dẫn học sinh hiểu rõ về khả năng liên thông giữa các bậc học (ví dụ: từ trung cấp/cao đẳng có thể học lên cao hơn hoặc chuyển đổi nghề) để giảm bớt áp lực tâm lý thi cử và chọn trường. Các thông tin tuyển sinh của các trường, từ điểm chuẩn bình quân mỗi năm, chi phí cho 4 năm học đại học đến số liệu việc làm ngoài xã hội sau khi tốt nghiệp, được cung cấp để các em chủ động dự kiến mục tiêu phấn đấu, tổ hợp môn phù hợp với bản thân trong suốt 3 năm học tại trường, để khi bắt đầu tuyển sinh đại học không bị gián đoạn.

Phối hợp với lực lượng xã hội và doanh nghiệp: Nhà trường tạo điều kiện để phụ huynh cùng doanh nghiệp đưa học sinh tham quan, trải nghiệm thực tế tại các trường đại học uy tín trong cả nước, các cơ sở sản xuất, công ty, trường nghề để tìm sự lựa chọn phù hợp với sở trường, năng lực bản thân và điểm số của học sinh, chuẩn bị cho việc đăng ký tuyển sinh và đăng ký học tập.

4. KẾT LUẬN

Nhà trường đã phát huy vai trò Ban đại diện CMHS không chỉ nhằm kiểm soát các khoản đóng góp mà còn hướng tới xây dựng mối quan hệ phối hợp đúng chức năng, minh bạch và có trách nhiệm giữa gia đình với nhà trường, không chỉ trong công tác tư vấn nghề nghiệp mà còn đồng hành trong tất cả các hoạt động giáo dục của học sinh. Khi quyền tự nguyện của CMHS được tôn trọng, nhà trường thực hiện đầy đủ trách nhiệm và mọi hoạt động đều hướng đến lợi ích của học sinh, thì Ban đại diện mới thực sự phát huy vai trò đồng hành cùng nhà trường trong định hướng chiến lược và thực hiện các chỉ tiêu giáo dục. Đích đến quan trọng nhất là học sinh lựa chọn đúng con đường và có việc làm ổn định trong xã hội; đó chính là mục tiêu bảo vệ quyền lợi của học sinh và là thước đo hiệu quả cao nhất của sự đồng hành giữa CMHS và nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 7963/KH-SGDĐT ngày 20/10/2026 về tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương*

trình giáo dục phổ thông.

3. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
4. Nguyen, H. L., Dam, A. T. V., & Ha, L. T. K. (2024). Evaluation of the organization and effectiveness of career counseling for Vietnamese high school students. *Humanities and Social Sciences Letters, 12*(2), 383–393. https://doi.org/10.18488/73.v12i2.3755
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Quyết định số 2655/QĐ-BGDĐT ngày 22/9/2025 phê duyệt tài liệu hướng dẫn nhận diện, đánh giá khó khăn tâm lý của học sinh trong trường học*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Sổ tay hướng dẫn hoạt động của phòng tư vấn học đường tại các cơ sở giáo dục, bao gồm trong bối cảnh thiên tai*.
8. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Công văn số 7621/SGDĐT-GDPT ngày 09/10/2026 về việc phổ biến sổ tay, hướng dẫn hoạt động của phòng tư vấn học đường tại các cơ sở giáo dục, bao gồm trong bối cảnh thiên tai*.

GIẢI PHÁP PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH TRONG PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI TRƯỜNG THPT PHÚ QUỐC GIAI ĐOẠN 2026–2030

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

Trường THPT Phú Quốc, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang

Email: toannguyenpq71@gmail.com

Tóm tắt: *Hướng nghiệp và phân luồng học sinh là nhiệm vụ quan trọng nhằm phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nhu cầu thị trường lao động; muốn thực hiện hiệu quả cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, trong đó học sinh giữ vai trò chủ thể. Bài tham luận phân tích thực trạng, khó khăn và nguyên nhân trong công tác phối hợp hướng nghiệp, phân luồng tại Trường THPT Phú Quốc. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp đồng bộ: nâng cao nhận thức, mô hình tư vấn ba bên, tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin và hồ sơ hướng nghiệp cá nhân; đồng thời xác định lộ trình, chỉ tiêu giai đoạn 2026–2030 giúp học sinh lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp với năng lực, nguyện vọng, điều kiện gia đình và nhu cầu phát triển của địa phương.*

Từ khóa: *phân luồng học sinh; hướng nghiệp; phối hợp nhà trường – gia đình; giáo dục nghề nghiệp; Trường THPT Phú Quốc*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Sự cần thiết của công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục [1] và sự biến động nhanh chóng của thị trường lao động, hướng nghiệp và phân luồng học sinh có vai trò quan trọng trong việc kết nối giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và nhu cầu nhân lực xã hội [2], [3].

Thực tế vẫn còn một bộ phận phụ huynh và học sinh quan niệm đại học là con đường duy nhất dẫn đến thành công [4], chưa nhận thức đầy đủ giá trị của giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng và các hình thức đào tạo khác [5]. Trong khi đó, xã hội ngày càng cần nguồn nhân lực đa dạng về trình độ, chuyên môn, kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng.

Vì vậy, phân luồng không đơn thuần là vận động học sinh lựa chọn một cấp học sau tốt nghiệp mà là quá trình giúp mỗi em xác định con đường phát triển phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng và điều kiện thực tế.

1.2. Vai trò phối hợp giữa nhà trường và gia đình

Nhà trường có trách nhiệm đánh giá năng lực học tập, sở trường, kết quả rèn luyện và cung cấp thông tin về ngành nghề, cơ sở đào tạo. Gia đình hiểu rõ hoàn cảnh, tính cách, nguyện vọng và điều kiện của học sinh, đồng thời có ảnh hưởng lớn đến quyết định nghề nghiệp của các em.

Nếu thiếu sự thống nhất giữa hai môi trường giáo dục, học sinh dễ lúng túng, lựa chọn theo áp lực hoặc tâm lý đám đông. Ngược lại, khi nhà trường và gia đình cùng đồng hành, tôn trọng nguyện vọng và hỗ trợ học sinh ra quyết định, hiệu quả hướng nghiệp sẽ được nâng cao.

Do đó, cần chuyển từ phối hợp mang tính thông báo sang phối hợp thực chất, thường xuyên, có trách nhiệm và cùng đánh giá kết quả.

1.3. Đặc điểm và yêu cầu đối với Trường THPT Phú Quốc

Phú Quốc có tiềm năng phát triển các lĩnh vực du lịch, dịch vụ, thương mại, vận tải, xây dựng, kinh tế biển và các ngành nghề liên quan. Đây là những lĩnh vực mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp, đồng thời đòi hỏi người lao động có chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, công nghệ và tác phong nghề nghiệp.

Đối với học sinh Trường Trung học phổ thông (THPT) Phú Quốc, định hướng nghề nghiệp cần gắn kết ba yếu tố: năng lực và nguyện vọng cá nhân; điều kiện gia đình; nhu cầu nhân lực và định hướng phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

Xuất phát từ yêu cầu đó, việc xây dựng các giải pháp phối hợp nhà trường – gia đình trong phân luồng học sinh giai đoạn 2026–2030 là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và chuẩn bị nguồn nhân lực phù hợp cho địa phương.

2. THỰC TRẠNG VÀ PHÂN TÍCH NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

2.1. Những kết quả đạt được

Thời gian qua, công tác hướng nghiệp trong giáo dục trung học ngày càng được quan tâm [6]. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã đưa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trở thành nội dung quan trọng, tạo điều kiện để học sinh khám phá bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân [7].

Các hình thức triển khai khá đa dạng như sinh hoạt lớp, hoạt động dưới cờ, tư vấn tuyển sinh, giao lưu với cơ sở đào tạo và hoạt động ngoại khóa. Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) cũng giúp học sinh và phụ huynh tiếp cận thuận lợi hơn với thông tin tuyển sinh, học bổng và cơ hội nghề nghiệp.

Tại Trường THPT Phú Quốc, việc quan tâm phối hợp với cha mẹ học sinh và tăng cường hoạt động tư vấn là nền tảng quan trọng để tiếp tục đổi mới công tác phân luồng.

2.2. Những hạn chế, khó khăn

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác phối hợp vẫn còn một số vấn đề cần khắc phục:

- **Nhận thức chưa đồng đều:** Một bộ phận phụ huynh vẫn ưu tiên con đường đại học, chưa đánh giá đầy đủ cơ hội phát triển của giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo khác.
- **Tư vấn chưa cá thể hóa:** Hoạt động hướng nghiệp đôi khi còn mang tính đại trà, chưa đáp ứng đầy đủ năng lực, sở thích và hoàn cảnh riêng của từng học sinh.
- **Phối hợp chưa thường xuyên:** Việc trao đổi giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh về định hướng nghề nghiệp chưa được duy trì liên tục.
- **Trải nghiệm thực tế còn hạn chế:** Học sinh chưa có nhiều cơ hội tham quan cơ sở đào tạo, tìm hiểu doanh nghiệp và trực tiếp tiếp xúc với môi trường lao động.
- **Theo dõi sau phân luồng chưa đầy đủ:** Việc thống kê lựa chọn sau tốt nghiệp chưa gắn chặt với theo dõi quá trình học tập, đào tạo và việc làm của học sinh.

2.3. Nguyên nhân

Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu: nhận thức về giáo dục nghề nghiệp của một bộ phận phụ huynh chưa đầy đủ; nguồn lực tổ chức trải nghiệm còn hạn chế; công tác tư vấn chưa được chuyên sâu; việc ứng dụng dữ liệu trong quản lý hướng nghiệp chưa đồng bộ; cơ chế phối hợp và đánh giá hiệu quả giữa nhà trường với gia đình chưa thật sự rõ ràng.

Thực trạng đó đặt ra yêu cầu phải xây dựng hệ thống giải pháp đồng bộ, có lộ trình, trách nhiệm và tiêu chí đánh giá cụ thể.

3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG – GIA ĐÌNH TRONG PHÂN LUỒNG HỌC SINH GIAI ĐOẠN 2026–2030

3.1. Nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về mục tiêu phân luồng

Nhà trường cần tuyên truyền để cán bộ, giáo viên, phụ huynh và học sinh hiểu đúng bản chất phân luồng: không phải phân loại hay áp đặt con đường học tập mà là giúp mỗi học sinh lựa chọn hướng phát triển phù hợp.

Tập trung tổ chức các chuyên đề tại hội nghị cha mẹ học sinh, giới thiệu cơ hội học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề và khả năng học liên thông. Đặc biệt, triển khai chuyên đề "Cha mẹ đồng hành cùng con lựa chọn nghề nghiệp", giúp phụ huynh biết cách nhận diện sở trường, tôn trọng nguyện vọng và hỗ trợ con xây dựng kế hoạch tương lai.

3.2. Xây dựng mô hình tư vấn ba bên: Nhà trường – Gia đình – Học sinh

Xác định học sinh là chủ thể trung tâm, nhà trường là đơn vị định hướng và gia đình là lực lượng đồng hành.

Quy trình thực hiện gồm bốn bước:

1. Khảo sát năng lực, sở thích, môn học thế mạnh và nguyện vọng nghề nghiệp của học sinh.
2. Giáo viên trao đổi với phụ huynh để tìm hiểu hoàn cảnh, điều kiện và mong muốn của gia đình.
3. Tổ chức tư vấn, giúp học sinh xây dựng kế hoạch học tập và nghề nghiệp cá nhân.
4. Định kỳ mỗi học kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh định hướng khi cần thiết.

Quá trình tư vấn phải bảo đảm tự nguyện, tôn trọng quyền riêng tư và không áp đặt lựa chọn nghề nghiệp.

3.3. Phát huy vai trò của cha mẹ học sinh trong hoạt động hướng nghiệp

Nhà trường cần xây dựng mạng lưới phụ huynh đồng hành hướng nghiệp, huy động những cha mẹ học sinh có kinh nghiệm nghề nghiệp tham gia giao lưu, chia sẻ với học sinh.

Tổ chức hoạt động "Một nghề nghiệp – Một câu chuyện thực tế", giới thiệu đặc điểm công việc, yêu cầu chuyên môn, kỹ năng, cơ hội phát triển và những khó khăn của từng nghề.

Đồng thời, xây dựng cam kết phối hợp giữa nhà trường, gia đình và học sinh trên nguyên tắc tôn trọng nguyện vọng, không áp đặt, thường xuyên trao đổi và cùng hỗ trợ quá trình lựa chọn nghề nghiệp.

3.4. Đổi mới hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gắn với đặc điểm Phú Quốc

Tăng cường kết nối với các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp để tổ chức tham quan, giao lưu, trải nghiệm môi trường làm việc.

Ưu tiên giới thiệu các nhóm ngành có liên quan đến đặc điểm phát triển của địa phương như:

- Du lịch, khách sạn, nhà hàng và dịch vụ lưu trú.
- Quản trị kinh doanh, thương mại và marketing.
- Ngoại ngữ, truyền thông và dịch vụ khách hàng.
- Công nghệ thông tin và thương mại điện tử.
- Điện, điện tử, cơ khí và xây dựng.
- Kinh tế biển, thủy sản và các ngành dịch vụ xã hội.

Các hoạt động cần có kế hoạch, sự phối hợp của phụ huynh và bảo đảm an toàn cho học sinh. Việc giới thiệu ngành nghề phải dựa trên thông tin đáng tin cậy, không đồng nhất danh mục tham khảo với dự báo tuyển dụng chính thức.

3.5. Thiết lập kênh thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình

Ứng dụng CNTT để xây dựng kênh thông tin hướng nghiệp chính thức thông qua website, hệ thống quản lý học sinh hoặc các kênh liên lạc của lớp [8].

Nội dung cập nhật gồm thông tin tuyển sinh, ngành đào tạo, học phí, học bổng, chính sách hỗ trợ, cơ hội việc làm và lịch tổ chức hoạt động hướng nghiệp.

Nhà trường cần phân công bộ phận kiểm duyệt, cập nhật thông tin, hỗ trợ giải đáp thắc mắc và hướng dẫn phụ huynh, học sinh nhận diện những thông tin tuyển sinh hoặc quảng cáo việc làm thiếu chính xác.

3.6. Xây dựng hồ sơ hướng nghiệp cá nhân cho học sinh

Mỗi học sinh cần có hồ sơ hướng nghiệp được cập nhật trong suốt ba năm THPT, bao gồm kết quả học tập, sở thích, năng lực, nguyện vọng, ý kiến gia đình, kết quả tư vấn và kế hoạch phát triển cá nhân.

Trên cơ sở đó, nhà trường xác định nhóm nhu cầu tư vấn như: học đại học; học cao đẳng, trung cấp; vừa học vừa làm; chưa xác định được hướng đi; học sinh cần hỗ trợ đặc biệt.

Việc phân nhóm chỉ phục vụ mục đích tư vấn, không được sử dụng để hạn chế cơ hội học tập. Dữ liệu phải được bảo mật và sử dụng đúng mục đích giáo dục theo quy định.

3.7. Tăng cường tư vấn chuyên sâu theo từng khối lớp

Công tác hướng nghiệp cần được thực hiện liên tục, phù hợp với đặc điểm từng giai đoạn:

- **Khối 10:** Tập trung khám phá bản thân, nhận diện năng lực, sở thích, tìm hiểu các nhóm ngành nghề và xây dựng mục tiêu học tập.
- **Khối 11:** Tìm hiểu chuyên sâu về ngành nghề, đánh giá mức độ phù hợp, nghiên cứu điều kiện tuyển sinh và xây dựng kế hoạch phát triển kỹ năng.
- **Khối 12:** Tư vấn lựa chọn ngành, trường, phương thức tuyển sinh, điều kiện kinh tế, phương án dự phòng và chuẩn bị chuyển tiếp sau tốt nghiệp.

Đặc biệt, cần tư vấn cá nhân đối với học sinh còn phân vân hoặc có sự khác biệt giữa nguyện vọng bản thân và mong muốn của gia đình.

3.8. Bảo đảm công bằng trong phân luồng, quan tâm học sinh khó khăn

Phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội để cung cấp thông tin học bổng, chính sách hỗ trợ học phí, chương trình đào tạo nghề và cơ hội vừa học vừa làm hợp pháp.

Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, cần tư vấn phương án phù hợp nhưng không được mặc định các em phải lựa chọn học nghề vì điều kiện kinh tế. Mọi học sinh đều có quyền tiếp cận cơ hội học tập bình đẳng, được tôn trọng nguyện vọng và năng lực cá nhân.

3.9. Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác hướng nghiệp

Tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên phụ trách hướng nghiệp về kiến thức nghề nghiệp, kỹ năng tư vấn, phương pháp đánh giá năng lực, kỹ năng phối hợp với phụ huynh và khai thác thông tin thị trường lao động.

Phân công rõ trách nhiệm giữa Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên và bộ phận phụ trách hướng nghiệp [9]. Trong đó, giáo viên chủ nhiệm là đầu mối thường xuyên kết nối giữa nhà trường, gia đình và học sinh.

3.10. Xây dựng cơ chế phối hợp và đánh giá hiệu quả

Ban Giám hiệu chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, kiểm tra và kết nối các đơn vị liên quan. Giáo viên chủ nhiệm thực hiện khảo sát, trao đổi với phụ huynh và theo dõi định hướng cá nhân. Cha mẹ học sinh đồng hành, cung cấp thông tin và tôn trọng lựa chọn của con. Học sinh chủ động khám phá bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp và chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

Nhà trường tổ chức sơ kết mỗi học kỳ, tổng kết hằng năm, đánh giá dựa trên mức độ tham gia, chất lượng tư vấn, sự đồng thuận và kết quả lựa chọn sau tốt nghiệp.

4. LỘ TRÌNH VÀ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Lộ trình thực hiện

- **Năm 2026 – Xây dựng nền tảng:** Khảo sát thực trạng; kiện toàn bộ phận phụ trách; xây dựng kế hoạch phối hợp, công cụ khảo sát và hồ sơ hướng nghiệp.
- **Năm 2027 – Triển khai đồng bộ:** Thực hiện mô hình tư vấn ba bên; tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp; mở rộng kết nối phụ huynh và cơ sở đào tạo.
- **Năm 2028 – Nâng cao chất lượng:** Đẩy mạnh tư vấn cá nhân; phân tích dữ liệu; đánh giá mức độ đồng thuận giữa học sinh và gia đình.
- **Năm 2029 – Mở rộng kết nối:** Tăng cường hợp tác doanh nghiệp, xây dựng mạng lưới cựu học sinh và theo dõi kết quả sau tốt nghiệp trên cơ sở tự nguyện.
- **Năm 2030 – Tổng kết, nhân rộng:** Đánh giá kết quả, xác định hạn chế, rút kinh nghiệm và đề xuất định hướng cho giai đoạn tiếp theo.

4.2. Chỉ tiêu đánh giá đến năm 2030

Các chỉ tiêu dưới đây là mục tiêu quản trị đề xuất, cần được điều chỉnh sau khi có số liệu nền năm 2026.

Bảng 1

Chỉ tiêu đánh giá công tác phối hợp hướng nghiệp, phân luồng đến năm 2030

Nội dung đánh giá	Mục tiêu
Học sinh được tiếp cận hoạt động hướng nghiệp hằng năm	100%
Học sinh khối 12 được tư vấn trước tốt nghiệp	100%
Học sinh có hồ sơ hướng nghiệp cá nhân	Từ 95%
Phụ huynh được cung cấp thông tin hướng nghiệp	Từ 90%
Lớp tổ chức trao đổi hướng nghiệp với phụ huynh	100%
Học sinh tham gia ít nhất một hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp/năm	Từ 90%
Học sinh có kế hoạch học tập hoặc nghề nghiệp sau tốt nghiệp	Từ 95%

Ngoài các chỉ tiêu trên, cần theo dõi tỷ lệ học sinh thực hiện được lựa chọn sau tốt nghiệp, mức độ phù hợp giữa định hướng và kết quả thực tế, mức độ hài lòng của học sinh và phụ huynh.

Đặc biệt, không lấy tỷ lệ học sinh vào đại học hay học nghề làm tiêu chí duy nhất để đánh giá hiệu quả phân luồng. Tiêu chí cốt lõi là chất lượng, tính phù hợp và khả năng phát triển lâu dài của mỗi học sinh.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Hướng nghiệp và phân luồng học sinh là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của mỗi cá nhân và chất lượng nguồn nhân lực địa phương. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và biến động của thị trường lao động, công tác này cần được thực hiện thường xuyên, có kế hoạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Đối với Trường THPT Phú Quốc, việc triển khai đồng bộ các giải pháp phối hợp trong giai đoạn 2026–2030 sẽ góp phần nâng cao nhận thức, đổi mới tư vấn, tăng cường trải nghiệm, phát huy vai trò gia đình và hỗ trợ học sinh lựa chọn con đường học tập phù hợp.

Điều quan trọng nhất là chuyển từ tư duy định hướng áp đặt sang tư duy đồng hành, giúp học sinh chủ động khám phá năng lực, sở trường và lựa chọn tương lai của chính mình.

Với phương châm **"Nhà trường định hướng – Gia đình đồng hành – Học sinh chủ động – Xã hội hỗ trợ"**, chúng tôi tin tưởng rằng công tác hướng nghiệp và phân luồng tại Trường THPT Phú Quốc sẽ ngày càng thực chất, hiệu quả, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn mới.

5.2. Kiến nghị

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Đề xuất Trung tâm phát triển giáo dục và đào tạo phía Nam, trong chương trình hướng nghiệp,

tuyển sinh hằng năm, xem xét bố trí một điểm tổ chức tại địa bàn Phú Quốc cho học sinh 3 trường THPT.

- Kết nối trường phổ thông với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học và doanh nghiệp.
- Tăng cường hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn hướng nghiệp cho cán bộ quản lý và giáo viên.
- Cung cấp thông tin đáng tin cậy về nhu cầu nhân lực và thị trường lao động.

Đối với chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan:

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia giáo dục hướng nghiệp.
- Có chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn tiếp cận cơ hội học tập và đào tạo nghề.

Đối với cha mẹ học sinh:

- Chủ động phối hợp với nhà trường.
- Quan tâm năng lực, sở trường và nguyện vọng của con.
- Tôn trọng lựa chọn phù hợp, không áp đặt hoặc so sánh con với người khác.

Đối với Trường THPT Phú Quốc:

- Xây dựng kế hoạch tổng thể phối hợp nhà trường – gia đình giai đoạn 2026–2030.
- Bố trí nhân sự và nguồn lực thực hiện.
- Xây dựng hồ sơ hướng nghiệp, hệ thống thông tin và cơ chế theo dõi kết quả.
- Định kỳ đánh giá, điều chỉnh và nhân rộng những mô hình hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*. https://vanban.chinhphu.vn/?docid=197310&pageid=27160
3. Quốc hội (2025). *Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục*.
4. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
5. Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*. https://vanban.chinhphu.vn/?docid=193710&pageid=27160
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
8. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*.

VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN "ĐỒNG HÀNH CÙNG HỌC SINH TRONG LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP" TẠI TRƯỜNG THCS&THPT HÒA HƯNG

ThS. Cao Hoàng Em

Trường THCS&THPT Hòa Hưng, tỉnh An Giang

Email: emch@hoahung.edu.vn

Tóm tắt: *Giáo dục định hướng nghề nghiệp có vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh nhận thức về bản thân, lựa chọn ngành nghề và xây dựng kế hoạch phát triển tương lai. Trong quá trình này, cha mẹ học sinh là lực lượng giáo dục có ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, thái độ và quyết định nghề nghiệp của các em. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn tình trạng phụ huynh định hướng nghề nghiệp theo kinh nghiệm cá nhân, kỳ vọng gia đình hoặc xu hướng xã hội mà chưa chú trọng đầy đủ đến năng lực và phẩm chất của học sinh. Qua khảo sát 100 cha mẹ học sinh tại Trường THCS&THPT Hòa Hưng (điểm trung bình chung 2,315/4), bài tham luận phân tích vai trò, thực trạng tham gia của cha mẹ học sinh trong giáo dục hướng nghiệp, đồng thời đề xuất năm giải pháp nhằm tăng cường sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục định hướng nghề nghiệp cho học sinh.*

Từ khóa: *cha mẹ học sinh; giáo dục hướng nghiệp; lựa chọn nghề nghiệp; phối hợp gia đình và nhà trường*

1. MỞ ĐẦU

1.1. Tính cấp thiết

Giáo dục định hướng nghề nghiệp có vai trò và giá trị vô cùng quan trọng trong quyết định tương lai thành công hay thất bại của mỗi học sinh. Trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng, đặc biệt với tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0, thị trường lao động biến đổi nhanh, yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực thích ứng và tư duy đổi mới sáng tạo. Nhiều ngành nghề mới xuất hiện, một số ngành truyền thống thu hẹp, đòi hỏi học sinh phải có định hướng nghề nghiệp sớm và chính xác để chủ động chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp. Giáo dục phổ thông không chỉ dừng lại ở việc trang bị tri thức nền tảng mà còn cần định hướng nghề nghiệp cho học sinh nhằm giúp các em xác định con đường học tập, lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và nhu cầu xã hội. Lựa chọn nghề nghiệp không chỉ ảnh hưởng đến quá trình học tập, phát triển năng lực cá nhân mà còn quyết định một phần cơ hội việc làm và chất lượng cuộc sống trong tương lai.

Lựa chọn nghề nghiệp là một trong những quyết định mang tính bước ngoặt cuộc đời của mỗi học sinh. Ở giai đoạn sau tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) hoặc trung học phổ thông (THPT), các em đứng trước ngã rẽ quan trọng: chọn học tiếp THPT, chọn học nghề sớm, học đại học hay rẽ hướng du học. Tuy nhiên, thực tế cho thấy không ít học sinh rơi vào trạng thái bối rối, khủng hoảng tâm lý vì thiếu thông tin, mơ hồ về năng lực bản thân hoặc chịu áp lực từ sự kỳ vọng quá

lớn của gia đình. Nhiều em chọn nghề theo "phong trào", chọn theo sở thích nhất thời hoặc miễn cưỡng nghe theo sự sắp đặt của cha mẹ mà thiếu đi sự đam mê và năng lực cốt lõi. Chính vì vậy, tiếp cận nội dung "Đồng hành cùng con" ra đời như một chiếc cầu nối giải tỏa những áp lực đó. Gia đình, với vị trí gần gũi nhất, chính là điểm tựa an toàn và đáng tin cậy nhất để học sinh định hình tương lai.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [1] xác định hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là một nội dung giáo dục quan trọng, góp phần hình thành phẩm chất, năng lực và giúp học sinh hiểu biết về nghề nghiệp, xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân. Bên cạnh vai trò tổ chức, định hướng của nhà trường, gia đình có ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình lựa chọn nghề nghiệp của học sinh. Cha mẹ là những người gần gũi, có điều kiện quan sát sự phát triển về thể chất, tâm lý, năng lực, sở thích và hoàn cảnh của con. Những lời khuyên, sự động viên, cách ứng xử và quan điểm nghề nghiệp của cha mẹ có thể tạo động lực, giúp học sinh tự tin lựa chọn tương lai. Ngược lại, sự áp đặt, kỳ vọng quá mức hoặc định hướng thiếu thông tin có thể khiến học sinh lựa chọn ngành nghề không phù hợp với năng lực và nguyện vọng.

Tại Trường THCS&THPT Hòa Hưng, việc nâng cao chất lượng giáo dục định hướng nghề nghiệp cho học sinh đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Trong đó, phát huy vai trò của cha mẹ học sinh là một trong những yếu tố quan trọng nhằm giúp các em lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp phù hợp với bản thân và điều kiện thực tế.

Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết tập trung làm rõ vai trò của cha mẹ học sinh, phân tích một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn và đề xuất giải pháp tăng cường sự tham gia của phụ huynh trong công tác giáo dục định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

1.2. Cơ sở lý luận

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp có lịch sử lâu dài, gắn liền với quá trình công nghiệp hóa và cơ cấu hóa nghề nghiệp xã hội hiện đại. Nhiều quốc gia đã áp dụng mô hình phân luồng sau THCS: ví dụ ở Philippines, chương trình phổ thông tích hợp khối khoa học và công nghệ, có lộ trình đào tạo nghề sau THCS; ở Malaysia, sau cấp 2, học sinh được chia thành ba nhóm đào tạo chính (kỹ thuật – công nghệ, văn hóa phổ thông và giáo dục nghề nghiệp thực hành). Nhật Bản, Hàn Quốc đã sớm quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa học vấn văn hóa phổ thông với kiến thức và kỹ năng lao động nghề nghiệp ở tất cả các bậc học. Ở Nhật Bản, có khoảng 27,9% các trường THPT vừa học văn hóa phổ thông vừa học các môn kỹ thuật thuộc nhiều lĩnh vực cơ khí, ngư nghiệp, công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Sau khi tốt nghiệp cấp 2 có đến 94% học sinh vào cấp 3, trong đó có 70% theo học các loại hình trường phổ thông cơ bản và 30% học sinh theo hướng học nghề. Ở Hàn Quốc, hết cấp 2 học sinh theo hai hướng chính là phổ thông và chuyên nghiệp, trong đó ưu tiên các trường kỹ thuật nghề nghiệp tuyển sinh trước rồi mới chọn học sinh theo luồng phổ thông.

Ở Việt Nam, Bác Hồ đã sớm chỉ ra nhà trường xã hội chủ nghĩa là nhà trường tổ chức "học đi với lao động", "lý luận đi với thực hành", "cần cù đi với tiết kiệm". Nghị quyết Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) xác định: trường phổ thông phải chuyển mạnh theo hướng dạy kiến thức phổ thông cơ bản, lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề. Những năm gần đây có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục hướng nghiệp cho học sinh như: tổ chức hướng nghiệp cho học sinh THPT theo xã hội hóa (Bùi, 2009); quản lý hướng nghiệp THPT theo định

hướng nguồn nhân lực Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 (Hồ, 2011); quản lý hoạt động hướng nghiệp ở trường dạy nghề (Bùi, 2013); quản lý hướng nghiệp ở THPT theo định hướng phát triển nhân lực Thành phố Hồ Chí Minh (Phạm, 2016).

Bên cạnh đó, chủ trương giáo dục hướng nghiệp còn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện qua các văn bản chiến lược như: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định quan điểm chỉ đạo: "Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển đổi mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội" [2]; ngày 14/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 522/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025", đã chỉ rõ: "Tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông" [3]; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã đưa giáo dục hướng nghiệp trở thành một nội dung bắt buộc, tích hợp trong các môn học và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [1]; Điều 28, 29 của Luật Giáo dục (2019) nêu rất rõ mục tiêu giáo dục phổ thông: "Giáo dục trung học phổ thông nhằm trang bị kiến thức công dân; bảo đảm cho học sinh củng cố, phát triển kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có hiểu biết thông thường về kỹ thuật, hướng nghiệp; có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [4].

Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết nêu trên, tôi xin đóng góp bài tham luận "Vai trò của cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục định hướng nghề nghiệp cho học sinh theo hướng tiếp cận 'Đồng hành cùng con trong lựa chọn nghề nghiệp' " với mong muốn đề xuất giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện nội dung giáo dục định hướng nghề nghiệp tại Trường THCS&THPT Hòa Hưng, đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời giúp học sinh xác định mục tiêu học tập rõ ràng, hình thành động lực phấn đấu, lựa chọn đúng ngành nghề, giảm tỉ lệ bỏ học hoặc chuyển ngành sau khi vào đại học/cao đẳng; góp phần vào phân luồng hợp lý sau THCS và THPT, đáp ứng nhu cầu nhân lực đa dạng của nền kinh tế, đặc biệt ở các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và dịch vụ; góp phần giảm áp lực tuyển sinh đại học và tạo cơ hội phát triển bền vững cho cả cá nhân và xã hội.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng vai trò của cha mẹ học sinh trong giáo dục hướng nghiệp

2.1.1. Kết quả khảo sát 100 cha mẹ học sinh

Bảng 1

Kết quả khảo sát mức độ đồng hành của 100 cha mẹ học sinh trong giáo dục hướng nghiệp

Nội dung khảo sát	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1	ĐTB	Xếp hạng
1. Trò chuyện, tìm hiểu nguyện vọng nghề nghiệp	15	25	40	20	2,35	5
2. Tìm hiểu năng lực, sở trường của con	20	30	35	15	2,55	2
3. Tìm hiểu thông tin ngành nghề, thị trường lao động	10	20	40	30	2,10	8
4. Tôn trọng nguyện vọng lựa chọn nghề nghiệp	20	25	35	20	2,45	3
5. Trao đổi với giáo viên về định hướng nghề nghiệp	10	15	35	40	1,95	10
6. Tham gia hoạt động tư vấn hướng nghiệp của trường	15	20	35	30	2,20	7
7. Tạo điều kiện cho con trải nghiệm nghề nghiệp	10	20	35	35	2,05	9
8. Cùng con xây dựng kế hoạch học tập, nghề nghiệp	15	25	40	20	2,35	5
9. Chia sẻ kinh nghiệm và giá trị nghề nghiệp	20	25	35	20	2,45	3
10. Động viên, hỗ trợ khi con gặp khó khăn	25	35	25	15	2,70	1
Tổng điểm trung bình chung					2,315	

Ghi chú: Số liệu ở các cột mức là số cha mẹ học sinh lựa chọn (n = 100). Mức 4 – Rất thường xuyên; Mức 3 – Thường xuyên; Mức 2 – Ít khi; Mức 1 – Chưa thực hiện. ĐTB: điểm trung bình. Nguồn: khảo sát của Trường THCS&THPT Hòa Hưng.

2.1.2. Đánh giá kết quả từ thông tin khảo sát

Kết quả khảo sát minh họa cho thấy điểm trung bình chung đạt 2,315/4,00, phản ánh mức độ đồng hành của cha mẹ học sinh trong giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế. Kết quả thông qua 1.000 lượt đánh giá (100 phụ huynh × 10 tiêu chí), có 16% lượt chọn mức 4, 24,5% mức 3, 35,5% mức 2 và 24% mức 1. Như vậy, 59,5% lượt đánh giá nằm ở mức ít khi hoặc chưa thực hiện. Qua số liệu, nhận thấy rằng:

Thứ nhất, việc trao đổi giữa cha mẹ và giáo viên về định hướng nghề nghiệp còn hạn chế. Tiêu chí trao đổi với giáo viên chủ nhiệm đạt 1,95 điểm, thấp nhất trong các nội dung khảo sát. Có 75% phụ huynh cho biết ít khi hoặc chưa thực hiện việc trao đổi với giáo viên về định hướng nghề nghiệp của con. Điều này cho thấy mối liên hệ giữa gia đình và nhà trường trong công tác hướng nghiệp chưa thực sự chặt chẽ.

Thứ hai, hoạt động trải nghiệm và tìm hiểu thực tế nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Tiêu chí tạo điều kiện cho con trải nghiệm nghề nghiệp đạt 2,05 điểm; có 70% phụ huynh ít khi hoặc chưa tạo điều kiện cho con tham gia hoạt động tìm hiểu thực tế. Việc thiếu trải nghiệm khiến học sinh khó hình dung môi trường làm việc, yêu cầu chuyên môn và những khó khăn của

từng ngành nghề.

Thứ ba, phụ huynh còn thiếu thông tin về ngành nghề và thị trường lao động. Tiêu chí tìm hiểu thông tin đạt 2,10 điểm; có 70% phụ huynh ít khi hoặc chưa chủ động tìm hiểu. Điều đó cho thấy một bộ phận cha mẹ còn định hướng nghề nghiệp dựa trên kinh nghiệm cá nhân hoặc quan niệm truyền thống.

Thứ tư, việc tham gia hoạt động hướng nghiệp do nhà trường tổ chức chưa cao. Tiêu chí tham gia hoạt động tư vấn hướng nghiệp đạt 2,20 điểm; có 65% phụ huynh ít khi hoặc chưa tham gia. Nhà trường cần xem xét thời gian, nội dung và phương thức tổ chức để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho phụ huynh.

2.1.3. Đánh giá chung

Những mặt tích cực trong sự tham gia của cha mẹ học sinh

Trong những năm qua, nhận thức của nhiều phụ huynh về tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp đã từng bước được nâng lên. Nhiều cha mẹ quan tâm đến kết quả học tập, năng lực, phẩm chất, sở thích và nguyện vọng của con; chủ động tìm hiểu thông tin tuyển sinh, ngành nghề đào tạo và cơ hội việc làm để tư vấn cho các em. Một số phụ huynh tích cực phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong việc trao đổi về tình hình học tập, rèn luyện và định hướng tương lai của học sinh. Bên cạnh đó, những cha mẹ có kinh nghiệm trong các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau cũng có thể chia sẻ thông tin thực tế, giúp học sinh hiểu rõ hơn về yêu cầu, đặc điểm và môi trường làm việc của từng ngành nghề. Đây là những điều kiện thuận lợi góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giúp học sinh có thêm cơ sở để lựa chọn con đường phát triển phù hợp.

Những hạn chế và khó khăn

Bên cạnh những mặt tích cực, sự tham gia của cha mẹ học sinh trong giáo dục hướng nghiệp vẫn còn một số hạn chế:

Thứ nhất, một bộ phận phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của giáo dục hướng nghiệp. Việc định hướng nghề nghiệp đôi khi chỉ tập trung vào thời điểm học sinh chuẩn bị tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký xét tuyển, chưa được quan tâm thường xuyên trong suốt quá trình học tập.

Thứ hai, một số cha mẹ còn có tâm lý áp đặt nghề nghiệp cho con theo mong muốn cá nhân, truyền thống gia đình hoặc quan niệm xã hội. Có phụ huynh cho rằng học đại học là con đường duy nhất dẫn đến thành công, chưa đánh giá đúng vai trò và cơ hội phát triển của giáo dục nghề nghiệp, học nghề và các hình thức đào tạo khác.

Thứ ba, kiến thức về thị trường lao động, xu hướng nghề nghiệp và yêu cầu của các ngành nghề mới ở một bộ phận phụ huynh còn hạn chế. Điều này có thể dẫn đến việc tư vấn cho con dựa trên kinh nghiệm cũ, chưa theo kịp sự thay đổi của xã hội.

Thứ tư, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác hướng nghiệp chưa thực sự thường xuyên. Một số phụ huynh chưa chủ động tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh, hội thảo hướng nghiệp hoặc trao đổi với giáo viên về nguyện vọng nghề nghiệp của con.

2.1.4. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau.

Về phía phụ huynh, áp lực kinh tế, công việc và điều kiện sinh hoạt khiến một số gia đình chưa có nhiều thời gian quan tâm đến việc định hướng nghề nghiệp cho con. Bên cạnh đó, sự khác biệt về trình độ, kinh nghiệm và khả năng tiếp cận thông tin cũng ảnh hưởng đến chất lượng tư vấn của cha mẹ.

Về phía học sinh, một số em chưa hiểu rõ năng lực, sở trường và sở thích của bản thân; còn lựa chọn nghề nghiệp theo bạn bè, xu hướng xã hội hoặc thông tin chưa được kiểm chứng.

Về phía nhà trường, hoạt động phối hợp với phụ huynh trong giáo dục hướng nghiệp cần tiếp tục được đổi mới theo hướng thiết thực, đa dạng và thường xuyên hơn. Việc kết nối với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các tổ chức xã hội cũng cần được quan tâm nhằm tạo thêm cơ hội trải nghiệm cho học sinh.

Từ những vấn đề trên có thể nhận thấy, cha mẹ không chỉ là người hỗ trợ về vật chất mà còn là chủ thể quan trọng trong quá trình hình thành nhận thức, thái độ và quyết định nghề nghiệp của học sinh.

2.2. Giải pháp phát huy vai trò của cha mẹ học sinh trong giáo dục hướng nghiệp cho học sinh

2.2.1. Nâng cao nhận thức của cha mẹ về tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp

Nhà trường cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến đến cha mẹ học sinh về mục tiêu, ý nghĩa và nội dung của hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, hội thảo chuyên đề, tài liệu tuyên truyền và các kênh thông tin của nhà trường, phụ huynh cần được cung cấp những kiến thức cơ bản về định hướng nghề nghiệp, xu hướng việc làm và các con đường học tập sau khi tốt nghiệp THPT. Đặc biệt, cần giúp cha mẹ thay đổi nhận thức từ việc xem đại học là con đường duy nhất sang việc tôn trọng nhiều con đường phát triển khác nhau, miễn là phù hợp với phẩm chất, năng lực, sở thích của học sinh và điều kiện kinh tế gia đình.

2.2.2. Tăng cường sự đồng hành, lắng nghe và tôn trọng nguyện vọng của con

Cha mẹ cần dành thời gian trò chuyện, lắng nghe và tìm hiểu những mong muốn, sở thích, năng lực của con. Trong quá trình tư vấn, phụ huynh cần tránh áp đặt hoặc sử dụng kinh nghiệm cá nhân để quyết định thay con.

Việc lựa chọn nghề nghiệp cần được xem xét trên cơ sở bốn yếu tố cơ bản: sở thích cá nhân, năng lực bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội. Cha mẹ cần khuyến khích con chủ động tìm hiểu, trải nghiệm và chịu trách nhiệm với lựa chọn của mình. Đồng thời, cần động viên các em khi gặp khó khăn, giúp các em có thái độ tích cực và tự tin trước những quyết định quan trọng.

2.2.3. Trang bị cho cha mẹ kiến thức về ngành nghề và thị trường lao động

Nhà trường cần phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp để tổ chức các hoạt động cung cấp thông tin về ngành nghề, chương trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh và cơ hội việc làm. Cha mẹ học sinh cần chủ động cập nhật thông tin từ những nguồn đáng tin cậy, tránh định hướng cho con theo phong trào hoặc những ngành nghề đang được quan tâm nhất thời.

Bên cạnh đó, cần chú trọng giới thiệu các ngành nghề phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, giúp học sinh nhận thức được cơ hội học tập, lập nghiệp và đóng góp

cho quê hương.

2.2.4. Phát huy vai trò của cha mẹ học sinh trong các hoạt động tham quan trải nghiệm nghề nghiệp

Nhà trường có thể vận động phụ huynh tham gia chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp, giới thiệu môi trường làm việc và tổ chức các hoạt động tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, đơn vị. Đối với những phụ huynh có chuyên môn và kinh nghiệm trong các lĩnh vực khác nhau, nhà trường có thể mời tham gia các buổi giao lưu, tọa đàm hoặc diễn đàn hướng nghiệp. Thông qua hoạt động này, học sinh được tiếp xúc với thực tế lao động, hiểu rõ hơn yêu cầu của từng nghề và có thêm cơ sở để xác định hướng đi phù hợp.

2.2.5. Xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên giữa gia đình và nhà trường

Nhà trường cần xác định rõ trách nhiệm của từng lực lượng trong công tác giáo dục hướng nghiệp [5]. Ban lãnh đạo nhà trường chỉ đạo xây dựng kế hoạch phối hợp; giáo viên chủ nhiệm thường xuyên trao đổi với phụ huynh về tình hình học tập, năng lực và nguyện vọng của học sinh; cha mẹ chủ động cung cấp thông tin, tham gia tư vấn và hỗ trợ con trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp.

Đồng thời, cần phát huy vai trò của Ban đại diện cha mẹ học sinh [6] trong việc vận động phụ huynh tham gia các hoạt động hướng nghiệp, kết nối với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Việc phối hợp cần được thực hiện thường xuyên, có kế hoạch và có đánh giá kết quả, tránh tình trạng chỉ tập trung vào giai đoạn học sinh chuẩn bị tốt nghiệp THPT.

Tóm lại, năm giải pháp đề xuất trong bài viết có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ và tác động qua lại lẫn nhau trong cùng một hệ thống quản lý thống nhất. Sự vận hành đồng bộ của các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục định hướng nghề nghiệp trong nhà trường, giúp học sinh được định hướng đúng đắn, phát triển toàn diện và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, phẩm chất, sở thích cũng như nhu cầu của xã hội.

3. KẾT LUẬN

Giáo dục định hướng nghề nghiệp cho học sinh là một trong những nội dung quan trọng của giáo dục toàn diện, góp phần giúp học sinh hình thành nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, phát triển năng lực tự định hướng, lựa chọn con đường học tập và việc làm phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội.

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, đặc biệt là việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học càng trở nên cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược đối với phát triển nguồn nhân lực quốc gia. Để thực hiện nhiệm vụ này, đòi hỏi cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Trong đó, cha mẹ học sinh giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi đây là lực lượng gần gũi, có ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, thái độ và quyết định nghề nghiệp của con mình. Phát huy vai trò của cha mẹ không chỉ dừng lại ở việc tư vấn, định hướng mà còn thể hiện ở sự lắng nghe, tôn trọng, động viên và tạo điều kiện để học sinh khám phá năng lực, sở thích và lựa chọn con đường phát triển của bản thân.

Có thể khẳng định rằng: "Cha mẹ không nên lựa chọn nghề nghiệp thay con, mà cần đồng hành, định hướng và tạo điều kiện để con tự tin lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở

trường và khát vọng của mình". Khi gia đình và nhà trường cùng chung trách nhiệm, mỗi học sinh sẽ có thêm cơ hội lựa chọn đúng hướng đi, phát triển bản thân và xây dựng tương lai bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
4. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 18/2025/TT-BGDĐT ngày 15/9/2025 hướng dẫn về công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011). *Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh*.

VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG CÔNG TÁC TƯ VẤN, HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Trần Thị Xuân Thùy

Trường THCS&THPT Long Thạnh, tỉnh An Giang

Email: thuyttx.c3longthanh@gmail.com

Tóm tắt: *Trong bối cảnh thị trường lao động không ngừng biến đổi, công tác tư vấn, hướng nghiệp có vai trò quan trọng trong việc định hình tương lai học sinh. Từ thực tiễn Trường THCS&THPT Long Thạnh, bài viết nêu thuận lợi, hạn chế của công tác tư vấn hướng nghiệp, trong đó nổi lên tình trạng một bộ phận cha mẹ còn áp đặt, chạy theo bằng cấp, thiếu thông tin về thị trường lao động. Bài viết phân tích ba vai trò của cha mẹ: giúp con hiểu rõ bản thân; đồng hành, định hướng nghề nghiệp; làm điểm tựa vật chất, tinh thần, từ đó đề xuất năm giải pháp: tuyên truyền vai trò phụ huynh; hướng dẫn xây dựng kế hoạch học tập; phối hợp gia đình – nhà trường – học sinh; tổ chức trải nghiệm hướng nghiệp; hướng dẫn tiếp cận kênh thông tin tin cậy. Cha mẹ không chọn nghề thay con mà đồng hành, trao niềm tin để con tự tin lựa chọn.*

Từ khóa: *vai trò cha mẹ; tư vấn hướng nghiệp; phân luồng học sinh; phối hợp gia đình – nhà trường; thị trường lao động*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ lâu, công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh đã đóng một vai trò rất quan trọng trong môi trường giáo dục. Ngày nay, khi công nghệ phát triển mạnh mẽ đã tác động rất lớn đến việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh thì công tác tư vấn hướng nghiệp cho các em càng đóng một vai trò quan trọng hơn nữa. Bởi vì, trong bối cảnh xã hội đang có nhiều thay đổi, thị trường lao động ngày càng đa dạng, yêu cầu về trình độ chuyên môn, kỹ năng và năng lực thích ứng với nghề nghiệp ngày càng cao, một số việc làm có nguy cơ bị thay thế bởi trí tuệ nhân tạo (AI) thì việc giúp các em lựa chọn được một nghề phù hợp, thích ứng trước những biến đổi của xã hội là rất cần thiết. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải có sự chung tay từ nhiều phía, trong đó cha mẹ đóng một vai trò rất quan trọng, không thể thiếu trong công tác này. Thế nhưng, bên cạnh một số cha mẹ quan tâm đến vấn đề tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh, đồng hành cùng học sinh để đưa ra lựa chọn phù hợp nhất thì vẫn còn nhiều cha mẹ để học sinh tự mình lựa chọn nghề nghiệp, thậm chí còn áp đặt con phải học ngành này, ngành khác mà không để ý đến suy nghĩ của học sinh.

Từ thực tiễn công tác tư vấn, hướng nghiệp ở Trường THCS&THPT Long Thạnh, tôi xin trình bày một số nội dung sau.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TƯ VẤN, ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

2.1. Thuận lợi

- Công tác tư vấn hướng nghiệp ngày càng được nhà trường và gia đình quan tâm.

- Phụ huynh tham gia tìm hiểu thông tin và định hướng nghề nghiệp cho học sinh ngày càng nhiều.
- Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hướng nghiệp có sự tham gia của phụ huynh để tạo sự gắn kết và thấu hiểu giữa phụ huynh và học sinh.
- Hằng năm, trường có tổ chức cho học sinh đi tư vấn, hướng nghiệp ở một số trường đại học, cao đẳng ở nhiều tỉnh thành khác nhau.
- Phối hợp tổ chức Chương trình tư vấn Hướng nghiệp – Tuyển sinh.
- Tạo điều kiện để học sinh tìm hiểu thông tin về ngành nghề, nhu cầu nhân lực và xu hướng phát triển của thị trường lao động.
- Các bộ phận tuyển sinh, đoàn thể tích cực hỗ trợ học sinh nhận diện năng lực, sở trường và xu hướng nghề nghiệp trong tương lai.

2.2. Hạn chế

- Bên cạnh một số phụ huynh luôn đồng hành cùng học sinh trong vấn đề chọn nghề thì còn một bộ phận cha mẹ học sinh chưa thực sự hiểu rõ vai trò của giáo dục hướng nghiệp. Nhiều phụ huynh vẫn cho rằng con đường đại học là con đường duy nhất [1] nên chưa quan tâm đúng mức đến việc lựa chọn các trường khác cho các em như cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia thị trường lao động sau khi hoàn thành chương trình trung học phổ thông (THPT).
- Cha mẹ vẫn còn áp đặt suy nghĩ và ước mơ của mình cho con, muốn con phải học theo sở thích của mình hoặc học những ngành có thu nhập cao, ổn định, có địa vị xã hội mà chưa biết được năng lực, sở thích và điều kiện thực tế của học sinh.
- Một số phụ huynh chưa nắm rõ thông tin về thị trường lao động, chưa biết được sự thay đổi trong xu hướng chọn nghề dưới tác động của công nghệ [2]. Việc lựa chọn nghề đôi khi còn dựa trên tâm lý đám đông, xu hướng nhất thời hoặc vì cái lợi trước mắt.
- Nhà trường chưa phối hợp thường xuyên với phụ huynh trong tư vấn hướng nghiệp. Một số phụ huynh chỉ quan tâm đến kết quả học tập, điểm số và kỳ thi tốt nghiệp THPT mà chưa dành thời gian trao đổi với con về sở thích, năng lực, định hướng học tập và nghề nghiệp.
- Một số học sinh còn đề cao năng lực của bản thân, chưa lắng nghe ý kiến đóng góp cũng như cân nhắc điều kiện, hoàn cảnh gia đình để lựa chọn nghề cho phù hợp; nhiều học sinh còn bị ảnh hưởng bởi bạn bè, mạng xã hội hoặc lựa chọn nghề mang tính phong trào.

3. VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG CÔNG TÁC TƯ VẤN, ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

Việc lựa chọn nghề nghiệp không chỉ ảnh hưởng đến tương lai của mỗi học sinh mà còn tác động đến chất lượng nguồn nhân lực và sự phát triển của xã hội. Trong quá trình đó, bên cạnh vai trò định hướng của nhà trường, vai trò của cha mẹ học sinh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Gia đình chính là môi trường giáo dục đầu tiên, gần gũi và có ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức, thái độ, sở thích cũng như những quyết định nghề nghiệp của các em.

3.1. Cha mẹ là người giúp con hiểu rõ bản thân của mình

Cha mẹ luôn là những người gần gũi nhất với học sinh trong cuộc sống. Thông qua những quan sát và trò chuyện hằng ngày, họ sẽ biết được năng lực, tính cách và các thế mạnh của học sinh. Từ đó, cha mẹ có thể giúp học sinh nhận ra khả năng của mình: môn học con giỏi và con thích, năng khiếu và phẩm chất của con, các kỹ năng con làm tốt [3].

Bên cạnh đó, thông qua việc giúp học sinh quan sát ngành nghề của những người thân xung quanh hay chính bản thân cha mẹ để chia sẻ với học sinh đặc điểm của các ngành nghề khác nhau, học sinh có thể đối chiếu lại với bản thân mình mà đề ra phương hướng học tập hay rèn luyện thích ứng với nghề nghiệp sẽ lựa chọn trong tương lai. Cha mẹ có thể hướng dẫn học sinh tìm hiểu cụ thể một nghề nào đó mà người thân trong gia đình đã làm, cho học sinh trực tiếp tiếp xúc để học sinh tự mình tìm hiểu các vấn đề mình đang quan tâm về nghề đó. Điều này sẽ giúp học sinh có cái nhìn chân thật hơn, vốn hiểu biết nhiều hơn khi lựa chọn nghề trong tương lai, tránh việc học sinh lựa chọn nghề chỉ dựa vào vẻ bên ngoài.

3.2. Cha mẹ đồng hành và định hướng nghề nghiệp cho con

Ngày nay, nhiều cha mẹ đã quan tâm sâu sắc hơn đến vấn đề tư vấn và hướng nghiệp cho học sinh, đồng hành cùng học sinh trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai. Họ lắng nghe nguyện vọng, trao đổi những ưu và nhược điểm của ngành nghề mà học sinh chọn để đưa ra sự lựa chọn phù hợp nhất. Tuy nhiên, cũng có nhiều cha mẹ lại muốn áp đặt mong muốn của bản thân lên con mình, muốn con phải học những ngành nghề mà bản thân học sinh không muốn hoặc không phù hợp. Nếu bị áp đặt lựa chọn nghề nghiệp, học sinh có thể mất động lực học tập, thiếu sự chủ động và gặp khó khăn khi theo đuổi ngành nghề không phù hợp. Vì vậy, cha mẹ cần thay đổi tư duy từ "chọn nghề thay con" sang "đồng hành cùng con lựa chọn nghề". Để làm được điều đó, cha mẹ nên lắng nghe nghiêm túc nguyện vọng của con, tôn trọng sự khác biệt về năng lực và sở thích, không sử dụng kết quả học tập của con để quyết định duy nhất một con đường nghề nghiệp, khuyến khích con tự chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

3.3. Cha mẹ là điểm tựa cả về vật chất lẫn tinh thần cho con

Lớp 12 là năm học mà học sinh phải chịu nhiều áp lực: áp lực về điểm số, áp lực lựa chọn nghề nghiệp, áp lực gia đình. Do đó, cha mẹ phải là người quan tâm, động viên và giúp đỡ con vào thời điểm khó khăn này. Cha mẹ phải lắng nghe những mong muốn, chia sẻ với học sinh những khó khăn, hỗ trợ các em kịp thời trong quá trình học tập cũng như trong cuộc sống.

Khi học sinh học đại học hay các trường, các ngành nghề nào khác thì cha mẹ chính là người cung cấp nguồn tài chính cho các em. Do đó, cha mẹ phải phân tích để học sinh biết thu nhập của gia đình mình mà đưa ra những lựa chọn phù hợp với kinh tế gia đình.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHA MẸ HỌC SINH TRONG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

Để nâng cao hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp, tôi xin đề xuất một số giải pháp cụ thể sau.

4.1. Tuyên truyền để phụ huynh biết được vai trò của mình trong tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh

Nhà trường cần cho cha mẹ thấy được vai trò của mình trong tư vấn phân luồng và hướng nghiệp cho học sinh. Việc hướng nghiệp cho các em không chỉ thực hiện ở cuối cấp trung học cơ sở (THCS) hay THPT mà cần phải thực hiện thường xuyên. Thông qua các cuộc họp phụ huynh, các buổi tư vấn hướng nghiệp, các kênh thông tin, phụ huynh sẽ được cung cấp nhiều kiến thức về việc lựa chọn ngành nghề.

4.2. Hướng dẫn cha mẹ xây dựng kế hoạch học tập cho học sinh

Trong các buổi sinh hoạt với phụ huynh, nhà trường giới thiệu các môn học của từng lớp, một số tổ hợp môn phổ biến khi xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng hoặc trung cấp. Từ đó giúp phụ huynh thấy được tầm quan trọng của việc lựa chọn ngành nghề mà có định hướng tốt hơn cho học sinh trong quá trình học tập. Để xây dựng được kế hoạch học tập mang lại kết quả cao, cha mẹ cần hướng dẫn học sinh:

- Xác định ngành nghề hoặc nhóm nghề quan tâm.
- Tìm hiểu yêu cầu tuyển sinh và chuẩn đầu vào.
- Xác định những môn học, kiến thức và kỹ năng cần tập trung.
- Lựa chọn trường học và phương thức tuyển sinh phù hợp.
- Dự kiến chi phí và phương án tài chính.
- Chuẩn bị phương án dự phòng nếu kết quả tuyển sinh không như mong muốn.

4.3. Phối hợp giữa gia đình – nhà trường và học sinh

Nhà trường rất quan tâm đến công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh cùng phụ huynh như:

- Đối với học sinh lớp 9, nhà trường có tổ chức họp phụ huynh để trao đổi về vấn đề lựa chọn việc xét tuyển để học tiếp lên THPT hay cho học sinh đi học các ngành nghề khác.
- Đối với học sinh đầu cấp THPT, đầu năm nhà trường có tổ chức buổi gặp mặt với phụ huynh lớp 10 để tư vấn cho phụ huynh và học sinh lựa chọn các môn học để đăng ký.
- Trong các cuộc họp phụ huynh, đặc biệt là ở lớp 9, 12, nhà trường luôn tạo điều kiện triển khai các nội dung liên quan đến xét tuyển ở lớp 9 và thi tốt nghiệp lớp 12 để phụ huynh nắm rõ. Đồng thời, giáo viên chủ nhiệm có thể trao đổi với phụ huynh những điểm mạnh, kết quả học tập của học sinh để giúp phụ huynh định hướng nghề nghiệp cho học sinh tốt hơn. Nhà trường cần xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên giữa giáo viên chủ nhiệm – phụ huynh và học sinh để phụ huynh kịp thời nắm bắt thông tin về học sinh.

4.4. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

Nhà trường có thể vận động cha mẹ học sinh tham gia vào các đợt trải nghiệm hướng nghiệp để nắm rõ hơn về đặc điểm của các trường, nhu cầu nghề nghiệp cũng như xu hướng phát triển các ngành nghề dưới tác động của công nghệ.

4.5. Hướng dẫn cha mẹ học sinh tiếp cận nhiều kênh thông tin đáng tin cậy để cập nhật các thông tin về ngành nghề, tuyển sinh và thị trường lao động

Trong thời đại chuyển đổi số, cha mẹ và học sinh có thể tiếp cận rất nhiều thông tin về các ngành nghề. Nhà trường cần hướng dẫn phụ huynh và học sinh:

- Tra cứu thông tin tuyển sinh trên website chính thức của các trường.
- Tìm hiểu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của từng ngành.
- Tham khảo thông tin về nhu cầu nhân lực từ cơ quan quản lý và đơn vị tuyển dụng có uy tín.
- Sử dụng các công cụ khám phá sở thích, năng lực nghề nghiệp [4] như nguồn tham khảo, không xem kết quả trắc nghiệm là kết luận tuyệt đối.
- Kiểm chứng thông tin trước khi đưa ra quyết định.

Bên cạnh đó, cha mẹ cần đồng hành cùng con trong việc sử dụng internet, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số để tìm hiểu nghề nghiệp một cách có chọn lọc, an toàn và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
2. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
3. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
4. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.

PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH, CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ DOANH NGHIỆP TRONG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU THCS TẠI AN GIANG

ThS. Nguyễn Thị Yến

Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, tỉnh An Giang

Email: ntyen1585@gmail.com

Tóm tắt: *Lựa chọn lộ trình sau trung học cơ sở cần cân nhắc đồng thời nguyện vọng học sinh, điều kiện gia đình và cơ hội đào tạo. Bằng phân tích tài liệu có chủ đích, bài viết đối chiếu cơ sở lý luận, chính sách và minh chứng thực tiễn tại An Giang để đề xuất cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp. Đóng góp của bài viết là cụ thể hóa đầu mối, trách nhiệm, sản phẩm bàn giao và phản hồi sau chuyển tiếp trong quy trình năm bước, từ lớp 8 đến học kỳ đầu sau nhập học. Bộ chỉ số đề xuất phân biệt việc tổ chức hoạt động với kết quả ở người học: hiểu biết, sẵn sàng lựa chọn và duy trì học tập. Cơ chế cần được thí điểm theo điều kiện từng địa bàn trước khi mở rộng.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng; phối hợp giáo dục; học sinh THCS; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lựa chọn lộ trình học tập sau trung học cơ sở (THCS) liên quan đến khả năng của học sinh, kỳ vọng của cha mẹ và điều kiện theo học. Nhà trường nắm quá trình học tập; gia đình hiểu hoàn cảnh sinh hoạt; cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) cung cấp thông tin đào tạo; doanh nghiệp giúp nhận diện yêu cầu công việc. Tuy nhiên, việc cùng tham gia một buổi tư vấn chưa bảo đảm các bên trao đổi đủ thông tin hoặc tiếp tục hỗ trợ khi học sinh gặp khó khăn sau tuyển sinh.

Các nghiên cứu của OECD [1], [2] làm rõ giá trị của trao đổi nghề nghiệp và tiếp xúc với môi trường lao động. Kinh nghiệm của Trường THCS Đông Bình nhấn mạnh khảo sát nguyện vọng qua nhiều đợt và liên hệ sau tuyển sinh [3]. Những nguồn này cung cấp căn cứ về hoạt động và tính liên tục của hỗ trợ. Vấn đề bài viết tiếp tục cụ thể hóa là cách phân định trách nhiệm, bàn giao kết quả giữa các hoạt động và phản hồi sau chuyển tiếp trong điều kiện An Giang. Khoảng trống được xác định ở yêu cầu tổ chức thực hiện, không phải sự vắng mặt của mô hình phối hợp trong nghiên cứu trước.

Bài viết tập trung vào học sinh lớp 8–9 và giai đoạn chuyển tiếp sau THCS, phù hợp chủ đề hội thảo hướng nghiệp, phân luồng giai đoạn 2026–2030. Câu hỏi đặt ra là: bốn bên cần phối hợp như thế nào để học sinh có căn cứ lựa chọn và có điều kiện thực hiện lựa chọn?

Đóng góp của bài là hệ thống hóa cơ chế phối hợp thành quy trình năm bước, gắn từng bước với đầu mối, minh chứng đầu ra và trách nhiệm theo dõi; gia đình tham gia xuyên suốt, học sinh được bày tỏ và điều chỉnh nguyện vọng.

1.1. Nguồn tư liệu và phương pháp phân tích

Bài viết phân tích tài liệu có chủ đích, cập nhật đến ngày 01/11/2026. Tiêu chí chọn gồm: liên quan trực tiếp đến lựa chọn nghề, phối hợp giáo dục hoặc chuyển tiếp sau THCS; xác định được tác giả, cơ quan ban hành và thời điểm; có nội dung phục vụ câu hỏi nghiên cứu. Nghiên cứu khoa học được dùng để giải thích quá trình lựa chọn; văn bản chính thức xác định trách nhiệm và bối cảnh tuyển sinh; báo cáo thực tiễn, tin hoạt động cung cấp kinh nghiệm tổ chức.

Tài liệu được đối chiếu theo bốn nội dung: thông tin nghề, trải nghiệm, hỗ trợ gia đình và theo dõi chuyển tiếp. Với mỗi nội dung, bài viết xác định nhu cầu của học sinh, chủ thể cung cấp hỗ trợ và minh chứng cần chuyển cho bước tiếp theo. Từ đó hình thành ba yêu cầu kết nối: thông tin với trải nghiệm; tư vấn với điều kiện theo học; quyết định với hỗ trợ chuyển tiếp. Đây là tổng hợp phục vụ đề xuất giải pháp, không phải tổng quan hệ thống. Bài không thu thập dữ liệu sơ cấp; chỉ tiêu kế hoạch không được sử dụng như kết quả thực hiện; tin hoạt động không dùng để khẳng định hiệu quả. Nghiên cứu trước hợp nhất được giữ đúng địa bàn và nhóm đối tượng gốc.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CHÍNH SÁCH

2.1. Từ nhận thức nghề nghiệp đến hành động lựa chọn

Hướng nghiệp được tiếp cận như quá trình giúp học sinh hiểu bản thân, tìm hiểu nghề và cân nhắc lộ trình học tập [4]. Phân luồng cần hỗ trợ người học tiếp tục học tập theo hướng phù hợp. Vì vậy, đánh giá phối hợp phải xem xét cả chất lượng lựa chọn và khả năng theo học, thay vì chỉ thống kê số lượt tư vấn hoặc số đăng ký vào GDNN.

Lý thuyết nhận thức xã hội về nghề nghiệp của Lent và cộng sự [5] giải thích lựa chọn qua niềm tin vào khả năng thực hiện nhiệm vụ, kỳ vọng kết quả, mục tiêu và các điều kiện hỗ trợ hoặc cản trở. Vận dụng vào quy trình đề xuất, trải nghiệm kèm phản hồi giúp học sinh xem xét khả năng của mình qua nhiệm vụ cụ thể; thông tin đào tạo và công việc giúp điều chỉnh kỳ vọng; đối thoại với gia đình làm rõ nguồn hỗ trợ và trở ngại; kế hoạch chuyển tiếp chuyển mục tiêu thành việc cần làm. Theo đó, một học sinh hứng thú với nghề nhưng thiếu điều kiện đi lại cần được hỗ trợ khác với học sinh chưa hiểu yêu cầu học tập. Kết quả trải nghiệm là căn cứ trao đổi, không phải phép đo cố định năng lực nghề.

OECD [1] tổng hợp bằng chứng về mối liên hệ giữa trao đổi nghề nghiệp và kết quả việc làm về sau; OECD [2] đề cập vai trò của tiếp xúc với người lao động và nơi làm việc trong chuẩn bị nghề nghiệp (xem thêm [6]). Bài viết kế thừa định hướng tổ chức đối thoại, trải nghiệm có hướng dẫn và kiểm tra sự hiểu biết sau hoạt động. Việc vận dụng vào An Giang cần được đánh giá bằng dữ liệu tại trường.

2.2. Trách nhiệm phối hợp và quyền lựa chọn của học sinh

Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục, trong đó cơ sở giáo dục phổ thông chủ trì phối hợp với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; thông tin tư vấn bao gồm các hướng đi, điều kiện học tập, chi phí và cơ hội nghề nghiệp [7]. Quy định này là căn cứ để thiết kế trách nhiệm, không thay thế việc xây dựng kế hoạch phù hợp từng trường.

Trong đề xuất, trường THCS điều phối và bảo đảm mục tiêu giáo dục; gia đình trao đổi điều

kiện và hỗ trợ con; cơ sở GDNN chịu trách nhiệm thông tin chương trình, điều kiện tuyển sinh, học phí và hỗ trợ theo học; doanh nghiệp giải thích công việc, yêu cầu kỹ năng và điều kiện trải nghiệm. Học sinh được nghe nhiều phương án và trình bày căn cứ lựa chọn. Không lấy học lực thấp hoặc hoàn cảnh khó khăn làm lý do duy nhất hướng vào học nghề; không coi mong muốn học trung học phổ thông (THPT) là trở ngại đối với phân luồng.

3. ĐIỀU KIỆN VẬN DỤNG VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA TẠI AN GIANG

3.1. Căn cứ địa phương và hàm ý tổ chức

Kế hoạch số 1546/KH-SGDĐT ngày 20/3/2026 về tuyển sinh năm học 2026–2027 nêu tỷ lệ 70% học sinh tốt nghiệp THCS vào các trường có cấp THPT công lập và 30% còn lại theo các hướng học nghề, giáo dục thường xuyên, trung học nghề cùng lựa chọn khác [8]. Đây là định hướng trong kế hoạch, không phải số liệu kết quả; nhóm 30% không đồng nghĩa toàn bộ vào GDNN. Từ yêu cầu tổ chức tuyển sinh, bài viết đề xuất tư vấn nhiều lộ trình trước đăng ký và tiếp tục liên hệ sau công bố kết quả, nhất là với học sinh chưa có nơi học. Chỉ tiêu chung không thay thế tư vấn phù hợp từng em.

Nghiên cứu của Lê Thị Hồng Hạnh [9] khảo sát 136 trẻ từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động sớm tại Châu Phú, Chợ Mới, An Phú và Châu Đốc, thuộc địa bàn An Giang trước hợp nhất. Nghiên cứu ghi nhận nhu cầu học nghề cùng những ràng buộc về kinh tế, nơi học và ảnh hưởng của người chăm sóc. Đây là bằng chứng ở nhóm dễ bị tổn thương, không đại diện học sinh toàn tỉnh. Hàm ý đối với đề xuất là phải hỏi cụ thể về khả năng đi lại, chi phí sinh hoạt và người hỗ trợ, đồng thời theo dõi trường hợp có nguy cơ gián đoạn học tập; chỉ cung cấp thông tin tuyển sinh sẽ chưa giải quyết được những ràng buộc đó.

Ngày 18/5/2026, Trung tâm GDNN – giáo dục thường xuyên (GDTX) Thoại Sơn phối hợp Phòng Văn hóa – Xã hội xã Tây Phú tư vấn cho học sinh lớp 9 tại Trường THCS An Bình và Trường THCS Tây Phú [10]. Hoạt động cho thấy khả năng kết nối cơ sở đào tạo với trường học tại địa bàn. Để phát triển cách tổ chức này thành quá trình hỗ trợ liên tục, có thể bổ sung phiếu câu hỏi trước tư vấn, phản hồi của học sinh và lịch liên hệ với gia đình sau hoạt động.

3.2. Thích ứng với địa bàn và điều kiện gia đình

Thông tin chính thức về An Giang sau hợp nhất cho thấy không gian phát triển gắn với nông nghiệp, kinh tế biên giới, kinh tế biển và du lịch [11]. Sự đa dạng này gợi ý tổ chức theo cụm trường và đối tác có thể tiếp cận. Nội dung trải nghiệm cần được chọn từ công việc thực tế, phù hợp lứa tuổi; tiềm năng của ngành kinh tế không được diễn giải thành cam kết có việc làm.

Chẳng hạn, trường gần cơ sở sản xuất có thể tổ chức tìm hiểu chế biến thực phẩm hoặc kỹ thuật nông nghiệp; nơi có đối tác dịch vụ có thể thực hành tình huống phục vụ khách trong phòng mô phỏng. Với trường xa cơ sở thực hành hoặc ở đảo, nên cân nhắc người làm nghề đến trường, mô hình thao tác và trao đổi trực tuyến trước khi tổ chức chuyển đi. Đây là phương án thiết kế để thí điểm, cần xác nhận đối tác, chi phí và điều kiện an toàn tại từng địa bàn.

Khả năng tiếp cận còn phụ thuộc gia đình. Lo ngại của cha mẹ có thể liên quan chỗ ở, quãng đường đi học hoặc việc chăm sóc con chưa thành niên. Nhà trường cần giải đáp bằng thông tin cụ thể, tránh quy mọi băn khoăn thành tâm lý coi nhẹ học nghề. Gia đình gặp khó khăn về ngôn ngữ,

đọc hiểu hoặc thời gian cần được trao đổi theo hình thức phù hợp; họp phụ huynh chung không nên là con đường duy nhất tiếp cận tư vấn.

Các căn cứ trên dẫn đến yêu cầu tổ chức hỗ trợ theo hoàn cảnh: thông tin phải được kiểm tra qua trải nghiệm; tư vấn phải tính đến điều kiện theo học; kết quả tuyển sinh phải được nối với theo dõi chuyển tiếp. Trước khi áp dụng, mỗi trường cần rà soát hồ sơ và trao đổi với học sinh, cha mẹ để xác định yêu cầu ưu tiên của mình.

4. CƠ CHẾ PHỐI HỢP ĐỀ XUẤT GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Đầu mối điều phối và trách nhiệm xác nhận thông tin

Hiệu trưởng phân công một đầu mối hướng nghiệp, phối hợp giáo viên chủ nhiệm và đối tác theo kế hoạch năm học. Thỏa thuận phối hợp cần ghi nhiệm vụ, lịch, người phụ trách, kinh phí và cách xử lý vướng mắc. Cơ sở GDNN xác nhận thông tin đào tạo bằng tài liệu hiện hành; doanh nghiệp xác nhận nội dung công việc và điều kiện trải nghiệm. Đầu mối nhà trường kiểm tra mức độ đầy đủ, ghi ngày cập nhật, yêu cầu đính chính khi thông tin mâu thuẫn và chuyển câu trả lời đến học sinh, gia đình.

Vướng mắc về tuyển sinh, học phí được chuyển cho cơ sở đào tạo; khó khăn gia đình được trao đổi riêng với giáo viên phụ trách; vấn đề an toàn do nhà trường cùng đơn vị tổ chức xử lý. Mỗi việc cần có người tiếp nhận và thời hạn phản hồi đã thống nhất. Thông tin chưa được xác minh phải được ghi nhận để kiểm tra tiếp, không dùng làm căn cứ hứa hẹn văn bằng hoặc việc làm.

4.2. Quy trình năm bước và sản phẩm bàn giao

Quy trình bắt đầu từ lớp 8, cập nhật trong lớp 9 và nối sang học kỳ đầu sau chuyển tiếp. Bảng 1 thể hiện trách nhiệm và kết quả cần chuyển giữa các bước. Giáo viên chủ nhiệm (GVCN) thực hiện theo phân công; đầu mối hướng nghiệp của trường theo dõi tiến độ chung.

Bảng 1

Phân công và sản phẩm của quy trình phối hợp

Giai đoạn	Chủ trì	Trách nhiệm phối hợp	Sản phẩm và nơi tiếp nhận
1. Tìm hiểu học sinh	GVCN	Học sinh nêu nguyện vọng; gia đình bổ sung điều kiện hỗ trợ.	Phiếu nhu cầu gửi đầu mối trường để chọn nội dung trải nghiệm.
2. Trải nghiệm nghề	Đầu mối trường	GDNN, doanh nghiệp hướng dẫn nhiệm vụ; gia đình phối hợp tổ chức.	Phiếu phản hồi của học sinh và nhận xét người hướng dẫn chuyển GVCN.
3. Tư vấn lựa chọn	GVCN	Học sinh, cha mẹ cân nhắc phương án; đối tác giải đáp thông tin chuyên môn.	Bản so sánh phương án, việc cần xác minh; học sinh và gia đình cùng giữ.
4. Chuẩn bị chuyển tiếp	GVCN	Cơ sở đào tạo xác nhận yêu cầu; gia đình chuẩn bị điều kiện theo học.	Kế hoạch của học sinh: lựa chọn, dự phòng, thời hạn, người hỗ trợ.

Bảng 1 (tiếp theo)

Giai đoạn	Chủ trì	Trách nhiệm phối hợp	Sản phẩm và nơi tiếp nhận
5. Theo dõi sau nhập học	Đầu mối trường	Gia đình, cơ sở tiếp nhận phản hồi tình trạng và khó khăn.	Sổ theo dõi chuyển tiếp, ghi người xử lý và kết quả hỗ trợ.

Nguồn: Tác giả đề xuất từ phân tích tài liệu.

Bước 1 sử dụng trao đổi ngắn cùng thông tin học tập để xác định điều học sinh cần tìm hiểu. Trắc nghiệm, nếu có, chỉ là nguồn tham khảo. Bước 2 giao nhiệm vụ quan sát hoặc thao tác an toàn; học sinh ghi điều đã hiểu, khả năng tự nhận thấy và câu hỏi còn lại. Người hướng dẫn phản hồi về nhiệm vụ, không kết luận học sinh "hợp" hay "không hợp" nghề chỉ qua một lần tham gia.

Ở bước 3, giáo viên dùng phiếu phản hồi để cùng học sinh so sánh ít nhất hai lộ trình khả thi. Khi cha mẹ và con khác nguyện vọng, cần phân biệt bất đồng về thông tin, kỳ vọng hay điều kiện thực hiện. Bước 4 ghi cụ thể nơi học dự kiến, điều kiện tuyển sinh, thời hạn, khoản chi và phương án dự phòng; việc ký xác nhận trao đổi không được biến thành cam kết bắt buộc theo một hướng.

Bước 5 đề xuất hai mốc: khoảng một tháng sau thời điểm nhập học của chương trình và cuối học kỳ đầu. Trường hợp chưa nhập học được GVCN hoặc người được phân công liên hệ để xác định nguyên nhân, chuyển hỗ trợ và hẹn kiểm tra lại. Với học sinh vào THPT, GDTX hoặc cơ sở khác, trường THCS phối hợp cơ sở tiếp nhận tương ứng. Hai mốc là phương án thí điểm, không phải chế độ báo cáo đã ban hành.

4.3. Sự tham gia thực chất của gia đình

Gia đình cần được tham gia từ lúc hình thành nguyện vọng. Trước tư vấn, nhà trường gửi thông tin ngắn về các lựa chọn và tiếp nhận câu hỏi của cha mẹ. Trong trao đổi, học sinh trình bày trước; phụ huynh làm rõ khả năng hỗ trợ đi lại, sinh hoạt và học tập. Với hoàn cảnh kinh tế hoặc mâu thuẫn nhạy cảm, nên trao đổi riêng, không yêu cầu công khai trước tập thể.

Nếu cha mẹ muốn con học một nghề nhưng con chưa hiểu nghề, cần tạo cơ hội trải nghiệm rồi trao đổi lại. Nếu học sinh muốn theo chương trình vượt khả năng tài chính, giáo viên cùng gia đình kiểm tra hỗ trợ và phương án phù hợp hơn. Việc thay đổi lựa chọn khi có thông tin mới cần được ghi nhận, không xem là thiếu kiên định. Nhà trường giữ vai trò hỗ trợ đối thoại; gia đình đồng hành nhưng không quyết định thay mọi nguyện vọng của con.

4.4. Nhân lực và điều kiện thực hiện

Bồi dưỡng giáo viên nên tập trung vào phỏng vấn ngắn, hướng dẫn phản hồi, đọc thông tin tuyển sinh và xử lý tình huống khác biệt nguyện vọng. Các cơ sở đào tạo giáo viên, trong đó có Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, có thể tham gia theo năng lực và nhiệm vụ được giao. Sinh hoạt chuyên môn cần sử dụng hồ sơ tình huống đã loại bỏ thông tin nhận diện để rút kinh nghiệm.

Kinh phí được dự trù theo hoạt động, gồm vật liệu, người hướng dẫn, phương tiện và hỗ trợ tiếp cận. Không lấy đóng góp gia đình làm điều kiện để học sinh được tư vấn. Trải nghiệm ngoài trường phải có người quản lý và phương án xử lý sự cố; không sử dụng học sinh thay thế lao động. Hồ sơ chỉ thu thập thông tin cần thiết, xác định người được truy cập và phạm vi chia sẻ; không mặc

nhiên chuyển danh sách cho hoạt động tiếp thị.

4.5. Theo dõi kết quả và kiểm chứng qua thí điểm

Bảng 2 tách chỉ số thực hiện khỏi kết quả ở người học. Các chỉ số là đề xuất vận hành, chưa phải thang đo đã được kiểm định. Khi tính tỷ lệ, trường cần ghi số trường hợp đáp ứng trên tổng nhóm được theo dõi; nêu riêng trường hợp thiếu thông tin, không tự xếp vào nhóm đạt hoặc bỏ học.

Bảng 2

Chỉ số, minh chứng và trách nhiệm ghi nhận

Nhóm và chỉ số	Minh chứng cần có	Thời điểm và người ghi nhận
Hoạt động: tiếp cận tư vấn, trải nghiệm	Danh sách tham gia từng hoạt động trên tổng học sinh lớp 8–9; lý do chưa tiếp cận.	Sau hoạt động; người tổ chức chuyển đầu mối trường.
Hoạt động: trao đổi với gia đình và xử lý phản hồi	Phiếu ghi câu hỏi, câu trả lời, người phụ trách; số việc hoàn tất trên số việc đến hạn.	Sau tư vấn, rà soát hằng tháng; GVCN.
Kết quả: hiểu và so sánh lộ trình	Học sinh nêu yêu cầu, chi phí, điều kiện theo học của hai phương án và lý do lựa chọn.	Trước và sau tư vấn, cùng câu hỏi; GVCN.
Kết quả: sẵn sàng chuyển tiếp	Kế hoạch có lựa chọn, dự phòng, thời hạn và hỗ trợ khả thi; ghi phần còn thiếu.	Trước đăng ký; GVCN đối chiếu cùng học sinh, cha mẹ.
Kết quả: nhập học và duy trì học tập	Xác nhận từ gia đình, cơ sở tiếp nhận; phân biệt đang học, chuyển nơi học, dừng học, chưa rõ.	Sau khoảng một tháng và cuối học kỳ đầu; đầu mối trường.

Nguồn: Tác giả đề xuất; các mốc và biểu mẫu cần thử nghiệm tại trường.

Thí điểm nên chọn cụm trường có điều kiện tiếp cận đối tác khác nhau, ghi nhận thông tin ban đầu và theo dõi trọn một chu kỳ. Ngoài số lượt tham gia, cần phân tích lý do chưa nhập học, thay đổi lộ trình và việc hỗ trợ đã thực hiện. Tỷ lệ vào GDNN được báo cáo để mô tả lựa chọn, không dùng đơn độc làm thước đo chất lượng tư vấn. Nếu có nhóm so sánh, phải xem xét khác biệt đầu vào; thay đổi trước – sau ở một nhóm chỉ cho thấy diễn biến, chưa chứng minh tác động của cơ chế.

Giai đoạn đầu ưu tiên thống nhất biểu mẫu, tập huấn và kiểm tra khả năng phối hợp. Sau một chu kỳ, điều chỉnh khối lượng công việc, chi phí và cách liên hệ gia đình. Việc mở rộng trong giai đoạn 2026–2030 cần dựa trên kết quả thí điểm, đặc biệt khả năng duy trì hỗ trợ ở trường xa đối tác và với học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phối hợp bốn bên có ý nghĩa khi thông tin và trách nhiệm được nối qua từng giai đoạn lựa chọn của học sinh. Bài viết cụ thể hóa yêu cầu đó bằng quy trình năm bước, sản phẩm bàn giao và tiêu chí theo dõi, đặt gia đình trong cả quá trình cân nhắc lẫn thực hiện lựa chọn. Điểm bổ sung nằm ở cách tổ chức trách nhiệm và phản hồi sau chuyển tiếp, không ở tuyên bố một mô hình hoàn toàn

mới.

Đối với An Giang, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ hướng dẫn chuyên môn, kết nối đối tác và đánh giá thí điểm; trường THCS điều phối, theo dõi học sinh; cơ sở GDNN và doanh nghiệp bảo đảm thông tin cùng điều kiện trải nghiệm; gia đình trao đổi và hỗ trợ theo khả năng. Do dựa trên phân tích tài liệu, bài viết chưa xác định mức độ phổ biến của các vướng mắc hoặc hiệu quả của cơ chế trên toàn tỉnh. Kiểm chứng tại các địa bàn khác nhau là bước cần thiết trước khi mở rộng, với trọng tâm là lựa chọn có căn cứ và khả năng tiếp tục học tập của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. OECD (2021). *Career conversations: Why it is important for students to talk about their futures in work with teachers, family and friends* (OECD Education Policy Perspectives No. 42). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/15b83760-en
2. OECD (2025). *The state of global teenage career preparation*. OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/d5f8e3f2-en
3. Đặng Tấn Trung (2024, 7 tháng 3). *Công tác tổ chức tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS trong trường học* [Tham luận, Trường THCS Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long].
4. Mai Xuân Tấn, Nguyễn Thanh Nga, Lê Thanh Huy, & Tạ Thanh Trung (2023). Đề xuất khung năng lực định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 20*(10), 1732–1745.
5. Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance. *Journal of Vocational Behavior, 45*(1), 79–122. https://doi.org/10.1006/jvbe.1994.1027
6. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*. https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/3/16-bgddt.pdf
8. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2026). *Kế hoạch số 1546/KH-SGDĐT ngày 20/3/2026 về tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông năm học 2026–2027*. https://cdn.thuvienphapluat.vn/uploads/tintuc/2026/06/02/ke-hoach-1546-kh-sgddt-2026-an-giang.pdf
9. Lê Thị Hồng Hạnh (2023). Nhu cầu học nghề của trẻ em lao động sớm tại tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 12*(1), 72–80. https://doi.org/10.52714/dthu.12.1.2023.1020
10. Ủy ban nhân dân xã Tây Phú (2026). *Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9*. https://tayphu.angiang.gov.vn/tuyen-truyen-tu-van-huong-nghiep-cho-hoc-sinh-lop-9
11. Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang (2026). *10 sự kiện quan trọng, nổi bật của tỉnh An Giang năm 2025*. https://angiang.gov.vn/vi/10-su-kien-quan-trong-noi-bat-cua-tinh-an-giang-nam-2025

TỪ THẤU HIỂU ĐẾN ĐỒNG HÀNH: VAI TRÒ CỦA CHA MẸ TRONG HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

CN. Vũ Thị Thanh Nhàn

Trường THCS An Châu, tỉnh An Giang

Email: thanhnhan_c2anchauct@angiang.edu.vn

Tóm tắt: *Lựa chọn con đường học tập và nghề nghiệp là một quyết định quan trọng đối với học sinh trung học cơ sở, cần sự chuẩn bị của bản thân các em và sự đồng hành từ gia đình, nhà trường. Tuy nhiên, khác biệt giữa kỳ vọng của cha mẹ và nguyện vọng của con, cùng những hạn chế về thông tin nghề nghiệp, có thể khiến việc định hướng gặp khó khăn. Từ góc nhìn của giáo viên, bài viết phân tích vai trò của cha mẹ, đối chiếu số liệu phân luồng của tỉnh An Giang và Trường THCS An Châu năm học 2025–2026 (6,8% học sinh không tiếp tục học), từ đó đề xuất giải pháp tăng cường đối thoại, phối hợp gia đình – nhà trường, tổ chức trải nghiệm và hỗ trợ học sinh xây dựng kế hoạch hướng nghiệp cá nhân, góp phần nâng cao hiệu quả phân luồng giai đoạn 2026–2030.*

Từ khóa: *cha mẹ học sinh; giáo dục hướng nghiệp; phối hợp gia đình – nhà trường; phân luồng học sinh; trung học cơ sở*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước những lựa chọn về học tập và nghề nghiệp, mỗi học sinh đều có những ước mơ, sở thích và cả những băn khoăn riêng. Có em sớm nhận ra điều mình muốn theo đuổi, nhưng cũng có em khi sắp kết thúc bậc trung học cơ sở (THCS) vẫn chưa hiểu rõ khả năng của bản thân và hướng đi phù hợp. Ở lứa tuổi ấy, những dự định còn có thể thay đổi theo trải nghiệm và sự trưởng thành. Vì vậy, hướng nghiệp không chỉ là giúp học sinh chọn trường, chọn nghề, mà quan trọng hơn là giúp các em hiểu mình, hiểu giá trị của lao động và từng bước biết lựa chọn có trách nhiệm với tương lai.

Trong quá trình trưởng thành của con, cha mẹ luôn gửi gắm nhiều yêu thương và kỳ vọng. Thế nhưng, điều người lớn mong muốn đôi khi chưa gặp được những điều con thực sự quan tâm. Có những lời khuyên xuất phát từ sự lo lắng chân thành nhưng lại khiến con cảm thấy áp lực khi chưa được lắng nghe và thấu hiểu. Bởi vậy, đồng hành trong hướng nghiệp không phải là quyết định thay con, cũng không đơn thuần chiều theo mọi mong muốn của con, mà là cùng con tìm hiểu năng lực, sở thích và cân nhắc những lựa chọn phù hợp với thực tế.

Từ góc nhìn của người giáo viên, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường có ý nghĩa thiết thực đối với quá trình ấy. Nếu giáo viên hiểu học sinh qua hoạt động học tập, rèn luyện và những biểu hiện năng lực ở trường thì cha mẹ có điều kiện nhận ra những thay đổi của con trong cuộc sống hằng ngày. Khi hai phía biết lắng nghe, chia sẻ và bổ sung cho nhau những thông tin cần thiết, học sinh sẽ có thêm sự hỗ trợ để khám phá bản thân, hiểu rõ các lộ trình học tập và chủ động hơn trong định hướng nghề nghiệp.

Yêu cầu này càng trở nên cần thiết khi học sinh đứng trước nhiều lộ trình học tập và cơ hội nghề nghiệp khác nhau. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục [1] là một cơ sở quan trọng để nhà

trường tổ chức hoạt động hướng nghiệp và tăng cường phối hợp với gia đình. Sự phối hợp ấy cần vượt ra khỏi việc thông báo kết quả học tập hay cung cấp thông tin tuyển sinh, hướng đến hỗ trợ học sinh tìm hiểu nghề, trải nghiệm và cân nhắc lựa chọn phù hợp.

Từ những vấn đề trên, bài viết tập trung phân tích vai trò của cha mẹ, những khó khăn trong quá trình đồng hành cùng con và đề xuất giải pháp phối hợp với nhà trường trong giáo dục hướng nghiệp. Qua đó, góp phần xây dựng cách tiếp cận tôn trọng sự khác biệt, giúp học sinh có thêm hiểu biết và sự tự tin khi lựa chọn lộ trình học tập, nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học tại tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030.

2. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

2.1. Nhận thức và sự đồng hành của cha mẹ trong hướng nghiệp cho học sinh

Gia đình có ảnh hưởng sâu sắc đến cách học sinh nhìn nhận việc học, giá trị của lao động và những dự định về tương lai. Qua lời trò chuyện, thái độ của cha mẹ đối với mỗi ngành nghề hay cách người lớn đối diện với khó khăn, các em dần hình thành những quan niệm đầu tiên về công việc và sự thành công. Một lời động viên đúng lúc có thể tiếp thêm niềm tin, nhưng kỳ vọng quá lớn hoặc những so sánh vô tình cũng dễ khiến con trẻ cảm thấy áp lực trước lựa chọn của mình.

Thấu hiểu con không có nghĩa là chấp nhận mọi sở thích nhất thời, mà là kiên nhẫn tìm hiểu điều gì thực sự phù hợp với khả năng và mong muốn của con. Cha mẹ cần giúp các em nhận ra khoảng cách giữa điều mình yêu thích với những kiến thức, kỹ năng phải rèn luyện để theo đuổi. Khi được lắng nghe và trao đổi trong sự tôn trọng, học sinh sẽ có thêm cơ hội hiểu bản thân, biết cân nhắc và dần chịu trách nhiệm với những dự định phía trước.

2.2. Những khó khăn trong phối hợp giữa gia đình và nhà trường

Sự băn khoăn trước lựa chọn nghề nghiệp không chỉ là câu chuyện của một vài học sinh. Theo báo cáo *The State of Global Teenage Career Preparation* của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), dựa trên dữ liệu PISA 2022, trung bình 39% học sinh 15 tuổi tại các nước OECD chưa xác định rõ kỳ vọng nghề nghiệp; 21% mong muốn làm công việc thường đòi hỏi trình độ đại học nhưng không dự định theo học bậc giáo dục tương ứng [2]. Những con số ấy gợi ra một khoảng cách đáng suy ngẫm: không ít người trẻ có thể hình dung về công việc mình mong muốn nhưng chưa hiểu rõ con đường học tập cần thiết [3].

Năm học 2025–2026, toàn tỉnh An Giang có 52.064 học sinh lớp 9. Trong đó, 47.750 em đăng ký dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông (THPT), tương đương 91,71%. Sau tuyển sinh, hơn 35.000 học sinh trúng tuyển vào lớp 10 công lập. Số học sinh theo các hướng phân luồng khác là 4.314 em (8,29%), gồm các em học ở giáo dục thường xuyên, học nghề hoặc rẽ sang hướng khác [4].

Tại Trường THCS An Châu, báo cáo phân luồng năm học 2025–2026 ghi nhận 279 học sinh tốt nghiệp THCS, trong đó 219 em tiếp tục học THPT công lập (78,5%), 41 em học giáo dục thường xuyên (14,7%) và 19 em không tiếp tục học (6,8%) [5]. Tỷ lệ 6,8% vẫn còn cao. Làm sao để giảm số em không tiếp tục học là cả một quá trình cố gắng. Kết quả này phản ánh những hướng đi khác nhau của học sinh sau lớp 9, đồng thời đặt ra yêu cầu quan tâm sâu sát đến từng hoàn cảnh, nhất là những em có nguy cơ không tiếp tục học sau khi hoàn thành chương trình THCS [6]. Đó cũng là

lúc sự lắng nghe của cha mẹ và sự hỗ trợ kịp thời từ nhà trường trở nên đặc biệt ý nghĩa.

Đằng sau những băn khoăn của học sinh còn là nỗi lo rất thật của cha mẹ. Mong con có một công việc ổn định, một cuộc sống tốt đẹp là nguyện vọng chính đáng, nhưng không phải gia đình nào cũng có đủ thông tin để nhận biết những lộ trình học tập và cơ hội nghề nghiệp đang thay đổi. Có cha mẹ mong con tiếp tục học lên cao, có người lại quan tâm đến khả năng sớm có việc làm. Trong khi đó, các em dễ bị thu hút bởi những hình ảnh nghề nghiệp trên mạng xã hội, ảnh hưởng từ bạn bè hoặc sở thích trước mắt mà chưa hiểu hết yêu cầu của công việc mình quan tâm.

Ở nhà trường, việc hướng nghiệp khó đạt chiều sâu nếu sự trao đổi với phụ huynh chỉ xoay quanh điểm số và thông tin tuyển sinh. Giáo viên hiểu học sinh qua quá trình học tập, rèn luyện, nhưng vẫn cần lắng nghe những chia sẻ từ gia đình để nhận ra các em đầy đủ hơn. Ngược lại, cha mẹ cũng cần được hỗ trợ bằng những nguồn thông tin đáng tin cậy và cách trò chuyện phù hợp. Sự khác biệt về hoàn cảnh kinh tế, cơ hội trải nghiệm hay những quan niệm sẵn có về nghề nghiệp của nam và nữ càng đòi hỏi việc tư vấn phải thận trọng, để mỗi học sinh được nhìn nhận bằng khả năng và nguyện vọng của chính mình.

2.3. Những vấn đề đặt ra đối với công tác hướng nghiệp và phân luồng

Những khó khăn trên cho thấy sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường cần được quan tâm không chỉ ở số lần tư vấn, mà ở việc học sinh thực sự hiểu thêm điều gì sau mỗi hoạt động. Cha mẹ cần có thông tin để đồng hành; giáo viên cần tạo cơ hội để các em khám phá bản thân, trải nghiệm nghề và cân nhắc trước những lựa chọn quan trọng.

Phân luồng, vì thế, không nên trở thành sự thuyết phục học sinh đi theo một hướng đã định sẵn, mà cần giúp các em và gia đình hiểu rõ giá trị, điều kiện và cơ hội phát triển của từng lộ trình. Những kết quả nghiên cứu quốc tế là nguồn tham khảo cần thiết, song việc vận dụng vào thực tiễn tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030 phải xuất phát từ điều kiện giáo dục và nhu cầu của học sinh tại địa phương.

3. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHA MẸ TRONG HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.1. Tạo sự đồng thuận về phân luồng thực chất

Cha mẹ phải xóa bỏ được định kiến về học nghề [7]. Không nên coi việc con rẽ sang học nghề sau THCS là một sự thất bại. Cha mẹ cần hiểu rằng hệ thống giáo dục có nhiều lộ trình linh hoạt, học sinh tốt nghiệp trường nghề vẫn có thể tiếp tục học liên thông theo quy định hoặc phát triển nghề nghiệp dựa trên trình độ và kỹ năng đã được đào tạo.

3.2. Hướng nghiệp dựa trên trí thông minh đa dạng

Cha mẹ cần chủ động phối hợp với nhà trường để nhận diện những lĩnh vực mà con có thế mạnh, chẳng hạn như về thực hành, kỹ thuật hay nghệ thuật [8]. Nếu trẻ có xu hướng thích làm việc với đôi tay, máy móc hoặc nghệ thuật, cha mẹ sẵn sàng ủng hộ con nộp hồ sơ vào các trường cao đẳng nghề hoặc trung cấp nghề.

3.3. Giúp cha mẹ hiểu con trước khi cùng con lựa chọn nghề nghiệp

Muốn đồng hành cùng con trong hướng nghiệp, trước hết cha mẹ cần hiểu rằng điểm số của mỗi học sinh chỉ phản ánh một phần kết quả học tập nhưng chưa thể nói hết năng lực hay tiềm năng phát triển của các em. Một học sinh chưa nổi bật ở các môn văn hóa vẫn có thể bộc lộ sự khéo léo, khả năng tổ chức hoặc tư duy thực hành qua những hoạt động khác.

Thay cho câu hỏi con sẽ thi vào trường nào, cha mẹ nên dành thời gian tìm hiểu con thích làm gì, đã làm tốt điều gì, gặp khó khăn ở đâu và mong muốn được trải nghiệm những công việc nào. Những cuộc trò chuyện như vậy không nhằm buộc học sinh phải có ngay câu trả lời, mà giúp các em dần biết quan sát, đánh giá bản thân và suy nghĩ nghiêm túc về tương lai. Trong các buổi họp phụ huynh, sinh hoạt chuyên đề hoặc trao đổi cá nhân, giáo viên chủ nhiệm có thể sử dụng những tình huống gần gũi để cùng cha mẹ nhận diện sự khác biệt giữa kỳ vọng của người lớn và nguyện vọng của học sinh.

3.4. Xây dựng sự phối hợp thường xuyên giữa gia đình và nhà trường

Sự thấu hiểu sẽ khó tạo nên thay đổi nếu chỉ dừng lại ở những cuộc trao đổi riêng lẻ. Vì vậy, nhà trường cần tổ chức hoạt động hướng nghiệp theo một kế hoạch có sự tham gia của giáo viên, học sinh và cha mẹ, trong đó xác định rõ nội dung phối hợp ở từng giai đoạn, đặc biệt đối với học sinh lớp 9. Với học sinh cuối cấp, việc tìm hiểu nguyện vọng và những khó khăn của từng em cần được thực hiện trước thời điểm lựa chọn lộ trình học tập, để gia đình và nhà trường có sự hỗ trợ kịp thời.

Ở cấp THCS, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [9] xây dựng phiếu tìm hiểu sở thích, năng lực và dự định học tập của học sinh. Phụ huynh được khuyến khích cùng con trao đổi và bổ sung những nhận xét từ sinh hoạt gia đình. Thông tin thu thập không dùng để xếp loại khả năng nghề nghiệp mà làm căn cứ ban đầu cho hoạt động tư vấn, đồng thời được bảo mật và sử dụng đúng mục đích giáo dục.

Đối với học sinh còn phân vân hoặc có nguyện vọng khác với kỳ vọng gia đình, nhà trường cần bố trí những cuộc trao đổi riêng giữa giáo viên, phụ huynh và học sinh. Trong cuộc trao đổi ấy, giáo viên giữ vai trò kết nối, giúp các bên lắng nghe nhau, đối chiếu nguyện vọng với năng lực và thông tin về những lộ trình học tập. Việc tư vấn cần tránh áp đặt, so sánh hoặc kết luận vội vàng về tương lai của một học sinh.

Sự phối hợp cũng cần được duy trì bằng những hình thức thuận tiện như trao đổi trực tiếp, nhóm thông tin lớp học hoặc tài liệu hướng nghiệp gửi đến gia đình. Với phụ huynh bận rộn, ở xa trường hoặc hạn chế điều kiện tiếp cận công nghệ, nhà trường cần lựa chọn cách liên hệ phù hợp để mọi gia đình đều có cơ hội tham gia. Khi cha mẹ không chỉ nhận thông báo mà thực sự được trao đổi và hỗ trợ, sự phối hợp mới có thể trở thành một phần thường xuyên của công tác hướng nghiệp.

3.5. Tạo cơ hội để học sinh khám phá nghề nghiệp từ những trải nghiệm gần gũi

Không phải học sinh nào cũng có thể hình dung đúng về một nghề chỉ qua lời giới thiệu hoặc thông tin trên mạng. Nhiều em yêu thích hình ảnh bên ngoài của một công việc nhưng chưa hiểu những kiến thức, kỹ năng, điều kiện lao động và trách nhiệm mà nghề đó đòi hỏi. Vì vậy, hướng nghiệp cần tạo cơ hội để học sinh được quan sát, thử sức và tự rút ra nhận xét từ trải nghiệm của mình.

Nhà trường có thể phối hợp với phụ huynh, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị sản xuất, kinh doanh tại địa phương tổ chức những buổi giao lưu, tìm hiểu nghề hoặc trải nghiệm phù hợp với độ tuổi, điều kiện thực tế. Cha mẹ có thể chia sẻ về công việc của mình, những khó khăn, niềm vui và yêu cầu nghề nghiệp mà bản thân đã trải qua. Những câu chuyện chân thực ấy giúp học sinh nhận ra rằng mỗi nghề đều có giá trị riêng và để làm tốt một công việc, con người cần kiến thức, kỹ năng cùng thái độ lao động nghiêm túc.

Bên cạnh hoạt động tập thể, giáo viên nên khuyến khích học sinh thực hiện những nhiệm vụ nhỏ gắn với sở thích cá nhân như tìm hiểu một nghề, phỏng vấn người đang làm nghề hoặc xây dựng bản giới thiệu về công việc mình quan tâm. Sau mỗi hoạt động, các em được hướng dẫn tự trả lời: Mình đã hiểu thêm điều gì? Công việc này đòi hỏi những khả năng nào? Bản thân cần học tập, rèn luyện ra sao nếu muốn theo đuổi?

Đặc biệt, các hoạt động trải nghiệm cần mở ra cơ hội bình đẳng cho học sinh nam và nữ, không giới hạn lựa chọn theo định kiến giới hay kết quả học tập nhất thời. Với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, cần ưu tiên những hình thức trải nghiệm gần gũi, ít tốn kém để điều kiện gia đình không trở thành rào cản trong quá trình tìm hiểu nghề nghiệp.

3.6. Đồng hành cùng học sinh xây dựng và điều chỉnh kế hoạch hướng nghiệp cá nhân

Đích đến của sự phối hợp không phải là cha mẹ và giáo viên lựa chọn một nghề thay học sinh, mà là giúp các em có đủ hiểu biết để từng bước tự quyết định con đường của mình. Vì vậy, nhất là ở năm học cuối cấp, mỗi học sinh cần được hướng dẫn xây dựng một kế hoạch hướng nghiệp đơn giản, phù hợp với khả năng, nguyện vọng và thực tế.

Kế hoạch ấy thể hiện những điểm mạnh, sở thích, nghề nghiệp đang quan tâm, lộ trình học tập dự kiến và những việc cần thực hiện. Giáo viên giúp học sinh đối chiếu mong muốn với kết quả học tập, yêu cầu nghề nghiệp và thông tin tuyển sinh đáng tin cậy. Cha mẹ cùng con cân nhắc điều kiện gia đình, nhận diện khó khăn và tìm kiếm phương án phù hợp, thay vì vội quyết định khi con chưa có cơ hội trình bày suy nghĩ.

Đối với học sinh sau tốt nghiệp THCS, việc tư vấn cần làm rõ đặc điểm và cơ hội phát triển của từng hướng đi, từ tiếp tục học THPT đến giáo dục nghề nghiệp và các lộ trình phù hợp khác. Học nghề không nên bị xem là lựa chọn dành riêng cho học sinh có kết quả học tập chưa tốt, cũng như học lên cao không mặc nhiên là con đường tốt nhất đối với tất cả. Mỗi quyết định cần được cân nhắc bằng thông tin khách quan và khả năng phát triển lâu dài của người học.

Trong quá trình ấy, nhà trường cần theo dõi mức độ tham gia của phụ huynh, khả năng học sinh hiểu bản thân, nhận biết các lộ trình và giải thích lý do lựa chọn. Kế hoạch hướng nghiệp cũng cần được xem xét khi các em có thêm trải nghiệm hoặc thay đổi nguyện vọng. Bởi điều quan trọng không phải là giữ mãi một quyết định ban đầu, mà là biết suy nghĩ, lựa chọn và điều chỉnh khi đã có những căn cứ phù hợp.

3.7. Vai trò của cha mẹ trong quá trình phân luồng ba bên

Quy trình phân luồng ở bậc THCS diễn ra chặt chẽ, phải có sự kết hợp giữa nhà trường, học sinh và cha mẹ học sinh. Cùng phân tích kết quả định vị năng lực cuối cấp THCS, nhà trường sẽ cung cấp một bộ hồ sơ năng lực của học sinh bao gồm điểm số, nhận xét, hành vi, kết quả trắc nghiệm

năng khiếu, v.v. Cha mẹ có trách nhiệm ngồi lại cùng giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học đường để phân tích, xem nguyện vọng của con có thực tế với năng lực hiện tại hay không. Quyền quyết định cuối cùng mang tính thương lượng. Cha mẹ đóng vai trò là người thảo luận sâu với con để đề ra quyết định nộp đơn dựa trên sự tôn trọng, kiến nghị chuyên môn của nhà trường hoặc giáo viên chủ nhiệm.

Cha mẹ cần đồng hành cùng con trong các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và phân luồng, ví dụ như: đưa các em tới nơi làm việc của mình một, hai tuần trong dịp nghỉ hè để các em thực tập thực tế. Cha mẹ có thể tham quan các cơ sở giáo dục theo những lộ trình phân luồng vào ngày cuối tuần để cùng con đến tận nơi xem cơ sở vật chất, xưởng thực hành, gặp gỡ thầy cô tại các trường, giúp con đưa ra lựa chọn và đặt nguyện vọng vào cơ sở mà các em thấy phù hợp nhất với năng lực và sở thích.

Cha mẹ cần chuẩn bị tâm lý và cân nhắc điều kiện tài chính cho lộ trình học tập, nghề nghiệp của con. Ở tuổi 14–15, việc lựa chọn hướng đi sau THCS có thể tạo ra không ít áp lực đối với học sinh. Vì vậy, cha mẹ cần là chỗ dựa tinh thần, giúp con hiểu rằng lựa chọn ban đầu có thể được xem xét, điều chỉnh khi các em có thêm trải nghiệm và thông tin phù hợp, theo những quy định hiện hành của hệ thống giáo dục. Đối với học sinh tham gia các chương trình vừa học vừa làm (nếu có), cha mẹ nên hướng dẫn con quản lý khoản thu nhập hợp pháp, phù hợp với độ tuổi và quy định liên quan, qua đó hình thành ý thức tự lập và trách nhiệm tài chính.

4. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để những giải pháp hướng nghiệp phát huy hiệu quả trong thực tiễn, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường cần được hỗ trợ bằng những điều kiện phù hợp, thay vì chỉ trông chờ vào sự chủ động của từng giáo viên hay phụ huynh.

Đối với cơ quan quản lý giáo dục, cần quan tâm bồi dưỡng năng lực tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên, nhất là giáo viên chủ nhiệm và người phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đồng thời, tăng cường cung cấp thông tin chính thống về các lộ trình học tập, cơ sở đào tạo và nhu cầu nhân lực tại địa phương; tạo điều kiện kết nối trường phổ thông với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để học sinh có thêm cơ hội tìm hiểu thực tế.

Đối với nhà trường, sự tham gia của cha mẹ cần được xác định là một phần thường xuyên trong kế hoạch hướng nghiệp, không chỉ diễn ra khi học sinh chuẩn bị chuyển cấp. Bên cạnh những hoạt động chung, cần quan tâm tư vấn riêng cho các em còn phân vân hoặc có nguyện vọng khác với kỳ vọng gia đình. Đặc biệt, cần theo dõi và phối hợp với cha mẹ để kịp thời hỗ trợ những học sinh có nguy cơ không tiếp tục học sau khi hoàn thành chương trình THCS. Việc đánh giá hiệu quả cũng nên chú trọng sự tiến bộ trong nhận thức và khả năng lựa chọn của học sinh, thay vì chỉ dựa vào số buổi tư vấn hay tỷ lệ đăng ký vào từng lộ trình.

Về phía gia đình, cha mẹ cần chủ động tìm hiểu thông tin, giữ mối liên hệ với giáo viên và dành cho con cơ hội bày tỏ những dự định của mình. Không phải lúc nào người lớn cũng có sẵn câu trả lời đúng cho tương lai của con. Điều đáng quý là sự kiên nhẫn cùng con tìm hiểu, cân nhắc và lựa chọn trên cơ sở hiểu biết, khả năng và hoàn cảnh thực tế. Trong hướng nghiệp cho con, cha mẹ cần tránh áp đặt ước mơ chưa thực hiện của mình lên đôi vai của con, tránh kỳ vọng quá mức hoặc coi thường các ngành nghề lao động kỹ thuật, học nghề, cũng như tránh khoán trắng hoàn

toàn việc hướng nghiệp cho nhà trường mà không dành thời gian lắng nghe, trò chuyện cùng con.

Những kiến nghị trên cần được vận dụng linh hoạt theo điều kiện của từng nhà trường, tránh hình thức và không tạo thêm áp lực cho giáo viên, phụ huynh hay học sinh.

5. KẾT LUẬN

Hướng nghiệp cho học sinh trung học không chỉ là sự chuẩn bị cho một lựa chọn sau khi kết thúc cấp học, mà còn là quá trình giúp các em hiểu bản thân, nhận ra giá trị của lao động và từng bước trưởng thành trong suy nghĩ. Trên hành trình ấy, cha mẹ giữ một vị trí đặc biệt, bởi sự quan tâm của gia đình có thể trở thành điểm tựa để con tự tin khám phá khả năng và tìm kiếm hướng đi phù hợp. Tuy nhiên, tình yêu thương chỉ thực sự phát huy ý nghĩa khi được thể hiện bằng sự lắng nghe, tôn trọng và những định hướng có cơ sở. Từ góc nhìn của người giáo viên, sự đồng hành ấy cần được vun đắp bằng mối quan hệ tin cậy giữa gia đình và nhà trường, bằng những cơ hội trải nghiệm thiết thực và bằng việc trao cho học sinh quyền được suy nghĩ, bày tỏ nguyện vọng, cân nhắc trước mỗi quyết định.

Không phải học sinh nào cũng sớm tìm thấy con đường phù hợp, và cũng không có một lựa chọn nào đúng cho tất cả. Điều cha mẹ và thầy cô có thể dành cho các em không phải là một tương lai được sắp đặt sẵn, mà là sự thấu hiểu, những cơ hội khám phá và niềm tin để các em đủ bản lĩnh bước đi bằng chính khả năng của mình. Bởi sau cùng, ý nghĩa sâu xa của hướng nghiệp không chỉ nằm ở việc học sinh sẽ chọn nghề gì, mà còn ở việc các em hiểu mình muốn trở thành người như thế nào và cần nỗ lực ra sao để đi đến tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*. https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=217321&orggroupid=4&pageid=27160
2. OECD (2025). *The state of global teenage career preparation*. OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/d5f8e3f2-en
3. OECD (2024). *Teenage career uncertainty: Why it matters and how to reduce it* (OECD Education Spotlights No. 16). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/e89c3da9-en
4. Báo Giáo dục và Thời đại (2026, 26/10). An Giang đổi mới hướng nghiệp, mở rộng cơ hội nghề nghiệp cho học sinh. *Báo Giáo dục và Thời đại*.
5. Trường THCS An Châu (2026). *Báo cáo phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS năm học 2025–2026*. Tài liệu thống kê nội bộ của nhà trường.
6. Thủ tướng Chính phủ (2025). *Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030*. https://chinhphu.vn/?classid=0&docid=213072&pageid=27160
7. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
8. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* (và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan). https://vbpl.moj.gov.vn/bogiaoducdaotao/Pages/vbpqtoanvan.aspx?ItemID=146721

PHẦN VI
ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026–2030

Mục tiêu hướng nghiệp, phân luồng sau THCS, THPT; chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp; giải pháp nâng cao chất lượng tư vấn hướng nghiệp; cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành; giải pháp hỗ trợ học sinh lựa chọn nghề nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo và tỉ lệ có việc làm; cơ chế theo dõi học sinh sau phân luồng.

CÁC BÀI THAM LUẬN TRONG PHẦN NÀY

67. TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT VỌNG THÊ GẮN VỚI ĐIỀU KIỆN XÃ ÓC EO GIAI ĐOẠN 2026–2030 505
Võ Văn Rõ

68. ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC THEO NGUYÊN TẮC HỆ SINH THÁI VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG 512
Trịnh Mộng Thu

69. GIẢI PHÁP HỌC THẬT, THI THẬT THÚC ĐẨY XÃ HỘI TỰ VẬN ĐỘNG PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC BỀN VỮNG 518
Nguyễn Văn Ký

TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT VỌNG THÊ GẮN VỚI ĐIỀU KIỆN XÃ ÓC EO GIAI ĐOẠN 2026–2030

CN. Võ Văn Rõ

Trường THPT Vọng Thê, xã Óc Eo, tỉnh An Giang

Email: c3vongthe-ro@angiang.edu.vn

Tóm tắt: *Bài viết phân tích công tác tư vấn hướng nghiệp tại Trường THPT Vọng Thê trong bối cảnh quy mô học sinh tăng (từ 27 lớp, 1.178 học sinh năm học 2026–2027 lên dự kiến 40 lớp, 1.810 học sinh năm học 2029–2030) và địa phương định hướng phát triển nông nghiệp, dịch vụ, du lịch di sản Óc Eo – Ba Thê. Trên cơ sở kế hoạch phát triển trường và kết quả tự đánh giá, bài viết đề xuất các giải pháp gắn hướng nghiệp với môn học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và nhu cầu của từng học sinh theo lộ trình lớp 10–12. Việc phối hợp với gia đình, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt và ứng dụng công nghệ được lựa chọn theo điều kiện của trường. Trọng tâm là sử dụng tốt nguồn lực hiện có, giúp học sinh có căn cứ lựa chọn và chuẩn bị lộ trình sau THPT.*

Từ khóa: *hướng nghiệp; phân luồng; lộ trình học tập; phối hợp gia đình; Óc Eo*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với học sinh trung học phổ thông (THPT), câu hỏi "học tiếp ở đâu?" thường đi cùng băn khoăn "sau này làm nghề gì?". Điểm thi hay sức hút của một ngành học chưa đủ để các em quyết định. Lựa chọn còn phụ thuộc vào năng lực, sở thích và hoàn cảnh gia đình. Vì vậy, hướng nghiệp cần được thực hiện trong quá trình học tập, giúp học sinh từng bước hiểu mình và hiểu nghề.

Trường THPT Vọng Thê đóng trên địa bàn xã Óc Eo. Nông nghiệp, dịch vụ và di sản văn hóa tại đây là những nội dung gần gũi để học sinh tìm hiểu nghề nghiệp. Khu di tích khảo cổ Óc Eo – Ba Thê đã được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; hồ sơ đề cử khu di tích được gửi tới Trung tâm Di sản thế giới UNESCO trong năm 2026 [1]. Đây là cơ hội để nhà trường lựa chọn nội dung hướng nghiệp gắn với bảo tồn di sản, văn hóa và dịch vụ. Từ trải nghiệm tại địa phương, các em cần được hướng dẫn tìm hiểu thêm cơ hội học tập, việc làm ở những nơi khác.

Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 yêu cầu đánh giá thực trạng, chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất giải pháp khả thi cho công tác hướng nghiệp, phân luồng giai đoạn 2026–2030 [2]. Từ thực tiễn quản lý Trường THPT Vọng Thê, tôi xin trao đổi các giải pháp phù hợp với học sinh và điều kiện của trường, gắn với sự phối hợp của gia đình, cơ sở đào tạo, đơn vị sử dụng lao động.

2. THỰC TRẠNG VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

2.1. Quy mô học sinh tăng, yêu cầu tư vấn cũng thay đổi

Theo Kế hoạch số 630/KH-THPTVT ngày 26/9/2026, năm học 2026–2027, trường có 27 lớp với 1.178 học sinh. Đội ngũ gồm 03 cán bộ quản lý, 60 giáo viên, 05 nhân viên và 02 bảo vệ hợp đồng;

cơ sở vật chất hiện có 27 phòng học văn hóa. Theo kế hoạch, quy mô trường dự kiến đạt 40 lớp vào năm học 2029–2030 [3].

Bảng 1

Quy mô trường, lớp của Trường THPT Vọng Thê giai đoạn 2026–2030

Năm học	Số lớp	Số học sinh
2026–2027	27	1.178
2027–2028 (dự kiến)	32	1.390
2028–2029 (dự kiến)	37	1.630
2029–2030 (dự kiến)	40	1.810

Nguồn: Mục II và Mục III Kế hoạch số 630/KH-THPTVT [3]. Số liệu dự kiến là căn cứ để nhà trường chuẩn bị các điều kiện và được điều chỉnh theo kết quả tuyển sinh thực tế.

Nếu đạt quy mô dự kiến, số học sinh sẽ tăng thêm 632 em so với năm học 2026–2027. Một vài buổi tư vấn tập trung sẽ khó đáp ứng hết nhu cầu. Nhà trường cần kết hợp tư vấn theo lớp, theo khối với trao đổi riêng, đồng thời lồng ghép hướng nghiệp vào hoạt động giáo dục hiện có.

Việc tổ chức phải tính đến điều kiện đội ngũ. Kế hoạch số 630/KH-THPTVT cho thấy trường còn thiếu giáo viên ở một số môn như Ngữ văn, Địa lí; chưa có giáo viên Âm nhạc, Mỹ thuật. Số giáo viên có thể tiếp tục giảm nếu chưa được bổ sung [3]. Vì vậy, nhiệm vụ hướng nghiệp cần được phân công phù hợp với nhân lực và thời gian hiện có, xác định rõ người phụ trách và điều kiện thực hiện.

2.2. Cần theo sát lựa chọn của từng học sinh

Báo cáo tự đánh giá ghi nhận nhà trường đã tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; phối hợp với các trường đại học, cao đẳng để tư vấn và hướng dẫn học sinh lựa chọn môn học, tìm hiểu ngành nghề. Hoạt động tham quan, nghiên cứu khoa học và giáo dục địa phương cũng giúp các em liên hệ kiến thức với cuộc sống [4]. Những hoạt động này là cơ sở để nhà trường tiếp tục đổi mới cách tư vấn, quan tâm hơn đến nhu cầu của từng học sinh.

Tuy vậy, việc phối hợp với một bộ phận cha mẹ học sinh chưa thường xuyên; hình thức trải nghiệm tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp còn chưa đa dạng. Kinh phí và thời gian tổ chức vẫn là những khó khăn thực tế [4]. Với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chi phí đi lại, tham quan cũng có thể ảnh hưởng đến cơ hội tham gia.

Sau mỗi đợt tư vấn, cần biết học sinh hiểu thêm điều gì và đã chuẩn bị ra sao cho lựa chọn của mình. Thông tin hiện có chưa đủ để đánh giá đầy đủ hiệu quả phân luồng qua tỷ lệ vào đại học, học nghề hoặc đi làm. Nhà trường cần cập nhật lộ trình sau tốt nghiệp, ghi nhận cả những trường hợp chưa liên hệ được. Bên cạnh số buổi tư vấn, lượt tham dự, cần xem xét sự chuẩn bị và quyết định của học sinh để đánh giá chất lượng hoạt động.

2.3. Khai thác điều kiện địa phương để tổ chức hoạt động hướng nghiệp

Thông tin công bố quy hoạch chung xã Óc Eo đến năm 2050 cho thấy định hướng gắn bảo tồn di tích với phát triển đô thị, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao và chế biến nông sản [5]. Từ định hướng này, nhà trường có thể lựa chọn nội dung tìm hiểu nghề gần gũi với học sinh. Khi xây dựng

hoạt động, cần trao đổi với cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động để làm rõ yêu cầu về kỹ năng, điều kiện học nghề và nhu cầu thực tế.

Qua sản phẩm, dịch vụ quen thuộc tại địa phương, học sinh có thể tìm hiểu công việc của người lao động. Nông sản đến được người tiêu dùng phải qua các khâu sản xuất, bảo quản, tiêu thụ; giới thiệu di sản cần kiến thức lịch sử, ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp. Giáo viên lựa chọn những ví dụ này để giao nhiệm vụ vừa sức, sau đó hướng dẫn các em tìm hiểu thêm các ngành nghề ở ngoài địa phương.

3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1. Giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học

Các tổ chuyên môn rà soát chương trình, lựa chọn nội dung phù hợp để lồng ghép giáo dục hướng nghiệp. Giáo viên có thể liên hệ kiến thức Toán với tính toán chi phí, thống kê; các môn khoa học tự nhiên và Công nghệ với sản xuất, bảo quản nông sản; Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí và ngoại ngữ với việc tìm hiểu, giới thiệu di sản Óc Eo – Ba Thê. Nội dung lựa chọn phải phù hợp với yêu cầu bài học, khả năng của học sinh và điều kiện thực tế của trường.

Qua câu hỏi, bài tập hoặc nhiệm vụ học tập ngắn, giáo viên giúp học sinh nhận ra kiến thức đang học được vận dụng như thế nào trong một số công việc quen thuộc. Việc lồng ghép cần vừa sức, bảo đảm mục tiêu và thời lượng bài học. Trong sinh hoạt chuyên môn thường kỳ, giáo viên trao đổi kết quả thực hiện, chia sẻ những cách làm có thể áp dụng.

3.2. Giáo dục hướng nghiệp thông qua Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Trong kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [6], nhà trường lựa chọn nội dung gần gũi với học sinh, có thể tổ chức bằng nguồn lực hiện có. Trước mắt, tập trung vào ba nhóm: nông nghiệp gắn với kỹ thuật, chế biến; dịch vụ gắn với văn hóa, di sản; công nghệ số phục vụ sản xuất và đời sống.

Học sinh có thể tìm hiểu quy trình sản xuất, bảo quản nông sản; thực hiện bài giới thiệu ngắn về Óc Eo – Ba Thê hoặc lập bảng chi phí đơn giản cho một sản phẩm địa phương. Giáo viên giao nhiệm vụ cho cá nhân hoặc nhóm, hướng dẫn cách thực hiện và tổ chức trao đổi sau khi hoàn thành. Qua đó, các em nhận biết công việc, kỹ năng cần có và những nội dung muốn tiếp tục tìm hiểu.

Nhà trường ưu tiên tổ chức tại trường, sử dụng tranh ảnh, video, tình huống thực tế và tài liệu đã được kiểm tra. Khi có đơn vị phối hợp và đủ điều kiện, có thể tổ chức giao lưu với người làm nghề hoặc tham quan cơ sở sản xuất, dịch vụ. Hoạt động ngoài trường phải có kế hoạch, thống nhất với đơn vị tiếp nhận, có phương án quản lý học sinh và bảo đảm an toàn; đồng thời quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn tham gia.

3.3. Hướng nghiệp theo tiếp cận phát triển năng lực và phân hóa lộ trình học tập

Ở lớp 10, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn giúp học sinh nhận biết sở thích, điểm mạnh và mối liên hệ giữa môn học lựa chọn với hướng học tập sau này. Giáo viên căn cứ vào kết quả học tập, mức độ tham gia hoạt động và trao đổi trực tiếp với từng em. Phiếu khảo sát sở thích chỉ dùng để gợi mở, cần được đối chiếu với quá trình học tập của học sinh.

Ở lớp 11, học sinh tìm hiểu sâu hơn một số nhóm nghề đang quan tâm. Giáo viên có thể giao

nhiệm vụ đọc thông tin từ nguồn chính thức, xem tư liệu hoặc trao đổi với người làm nghề khi có điều kiện. Sau hoạt động, học sinh nêu được công việc chủ yếu, yêu cầu học tập và những điều bản thân cần chuẩn bị. Các em có thể điều chỉnh lựa chọn khi có thêm thông tin và hiểu rõ hơn năng lực của mình.

Ở lớp 12, việc tư vấn tập trung vào phương án chính và phương án dự phòng sau THPT. Học sinh được hướng dẫn so sánh điều kiện tuyển sinh, thời gian đào tạo, học phí, chi phí sinh hoạt và chính sách hỗ trợ. Với những em dự định đi làm, giáo viên trao đổi thêm về cơ hội học nghề, hợp đồng và an toàn lao động. Tư vấn phải tôn trọng nguyện vọng, cân nhắc năng lực và hoàn cảnh của từng em, không lấy điều kiện kinh tế làm căn cứ duy nhất để định hướng.

3.4. Vai trò và giải pháp của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong giáo dục hướng nghiệp

Nhà trường tiếp tục duy trì liên hệ với các cơ sở đào tạo đã phối hợp tư vấn; từng bước kết nối với cơ sở sản xuất, dịch vụ và người làm nghề tại địa phương. Nội dung phối hợp xuất phát từ nhu cầu tìm hiểu của học sinh. Hình thức tổ chức có thể là giới thiệu nghề, trao đổi trực tiếp hoặc trực tuyến, cung cấp tư liệu và hỗ trợ trải nghiệm khi đủ điều kiện.

Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chia sẻ về công việc, kỹ năng cần có và môi trường lao động [7]. Các tổ chức xã hội hỗ trợ kết nối người làm nghề, cựu học sinh, giới thiệu học bổng và các nguồn hỗ trợ. Trước mỗi hoạt động, các bên thống nhất nội dung, người phụ trách, thời gian, kinh phí nếu có và trách nhiệm bảo đảm an toàn. Qua đó, học sinh hiểu thêm về nghề, còn đơn vị tham gia có dịp trao đổi về yêu cầu nhân lực.

Thông tin về chương trình đào tạo, chi phí, hỗ trợ người học và tuyển dụng phải rõ ràng, có nguồn để kiểm tra. Nhà trường giữ vai trò tư vấn độc lập, giúp học sinh đối chiếu các phương án; không để hoạt động hướng nghiệp trở thành quảng bá tuyển sinh đơn thuần hoặc đưa ra cam kết việc làm chưa có căn cứ.

3.5. Tư vấn hướng nghiệp và tư vấn phân luồng trong nhà trường

Trong năm học 2026–2027, Hiệu trưởng phân công một Phó Hiệu trưởng làm đầu mối tổ chức công tác tư vấn hướng nghiệp, phân luồng, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các tổ chuyên môn và Đoàn trường. Nội dung tư vấn được lồng ghép vào kế hoạch giáo dục và kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, triển khai qua sinh hoạt lớp, hoạt động theo khối và tư vấn tuyển sinh. Giáo viên chủ nhiệm tìm hiểu nhu cầu của học sinh, ghi nhận những trường hợp cần trao đổi riêng để nhà trường bố trí hỗ trợ phù hợp.

Việc theo dõi được thực hiện bằng phiếu ngắn hoặc bảng tổng hợp theo lớp, ghi những thông tin cần thiết về sở thích, thế mạnh, lựa chọn đang cân nhắc và bước chuẩn bị tiếp theo của học sinh. Giáo viên sử dụng kết quả học tập, sản phẩm hoạt động và nội dung trao đổi với các em, hạn chế lập thêm hồ sơ trùng lặp. Thông tin về hoàn cảnh gia đình và nội dung tư vấn riêng phải được bảo mật, chỉ chia sẻ với người có trách nhiệm hỗ trợ.

Khi tư vấn, giáo viên hướng dẫn học sinh đối chiếu sở thích với kết quả học tập, yêu cầu của ngành nghề và điều kiện thực tế. Nếu sử dụng công cụ khảo sát, cần giải thích rõ kết quả chỉ có giá trị tham khảo. Với những vấn đề vượt quá khả năng hỗ trợ, giáo viên báo cáo người phụ trách để xem xét kết nối với cơ sở đào tạo hoặc người có chuyên môn phù hợp.

Sang năm học 2027–2028, nhà trường tiếp tục hoàn thiện cách cập nhật thông tin hướng nghiệp theo lớp; phấn đấu mỗi học sinh thực hiện ít nhất một nhiệm vụ tìm hiểu nghề trong năm học, lồng ghép vào hoạt động đã có. Ưu tiên tư vấn cho học sinh lớp 12 chưa xác định được lựa chọn hoặc còn băn khoăn về điều kiện học tập, giúp các em chuẩn bị phương án chính và dự phòng. Nội dung, tiến độ được điều chỉnh theo nhân lực và thời gian thực tế.

Cuối mỗi học kỳ, nhà trường rà soát mức độ tham gia, kết quả tìm hiểu của học sinh và những trường hợp cần tiếp tục hỗ trợ. Từ ba đến sáu tháng sau tốt nghiệp, giáo viên chủ nhiệm có thể liên hệ với học sinh hoặc cha mẹ học sinh để cập nhật tình hình học tập, việc làm. Khi tổng hợp, phải ghi rõ số người trả lời và số trường hợp chưa liên hệ được. Tỷ lệ học nghề, vào đại học hay đi làm dùng để phân tích, điều chỉnh tư vấn, không làm chỉ tiêu áp đặt lên lựa chọn của học sinh.

3.6. Xây dựng hệ sinh thái hướng nghiệp trong giáo dục

Với điều kiện của trường, xây dựng hệ sinh thái hướng nghiệp trước hết là kết nối giáo viên, gia đình, cựu học sinh, cơ sở đào tạo và đơn vị tại địa phương. Mỗi hoạt động cần đáp ứng nhu cầu cụ thể của học sinh, có người phụ trách. Phòng học, thư viện, thiết bị và các kênh thông tin hiện có được tận dụng để giới thiệu tư liệu, trao đổi, trưng bày sản phẩm tìm hiểu nghề.

Việc phối hợp cần được duy trì trong quá trình học tập. Sau mỗi nhiệm vụ tìm hiểu nghề, học sinh được trao đổi về kết quả thực hiện. Giáo viên sử dụng thông tin từ gia đình, cơ sở đào tạo và người làm nghề để tiếp tục tư vấn, giúp các em chuẩn bị cho lựa chọn của mình.

Giai đoạn 2028–2030, theo lộ trình quy mô tăng lên 37 rồi 40 lớp, nhà trường ưu tiên các hình thức triển khai theo lớp, theo khối, ghi nhận kết quả ngắn gọn và mở rộng khi đủ điều kiện. Kinh phí được bố trí từ nguồn hợp pháp, theo dự toán được phê duyệt; các khoản hỗ trợ phải tự nguyện, công khai. Nhà trường đánh giá định kỳ để lựa chọn nội dung tiếp tục thực hiện và điều chỉnh những việc chưa phù hợp.

Nhà trường đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ thông tin hướng nghiệp, giới thiệu đầu mối cơ sở đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng tư vấn cho giáo viên. Đề nghị chính quyền xã Óc Eo hỗ trợ kết nối cơ sở sản xuất, dịch vụ, đơn vị quản lý di sản và cung cấp thông tin phát triển địa phương.

3.7. Vai trò của cha mẹ học sinh trong hướng nghiệp

Giáo viên chủ nhiệm thông qua họp hoặc trao đổi riêng với cha mẹ học sinh để tìm hiểu nguyện vọng của các em, điều kiện học tập và khả năng chi trả của gia đình. Khi cần, giáo viên liên hệ qua điện thoại hoặc kênh trao đổi của lớp. Thông tin học phí, học bổng, ký túc xá và vay vốn phải được kiểm tra từ nguồn chính thức.

Khi học sinh và gia đình chưa thống nhất về lựa chọn, giáo viên hỗ trợ các bên xem xét năng lực, yêu cầu đào tạo, chi phí và những khó khăn có thể gặp. Cha mẹ cần lắng nghe, giúp con cân nhắc trách nhiệm và điều kiện thực hiện. Nhà trường có thể mời cựu học sinh chia sẻ kinh nghiệm để học sinh và gia đình tham khảo.

3.8. Hướng nghiệp cho học sinh có nhu cầu đặc biệt

Với học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoặc gặp trở ngại trong tiếp cận thông tin, giáo viên chủ nhiệm trao đổi riêng để hiểu nhu cầu và khả năng của từng em. Trên cơ sở đó, giáo viên phối hợp với gia đình và người phụ trách tư vấn để lựa chọn tài liệu, cách hướng dẫn, nhiệm

vụ trải nghiệm phù hợp. Việc hỗ trợ phải tạo cơ hội để các em tham gia cùng tập thể, tôn trọng thế mạnh và nguyện vọng của học sinh.

Nhà trường hướng dẫn các em tìm hiểu thông tin chính thức về điều kiện học tập, khả năng tiếp cận cơ sở đào tạo, học phí và chính sách hỗ trợ. Trường hợp cần tư vấn sâu hơn, nhà trường xem xét kết nối với cơ sở đào tạo hoặc người có chuyên môn. Phương án học tập được trao đổi với học sinh, gia đình và điều chỉnh theo thực tế; thông tin riêng phải được bảo mật, tránh thu hẹp lựa chọn của các em chỉ vì khó khăn hiện tại.

3.9. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong hướng nghiệp

Trước mắt, nhà trường sử dụng các kênh thông tin, biểu mẫu và bảng tính hiện có để tập hợp đường dẫn về ngành nghề, cơ sở đào tạo, điều kiện tuyển sinh và chính sách hỗ trợ. Thông tin phải ghi rõ nguồn, thời điểm cập nhật và được kiểm tra trước khi chia sẻ. Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm kiếm thông tin nghề nghiệp từ nguồn chính thống, đối chiếu nội dung và trao đổi khi có điểm chưa rõ.

Khi có điều kiện, giáo viên và học sinh có thể sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để gợi ý câu hỏi tìm hiểu nghề hoặc lập bảng so sánh các phương án học tập. Người sử dụng phải kiểm tra lại thông tin tuyển sinh, học phí, văn bằng với nguồn chính thức, không đưa dữ liệu cá nhân nhạy cảm lên công cụ công cộng. Kết quả do công cụ tạo ra chỉ hỗ trợ việc tìm hiểu; học sinh vẫn cần trao đổi với giáo viên, gia đình và tự cân nhắc trước khi quyết định.

4. KẾT LUẬN

Từ thực tiễn quản lý nhà trường, tôi cho rằng hướng nghiệp cần giúp học sinh hiểu bản thân, hiểu nghề và biết chuẩn bị cho hướng đi sau THPT. Nông nghiệp, dịch vụ và di sản tại xã Óc Eo là những nội dung gần gũi để bắt đầu. Sự phối hợp với gia đình, cơ sở đào tạo và người làm nghề giúp các em có thêm căn cứ lựa chọn phù hợp với năng lực, nguyện vọng và hoàn cảnh.

Trong giai đoạn 2026–2030, Trường THPT Vọng Thê ưu tiên lồng ghép hướng nghiệp vào môn học, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và công tác chủ nhiệm; hỗ trợ riêng những trường hợp cần thiết. Các giải pháp được thực hiện từng bước bằng nguồn lực hiện có, mở rộng khi đủ điều kiện. Nhà trường theo dõi sự chuẩn bị, lựa chọn và lộ trình sau tốt nghiệp của học sinh để tiếp tục điều chỉnh công tác tư vấn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang (2026). Đoàn đại biểu Việt Nam làm việc với UNESCO về hồ sơ di tích Óc Eo – Ba Thê. https://angiang.gov.vn/vi/doan-dai-bieu-viet-nam-lam-viec-voi-unesco-ve-ho-so-di-tich-oc-eo-ba (truy cập ngày 04/11/2026).
2. Ban Tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học tỉnh An Giang (2026). *Thông báo số 8053/TB-BTC ngày 23/10/2026 về việc viết bài tham luận Hội thảo khoa học "Hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh An Giang"*.
3. Trường THPT Vọng Thê (2026). *Kế hoạch số 630/KH-THPTVT ngày 26/9/2026 về phát triển quy mô trường, lớp giai đoạn 2027–2030* (Mục II, III, IV và các phụ lục). Bản do đơn vị cung cấp.
4. Trường THPT Vọng Thê (2026). *Báo cáo tự đánh giá*. Tài liệu nội bộ của nhà trường.
5. Phương Lan (2026, 18/9). Xây dựng xã Óc Eo thành trung tâm du lịch di sản quốc gia. *Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam – An Giang* (đăng từ Báo An Giang). https://dangcongsan.vn/angiang

/tin-tuc-hoat-dong/xay-dung-xa-oc-eo-thanh-trung-tam-du-lich-di-san-quoc-gia-.html (truy cập ngày 04/11/2026).
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
7. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC THEO NGUYÊN TẮC HỆ SINH THÁI VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ GIAI ĐOẠN 2026–2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

ThS. Trịnh Mộng Thu

Trường THPT Châu Thành, tỉnh An Giang

Email: trinhmongthu@gmail.com

Tóm tắt: *Bài tham luận đánh giá thực trạng triển khai Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang trước bối cảnh chuyển dịch kinh tế giai đoạn 2026–2030. Trên cơ sở nhận diện kết quả đạt được và các rào cản đặc thù – tâm lý coi trọng bằng cấp, đội ngũ tư vấn kiêm nhiệm, liên kết doanh nghiệp lỏng lẻo, dữ liệu thị trường lao động chưa thông suốt – bài viết đề xuất mô hình "hệ sinh thái hướng nghiệp toàn diện" với chín nhóm giải pháp, từ giảng dạy liên môn, ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến hợp tác cùng thắng giữa nhà trường và doanh nghiệp, cùng các đột phá về chính sách, dữ liệu, đội ngũ và mạng lưới, hướng tới nguồn nhân lực cho nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái và kinh tế biên mậu của tỉnh.*

Từ khóa: *giáo dục hướng nghiệp; phân luồng học sinh; hệ sinh thái hướng nghiệp; trí tuệ nhân tạo; An Giang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) là nhiệm vụ chiến lược nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực phù hợp với xu thế phát triển kinh tế – xã hội [1]. Đối với tỉnh An Giang – một địa bàn trọng điểm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái – tâm linh và kinh tế biển, biên giới – yêu cầu về nguồn nhân lực có kỹ năng và định hướng nghề nghiệp rõ ràng ngày càng trở nên cấp thiết. Trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có cơ cấu ngành nghề hợp lý là yếu tố mang tính quyết định. Giáo dục hướng nghiệp (GDHN) và phân luồng học sinh sau THCS, THPT không chỉ là giải pháp giảm tải cho hệ thống giáo dục đại học, mà còn là mắt xích cốt lõi để cung ứng lao động kỹ thuật trực tiếp cho thị trường. Sự ra đời của Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 [2] không chỉ mang lại triết lý tiếp cận phát triển năng lực mà còn được xem là "chìa khóa" mở ra hướng đi mới, chuyển từ truyền thụ thông tin một chiều sang phát triển năng lực tự định hướng cho học sinh. Tuy nhiên, quá trình triển khai giai đoạn vừa qua tại An Giang vẫn đối mặt với không ít thách thức. Bài viết này nhằm đánh giá thực trạng, định hình hệ sinh thái hướng nghiệp mới và đề xuất các giải pháp đột phá, khả thi cho giai đoạn 2026–2030.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TẠI AN GIANG

2.1. Những kết quả đạt được

2.1.1. Chuyển biến về nhận thức chỉ đạo

Trong những năm qua, cấp ủy và chính quyền các cấp tại An Giang đã cụ thể hóa các chỉ thị của Trung ương thành kế hoạch hành động cụ thể [3], gắn chỉ tiêu phân luồng vào nhiệm vụ phát triển kinh tế địa phương. Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang đã chỉ đạo sát sao các cơ sở giáo dục triển khai chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo Chương trình GDPT 2018. Mối quan hệ hợp tác giữa các trường trung học với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trường cao đẳng, trung cấp) trên địa bàn tỉnh bước đầu được thiết lập, góp phần chuyển biến nhận thức của học sinh và phụ huynh về việc chọn nghề, chọn trường.

2.1.2. Thực hiện đồng bộ khung chương trình

100% các trường THCS và THPT trên địa bàn tỉnh đã đưa môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) vào giảng dạy chính khóa đúng thời lượng.

2.1.3. Đa dạng hóa hình thức tổ chức

Sự kết hợp giữa sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp theo chủ đề và HĐTN, HN đã bước đầu chuyển dịch từ lý thuyết thuần túy sang các hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế, tạo chuyển biến bước đầu về nhận thức.

2.1.4. Mở rộng quy mô đào tạo nghề

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) tiêu biểu như Trường Cao đẳng nghề An Giang đã chủ động hiện đại hóa 19 ngành nghề trọng điểm (điện công nghiệp, công nghệ ô tô, chế biến thủy sản…), tạo sức hút rõ rệt thông qua chính sách miễn giảm học phí cho học sinh tốt nghiệp THCS.

2.1.5. Ứng dụng công nghệ

Một số trường đã bước đầu đưa các bài trắc nghiệm tính cách/năng lực (Holland [4], MBTI) lên nền tảng số để học sinh chủ động tự đánh giá.

2.2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

a) Hạn chế, khó khăn

Tâm lý coi trọng bằng cấp đại học. Khảo sát thực tế cho thấy trên 70% phụ huynh học sinh vùng nông thôn, biên giới vẫn giữ định kiến "Đại học là con đường duy nhất", do đó nhiều phụ huynh vẫn giữ tâm lý muốn con em vào đại học bằng mọi giá, chưa thấy rõ cơ hội phát triển từ lộ trình học nghề do thiếu các minh chứng cụ thể về khả năng thăng tiến và thu nhập.

Tình hình thực tế trong nhà trường. Đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn hướng nghiệp chưa được đào tạo chuyên sâu về tâm lý học nghề nghiệp và kỹ năng sử dụng công cụ chẩn đoán năng lực [5]. Do đó, việc tư vấn thường mang tính cảm tính, chưa dựa trên dữ liệu khoa học về năng lực riêng biệt của từng học sinh. Hoạt động hướng nghiệp chủ yếu giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên kiêm nhiệm thiếu chuyên môn sâu về tâm lý học định hướng nghề nghiệp và các công cụ trắc nghiệm chuẩn hóa (Holland, MBTI).

Khoảng cách vùng miền và nguồn lực. Các trường tại vùng nông thôn, vùng bãi bồi hoặc địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số gặp khó khăn lớn về kinh phí và phương tiện tổ chức cho học sinh đi trải nghiệm thực tế.

Sự đứt gãy trong liên kết doanh nghiệp – nhà trường. Mối quan hệ giữa trường phổ thông và doanh nghiệp tại địa phương còn lỏng lẻo, chủ yếu dừng lại ở các buổi tư vấn tuyển sinh mang tính thời vụ, chưa xây dựng được cơ chế lợi ích chung (cùng thắng) [6].

Hạ tầng công nghệ thông tin chưa được khai thác tối đa. Việc ứng dụng công nghệ trong hướng nghiệp mới dừng lại ở mức tìm kiếm thông tin trên internet hoặc thực hiện các bài trắc nghiệm trôi nổi, thiếu độ tin cậy và không có hệ thống lưu trữ, phân tích dữ liệu học sinh theo chuỗi thời gian.

b) Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn

Nguyên nhân khách quan: Sự biến động nhanh chóng của thị trường lao động trong kỷ nguyên số; hệ thống cơ sở vật chất, phòng thực hành trải nghiệm nghề tại các trường phổ thông còn hạn chế.

Nguyên nhân chủ quan: Cơ chế phối hợp liên ngành giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp chưa đồng bộ; công tác số hóa dữ liệu về thị trường lao động của tỉnh chưa được mở thông suốt để học sinh tra cứu.

3. CÁC GIẢI PHÁP HIỆU QUẢ GIAI ĐOẠN 2026–2030

Để nâng cao chất lượng phân luồng gắn liền với nhu cầu thực tế của tỉnh, hệ thống giáo dục An Giang cần thực hiện đồng bộ 9 nhóm giải pháp cấu thành hệ sinh thái hướng nghiệp toàn diện, trước hết là đổi mới phương thức giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường.

3.1. Tích hợp hướng nghiệp qua các môn học

Lồng ghép các kiến thức, giá trị và yêu cầu nghề nghiệp vào bài giảng của từng bộ môn văn hóa (Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Toán học, Tin học…), giúp học sinh thấy được ứng dụng thực tế của môn học vào đời sống và công việc tương lai, tránh tình trạng học lý thuyết xa rời thực tiễn.

3.2. Phát triển Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Chuyển dịch mạnh mẽ từ phương pháp "Dạy về nghề" sang "Trải nghiệm nghề" thông qua các hoạt động dự án, câu lạc bộ sở thích, tham quan cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và ngày hội việc làm nhằm giúp học sinh "chạm" thực tế, trải nghiệm thử môi trường làm việc để tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân.

Tổ chức các không gian trải nghiệm kỹ thuật nhỏ, các câu lạc bộ nghề nghiệp ngay trong trường học. Sử dụng cơ sở vật chất (phòng thực hành, xưởng) của các trường trung cấp, cao đẳng lân cận cho học sinh phổ thông đến thực hành định kỳ.

3.3. Tiếp cận theo hướng phát triển năng lực và phân hóa lộ trình

Đánh giá năng lực cốt lõi, sở trường và nhu cầu cá nhân để phân hóa lộ trình học tập (đặc biệt trong việc lựa chọn tổ hợp môn ở cấp THPT theo Chương trình GDPT 2018), giúp học sinh chọn đúng hướng đi (học tiếp lên đại học, cao đẳng hay học nghề) phù hợp với năng lực riêng, tránh chọn theo

phong trào.

Ứng dụng các bộ công cụ trắc nghiệm chuẩn hóa kết hợp năng lực học tập để tư vấn riêng cho từng học sinh, giúp các em nhận diện rõ thế mạnh bản thân thay vì chọn nghề theo phong trào.

3.4. Xây dựng mô hình hợp tác "Nhà trường – Cơ sở GDNN – Doanh nghiệp" cùng thắng

Đưa doanh nghiệp trở thành một chủ thể đồng hành trong hệ sinh thái hướng nghiệp theo hình thức tham gia xây dựng chương trình, cung cấp chuyên gia thỉnh giảng, tài trợ thiết bị thực hành và tiếp nhận thực tập. Tạo mối quan hệ cùng thắng (win-win) giúp học sinh có cơ hội tiếp cận công nghệ, thực tế thị trường; doanh nghiệp có cơ hội định hình và đón đầu nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tham mưu tỉnh ban hành các chính sách ưu đãi thuế hoặc hỗ trợ quỹ đất cho các doanh nghiệp tiếp nhận học sinh phổ thông đến thực tập trải nghiệm hoặc cam kết bao tiêu đầu ra cho học sinh phân luồng nghề.

Các trường nghề mở cửa phòng máy, xưởng thực hành cho học sinh THCS và THPT đến học trải nghiệm ngoại khóa định kỳ hằng tháng.

3.5. Chuyên nghiệp hóa tư vấn hướng nghiệp và phân luồng

Thiết lập hệ thống tư vấn học đường chuyên sâu, sử dụng các công cụ đánh giá tâm lý – hướng nghiệp chuẩn hóa (như Holland, MBTI) kết hợp với các buổi tư vấn cá nhân (1-1) nhằm hỗ trợ kịp thời những học sinh đang bối rối, giúp các em gỡ rối các quyết định quan trọng về ngành nghề và bậc học.

3.6. Xây dựng môi trường và cơ sở vật chất trải nghiệm

Đầu tư không gian, phòng thực hành chuyên đề, góc hướng nghiệp tại trường học và kết nối với các trung tâm hướng nghiệp ngoại khóa bên ngoài. Điều này có thể biến trường học thành một môi trường thu nhỏ mô phỏng thị trường lao động, kích thích sự tò mò và sáng tạo của học sinh.

3.7. Tăng cường sự đồng hành của gia đình và cộng đồng

Tổ chức các hội thảo, diễn đàn kết nối giữa nhà trường và cha mẹ học sinh nhằm thay đổi tư duy "áp đặt nghề nghiệp", giúp phụ huynh thấu hiểu năng lực thật của con để đồng hành, với mục tiêu là tạo ra một "vòng tay" hậu thuẫn vững chắc từ gia đình, giúp học sinh tự tin theo đuổi con đường mình chọn.

3.8. Hướng nghiệp hòa nhập cho học sinh có nhu cầu đặc biệt

Xây dựng các chính sách, chương trình giáo dục hướng nghiệp linh hoạt, dung hợp và hỗ trợ riêng cho nhóm học sinh yếu thế, học sinh khuyết tật hoặc có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số Khmer, Chăm, Hoa…, đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng đối với các cơ hội đào tạo nghề và an sinh xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau, tạo cơ hội mưu sinh và phát triển bình đẳng cho mọi học sinh.

3.9. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Xây dựng nền tảng số hóa (cổng thông tin hướng nghiệp, ứng dụng di động, hệ thống trắc nghiệm trực tuyến) tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu và đưa ra gợi ý lộ trình nghề nghiệp

cá nhân hóa cho từng học sinh, tối ưu hóa hiệu suất làm việc cho giáo viên, đồng thời cung cấp cho học sinh một công cụ tự khám phá bản thân mọi lúc, mọi nơi một cách trực quan, hiện đại.

Xây dựng *Cổng thông tin hướng nghiệp và dự báo nhân lực An Giang*, cung cấp bảng phân tích thời gian thực (real-time) về các ngành nghề đang thiếu hụt nhân lực tại các khu công nghiệp. Triển khai các trợ lý ảo AI phục vụ 24/7 để trả lời các câu hỏi về chọn trường, chọn nghề, phân tích xu hướng dịch chuyển lao động và tự động gợi ý lộ trình học tập tối ưu dựa trên sở thích và năng lực của từng học sinh.

4. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP KHẢ THI NHẰM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH GẮN VỚI NHU CẦU NHÂN LỰC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI CỦA TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026–2030

4.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Chuyển đổi căn bản công tác hướng nghiệp và phân luồng tại An Giang theo hướng thực chất, linh hoạt, gắn chặt với cơ cấu kinh tế mũi nhọn của tỉnh (nông nghiệp công nghệ cao, logistics biên mậu, du lịch, công nghiệp chế biến) [7].

Nâng cao tỷ lệ học sinh sau THCS và THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN phù hợp với năng lực bản thân, bảo đảm sau 1–3 năm tốt nghiệp, học sinh có việc làm ổn định và thu nhập khá.

4.2. Các nhiệm vụ và đột phá nhằm nâng cao chất lượng

4.2.1. Đột phá về cơ chế chính sách địa phương

Tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang ban hành các cơ chế đặc thù hỗ trợ học phí, ký túc xá và phương tiện đi lại cho học sinh THCS chọn phân luồng học trung cấp nghề.

Gắn kết thi đua của hiệu trưởng các trường THCS, THPT với hiệu quả thực chất của công tác phân luồng (đo lường bằng tỷ lệ học sinh có việc làm/tiếp tục học tập sau tốt nghiệp thay vì chỉ đếm số lượng vào lớp 10).

4.2.2. Đột phá về chuyển đổi số và dữ liệu lớn (Big Data) nhân lực

Xây dựng Cổng thông tin hướng nghiệp và dự báo nhân lực tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030, kết nối dữ liệu giữa Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo và các doanh nghiệp. Tích hợp công cụ trắc nghiệm định hướng nghề nghiệp bằng AI hỗ trợ học sinh tự đánh giá năng lực cá nhân ngay trên thiết bị di động.

4.2.3. Đột phá về phát triển đội ngũ tư vấn viên chuyên nghiệp

Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm hướng nghiệp thông qua các chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn về tâm lý hướng nghiệp, kỹ năng hướng nghiệp theo chuẩn quốc gia.

4.2.4. Đột phá trong kết nối mạng lưới "Tứ nhà" (Nhà nước – Nhà trường – Nhà doanh nghiệp – Nhà gia đình)

Thiết lập Hội đồng tư vấn hướng nghiệp và phân luồng cấp huyện/tỉnh với sự tham gia trực tiếp của đại diện doanh nghiệp địa phương, trường cao đẳng, trung cấp và phụ huynh học sinh.

5. KẾT LUẬN

Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học tại An Giang giai đoạn 2026–2030 đòi hỏi một cuộc cách mạng về cả tư duy lẫn phương thức thực hiện. Bằng việc chuyển dịch sang mô hình hệ sinh thái toàn diện, lấy công nghệ số làm nền tảng kết nối, lấy trải nghiệm thực tế của học sinh làm trung tâm và lấy nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương làm thước đo hiệu quả, An Giang hoàn toàn có thể tối ưu hóa dòng chảy nhân lực trẻ. Sự đồng lòng giữa cơ quan quản lý – nhà trường – doanh nghiệp – gia đình chính là chìa khóa vàng mở ra tương lai phát triển bền vững cho thế hệ trẻ toàn tỉnh.

Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học giai đoạn 2026–2030 tại tỉnh An Giang không đơn thuần là bài toán điều tiết số lượng tuyển sinh, mà là chiến lược gốc rễ để nâng tầm chất lượng nguồn nhân lực địa phương. Với sự đồng lòng của hệ thống chính trị, nhà trường, gia đình và doanh nghiệp, tin tưởng rằng công tác hướng nghiệp của An Giang sẽ tạo ra những bước chuyển biến căn bản, đưa học sinh đến với bến đỗ tương lai phù hợp nhất với năng lực và khát vọng của bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Chương trình tổng thể và các chương trình môn học* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
3. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2020). *Kế hoạch thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang*.
4. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.
5. Tran, L., Huynh, V.-S., Giang, T.-V., Nguyen-Thi, M.-L., & Nguyen-Thi, D.-M. (2020). Vocational orientation and the need for establishing career counselling office in Vietnamese schools. *Journal of Technical Education and Training, 12*(2), 46–54. https://doi.org/10.30880/jtet.2020.12.02.005
6. Musset, P., & Mýtna Kureková, L. (2018). *Working it out: Career guidance and employer engagement* (OECD Education Working Papers No. 175). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/51c9d18d-en
7. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang (2025). *Báo cáo quy hoạch và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực tỉnh An Giang tầm nhìn đến năm 2030*.

GIẢI PHÁP HỌC THẬT, THI THẬT THÚC ĐẨY XÃ HỘI TỰ VẬN ĐỘNG PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC BỀN VỮNG

ThS. Nguyễn Văn Ký

Trường THPT Sóc Sơn, tỉnh An Giang

Email: nguyenvankykg@gmail.com

Tóm tắt: *Bài tham luận đề xuất giải pháp thúc đẩy phân luồng học sinh bền vững dựa trên nguyên tắc "học thật, thi thật". Mô hình thi tốt nghiệp THPT "hai trong một" vẫn được giữ nhưng tổ chức tại 3–5 trung tâm vùng, nhiều đợt mỗi năm, giám sát bằng camera AI và lưu dữ liệu trên VNeID để bảo đảm trung thực. Học sinh đậu được cấp Bằng tốt nghiệp THPT quốc gia; học sinh không đậu được cấp Chứng nhận hoàn thành chương trình, vẫn có đường học nghề, liên thông hoặc thi lại. Phân luồng được tổ chức rõ ràng theo văn bằng và bậc nghề, mở lộ trình bình đẳng cho mọi đối tượng, kể cả học sinh giáo dục thường xuyên, đồng thời giữ chuẩn đầu vào cho ngành Giáo dục, Y tế. Giải pháp có ưu điểm minh bạch, linh hoạt; thách thức chính là kinh phí, hạ tầng công nghệ, thay đổi tư duy xã hội và chất lượng đào tạo nghề.*

Từ khóa: *phân luồng học sinh; kỳ thi tốt nghiệp THPT; học thật thi thật; giáo dục nghề nghiệp; liên thông giáo dục*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) quốc gia là một kỳ thi quan trọng, có ý nghĩa chiến lược trong hệ thống giáo dục quốc dân, vừa đánh giá kết quả đào tạo phổ thông, vừa làm cơ sở tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng. Tôi cho rằng ý tưởng này là rất tích cực. Tuy nhiên, cách tổ chức kỳ thi trong những năm qua đã bộc lộ nhiều điều bất cập, làm mất lòng tin về sự trung thực của kỳ thi và tạo nhiều điểm nghẽn trong giáo dục. Trong đó có việc tạo ra tâm lý xã hội cho rằng học THPT rồi vào đại học là con đường duy nhất trong cuộc đời [1], [2].

2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

2.1. Những kết quả đạt được

(Nội dung mục 2.1 và 2.2 được tác giả tổng hợp với sự hỗ trợ của công cụ trí tuệ nhân tạo – AI.)

- **Cơ chế tổ chức ngày càng hoàn thiện:** Kỳ thi được thống nhất quản lý từ trung ương đến địa phương, có quy chế rõ ràng, quy trình nghiệp vụ chuẩn hóa, bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng. Hệ thống ngân hàng đề thi liên tục được cập nhật, đa dạng hóa, phù hợp với chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình.
- **Hình thức thi có bước cải tiến:** Việc chuyển dần sang thi trên máy tính ở nhiều môn, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chấm thi, công bố kết quả giúp rút ngắn thời gian, giảm thiểu sai sót chủ quan, tăng tính an toàn, bảo mật.
- **Chất lượng nguồn nhân lực tham gia tốt lên:** Đội ngũ cán bộ ra đề, coi thi, chấm thi được tập huấn nghiệp vụ định kỳ, nâng cao ý thức trách nhiệm, chuyên môn nghiệp vụ ngày càng

đáp ứng yêu cầu.

- **Kết quả phản ánh tương đối đúng thực lực học sinh:** Kết quả thi những năm gần đây phản ánh tương đối chính xác chất lượng dạy và học tại các cơ sở giáo dục, là cơ sở tin cậy cho việc tuyển sinh bậc cao hơn.

2.2. Những hạn chế, tồn tại cần giải quyết

- **Áp lực lớn đối với học sinh và gia đình:** Kỳ thi vẫn mang tính chọn lọc cao, tạo áp lực tâm lý nặng nề cho học sinh, dẫn đến hiện tượng học lệch, học tủ, học theo khuôn mẫu, chưa thực sự phát huy năng lực sáng tạo, tư duy độc lập.
- **Sự không đồng đều về điều kiện chuẩn bị giữa các vùng:** Các vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn còn hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ, nguồn nhân lực, khiến học sinh gặp khó khăn khi tiếp cận hình thức thi hiện đại, đặc biệt là thi trên máy.
- **Công tác chuẩn bị tại một số trường chưa thực sự hiệu quả:** Một số nơi còn tập trung quá nhiều vào luyện giải đề, chưa chú trọng bồi dưỡng năng lực toàn diện; công tác hướng nghiệp, tư vấn tâm lý cho học sinh chưa thường xuyên, chưa sâu sắc.
- **Vẫn còn nguy cơ tiềm ẩn vi phạm quy chế:** Mặc dù được kiểm soát chặt chẽ, nhưng áp lực xã hội và lợi ích cá nhân vẫn có thể dẫn đến các biểu hiện tiêu cực trong thi cử, đòi hỏi phải có giải pháp phòng ngừa mạnh mẽ hơn.

2.3. Dư luận xã hội trong những năm gần đây

Có nên tổ chức *"thi hai trong một"* nữa không, hay lại trả cho các trường đại học tự tổ chức tuyển sinh như trước? Xét tốt nghiệp THPT, tuyển sinh vào lớp 10 đầu cấp hay không? Thi tuyển bao nhiêu môn? Phân luồng học sinh vào THPT, vào đại học, cao đẳng, đào tạo nghề như thế nào [3]?

Tôi cho rằng để gỡ những nút thắt trên thì: (1) tổ chức thi tốt nghiệp THPT một cách nghiêm túc, đề thi phải phản ánh trình độ thực sự của học sinh; (2) phân luồng việc đào tạo cấp bằng đại học với bằng đào tạo nghề.

3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

3.1. Vẫn tổ chức thi tốt nghiệp THPT theo hình thức "hai trong một"

Cả nước tổ chức từ 3 đến 5 trung tâm thi tốt nghiệp THPT (nếu là 3 trung tâm thì chia theo miền Bắc, miền Trung – Tây Nguyên, miền Nam; nếu là 5 trung tâm thì chia nhỏ hơn theo vùng), do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thành lập theo quyết định từng đợt, tổ chức thi thường xuyên (nhiều lần) trong năm khi thí sinh đăng ký đủ số lượng; kinh phí tổ chức do thí sinh chi trả.

Về cách tổ chức thi, mỗi phòng thi vẫn có 2 giám thị trong phòng và giám sát hành lang như trước đây; mỗi phòng thi có 1 đến 2 camera AI độ phân giải cao, bao quát được toàn bộ phòng thi, bảo đảm phòng chống gian lận trong thi cử đến từng học sinh. Dữ liệu camera sau khi thi sẽ được đưa vào ứng dụng VNeID (căn cước điện tử) của thí sinh, để sau này các trường đại học, cao đẳng hoặc các đơn vị tuyển dụng, các cơ quan nhà nước vẫn kiểm tra được đối với từng thí sinh. Mục tiêu là xây dựng lòng tin để không tạo ra những hình thức thi và xét tuyển khác gây ra nhiều hệ lụy.

Thí sinh đậu tốt nghiệp THPT thì được cấp Bằng tốt nghiệp THPT quốc gia do Bộ GDĐT

cấp; thí sinh không đậu được cấp Chứng nhận hoàn thành chương trình THPT do Sở GDĐT cấp và nếu muốn vẫn được tiếp tục thi để được cấp Bằng tốt nghiệp THPT quốc gia. Trong Bằng tốt nghiệp THPT quốc gia ghi điểm từng môn thi (tổ hợp thi) làm cơ sở cho các trường đại học, cao đẳng xét tuyển.

3.2. Phân luồng đào tạo nghề nghiệp và cấp bằng

a) Đối với học sinh THPT

- Thí sinh có Bằng tốt nghiệp THPT quốc gia do Bộ GDĐT cấp được xét tuyển vào học các trường đại học, cao đẳng; tốt nghiệp đại học được cấp bằng cử nhân, kỹ sư, bác sĩ… phù hợp với ngành nghề đào tạo như hiện nay.
- Thí sinh không đậu tốt nghiệp THPT, được cấp Chứng nhận hoàn thành chương trình THPT vẫn được xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng… bằng hình thức xét học bạ. Nhưng sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học được cấp bằng tốt nghiệp nghề nghiệp theo bậc nghề nghiệp như trước đây (từ bậc 1 đến bậc 7: bậc 1–2 tương ứng trung cấp, bậc 3–5 cao đẳng, bậc 6–7 đại học; hoặc có thể bổ sung bậc nghề cao cấp tương đương trình độ thạc sĩ).
- Tuy nhiên, một số chuyên ngành đặc biệt như Giáo dục, Y tế (trừ Điều dưỡng) không tuyển thí sinh chỉ có Chứng nhận hoàn thành chương trình THPT.

b) Đối với học sinh THCS

- Tiếp tục thực hiện loại hình các trường trung cấp, cao đẳng, cơ sở giáo dục thường xuyên (GDTX)…, kết hợp với thực hiện chương trình GDTX, tạo điều kiện cho học sinh lớp 9 vừa học nghề vừa hoàn thành chương trình GDTX như hiện nay [4], [5]. Sau khi tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng, người học được cấp bằng tốt nghiệp nghề nghiệp theo bậc nghề nghiệp (phù hợp với chương trình đào tạo); nếu hoàn thành chương trình GDTX thì vẫn được ứng tuyển liên thông lên các trình độ đào tạo cao hơn.
- Học sinh tốt nghiệp hệ GDTX, nếu có năng lực vẫn được tham gia thi tốt nghiệp THPT quốc gia; nếu đậu được cấp Bằng tốt nghiệp THPT quốc gia do Bộ GDĐT cấp và có cơ hội học đại học, cao đẳng như trên. Nếu không, học sinh được cấp Chứng nhận hoàn thành chương trình GDTX và tiếp tục học lên các bậc nghề cao hơn như học sinh có Chứng nhận hoàn thành chương trình THPT.

4. ƯU ĐIỂM VÀ HẠN CHẾ CỦA GIẢI PHÁP

(Sau khi đưa ra ý tưởng, tác giả sử dụng công cụ AI để phân tích ưu điểm và hạn chế của giải pháp; kết quả được trình bày dưới đây.)

4.1. Ưu điểm của giải pháp

a) Giữ mô hình "hai trong một" nhưng cải thiện chất lượng thay vì xóa bỏ

- **Tiếp nối ưu điểm đã được kiểm chứng:** Mô hình chung giúp giảm áp lực thi cử, tiết kiệm chi phí xã hội, tạo mặt bằng đánh giá thống nhất trên toàn quốc – phù hợp với điều kiện phân bố không đồng đều về nguồn lực giữa các vùng miền Việt Nam.
- **Định hướng "học thật, thi thật":** Nhấn mạnh đề thi phản ánh đúng trình độ thực tế, chống học lệch, học tủ – giải quyết gốc rễ tâm lý chỉ hướng vào kết quả thi thay vì phát triển năng lực

toàn diện.

b) Tổ chức thi nhiều đợt, linh hoạt về thời gian và địa điểm

- **Giảm áp lực tâm lý của một kỳ thi duy nhất:** Thí sinh có cơ hội thử lại, không "đặt tất cả vào một giỏ" – phù hợp với tâm lý lứa tuổi phổ thông.
- **Tối ưu nguồn lực và công bằng vùng miền:** Chia thành 3–5 trung tâm vùng giúp chuẩn hóa điều kiện tổ chức, nâng cao chất lượng giám sát thay vì phân tán về từng tỉnh.

c) Tăng cường minh bạch, trung thực với công nghệ

- **Giám sát bằng camera AI kết hợp lưu trữ trên VNeID:** Tạo dấu vết chứng minh lâu dài, tăng trách nhiệm và sự trung thực; dữ liệu gắn với căn cước điện tử giúp các đơn vị tuyển dụng, đào tạo sau này xác minh dễ dàng.
- **Xây dựng lại lòng tin xã hội:** Giải quyết một trong những bất cập cốt lõi được dư luận quan tâm – tính trung thực và công bằng của kỳ thi.

d) Phân luồng rõ ràng, mở lộ trình liên thông linh hoạt

- **Hai loại văn bằng/chứng nhận khác nhau nhưng đều có đường đi tiếp:** Bằng tốt nghiệp THPT quốc gia dùng để xét tuyển đại học, cao đẳng; Chứng nhận hoàn thành chương trình vẫn có thể học nghề, liên thông hoặc thi lại lấy bằng – tránh "giữa đường đứt gánh".
- **Không đóng cửa bất kỳ ai:** Ngay cả học sinh theo luồng GDTX, trung cấp nghề vẫn có quyền dự thi lấy Bằng tốt nghiệp THPT quốc gia nếu đủ năng lực – phù hợp tinh thần giáo dục mở, học tập suốt đời.
- **Phân định rõ chức năng:** Bậc đại học đào tạo học thuật; bậc nghề theo bậc năng lực (bậc 1–7) gắn với yêu cầu thị trường lao động – giải quyết tình trạng "chạy theo bằng cấp" thiếu định hướng nghề nghiệp.

e) Định hướng thay đổi nhận thức xã hội

- **Giải quyết gốc rễ quan niệm "chỉ có đại học là con đường duy nhất":** Khi mỗi lộ trình có cơ hội phát triển và liên thông bình đẳng, phân luồng diễn ra tự nhiên thay vì do áp lực hành chính.
- **Giữ các ngành đặc thù (Giáo dục, Y tế – trừ Điều dưỡng) chỉ tuyển thí sinh có Bằng tốt nghiệp THPT:** Bảo đảm chuẩn đầu vào những ngành ảnh hưởng trực tiếp đến cộng đồng, thể hiện trách nhiệm xã hội.

4.2. Hạn chế và thách thức cần giải quyết

a) Tổ chức và vận hành – chi phí, quy mô, tính khả thi

- **Kinh phí do thí sinh chi trả:** Có thể tạo gánh nặng cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, học sinh vùng sâu, vùng xa – làm gia tăng bất bình đẳng nếu không có chính sách hỗ trợ kèm theo.
- **3–5 trung tâm vùng:** Học sinh ở tỉnh xa trung tâm phải đi lại, sinh hoạt xa nhà – tăng chi phí và rủi ro, chưa thực sự khắc phục khó khăn về điều kiện địa lý.
- **Camera AI và lưu trữ VNeID trên quy mô hàng triệu thí sinh:** Yêu cầu hạ tầng công nghệ rất lớn, đầu tư ban đầu cao, bảo mật dữ liệu cá nhân chặt chẽ – hiện nay chưa có hệ thống quy mô tương đương trong giáo dục Việt Nam.

b) Thi "hai trong một" – vẫn tồn tại mâu thuẫn bản chất

- **Mục tiêu kép vốn có:** Xét tốt nghiệp đòi hỏi bao quát, phù hợp đa số; tuyển sinh đại học cần phân loại cao, phân biệt năng lực khác nhau – hai yêu cầu này khó hòa hợp trong cùng một đề thi.
- **Điểm từng môn/tổ hợp vẫn là cơ sở chính:** Dễ duy trì tư duy tính điểm, chạy theo thành tích số thay vì đánh giá năng lực toàn diện.

c) Phân luồng – thực tế chưa dễ thay đổi ngay

- **"Chứng nhận hoàn thành" vẫn bị coi là "thua kém":** Cho dù có lộ trình liên thông, tư duy xã hội hiện tại vẫn ưu tiên bằng cấp chính quy – cần thời gian và giải pháp đồng bộ để thay đổi nhận thức này.
- **Liên thông giữa các hệ thống còn rời rạc:** Việc công nhận tín chỉ, chuyển đổi kết quả giữa THPT – trung cấp – cao đẳng – đại học trong thực tế còn nhiều vướng mắc, chưa có quy trình thống nhất, dễ thực hiện.
- **Năng lực đào tạo nghề chưa đồng đều:** Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế về cơ sở vật chất, giáo viên, liên kết doanh nghiệp – nếu chất lượng chưa bảo đảm, phụ huynh và học sinh vẫn e dè lựa chọn.
- **Loại trừ một số ngành chưa đủ cơ sở:** Việc không cho người có Chứng nhận hoàn thành vào ngành Giáo dục, Y tế cần nghiên cứu thêm – liệu có công bằng nếu học sinh đủ năng lực nhưng vì điều kiện thi cử không thuận lợi mà bị loại trừ vĩnh viễn, dù có thể bù đắp kiến thức sau này?

d) Pháp lý và thực hiện đồng bộ

- **Cần sửa đổi, bổ sung quy chế hiện hành:** Quy định về văn bằng, bậc nghề, liên thông hiện có chưa hoàn toàn khớp với đề xuất bậc 1–7 và bậc tương đương thạc sĩ – cần đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.
- **Chưa đề cập giải pháp đồng bộ khác:** Phân luồng bền vững cần kết hợp cải cách tuyển sinh đại học, tư vấn hướng nghiệp sớm từ THCS, chính sách hỗ trợ học phí – nếu chỉ thay đổi kỳ thi thì hiệu quả sẽ bị hạn chế.

5. NHẬN ĐỊNH TỔNG HỢP

Bảng 1

Nhận định tổng hợp về giải pháp

Khía cạnh	Đánh giá
Tính đột phá	Cao – đi thẳng vào gốc rễ: trung thực thi cử, phân luồng tự nhiên, liên thông mở
Tính thực hiện ngay	Trung bình – cần chuẩn bị lớn về hạ tầng, kinh phí, pháp lý
Phù hợp chính sách hiện hành	Tương đồng với Nghị quyết số 71-NQ/TW [6], Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT về hướng nghiệp, phân luồng [7]

Bảng 1 (tiếp theo)

Khía cạnh	Đánh giá
Điểm mấu chốt thành công	Thay đổi tư duy xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, không chỉ điều chỉnh hình thức thi
Rủi ro chính	Chi phí làm tăng khoảng cách bất bình đẳng; công nghệ chưa kịp phủ hết vùng sâu; văn bằng phụ vẫn bị xem là "thứ cấp"

Kết luận: Giải pháp có tầm nhìn chiến lược, chạm đúng các nút thắt cốt lõi của giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay. Để triển khai thành công, cần bổ sung chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn, lộ trình đầu tư hạ tầng công nghệ, và nhất là nâng cao chất lượng và uy tín đào tạo nghề nghiệp – khi đó phân luồng thực sự tự vận động và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Nam (2025). Phân luồng giáo dục sau bậc trung học cơ sở ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp cân bằng giữa học nghề và học văn hóa. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (341).
2. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (59), 193–198.
3. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025"*.
4. Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014*.
5. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
6. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục*.

DANH MỤC TÁC GIẢ

Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2 206
Quách Quốc Cần 178
Hoàng Thị Cảnh 111
Lâm Trần Sơn Ngọc Thiên Chương 260
Dương Quang Đáng 13
Nguyễn Gia Đẳng 385
Nguyễn Thị Anh Đào 347
Cao Quốc Điện 5
Nguyễn Thị Ngọc Điệp 355
Nguyễn Thanh Dung 246
Nguyễn Ngọc Được 47
Cao Hoàng Em 477
Ủy ban nhân dân xã Óc Eo 92
Thái Trường Giang 304
Trịnh Ngọc Giang 131
Trương Hoàng Hân 260
Trường THPT Nguyễn Thần Hiến 203
Nguyễn Văn Hiệp 164, 376
Lưu Hoàng Hiếu 34
Võ Thanh Hoà 405
Huỳnh Thanh Hoàng 291
Phạm Quang Hợp 103
Huỳnh Vinh Huy 186
Nguyễn Minh Đăng Khôi 53, 74
Nguyễn Văn Ký 518
Trần Văn Kỹ 153
Đàm Thanh Lạc 169
Nguyễn Thị Hồng Lệ 230
Trần Thị Lệ 159
Trần Thị Thanh Liên 274
Nguyễn Thị Trúc Ly 279
Lại Thái Mạnh 331
Nguyễn Vũ Minh 310
Tạ Thu Năm 252
Giáp Bình Nga 53, 83
Võ Phương Nga 331
Nguyễn Trung Nhân 98
Vũ Thị Thanh Nhàn 497
Phan Thị Quỳnh Như 111, 385
Đinh Thị Hồng Nhung 65
Nguyễn Thanh Phong 321
Diệp Quốc Phục 432
Trần Thị Kim Phụng 460
Lê Trần Diễm Phương 368
Nguyễn Thị Nhã Phương 440
Nguyễn Minh Quân 22
Đỗ Vương Quốc 440
Lâm Thu Quỳnh 424
Võ Văn Rõ 505
Đặng Quang Sáng 269
Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn 194
Học viện Du lịch Mặt Trời (Sun Tourism Academy – STA) 41
Thái Hoàng Tân 153
Nguyễn Ngọc Thắm 296
Trần Phước Thạnh 119, 338
Huỳnh Ngọc Phương Thảo 385
Nguyễn Ngọc Thiều 447
Nguyễn Huỳnh Kim Thoa 316
Lê Tấn Thời 414
Trần Thị Thu 284
Trịnh Mộng Thu 512
Nguyễn Chí Thức 440
Trần Thị Xuân Thùy 485
Nguyễn Thị Cẩm Tiên 212
Lê Trung Tín 29
Nguyễn Ngọc Toàn 470
Hồ Thuỷ Triều 398
Trần Võ Trinh 239
Đỗ Quốc Tuấn 361
Nguyễn Thanh Tùng 460
Võ Thị Ngọc Tuyền 220

Dương Thị Xuân 146
Lê Thị Hải Yến 111
Nguyễn Thị Yến 490
Quách Thị Hải Yến 454

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030



Kỷ yếu tập hợp các bài tham luận của cán bộ quản lý, giáo viên các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường cao đẳng, đại học, chính quyền cấp xã và các nhà nghiên cứu về công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trên địa bàn tỉnh An Giang. Ngoài các báo cáo trình bày trực tiếp tại Hội thảo, các bài viết được sắp xếp theo năm nội dung trọng tâm: đánh giá thực trạng; đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục hướng nghiệp; gắn hướng nghiệp với nhu cầu nhân lực của tỉnh; liên kết nhà trường – gia đình – cơ sở giáo dục nghề nghiệp – doanh nghiệp; và đề xuất mục tiêu, giải pháp giai đoạn 2026–2030.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH AN GIANG
VIỆN NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG KHOA HỌC TÂM LÝ GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM
Đặc khu Phú Quốc, tháng 11 năm 2026